

Phụ lục 1

DANH MỤC NGUỒN NƯỚC SÔNG, SUỐI NỘI TỈNH (NGUỒN NƯỚC MẶT) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI (PHÍA TÂY QUẢNG NGÃI)

(Kèm theo Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
	I. Lưu vực sông Vu Gia																				
1	05	01									Sông Vu Gia	Sông Thu Bồn	40,5	1659525	544129	Ngọc Linh	1682775	534280	Xốp	420	Quyết định 205/QĐ-TTg
2	05	01	1_1								Không tên	Sông Vu Gia	1,48	1662131	543642	Ngọc Linh	1663021	544710	Ngọc Linh	1,07	
3	05	01	1_2								Đăk Ki	Sông Vu Gia	1,94	1662236	546409	Ngọc Linh	1663171	544755	Ngọc Linh	0,89	
4	05	01	1_3								Không tên	Sông Vu Gia	1	1663700	543963	Ngọc Linh	1663947	544898	Ngọc Linh	0,31	
5	05	01	1_4								Đăk Klia	Sông Vu Gia	1,25	1663577	545953	Ngọc Linh	1664055	544866	Ngọc Linh	1,3	
6	05	01	1_5								Đăk Dang	Sông Vu Gia	2,17	1663786	543268	Ngọc Linh	1664768	544893	Ngọc Linh	3,01	
7	05	01	1_5	01							Không tên	Đăk Dang	1,3	1664427	543109	Ngọc Linh	1664560	544319	Ngọc Linh	0,82	
8	05	01	1_5	02							Không tên	Đăk Dang	0,99	1664976	543511	Ngọc Linh	1664655	544394	Ngọc Linh	1,03	
9	05	01	1_6								Đăk Vay	Sông Vu Gia	2,39	1663834	546747	Ngọc Linh	1665182	545212	Ngọc Linh	1,64	
10	05	01	1_6	01							Vay Hải	Đăk Vay	0,66	1664280	547692	Ngọc Linh	1664345	547069	Ngọc Linh	0,52	
11	05	01	1_6	02							Không tên	Đăk Vay	0,54	1664334	545358	Ngọc Linh	1664842	545248	Ngọc Linh	0,34	
12	05	01	1_7								Đăk Song	Sông Vu Gia	1,94	1665995	543524	Ngọc Linh	1665200	545223	Ngọc Linh	1,66	
13	05	01	1_8								Đăk Dìl	Sông Vu Gia	0,74	1665990	546119	Ngọc Linh	1666034	545403	Ngọc Linh	0,28	
14	05	01	1_9								Không tên	Sông Vu Gia	0,95	1665935	544428	Ngọc Linh	1666426	545218	Ngọc Linh	0,72	
15	05	01	1_10								Đăk ác	Sông Vu Gia	0,73	1666442	545887	Ngọc Linh	1666450	545211	Ngọc Linh	0,43	
16	05	01	1_11								Không tên	Sông Vu Gia	0,91	1666512	544389	Ngọc Linh	1666947	545167	Ngọc Linh	0,46	
17	05	01	1_12								Đăk Dao	Sông Vu Gia	3,57	1666982	545172	Ngọc Linh	1665686	548330	Ngọc Linh	2,38	
18	05	01	1_12	01							Đăk Dao	Đăk Dao	0,45	1666010	546541	Ngọc Linh	1666415	546351	Ngọc Linh	0,44	
19	05	01	1_13								Đăk Ri	Sông Vu Gia	0,93	1667303	546032	Ngọc Linh	1667297	545123	Ngọc Linh	0,59	
20	05	01	1_14								Đăk Kon	Sông Vu Gia	2,35	1667210	543074	Ngọc Linh	1667530	545105	Ngọc Linh	2,06	
21	05	01	1_14	01							Không tên	Đăk Kon	0,77	1666483	543062	Ngọc Linh	1666974	543601	Ngọc Linh	0,82	
22	05	01	1_14	02							Không tên	Đăk Kon	0,81	1667481	544005	Ngọc Linh	1667171	544743	Ngọc Linh	0,76	
23	05	01	1_15								Đăk Sun	Sông Vu Gia	0,73	1667831	545694	Ngọc Linh	1668418	545320	Ngọc Linh	0,37	
24	05	01	1_16								Đăk Nai	Sông Vu Gia	3,94	1669688	542183	Ngọc Linh	1668610	545370	Ngọc Linh	7,6	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
25	05	01	1_16	01							Không tên	Đăk Nai	2,02	1670181	542559	Ngọc Linh	1668737	543741	Ngọc Linh	2,3	
26	05	01	1_16	02							Không tên	Đăk Nai	1,09	1668340	542868	Ngọc Linh	1668621	543869	Ngọc Linh	0,37	
27	05	01	1_16	03							Đăk Nai 1	Đăk Nai	1,52	1667456	543313	Ngọc Linh	1668500	544269	Ngọc Linh	1,62	
28	05	01	1_16	03	01						Không tên	Đăk Nai 1	2,13	1666920	542249	Ngọc Linh	1668080	543665	Ngọc Linh	0,95	
29	05	01	1_16	04							Không tên	Đăk Nai	1,09	1667875	544049	Ngọc Linh	1668480	544929	Ngọc Linh	0,86	
30	05	01	1_16	05							Đăk Mĩ	Đăk Nai	1,17	1669331	544408	Ngọc Linh	1668623	545271	Ngọc Linh	0,83	
31	05	01	1_17								Nước Đoan	Sông Vu Gia	5,51	1667797	549933	Ngọc Linh	1667797	549933	Ngọc Linh	12,92	
32	05	01	1_17	01							Đăk Pri	Nước Đoan	0,8	1668388	549041	Ngọc Linh	1668347	548315	Ngọc Linh	0,64	
33	05	01	1_17	02							Đăk Đâu	Nước Đoan	1,11	1669221	548376	Ngọc Linh	1668499	547573	Ngọc Linh	0,57	
34	05	01	1_17	03							Đăk Pắc	Nước Đoan	0,89	1668977	547251	Ngọc Linh	1668532	546569	Ngọc Linh	0,32	
35	05	01	1_17	04							Đăk Trang	Nước Đoan	4,94	1668525	546292	Ngọc Linh	1666571	550428	Ngọc Linh	4,45	
36	05	01	1_17	04	01						Không tên	Đăk Trang	0,94	1666408	550054	Ngọc Linh	1667254	549687	Ngọc Linh	2,01	
37	05	01	1_17	04	02						Không tên	Đăk Trang	0,9	1666894	548858	Ngọc Linh	1667460	548180	Ngọc Linh	0,85	
38	05	01	1_17	04	03						Không tên	Đăk Trang	0,61	1667435	547233	Ngọc Linh	1667989	547026	Ngọc Linh	0,73	
39	05	01	1_17	05							Đăk Pru	Nước Đoan	3,4	1666769	547305	Ngọc Linh	1666769	547306	Ngọc Linh	2,76	
40	05	01	1_18								Không tên	Sông Vu Gia	0,74	1669070	546453	Ngọc Linh	1669621	546005	Ngọc Linh	0,51	
41	05	01	1_19								Không tên	Sông Vu Gia	2,34	1669795	548154	Ngọc Linh	1670133	546079	Ngọc Linh	2,19	
42	05	01	1_19	01							Không tên	Sông Vu Gia	0,92	1669454	546695	Ngọc Linh	1670151	546138	Ngọc Linh	0,65	
43	05	01	1_20								Đăk Noi	Sông Vu Gia	2,23	1670675	544152	Ngọc Linh	1670162	545987	Ngọc Linh	1,88	
44	05	01	1_21								Đăk Nái	Sông Vu Gia	0,98	1671067	544956	Ngọc Linh	1670877	545869	Ngọc Linh	0,56	
45	05	01	1_22								Đăk Gia	Sông Vu Gia	1,35	1671506	544904	Ngọc Linh	1671070	546044	Ngọc Linh	0,63	
46	05	01	1_23								Đăk Rôm	Sông Vu Gia	7,4	1672161	550030	Ngọc Linh	1672162	550031	Ngọc Linh	25,24	
47	05	01	1_23	01							Không tên	Đăk Rôm	2,6	1672142	553149	Ngọc Linh	1672349	550833	Ngọc Linh	2,82	
48	05	01	1_23	01	01						Không tên	Không tên	0,9	1672552	552894	Ngọc Linh	1671804	552415	Ngọc Linh	0,67	
49	05	01	1_23	01	02						Không tên	Không tên	1,01	1672656	552607	Ngọc Linh	1671943	551918	Ngọc Linh	0,82	
50	05	01	1_23	02							Không tên	Đăk Rôm	3,2	1671996	549691	Ngọc Linh	1670915	552584	Ngọc Linh	3,55	
51	05	01	1_23	02	01						Không tên	Đăk Rôm	2,58	1670336	552218	Ngọc Linh	1671893	550381	Ngọc Linh	1,79	
52	05	01	1_23	03							Không tên	Đăk Rôm	0,76	1672629	549702	Ngọc Linh	1672040	549375	Ngọc Linh	0,42	
53	05	01	1_23	04							Không tên	Đăk Rôm	3,23	1671940	548729	Ngọc Linh	1669802	550446	Ngọc Linh	3,06	
54	05	01	1_23	04	01						Không tên	Đăk Rôm	1,11	1670070	550810	Ngọc Linh	1670767	549982	Ngọc Linh	0,57	
55	05	01	1_23	05							Suối Đăk Môm	Đăk Rôm	5,21	1671689	548173	Ngọc Linh	1668806	551753	Ngọc Linh	6,49	
56	05	01	1_23	05	01						Không tên	S. Nước Môn	0,51	1669110	551678	Ngọc Linh	1668798	551281	Ngọc Linh	0,13	
57	05	01	1_23	05	02						Không tên	S. Nước Môn	1,44	1669944	551541	Ngọc Linh	1669313	550320	Ngọc Linh	0,83	
58	05	01	1_23	05	03						Không tên	S. Nước Môn	0,63	1668992	549793	Ngọc Linh	1669595	549667	Ngọc Linh	0,35	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
59	05	01	1_23	05	04						Không tên	S. Nước Môn	1,08	1669427	548908	Ngọc Linh	1670292	549026	Ngọc Linh	0,86	
60	05	01	1_23	05	05						Không tên	S. Nước Môn	0,84	1670788	549613	Ngọc Linh	1670930	548801	Ngọc Linh	0,34	
61	05	01	1_23	05	06						Không tên	S. Nước Môn	0,62	1670657	548392	Ngọc Linh	1671250	548391	Ngọc Linh	0,28	
62	05	01	1_23	06							Đăk Mán	Đăk Rôm	1,33	1672550	549028	Ngọc Linh	1671893	547928	Ngọc Linh	0,7	
63	05	01	1_23	07							Không tên	Đăk Rôm	1,65	1670444	548146	Ngọc Linh	1671650	547449	Ngọc Linh	0,84	
64	05	01	1_23	08							Đăk Non	Đăk Rôm	1,13	1672535	547829	Ngọc Linh	1671648	547145	Ngọc Linh	0,52	
65	05	01	1_23	09							Túc Rong	Đăk Rôm	0,71	1671161	547475	Ngọc Linh	1671606	546942	Ngọc Linh	0,33	
66	05	01	1_24								Đăk Nhoai	Sông Vu Gia	2,32	1671383	544521	Ngọc Linh	1671975	546572	Ngọc Linh	2,78	
67	05	01	1_24	01							Không tên	Đăk Nhoi	1,59	1672771	544746	Ngọc Linh	1672008	545910	Ngọc Linh	0,56	
68	05	01	1_25								Đăk Hy	Sông Vu Gia	1,94	1673051	544970	Ngọc Linh	1672373	546558	Ngọc Linh	1	
69	05	01	1_26								Xa Xát	Sông Vu Gia	1,74	1673365	544992	Ngọc Linh	1672963	546594	Ngọc Linh	0,65	
70	05	01	1_27								Không tên	Sông Vu Gia	1,3	1674160	547553	Ngọc Linh	1673500	546670	Ngọc Linh	1,48	
71	05	01	1_27	01							Không tên	Sông Vu Gia	0,99	1674218	547975	Ngọc Linh	1673624	547326	Ngọc Linh	0,37	
72	05	01	1_27	02							Không tên	Sông Vu Gia	1,14	1672952	548052	Ngọc Linh	1673534	547104	Ngọc Linh	0,59	
73	05	01	1_28								Đăk ven	Sông Vu Gia	1,33	1673790	545342	Ngọc Linh	1673878	546408	Ngọc Linh	0,8	
74	05	01	1_29								Không tên	Sông Vu Gia	0,63	1674281	545775	Ngọc Linh	1674499	546336	Ngọc Linh	0,37	
75	05	01	1_30								Đăk Chia	Sông Vu Gia	8,27	1675003	545649	Ngọc Linh	1676274	552327	Ngọc Linh	46,7	
76	05	01	1_30	01							Không tên	Đăk Chia	1,59	1675434	553293	Ngọc Linh	1675674	551924	Ngọc Linh	1,11	
77	05	01	1_30	02							Không tên	Đăk Chia	0,75	1676238	551836	Ngọc Linh	1675533	551700	Ngọc Linh	0,64	
78	05	01	1_30	03							Không tên	Đăk Chia	2,37	1673613	552633	Ngọc Linh	1675265	551327	Ngọc Linh	3,76	
79	05	01	1_30	03	01						Không tên	Đăk Mát	0,67	1673952	552116	Ngọc Linh	1674553	552088	Ngọc Linh	0,56	
80	05	01	1_30	03	02						Không tên	Đăk Chia	2,31	1673831	553178	Ngọc Linh	1675021	551628	Ngọc Linh	1,7	
81	05	01	1_30	03	02	01					Không tên	Đăk Chia	0,56	1674075	553385	Ngọc Linh	1674341	552922	Ngọc Linh	0,67	
82	05	01	1_30	03	03						Không tên	Đăk Chia	1	1674328	551276	Ngọc Linh	1675216	551369	Ngọc Linh	1,32	
83	05	01	1_30	04							Không tên	Đăk Chia	0,95	1674411	550691	Ngọc Linh	1675251	550505	Ngọc Linh	1,37	
84	05	01	1_30	05							Không tên	Đăk Chia	1,83	1673969	550086	Ngọc Linh	1675674	549703	Ngọc Linh	1,67	
85	05	01	1_30	05	01						Không tên	Đăk Chia	0,95	1673666	549844	Ngọc Linh	1674586	549798	Ngọc Linh	0,52	
86	05	01	1_30	06							Không tên	Đăk Chia	2,05	1673956	549495	Ngọc Linh	1675801	549442	Ngọc Linh	0,98	
87	05	01	1_30	07							Không tên	Đăk Chia	1,75	1676709	550802	Ngọc Linh	1675831	549361	Ngọc Linh	2,8	
88	05	01	1_30	07	01						Không tên	Đăk Chia	1,01	1677312	550168	Ngọc Linh	1676359	550218	Ngọc Linh	0,79	
89	05	01	1_30	08							Không tên	Đăk Mát	2,3	1673913	548957	Ngọc Linh	1675964	549039	Ngọc Linh	1,85	
90	05	01	1_30	08	01						Không tên	Đăk Mát	1,11	1674511	548049	Ngọc Linh	1675074	548806	Ngọc Linh	0,68	
91	05	01	1_30	08	02						Không tên	Đăk Mát	0,81	1674606	549177	Ngọc Linh	1675294	548880	Ngọc Linh	0,35	
92	05	01	1_30	09							Không tên	Đăk Chia	1,61	1677280	549858	Ngọc Linh	1676009	548967	Ngọc Linh	2,16	
93	05	01	1_30	09	01						Không tên	Sông Vu Gia	2	1677321	549209	Ngọc Linh	1677315	549207	Ngọc Linh	1,28	
94	05	01	1_30	09	01	01					Không tên	Đăk Méc	1,03	1677488	549152	Ngọc Linh	1678178	548432	Ngọc Linh	0,96	
95	05	01	1_30	10							Không tên	Đăk Chia	0,59	1675558	548504	Ngọc Linh	1676026	548831	Ngọc Linh	0,28	
96	05	01	1_30	11							Không tên	Đăk Chia	0,89	1676784	548486	Ngọc Linh	1676033	548781	Ngọc Linh	1,01	
97	05	01	1_30	12							Không tên	Đăk Chia	1,46	1677390	547701	Ngọc Linh	1676114	547951	Ngọc Linh	1,53	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
98	05	01	1_30	12	01						Không tên	Đăk Chia	0,51	1677394	547234	Ngọc Linh	1677050	547540	Ngọc Linh	0,33	
99	05	01	1_30	12	02						Không tên	Đăk Chia	0,92	1677187	548057	Ngọc Linh	1676343	547830	Ngọc Linh	0,56	
100	05	01	1_30	13							Không tên	Đăk Chia	0,61	1675209	547861	Ngọc Linh	1675764	547693	Ngọc Linh	0,44	
101	05	01	1_30	14							Không tên	Đăk Chia	1,35	1676992	547096	Ngọc Linh	1675767	547521	Ngọc Linh	1,13	
102	05	01	1_30	15							Không tên	Đăk Chia	1,37	1674758	547535	Ngọc Linh	1675757	546851	Ngọc Linh	0,76	
103	05	01	1_30	16							Không tên	Đăk Chia	1,6	1677241	546772	Ngọc Linh	1675779	546290	Ngọc Linh	1,1	
104	05	01	1_30	17							Đăk Mát	Đăk Chia	2,15	1677416	545652	Ngọc Linh	1675587	545872	Ngọc Linh	20,25	
105	05	01	1_30	17	01						Đăk Mec	Đăk Mát	4,77	1677416	545652	Ngọc Linh	1681035	544164	Ngọc Linh	13,3	
106	05	01	1_30	17	01	01					Không tên	Đăk Méc	1,14	1680051	545115	Ngọc Linh	1681173	545091	Ngọc Linh	0,75	
107	05	01	1_30	17	01	02					Không tên	Đăk Méc	4,22	1679981	544418	Ngọc Linh	1679282	545545	Ngọc Linh	3,45	
108	05	01	1_30	17	01	02	01				Không tên	Đăk Méc	0,95	1681720	545700	Ngọc Linh	1680796	545699	Ngọc Linh	0,37	
109	05	01	1_30	17	01	02	02				Không tên	Đăk Méc	1,2	1681607	546056	Ngọc Linh	1680455	545877	Ngọc Linh	0,72	
110	05	01	1_30	17	01	03					Không tên	Đăk Méc	2,5	1679751	547058	Ngọc Linh	1678379	545884	Ngọc Linh	3,5	
111	05	01	1_30	17	01	03	01				Không tên	Đăk Méc	0,83	1678403	547476	Ngọc Linh	1679086	547031	Ngọc Linh	0,55	
112	05	01	1_30	17	01	03	02				Không tên	Đăk Méc	1,12	1677874	546878	Ngọc Linh	1678433	545947	Ngọc Linh	1,03	
113	05	01	1_30	17	01	04					Không tên	Đăk Méc	3,71	1677544	545622	Ngọc Linh	1680272	543686	Ngọc Linh	4,7	
114	05	01	1_30	17	01	04	01				Không tên	Đăk Méc	1,05	1678293	545112	Ngọc Linh	1678844	544300	Ngọc Linh	0,56	
115	05	01	1_30	17	01	05					Không tên	Đăk Méc	1,71	1677529	545626	Ngọc Linh	1677798	543976	Ngọc Linh	0,84	
116	05	01	1_30	17	02						Không tên	Đăk Mát	1,02	1677235	544767	Ngọc Linh	1676980	545654	Ngọc Linh	0,37	
117	05	01	1_30	17	03						Không tên	Đăk Mát	0,97	1677335	546456	Ngọc Linh	1676954	545676	Ngọc Linh	0,54	
118	05	01	1_30	17	04						Không tên	Đăk Mát	1,8	1676367	543839	Ngọc Linh	1676457	545578	Ngọc Linh	1,77	
119	05	01	1_30	17	04	01					Không tên	Đăk Mát	0,8	1676815	543866	Ngọc Linh	1676362	544492	Ngọc Linh	0,64	
120	05	01	1_30	17	04	02					Không tên	Đăk Mát	0,98	1676887	544682	Ngọc Linh	1676463	545511	Ngọc Linh	0,35	
121	05	01	1_30	17	05						Không tên	Đăk Mát	0,95	1676057	544831	Ngọc Linh	1676396	545654	Ngọc Linh	0,42	
122	05	01	1_31								Đăk Klê	Sông Vu Gia	0,83	1674174	545582	Ngọc Linh	1674963	545590	Ngọc Linh	0,42	
123	05	01	1_32								Đăk Tam	Sông Vu Gia	1,29	1673892	544886	Ngọc Linh	1674978	545443	Ngọc Linh	0,78	
124	05	01	1_33								Không tên	Sông Vu Gia	0,96	1675716	544214	Ngọc Linh	1675166	544888	Ngọc Linh	0,8	
125	05	01	1_34								Đăk Klong	Sông Vu Gia	0,75	1674308	544825	Ngọc Linh	1674941	544473	Ngọc Linh	0,29	
126	05	01	1_35								Đăk Klăn	Sông Vu Gia	1,55	1673583	544395	Ngọc Linh	1674978	544016	Ngọc Linh	0,82	
127	05	01	1_36								Đăk Pông	Sông Vu Gia	2,46	1672934	543097	Ngọc Linh	1674989	543713	Ngọc Linh	2,19	
128	05	01	1_36	01							Không tên	Đăk Pông	1,23	1672976	543961	Ngọc Linh	1674166	543760	Ngọc Linh	0,67	
129	05	01	1_36	02							Tầm Tuông	Đăk Pông	0,74	1674259	543350	Ngọc Linh	1674875	543723	Ngọc Linh	0,29	
130	05	01	1_37								Tầm Tóc	Sông Vu Gia	1,04	1674194	543075	Ngọc Linh	1675105	543401	Ngọc Linh	0,75	
131	05	01	1_38								Không tên	Sông Vu Gia	0,94	1676027	543260	Ngọc Linh	1675159	543420	Ngọc Linh	0,72	
132	05	01	1_39								Đăk Pô	Sông Vu Gia	2,55	1672870	542443	Ngọc Linh	1675296	542518	Ngọc Linh	3,26	
133	05	01	1_39	01							Đăk Pi	Đăk Pô	1,78	1673038	541793	Ngọc Linh	1674503	542383	Ngọc Linh	0,91	
134	05	01	1_39	02							Không tên	Đăk Pô	1	1673891	542837	Ngọc Linh	1674809	542499	Ngọc Linh	0,58	
135	05	01	1_40								Đăk Đoan	Sông Vu Gia	1,05	1674613	541819	Ngọc Linh	1675415	542399	Ngọc Linh	0,48	
136	05	01	1_41								Đăk Tam Heo	Sông Vu Gia	4,79	1671765	540670	Xốp	1675696	542091	Ngọc Linh	6,39	
137	05	01	1_41	02							Không Tên	Đăk Tam Heo	1,92	1671656	541911	Xốp	1673033	540987	Ngọc Linh	1,19	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
138	05	01	1_41	01							Không Tên	Đăk Tam Heo	0,5	1672462	541193	Xốp	1672892	540974	Xốp	0,26	
139	05	01	1_42								Đăk Cái	Sông Vu Gia	1,88	1676530	543225	Xốp	1675997	541898	Xốp	3,38	
140	05	01	1_42	01							Không tên	Đăk Cái	1,68	1678217	542959	Xốp	1676763	542624	Xốp	1,36	
141	05	01	1_42	02							Không Tên	Đăk Cái	0,75	1677322	541851	Xốp	1676688	542239	Xốp	0,33	
142	05	01	1_43								Không Tên	Sông Vu Gia	1,78	1676335	540829	Xốp	1677937	541476	Xốp	1,59	
143	05	01	1_44								Không Tên	Sông Vu Gia	1,97	1674595	540258	Xốp	1676309	540574	Xốp	1,65	
144	05	01	1_44	01							Không Tên	Không Tên	0,69	1674926	540134	Xốp	1675498	540458	Xốp	0,37	
145	05	01	1_45								Không Tên	Sông Vu Gia	1,02	1675671	539899	Xốp	1676522	540281	Xốp	0,86	
146	05	01	1_46								Không Tên	Sông Vu Gia	0,95	1675662	539685	Xốp	1676474	540048	Xốp	72	
147	05	01	1_47								Không Tên	Sông Vu Gia	0,74	1677375	539816	Xốp	1676904	539396	Xốp	0,53	
148	05	01	1_48								Đăk Hen	Sông Vu Gia	2,27	1675092	539335	Xốp	1676966	539321	Xốp	2,35	
149	05	01	1_48	01							Đăk Nhoi	Đăk Hen	0,92	1675936	539162	Xốp	1676737	539126	Xốp	0,83	
150	05	01	1_49								Không Tên	Sông Vu Gia	1,01	1676601	538384	Xốp	1677403	538872	Xốp	3,77	
151	05	01	1_49	01							Đăk Lang	Không Tên	2,15	1677370	536553	Xốp	1677135	538640	Xốp	2,81	
152	05	01	1_49	01	01						Không Tên	Đăk Lang	0,67	1676699	536895	Xốp	1677130	537377	Xốp	0,66	
153	05	01	1_49	01	02						Không Tên	Đăk Lang	0,51	1677371	537130	Xốp	1677164	537591	Xốp	0,41	
154	05	01	1_49	01	03						Không Tên	Đăk Lang	0,96	1676529	537186	Xốp	1677177	537847	Xốp	0,99	
155	05	01	1_50								Đăk Thêu Phen	Sông Vu Gia	2,6	1679221	539765	Xốp	1677781	538442	Xốp	3,06	
156	05	01	1_50	01							Nước Tam Brot	Đăk Thêu Phen	0,57	1678397	540409	Xốp	1678381	539852	Xốp	0,53	
157	05	01	1_51								Nước Tam Rai	Sông Vu Gia	0,97	1678967	538192	Xốp	1678257	538002	Xốp	0,57	
158	05	01	1_52								Cung Ray	Sông Vu Gia	0,88	1678860	537343	Xốp	1678272	536835	Xốp	0,76	
159	05	01	1_53								Đăk Đoàn	Sông Vu Gia	3,15	1681729	538309	Xốp	1679009	537296	Xốp	7	
160	05	01	1_53	01							Không Tên	Đăk Đoàn	2,54	1679514	537800	Xốp	1681398	539282	Xốp	4,91	
161	05	01	1_53	01	01						Không Tên	Sông Vu Gia	1,8	1680288	538255	Xốp	1681166	539694	Xốp	1,04	
162	05	01	1_53	01	02						Không Tên	Sông Vu Gia	1,55	1679638	538020	Xốp	1680283	539390	Xốp	1,33	
163	05	01	1_54								Không Tên	Sông Vu Gia	2,78	1681653	537370	Xốp	1679307	536889	Xốp	2,48	
164	05	01	1_54	01							Đăk Chrôi	Không Tên	1,04	1680724	537089	Xốp	1681663	536957	Xốp	0,86	
165	05	01	1_55								Đăk Rao	Sông Vu Gia	1,11	1679729	536164	Xốp	1680564	535656	Xốp	1,28	
166	05	01	1_55	01							Đăk Tam Du	Đăk Rao	1,22	1679950	536230	Xốp	1681116	536064	Xốp	0,84	
167	05	01	1_56								Đăk Sun	Sông Vu Gia	0,78	1679481	535763	Xốp	1678747	535953	Xốp	0,64	
168	05	01	1_57								Đăk Hai	Sông Vu Gia	1	1678472	535345	Xốp	1679449	535440	Xốp	1,48	
169	05	01	1_57	01							Đăk Ấu	Đăk Hai	1,08	1679054	535431	Xốp	1678172	535906	Xốp	0,95	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
170	05	01	1_58								Đăk Nhíp	Sông Vu Gia	0,88	1679455	535262	Xốp	1680300	535320	Xốp	0,63	
171	05	01	1_59								Đăk Bri	Sông Vu Gia	0,67	1678407	534517	Xốp	1679009	534263	Xốp	0,54	
172	05	01	1_60								Đăk Nức	Sông Vu Gia	0,77	1679120	534164	Xốp	1679779	534023	Xốp	0,64	
173	05	01	1_60	01							Đăk Bnai	Đăk Nức	0,96	1679954	534456	Xốp	1679145	534228	Xốp	0,43	
174	05	01	1_61								Đăk Roner	Sông Vu Gia	10,67	1675118	536265	Xốp	1675118	536265	Xốp	24,59	
175	05	01	1_61	01							Đăk Roner	Đăk Roner	2,94	1674684	537005	Xốp	1672507	538728	Xốp	2,17	
176	05	01	1_61	01	01						Không Tên	Đăk Roner	0,98	1673090	537311	Xốp	1674042	537304	Xốp	0,67	
177	05	01	1_61	02							Không Tên	Đăk Roner	0,85	1674015	537043	Xốp	1674789	536763	Xốp	0,38	
178	05	01	1_61	03							Không Tên	Đăk Roner	0,68	1674211	536416	Xốp	1674870	536529	Xốp	0,35	
179	05	01	1_61	04							Không Tên	Đăk Roner	1,42	1673922	535775	Xốp	1675032	536309	Xốp	0,79	
180	05	01	1_61	05							Không Tên	Đăk Roner	1,12	1674248	535634	Xốp	1675244	536063	Xốp	0,58	
181	05	01	1_61	06							Không Tên	Đăk Roner	0,63	1674855	535253	Xốp	1675391	535507	Xốp	0,36	
182	05	01	1_61	07							Không Tên	Đăk Roner	0,53	1675606	534799	Xốp	1676077	534971	Xốp	0,27	
183	05	01	1_61	08							Không Tên	Đăk Roner	0,57	1675748	534332	Xốp	1676260	534547	Xốp	0,42	
184	05	01	1_61	09							Không Tên	Đăk Roner	1,08	1676825	535309	Xốp	1676299	534470	Xốp	0,77	
185	05	01	1_61	10							Không Tên	Đăk Roner	0,71	1675857	534052	Xốp	1676519	534241	Xốp	0,57	
186	05	01	1_61	11							Không Tên	Đăk Roner	0,91	1677487	533759	Xốp	1676671	533422	Xốp	0,56	
187	05	01	1_61	12							Không Tên	Đăk Roner	0,8	1677774	534427	Xốp	1677575	533725	Xốp	0,47	
188	05	01	1_61	13							Không Tên	Đăk Roner	0,62	1678480	534005	Xốp	1678854	533516	Xốp	0,61	
189	05	01	1_62								Không Tên	Sông Vu Gia	2,17	1680054	531891	Xốp	1680891	530520	Xốp	1,39	
190	05	01	1_63								Không Tên	Sông Vu Gia	0,92	1680188	531958	Xốp	1680927	531426	Xốp	0,44	
191	05	01	1_64								Không Tên	Sông Vu Gia	2,82	1682472	530952	Xốp	1680432	532385	Xốp	3,4	
192	05	01	1_64	01							Không Tên	Sông Vu Gia	1,63	1681753	531339	Xốp	1682783	530177	Xốp	0,92	
193	05	01	1_65								Không Tên	Sông Vu Gia	1,21	1679872	533601	Xốp	1681011	533519	Xốp	1,16	
194	05	01	1_65	01							Không Tên	Sông Vu Gia	0,97	1680273	533976	Xốp	1680954	533501	Xốp	0,62	
195	05	01	1_66								Đăk Jun	Sông Vu Gia	1,53	1680769	535316	Xốp	1681210	533978	Xốp	1,6	
196	05	01	01								Sông Đăk Công	Sông Vu Gia	22,26	1667978	540172	Xốp	1679842	531932	Xốp	140	Quyết định 605/QĐ-BNNMT Tên khác: Sông Đăk Krin
197	05	01	01	1_1							Đăk Hoi	Sông Đăk Công	5,48	1667966	540196	Xốp	1663738	541333	Xốp	9,07	
198	05	01	01	1_1	01						Đăk DĐc	Đăk Hoi	0,87	1663640	541891	Xốp	1664355	542051	Xốp	0,22	
199	05	01	01	1_1	02						Nước Cheng	Đăk Hoi	1,41	1665812	542018	Xốp	1666425	540945	Xốp	0,74	
200	05	01	01	1_1	03						Không Tên	Đăk Hoi	2,45	1664453	541019	Xốp	1666506	540749	Xốp	2,01	
201	05	01	01	1_1	03	01					Không Tên	Đăk Hoi	0,56	1664422	541536	Xốp	1664835	541346	Xốp	0,67	
202	05	01	01	1_1	04						Đăk Rghi	Đăk Hoi	0,63	1667168	541228	Xốp	1666966	540637	Xốp	0,44	
203	05	01	01	1_1	05						Không Tên	Đăk Hoi	1,66	1665875	539756	Xốp	1667292	540396	Xốp	2,59	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
204	05	01	01	1_1	05	01					Không Tên	Đăk Hoi	0,69	1666316	539796	Xốp	1666770	540304	Xốp	0,52	
205	05	01	01	1_1	06						Không Tên	Đăk Hoi	1,14	1666471	539627	Xốp	1667369	540300	Xốp	1,67	
206	05	01	01	1_1	06	01					Không Tên	Đăk Hoi	1,16	1666728	539233	Xốp	1667116	540141	Xốp	0,82	
207	05	01	01	1_2							Nước chen	Sông Đăk Công	1,21	1668506	541047	Xốp	1668039	540026	Xốp	3,07	
208	05	01	01	1_2	01						Nước chreng	Nước chen	2,08	1669975	541431	Xốp	1668470	540532	Xốp	2,26	
209	05	01	01	1_2	01	01					Nước Lua	Nước chreng	1,41	1670575	540960	Xốp	1669280	540718	Xốp	1,26	
210	05	01	01	1_3							Không Tên	Sông Đăk Công	1,3	1667464	538857	Xốp	1668106	539882	Xốp	2,03	
211	05	01	01	1_3	01						Không Tên	Sông Đăk Công	1,03	1667327	539059	Xốp	1667972	539765	Xốp	0,47	
212	05	01	01	1_3	02						Không Tên	Sông Đăk Công	1,42	1667123	539166	Xốp	1668031	539823	Xốp	0,76	
213	05	01	01	1_4							Nước Blui	Sông Đăk Công	1,49	1670294	540135	Xốp	1669299	539061	Xốp	0,66	
214	05	01	01	1_5							Không Tên	Sông Đăk Công	1,74	1667741	538626	Xốp	1669345	538943	Xốp	0,94	
215	05	01	01	1_6							Nước Lướt	Sông Đăk Công	0,91	1669185	537967	Xốp	1669752	538607	Xốp	0,32	
216	05	01	01	1_7							Nước Vãn Bích	Sông Đăk Công	0,9	1669529	537857	Xốp	1669954	538587	Xốp	0,44	
217	05	01	01	1_8							Đăk Tua	Sông Đăk Công	1,63	1670506	540007	Xốp	1670069	538545	Xốp	1,26	
218	05	01	01	1_8	01						Nước La	Đăk Tua	0,62	1670562	539337	Xốp	1670142	538911	Xốp	0,38	
219	05	01	01	1_9							Nước Lát	Sông Đăk Công	2,35	1671549	539841	Xốp	1670239	538393	Xốp	1,58	
220	05	01	01	1_9	01						Nước Rang	Nước Lát	1,67	1671902	539509	Xốp	1670622	538766	Xốp	0,69	
221	05	01	01	1_10							Nước Sor	Sông Đăk Công	0,62	1670970	538165	Xốp	1670365	538214	Xốp	0,66	
222	05	01	01	1_11							Nước Rieng Chiêng	Sông Đăk Công	0,89	1671356	537901	Xốp	1670727	537331	Xốp	0,68	
223	05	01	01	1_12							Nước su măn	Sông Đăk Công	1,02	1670133	537270	Xốp	1670887	536925	Xốp	0,63	
224	05	01	01	1_13							Nước Suap	Sông Đăk Công	0,87	1671627	537371	Xốp	1671296	536643	Xốp	0,73	
225	05	01	01	1_14							Nước Hao	Sông Đăk Công	0,58	1671924	536479	Xốp	1671373	536465	Xốp	0,57	
226	05	01	01	1_15							Không Tên	Sông Đăk Công	0,9	1671641	535210	Xốp	1670872	535432	Xốp	0,62	
227	05	01	01	1_16							Nước Luôn	Sông Đăk Công	1,18	1673173	535482	Xốp	1672301	534713	Xốp	1,34	
228	05	01	01	1_17							Suối Nước Dùi	Sông Đăk Công	2,05	1673859	535006	Xốp	1673610	533265	Xốp	1,7	
229	05	01	01	1_17	01						Không Tên	Suối Nước Dùi	0,62	1674591	533692	Xốp	1674017	533882	Xốp	0,57	
230	05	01	01	1_18							Đăk Plao	Sông Đăk Công	1,13	1674591	533229	Xốp	1673635	532768	Xốp	0,88	
231	05	01	01	1_19							Đăk TĐt	Sông Đăk Công	0,76	1674355	532666	Xốp	1673652	532644	Xốp	0,64	
232	05	01	01	01							Sông Đăk Chăng	Sông Đăk Công	11,37	1665005	537479	Xốp	1673497	531926	Xốp	65,77	Quyết định 605/QĐ-BNNMT

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
233	05	01	01	01	01						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,85	1665012	537477	Xốp	1664964	537515	Xốp	0,67	
234	05	01	01	01	01	01					Không Tên	Sông Đăk Chăng	2,2	1664592	539502	Xốp	1664757	537599	Xốp	3,9	
235	05	01	01	01	01	01	01				Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,07	1663546	538148	Xốp	1664356	538236	Xốp	2,85	
236	05	01	01	01	01	01	01	01			Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,69	1663693	539033	Xốp	1663910	538430	Xốp	0,46	
237	05	01	01	01	01	01	01	02			Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,03	1664013	539372	Xốp	1663971	538415	Xốp	0,84	
238	05	01	01	01	02						Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,74	1665190	538151	Xốp	1665033	537455	Xốp	0,15	
239	05	01	01	01	03						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,89	1664994	539133	Xốp	1665527	537340	Xốp	1,83	
240	05	01	01	01	03	01					Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,9	1665534	538718	Xốp	1665431	537896	Xốp	0,31	
241	05	01	01	01	04	01					Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,96	1666804	538014	Xốp	1666005	537537	Xốp	0,66	
242	05	01	01	01	04						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,35	1666202	538297	Xốp	1665924	537089	Xốp	1,67	
243	05	01	01	01	05						Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,61	1665900	536262	Xốp	1666435	536544	Xốp	0,63	
244	05	01	01	01	06						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,36	1666919	537673	Xốp	1666656	536423	Xốp	1,05	
245	05	01	01	01	07						Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,65	1666312	536113	Xốp	1666884	536202	Xốp	0,49	
246	05	01	01	01	08						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,45	1667717	537162	Xốp	1666926	536173	Xốp	1,15	
247	05	01	01	01	09						Nước Móc	Sông Đăk Chăng	0,66	1666733	535546	Xốp	1667266	535923	Xốp	0,72	
248	05	01	01	01	10						Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,21	1668194	536616	Xốp	1667443	535842	Xốp	1,57	
249	05	01	01	01	11						Nước chấm lan	Sông Đăk Chăng	0,71	1668162	536060	Xốp	1667724	535518	Xốp	0,62	
250	05	01	01	01	12						Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,71	1667084	535326	Xốp	1667768	535338	Xốp	0,4	
251	05	01	01	01	13						Đăk Măng	Sông Đăk Chăng	1,24	1668959	535751	Xốp	1668597	534605	Xốp	1,2	
252	05	01	01	01	14						Không Tên	Sông Đăk Chăng	6,22	1666153	534330	Xốp	1666153	534330	Xốp	10,3	
253	05	01	01	01	14	01					Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,64	1663553	535237	Xốp	1665023	534829	Xốp	1,4	
254	05	01	01	01	14	02					Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,79	1664966	535532	Xốp	1665081	534807	Xốp	0,96	
255	05	01	01	01	14	03					Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,75	1665210	533996	Xốp	1665857	534284	Xốp	0,46	
256	05	01	01	01	14	04					Không Tên	Sông Đăk Chăng	1,24	1665695	535334	Xốp	1666153	534330	Xốp	1,02	
257	05	01	01	01	14	05					Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,8	1665906	533456	Xốp	1666344	534041	Xốp	0,31	
258	05	01	01	01	15						Không Tên	Sông Đăk Chăng	0,95	1669953	534398	Xốp	1670157	533514	Xốp	0,61	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
259	05	01	01	01	16						Đăk pluc	Sông Đăk Chăng	1,29	1670503	534716	Xốp	1670333	533485	Xốp	1,19	
260	05	01	01	01	16	01					Đăk Nai	Đăk pluc	1,14	1671180	534319	Xốp	1670326	533607	Xốp	0,82	
261	05	01	01	01	17						Đăk Năng	Sông Đăk Chăng	0,73	1671061	533781	Xốp	1670484	533406	Xốp	0,66	
262	05	01	01	01	18						Đăk Thi Ang	Đăk Chăng	5,08	1667262	531144	Xốp	1671241	532629	Xốp	21,4	
263	05	01	01	01	18	01					Đăk Thiang Mek	Đăk Thi Ang	6,63	1664670	532264	Xốp	1664669	532265	Xốp	13,29	
264	05	01	01	01	18	01	01				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,7	1662838	533951	Xốp	1663492	533847	Xốp	0,31	
265	05	01	01	01	18	01	02				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,82	1663690	534317	Xốp	1663625	533675	Xốp	0,53	
266	05	01	01	01	18	01	03				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,85	1664331	534104	Xốp	1663678	533580	Xốp	0,38	
267	05	01	01	01	18	01	04				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,71	1663049	533636	Xốp	1663687	533475	Xốp	0,46	
268	05	01	01	01	18	01	05				Không Tên	Đăk Thiang Mek	1,56	1663046	532579	Xốp	1664386	532316	Xốp	1,23	
269	05	01	01	01	18	01	06				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,87	1664520	533085	Xốp	1664669	532265	Xốp	0,82	
270	05	01	01	01	18	01	07				Không Tên	Đăk Thiang Mek	1,48	1666033	532719	Xốp	1664775	532198	Xốp	1,3	
271	05	01	01	01	18	01	08				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,61	1665776	532089	Xốp	1665728	531489	Xốp	0,59	
272	05	01	01	01	18	01	09				Không Tên	Đăk Thiang Mek	0,87	1667066	532375	Xốp	1667018	531577	Xốp	0,76	
273	05	01	01	01	18	02					Không Tên	Đăk Thi Ang	0,7	1667479	531940	Xốp	1668001	531496	Xốp	0,52	
274	05	01	01	01	18	03					Không Tên	Đăk Thi Ang	0,89	1669203	530609	Xốp	1668785	531328	Xốp	0,52	
275	05	01	01	01	18	04					Không Tên	Đăk Thi Ang	0,79	1669884	531119	Xốp	1669418	531684	Xốp	0,64	
276	05	01	01	01	18	05					Không Tên	Đăk Thi Ang	1,51	1671323	531224	Xốp	1670539	532430	Xốp	0,61	
277	05	01	01	01	19						Không Tên	Đăk Chăng	1,01	1671699	533403	Xốp	1671697	532451	Xốp	0,93	
278	05	01	01	01	20						Không Tên	Đăk Chăng	0,8	1672080	533269	Xốp	1672061	532587	Xốp	0,77	
279	05	01	01	01	21						Không Tên	Đăk Chăng	1,37	1671944	531346	Xốp	1672694	532290	Xốp	0,9	
280	05	01	01	01	22						Không Tên	Đăk Chăng	1,19	1672230	531144	Xốp	1672780	532155	Xốp	0,85	
281	05	01	01	02							Không Tên	Đăk Công	0,54	1674310	531717	Xốp	1673882	531406	Xốp	0,46	
282	05	01	01	03							Đăk Kon	Đăk Công	1,03	1673202	530835	Xốp	1674013	531210	Xốp	1,13	
283	05	01	01	03	01						Không Tên	Đăk Kon	0,52	1673611	530664	Xốp	1673638	531149	Xốp	0,35	
284	05	01	01	04							Không Tên	Đăk Công	0,82	1673863	530178	Xốp	1674391	530770	Xốp	1,02	
285	05	01	01	05							Không Tên	Đăk Công	2,12	1673920	529418	Xốp	1674628	530926	Xốp	2,3	
286	05	01	01	05	01						Không Tên	Đăk Công	1,21	1675413	528923	Xốp	1674762	529879	Xốp	1,2	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
287	05	01	01	05	02						Không Tên	Đăk Công	0,93	1674208	530017	Xốp	1674628	530812	Xốp	0,32	
288	05	01	01	06							Không Tên	Đăk Công	1,05	1674888	532082	Xốp	1675360	531149	Xốp	0,74	
289	05	01	01	07							Không Tên	Đăk Công	1,08	1675234	530290	Xốp	1675472	531170	Xốp	1,02	
290	05	01	01	08							Đăk Knát	Đăk Công	0,59	1675677	529664	Xốp	1676035	530124	Xốp	0,56	
291	05	01	01	09							Đăk Bô	Đăk Công	1,91	1677209	528965	Xốp	1676431	530374	Xốp	2,5	
292	05	01	01	09	01						Đăk Snon	Đăk Bô	1,34	1675860	528923	Xốp	1676389	530038	Xốp	0,93	
293	05	01	01	10							Không Tên	Đăk Công	1,78	1675531	532342	Xốp	1676707	531448	Xốp	1,46	
294	05	01	01	10	01						Không Tên	Đăk Công	1,25	1675656	532811	Xốp	1675880	531644	Xốp	0,76	
295	05	01	01	11							Không Tên	Đăk Công	0,95	1676229	532235	Xốp	1676898	531677	Xốp	0,54	
296	05	01	01	12							Không Tên	Đăk Công	1,53	1676731	532890	Xốp	1677404	532059	Xốp	1,1	
297	05	01	01	13							Không tên	Đăk Công	1,5	1677841	531715	Xốp	1677488	530576	Xốp	0,94	
298	05	01	01	14							Đăk Tin	Đăk Công	3,55	1678199	528452	Xốp	1678781	531530	Xốp	6,3	
299	05	01	01	14	01						Không Tên	Đăk Tin	1,44	1678350	529571	Xốp	1679176	528539	Xốp	2,42	
300	05	01	01	14	01	01					Đăk broài	Đăk Tin	1,78	1678611	529278	Xốp	1680193	528836	Xốp	1,65	
301	05	01	01	14	01	02					Không Tên	Đăk Tin	1,49	1679672	529722	Xốp	1678470	529476	Xốp	0,92	
302	05	01	01	14	01	02	01				Đăk Bxoa	Đăk Tin	0,79	1678484	529482	Xốp	1679260	529491	Xốp	0,35	
303	05	01	01	14	02						Đăk Cho	Đăk Tin	1,72	1678110	529761	Xốp	1677843	528145	Xốp	1,43	
304	05	01	01	14	02	01					Không Tên	Đăk Cho	0,76	1677976	529644	Xốp	1677424	529156	Xốp	0,62	
305	05	01	01	14	03						Không Tên	Đăk Tin	1,59	1678135	530056	Xốp	1677640	530154	Xốp	0,88	
306	05	01	01	14	04						Không Tên	Đăk Tin	1,22	1678274	530761	Xốp	1679297	530178	Xốp	0,89	
307	05	01	01	15							Đăk Broi	Đăk Công	5,54	1682898	529461	Xốp	1678998	531557	Xốp	4,4	
308	05	01	01	15	01						Không tên	Đăk Broi	0,65	1680540	529508	Xốp	1681143	529612	Xốp	0,56	
309	05	01	01	15	02						Đăk Cát	Đăk Broi	1,46	1679835	530487	Xốp	1681118	530081	Xốp	0,83	
310	05	01	02	01							Không tên	Đăk Rion	1,44	1680451	542879	Ngọc Linh	1681654	542742	Ngọc Linh	2,5	
311	05	01	02	01	01						Không tên	Sông Đăk Chăng	1,81	1681672	544568	Ngọc Linh	1681585	542787	Ngọc Linh	1,34	
312	05	01	05	1_1							Đăk Rót	Nước Chè	1,31	1681955	524287	Đăk Plô	1682415	525423	Đăk Plô	0,69	
313	05	01	05	1_2							Không tên	Nước Chè	2,03	1683041	525606	Đăk Plô	1682814	527368	Đăk Plô	1,12	
314	05	01	05	1_3							Pêng Chô	Nước Chè	0,94	1682602	525013	Đăk Plô	1683149	525570	Đăk Plô	0,55	
315	05	01	05	1_4							Đăk Sô	Nước Chè	6,17	1685492	521378	Đăk Plô	1683454	525650	Đăk Plô	12,44	
316	05	01	05	1_4	01						Đăk Che	Đăk Sô	0,98	1683857	521507	Đăk Plô	1684574	522045	Đăk Plô	1,33	
317	05	01	05	1_4	03						Đăk Cho	Đăk Sô	1,48	1683134	522214	Đăk Plô	1684063	523220	Đăk Plô	1,6	
318	05	01	05	1_4	02						Không tên	Đăk Sô	1,39	1685763	522399	Đăk Plô	1684457	522442	Đăk Plô	1,72	
319	05	01	05	1_4	04						Đăk Trang	Đăk Sô	1,99	1682307	523616	Đăk Plô	1683677	524921	Đăk Plô	1,12	
320	05	01	05	1_4	05						Đăk Nhong	Đăk Sô	1,02	1682870	524852	Đăk Plô	1683589	525453	Đăk Plô	0,37	
321	05	01	05	1_5							Không tên	Nước Chè	1,4	1684605	524647	Đăk Plô	1684722	525689	Đăk Plô	0,74	
322	05	01	05	1_6							Không tên	Nước Chè	2,16	1687264	525150	Đăk Plô	1685247	525079	Đăk Plô	1,77	
323	05	01	05	1_6	01						Không tên	Nước Chè	0,72	1685450	524608	Đăk Plô	1685790	525140	Đăk Plô	0,36	
324	05	01	05	1_7							Không tên	Nước Chè	3,38	1686495	523408	Đăk Plô	1688833	524627	Đăk Plô	15,6	
325	05	01	05	1_7	01						Không tên	Nước Chè	2,69	1686838	520986	Đăk Plô	1687548	523406	Đăk Plô	3	
326	05	01	05	1_7	02						Không tên	Nước Chè	2,43	1688000	521618	Đăk Plô	1688640	523792	Đăk Plô	9,17	
327	05	01	05	1_7	02	01					Đăk Đôi	Nước Chè	3,4	1690241	520385	Đăk Plô	1688605	522934	Đăk Plô	6,1	
328	05	01	05	1_7	02	01	01				Không tên	Đăk Đôi	0,89	1689641	520214	Đăk Plô	1689675	521047	Đăk Plô	0,5	
329	05	01	05	1_7	02	01	02				Không tên	Đăk Đôi	1,35	1688607	520418	Đăk Plô	1689481	521331	Đăk Plô	1	
330	05	01	05	1_7	02	01	03				Không tên	Đăk Đôi	1,74	1688306	520914	Đăk Plô	1689187	522184	Đăk Plô	0,98	
331	05	01	05	1_7	02	01	04				Không tên	Đăk Đôi	0,71	1688546	521787	Đăk Plô	1688988	522308	Đăk Plô	0,23	
332	05	01	05	1_8							Không tên	Nước Chè	4,05	1691820	521753	Đăk Plô	1689701	524555	Đăk Plô	4,84	
333	05	01	05	1_9							Không tên	Nước Chè	1,26	1692355	523594	Đăk Plô	1692412	524805	Đăk Plô	1,16	
334	05	01	07	1_1							Thượng nguồn sông Thanh	Sông Thanh	2,19	1692926	518035	Đăk Plô	1692301	519917	Đăk Plô	1,75	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
335	05	01	07	1_2							Đăk Ka	Sông Thanh	1,69	1691626	517378	Đăk Plô	1692904	517963	Đăk Plô	0,76	
336	05	01	07	1_3							Đăk Pê Lồ	Sông Thanh	1,67	1692536	516790	Đăk Plô	1693220	518038	Đăk Plô	0,95	
337	05	01	07	1_4							Đăk Próp	Sông Thanh	1,74	1694537	517642	Đăk Plô	1695317	518215	Đăk Plô	1,35	
338	05	01	07	1_5							Đăk Dúc	Sông Thanh	1,23	1693690	516994	Đăk Plô	1694701	516999	Đăk Plô	0,84	
339	05	01	07	1_6							Đăk Nhang	Sông Thanh	1,13	1695275	516796	Đăk Plô	1695574	517731	Đăk Plô	0,644	
340	05	01	07	1_7							Đăk Prung	Sông Thanh	2,78	1695665	516236	Đăk Plô	1695146	514808	Đăk Plô	1,95	
341	05	01	07	1_8							Đăk Ngon Lớn	Sông Thanh	1,71	1696706	517494	Đăk Plô	1696336	515987	Đăk Plô	0,99	
342	05	01	07	1_9							Đăk Lãng	Sông Thanh	3,93	1696925	512222	Đăk Plô	1699429	513938	Đăk Plô	7,96	
343	05	01	07	1_9	01						Đăk Neng	Đăk Lãng	2,3	1697369	511483	Đăk Plô	1697996	513154	Đăk Plô	2,01	
344	05	01	07	1_9	01	01					Thượng nguồn Suối Đăk Tô	Đăk Neng	0,78	1697012	511654	Đăk Plô	1697537	512149	Đăk Plô	0,55	
345	05	01	07	1_9	02						Đăk Clup	Đăk Lãng	1,68	1699601	512347	Đăk Plô	1698314	513216	Đăk Plô	2,57	
346	05	01	07	1_9	02	01					Thượng nguồn Suối Đăk Clup	Đăk Clup	1,75	1698168	511824	Đăk Plô	1698621	513009	Đăk Plô	1,22	
347	05	01	07	1_10							Không tên	Sông Thanh	1,08	1700418	514073	Đăk Plô	1700219	514990	Đăk Plô	0,51	
348	05	01	07	1_11							Đăk Long	Sông Thanh	5,5	1701329	510396	Đăk Plô	1700628	513994	Đăk Plô	6,34	
349	05	01	07	1_11	01						Đăk Long 1	Đăk Long	3,02	1701964	511428	Đăk Plô	1700353	513324	Đăk Plô	2,14	
350	05	01	07	1_12							Không tên	Sông Thanh	0,93	1700927	514000	Đăk Plô	1700719	514804	Đăk Plô	0,41	
351	05	01	07	1_13							Đăk Riu	Sông Thanh	0,3	1702096	514026	Đăk Plô	1702376	513959	Đăk Plô	0,06	
352	05	01	07	1_13	01						Đăk Riu 1	Đăk Riu	5,41	1702042	512104	Đăk Plô	1704688	513196	Đăk Plô	9,64	
353	05	01	07	1_13	01	01					Đăk Riu 2	Đăk Riu 1	2,23	1704126	512792	Đăk Plô	1702514	513977	Đăk Plô	2,21	
354	05	01	07	1_13	01	01	01				Nhánh của Đăk Riu 2	Đăk Riu 2	0,81	1703284	512324	Đăk Plô	1703339	513081	Đăk Plô	0,46	
355	05	01	07	1_13	01	02					phụ nhánh Đăk Riu 3	Đăk Riu 1	0,86	1701380	512747	Đăk Plô	1702155	512984	Đăk Plô	0,56	
356	05	01	07	1_14							Đăk Cái	Sông Thanh	1,03	1701731	516343	Đăk Plô	1700743	516310	Đăk Plô	1,3	
357	05	01	07	1_15							Đăk Mei	Sông Thanh	2,13	1703394	515709	Đăk Plô	1701839	516292	Đăk Plô	2,86	
II. Lưu vực sông Thu Bồn																					
358	05	02									Sông Tranh	Sông Thu Bồn	9,8	1654286	562459	Măng Ri	1654623	567058	Măng Bút	28	
359	05	02	1_1								Không tên	Sông Tranh	0,9	1653520	561924	Măng Ri	1653513	562694	Măng Ri	0,67	
360	05	02	1_2								Khe cạn	Sông Tranh	0,62	1653522	563402	Măng Ri	1652977	563206	Măng Ri	0,46	
361	05	02	1_3								Đăk Rây	Sông Tranh	2,98	1650947	563444	Măng Ri	1650948	563445	Măng Ri	10,65	
362	05	02	1_3	01							Đăk Rây	Đăk Rây	2,62	1650715	561184	Măng Ri	1650947	563444	Măng Ri	1,47	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
363	05	02	1_3	02							Đăk Rẫy	Đăk Rẫy	3,19	1651099	563560	Măng Ri	1648944	563760	Măng Ri	2,4	
364	05	02	1_3	03							Đăk Rẫy	Đăk Rẫy	4,02	1652009	560365	Măng Ri	1651159	563569	Măng Ri	4,43	
365	05	02	1_3	03	01						Đăk Pơm	Đăk Rẫy	0,92	1653301	560942	Măng Ri	1653921	561081	Măng Ri	0,84	
366	05	02	1_3	03	02						Không tên	Đăk Rẫy	1,18	1653114	561725	Măng Ri	1652137	562128	Măng Ri	1,67	
367	05	02	1_3	03	03						Không tên	Đăk Rẫy	1,03	1653013	562289	Măng Ri	1652013	562284	Măng Ri	1,23	
368	05	02	1_3	03	04						Không tên	Đăk Rẫy	1,31	1651428	561465	Măng Ri	1651527	562631	Măng Ri	0,45	
369	05	02	1_4								Khe cạn	Sông Tranh	0,63	1651018	564259	Măng Ri	1650440	564172	Măng Ri	0,47	
370	05	02	1_5								Không tên	Sông Tranh	2,93	1651502	565254	Măng Ri	1649977	564184	Măng Ri	2,47	
371	05	02	1_5	01							Không tên	Sông Tranh	1,34	1648995	564740	Măng Ri	1650031	565066	Măng Ri	1,07	
372	05	02	1_6								Không tên	Sông Tranh	1,08	1650609	565650	Măng Ri	1651568	565328	Măng Ri	1,22	
373	05	02	1_7								Không tên	Sông Tranh	2,72	1652520	563744	Măng Ri	1652356	566019	Măng Ri	1,87	
374	05	02	1_8								Không tên	Sông Tranh	3,37	1653511	563719	Măng Ri	1653350	566440	Măng Ri	1,95	
375	05	02	1_8	01							Không tên	Sông Tranh	0,73	1652657	564962	Măng Ri	1653106	565430	Măng Ri	0,34	
376	05	02	1_9								Không tên	Sông Tranh	1,13	1653695	565729	Măng Ri	1654017	566731	Măng Ri	0,55	
III. Lưu vực sông Ba																					
377	06	1_1									Không tên	Sông Ba	2,47	1602035	592517	Đăk Rve	1603715	593033	Đăk Rve	1,59	
378	06	1_1	01								Không tên	Sông Ba	0,71	1603369	591593	Đăk Rve	1602889	592077	Đăk Rve	0,64	
379	06	1_1	02								Không tên	Sông Ba	0,5	1603003	592660	Đăk Rve	1602590	592412	Đăk Rve	0,35	
380	06	1_2									Không tên	Sông Ba	1,38	1602908	591328	Đăk Rve	1601698	591816	Đăk Rve	0,67	
381	06	1_3									Không tên	Sông Ba	1,22	1602459	591024	Đăk Rve	1601479	591637	Đăk Rve	0,74	
382	06	1_4									Không tên	Sông Ba	0,8	1601810	591093	Đăk Rve	1601125	591431	Đăk Rve	0,33	
383	06	1_5									Không tên	Sông Ba	1,33	1601948	590928	Đăk Rve	1600776	591331	Đăk Rve	0,71	
IV. Lưu vực Suối Đăk Pam thuộc LVS Cửu Long																					
384	08	06									Suối Đăk Pam	Sông Cửu Long (Lào)	21	1680231	518767	Đăk Plô	1694430	512263	Đăk Plô	64	Quyết định 205/QĐ-TTg
385	08	06	01								Đăk Plóc	Suối Đăk Pam	1,1	1682094	516545	Đăk Plô	1682934	517189	Đăk Plô	0,65	
386	08	06	02								Đăk Troi	Suối Đăk Pam	1,4	1683680	515968	Đăk Plô	1683838	517192	Đăk Plô	0,92	
387	08	06	03								Không tên	Suối Đăk Pam	0,84	1684547	517307	Đăk Plô	1684073	517978	Đăk Plô	0,4	
388	08	06	04								Không tên	Suối Đăk Pam	0,84	1684995	517247	Đăk Plô	1684528	517939	Đăk Plô	0,46	
389	08	06	05								Đăk Ba	Suối Đăk Pam	3,97	1686685	517125	Đăk Plô	1685516	520418	Đăk Plô	5,31	
390	08	06	05	01							Nhánh Đăk Pa	Đăk Ba	0,96	1685692	519060	Đăk Plô	1686237	519752	Đăk Plô	0,59	
391	08	06	06								Đăk Nról	Suối Đăk Pam	1,72	1687225	516164	Đăk Plô	1688244	516602	Đăk Plô	1,08	
392	08	06	07								Đăk Môi	Suối Đăk Pam	1,07	1689798	516577	Đăk Plô	1689516	517518	Đăk Plô	1,22	
393	08	06	07	01							Đăk Pam	Đăk Môi	4,12	1689701	516966	Đăk Plô	1688152	519623	Đăk Plô	5,35	
394	08	06	08								Đăk Rễ	Suối Đăk Pam	1,62	1690825	514152	Đăk Plô	1692285	514336	Đăk Plô	2,04	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
395	08	06	09								Đăk Klang	Suối Đăk Pam	1,63	1691745	513031	Đăk Plô	1692904	513800	Đăk Plô	1,49	
V. Lưu vực Suối Đăk Cai thuộc LVS Cửu Long																					
396	08	07									Đăk Cai	Sông Cửu Long (Lào)	12	1674376	514934	Đăk Plô	1683054	512730	Đăk Plô	48	Quyết định 205/QĐ-TTg
397	08	07	1_1								Không Tên	Đăk Cai	0,92	1675440	513450	Đăk Plô	1675304	514319	Đăk Plô	0,53	
398	08	07	1_2								Không Tên	Đăk Cai	1,08	1677862	511706	Đăk Plô	1678287	512630	Đăk Plô	0,66	
399	08	07	1_3								Không Tên	Đăk Cai	0,58	1678553	511754	Đăk Plô	1678268	511305	Đăk Plô	0,43	
400	08	07	1_4								Không Tên	Đăk Cai	0,75	1678616	511110	Đăk Plô	1679042	511669	Đăk Plô	0,55	
401	08	07	1_5								Không Tên	Đăk Cai	0,87	1679247	510820	Đăk Plô	1679210	511628	Đăk Plô	0,59	
402	08	07	1_6								Không Tên	Đăk Cai	0,7	1680343	509676	Đăk Plô	1680814	510127	Đăk Plô	0,57	
403	08	07	01								Huổi Táp Trê	Đăk Cai	17	1682937	515141	Đăk Plô	1681484	510822	Đăk Plô	28	Quyết định 205/QĐ-TTg
404	08	07	01	01							Không Tên	Huổi Táp Trê	1,52	1683201	513830	Đăk Plô	1682559	515073	Đăk Plô	1,05	
405	08	07	01	02							Không Tên	Huổi Táp Trê	0,78	1681867	514586	Đăk Plô	1681513	515237	Đăk Plô	0,37	
406	08	07	01	03							Không Tên	Huổi Táp Trê	0,9	1681460	514438	Đăk Plô	1681135	515230	Đăk Plô	0,42	
407	08	07	01	04							Không Tên	Huổi Táp Trê	2,24	1676883	515118	Đăk Plô	1678085	514103	Đăk Plô	2,67	
408	08	07	01	04	01						Không Tên	Không Tên	0,6	1676809	513827	Đăk Plô	1677166	514243	Đăk Plô	0,95	
409	08	07	01	05							Không Tên	Huổi Táp Trê	0,89	1679319	513431	Đăk Plô	1679564	514237	Đăk Plô	0,46	
410	08	07	01	06							Không Tên	Huổi Táp Trê	1,08	1679397	513309	Đăk Plô	1679792	514120	Đăk Plô	0,55	
411	08	07	01	07							Không Tên	Huổi Táp Trê	2,42	1681751	513387	Đăk Plô	1680076	512571	Đăk Plô	2,65	
412	08	07	01	08							Không Tên	Huổi Táp Trê	0,98	1681288	512243	Đăk Plô	1680532	511874	Đăk Plô	0,72	
413	08	07	03	07	01						Không Tên	Không Tên	1,18	1680585	513295	Đăk Plô	1680725	514392	Đăk Plô	1,56	
VI. Lưu vực Sông Sê San thuộc LVS Cửu Long																					
414	08	08									Sông Sê San	Sông Mê Công (CamPuChia)	245	1681501	525006	Đăk Plô	1538014	496773	Ia Toi	11510	Quyết định 205/QĐ-TTg Tên khác: Krông Pơ Kô
415	08	08	1_1								Không tên	Sông Sê San	0,59	1680746	526482	Đăk Plô	1680515	526039	Đăk Plô	0,36	
416	08	08	1_2								Đăk Niên 1	Sông Sê San	0,9	1680195	526861	Đăk Plô	1680193	526861	Đăk Plô	0,39	
417	08	08	1_3								Đăk Túc	Sông Sê San	2,98	1681137	523801	Đăk Plô	1679760	526096	Đăk Plô	1,82	
418	08	08	1_4								Suối Đông Nay	Sông Sê San	5,8	1678300	525919	Đăk Plô	1681661	527785	Đăk Plô	10,66	
419	08	08	1_4	01							Đăk Krang	Suối Đông Nay	3,03	1681148	526897	Đăk Plô	1682265	528212	Đăk Plô	1,91	
420	08	08	1_4	01	01						Không tên	Suối Đông Nay	0,53	1682091	526322	Đăk Plô	1682159	526827	Đăk Plô	0,62	
421	08	08	1_4	01	02						Không tên	Suối Đông Nay	0,48	1681798	526346	Đăk Plô	1681628	526728	Đăk Plô	0,56	
422	08	08	1_4	02							Đăk Reo	Suối Đông Nay	2,47	1680302	527346	Đăk Plô	1682082	528650	Đăk Plô	2,29	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
423	08	08	1_4	02	01						Không tên	Suối Đồng Nay	0,85	1680457	528646	Đăk Plô	1680823	527927	Đăk Plô	1,23	
424	08	08	1_4	02	01	01					Không tên	Suối Đồng Nay	0,81	1681030	528793	Đăk Plô	1680766	528058	Đăk Plô	0,89	
425	08	08	1_4	03							Đăk Abăng	Suối Đồng Nay	1,41	1680204	528419	Đăk Plô	1679559	527333	Đăk Plô	1,19	
426	08	08	1_4	03	01						Không tên	Đăk Abăng	0,8	1678895	527968	Đăk Plô	1679499	527490	Đăk Plô	1,15	
427	08	08	1_4	03	01	01					Không tên	Đăk Abăng	0,73	1679268	528222	Đăk Plô	1679459	527552	Đăk Plô	0,64	
428	08	08	1_4	04							Không tên	Suối Đồng Nay	0,78	1678730	527723	Đăk Plô	1679263	527229	Đăk Plô	0,3	
429	08	08	1_4	05							Không tên	Suối Đồng Nay	1,29	1678842	526673	Đăk Plô	1678352	527806	Đăk Plô	0,436	
430	08	08	1_4	06							Không tên	Suối Đồng Nay	1,46	1678352	526292	Đăk Plô	1677872	527568	Đăk Plô	0,56	
431	08	08	1_5								Đăk Ei	Sông Sê San	4,86	1681441	523131	Đăk Plô	1677906	525806	Đăk Plô	4,72	
432	08	08	1_6								Không tên	Sông Sê San	1,48	1676989	526759	Đăk Plô	1677123	528159	Đăk Plô	1,14	
433	08	08	1_8								Đăk Trá	Sông Sê San	0,72	1657938	536815	Đăk Sao	1657284	537037	Đăk Sao	0,66	
434	08	08	1_9								Đăk O	Sông Sê San	1,21	1656912	536862	Đăk Sao	1657875	536326	Đăk Sao	1,15	
435	08	08	1_26	01							Không tên	Sông Sê San	1,73	1609127	513089	Sa Loong	1609608	514685	Sa Loong	1,32	
436	08	08	01								Suối Đăk Mar	Sông Sê San	14,58	1684316	520409	Đăk Plô	1676183	525404	Đăk Pék	54,64	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
437	08	08	01	01							Không tên	Suối Đăk Mar	0,73	1684024	519318	Đăk Plô	1683769	519939	Đăk Plô	1,1	
438	08	08	01	02							Không tên	Suối Đăk Mar	1,19	1682926	518723	Đăk Plô	1682912	519843	Đăk Plô	1,06	
439	08	08	01	03							Không tên	Suối Đăk Mar	1,18	1681474	519378	Đăk Plô	1682151	520271	Đăk Plô	1,53	
440	08	08	01	04							Không tên	Suối Đăk Mar	1,4	1680857	521020	Đăk Plô	1681474	522039	Đăk Plô	1,32	
441	08	08	01	05							Không tên	Suối Đăk Mar	0,94	1680647	521032	Đăk Plô	1681016	521797	Đăk Plô	0,96	
442	08	08	01	06							Không tên	Suối Đăk Mar	1,27	1680711	519996	Đăk Plô	1680544	521015	Đăk Plô	1,3	
443	08	08	01	07							Không tên	Suối Đăk Mar	1,18	1679763	520212	Đăk Plô	1680143	521261	Đăk Plô	1,66	
444	08	08	01	08							Không tên	Suối Đăk Mar	1,76	1678695	520103	Đăk Plô	1679307	521656	Đăk Plô	3,14	
445	08	08	01	08	01						Không tên	Suối Đăk Mar	1,83	1679190	521354	Đăk Plô	1678113	520363	Đăk Plô	1,25	
446	08	08	01	09							Đăk Rai	Suối Đăk Mar	4,5	1678262	519142	Đăk Plô	1676365	522439	Đăk Plô	10,76	
447	08	08	01	10							Đăk Mi	Suối Đăk Mar	4,25	1672580	521977	Đăk Pék	1675627	524103	Đăk Pék	15,59	
448	08	08	01	10	01						Đăk Noi	Đăk Mi	1,65	1673772	521477	Đăk Pék	1673778	522822	Đăk Pék	1,98	
449	08	08	2_1								Đăk Lãng	Sông Sê San	2,51	1675603	525471	Đăk Plô	1676157	527675	Đăk Plô	2,01	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
450	08	08	2_2								Không tên	Sông Sê San	2,35	1674192	526238	Đăk Plô	1675762	527825	Đăk Pék	2,93	
451	08	08	2_2	01							Không tên	Sê San	2,53	1674410	526428	Đăk Plô	1675664	528501	Đăk Plô	1,76	
452	08	08	2_2	01	01						Không tên	Sê San	0,84	1674714	527804	Đăk Plô	1674712	527068	Đăk Plô	0,97	
453	08	08	2_3								Đăk Tan	Sông Sê San	1,74	1673283	526648	Đăk Pék	1673872	528214	Đăk Pék	2,87	
454	08	08	2_3	01							Không Tên	Đăk Tan	1,3	1673479	528676	Đăk Pék	1673662	527470	Đăk Pék	1,03	
455	08	08	2_3	02							Không Tên	Đăk Tan	1,54	1674364	528357	Đăk Plô	1673580	527063	Đăk Pék	1,66	
456	08	08	2_3	02	01						Không Tên	Đăk Tan	0,69	1674352	527188	Đăk Pék	1673675	527145	Đăk Pék	0,73	
457	08	08	2_4								Không Tên	Sông Sê San	1,93	1672146	526575	Đăk Pék	1673200	528041	Đăk Pék	1,6	
458	08	08	2_4	01							Không Tên	Sê San	2,03	1673108	528721	Đăk Pék	1672332	527000	Đăk Pék	0,89	
459	08	08	2_5								Không Tên	Sông Sê San	0,54	1671699	526205	Đăk Pék	1672033	526593	Đăk Pék	0,22	
460	08	08	2_6								Đăk Chả	Sông Sê San	2,61	1671837	526760	Đăk Pék	1672386	529143	Đăk Pék	1,68	
461	08	08	2_6	01							Không Tên	Đăk Chăng	0,78	1672753	528499	Đăk Pék	1672300	527903	Đăk Pék	0,63	
462	08	08	2_7								Đăk Muối	Sông Sê San	0,84	1671638	526799	Đăk Pék	1671760	527584	Đăk Pék	0,25	
463	08	08	2_8								Đăk Diên	Sông Sê San	1,69	1671697	528518	Đăk Pék	1671254	526955	Đăk Pék	0,73	
464	08	08	2_9								Đăk Klang	Sông Sê San	1,17	1671002	528252	Đăk Pék	1670760	527120	Đăk Pék	0,69	
465	08	08	2_10								Đăk Ven	Sông Sê San	2,1	1669979	526461	Đăk Pék	1671527	526511	Đăk Pék	1,5	
466	08	08	2_10	01							Không Tên	Đăk Ven	0,92	1671324	525493	Đăk Pék	1670949	526276	Đăk Pék	0,5	
467	08	08	2_11								Đăk Lít	Sông Sê San	3,53	1670332	526999	Đăk Pék	1670723	530226	Đăk Pék	6,03	
468	08	08	2_11	01							Không Tên	Đăk Lít	0,75	1671195	530135	Đăk Pék	1670794	529511	Đăk Pék	0,33	
469	08	08	2_11	02							Không Tên	Đăk Lít	1,61	1671962	529638	Đăk Pék	1670747	528958	Đăk Pék	0,73	
470	08	08	2_11	03							Đăk Trum	Đăk Lít	1,21	1671810	529290	Đăk Pék	1670731	528938	Đăk Pék	0,52	
471	08	08	2_11	04							Đăk biêi	Đăk Lít	1,48	1670095	529992	Đăk Pék	1670470	528700	Đăk Pék	1,85	
472	08	08	2_11	04	01						Không Tên	Đăk biêi	0,47	1669776	529572	Đăk Pék	1670114	529258	Đăk Pék	0,46	
473	08	08	2_11	05							Đăk Nay	Đăk Lít	1,55	1669636	529002	Đăk Pék	1670156	527637	Đăk Pék	0,99	
474	08	08	2_12								Đăk Breng	Sông Sê San	1,83	1668939	526140	Đăk Pék	1670272	526798	Đăk Pék	6,41	
475	08	08	2_12	01							Đăk Tang	Đăk Breng	1,22	1669913	526747	Đăk Pék	1669603	527852	Đăk Pék	0,65	
476	08	08	2_12	01	01						Đăk Đoan	Sông Sê San	0,67	1669915	526838	Đăk Pék	1670009	527472	Đăk Pék	0,21	
477	08	08	2_12	02							Đăk Ven 1	Đăk Breng	1,62	1669255	526470	Đăk Pék	1669264	527918	Đăk Pék	0,86	
478	08	08	2_12	03							Không Tên	Đăk Breng	4,39	1668608	528856	Đăk Pék	1668608	528857	Đăk Pék	4,39	
479	08	08	2_12	03	01						Không Tên	Đăk Trum	0,73	1669286	529442	Đăk Pék	1668812	529004	Đăk Pék	0,34	
480	08	08	2_12	03	02						Không Tên	Đăk Trum	1,53	1667861	530128	Đăk Pék	1668570	528840	Đăk Pék	1,96	
481	08	08	2_12	03	02	01					Không Tên	Đăk Breng	1,07	1668468	529997	Đăk Pék	1668505	529071	Đăk Pék	0,83	
482	08	08	2_12	03	03						Không Tên	Đăk Trum	0,74	1668997	528168	Đăk Pék	1668671	527514	Đăk Pék	0,76	
483	08	08	02								Sông Đăk Ta	Sông Sê San	11,37	1673310	520694	Đăk Pék	1668431	525346	Đăk Pék	22,17	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
484	08	08	02	01							Không tên	Sê San	1,2	1670016	522899	Đăk Pék	1669315	523670	Đăk Pék	0,79	
485	08	08	02	02							Không Tên	Sông Đăk Ta	2,19	1670942	523446	Đăk Pék	1669348	524470	Đăk Pék	1,65	
486	08	08	02	02	01						Đăk Poo	Sê San	0,71	1670802	524190	Đăk Pék	1670281	523874	Đăk Pék	0,32	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
487	08	08	3_1								Không Tên	Sông Sê San	2,4	1667734	526027	Đăk Pék	1668119	527809	Đăk Pék	1,71	
488	08	08	3_1	01							Không Tên	Sông Sê San	0,87	1668154	526636	Đăk Pék	1667774	527372	Đăk Pék	1,02	Sửa mã sông, đây là sông cấp 1 của sông thứ 3986
489	08	08	03								Sông Đăk Pru	Sông Sê San	31,32	1680450	515865	Đăk Plô	1666918	526067	Đăk Pék	154,3	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
490	08	08	03	1_1							Đăk Roi	Sông Đăk Pru	2,01	1679015	517066	Đăk Plô	1679419	518634	Đăk Plô	2,74	
491	08	08	03	1_1	01						Đăk Đea	Đăk Roi	0,78	1679014	518018	Đăk Plô	1678817	518747	Đăk Plô	0,67	
492	08	08	03	1_1	02						Không Tên	Đăk Roi	1,18	1678855	517734	Đăk Plô	1678280	518709	Đăk Plô	1,05	
493	08	08	03	1_2							Không Tên	Sông Đăk Pru	3,69	1679332	515963	Đăk Plô	1676820	517448	Đăk Plô	7,07	
494	08	08	03	1_2	01						Không Tên	Sông Đăk Pru	1,71	1675927	516038	Đăk Plô	1676908	517176	Đăk Plô	1,88	
495	08	08	03	1_3							Không Tên	Sông Đăk Pru	1,43	1673741	518862	Đăk Plô	1673739	518863	Đăk Plô	1,67	
496	08	08	03	1_4							Đăk Lút	Sông Đăk Pru	1,37	1667982	517363	Đăk Plô	1668290	518409	Đăk Plô	1,33	
497	08	08	03	1_5							Đăk Um	Sông Đăk Pru	2,51	1667951	518565	Đăk Plô	1670132	518993	Đăk Plô	2,06	
498	08	08	03	1_6							Đăk Bui	Sông Đăk Pru	0,53	1667582	519174	Đăk Plô	1667735	518689	Đăk Plô	1,37	
499	08	08	03	1_7							Đăk Lát	Sông Đăk Pru	7,11	1669203	515347	Đăk Plô	1665735	518170	Đăk Plô	40,9	
500	08	08	03	1_7	01						Đăk Gát	Sông Đăk Pru	2,57	1670963	514722	Đăk Plô	1668616	514835	Đăk Plô	6,3	
501	08	08	03	1_7	01	01					Đăk Mỏi	Sông Đăk Pru	1,26	1669652	513631	Đăk Plô	1669206	514725	Đăk Plô	3,3	
502	08	08	03	1_7	02						Đăk Kút	Đăk Lát	4,42	1669396	511361	Đăk Plô	1667561	514444	Đăk Plô	9	
503	08	08	03	1_7	02	01					Đăk Ler	Sông Đăk Pru	1,69	1666739	511958	Đăk Plô	1667868	512976	Đăk Plô	4,8	
504	08	08	03	1_7	03						Đăk Lãng	Đăk Lát	3,09	1665504	512606	Đăk Plô	1667349	514809	Đăk Plô	3,83	
505	08	08	03	1_7	03	01					Đăk Leg	Sông Đăk Pru	1,02	1665856	512488	Đăk Plô	1666079	513441	Đăk Plô	1,34	
506	08	08	03	1_7	04						Đăk Nhui	Đăk Lát	0,96	1667029	515097	Đăk Plô	1667864	515458	Đăk Plô	1,09	
507	08	08	03	1_7	05						Đăk Doar	Đăk Lát	2,31	1665518	514119	Đăk Plô	1666207	516023	Đăk Plô	4,37	
508	08	08	03	1_7	05	01					Không Tên	Đăk Doar	0,83	1664907	514715	Đăk Plô	1665639	515075	Đăk Plô	1,98	
509	08	08	03	1_7	06						Đăk Trê	Đăk Lát	0,86	1665385	516818	Đăk Plô	1666175	517078	Đăk Plô	0,55	
510	08	08	03	1_7	07						Đăk Gút	Đăk Lát	5,16	1667757	516224	Đăk Plô	1667758	516224	Đăk Plô	6,23	
511	08	08	03	1_7	07	01					Không Tên	Sông Đăk Pru	0,68	1668902	516685	Đăk Plô	1668538	516153	Đăk Plô	1,34	
512	08	08	03	1_7	07	02					Không Tên	Đăk Gút	0,99	1668427	515790	Đăk Plô	1667757	516224	Đăk Plô	0,79	
513	08	08	03	1_7	08						Đăk Trá	Sông Đăk Pru	0,54	1665671	517247	Đăk Plô	1666138	517479	Đăk Plô	0,5	
514	08	08	03	1_8							Đăk Nhoong	Sông Đăk Pru	1,39	1664308	517840	Đăk Plô	1664835	519008	Đăk Plô	3,67	
515	08	08	03	1_9							Không Tên	Sông Đăk Pru	0,73	1664629	519732	Đăk Plô	1665336	519745	Đăk Plô	1,56	
516	08	08	03	1_10							Đăk Proi	Sông Đăk Pru	0,89	1663637	519956	Đăk Pék	1664129	520626	Đăk Pék	1,33	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
517	08	08	03	1_11							Đăk Nôi	Sông Đăk Pru	4,49	1668321	520867	Đăk Pék	1664103	521241	Đăk Pék	4,12	
518	08	08	03	1_11	01						Đăk Tun	Đăk Nôi	0,65	1664840	521007	Đăk Pék	1665391	521322	Đăk Pék	0,34	
519	08	08	03	1_12							Đăk Pao	Sông Đăk Pru	2,92	1667612	522160	Đăk Pék	1666878	524641	Đăk Pék	3,39	
520	08	08	03	1_12	01						Đăk Nôi	Đăk Pao	0,76	1667033	523742	Đăk Pék	1667155	524462	Đăk Pék	0,93	
521	08	08	03	01							Sông Đăk Brot	Sông Đăk Pru	13,1	1664145	512948	Đăk Plô	1663706	521430	Đăk Pék	36,67	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
522	08	08	03	01	01						Không tên	Sông Đăk Brot	1,45	1662161	512554	Đăk Long	1662026	513941	Đăk Long	1,47	
523	08	08	03	01	02						Không tên	Sông Đăk Brot	1,63	1660771	513200	Đăk Long	1661157	514679	Đăk Long	1,66	
524	08	08	03	01	03						Không tên	Sông Đăk Brot	1,99	1661011	515481	Đăk Long	1659252	515912	Đăk Long	1,45	
525	08	08	03	01	04						Đăk Nông	Sông Đăk Brot	3,18	1663958	514918	Đăk Plô	1661400	516316	Đăk Môn	5,08	
526	08	08	03	01	04	01					Đăk Prôi	Đăk Nông	0,6	1663672	514605	Đăk Plô	1663460	515105	Đăk Plô	0,81	
527	08	08	03	01	05						Không tên	Sông Đăk Brot	0,82	1660741	516100	Đăk Môn	1661177	516706	Đăk Môn	0,88	
528	08	08	03	01	06						Không tên	Sông Đăk Brot	0,78	1660453	516746	Đăk Môn	1660977	517299	Đăk Môn	1,09	
529	08	08	03	01	07						Đăk Loái	Sông Đăk Brot	3,3	1663615	516258	Đăk Plô	1661675	518650	Đăk Plô	4,32	
530	08	08	03	01	08						Không tên	Sông Đăk Brot	0,95	1661720	519685	Đăk Môn	1662533	519998	Đăk Môn	1,27	
531	08	08	03	01	09						Đăk Nom	Sông Đăk Brot	1,38	1663218	519034	Đăk Plô	1662863	520203	Đăk Pék	1,53	
532	08	08	4_1								Không tên	Sông Sê San	1,2	1666818	526214	Đăk Pék	1665762	526046	Đăk Pék	0,66	
533	08	08	4_2								Không Tên	Sông Sê San	3,82	1666189	526877	Đăk Pék	1667584	529487	Đăk Pék	4,29	
534	08	08	4_2	01							Không Tên	Sê San	0,62	1667339	529389	Đăk Pék	1667356	528786	Đăk Pék	0,66	
535	08	08	4_2	02							Không Tên	Sê San	1,03	1666807	529462	Đăk Pék	1667261	528680	Đăk Pék	0,74	
536	08	08	4_2	03							Đăk Ta	Sê San	1,91	1666409	529097	Đăk Pék	1667230	527464	Đăk Pék	0,67	
537	08	08	4_2	04							Không Tên	Sê San	1,25	1666251	528305	Đăk Pék	1666455	527194	Đăk Pék	0,53	
538	08	08	4_3								Đăk Cóp	Sông Sê San	4,41	1665806	527066	Đăk Pék	1664107	530336	Đăk Pék	10,25	
539	08	08	4_3	01							Không Tên	Đăk Cóp	1,06	1664311	530844	Đăk Pék	1664727	530076	Đăk Pék	1,5	
540	08	08	4_3	01	01						Không Tên	Đăk Cóp	0,8	1664075	530724	Đăk Pék	1664743	530461	Đăk Pék	0,61	
541	08	08	4_3	02							Không Tên	Đăk Cóp	2,76	1667622	530443	Đăk Pék	1665344	529146	Đăk Pék	1,98	
542	08	08	4_3	02	01						Không Tên	Đăk Cóp	0,63	1667038	530589	Đăk Pék	1666629	530121	Đăk Pék	0,53	
543	08	08	4_3	03							Đăk Trao	Đăk Cóp	1,35	1664316	529771	Đăk Pék	1665228	528877	Đăk Pék	1,36	
544	08	08	4_3	03	01						Đăk Tun	Đăk Ta	1,34	1663643	529338	Đăk Pék	1664901	529110	Đăk Pék	0,99	
545	08	08	4_3	04							Đăk Đa	Đăk Cóp	1,81	1666215	528997	Đăk Pék	1665597	527379	Đăk Pék	0,66	
546	08	08	4_4								Đăk Lốp	Sông Sê San	1,05	1664813	526430	Đăk Pék	1664427	527378	Đăk Pék	0,89	
547	08	08	4_5								Không Tên	Sông Sê San	1,46	1664738	525091	Đăk Pék	1664286	526240	Đăk Pék	0,71	
548	08	08	4_6								Đăk Roông	Sông Sê San	1,23	1661869	524506	Đăk Pék	1661795	525387	Đăk Pék	0,54	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
549	08	08	4_7								Đăk Trumr	Sông Sê San	2,17	1661092	522914	Đăk Pék	1660659	524845	Đăk Pék	3,28	
550	08	08	04								Sông Đăk Druôi	Sông Sê San	26,99	1663092	541390	Xốp	1660361	525141	Đăk Pék	62,45	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
551	08	08	04	01							Không Tên	Sông Đăk Druôi	1,57	1661234	540094	Xốp	1661543	541304	Xốp	1,05	
552	08	08	04	02							Không Tên	Sông Đăk Druôi	3,32	1664741	540338	Xốp	1661832	539487	Xốp	3,36	
553	08	08	04	02	01						Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,84	1664066	540918	Xốp	1664102	540245	Xốp	0,37	
554	08	08	04	02	02						Không Tên	Sông Đăk Druôi	1,07	1663686	540890	Xốp	1663141	540100	Xốp	0,53	
555	08	08	04	02	03						Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,92	1662890	540778	Xốp	1662834	540083	Xốp	0,44	
556	08	08	04	02	04						Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,68	1662069	540107	Xốp	1662110	539650	Xốp	0,31	
557	08	08	04	03							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,73	1661160	538013	Xốp	1661823	537794	Xốp	0,54	
558	08	08	04	04							Không Tên	Sông Đăk Druôi	3,26	1660849	535594	Xốp	1663530	536923	Xốp	3,36	
559	08	08	04	04	01						Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,65	1663037	535753	Xốp	1662555	536157	Xốp	0,26	
560	08	08	04	05							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,73	1661486	535147	Xốp	1660824	535308	Xốp	0,54	
561	08	08	04	06							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,82	1661378	534039	Xốp	1660649	534033	Xốp	0,49	
562	08	08	04	07							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,78	1660134	533368	Xốp	1660661	532991	Xốp	0,74	
563	08	08	04	08							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,74	1662483	533046	Xốp	1662073	532461	Xốp	0,92	
564	08	08	04	09							Không Tên	Sông Đăk Druôi	1,22	1663454	529945	Đăk Pék	1662368	530045	Đăk Pék	0,73	
565	08	08	04	10							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,91	1662587	529202	Đăk Pék	1661838	529103	Đăk Pék	0,82	
566	08	08	04	11							Đăk Dry At	Sông Đăk Druôi	2,29	1660416	530069	Đăk Pék	1661790	528678	Đăk Pék	5,68	
567	08	08	04	11	01						Không Tên	Đăk Dry At	2,02	1660252	531141	Đăk Pék	1660938	529416	Đăk Pék	2,7	
568	08	08	04	11	01	01					Đăk Nar	Đăk Dry At	1,56	1661397	531409	Đăk Pék	1660842	530197	Đăk Pék	1,6	
569	08	08	04	12							Đăk Đong	Sông Đăk Druôi	0,98	1660845	528506	Đăk Pék	1661586	527895	Đăk Pék	0,72	
570	08	08	04	13							Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,7	1662375	528057	Đăk Pék	1662059	527600	Đăk Pék	0,59	
571	08	08	04	14							Không Tên	Sông Đăk Druôi	1,93	1663483	528472	Đăk Pék	1662098	527511	Đăk Pék	1,9	
572	08	08	04	15							Đăk Hmat	Sông Đăk Druôi	0,66	1660868	527674	Đăk Pék	1661333	527287	Đăk Pék	0,34	
573	08	08	04	16							Đăk Rop	Sông Đăk Druôi	3,13	1661456	526748	Đăk Pék	1663497	527700	Đăk Pék	1,66	
574	08	08	04	17							Không Tên	Sông Đăk Druôi	4,39	1660121	526725	Đăk Pék	1658919	528972	Đăk Pék	11,1	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
575	08	08	04	17	01						Không Tên	Sông Đăk Druôi	2,11	1659195	528810	Đăk Pék	1659390	530554	Đăk Pék	2,4	
576	08	08	04	17	01	01					Không Tên	Sông Đăk Druôi	0,81	1659173	530298	Đăk Pék	1659584	529655	Đăk Pék	0,93	
577	08	08	04	17	02						Đăk Cóp	Sông Đăk Druôi	0,64	1660126	528911	Đăk Pék	1659923	528332	Đăk Pék	0,88	
578	08	08	04	17	03						Đăk Nua	Sông Đăk Druôi	0,72	1659278	528216	Đăk Pék	1659954	528125	Đăk Pék	0,76	
579	08	08	5_1								Không tên	Sông Sê San	0,56	1660279	524392	Đăk Môn	1659949	524824	Đăk Môn	0,17	
580	08	08	5_2								Không tên	Sông Sê San	1,05	1658787	523858	Đăk Môn	1658105	524361	Đăk Môn	1,04	
581	08	08	5_3								Đăk Văk	Sông Sê San	6,6	1660771	519203	Đăk Môn	1657416	523900	Đăk Môn	13,43	
582	08	08	5_3	01							Không tên	Đăk Văk	0,83	1658896	520697	Đăk Môn	1659621	520884	Đăk Môn	0,76	
583	08	08	5_3	02							Không tên	Đăk Văk	1,61	1660913	520816	Đăk Môn	1659551	521308	Đăk Môn	1,05	
584	08	08	5_3	03							Không tên	Đăk Văk	1,93	1659243	521543	Đăk Môn	1660945	521386	Đăk Môn	0,98	
585	08	08	5_3	04							Không tên	Đăk Văk	1,06	1658554	522399	Đăk Môn	1659528	522290	Đăk Môn	0,82	
586	08	08	5_3	05							Không tên	Đăk Văk	0,7	1658798	523222	Đăk Môn	1658175	522967	Đăk Môn	0,33	
587	08	08	5_3	06							Không tên	Đăk Văk	1,38	1656880	522694	Đăk Môn	1658036	523086	Đăk Môn	1,2	
588	08	08	5_4								Không tên	Sông Sê San	0,72	1657128	524226	Đăk Môn	1657079	524854	Đăk Môn	0,24	
589	08	08	5_5								Không tên	Sông Sê San	0,53	1656352	523677	Đăk Môn	1656285	524206	Đăk Môn	0,71	
590	08	08	5_6								Không tên	Sông Sê San	0,62	1656128	524399	Đăk Môn	1656459	524869	Đăk Môn	0,28	
591	08	08	5_7								Không tên	Sông Sê San	1,3	1655141	524468	Đăk Môn	1655069	523592	Đăk Môn	0,84	
592	08	08	5_8								Không tên	Sông Sê San	2,48	1656213	526402	Đăk Môn	1654919	524535	Đăk Môn	2,92	
593	08	08	5_9								Không tên	Sông Sê San	0,74	1654477	524258	Đăk Môn	1654801	524880	Đăk Môn	0,46	
594	08	08	5_10								Không tên	Sông Sê San	0,65	1654271	524918	Đăk Môn	1654112	524326	Đăk Môn	0,38	
595	08	08	05								Sông Đăk Na	Sông Sê San	35,01	1653397	524100	Đăk Sao	1661305	542048	Dục Nông	78,6	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
596	08	08	05	1_1							Không Tên	Sông Đăk Na	0,6	1660749	541886	Đăk Sao	1660313	541538	Đăk Sao	0,38	
597	08	08	05	1_2							Không Tên	Sông Đăk Na	1,13	1659319	541180	Đăk Sao	1659319	541179	Đăk Sao	0,87	Trùng với sông thứ 5824
598	08	08	05	1_2	01						Không Tên	Không tên	0,92	1659929	540522	Đăk Sao	1659392	541141	Đăk Sao	0,43	
599	08	08	05	1_3							Không Tên	Sông Đăk Na	1,49	1660140	542103	Đăk Sao	1659121	541234	Đăk Sao	1,33	
600	08	08	05	1_4							Không Tên	Sông Đăk Na	2,16	1659097	541211	Đăk Sao	1657513	541836	Đăk Sao	6,01	
601	08	08	05	1_4	01						Không Tên	Đăk Chi	1,16	1658251	541807	Đăk Sao	1657472	542376	Đăk Sao	1,92	
602	08	08	05	1_4	02						Không Tên	Không tên	2,85	1658536	541676	Đăk Sao	1660310	543143	Đăk Sao	2,35	
603	08	08	05	1_5							Không Tên	Sông Đăk Na	0,91	1657507	540989	Đăk Sao	1658192	540804	Đăk Sao	0,73	
604	08	08	05	1_6							Không Tên	Sông Đăk Na	0,56	1658184	539333	Đăk Sao	1657899	538872	Đăk Sao	0,42	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
605	08	08	05	1_7							Đăk Dí	Sông Đăk Na	2,83	1657343	537142	Đăk Sao	1659577	536607	Đăk Sao	3,02	
606	08	08	05	1_7	01						Không Tên	Đăk Dí	1,32	1660431	537252	Đăk Sao	1659136	537304	Đăk Sao	1,28	
607	08	08	05	1_7	01	01					Không Tên	Đăk Dí	0,55	1659944	536914	Đăk Sao	1659569	537276	Đăk Sao	0,67	
608	08	08	05	1_7	02	01					Không Tên	Đăk Dí	0,93	1659980	538878	Đăk Sao	1659125	538739	Đăk Sao	0,91	
609	08	08	05	1_7	02						Không Tên	Đăk Dí	2,42	1658933	538461	Đăk Sao	1658042	537492	Đăk Sao	5,91	
610	08	08	05	1_7	03						Đăk Pê	Đăk Dí	1,62	1658852	536406	Đăk Sao	1657627	537258	Đăk Sao	1,17	
611	08	08	05	1_10							Đăk Pa	Sông Đăk Na	1,08	1656416	536648	Đăk Sao	1657172	536052	Đăk Sao	1,26	
612	08	08	05	1_11							Đăk Plan	Sông Đăk Na	0,7	1655766	536237	Đăk Sao	1656377	535956	Đăk Sao	0,55	
613	08	08	05	1_12	01						Măng Na	Măng Na	0,55	1656510	537788	Đăk Sao	1656209	537345	Đăk Sao	0,43	
614	08	08	05	1_12							Măng Na	Sông Đăk Na	2,28	1655766	536258	Đăk Sao	1655615	538035	Đăk Sao	2,73	
615	08	08	05	1_13							Không Tên	Đăk Chi	0,77	1654821	536574	Đăk Sao	1655345	536050	Đăk Sao	0,68	
616	08	08	05	1_14							Đăk Nai	Sông Đăk Na	4,22	1654697	535685	Đăk Sao	1652901	538904	Đăk Sao	6,99	
617	08	08	05	1_14	01						Đăk Tó	Đăk Nai	0,6	1653983	538312	Đăk Sao	1653910	537730	Đăk Sao	1,24	
618	08	08	05	1_14	02						Không Tên	Đăk Nai	1,54	1654420	536022	Đăk Sao	1653304	536909	Đăk Sao	2,93	
619	08	08	05	1_14	02	01					Đăk Bá	Đăk Chi	0,7	1653083	536546	Đăk Sao	1653726	536445	Đăk Sao	0,61	
620	08	08	05	1_15							Không Tên	Sông Đăk Na	2,31	1656302	535050	Đăk Sao	1654287	534636	Đăk Sao	1,67	
621	08	08	05	1_16							Không Tên	Sông Đăk Na	0,7	1653701	534971	Đăk Sao	1654135	534522	Đăk Sao	0,59	
622	08	08	05	1_17							Không Tên	Sông Đăk Na	0,57	1654077	534382	Đăk Sao	1653563	534587	Đăk Sao	0,49	
623	08	08	05	1_18							Không Tên	Sông Đăk Na	0,47	1653221	534028	Đăk Sao	1653161	533604	Đăk Sao	0,34	
624	08	08	05	01							Sông Đăk Ne	Sông Đăk Na	12,47	1653262	540512	Đăk Sao	1652635	533055	Đăk Sao	74,1	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
625	08	08	05	01	01						Không Tên	Sông Đăk Ne	1,74	1651438	541314	Đăk Sao	1651333	539682	Đăk Sao	1,04	
626	08	08	05	01	02						Đăk Póc	Sông Đăk Ne	2,3	1653408	539449	Đăk Sao	1651349	539259	Đăk Sao	2,16	
627	08	08	05	01	02	01					Không Tên	Đăk Póc	0,86	1652117	539841	Đăk Sao	1651471	539422	Đăk Sao	0,34	
628	08	08	05	01	03						Suối To Rum	Sông Đăk Ne	0,83	1650405	539334	Đăk Sao	1650686	538795	Đăk Sao	0,71	
629	08	08	05	01	04						Không Tên	Sông Đăk Ne	1,38	1650181	537844	Đăk Sao	1649172	538331	Đăk Sao	2,2	
630	08	08	05	01	04	01					Đăk ND 2	Đăk Chi	1,41	1649137	539437	Đăk Sao	1649908	538379	Đăk Sao	1,87	
631	08	08	05	01	05						Đăk Rang	Sông Đăk Ne	1,21	1650118	536777	Đăk Sao	1651204	536686	Đăk Sao	0,89	
632	08	08	05	01	06						Đăk ND	Sông Đăk Ne	1,15	1649391	537489	Đăk Sao	1649875	536498	Đăk Sao	1,34	
633	08	08	05	01	07						Không Tên	Sông Đăk Ne	2,29	1649911	535694	Đăk Sao	1651790	536334	Đăk Sao	2,48	
634	08	08	05	01	08						Đăk Rang	Sông Đăk Ne	5,67	1649841	534952	Đăk Sao	1645779	536292	Đăk Sao	9,46	
635	08	08	05	01	08	01					Không Tên	Đăk Rang	1,11	1647172	536972	Đăk Sao	1646576	536132	Đăk Sao	0,94	
636	08	08	05	01	08	02					Không Tên	Đăk Rang	0,81	1647289	537649	Đăk Sao	1647485	536942	Đăk Sao	0,84	
637	08	08	05	01	08	03					Không Tên	Đăk Rang	0,86	1648162	536726	Đăk Sao	1648075	535976	Đăk Sao	0,44	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
638	08	08	05	01	08	04					Đăk Tun	Đăk Rang	6,95	1648614	535130	Đăk Tờ Kan	1647499	534776	Đăk Sao	22,1	
639	08	08	05	01	08	04	01				Không Tên	Đăk Tun	0,96	1643354	534626	Đăk Sao	1644019	533941	Đăk Sao	0,51	
640	08	08	05	01	08	04	02				Không Tên	Đăk Tun	1,11	1644360	534901	Đăk Sao	1645219	534227	Đăk Sao	0,66	
641	08	08	05	01	08	04	03				Không Tên	Đăk Tun	0,69	1645339	533767	Đăk Sao	1645739	534310	Đăk Sao	1,08	
642	08	08	05	01	08	04	04				Không tên	Đăk Tun	1,59	1645806	534399	Đăk Sao	1645524	533129	Đăk Sao	1,2	
643	08	08	05	01	08	04	05				Không Tên	Đăk Tun	3,18	1647045	532155	Đăk Sao	1647500	534776	Đăk Sao	4,71	
644	08	08	05	01	08	04	05	01			Suối Mô Pong	Đăk Chi	0,88	1646731	532669	Đăk Sao	1645931	532423	Đăk Sao	0,55	
645	08	08	05	01	08	04	06				Đăk Trang	Đăk Tun	4,32	1647857	531534	Đăk Sao	1648613	535130	Đăk Sao	6,77	
646	08	08	05	01	08	04	06	01			Không Tên	Đăk Trang	0,88	1647819	532634	Đăk Sao	1647338	531925	Đăk Sao	0,73	
647	08	08	05	01	08	04	06	02			Đăk Mvông	Đăk Trang	1,25	1648451	532492	Đăk Sao	1648196	533680	Đăk Sao	1,72	
648	08	08	05	01	08	04	06	03			Đăk P'an	Đăk Trang	1,62	1648209	533728	Đăk Sao	1649252	532797	Đăk Sao	1,3	
649	08	08	05	01	08	04	06	04			Đăk Giá	Đăk Trang	0,69	1648251	534375	Đăk Sao	1648602	533977	Đăk Sao	0,46	
650	08	08	05	01	08	05					Không Tên	Đăk Rang	1,23	1649773	534905	Đăk Sao	1649233	533958	Đăk Sao	0,93	
651	08	08	05	01	09						Không Tên	Sông Đăk Ne	0,71	1650512	535357	Đăk Sao	1650478	534838	Đăk Sao	0,46	
652	08	08	05	01	10						Không Tên	Sông Đăk Ne	0,78	1650919	534265	Đăk Sao	1650235	533961	Đăk Sao	0,47	
653	08	08	05	01	11						Không Tên	Sông Đăk Ne	1,32	1650914	535474	Đăk Sao	1651025	534292	Đăk Sao	0,84	
654	08	08	05	01	12						Suối Đa Ne	Sông Đăk Ne	1,81	1652207	533625	Đăk Sao	1652152	535228	Đăk Sao	2,39	
655	08	08	05	01	12	01					Suối Tô Rang	Suối Đa Ne	0,59	1652903	534326	Đăk Sao	1652367	534128	Đăk Sao	0,43	
656	08	08	05	01	13						Không Tên	Sông Đăk Ne	3,66	1650823	531047	Đăk Sao	1652519	533311	Đăk Sao	7,53	
657	08	08	05	01	13	01					Không Tên	Đăk Chi	1,25	1650841	532674	Đăk Sao	1650636	531668	Đăk Sao	0,93	
658	08	08	05	01	13	02					Không Tên	Đăk Chi	1,51	1649837	532295	Đăk Sao	1650998	532857	Đăk Sao	1,34	
659	08	08	05	01	13	03					Suối Tan P'ai	Đăk Chi	0,81	1651816	533056	Đăk Sao	1651432	532433	Đăk Sao	0,43	
660	08	08	05	01	13	04					Suối Tằng Tai	Đăk Chi	1,92	1650270	533417	Đăk Sao	1652039	533146	Đăk Sao	1,01	
661	08	08	05	02							Đăk Ní	Đăk Chi	1,13	1653032	532498	Đăk Sao	1652761	531451	Đăk Sao	0,76	
662	08	08	05	03							Đăk Lãng	Sông Đăk Ne	6,92	1659385	532905	Đăk Sao	1658847	533153	Đăk Sao	15,69	
663	08	08	05	03	01						Không Tên	Đăk Lãng	1,91	1658488	534793	Đăk Sao	1657454	533758	Đăk Sao	1,8	
664	08	08	05	03	02						Không Tên	Đăk Lãng	1,94	1658060	535045	Đăk Sao	1656833	533662	Đăk Sao	0,79	
665	08	08	05	03	03						Không Tên	Đăk Lãng	1,69	1657460	534903	Đăk Sao	1656599	533605	Đăk Sao	0,89	
666	08	08	05	03	04						Không Tên	Đăk Lãng	1,03	1656969	533042	Đăk Sao	1656081	533265	Đăk Sao	0,47	
667	08	08	05	03	05						Đăk Xốp	Đăk Lãng	0,88	1656209	534120	Đăk Sao	1655794	533420	Đăk Sao	0,6	
668	08	08	05	03	06						Đăk Vay	Đăk Lãng	2,23	1655533	533189	Đăk Sao	1657397	532285	Đăk Sao	1,35	
669	08	08	05	03	07						Đăk Trang	Đăk Lãng	0,55	1654750	533124	Đăk Sao	1654607	532639	Đăk Sao	0,46	
670	08	08	05	03	08						Khe Đăk Năn Gia	Đăk Lãng	3,73	1654694	533580	Đăk Sao	1654475	532466	Đăk Sao	2,72	
671	08	08	05	03	08	01					Không Tên	Khe Đăk Năn Gia	1,1	1655599	534054	Đăk Sao	1654607	533793	Đăk Sao	0,84	
672	08	08	05	03	08	02					Không Tên	Khe Đăk Năn Gia	1,1	1654694	533580	Đăk Sao	1655694	533915	Đăk Sao	0,76	
673	08	08	05	03	09						Đăk Priu	Đăk Lãng	1,18	1655485	532537	Đăk Sao	1654486	532307	Đăk Sao	0,83	
674	08	08	05	4_01							Đăk Chi	Sông Sê San	1,41	1653645	530671	Đăk Sao	1654796	531135	Đăk Sao	0,73	Sông đổ ra sông Đăk Na, là phụ lưu cấp 1 sông Đăk Na

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
675	08	08	05	04							Đăk Tô	Sông Đăk Ne	2,61	1655138	530998	Đăk Sao	1657438	531894	Đăk Sao	1,76	
676	08	08	05	04	01						Không Tên	Đăk Tô	0,55	1655999	531136	Đăk Sao	1655469	531116	Đăk Sao	0,11	
677	08	08	05	05							Không Tên	Sông Đăk Ne	1,15	1655890	530230	Đăk Sao	1656586	531015	Đăk Sao	0,72	
678	08	08	05	05	01						Không Tên	Sông Đăk Ne	1,07	1656950	530764	Đăk Sao	1656015	530342	Đăk Sao	0,32	
679	08	08	05	06							Không tên	Sông Đăk Ne	4,32	1655949	530037	Đăk Pék	1658923	532016	Dục Nông	3,14	
680	08	08	05	07							Không Tên	Sông Đăk Ne	1,11	1657070	529178	Đăk Pék	1656041	529329	Dục Nông	0,62	
681	08	08	05	08							Đăk Vong	Sông Đăk Ne	0,78	1654773	529391	Dục Nông	1655245	528815	Dục Nông	0,53	
682	08	08	05	09							Đak Monay	Sông Đăk Ne	0,64	1654621	528960	Dục Nông	1655181	528786	Dục Nông	0,37	
683	08	08	05	10							Đak Randi	Sông Đăk Ne	0,65	1655351	528484	Dục Nông	1654720	528473	Dục Nông	0,49	
684	08	08	05	11							Không tên	Sông Đăk Ne	2,46	1658220	527321	Đăk Pék	1656124	528042	Đăk Pék	3,03	
685	08	08	05	11	02						Đăk Lúy	Sông Đăk Ne	0,6	1657420	527223	Đăk Pék	1657040	527672	Đăk Pék	0,27	
686	08	08	05	11	01						Không Tên	Sông Đăk Ne	0,68	1657919	527231	Đăk Pék	1657474	527724	Đăk Pék	0,23	
687	08	08	05	12							Đăk Choang	Sông Đăk Ne	1,41	1656673	526887	Đăk Pék	1655569	527535	Đăk Pék	0,83	
688	08	08	05	13							Đăk Dray	Sông Đăk Ne	0,82	1653826	527908	Dục Nông	1654352	527324	Dục Nông	0,61	
689	08	08	05	14							Không tên	Sông Đăk Ne	3,3	1653697	526698	Dục Nông	1652243	529197	Dục Nông	5,3	
690	08	08	05	15							Không tên	Sông Đăk Ne	0,81	1653894	526489	Đăk Môn	1654641	526508	Đăk Môn	0,59	
691	08	08	05	16							Không tên	Sông Đăk Ne	1,01	1654705	526297	Đăk Môn	1653868	525878	Đăk Môn	0,47	
692	08	08	05	17							Đăk Góp	Sông Đăk Ne	0,79	1653055	525388	Dục Nông	1652423	525853	Dục Nông	0,89	
693	08	08	05	18							Đăk Trang	Sông Đăk Ne	0,81	1652372	525501	Dục Nông	1653113	525287	Dục Nông	0,62	
694	08	08	06								Sông Đăk Mái	Sông Sê San	12,06	1658033	516587	Đăk Môn	1653420	523368	Đăk Môn	18,39	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; Tên khác: Sông Đăk La
695	08	08	06	01							Không tên	Sông Đăk Mái	0,76	1659070	517709	Đăk Môn	1659431	517172	Đăk Môn	0,55	
696	08	08	06	02							Không tên	Sông Đăk Mái	0,69	1658616	518427	Đăk Môn	1658933	518985	Đăk Môn	0,43	
697	08	08	06	03							Không tên	Sông Đăk Mái	1,22	1658409	518074	Đăk Môn	1658660	519224	Đăk Môn	0,8	
698	08	08	06	04							Không tên	Sông Đăk Mái	1,26	1658487	519576	Đăk Môn	1658085	518452	Đăk Môn	0,73	
699	08	08	06	05							Không tên	Sông Đăk Mái	1,29	1657638	518865	Đăk Môn	1658180	519772	Đăk Môn	0,68	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
700	08	08	06	06							Không tên	Sông Đăk Mái	0,78	1656199	521226	Đăk Môn	1656808	521646	Đăk Môn	0,8	
701	08	08	06	07							Không tên	Sông Đăk Mái	2	1654827	523320	Đăk Môn	1655529	521561	Đăk Môn	2,32	
702	08	08	06	07	01						Không tên	Sông Đăk Mái	1,24	1655135	522229	Đăk Môn	1656165	521667	Đăk Môn	0,76	
703	08	08	06	08							Không tên	Sông Đăk Mái	0,73	1654483	522865	Đăk Môn	1654470	523581	Đăk Môn	0,64	
704	08	08	7_1								Không tên	Sông Sê San	0,86	1654046	522913	Đăk Môn	1653440	523334	Đăk Môn	0,96	
705	08	08	7_2	01							Không tên	Đăk Mar	0,65	1656189	518094	Đăk Môn	1656357	518689	Đăk Môn	0,37	
706	08	08	7_2	02							Không tên	Đăk Mar	1,14	1655760	518073	Đăk Môn	1656092	519080	Đăk Môn	0,82	
707	08	08	7_2	02	01						Không tên	Đăk Mar	0,89	1655369	518303	Đăk Môn	1655986	518900	Đăk Môn	0,44	
708	08	08	7_2	03							Không tên	Đăk Mar	0,74	1655269	519352	Đăk Môn	1655636	519969	Đăk Môn	0,62	
709	08	08	7_2	04							Không tên	Đăk Mar	1,16	1655137	521516	Đăk Môn	1654093	521951	Đăk Môn	0,63	
710	08	08	7_2	05							Không tên	Đăk Mar	1,4	1653985	522162	Đăk Môn	1654071	520936	Đăk Môn	0,55	
711	08	08	7_2								Đăk Mar	Sông Sê San	7,72	1657288	517124	Đăk Môn	1653282	523207	Đăk Môn	10,85	
712	08	08	7_3								Suối Đăk Hlong	Sông Sê San	1,28	1652625	524570	Dục Nông	1652315	523800	Dục Nông	0,7	
713	08	08	7_4								Đăk Túc	Sông Sê San	5,76	1652191	520173	Đăk Môn	1651890	523517	Đăk Môn	10,9	
714	08	08	7_4	01							Không tên	Đăk Mar	1,15	1653476	520180	Đăk Môn	1654128	519241	Đăk Môn	2,19	
715	08	08	7_4	02							Không tên	Đăk Mar	2,01	1652430	521565	Đăk Môn	1652058	523329	Đăk Môn	1,27	
716	08	08	7_4	02	01						Không tên	Đăk Mar	0,86	1651905	522484	Đăk Môn	1652003	523170	Đăk Môn	0,42	
717	08	08	7_5								Không tên	Sông Sê San	1,23	1651704	524858	Dục Nông	1651716	523946	Dục Nông	0,89	
718	08	08	7_6								Đăk Tral	Sông Sê San	8,85	1651462	523849	Dục Nông	1648677	531191	Đăk Môn	20,61	
719	08	08	7_6	01							Không tên	Đăk Tral	1,06	1647937	530682	Dục Nông	1648913	530540	Dục Nông	0,86	
720	08	08	7_6	02							Không tên	Đăk Tral	1,2	1649587	529864	Dục Nông	1650483	530617	Dục Nông	1,04	
721	08	08	7_6	03							Không tên	Đăk Tral	1,29	1648478	530285	Dục Nông	1649549	529658	Dục Nông	1,13	
722	08	08	7_6	04							Không tên	Đăk Tral	2,44	1650350	529586	Dục Nông	1648144	529440	Dục Nông	2,17	
723	08	08	7_6	05							Đăk Man	Đăk Tral	0,98	1651324	528750	Dục Nông	1650768	528069	Dục Nông	0,58	
724	08	08	7_6	06							Đăk Vong	Đăk Tral	1,13	1649877	526277	Dục Nông	1650637	525906	Dục Nông	4,36	
725	08	08	7_6	06	01						Đăk Vong Sol	Đăk Vong	2,46	1648507	526673	Dục Nông	1650367	525807	Dục Nông	2,9	
726	08	08	7_6	06	01	01					Đăk Ji Huôi	Đăk Vong Sol	1,31	1649880	525854	Dục Nông	1648987	526784	Dục Nông	0,47	
727	08	08	7_6	06	01	02					Đăk Plou	Đăk Vong Sol	0,72	1649409	525433	Dục Nông	1650001	525766	Dục Nông	0,42	
728	08	08	7_6	07							Đăk Ta Lề	Đăk Tral	1,09	1651786	525683	Dục Nông	1651250	524822	Dục Nông	0,63	
729	08	08	7_7								Không tên	Sông Sê San	1,91	1651124	523364	Đăk Môn	1651663	521821	Dục Nông	1,68	
730	08	08	7_8								Không tên	Sông Sê San	0,75	1650854	523316	Đăk Môn	1650884	522671	Đăk Môn	0,32	
731	08	08	7_9								Đăk Tơ Năng	Sông Sê San	1,19	1650393	524707	Dục Nông	1650347	523616	Dục Nông	1,18	
732	08	08	7_9	01							Đăk Riê	Đăk Tơ Năng	1,02	1650409	523977	Dục Nông	1650032	524778	Dục Nông	0,64	
733	08	08	7_10								Không tên	Sông Sê San	1,19	1650725	522389	Đăk Môn	1650016	523292	Dục Nông	1,18	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
734	08	08	7_11								Đăk Pờ Reng	Sông Sê San	0,92	1649505	524119	Dục Nông	1649796	523433	Dục Nông	0,76	
735	08	08	7_11_1								Đăk Phok	Sông Sê San	1,63	1649398	523283	Dục Nông	1649448	524479	Dục Nông	0,94	
736	08	08	7_12								Đăk Tum	Sông Sê San	2,6	1649858	520920	Đăk Môn	1648924	523040	Đăk Môn	2,99	
737	08	08	7_12	01							Đăk Tum	Đăk Tum	0,69	1649558	522020	Đăk Môn	1649136	521563	Đăk Môn	0,55	
738	08	08	7_13								Đăk Mí	Sông Sê San	0,91	1648657	522312	Đăk Môn	1648782	522973	Đăk Môn	0,37	
739	08	08	7_14								Đăk Pók	Sông Sê San	1,03	1648607	523014	Dục Nông	1648849	523907	Dục Nông	0,84	
740	08	08	7_14	01							Không tên	Đăk Pók	1,46	1648722	524375	Dục Nông	1648626	523066	Dục Nông	0,62	
741	08	08	7_15	01							Đăk Glao	Sê San	2,51	1646961	524727	Dục Nông	1647941	522921	Dục Nông	2,09	
742	08	08	7_15								Không tên	Sông Sê San	1,91	1647892	522724	Dục Nông	1648186	524304	Dục Nông	3,1	
743	08	08	7_16								Đăk Tập	Sông Sê San	1,02	1646989	523613	Dục Nông	1647311	522748	Dục Nông	0,51	
744	08	08	7_17								Đăk Ne	Sông Sê San	1,16	1648161	522237	Đăk Môn	1647260	522609	Đăk Môn	0,55	
745	08	08	7_18								Đăk Gla	Sông Sê San	0,85	1646722	523413	Dục Nông	1646837	522656	Dục Nông	0,47	
746	08	08	7_19								Không Tên	Sông Sê San	2,85	1648666	520995	Đăk Môn	1646703	522622	Dục Nông	3,24	
747	08	08	7_19	01							Không Tên	Sê San	1,43	1647006	522421	Đăk Môn	1647691	521335	Đăk Môn	0,72	
748	08	08	7_20								Đăk Năng	Sông Sê San	1,76	1646442	522545	Dục Nông	1646253	524197	Dục Nông	0,888	
749	08	08	7_21								Không Tên	Sông Sê San	1,16	1646777	521670	Đăk Môn	1646205	522365	Dục Nông	0,7	
750	08	08	7_21	01							Không Tên	Sê San	0,56	1646375	522284	Đăk Môn	1646461	521745	Đăk Môn	0,43	
751	08	08	7_22								Không Tên	Sông Sê San	0,73	1645865	522371	Đăk Môn	1646072	521766	Dục Nông	0,58	
752	08	08	7_23								Đăk Mơ Ngang	Sông Sê San	1,75	1645916	523649	Dục Nông	1645386	522430	Dục Nông	0,77	
753	08	08	7_23	01							Đăk Mơ Ham	Đăk Mơ Ngang	0,89	1645542	522431	Dục Nông	1645600	523273	Dục Nông	0,21	
754	08	08	7_24								Đăk Long	Sông Sê San	8,79	1645207	522441	Dục Nông	1647703	528055	Dục Nông	15,1	
755	08	08	7_24	01							Đăk Pôi	Đăk Long	0,59	1648819	527717	Dục Nông	1648400	527335	Dục Nông	0,57	
756	08	08	7_24	02							Đăk Mơ Năng	Đăk Long	0,83	1647618	527585	Dục Nông	1648180	527011	Dục Nông	0,79	
757	08	08	7_24	03							Không tên	Đăk Long	1,35	1647183	526407	Dục Nông	1647273	527511	Dục Nông	2,3	
758	08	08	7_24	03	01						Không tên	Đăk Long	0,61	1646568	527470	Dục Nông	1647017	527083	Dục Nông	0,67	
759	08	08	7_24	04							Đăk Rơ Mong	Đăk Mơ Ngang	1,56	1645637	524577	Dục Nông	1645821	525976	Dục Nông	3,1	
760	08	08	7_24	04	01						Đăk Rai	Đăk Rơ Mong	1,85	1644191	525843	Dục Nông	1645590	524891	Dục Nông	0,65	
761	08	08	7_24	05							Đăk Hrai	Đăk Mơ Ngang	1,01	1644387	524524	Dục Nông	1645307	524180	Dục Nông	1,07	
762	08	08	7_25								Đăk ChĐ	Sông Sê San	1,01	1644788	523079	Dục Nông	1644559	522350	Đăk Môn	0,51	
763	08	08	7_26								Không tên	Sông Sê San	0,65	1644466	522969	Dục Nông	1644343	522387	Dục Nông	0,46	
764	08	08	7_27								Không tên	Sông Sê San	1,22	1643996	522175	Dục Nông	1643943	523369	Dục Nông	0,72	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
765	08	08	7_28								Không tên	Sông Sê San	1,01	1643570	522843	Dục Nông	1643969	522155	Dục Nông	0,84	
766	08	08	07								Sông Đắk Rơ Long	Sông Sê San	38,47	1659544	501038	Đăk Long	1643872	521923	Dục Nông	325	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
767	08	08	07	1_1							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	0,64	1658288	501425	Đăk Long	1658785	501784	Đăk Long	0,32	
768	08	08	07	1_2							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	0,84	1658409	502216	Đăk Long	1658206	501420	Đăk Long	0,46	
769	08	08	07	1_3							Đăk Trang	Sông Đắk Rơ Long	9,76	1657347	496590	Đăk Long	1656871	501352	Đăk Long	22,17	
770	08	08	07	1_3	01						Không tên	Đăk Trang	0,68	1657194	497402	Đăk Long	1656563	497542	Đăk Long	0,35	
771	08	08	07	1_3	02						Đăk Trang	Đăk Trang	1,4	1657746	497619	Đăk Long	1657663	498957	Đăk Long	1,27	
772	08	08	07	1_3	02	01					Không tên	Đăk Trang	0,98	1657238	497700	Đăk Long	1657750	498510	Đăk Long	0,98	
773	08	08	07	1_3	03						Không tên	Đăk Trang	0,83	1658183	498385	Đăk Long	1658237	499151	Đăk Long	1,1	
774	08	08	07	1_3	04						Không tên	Đăk Trang	4,61	1659968	498020	Đăk Long	1659968	498020	Đăk Long	11,56	
775	08	08	07	1_3	04	01					Đăk Long	Đăk Trang	0,63	1658614	497047	Đăk Long	1659115	497322	Đăk Long	0,46	
776	08	08	07	1_3	04	02					Không tên	Đăk Trang	0,6	1659281	496616	Đăk Long	1659414	497175	Đăk Long	0,59	
777	08	08	07	1_3	04	03					Không tên	Đăk Trang	0,79	1659857	496656	Đăk Long	1659697	497301	Đăk Long	0,37	
778	08	08	07	1_3	04	04					Suối cạn	Đăk Trang	1,65	1659968	498020	Đăk Long	1661150	498185	Đăk Long	1,04	
779	08	08	07	1_3	04	05					Không tên	Đăk Trang	1,12	1660965	498227	Đăk Long	1659933	498320	Đăk Long	0,8	
780	08	08	07	1_3	04	06					Suối cạn	Đăk Trang	0,83	1658666	498282	Đăk Long	1659297	498781	Đăk Long	0,77	
781	08	08	07	1_3	04	07					Không tên	Đăk Trang	1,06	1659236	499004	Đăk Long	1660234	499205	Đăk Long	0,84	
782	08	08	07	1_3	04	08					Đăk Pia	Đăk Trang	4,48	1659098	499079	Đăk Long	1661954	501210	Đăk Long	4,6	
783	08	08	07	1_3	04	08	01				Khe cạn	Đăk Pia	0,63	1660482	500350	Đăk Long	1660908	500796	Đăk Long	0,43	
784	08	08	07	1_3	05						Không tên	Đăk Trang	0,97	1658442	499662	Đăk Long	1658800	500395	Đăk Long	0,86	
785	08	08	07	1_4							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	1,82	1655991	500056	Đăk Long	1656871	501353	Đăk Long	1,49	
786	08	08	07	1_5							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	2,21	1656274	502331	Đăk Long	1658118	502680	Đăk Long	2,12	
787	08	08	07	1_5	01						Không tên	Sông Đắk Rơ Long	0,98	1657550	502535	Đăk Long	1658181	503264	Đăk Long	0,33	
788	08	08	07	1_6							Đăk Xôn	Sông Đắk Rơ Long	7,04	1653966	497981	Đăk Long	1655176	503090	Đăk Long	7,13	
789	08	08	07	1_6	01						Không tên	Đăk Rơ Long	1,15	1655748	499289	Đăk Long	1654831	499174	Đăk Long	0,33	
790	08	08	07	1_6	02						Không tên	Đăk Xôn	0,65	1655584	500355	Đăk Long	1654982	500278	Đăk Long	0,12	
791	08	08	07	1_7							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	0,84	1655400	503344	Đăk Long	1656153	503609	Đăk Long	0,96	
792	08	08	07	1_8							Không tên	Sông Đắk Rơ Long	5,62	1652102	500106	Đăk Long	1654971	503537	Đăk Long	11,98	
793	08	08	07	1_8	01						Thượng nguồn Đăk Met	Sông Đắk Rơ Long	3,43	1653587	498125	Đăk Long	1653597	501139	Đăk Long	2,37	
794	08	08	07	1_8	02						Không tên	Sông Đắk Rơ Long	3,07	1654137	498468	Đăk Long	1653971	501180	Đăk Long	1,93	
795	08	08	07	1_8	03						Không tên	Sông Đắk Rơ Long	1,06	1653184	501680	Đăk Long	1654070	502161	Đăk Long	0,65	
796	08	08	07	1_8	04						Không tên	Sông Đắk Rơ Long	0,7	1653600	502700	Đăk Long	1654252	502736	Đăk Long	0,96	
797	08	08	07	1_9							Đăk Canh	Sông Đắk Rơ Long	3,3	1657762	504238	Đăk Long	1654857	504643	Đăk Long	14,12	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
798	08	08	07	1_9	01						Không tên	Đăk Canh	0,83	1656552	504457	Đăk Long	1657226	504895	Đăk Long	0,52	
799	08	08	07	1_9	02						Không tên	Đăk Canh	1,52	1655654	504741	Đăk Long	1656994	505256	Đăk Long	0,66	
800	08	08	07	1_9	03						Không tên	Đăk Canh	1,16	1656340	505597	Đăk Long	1655600	504752	Đăk Long	0,6	
801	08	08	07	1_10							Đăk Pren	Sông Đăk Rơ Long	3,52	1657250	506353	Đăk Long	1654393	505149	Đăk Long	3,16	
802	08	08	07	1_11							Không tên	Sông Đăk Rơ Long	2,34	1653201	503758	Đăk Long	1653695	505586	Đăk Long	1,6	
803	08	08	07	1_12							Đăk Ple	Sông Đăk Rơ Long	3,43	1653452	506056	Đăk Long	1656169	507237	Đăk Long	2,55	
804	08	08	07	1_13							Đăk Pok	Sông Đăk Rơ Long	0,64	1652031	506293	Đăk Long	1652541	506644	Đăk Long	0,92	
805	08	08	07	1_14							Đăk Nha	Sông Đăk Rơ Long	5,6	1652153	507241	Đăk Long	1653579	508297	Đăk Long	6,54	
806	08	08	07	1_15							Đăk Giao	Sông Đăk Rơ Long	5,34	1651021	506871	Đăk Long	1651022	506871	Đăk Long	18,88	
807	08	08	07	1_15	01						Đăk Blóc	Đăk Giao	1,76	1649357	504435	Đăk Long	1650359	505584	Đăk Long	3,29	
808	08	08	07	1_15	01	01					Không tên	Đăk Blóc	1,11	1649024	504600	Đăk Long	1649940	505088	Đăk Long	0,64	
809	08	08	07	1_15	02						Đăk Bàng	Đăk Giao	2,56	1648659	506200	Đăk Long	1650738	505980	Đăk Long	1,25	
810	08	08	07	1_15	03						Không tên	Đăk Giao	3,31	1650434	503229	Đăk Long	1650893	506115	Đăk Long	1,39	
811	08	08	07	1_15	03	01					Đăk Giao	Sông Đăk Rơ Long	3,71	1650986	505856	Đăk Long	1651669	503355	Đăk Long	6,81	
812	08	08	07	1_15	03	01	01				Không tên	Đăk Giao	0,86	1651027	504686	Đăk Long	1651450	505333	Đăk Long	0,78	
813	08	08	07	1_15	04						Đăk Blây	Đăk Giao	2,26	1651055	506877	Đăk Long	1649174	506841	Đăk Long	2,88	
814	08	08	07	1_16							Đăk Lar	Sông Đăk Rơ Long	1,56	1649669	508236	Đăk Long	1650650	509255	Đăk Long	1,98	
815	08	08	07	1_17							Đăk Pơ Ri	Sông Đăk Rơ Long	1,19	1651371	510022	Đăk Long	1650245	509888	Đăk Long	0,53	
816	08	08	07	1_18							Đăk Tác	Sông Đăk Rơ Long	1,19	1650794	510510	Đăk Long	1650127	509981	Đăk Long	0,79	
817	08	08	07	1_19							Đăk Đôn	Sông Đăk Rơ Long	4,97	1647179	507658	Đăk Long	1649511	510866	Đăk Long	7,29	
818	08	08	07	01							Sông Đăk Tu	Sông Đăk Rơ Long	26,14	1649185	511877	Đăk Long	1664178	504315	Đăk Long	113,6	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
819	08	08	07	01	01						Không tên	Sông Đăk Tu	0,87	1663391	504216	Đăk Long	1664151	504487	Đăk Long	0,67	
820	08	08	07	01	02						Không tên	Sông Đăk Tu	1,25	1662843	504773	Đăk Long	1663937	504980	Đăk Long	0,96	
821	08	08	07	01	03						Không tên	Sông Đăk Tu	2,75	1660376	506654	Đăk Long	1662668	507513	Đăk Long	2,46	
822	08	08	07	01	03	01					Không tên	Sông Đăk Tu	1,42	1661550	506749	Đăk Long	1662234	507923	Đăk Long	1,13	
823	08	08	07	01	03	02					Không tên	Sông Đăk Tu	1,85	1660663	506716	Đăk Long	1661966	507941	Đăk Long	1,54	
824	08	08	07	01	04						Đăk Tu	Sông Đăk Tu	3,23	1659431	507153	Đăk Long	1661814	508947	Đăk Long	3,48	
825	08	08	07	01	04	01					Không tên	Đăk Tu	1,9	1660195	507749	Đăk Long	1661163	509170	Đăk Long	0,71	
826	08	08	07	01	05						Không tên	Sông Đăk Tu	2,94	1659065	507467	Đăk Long	1660766	509474	Đăk Long	1,11	
827	08	08	07	01	06						Đăk Tu	Sông Đăk Tu	8,44	1663265	502780	Đăk Long	1658960	507512	Đăk Long	19,68	
828	08	08	07	01	06	01					Khe cạn	Đăk Tu	0,6	1662740	502761	Đăk Long	1663247	503047	Đăk Long	0,33	
829	08	08	07	01	06	02					Không tên	Đăk Tu	2,15	1663066	502079	Đăk Long	1661780	503250	Đăk Long	1,84	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
830	08	08	07	01	06	03					Không tên	Đăk Tu	1,72	1661304	501878	Đăk Long	1661253	503409	Đăk Long	2,26	
831	08	08	07	01	06	03	01				Không tên	Đăk Tu	0,77	1660869	502625	Đăk Long	1661285	503263	Đăk Long	0,73	
832	08	08	07	01	06	04					Không tên	Đăk Tu	1,44	1660700	504162	Đăk Long	1662062	504249	Đăk Long	0,57	
833	08	08	07	01	06	05					Không tên	Đăk Tu	3,91	1660414	501469	Đăk Long	1660047	504666	Đăk Long	5	
834	08	08	07	01	06	05	01				Khe cạn	Đăk Tu	0,65	1659145	502268	Đăk Long	1659630	502684	Đăk Long	0,31	
835	08	08	07	01	06	05	02				Không tên	Đăk Tu	0,79	1658854	502621	Đăk Long	1659559	502879	Đăk Long	0,46	
836	08	08	07	01	06	05	03				Không tên	Đăk Tu	0,89	1659670	503418	Đăk Long	1658849	503200	Đăk Long	0,64	
837	08	08	07	01	06	05	04				Không tên	Đăk Tu	0,84	1659823	503738	Đăk Long	1659070	503588	Đăk Long	0,39	
838	08	08	07	01	06	06					Không tên	Đăk Tu	1,22	1658859	504348	Đăk Long	1659784	505012	Đăk Long	0,67	
839	08	08	07	01	06	07					Không tên	Đăk Tu	1,49	1658298	504566	Đăk Long	1659304	505564	Đăk Long	0,92	
840	08	08	07	01	06	07	01				Không tên	Đăk Tu	0,55	1658703	505097	Đăk Long	1658164	505056	Đăk Long	0,12	
841	08	08	07	01	06	08					Không tên	Đăk Tu	2,04	1658065	505438	Đăk Long	1659078	506840	Đăk Long	1,37	
842	08	08	07	01	07						Không tên	Sông Đăk Tu	2,82	1658191	508081	Đăk Long	1660252	509634	Đăk Long	1,76	
843	08	08	07	01	08						Không tên	Sông Đăk Tu	0,67	1656346	509014	Đăk Long	1656540	509584	Đăk Long	0,23	
844	08	08	07	01	09						Đăk Hun	Sông Đăk Tu	9,94	1655822	511648	Đăk Long	1663761	509965	Đăk Long	28,86	
845	08	08	07	01	09	01					Không tên	Đăk Hun	1,11	1662109	509492	Đăk Long	1662286	510444	Đăk Long	0,57	
846	08	08	07	01	09	02					Không tên	Đăk Hun	1,13	1661924	509476	Đăk Long	1662040	510563	Đăk Long	0,62	
847	08	08	07	01	09	03					Không tên	Đăk Hun	1,93	1661828	510721	Đăk Long	1662555	512166	Đăk Long	2,46	
848	08	08	07	01	09	03	01				Khe cạn	Đăk Hun	0,69	1662181	511112	Đăk Long	1662325	511765	Đăk Long	0,24	
849	08	08	07	01	09	03	01	01			Không tên	Khe cạn	1	1662168	511161	Đăk Long	1662136	512074	Đăk Long	0,73	
850	08	08	07	01	09	04					Không tên	Đăk Hun	1,78	1660637	510833	Đăk Long	1661834	512024	Đăk Long	1,58	
851	08	08	07	01	09	05					Không tên	Đăk Hun	0,86	1660762	510444	Đăk Long	1660423	510922	Đăk Long	0,83	
852	08	08	07	01	09	06	01				Không tên	Sông Sê San	1,1	1660514	511831	Đăk Long	1661501	512262	Đăk Long	0,67	
853	08	08	07	01	09	07					Khe cạn	Đăk Hun	0,8	1659787	511921	Đăk Long	1660260	512523	Đăk Long	0,43	
854	08	08	07	01	09	08					Không tên	Đăk Hun	0,93	1659414	511033	Đăk Long	1658998	511824	Đăk Long	0,67	
855	08	08	07	01	09	09					Không tên	Đăk Hun	1,84	1658428	510334	Đăk Long	1658088	511744	Đăk Long	3,4	
856	08	08	07	01	09	09	01				Không tên	Đăk Hun	1,01	1657487	511024	Đăk Long	1658349	511353	Đăk Long	0,69	
857	08	08	07	01	09	10					Không tên	Đăk Hun	2,03	1657818	512006	Đăk Long	1659604	512782	Đăk Long	1,23	
858	08	08	07	01	09	11					Đăk Nông	Đăk Hun	4,28	1659237	513906	Đăk Long	1659238	513913	Đăk Long	8,55	
859	08	08	07	01	09	11	01				Không tên	Đăk Nông	0,91	1659280	514777	Đăk Long	1659238	513913	Đăk Long	0,24	
860	08	08	07	01	09	11	02				Không tên	Đăk Nông	0,7	1658486	513911	Đăk Long	1658640	513266	Đăk Long	0,22	
861	08	08	07	01	09	11	03				Không tên	Đăk Nông	2,62	1657448	512611	Đăk Long	1658347	514593	Đăk Long	2,46	
862	08	08	07	01	09	11	03	01			Không tên	Đăk Nông	0,69	1656717	513744	Đăk Long	1657288	513404	Đăk Long	0,65	
863	08	08	07	01	09	11	03	02			Khe cạn	Đăk Nông	0,62	1657496	513147	Đăk Long	1657901	513601	Đăk Long	0,25	
864	08	08	07	01	09	60					Không tên	Đăk Hun	1,95	1660093	511540	Đăk Long	1661070	512933	Đăk Long	1,66	
865	08	08	07	01	10						Không tên	Sông Đăk Tu	2,23	1655226	512306	Đăk Long	1656310	514057	Đăk Long	1,08	
866	08	08	07	01	11						Đăk Rik	Sông Đăk Tu	7,11	1654862	512446	Đăk Long	1658691	516033	Đăk Long	11,98	
867	08	08	07	01	11	01					Không tên	Đăk Rik	0,93	1656908	515834	Đăk Long	1657237	516658	Đăk Long	0,82	
868	08	08	07	01	11	02					Không tên	Đăk Rik	0,72	1656779	515755	Đăk Long	1656702	516472	Đăk Long	0,76	
869	08	08	07	01	11	03					Không tên	Đăk Rik	1,25	1657493	514839	Đăk Long	1656394	515319	Đăk Long	1,37	
870	08	08	07	01	11	04					Không tên	Đăk Rik	0,66	1655721	514568	Đăk Long	1656319	514301	Đăk Long	0,48	
871	08	08	07	01	11	05					Không tên	Đăk Rik	1,65	1655951	515912	Đăk Long	1655204	514535	Đăk Long	1,84	
872	08	08	07	01	11	06					Không tên	Đăk Rik	0,86	1655407	513825	Đăk Long	1654732	513386	Đăk Long	0,84	
873	08	08	07	01	12						Không tên	Sông Đăk Tu	1,85	1652748	510067	Đăk Long	1653307	511419	Đăk Long	0,74	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
874	08	08	07	2_1							Đăk Rom	Sông Đăk Rơ Long	1,89	1650147	513421	Đăk Long	1649001	512326	Đăk Long	2,17	
875	08	08	07	2_2							Đăk Tam	Sông Đăk Rơ Long	0,94	1649207	512994	Đăk Long	1648385	512802	Đăk Long	0,55	
876	08	08	07	2_3							Đăk Tam	Sông Đăk Rơ Long	0,58	1648502	513274	Đăk Long	1647967	513118	Đăk Long	0,71	
877	08	08	07	2_4							Đăk B'Lóc	Sông Đăk Rơ Long	6,49	1647029	509926	Đăk Long	1647210	514465	Đăk Long	18,3	
878	08	08	07	2_4	01						Không tên	Đăk B'Lóc	2,21	1648170	511478	Đăk Long	1646386	512352	Đăk Long	2,42	
879	08	08	07	2_4	02						Đăk Trang	Đăk B'Lóc	1,16	1645645	512114	Đăk Long	1646453	512853	Đăk Long	2,48	
880	08	08	07	2_4	02	01					Không tên	Đăk Trang	0,93	1645398	512951	Đăk Long	1646291	512766	Đăk Long	1,2	
881	08	08	07	2_4	03						Không tên	Đăk B'Lóc	1,72	1645302	514621	Đăk Long	1646643	513894	Đăk Long	2,61	
882	08	08	07	2_5							Đăk Ao	Sông Đăk Rơ Long	1,17	1648343	515256	Đăk Long	1647342	514889	Đăk Long	0,96	
883	08	08	07	2_6							Đăk Pio	Sông Đăk Rơ Long	2,89	1646372	516393	Đăk Long	1644394	515045	Đăk Long	4,45	
884	08	08	07	2_7							Đăk Nah	Sông Đăk Rơ Long	2,4	1643935	518634	Đăk Môn	1645841	518002	Đăk Môn	2,14	
885	08	08	07	2_8							Đăk Sơ Pan	Sông Đăk Rơ Long	1,29	1645810	519453	Đăk Môn	1645228	518597	Đăk Môn	0,53	
886	08	08	07	2_9							Không Tên	Sông Đăk Rơ Long	2,56	1645302	520320	Đăk Môn	1646704	521132	Đăk Môn	12,09	
887	08	08	07	2_9	01						Đăk pành	Sông Đăk Rơ Long	0,87	1647682	520678	Đăk Môn	1646837	520558	Đăk Môn	0,67	
888	08	08	07	2_9	02						Không Tên	Sông Đăk Rơ Long	0,63	1646269	520466	Đăk Môn	1646194	521046	Đăk Môn	0,33	
889	08	08	07	2_9	03						Đăk Kíc	Sông Đăk Rơ Long	6,73	1651007	518569	Đăk Môn	1645673	520450	Đăk Môn	6,22	
890	08	08	07	2_9	03	01					Không Tên	Đăk Kíc	0,8	1647784	519424	Đăk Môn	1647201	519786	Đăk Môn	0,49	
891	08	08	07	2_10							Đăk pờ Cha	Sông Đăk Rơ Long	1,07	1644105	520302	Đăk Môn	1645104	520530	Đăk Môn	0,59	
892	08	08	07	2_11							Không Tên	Sông Đăk Rơ Long	1,28	1645835	521425	Đăk Môn	1644818	521165	Đăk Môn	1,2	
893	08	08	07	2_11	01						Đăk Nea	Sông Đăk Rơ Long	0,95	1644851	521182	Đăk Môn	1645703	521039	Đăk Môn	0,6	
894	08	08	07	02							Sông Đăk Lôi	Sông Đăk Rơ Long	11,22	1655529	517183	Đăk Môn	1646202	518221	Đăk Môn	28,84	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
895	08	08	07	02	01						Không Tên	Sông Đăk Lôi	1,11	1655383	518005	Đăk Môn	1654396	517574	Đăk Môn	0,68	
896	08	08	07	02	02						Không Tên	Sông Đăk Lôi	2,89	1655333	516320	Đăk Môn	1653532	517367	Đăk Môn	2,3	
897	08	08	07	02	03						Không Tên	Sông Đăk Lôi	1,15	1652454	517228	Đăk Môn	1653196	516447	Đăk Môn	0,87	
898	08	08	07	02	04						Khe Giôn	Sông Đăk Lôi	4,77	1652938	515356	Đăk Môn	1649019	517164	Đăk Môn	9,34	
899	08	08	07	02	04	01					Không Tên	Khe Giôn	1,2	1650917	515290	Đăk Môn	1650839	516298	Đăk Môn	3,25	
900	08	08	07	02	04	01	01				Không Tên	Khe Giôn	1,27	1651660	514829	Đăk Môn	1651124	515804	Đăk Môn	2,54	
901	08	08	07	02	05						Đăk Sam	Sông Đăk Lôi	0,98	1648055	518895	Đăk Môn	1647523	518133	Đăk Môn	0,5	
902	08	08	07	02	06						Đăk Tom	Sông Đăk Lôi	0,89	1647310	518192	Đăk Môn	1647473	517402	Đăk Môn	0,66	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
903	08	08	8_1								Không tên	Sông Sê San	0,82	1643804	520726	Dục Nông	1643612	521398	Dục Nông	0,69	
904	08	08	8_2								Đăk KĐo	Sông Sê San	4,97	1641545	517905	Dục Nông	1642242	521695	Dục Nông	12,45	
905	08	08	8_2	01							Không tên	Sê San	2,23	1643154	518483	Dục Nông	1641162	518959	Dục Nông	3,78	
906	08	08	8_2	01	01						Không tên	Sê San	1,03	1642382	518656	Dục Nông	1643223	518951	Dục Nông	0,66	
907	08	08	8_2	01	02						Đăk kal	Sê San	1,15	1642385	517636	Dục Nông	1641953	518620	Dục Nông	2,27	
908	08	08	8_2	01	02	01					Đăk EK	Sê San	1,31	1643362	518255	Dục Nông	1642148	518357	Dục Nông	1,45	
909	08	08	8_2	02							Không tên	Đăk KĐo	1	1641612	519644	Dục Nông	1642425	519211	Dục Nông	0,65	
910	08	08	8_2	03							Đăk Alakr	Đăk KĐo	0,79	1641923	520544	Dục Nông	1642626	520253	Dục Nông	0,54	
911	08	08	8_2	04							Không tên	Đăk KĐo	1,08	1642893	520581	Dục Nông	1642336	521439	Dục Nông	0,37	
912	08	08	08								Sông Đăk piu	Sông Sê San	20,92	1641663	521906	Đăk Sao	1645078	531720	Dục Nông	82,2	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
913	08	08	08	01							Không Tên	Sông Đăk piu	1,71	1644219	531456	Đăk Sao	1642942	532106	Đăk Sao	0,11	
914	08	08	08	02							Không Tên	Sông Đăk piu	1,72	1643998	532619	Đăk Sao	1642413	532238	Đăk Sao	0,96	
915	08	08	08	03							Không Tên	Sông Đăk piu	0,71	1642758	531631	Đăk Sao	1642175	531965	Đăk Sao	0,23	
916	08	08	08	04							Đăk Pui	Sông Đăk piu	4,77	1641941	531378	Đăk Tờ Kan	1643369	533472	Ngok Tụ	8,21	
917	08	08	08	04	01						Không Tên	Đăk Pui	1	1643101	534085	Đăk Tờ Kan	1642593	533278	Đăk Tờ Kan	0,62	
918	08	08	08	04	02						Không Tên	Đăk Pui	1,38	1642269	534060	Đăk Tờ Kan	1641350	533120	Đăk Tờ Kan	0,73	
919	08	08	08	05							Không Tên	Sông Đăk piu	2,15	1643809	530490	Đăk Sao	1641827	531245	Ngok Tụ	2,1	
920	08	08	08	05	01						Không Tên	Sông Đăk piu	0,63	1644017	530889	Đăk Sao	1643450	530705	Đăk Sao	0,43	
921	08	08	08	06							Không tên	Sông Đăk piu	4,24	1641792	531220	Đăk Tờ Kan	1638576	533426	Ngok Tụ	3,76	
922	08	08	08	07							Không tên	Sông Đăk piu	0,87	1640982	531228	Ngok Tụ	1641734	531142	Ngok Tụ	0,42	
923	08	08	08	08							Không Tên	Sông Đăk piu	0,88	1642315	530531	Đăk Sao	1641525	530868	Ngok Tụ	0,82	
924	08	08	08	09							Không tên	Sông Đăk piu	0,73	1640786	530847	Ngok Tụ	1641470	530782	Ngok Tụ	0,57	
925	08	08	08	10							Không tên	Sông Đăk piu	0,67	1640716	530445	Ngok Tụ	1641260	530518	Ngok Tụ	0,37	
926	08	08	08	11							Không Tên	Sông Đăk piu	0,57	1641858	529968	Đăk Sao	1641346	529975	Ngok Tụ	0,33	
927	08	08	08	12							Đăk Ré	Sông Đăk piu	7,89	1640925	529473	Ngok Tụ	1635975	531801	Ngok Tụ	20,27	
928	08	08	08	12	01						Không tên	Đăk RĐ	0,64	1636642	531255	Ngok Tụ	1636405	531843	Ngok Tụ	0,59	
929	08	08	08	12	02						Không tên	Đăk RĐ	0,79	1638546	531900	Ngok Tụ	1639026	532400	Ngok Tụ	0,5	
930	08	08	08	12	03						Không tên	Đăk RĐ	1,63	1638101	531435	Ngok Tụ	1639315	531802	Ngok Tụ	1,34	
931	08	08	08	12	04						Không tên	Đăk RĐ	1,91	1637358	531218	Ngok Tụ	1639045	530559	Ngok Tụ	1,22	
932	08	08	08	12	05						Đăk Pong	Đăk RĐ	3,99	1636552	528309	Ngok Tụ	1639440	529774	Ngok Tụ	5,7	
933	08	08	08	12	05	01					Đăk Pong	Đăk Pong	1,24	1636627	529132	Ngok Tụ	1637636	528559	Ngok Tụ	0,61	
934	08	08	08	12	05	02					Đăk Pong	Đăk Pong	0,82	1637843	528901	Ngok Tụ	1638501	529142	Ngok Tụ	0,44	
935	08	08	08	12	05	03					Đăk Pong	Đăk Pong	2,66	1639109	529485	Ngok Tụ	1636806	530446	Ngok Tụ	2,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
936	08	08	08	12	05	03	01				Đăk Pong	Đăk Pong	1,48	1636778	529847	Ngok Tụ	1638195	529799	Ngok Tụ	0,83	
937	08	08	08	12	06						Không tên	Đăk RĐ	2,26	1638234	527710	Ngok Tụ	1639590	529030	Ngok Tụ	1,73	
938	08	08	08	12	06	01					Không tên	Đăk RĐ	0,8	1639130	527328	Ngok Tụ	1639205	527960	Ngok Tụ	0,61	
939	08	08	08	13							Không tên	Sông Đăk pui	2,08	1643346	529005	Dục Nông	1641373	529055	Dục Nông	10,04	
940	08	08	08	13	01						Không tên	Sông Đăk pui	1,67	1642441	529047	Dục Nông	1643543	530132	Dục Nông	1,6	
941	08	08	08	13	01	01					Không tên	Sông Đăk pui	1,55	1642568	529332	Dục Nông	1643831	530050	Dục Nông	0,83	
942	08	08	08	13	02						Không tên	Sông Đăk pui	0,62	1642367	529592	Dục Nông	1642118	529099	Dục Nông	0,26	
943	08	08	08	14							Không tên	Sông Đăk pui	0,55	1640600	527987	Dục Nông	1641042	527695	Dục Nông	0,34	
944	08	08	08	15							Không tên	Sông Đăk pui	1,18	1642856	527826	Dục Nông	1641783	527525	Dục Nông	1,17	
945	08	08	08	16							Đăk Hin	Sông Đăk pui	3,07	1639991	526745	Dục Nông	1642708	526540	Dục Nông	2	
946	08	08	08	16	01						Không tên	Đăk Hin	0,33	1642246	526776	Dục Nông	1641934	526687	Dục Nông	0,32	
947	08	08	08	17							Đăk Cầm Pao	Sông Đăk pui	1,04	1641715	526194	Dục Nông	1642667	526169	Dục Nông	0,66	
948	08	08	08	18	1_01						Không tên	Sông Đăk pui	0,92	1644199	526598	Dục Nông	1644904	527145	Dục Nông	0,42	Phụ lưu đầu tiên chảy vào sông thứ 4121
949	08	08	08	18							Không tên	Sông Đăk pui	3,36	1642556	526091	Dục Nông	1645536	526536	Dục Nông	15,03	
950	08	08	08	18	01						Đăk Ju	Sông Đăk pui	5,03	1646604	528956	Dục Nông	1643805	526641	Dục Nông	7,86	Trùng với 638, sông đúng phải cộng chiều dài với 638
951	08	08	08	18	01	01					Không tên	Sông Đăk pui	1,62	1645173	528732	Dục Nông	1646591	528478	Dục Nông	1,92	
952	08	08	08	18	01	02					Không tên	Đăk Ju	1,07	1644833	528805	Dục Nông	1645639	529369	Dục Nông	0,86	
953	08	08	08	18	01	03					Không tên	Sông Đăk pui	1,75	1645900	527638	Dục Nông	1644451	528146	Dục Nông	1,6	
954	08	08	08	19							Đăk Ren	Sông Đăk pui	1,08	1641911	525616	Dục Nông	1642907	525678	Dục Nông	1,22	
955	08	08	08	20							Đăk Mun	Sông Đăk pui	1,31	1642881	525260	Dục Nông	1643996	525387	Dục Nông	0,91	
956	08	08	08	21							Không tên	Sông Đăk pui	1,25	1641272	524869	Dục Nông	1642390	524649	Dục Nông	1,33	
957	08	08	08	21	01						Không tên	Sông Đăk pui	0,55	1641897	524773	Dục Nông	1641589	525211	Dục Nông	0,37	
958	08	08	08	22							Không tên	Sông Đăk pui	0,73	1641499	524061	Dục Nông	1641983	523534	Dục Nông	0,89	
959	08	08	08	23							Không tên	Sông Đăk pui	1,16	1643203	522844	Dục Nông	1642696	522086	Dục Nông	0,53	
960	08	08	9_1								Đăk Lương	Sông Sê San	1,37	1641375	520674	Dục Nông	1640507	521512	Dục Nông	0,88	
961	08	08	09								Sông Đăk Vai	Sông Sê San	10,59	1643118	513724	Dục Nông	1640492	521607	Dục Nông	16,21	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
962	08	08	09	01							Không tên	Sông Đăk Vai	0,61	1640896	514400	Dục Nông	1641298	514768	Dục Nông	0,38	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
963	08	08	09	02							Không tên	Sông Đăk Vai	0,72	1641911	514954	Dục Nông	1641241	515206	Dục Nông	0,46	
964	08	08	09	03							Đăk Vay	Sông Đăk Vai	2,02	1642590	514824	Dục Nông	1641279	515619	Dục Nông	2,05	
965	08	08	09	04							Đăk Kiệt	Sông Đăk Vai	3,38	1643944	515650	Dục Nông	1641166	516393	Dục Nông	3,06	
966	08	08	09	05							Không tên	Sông Đăk Vai	0,68	1641669	517379	Dục Nông	1641023	517185	Dục Nông	0,68	
967	08	08	10_1								Đăk Rong	Sông Sê San	1,32	1641173	522953	Dục Nông	1640337	522255	Dục Nông	0,76	
968	08	08	10_2								Đăk Rong	Sông Sê San	0,84	1640825	522805	Dục Nông	1640322	522283	Dục Nông	0,52	
969	08	08	10_3								Đăk Tral	Sông Sê San	7,79	1636894	526770	Ngok Tụ	1640319	522288	Dục Nông	2,27	
970	08	08	10_3	01							Không tên	Đăk Tral	0,66	1637144	526861	Ngok Tụ	1636745	527367	Ngok Tụ	0,35	
971	08	08	10_3	02							Không tên	Đăk Tral	1,65	1636307	527763	Ngok Tụ	1637196	526909	Ngok Tụ	0,93	
972	08	08	10_3	03							Không tên	Đăk Tral	0,98	1638945	526095	Dục Nông	1639134	526980	Dục Nông	0,58	
973	08	08	10_3	04							Không tên	Đăk Tral	1,56	1639934	526427	Dục Nông	1640086	525112	Dục Nông	0,55	
974	08	08	10_3	05							Không tên	Đăk Tral	0,72	1639752	523434	Dục Nông	1640192	522925	Dục Nông	0,36	
975	08	08	10_4								Đăk Reng	Sông Sê San	0,69	1639861	522923	Dục Nông	1640133	522348	Dục Nông	0,5	
976	08	08	10_5								Không tên	Sông Sê San	0,8	1639433	522054	Dục Nông	1640152	521774	Dục Nông	0,41	
977	08	08	10_6								Suối Đăk ang	Sông Sê San	0,71	1639380	522689	Dục Nông	1639211	522028	Dục Nông	0,46	
978	08	08	10_7								Đăk Meah	Sông Sê San	6,07	1638507	521890	Ngok Tụ	1636324	526291	Dục Nông	7,9	
979	08	08	10_7	01							Không tên	Đăk Meah	0,69	1636987	525331	Ngok Tụ	1637571	525640	Ngok Tụ	0,37	
980	08	08	10_7	02							Không tên	Đăk Meah	0,74	1638302	525870	Ngok Tụ	1637920	525369	Ngok Tụ	0,42	
981	08	08	10_7	03							Không tên	Đăk Meah	0,74	1639417	524102	Dục Nông	1638798	523791	Dục Nông	0,62	
982	08	08	10_7	04							Không tên	Đăk Meah	0,78	1638430	523594	Dục Nông	1638898	523049	Dục Nông	0,73	
983	08	08	10_8								Không tên	Sông Sê San	2,27	1638197	521778	Dục Nông	1639750	520472	Dục Nông	1,89	
984	08	08	10_8	01							Không tên	Sê San	0,74	1639127	520563	Dục Nông	1638937	521204	Dục Nông	0,53	
985	08	08	10_9								Đăk Xeng	Sông Sê San	1,46	1638195	523023	Dục Nông	1637866	521769	Dục Nông	0,48	
986	08	08	10_10								Đăk Púk	Sông Sê San	6,38	1640355	517045	Dục Nông	1637624	521650	Dục Nông	2,29	
987	08	08	10_10	01							Đăk Rơ Limg	Sê San	1,77	1639303	517761	Dục Nông	1639938	516414	Dục Nông	0,66	
988	08	08	10_10	02							Đăk Si	Sê San	1,23	1640318	518692	Dục Nông	1639490	519382	Dục Nông	0,96	
989	08	08	10_10	02	01						Không tên	Sông Sê San	0,98	1639738	518826	Dục Nông	1640157	518005	Dục Nông	0,34	
990	08	08	10_10	03							Đăk Ro Limg	Sê San	4,34	1638690	516347	Dục Nông	1638956	519992	Dục Nông	6,43	
991	08	08	10_10	03	01						Không tên	Đăk Ro Limg	2	1639716	515692	Dục Nông	1638666	517237	Dục Nông	2	
992	08	08	10_10	03	02						Đăk Lin	Đăk Ro Limg	1,3	1638862	517844	Dục Nông	1637944	517033	Dục Nông	1,29	
993	08	08	10_11								Đăk Rơ Me	Sông Sê San	2,2	1637864	523469	Dục Nông	1637336	521652	Dục Nông	0,89	
994	08	08	10_12								Không tên	Sông Sê San	0,98	1636899	522488	Dục Nông	1636892	521641	Dục Nông	0,62	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
995	08	08	10_13								Đăk Cná	Sông Sê San	2,1	1636008	523475	Dục Nông	1636526	521642	Dục Nông	1,83	
996	08	08	10_14								Đăk Pít	Sông Sê San	3,82	1638424	518479	Dục Nông	1636273	521363	Dục Nông	3,48	
997	08	08	10_15								Đăk Ha Na	Sông Sê San	5,88	1637056	516415	Dục Nông	1636049	521348	Dục Nông	8,34	
998	08	08	10_15	01							Không tên	Đăk Ha Na	0,53	1637723	517093	Dục Nông	1637367	517417	Dục Nông	0,14	
999	08	08	10_14	01							Không tên	Đăk Pít	0,78	1637413	518659	Dục Nông	1637565	519351	Dục Nông	0,21	
1000	08	08	10_15	02							Không tên	Đăk Ha Na	1,62	1638004	518115	Dục Nông	1636771	518838	Dục Nông	0,85	
1001	08	08	10_15	03							Đăk Trui	Đăk Ha Na	1,55	1636317	519004	Dục Nông	1636317	519004	Dục Nông	1,6	
1002	08	08	10_15	03	01						Đăk Giang	Đăk Trui	1,74	1636317	519004	Dục Nông	1636066	517482	Dục Nông	1,09	
1003	08	08	10_16								Đăk Trui	Sông Sê San	6,8	1635308	515414	Dục Nông	1634707	521361	Dục Nông	11,43	
1004	08	08	10_16	01							Không tên	Đăk Trui	2,54	1636820	515362	Dục Nông	1635393	517104	Dục Nông	2,52	
1005	08	08	10_16	02							mường đào	Đăk Trui	1,09	1634475	516792	Dục Nông	1635244	517519	Dục Nông	0,93	
1006	08	08	10_16	03							Đăk Pok	Đăk Trui	1,46	1634026	517843	Dục Nông	1634962	518930	Dục Nông	1,74	
1007	08	08	10_16	04							Không tên	Đăk Trui	0,94	1634414	520103	Dục Nông	1635089	520430	Dục Nông	0,57	
1008	08	08	10_17								Đăk Ren	Sông Sê San	1,77	1634847	523066	Dục Nông	1634446	521420	Dục Nông	0,71	
1009	08	08	10_18								Đăk nua	Sông Sê San	0,69	1634163	522011	Dục Nông	1634101	521336	Dục Nông	0,35	
1010	08	08	10_19								Không tên	Sông Sê San	0,8	1633883	522053	Dục Nông	1633715	521439	Dục Nông	0,27	
1011	08	08	10_20								nước đục	Sông Sê San	4,91	1632937	521234	Dục Nông	1633034	518304	Dục Nông	6,47	
1012	08	08	10_20	01							Đăk Kôn	Nước Đục	1,15	1633462	521068	Dục Nông	1632873	520131	Dục Nông	1,51	
1013	08	08	10_21								Không tên	Sông Sê San	1,31	1632106	520185	Dục Nông	1632419	521286	Dục Nông	2,08	
1014	08	08	10_22								Đăk Rô	Sông Sê San	1,93	1633548	522578	Dục Nông	1632410	521449	Dục Nông	1,5	
1015	08	08	10_23								Đập ngọc tảng	Sông Sê San	2,84	1633709	523606	Dục Nông	1632396	521490	Dục Nông	2,15	
1016	08	08	10_24								Không tên	Sông Sê San	1,02	1632134	522505	Ngọc Tụ	1631887	521622	Dục Nông	1,02	
1017	08	08	10_25								Đăk Kojrut	Sông Sê San	1,14	1631578	521385	Dục Nông	1630987	520806	Ngọc Tụ	0,61	
1018	08	08	10_26								Đăk Gle	Sông Sê San	0,69	1631156	522531	Ngọc Tụ	1631141	521936	Ngọc Tụ	0,31	
1019	08	08	10_27								Không tên	Sông Sê San	1	1630048	521931	Ngọc Tụ	1630723	522616	Ngọc Tụ	0,46	
1020	08	08	10_28								Không tên	Sông Sê San	1	1630581	521134	Dục Nông	1629906	521789	Ngọc Tụ	0,44	
1021	08	08	10_29								Đăk Sang Mang	Sông Sê San	2,25	1629381	521526	Dục Nông	1630389	519621	Ngọc Tụ	2,25	
1022	08	08	10_30								Không tên	Sông Sê San	1,4	1628681	520503	Bờ Y	1629236	521549	Ngọc Tụ	0,81	
1023	08	08	10_31								Đăk Rve	Sông Sê San	0,81	1628259	521629	Bờ Y	1628973	521606	Bờ Y	0,34	
1024	08	08	10_32								Không tên	Sông Sê San	0,64	1629588	521992	Ngọc Tụ	1629000	521890	Ngọc Tụ	0,19	
1025	08	08	10_33								Đăk Moe	Sông Sê San	5,52	1628939	522027	Ngọc Tụ	1630699	526136	Ngọc Tụ	7,76	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1026	08	08	10_34								Đăk Cọc	Sông Sê San	1,96	1627911	522455	Ngọc Tụ	1629472	523549	Ngọc Tụ	1,63	
1027	08	08	10_34	01							Đăk Kơc	Đăk Kơc	1,18	1629178	524148	Ngọc Tụ	1628954	523136	Ngọc Tụ	0,92	
1028	08	08	10_34	01	01						Không tên	Đăk Kơc	0,59	1629459	523784	Ngọc Tụ	1628936	523543	Ngọc Tụ	0,24	
1029	08	08	10_35								Không tên	Sông Sê San	0,6	1628070	522878	Ngọc Tụ	1627572	522677	Ngọc Tụ	0,33	
1030	08	08	10_36								Đăk Tong	Sông Sê San	2,78	1627522	522654	Ngọc Tụ	1628962	524505	Ngọc Tụ	2,48	
1031	08	08	10_36	01							Không tên	Đăk Tong	0,71	1628523	523717	Ngọc Tụ	1627935	523398	Ngọc Tụ	0,12	
1032	08	08	10_37								Đăk Tráp	Sông Sê San	3,37	1628014	520095	Bờ Y	1627349	522440	Ngọc Tụ	5,59	
1033	08	08	10_37	01							Đăk Tráp	Đăk Tráp	0,63	1627098	521190	Bờ Y	1627541	521618	Bờ Y	0,46	
1034	08	08	10_38								Đăk Jrai	Sông Sê San	5,87	1626383	526921	Ngọc Tụ	1626451	522929	Ngọc Tụ	19,02	
1035	08	08	10_38	01							Đăk Tin	Đăk Jrai	1,83	1628921	525084	Ngọc Tụ	1627262	525456	Ngọc Tụ	1,35	
1036	08	08	10_38	02							Long Trai	Đăk Jrai	0,61	1626785	525782	Ngọc Tụ	1627122	525282	Ngọc Tụ	0,26	
1037	08	08	10_38	03							Không tên	Đăk Jrai	1,43	1625893	525576	Ngọc Tụ	1627148	525089	Ngọc Tụ	0,74	
1038	08	08	10_38	05							Đăk Jrai	Đăk Jrai	1,78	1626615	524761	Ngọc Tụ	1626561	523076	Ngọc Tụ	0,71	
1039	08	08	10_38	04							Khe cạn	Đăk Jrai	1,01	1627771	524241	Ngọc Tụ	1627063	523590	Ngọc Tụ	0,49	
1040	08	08	10_39								Không tên	Sông Sê San	0,95	1625823	521960	Bờ Y	1626186	522610	Ngọc Tụ	0,77	
1041	08	08	10_40								Không tên	Sông Sê San	1,06	1625402	522262	Bờ Y	1626028	523040	Ngọc Tụ	1,04	
1042	08	08	10_41								Đăk Tong	Sông Sê San	1,35	1626164	524521	Ngọc Tụ	1625653	523385	Ngọc Tụ	1,51	
1043	08	08	10_42								Không tên	Sông Sê San	1,46	1624628	524449	Ngọc Tụ	1625637	525184	Ngọc Tụ	1,5	
1044	08	08	10_43								Không tên	Sông Sê San	1,53	1623818	524851	Ngọc Tụ	1624930	525753	Ngọc Tụ	1,35	
1045	08	08	10_43	01							Không tên	Sê San	0,86	1624563	525851	Ngọc Tụ	1624202	525206	Ngọc Tụ	0,47	
1046	08	08	10_44								Không tên	Sông Sê San	0,87	1623979	525715	Đăk Tô	1623531	525019	Đăk Tô	0,52	
1047	08	08	10_45								Không tên	Sông Sê San	2,7	1624680	526203	Ngọc Tụ	1622996	525498	Đăk Tô	1,83	
1048	08	08	10_45	01							Không tên	Sê San	0,81	1623876	526196	Đăk Tô	1623149	526029	Đăk Tô	0,43	
1049	08	08	10_45	02							Không tên	Sê San	0,61	1623595	525760	Đăk Tô	1623021	525686	Đăk Tô	0,27	
1050	08	08	10								Sông Đăk Kal	Sông Sê San	29,55	1611333	513469	Sa Loong	1622380	525768	Đăk Tô	211	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1051	08	08	10	1_1							Đăk Rơ Gop	Sông Đăk Kal	2,11	1612493	513295	Sa Loong	1613912	514648	Sa Loong	1,54	
1052	08	08	10	1_2							Đăk L ội	Sông Đăk Kal	2,34	1612547	512967	Sa Loong	1614310	514356	Sa Loong	1,43	
1053	08	08	10	1_3							Đăk Sat	Sông Đăk Kal	2,6	1613319	511775	Sa Loong	1614602	513616	Sa Loong	1,68	
1054	08	08	10	1_4							Đăk Vang	Sông Đăk Kal	1,18	1614901	514913	Sa Loong	1615513	513975	Sa Loong	0,56	
1055	08	08	10	1_5							Đăk Thôn giang	Sông Đăk Kal	2,8	1616437	515455	Sa Loong	1614211	515486	Sa Loong	2,13	
1056	08	08	10	1_5	01						Đăk Triếc	Đăk Thôn giang	0,98	1616067	515353	Sa Loong	1615654	516010	Sa Loong	0,61	
1057	08	08	10	1_6							Không tên	Sông Đăk Kal	1,06	1618324	520161	Sa Loong	1619233	520151	Sa Loong	0,61	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1058	08	08	10	1_7							Không tên	Sông Đăk Kal	2,64	1619744	520399	Sa Loong	1619629	522839	Sa Loong	4,57	
1059	08	08	10	1_7	01						Không tên	Sông Đăk Kal	2,34	1618523	523005	Sa Loong	1619593	521532	Sa Loong	1,88	
1060	08	08	10	1_8							Không tên	Sông Đăk Kal	0,61	1620161	521008	Sa Loong	1620402	520465	Sa Loong	0,41	
1061	08	08	10	1_9							Không tên	Sông Đăk Kal	1,55	1621092	521642	Sa Loong	1620867	520435	Sa Loong	2,18	
1062	08	08	10	1_9	01						Đập Ngọc tảng	Sông Đăk Kal	0,99	1620772	522000	Sa Loong	1620604	521200	Sa Loong	0,62	
1063	08	08	10	1_9	02						Không tên	Sông Đăk Kal	0,77	1620818	520615	Sa Loong	1621164	521289	Sa Loong	0,44	
1064	08	08	10	1_10							Suối nước đục	Sông Đăk Kal	2,35	1621699	520354	Sa Loong	1621469	522448	Sa Loong	1,76	
1065	08	08	10	01							Sông Đăk Hang	Sông Đăk Kal	21,29	1614747	508049	Sa Loong	1621750	520318	Sa Loong	62,25	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1066	08	08	10	01	01						Đăk Koi	Sông Đăk Hang	6,5	1620270	507789	Bờ Y	1618680	512481	Sa Loong	10,23	
1067	08	08	10	01	01	01					Không tên	Sông Đăk Hang	0,87	1618600	511309	Bờ Y	1619120	511874	Bờ Y	0,5	
1068	08	08	10	01	02						Không tên	Sông Đăk Hang	0,94	1619515	513346	Sa Loong	1620084	513370	Sa Loong	0,46	
1069	08	08	10	01	03						Không tên	Sông Đăk Hang	0,88	1619296	514685	Sa Loong	1618565	514222	Sa Loong	0,67	
1070	08	08	10	01	04						Không tên	Sông Đăk Hang	0,84	1619428	514889	Sa Loong	1618809	515195	Sa Loong	0,52	
1071	08	08	10	01	05						Không tên	Sông Đăk Hang	3,39	1621009	513947	Sa Loong	1619069	515734	Sa Loong	2,96	
1072	08	08	10	01	06						Suối Đăk Kan	Sông Đăk Hang	2,61	1619076	517067	Sa Loong	1620252	519150	Sa Loong	1,56	
1073	08	08	10	2_01							Mương đào	Suối Đăk Hlong	5,6	1622030	519692	Sa Loong	1618570	516363	Sa Loong	2,73	
1074	08	08	10	02							Suối Đăk Hlong	Sông Đăk Kal	3,1	1622620	519990	Sa Loong	1622030	519367	Sa Loong	10,88	
1075	08	08	10	02	01						Đăk Drol	Suối Đăk Hlong	4,79	1622029	519002	Sa Loong	1622028	517277	Sa Loong	6,26	
1076	08	08	10	02	01	01					Không tên	Mương đào	1,12	1620977	515244	Sa Loong	1621520	516197	Sa Loong	0,92	
1077	08	08	10	02	01	02					Không tên	Đăk Drol	1,14	1620664	515796	Sa Loong	1621525	516525	Sa Loong	0,56	
1078	08	08	10	02	01	03					Đăk Hla la	Đăk Drol	1,89	1619931	516272	Sa Loong	1621555	516922	Sa Loong	1,28	
1079	08	08	10	02	01	03	01				Không tên	Mương đào	0,69	1620701	517101	Sa Loong	1621306	516896	Sa Loong	0,41	
1080	08	08	10	02	01	04					Suối Đăk K rắp	Đăk Drol	3,62	1622029	518632	Sa Loong	1620435	517928	Sa Loong	3,14	
1081	08	08	10	02	01	04	01				Suối Đăk nua	Mương đào	1,67	1620899	517418	Sa Loong	1621803	518390	Sa Loong	0,9	
1082	08	08	10	03							Đăk HNiêng	Sông Đăk Kal	22,82	1629079	506703	Bờ Y	1623266	517867	Bờ Y	120,3	
1083	08	08	10	03	01						Không tên	Đăk Hơ Nong	0,9	1625718	506811	Bờ Y	1626573	506940	Bờ Y	1,31	
1084	08	08	10	03	02						Đăk Briang	Đăk Hơ Nong	0,78	1624704	507002	Bờ Y	1624951	507712	Bờ Y	1,36	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1085	08	08	10	03	03						Không tên	Đăk Hơ Nong	0,91	1625188	508574	Bờ Y	1625188	508574	Bờ Y	1,06	
1086	08	08	10	03	04						Đăk Sir	Đăk Hơ Nong	0,77	1623970	508411	Bờ Y	1624158	509090	Bờ Y	1,47	
1087	08	08	10	03	05						Không tên	Đăk Hơ Nong	0,92	1623804	510157	Bờ Y	1624372	510595	Bờ Y	1,63	
1088	08	08	10	03	06						Không tên	Đăk Hơ Nong	0,72	1623369	510279	Bờ Y	1623749	510814	Bờ Y	2,04	
1089	08	08	10	03	07						Đăk Jlut	Đăk Hơ Nong	0,87	1622594	509562	Bờ Y	1622717	510278	Bờ Y	0,88	
1090	08	08	10	03	08						Đăk Jtri	Đăk La	1,21	1621754	510742	Bờ Y	1620853	510965	Bờ Y	2,09	
1091	08	08	10	03	09						Không tên	Đăk Hơ Nong	1,96	1623768	516103	Bờ Y	1623266	517867	Bờ Y	2,5	
1092	08	08	10	03	09	01					Không tên	Đăk Hơ Nong	1,62	1624550	516527	Bờ Y	1623371	517518	Bờ Y	0,87	
1093	08	08	10	03	10						Không tên	Đăk Hơ Nong	1,22	1624456	517796	Bờ Y	1623383	518136	Bờ Y	0,71	
1094	08	08	10	03	11						Không tên	Đăk Hơ Nong	0,8	1624796	520026	Bờ Y	1625185	519418	Bờ Y	0,59	
1095	08	08	10	04							Đăk Hơ Nong	Sông Đăk Kal	2,43	1624254	521431	Bờ Y	1626146	520570	Bờ Y	1,69	
1096	08	08	10	05							Suối Đăk kal	Sông Đăk Kal	1,2	1622517	521319	Sa Loong	1623313	522072	Bờ Y	1,63	
1097	08	08	10	06							Đăk Hniang	Sông Đăk Kal	1,27	1624829	522349	Bờ Y	1623828	522947	Bờ Y	1,26	
1098	08	08	10	07							Không tên	Sông Đăk Kal	0,64	1623044	523290	Sa Loong	1623637	523331	Sa Loong	0,6	
1099	08	08	10	08							Không tên	Sông Đăk Kal	0,57	1624080	523697	Bờ Y	1623630	523357	Bờ Y	0,53	
1100	08	08	10	09							Không tên	Sông Đăk Kal	0,71	1622131	524719	Sa Loong	1622572	525229	Sa Loong	0,42	
1101	08	08	11_1								Không tên	Sông Sê San	0,95	1622036	525736	Sa Loong	1622036	525736	Đăk Tô	0,8	
1102	08	08	11_2								Suối Đăk H niêng	Sông Sê San	7,73	1621269	526336	Sa Loong	1616361	527436	Đăk Tô	14,56	
1103	08	08	11_2	01							Không tên	Sê San	0,68	1618469	524348	Sa Loong	1618498	525004	Sa Loong	0,39	
1104	08	08	11_2	02							Đăk J'Yang	Suối Đăk H niêng	2,97	1621539	523493	Sa Loong	1620817	526088	Sa Loong	4,9	
1105	08	08	11_2	02	01						Không tên	Suối Đăk H niêng	0,99	1620681	523550	Sa Loong	1620822	524460	Sa Loong	0,77	
1106	08	08	11_2	02	02						Không tên	Suối Đăk H niêng	1,57	1621352	524473	Sa Loong	1620673	525640	Sa Loong	0,85	
1107	08	08	11_3								Không tên	Sông Sê San	3,38	1621470	527422	Đăk Tô	1618555	527254	Đăk Tô	4,58	
1108	08	08	11_3	01							Không tên	Sê San	1,6	1618691	526887	Đăk Tô	1620125	527267	Đăk Tô	1,22	
1109	08	08	11_3	02							Đăk Blong	Sê San	2,13	1618979	525799	Đăk Tô	1620541	527057	Đăk Tô	1,52	
1110	08	08	11_4								Đăk Tơ Mơi	Sông Sê San	0,71	1622038	527610	Đăk Tô	1621369	527768	Đăk Tô	0,36	
1111	08	08	11_5								Không tên	Sông Sê San	0,81	1622039	528412	Đăk Tô	1621277	528603	Đăk Tô	0,51	
1112	08	08	11_6								Đăk Tơ Li	Sông Sê San	4,37	1617946	528418	Đăk Tô	1621160	528604	Đăk Tô	6,2	
1113	08	08	11_6	01							Không tên	Đăk Tơ Li	0,71	1617796	527990	Đăk Tô	1618465	527954	Đăk Tô	0,54	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1114	08	08	11_6	02							Không tên	Đắc Tơ Li	1,08	1617792	527247	Đắc Tô	1618661	527767	Đắc Tô	0,85	
1115	08	08	11_6	02	01						Không tên	Sông Sê San	0,52	1620531	527628	Đắc Tô	1621023	527777	Đắc Tô	0,12	
1116	08	08	11_6	03							Không tên	Đắc Tơ Li	0,68	1620569	527820	Đắc Tô	1620879	528369	Đắc Tô	0,28	
1117	08	08	11_6	04							Không tên	Đắc Tơ Li	0,83	1621087	527527	Đắc Tô	1621086	528341	Đắc Tô	0,38	
1118	08	08	11								Sông Đắc Po Nga	Sông Sê San	19,63	1635796	530082	Ngọc Tụ	1621278	530307	Đắc Tô	59,34	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1119	08	08	11	01							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,65	1635853	529381	Ngọc Tụ	1635282	529175	Ngọc Tụ	0,64	
1120	08	08	11	02							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,67	1635596	528876	Ngọc Tụ	1634967	529075	Ngọc Tụ	0,95	
1121	08	08	11	03							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,42	1634045	529018	Ngọc Tụ	1634345	530354	Ngọc Tụ	1,7	
1122	08	08	11	04							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,29	1633885	528992	Ngọc Tụ	1634438	528167	Ngọc Tụ	0,97	
1123	08	08	11	05							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,48	1633315	529998	Ngọc Tụ	1632368	529003	Ngọc Tụ	1,57	
1124	08	08	11	06							Đắc Tring	Sông Đắc Po Nga	5,67	1629166	528518	Ngọc Tụ	1633118	530930	Ngọc Tụ	7,37	
1125	08	08	11	06	01						Đắc Kotek	Đắc Tring	3,44	1629245	528584	Ngọc Tụ	1631658	530618	Ngọc Tụ	3,21	
1126	08	08	11	07							Đắc Kơ Trinh	Sông Đắc Po Nga	1,27	1627623	528172	Ngọc Tụ	1628310	528925	Ngọc Tụ	0,78	
1127	08	08	11	08							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,27	1627049	528709	Ngọc Tụ	1627735	529492	Ngọc Tụ	0,76	
1128	08	08	11	09							Không tên	Sông Đắc Po Nga	2,26	1627669	529608	Ngọc Tụ	1628126	531572	Ngọc Tụ	2,9	
1129	08	08	11	09	01						Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,94	1628695	531441	Ngọc Tụ	1627814	531226	Ngọc Tụ	0,49	
1130	08	08	11	10							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,25	1626636	531058	Ngọc Tụ	1625816	530242	Ngọc Tụ	1,29	
1131	08	08	11	11							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,96	1625417	530132	Ngọc Tụ	1624923	530759	Ngọc Tụ	0,53	
1132	08	08	11	12							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,77	1625195	530035	Ngọc Tụ	1626228	528704	Ngọc Tụ	1,95	
1133	08	08	11	13							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,64	1624623	530130	Ngọc Tụ	1624876	529598	Ngọc Tụ	0,49	
1134	08	08	11	14							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,71	1624909	529497	Ngọc Tụ	1625459	529164	Ngọc Tụ	0,36	
1135	08	08	11	15							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,68	1625915	528057	Ngọc Tụ	1624499	528743	Ngọc Tụ	1,52	
1136	08	08	11	15	01						Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,77	1625367	528409	Ngọc Tụ	1624694	528663	Ngọc Tụ	0,46	
1137	08	08	11	16							Không tên	Sông Đắc Po Nga	2,14	1625300	526818	Ngọc Tụ	1624334	528650	Ngọc Tụ	2,05	
1138	08	08	11	16	01						Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,81	1624499	528321	Ngọc Tụ	1624334	527568	Ngọc Tụ	0,67	
1139	08	08	11	17							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,68	1624305	528658	Ngọc Tụ	1623955	528100	Ngọc Tụ	0,37	
1140	08	08	11	18							Không tên	Sông Đắc Po Nga	1,32	1623414	528860	Đắc Tô	1623817	527755	Đắc Tô	0,63	
1141	08	08	11	19							Không tên	Sông Đắc Po Nga	0,85	1624106	529488	Đắc Tô	1623280	529375	Đắc Tô	0,59	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1142	08	08	11	20							Không tên	Sông Đăk Po Nga	2,29	1623118	529759	Đăk Tô	1624595	531315	Đăk Tô	2,14	
1143	08	08	11	20	02						Không tên	Sông Đăk Po Nga	0,76	1623528	529926	Đăk Tô	1624274	529884	Đăk Tô	0,43	
1144	08	08	11	20	01						Không tên	Sông Đăk Po Nga	0,79	1623734	530432	Đăk Tô	1624508	530462	Đăk Tô	0,39	
1145	08	08	11	21							Không tên	Sông Đăk Po Nga	1,59	1624171	531931	Đăk Tô	1622875	531226	Đăk Tô	2	
1146	08	08	11	21	01						Không tên	Sông Đăk Po Nga	0,98	1624453	531781	Đăk Tô	1623530	531754	Đăk Tô	0,68	
1147	08	08	11	22							Không tên	Sông Đăk Po Nga	0,62	1621793	529458	Đăk Tô	1621612	530029	Đăk Tô	0,33	
1148	08	08	12_1								Đăk Tơ Di Reang	Sông Sê San	2,98	1620440	529244	Đăk Tô	1620336	529079	Đăk Tô	3,17	
1149	08	08	12_1	01							Không tên	Đăk Tơ Di Reang	0,67	1618987	528585	Đăk Tô	1619487	529000	Đăk Tô	0,71	
1150	08	08	12_1	02							Không tên	Đăk Tơ Di Reang	0,5	1619940	529444	Đăk Tô	1620378	529246	Đăk Tô	0,37	
1151	08	08	12_1	03							Không tên	Đăk Tơ Di Reang	0,7	1619961	529805	Đăk Tô	1620603	529893	Đăk Tô	0,88	
1152	08	08	12_2								Đăk Lơ M	Sông Sê San	4,7	1616265	531509	Đăk Tô	1620340	530575	Đăk Tô	10,6	
1153	08	08	12_2	01							Không tên	Đăk Lơ M	2,26	1616669	531440	Đăk Tô	1618189	530015	Đăk Tô	4,25	
1154	08	08	12_2	02							Không tên	Đăk Lơ M	0,72	1618264	529248	Đăk Tô	1618414	529920	Đăk Tô	0,48	
1155	08	08	12_2	03							Không tên	Đăk Lơ M	0,94	1618062	530481	Đăk Tô	1618770	529989	Đăk Tô	0,86	
1156	08	08	12_3								Không tên	Sông Sê San	1,15	1619300	530710	Đăk Tô	1620264	531056	Đăk Tô	0,48	
1157	08	08	12_4								Không tên	Sông Sê San	1,47	1618843	530805	Đăk Tô	1619788	531847	Đăk Tô	0,84	
1158	08	08	12_5								Không tên	Sông Sê San	1,61	1618212	531948	Đăk Tô	1619737	532124	Đăk Tô	0,61	
1159	08	08	12_6								Không tên	Sông Sê San	0,91	1618940	532440	Đăk Tô	1619804	532575	Đăk Tô	0,44	
1160	08	08	12_7								Không tên	Sông Sê San	4,32	1623731	532939	Đăk Tô	1619844	533161	Đăk Tô	6,71	
1161	08	08	12_7	01							Không tên	Sê San	1,41	1621869	533507	Đăk Tô	1620874	532592	Đăk Tô	1,05	
1162	08	08	12_7	02							Không tên	Sê San	3,31	1623288	532046	Đăk Tô	1620837	532587	Đăk Tô	2,86	
1163	08	08	12_8								Đăk Mơ Ham	Sông Sê San	3,7	1617936	531063	Đăk Tô	1619724	533283	Đăk Tô	2,77	
1164	08	08	12_8	01							Không tên	Sông Sê San	0,62	1617319	532277	Đăk Tô	1617803	532512	Đăk Tô	0,37	
1165	08	08	12_9								Không tên	Sông Sê San	1,75	1617757	532911	Đăk Tô	1618705	534094	Đăk Tô	0,76	
1166	08	08	12								Sông Đăk Ta Kan	Sông Sê San	47,04	1618476	534721	Đăk Tờ Kan	1649567	541451	Đăk Tô	314	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; Tên khác Sông Đăk To Kan
1167	08	08	12	1_1							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	0,71	1647620	540262	Đăk Tờ Kan	1646929	540323	Đăk Tờ Kan	0,48	
1168	08	08	12	1_2							Đăk Hrat	Sông Đăk Ta Kan	0,75	1644276	540841	Đăk Tờ Kan	1644133	540155	Đăk Tờ Kan	0,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1169	08	08	12	1_3							Đăk Loi	Sông Đăk Ta Kan	4,86	1647534	539473	Đăk Tờ Kan	1643308	539490	Đăk Tờ Kan	11,2	
1170	08	08	12	1_3	01						Đăk H Rát	Đăk Loi	3	1647018	538511	Đăk Tờ Kan	1644288	539115	Đăk Tờ Kan	5,46	
1171	08	08	12	1_3	01	01					Không Tên	Đăk H Rát	0,66	1645643	538574	Đăk Tờ Kan	1646096	538134	Đăk Tờ Kan	0,35	
1172	08	08	12	1_3	01	02					Không Tên	Đăk H Rát	1,37	1645273	538737	Đăk Tờ Kan	1646066	537847	Đăk Tờ Kan	0,78	
1173	08	08	12	1_3	02						Không Tên	Đăk Loi	2,09	1643735	539224	Đăk Tờ Kan	1644590	537604	Đăk Tờ Kan	2,5	
1174	08	08	12	1_4							Đăk Ting	Sông Đăk Ta Kan	6	1642004	534892	Đăk Tờ Kan	1641946	540118	Đăk Tờ Kan	11,74	
1175	08	08	12	1_4	01						Đăk More	Đăk Ting	1,81	1642772	535609	Đăk Tờ Kan	1641986	536921	Đăk Tờ Kan	3,04	
1176	08	08	12	1_4	02						Đăk Tem	Đăk Ting	2,69	1642132	539342	Đăk Tờ Kan	1643619	537350	Đăk Tờ Kan	2,34	
1177	08	08	12	1_5							Đăk Ta Kan	Sông Đăk Ta Kan	2,01	1641739	540199	Đăk Tờ Kan	1643161	541272	Đăk Tờ Kan	7,65	
1178	08	08	12	1_5	01						Đăk Hri	Đăk Ta Kan	3,07	1641903	540642	Đăk Tờ Kan	1644157	541694	Đăk Tờ Kan	1,28	
1179	08	08	12	1_5	02						Đăk Pót	Đăk Ta Kan	1,46	1641866	540635	Đăk Tờ Kan	1642614	541519	Đăk Tờ Kan	1,48	
1180	08	08	12	1_6							Đăk Vin	Sông Đăk Ta Kan	4,32	1641299	536343	Đăk Tờ Kan	1640408	540012	Đăk Tờ Kan	4,18	
1181	08	08	12	1_7							Đăk sun	Sông Đăk Ta Kan	0,88	1639986	539996	Đăk Tờ Kan	1639899	539141	Đăk Tờ Kan	0,46	
1182	08	08	12	1_8							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	1,2	1640466	540637	Đăk Tờ Kan	1639402	540234	Đăk Tờ Kan	0,59	
1183	08	08	12	1_9							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	1,36	1639402	540234	Đăk Tờ Kan	1640050	540810	Đăk Tờ Kan	0,58	
1184	08	08	12	1_10							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	1,81	1639200	540044	Đăk Tờ Kan	1639922	538596	Đăk Tờ Kan	1,31	
1185	08	08	12	1_11							Đăk Hơ Dong	Sông Đăk Ta Kan	5,67	1639743	535001	Đăk Tờ Kan	1638435	539893	Đăk Tờ Kan	9,97	
1186	08	08	12	1_11	01						Đăk Hdoang	Đăk Hơ Dong	1	1639179	535399	Đăk Tờ Kan	1639192	536236	Đăk Tờ Kan	0,5	
1187	08	08	12	1_11	02						Đăk Hria	Đăk Hơ Dong	0,98	1639284	536903	Đăk Tờ Kan	1640165	536582	Đăk Tờ Kan	1,2	
1188	08	08	12	1_11	03						Đăk Hơ Dong	Đăk Hơ Dong	2,79	1639941	537013	Đăk Tờ Kan	1638518	539092	Đăk Tờ Kan	2,04	
1189	08	08	12	01							Sông Đăk Tía	Sông Đăk Ta Kan	16,26	1648747	543469	Đăk Tờ Kan	1638372	539922	Đăk Tờ Kan	40,5	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1190	08	08	12	01	01						Không Tên	Sông Đăk Tía	0,63	1648325	545195	Măng Ri	1648669	544743	Măng Ri	0,71	
1191	08	08	12	01	02						Không Tên	Sông Đăk Tía	1,76	1646163	544154	Măng Ri	1647645	544727	Đăk Tờ Kan	2,11	
1192	08	08	12	01	02	01					Không Tên	Sông Đăk Tía	0,54	1646890	544213	Đăk Tờ Kan	1647376	544051	Đăk Tờ Kan	0,67	
1193	08	08	12	01	03						Không Tên	Sông Đăk Tía	1,08	1643925	543809	Đăk Tờ Kan	1644553	543000	Đăk Tờ Kan	0,61	
1194	08	08	12	01	04						Không Tên	Sông Đăk Tía	3,07	1643489	543987	Đăk Tờ Kan	1644106	546428	Đăk Tờ Kan	8,2	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1195	08	08	12	01	04	01					Không Tên	Đăk Ta Kan	0,55	1643503	545050	Đăk Tờ Kan	1643973	545315	Đăk Tờ Kan	0,43	
1196	08	08	12	01	04	02					Không Tên	Đăk Ta Kan	0,67	1643689	544346	Đăk Tờ Kan	1644286	544601	Đăk Tờ Kan	0,36	
1197	08	08	12	01	05						Không Tên	Sông Đăk Tĩa	1,38	1642761	543603	Đăk Tờ Kan	1642488	544843	Đăk Tờ Kan	0,93	
1198	08	08	12	01	06						Không Tên	Sông Đăk Tĩa	2,43	1641703	542626	Đăk Tờ Kan	1641117	544672	Đăk Tờ Kan	1,58	
1199	08	08	12	01	06	01					Không Tên	Đăk Ta Kan	0,9	1641531	544571	Đăk Tờ Kan	1641359	543761	Đăk Tờ Kan	0,56	
1200	08	08	12	01	07						Không Tên	Sông Đăk Tĩa	0,85	1642229	542201	Đăk Tờ Kan	1641629	542623	Đăk Tờ Kan	0,9	
1201	08	08	12	01	08						Suối Tea Kla	Sông Đăk Tĩa	0,47	1640907	542504	Đăk Tờ Kan	1640967	542038	Đăk Tờ Kan	0,4	
1202	08	08	12	01	09						Đăk Cha	Sông Đăk Tĩa	0,66	1640018	541755	Đăk Tờ Kan	1640194	541198	Đăk Tờ Kan	0,32	
1203	08	08	12	01	10						Suối Tea Hre	Sông Đăk Tĩa	0,9	1640258	542324	Đăk Tờ Kan	1639637	541746	Đăk Tờ Kan	0,93	
1204	08	08	12	01	11						Tea Đrôu	Sông Đăk Tĩa	1,2	1639361	542681	Đăk Tờ Kan	1639234	541575	Đăk Tờ Kan	1,32	
1205	08	08	12	01	12						Suối Tea Qua	Sông Đăk Tĩa	0,92	1638551	541726	Đăk Tờ Kan	1638659	540848	Đăk Tờ Kan	0,49	
1206	08	08	12	2_1							Suối Tea Da	Sông Đăk Ta Kan	4,22	1636415	539782	Đăk Tờ Kan	1638274	536793	Đăk Tờ Kan	2,66	
1207	08	08	12	2_2							Đăk Hriea	Sông Đăk Ta Kan	5,82	1636352	539667	Đăk Tờ Kan	1638366	534742	Đăk Tờ Kan	4,72	
1208	08	08	12	2_2	01						Đăk Têpa	Đăk Hriea	1,77	1637354	537164	Đăk Tờ Kan	1638414	535926	Đăk Tờ Kan	0,83	
1209	08	08	12	2_2	02						Không Tên	Đăk Hriea	1,49	1636801	536658	Đăk Tờ Kan	1636902	538105	Đăk Tờ Kan	0,59	
1210	08	08	12	2_3							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	0,46	1635685	539343	Đăk Tờ Kan	1635986	539029	Đăk Tờ Kan	0,26	
1211	08	08	12	2_4							Đăk Đui	Sông Đăk Ta Kan	5,09	1637550	534860	Đăk Tờ Kan	1635517	539074	Đăk Tờ Kan	3,14	
1212	08	08	12	2_5							Đăk Sia	Sông Đăk Ta Kan	9,66	1633674	540332	Kon Đào	1633592	540252	Kon Đào	19,47	4148+4435 cùng chung 1 dòng sông chỉ là 2 đoạn khác tên
1213	08	08	12	2_5	01						Không Tên	Đăk Di Ram	0,98	1638696	542657	Đăk Tờ Kan	1638045	542028	Kon Đào	0,57	
1214	08	08	12	2_5	02						Đăk Sia	Đăk Di Ram	1,57	1637719	541877	Kon Đào	1637863	543314	Kon Đào	2	
1215	08	08	12	2_5	02	01					Đăk Sia	Đăk Sia	1,37	1637396	542997	Kon Đào	1637746	542099	Kon Đào	1,4	
1216	08	08	12	2_5	03						Không Tên	Đăk Di Ram	1,3	1636021	540975	Đăk Tờ Kan	1637238	541190	Kon Đào	0,59	
1217	08	08	12	2_5	04						Đăk Sia	Đăk Di Ram	2,39	1635568	540933	Kon Đào	1635792	543069	Kon Đào	2,86	
1218	08	08	12	2_5	04	01					Không tên	Đăk Sia	0,8	1635359	543068	Kon Đào	1635600	542307	Kon Đào	0,84	
1219	08	08	12	2_5	05						Không tên	Đăk Di Ram	1,01	1634705	541832	Kon Đào	1635002	540951	Kon Đào	0,55	
1220	08	08	12	2_5	06						Không tên	Đăk Di Ram	0,75	1635002	540951	Kon Đào	1635369	540311	Kon Đào	0,37	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1221	08	08	12	2_5	07						Không tên	Đăk Di Ram	1,34	1634946	539977	Kon Đào	1633881	540559	Kon Đào	0,76	
1222	08	08	12	2_5	08						Đăk Tăng	Đăk Di Ram	3,37	1633286	539958	Kon Đào	1630719	539813	Kon Đào	19,1	
1223	08	08	12	2_5	08	01					Tea Heng	Đăk Tăng	2,65	1631962	540592	Kon Đào	1630181	541870	Kon Đào	6,02	
1224	08	08	12	2_5	08	01	01				Không tên	Te o	1,69	1630480	540989	Kon Đào	1629343	541590	Kon Đào	1,46	
1225	08	08	12	2_5	08	01	01	01			Không tên	Te o	0,59	1628997	540751	Kon Đào	1629530	540963	Kon Đào	0,38	
1226	08	08	12	2_5	08	01	02				Tea Heng	Te o	1,6	1631414	540883	Kon Đào	1630612	542213	Kon Đào	2,13	
1227	08	08	12	2_5	08	02					Không tên	Đăk Tăng	1,39	1631890	539344	Kon Đào	1632202	540586	Kon Đào	0,76	
1228	08	08	12	2_5	08	03					Tea teang	Đăk Tăng	1,83	1632007	542347	Kon Đào	1632242	540623	Kon Đào	1,15	
1229	08	08	12	2_5	08	40					Tea plo	Đăk Tăng	0,76	1632578	541212	Kon Đào	1632830	540507	Kon Đào	0,41	
1230	08	08	12	2_5	08	05					Tea plo	Đăk Tăng	1,59	1633310	541938	Kon Đào	1632874	540499	Kon Đào	0,96	
1231	08	08	12	2_5	08	06					Tea Poto	Đăk Tăng	2,21	1632924	540459	Kon Đào	1634369	541722	Kon Đào	2,01	
1232	08	08	12	2_5	08	06	01				Không tên	Đăk Poto	0,87	1633442	542100	Kon Đào	1633498	541272	Kon Đào	0,34	
1233	08	08	12	2_5	08	07					Pulum	Đăk Tăng	0,99	1632931	540356	Kon Đào	1632537	539582	Kon Đào	0,68	
1234	08	08	12	2_6							Không Tên	Sông Đăk Ta Kan	6,93	1636785	534281	Đăk Tờ Kan	1632970	537706	Kon Đào	8,24	
1235	08	08	12	2_6	01						Đăk Phúi	Sông Đăk Ta Kan	1,73	1635797	536638	Đăk Tờ Kan	1636704	535256	Đăk Tờ Kan	0,92	
1236	08	08	12	2_6	02						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,61	1634809	537635	Kon Đào	1635237	537213	Kon Đào	0,49	
1237	08	08	12	2_6	03						Te Pea	Sông Đăk Ta Kan	2,32	1634236	537730	Kon Đào	1635565	536182	Kon Đào	2,16	
1238	08	08	12	2_6	04						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,9	1633392	537695	Kon Đào	1634110	537230	Kon Đào	0,54	
1239	08	08	12	2_7							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,84	1634289	536363	Kon Đào	1633010	537614	Kon Đào	2,15	
1240	08	08	12	2_7	01						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,73	1634260	535447	Kon Đào	1633710	537027	Kon Đào	1,4	
1241	08	08	12	2_8							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,99	1632769	537394	Kon Đào	1633624	535957	Kon Đào	1,66	
1242	08	08	12	2_9							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	7,1	1634686	532249	Kon Đào	1632520	537222	Kon Đào	14,85	
1243	08	08	12	2_9	01						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,68	1636588	533134	Kon Đào	1634950	533429	Kon Đào	3,34	
1244	08	08	12	2_9	01	01					Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,1	1635775	532385	Kon Đào	1635293	533324	Kon Đào	0,85	
1245	08	08	12	2_9	01	02					Không tên	Sông Đăk Ta Kan	1,09	1635046	533390	Kon Đào	1635478	532483	Kon Đào	0,69	
1246	08	08	12	2_9	02						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	2,07	1634502	533601	Kon Đào	1633579	535225	Kon Đào	3,12	
1247	08	08	12	2_9	02	01					Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,95	1633379	533708	Kon Đào	1633864	534506	Kon Đào	1,1	
1248	08	08	12	2_9	02	01	01				Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,71	1633852	533730	Kon Đào	1633795	534348	Kon Đào	0,39	
1249	08	08	12	2_9	03						Đăk Plox	Sông Đăk Ta Kan	3,1	1632492	533538	Kon Đào	1632505	536391	Kon Đào	3,35	
1250	08	08	12	2_10							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,9	1631935	537708	Kon Đào	1631603	538408	Kon Đào	0,47	
1251	08	08	12	2_11							Đăk Mụng	Sông Đăk Ta Kan	2,04	1629825	537393	Kon Đào	1631193	536891	Kon Đào	1,94	
1252	08	08	12	2_11	01						Không tên	Đăk Mụng	0,66	1630764	537306	Kon Đào	1630299	536847	Kon Đào	0,57	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1253	08	08	12	2_12							Khe cạn	Sông Đăk Ta Kan	0,67	1629030	535521	Ngọc Tụ	1628997	534884	Ngọc Tụ	0,47	
1254	08	08	12	2_13							Đăk Lê	Sông Đăk Ta Kan	4,75	1631995	533029	Ngọc Tụ	1628189	534359	Ngọc Tụ	3,6	
1255	08	08	12	2_14							Đăk Ko Sai	Sông Đăk Ta Kan	9,22	1628682	533071	Ngọc Tụ	1628808	532984	Ngọc Tụ	10,39	
1256	08	08	12	2_15							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,84	1627962	533360	Ngọc Tụ	1627844	534139	Ngọc Tụ	0,59	
1257	08	08	12	2_15	01						Tea teang	Sông Đăk Ta Kan	0,84	1634686	531929	Ngọc Tụ	1634172	531358	Ngọc Tụ	0,52	
1258	08	08	12	2_15	02						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,84	1631279	531804	Ngọc Tụ	1631840	531202	Ngọc Tụ	0,46	
1259	08	08	12	2_15	03						Không tên	Sông Đăk Ta Kan	2,8	1630854	532046	Ngọc Tụ	1633609	531976	Ngọc Tụ	2,5	
1260	08	08	12	2_15	04						Đăk Ngo	Sông Đăk Ta Kan	1,06	1627715	533336	Ngọc Tụ	1628699	533025	Ngọc Tụ	0,33	
1261	08	08	12	2_16							Đăk Ku Ca	Sông Đăk Ta Kan	1,03	1627728	535007	Ngọc Tụ	1626835	534721	Kon Đào	0,72	
1262	08	08	12	2_16	01						Không tên	Đăk Ku Ca	0,94	1627351	534978	Kon Đào	1627995	535359	Kon Đào	0,51	
1263	08	08	12	2_17							Đăk Lê	Sông Đăk Ta Kan	6,31	1629758	531382	Ngọc Tụ	1625679	535070	Kon Đào	4,53	
1264	08	08	12	2_18							Đăk Hem	Sông Đăk Ta Kan	5,67	1625116	534423	Ngọc Tụ	1627391	531322	Kon Đào	8,05	
1265	08	08	12	2_18	01						Đăk Hem	Đăk Hem	1,05	1628151	532290	Ngọc Tụ	1627184	532017	Ngọc Tụ	1,2	
1266	08	08	12	2_18	02						Đăk Đngát	Đăk Hem	2,17	1625992	533141	Ngọc Tụ	1625506	531324	Ngọc Tụ	2,28	
1267	08	08	12	2_18	03						Suối Đăk Rô Na	Đăk Hem	0,8	1625023	533524	Kon Đào	1625200	534233	Kon Đào	0,66	
1268	08	08	12	2_19							Suối Đăk H Níng	Sông Đăk Ta Kan	0,94	1624793	534772	Kon Đào	1624400	534004	Kon Đào	0,46	
1269	08	08	12	2_20							Suối Kong Pe	Sông Đăk Ta Kan	1,1	1623879	534060	Kon Đào	1624287	535018	Kon Đào	0,53	
1270	08	08	12	2_21							Suối Tel Kuw	Sông Đăk Ta Kan	0,92	1623302	535128	Đăk Tô	1623586	534257	Đăk Tô	0,58	
1271	08	08	12	02							Sông Đăk Si Nu	Sông Đăk Ta Kan	13,51	1629209	543327	Kon Đào	1622814	535464	Đăk Tô	22,7	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1272	08	08	12	02	01						Không tên	Sông Đăk Si Nu	1,03	1629012	542766	Kon Đào	1628088	542400	Kon Đào	0,71	
1273	08	08	12	02	02						Tea Kơ Teo	Sông Đăk Si Nu	1,09	1628551	541884	Kon Đào	1628153	541157	Kon Đào	0,84	
1274	08	08	12	02	03						Không tên	Sông Đăk Si Nu	1,19	1629153	541518	Kon Đào	1628137	540997	Kon Đào	1,04	
1275	08	08	12	02	04						Không tên	Sông Đăk Si Nu	0,76	1628112	540946	Kon Đào	1628480	540359	Kon Đào	0,42	
1276	08	08	12	02	05						Không tên	Sông Đăk Si Nu	0,61	1627672	540809	Kon Đào	1627973	540301	Kon Đào	0,21	
1277	08	08	12	02	06						Đăk Sing	Sông Đăk Si Nu	2,18	1627784	542233	Kon Đào	1626528	540870	Kon Đào	0,88	
1278	08	08	12	02	07						Đăk Sing	Sông Đăk Si Nu	2,96	1627068	543275	Kon Đào	1626241	540865	Kon Đào	2,68	
1279	08	08	12	02	08						Không tên	Sông Đăk Si Nu	0,72	1626024	540732	Kon Đào	1626474	540199	Kon Đào	0,66	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1280	08	08	12	02	09						Tea Kerui	Sông Đăk Si Nu	1,19	1625790	540299	Kon Đào	1624810	540794	Kon Đào	1,97	
1281	08	08	12	02	09	01					Tea Lê	Đăk Kerui	1,78	1625735	541801	Kon Đào	1625486	540328	Kon Đào	1,3	
1282	08	08	12	02	10						Không tên	Sông Đăk Si Nu	0,62	1625821	539956	Kon Đào	1626402	539775	Kon Đào	0,49	
1283	08	08	12	02	11						Không tên	Suối Đăk Ka	0,75	1624290	538363	Kon Đào	1624987	538292	Kon Đào	0,68	
1284	08	08	12	02	12						Không tên	Sông Đăk Si Nu	0,78	1624146	537182	Đăk Tô	1623397	537068	Đăk Tô	0,67	
1285	08	08	12	3_1							Không tên	Sê San	3,43	1624115	533436	Đăk Tô	1622357	535539	Đăk Tô	2,84	
1286	08	08	12	3_1	01						Không tên	Sông Sê San	0,89	1623629	533697	Đăk Tô	1622808	533923	Đăk Tô	0,83	
1287	08	08	12	3_2							Suối Hồ Sen	Sông Đăk Ta Kan	5,06	1620743	536420	Đăk Tô	1620967	540718	Đăk Tô	7,15	
1288	08	08	12	3_2	01						Không tên	Suối Đăk Tê Nong	1,77	1621495	538420	Đăk Tô	1621741	540079	Đăk Tô	2,31	
1289	08	08	12	3_2	01	01					Không tên	Suối Đăk Tê Nong	0,94	1621655	538919	Đăk Tô	1622539	539095	Đăk Tô	0,67	
1290	08	08	12	3_2	01	02					Không tên	Suối Đăk Tê Nong	0,99	1621665	538772	Đăk Tô	1622614	538763	Đăk Tô	0,61	
1291	08	08	12	3_2	02						Không tên	Suối Đăk Tê Nong	0,76	1622052	538479	Đăk Tô	1621561	537909	Đăk Tô	0,38	
1292	08	08	12	3_2	03						Không tên	Suối Đăk Tê Nong	1,45	1621585	537588	Đăk Tô	1622621	538450	Đăk Tô	0,84	
1293	08	08	12	3_3							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,98	1619865	535238	Đăk Tô	1619568	536130	Đăk Tô	0,86	
1294	08	08	12	3_4							Không tên	Sông Đăk Ta Kan	0,78	1619327	535072	Đăk Tô	1618698	535158	Đăk Tô	0,64	
1295	08	08	12	03							Sông Đăk Ro Nu	Sông Đăk Ta Kan	10,45	1623666	535419	Kon Đào	1630910	539494	Đăk Tô	24,33	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1296	08	08	12	03	01						Không tên	Suối Đăk Ka	1,9	1628904	538883	Kon Đào	1630409	539935	Kon Đào	1,6	
1297	08	08	12	03	02						Suối Đăk Sin	Suối Đăk Ka	2,85	1626833	537406	Kon Đào	1629259	537057	Kon Đào	4,95	
1298	08	08	12	03	02	01					Suối Đăk Ngao	Suối Đăk Ka	0,83	1627477	537666	Kon Đào	1628180	537261	Kon Đào	0,67	
1299	08	08	12	03	02	02					Suối Đăk Tong	Suối Đăk Ka	2,94	1629461	536051	Kon Đào	1626994	537453	Kon Đào	2,61	
1300	08	08	12	03	02	02	01				Suối Đăk Rơ Nu	Sông Đăk Ta Kan	0,86	1629517	536659	Kon Đào	1628752	536426	Kon Đào	0,46	
1301	08	08	12	03	03						Suối Te Dao	Suối Đăk Ka	2,72	1627818	535870	Kon Đào	1625674	537070	Kon Đào	2,61	
1302	08	08	12	03	03	01					Suối Đăk Nghe	Đăk Tơ Di Reang	2,52	1628148	535610	Kon Đào	1626064	536371	Kon Đào	0,97	
1303	08	08	12	03	04						Không tên	Suối Đăk Ka	1,4	1625005	537995	Kon Đào	1624845	536952	Kon Đào	0,83	
1304	08	08	13_1								Không tên	Sông Sê San	2,14	1617325	532620	Đăk Tô	1617681	534466	Đăk Tô	2,12	
1305	08	08	13_2								Không tên	Sông Sê San	2,86	1615562	532453	Đăk Tô	1617307	534378	Đăk Tô	17,39	
1306	08	08	13_2	01							Đăk Chan	Sông Sê San	8,8	1617137	534285	Đăk Tô	1612416	529752	Đăk Tô	15,1	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1307	08	08	13_2	01	01						Đăk Chan	Sông Sê San	2,17	1611922	531533	Đăk Tô	1613673	532261	Đăk Tô	1,2	
1308	08	08	13_2	01	02						Không tên	Sông Sê San	0,91	1614771	531992	Đăk Tô	1614030	532427	Đăk Tô	1,5	
1309	08	08	13_2	01	03						Không tên	Sông Sê San	1,38	1613221	532701	Đăk Tô	1614194	533535	Đăk Tô	1,38	
1310	08	08	13_2	01	03	01					Không tên	Sông Sê San	0,92	1612926	533074	Đăk Tô	1613733	533245	Đăk Tô	0,67	
1311	08	08	13_2	01	04						Không tên	Sông Sê San	0,76	1614721	532835	Đăk Tô	1614722	533572	Đăk Tô	0,33	
1312	08	08	13_2	01	05						Không tên	Sông Sê San	1,07	1614952	532792	Đăk Tô	1615272	533735	Đăk Tô	0,35	
1313	08	08	13_2	01	06						Không tên	Sông Sê San	1,24	1615311	532469	Đăk Tô	1615418	533657	Đăk Tô	0,66	
1314	08	08	13_2	01	06	01					Không tên	Sông Sê San	0,55	1615148	532623	Đăk Tô	1615416	533096	Đăk Tô	0,16	
1315	08	08	13_3								Không tên	Sông Sê San	0,71	1616306	534686	Đăk Tô	1616774	534979	Đăk Tô	0,38	
1316	08	08	13_4								Không tên	Sông Sê San	0,92	1617301	536117	Đăk Tô	1616441	536027	Đăk Tô	0,93	
1317	08	08	13								Sông Đăk Psi	Sông Sê San	81,32	1615487	536563	Măng Ri	1658507	545020	Đăk Tô	817,6	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1318	08	08	13	1_1							Không tên	Đăk Psi	0,93	1657430	545776	Măng Ri	1656724	545244	Măng Ri	0,77	
1319	08	08	13	1_2							Đăk Ta Xi Pou	Đăk Psi	3,89	1656691	547163	Măng Ri	1656691	547163	Măng Ri	4,12	
1320	08	08	13	1_2	01						Không tên	Đăk Psi	0,7	1657313	547926	Măng Ri	1656922	547419	Măng Ri	1,8	
1321	08	08	13	1_2	02						Không tên	Đăk Psi	2,04	1656691	547163	Măng Ri	1658561	547254	Măng Ri	1,46	
1322	08	08	13	1_3							Đăk Ta Xi Pou	Đăk Psi	2,48	1654383	546478	Măng Ri	1655986	548069	Măng Ri	1,89	
1323	08	08	13	1_4							Đăk Pon	Đăk Psi	1,21	1654267	547610	Măng Ri	1653706	546650	Măng Ri	0,67	
1324	08	08	13	1_5							Đăk Bóc	Đăk Psi	6,03	1657298	543486	Măng Ri	1653597	546679	Măng Ri	14,94	
1325	08	08	13	1_5	01						Không tên	Đăk Psi	0,95	1657029	542850	Măng Ri	1656343	543412	Măng Ri	0,95	
1326	08	08	13	1_5	02						Không tên	Đăk Psi	0,47	1656163	543797	Măng Ri	1655702	543770	Măng Ri	0,3	
1327	08	08	13	1_5	03						Đăk Bóc	Đăk Psi	2,01	1653884	543124	Măng Ri	1654379	544863	Măng Ri	1,5	
1328	08	08	13	1_5	03	01					I Rit	Đăk Psi	0,6	1654343	544244	Măng Ri	1654347	544819	Măng Ri	0,7	
1329	08	08	13	1_5	04						Long Hem	Đăk Psi	0,94	1654043	545480	Măng Ri	1653767	544636	Măng Ri	0,59	
1330	08	08	13	1_6							Đăk Chiêu	Đăk Psi	3,33	1650106	545241	Măng Ri	1652395	546763	Măng Ri	14,1	
1331	08	08	13	1_6	01						Đăk Chiêu	Đăk Psi	2,46	1650735	543450	Măng Ri	1651365	545252	Măng Ri	2,66	
1332	08	08	13	1_6	01	01					Không Tên	Đăk Psi	0,47	1650099	544185	Măng Ri	1650482	544436	Măng Ri	0,32	
1333	08	08	13	1_6	01	02					Đăk Chiêu	Đăk Psi	1,24	1649880	544775	Măng Ri	1650949	544907	Măng Ri	1,29	
1334	08	08	13	1_6	02						Không tên	Đăk Psi	1,24	1652204	544502	Măng Ri	1651540	545271	Măng Ri	1,11	
1335	08	08	13	1_6	02	01					Đăk Chiêu	Đăk Psi	2,82	1652574	542981	Măng Ri	1651418	545144	Măng Ri	3,56	
1336	08	08	13	1_6	03						Không tên	Đăk Psi	0,87	1651809	545562	Măng Ri	1652465	545067	Măng Ri	1,08	
1337	08	08	13	1_6	04						Không tên	Đăk Psi	0,69	1652404	545638	Măng Ri	1651854	546000	Măng Ri	0,21	
1338	08	08	13	1_7							Te Plon	Đăk Psi	2,63	1649947	545936	Măng Ri	1651888	547372	Măng Ri	3,35	
1339	08	08	13	1_7	01						Te The	Đăk Psi	0,69	1649961	546887	Măng Ri	1650640	546803	Măng Ri	0,51	
1340	08	08	13	1_8							Te Pro	Đăk Psi	1,06	1651706	550310	Măng Ri	1650945	549753	Măng Ri	0,71	
1341	08	08	13	01							Sông Đăk Lây	Sông Đăk Psi	17,52	1661966	547947	Măng Ri	1649444	551547	Măng Ri	47,1	Quyết định 605/QĐ-BNNMT

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1342	08	08	13	01	01						Không tên	Sông Đăk Lây	0,89	1661636	548043	Măng Ri	1661082	548660	Măng Ri	0,34	
1343	08	08	13	01	02						Không tên	Sông Đăk Lây	0,72	1661415	548127	Măng Ri	1661044	548662	Măng Ri	0,19	
1344	08	08	13	01	03						Không tên	Sông Đăk Lây	0,88	1660723	548263	Măng Ri	1660568	549083	Măng Ri	0,36	
1345	08	08	13	01	04						Không tên	Sông Đăk Lây	2,64	1662419	548542	Măng Ri	1660544	549106	Măng Ri	1,87	
1346	08	08	13	01	05						Không tên	Sông Đăk Lây	0,63	1660724	549634	Măng Ri	1660171	549389	Măng Ri	0,39	
1347	08	08	13	01	06						Không tên	Sông Đăk Lây	1,53	1660350	550386	Măng Ri	1660031	549440	Măng Ri	0,68	
1348	08	08	13	01	07						Không tên	Sông Đăk Lây	2,3	1659137	547672	Măng Ri	1660011	549449	Măng Ri	2,2	
1349	08	08	13	01	07	01					Không tên	Sông Đăk Lây	0,5	1660245	548011	Măng Ri	1659894	548345	Măng Ri	0,34	
1350	08	08	13	01	07	02					Không tên	Sông Đăk Lây	1,15	1658977	548631	Măng Ri	1660050	548721	Măng Ri	0,77	
1351	08	08	13	01	08						Không tên	Sông Đăk Lây	1,84	1658058	551181	Măng Ri	1659653	551554	Măng Ri	1,88	
1352	08	08	13	01	08	01					Không tên	Sông Đăk Lây	0,53	1659361	550863	Măng Ri	1658975	551209	Măng Ri	0,32	
1353	08	08	13	01	09						Suối Nước Lô	Sông Đăk Lây	2,53	1656723	551457	Măng Ri	1657583	549222	Măng Ri	2,14	
1354	08	08	13	01	10						Ta Rren	Sông Đăk Lây	3,89	1655757	551846	Măng Ri	1658451	552722	Măng Ri	5,51	
1355	08	08	13	01	10	01					Không tên	Ta Rren	0,53	1658563	553444	Măng Ri	1658072	553274	Măng Ri	0,37	
1356	08	08	13	01	10	02					Không tên	Ta Rren	0,72	1656482	552553	Măng Ri	1657102	552750	Măng Ri	0,67	
1357	08	08	13	01	11						Không tên	Sông Đăk Lây	0,84	1655565	551824	Măng Ri	1655916	551284	Măng Ri	0,8	
1358	08	08	13	01	12						Không tên	Sông Đăk Lây	0,91	1655325	551694	Măng Ri	1655709	550990	Măng Ri	1,25	
1359	08	08	13	01	13						Không tên	Sông Đăk Lây	1,89	1655704	550142	Măng Ri	1654994	551737	Măng Ri	2,3	
1360	08	08	13	01	13	01					Không tên	Sông Đăk Lây	0,65	1655217	550779	Măng Ri	1655144	550151	Măng Ri	0,96	
1361	08	08	13	01	14						Không tên	Sông Đăk Lây	0,6	1654561	551749	Măng Ri	1654531	551173	Măng Ri	1,05	
1362	08	08	13	01	15						Không tên	Sông Đăk Lây	0,73	1653612	552520	Măng Ri	1653117	552078	Măng Ri	0,8	
1363	08	08	13	01	16						Không tên	Sông Đăk Lây	0,78	1653103	552057	Măng Ri	1653455	551421	Măng Ri	0,65	
1364	08	08	13	01	17						Không tên	Sông Đăk Lây	0,78	1652529	552283	Măng Ri	1652052	551692	Măng Ri	1,08	
1365	08	08	13	01	18						Không tên	Sông Đăk Lây	1,83	1652712	552688	Măng Ri	1653979	553782	Măng Ri	9,45	
1366	08	08	13	01	18	01					Không tên	Sông Đăk Psi	1,51	1654016	553781	Măng Ri	1655249	553842	Măng Ri	1,37	
1367	08	08	13	01	18	01	01				Không tên	Sông Đăk Lây	0,25	1654580	553646	Măng Ri	1654331	553691	Măng Ri	0,12	
1368	08	08	13	01	18	02					Tâm R'Ngoa	Đăk Psi	5,46	1653566	553777	Măng Ri	1653566	553779	Măng Ri	6,33	
1369	08	08	13	01	18	02	01				Không tên	Tâm R'Ngoa	1,22	1657579	554158	Măng Ri	1656450	554396	Măng Ri	0,85	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1370	08	08	13	01	18	02	02				Không tên	Tâm R'Ngoa	0,57	1655110	555064	Măng Ri	1655390	554607	Măng Ri	0,31	
1371	08	08	13	2_1							Te Hviên	Đăk Psi	6,32	1646626	546742	Tu Mơ Rông	1648820	551478	Tu Mơ Rông	11,24	
1372	08	08	13	2_1	01						Te Hxura	Đăk Psi	1,45	1648440	546417	Măng Ri	1647963	547613	Măng Ri	2,03	
1373	08	08	13	2_1	01	01					Te Htrêng	Đăk Psi	1,53	1649314	546582	Măng Ri	1648165	547030	Măng Ri	1,22	
1374	08	08	13	2_1	02						Không Tên	Đăk Psi	0,7	1649222	548771	Măng Ri	1648933	549282	Măng Ri	0,93	
1375	08	08	13	2_2							Đăk Tà Sốp	Đăk Psi	1,2	1648628	552779	Măng Ri	1648125	551977	Tu Mơ Rông	1,3	
1376	08	08	13	02							Sông Đăk Ngôm	Sông Đăk Psi	13,88	1648726	551584	Măng Ri	1657651	556184	Tu Mơ Rông	44,7	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1377	08	08	13	02	01						Không tên	Sông Đăk Ngôm	0,85	1657091	557135	Măng Ri	1657799	557363	Măng Ri	0,73	
1378	08	08	13	02	02						Không tên	Sông Đăk Ngôm	1,06	1657263	558063	Măng Ri	1656799	557277	Măng Ri	0,47	
1379	08	08	13	02	03						Đăk Ngôm	Sông Đăk Ngôm	2,56	1656258	558251	Măng Ri	1657287	558764	Măng Ri	3,09	
1380	08	08	13	02	03	01					Không tên	Sông Đăk Leng	1,26	1656356	559444	Măng Ri	1656258	558251	Măng Ri	1,4	
1381	08	08	13	02	04						Không tên	Sông Đăk Ngôm	1,57	1655577	558831	Măng Ri	1655413	557479	Măng Ri	1,29	
1382	08	08	13	02	05						Không tên	Sông Đăk Ngôm	1,04	1654628	558211	Măng Ri	1654783	557253	Măng Ri	0,47	
1383	08	08	13	02	06						Không tên	Sông Đăk Ngôm	0,57	1654145	556125	Măng Ri	1654593	556466	Măng Ri	0,33	
1384	08	08	13	02	07						Suối Nước NĐ	Sông Đăk Ngôm	0,62	1653282	556176	Măng Ri	1653832	555954	Măng Ri	0,37	
1385	08	08	13	02	08						Suối Đăk Nao	Sông Đăk Ngôm	3,07	1655780	556578	Măng Ri	1653533	555370	Măng Ri	2,57	
1386	08	08	13	02	08	01					Không tên	Đăk Psi	1,68	1654846	555910	Măng Ri	1656109	555628	Măng Ri	0,92	
1387	08	08	13	02	09						Sông Đăk Leng	Sông Đăk Ngôm	5,43	1652663	554885	Măng Ri	1651925	559418	Măng Ri	7,61	
1388	08	08	13	02	09	01					Không tên	Sông Đăk Leng	0,71	1653716	559652	Măng Ri	1653749	560296	Măng Ri	0,69	
1389	08	08	13	02	09	02					Không tên	Sông Đăk Leng	1,82	1652682	559016	Măng Ri	1653465	560447	Măng Ri	1,95	
1390	08	08	13	02	09	03					Không tên	Sông Đăk Leng	0,81	1652794	556866	Măng Ri	1652541	556117	Măng Ri	0,48	
1391	08	08	13	3_1							Suối Stea Rong	Đăk Psi	5,17	1646603	547733	Tu Mơ Rông	1647534	551803	Măng Ri	4,7	
1392	08	08	13	3_2							Đăk Linh	Đăk Psi	2,96	1647749	551956	Măng Ri	1646403	554304	Măng Ri	14,54	
1393	08	08	13	3_2	01						Đăk Trang	Đăk Psi	1,93	1647355	552879	Măng Ri	1648406	554189	Măng Ri	4,01	
1394	08	08	13	3_2	01	01					Thượng nguồn S Đăk Linh	Đăk Psi	2,71	1649342	555144	Măng Ri	1648004	555333	Măng Ri	2,75	
1395	08	08	13	3_3							Suối Đăk Chum 1	Đăk Psi	1,2	1646699	551840	Tu Mơ Rông	1647091	550795	Tu Mơ Rông	0,89	
1396	08	08	13	3_4							Suối A Lô	Đăk Psi	1	1646554	551940	Tu Mơ Rông	1646425	550966	Tu Mơ Rông	0,76	
1397	08	08	13	3_5							Không tên	Đăk Psi	0,72	1646504	551997	Măng Ri	1646914	552546	Măng Ri	0,84	
1398	08	08	13	3_5	01						Khe cạn	Đăk Psi	0,37	1646546	552437	Măng Ri	1646593	552073	Măng Ri	0,37	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1399	08	08	13	3_6							Suối A chuỗi	Đăk Psi	5,14	1645904	548075	Tu Mơ Rông	1645900	552151	Tu Mơ Rông	10,71	
1400	08	08	13	3_6	01						Suối Nước Vo	Đăk Psi	0,98	1644001	550004	Tu Mơ Rông	1644913	550216	Tu Mơ Rông	2,72	
1401	08	08	13	3_6	02						Suối Te Reng	Đăk Psi	0,43	1645960	550768	Tu Mơ Rông	1645664	551066	Tu Mơ Rông	0,79	
1402	08	08	13	3_7							Nước Thoong	Đăk Psi	0,58	1646031	552763	Măng Ri	1645660	552379	Măng Ri	0,8	
1403	08	08	13	3_8							Suối Đăk Rpeng	Đăk Psi	3,33	1641141	552640	Tu Mơ Rông	1643910	553358	Tu Mơ Rông	8,48	
1404	08	08	13	3_8	01						Không tên	Đăk Psi	1,56	1642633	552760	Tu Mơ Rông	1642294	551392	Tu Mơ Rông	1,13	
1405	08	08	13	3_8	02						Không tên	Đăk Psi	1,57	1642684	552806	Tu Mơ Rông	1641429	553613	Tu Mơ Rông	2,26	
1406	08	08	13	3_8	02	01					Không tên	Đăk Psi	0,45	1642306	553654	Tu Mơ Rông	1642301	553202	Tu Mơ Rông	0,42	
1407	08	08	13	3_8	03						Suối Đăk Xế	Đăk Psi	0,59	1642856	553425	Tu Mơ Rông	1643171	552939	Tu Mơ Rông	0,67	
1408	08	08	13	3_8	04						Suối Te Sai	Đăk Psi	1,06	1643519	552133	Tu Mơ Rông	1643753	553085	Tu Mơ Rông	1,2	
1409	08	08	13	3_9							Suối Te Thông	Đăk Psi	1,08	1642844	554045	Tu Mơ Rông	1643736	554583	Tu Mơ Rông	0,56	
1410	08	08	13	3_10							Không tên	Đăk Psi	0,89	1644433	554485	Măng Ri	1643936	555185	Măng Ri	0,89	
1411	08	08	13	03							Suối Nước P.Ca	Sông Đăk Psi	12,26	1651485	559267	Măng Ri	1643995	555571	Măng Ri	21,93	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1412	08	08	13	03	01						Không Tên	Suối Nước P.Ca	1,21	1649761	559682	Măng Ri	1648757	559901	Măng Ri	1,27	
1413	08	08	13	03	02						Không tên	Suối Nước P.Ca	1,08	1648356	558350	Măng Ri	1647380	558229	Măng Ri	1,19	
1414	08	08	13	03	03						Không tên	Suối Nước P.Ca	1,22	1646873	556259	Măng Ri	1646929	557331	Măng Ri	0,46	
1415	08	08	13	03	04						Không tên	Suối Nước P.Ca	0,88	1646511	557973	Măng Ri	1646225	557199	Măng Ri	0,24	
1416	08	08	13	03	05						Đăk Triêm	Suối Nước P.Ca	2,43	1645976	554230	Măng Ri	1644321	555533	Măng Ri	1,41	
1417	08	08	13	4_1							Đăk Bong	Đăk Psi	4,64	1643744	555933	Măng Ri	1646107	558214	Măng Ri	3,2	
1418	08	08	13	04							Suối Nước Chìm	Sông Đăk Psi	13,07	1649613	561139	Măng Ri	1642062	555909	Măng Ri	21,13	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1419	08	08	13	04	01						Không tên	Suối Nước Chìm	1,52	1649476	562159	Măng Ri	1648639	562028	Măng Ri	0,87	
1420	08	08	13	04	02						Không tên	Suối Nước Chìm	0,83	1648184	561407	Măng Ri	1648941	561339	Măng Ri	0,49	
1421	08	08	13	04	03						Không tên	Suối Nước Chìm	1,03	1647636	560902	Măng Ri	1648327	560970	Măng Ri	0,77	
1422	08	08	13	04	04						Không tên	Suối Nước Chìm	2,95	1645507	558825	Măng Ri	1647852	559621	Măng Ri	1,53	
1423	08	08	13	04	05						Suối Nước Chìm	Suối Nước Chìm	5,79	1643916	558245	Măng Ri	1646618	562819	Măng Ri	4,86	
1424	08	08	13	04	05	01					Không tên	Suối Nước Chìm	1,87	1647488	562291	Măng Ri	1645900	561622	Măng Ri	0,96	
1425	08	08	13	04	05	02					Suối Nước Chìm	Suối Nước Chìm	1,14	1645614	560775	Măng Ri	1646361	561491	Măng Ri	0,61	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1426	08	08	13	04	05	03					Không tên	Suối Nước Chim	2	1646663	561442	Măng Ri	1645368	560257	Măng Ri	2,51	
1427	08	08	13	04	05	03	01				Không tên	Suối Nước Chim	1,48	1646672	560289	Măng Ri	1645476	560248	Măng Ri	0,76	
1428	08	08	13	04	05	04					Không tên	Suối Nước Chim	1,51	1644618	558927	Măng Ri	1644790	560261	Măng Ri	0,88	
1429	08	08	13	5_1							Không tên	Đăk Psi	1,48	1641778	557731	Măng Ri	1640788	556830	Măng Ri	1,38	
1430	08	08	13	5_2							Suối Măng Voi	Đăk Psi	1,1	1640299	555677	Tu Mơ Rông	1640252	556740	Tu Mơ Rông	1,34	
1431	08	08	13	5_3							Suối Long Lang	Đăk Psi	1,1	1639691	555610	Tu Mơ Rông	1638777	555610	Tu Mơ Rông	0,76	
1432	08	08	13	5_4							Suối Đăk Neng	Đăk Psi	2,99	1638579	555324	Tu Mơ Rông	1639121	554822	Tu Mơ Rông	4,9	
1433	08	08	13	5_4	01						Suối Đăk Núi	Đăk Psi	1,35	1640138	553729	Tu Mơ Rông	1639410	554687	Tu Mơ Rông	1,88	
1434	08	08	13	5_4	02						Không tên	Đăk Psi	0,92	1638883	554025	Tu Mơ Rông	1639120	554823	Tu Mơ Rông	0,53	
1435	08	08	13	5_4	03						Không tên	Đăk Psi	1,59	1640525	554810	Tu Mơ Rông	1639076	555068	Tu Mơ Rông	1,06	
1436	08	08	13	5_5							Không tên	Đăk Psi	0,96	1638578	555322	Tu Mơ Rông	1638428	554532	Tu Mơ Rông	0,37	
1437	08	08	13	05							Sông Đăk Pu Chiang	Sông Đăk Psi	14,07	1644094	564160	Măng Ri	1637549	555174	Măng Ri	52,85	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1438	08	08	13	05	01						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,08	1644892	563461	Măng Ri	1644387	562639	Măng Ri	1,18	
1439	08	08	13	05	02						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,98	1644089	562432	Măng Ri	1642564	563334	Măng Ri	2,06	
1440	08	08	13	05	02	01					Không tên	Đăk Psi	1,7	1643192	563857	Măng Ri	1643935	562541	Măng Ri	1,08	
1441	08	08	13	05	03						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,49	1643753	561720	Măng Ri	1645072	561946	Măng Ri	1,77	
1442	08	08	13	05	04						Đăk Plây	Sông Đăk Pu Chiang	2,09	1642552	562824	Măng Ri	1643038	561115	Măng Ri	4,13	
1443	08	08	13	05	04	01					Không tên	Đăk Psi	1,95	1641272	562600	Măng Ri	1642747	561662	Măng Ri	3,11	
1444	08	08	13	05	05						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	2,37	1644887	560830	Măng Ri	1643110	560664	Măng Ri	1,15	
1445	08	08	13	05	06						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,04	1642045	561096	Măng Ri	1642321	560134	Măng Ri	1,2	
1446	08	08	13	05	07						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,07	1641619	560101	Măng Ri	1640966	559300	Măng Ri	0,87	
1447	08	08	13	05	08						Đăk Plây	Sông Đăk Pu Chiang	2,84	1640685	559128	Măng Ri	1641490	561078	Măng Ri	4,05	
1448	08	08	13	05	08	01					Không tên	Đăk Psi	1,05	1640443	561461	Măng Ri	1640385	560468	Măng Ri	1,05	
1449	08	08	13	05	08	02					Không tên	Đăk Psi	1,58	1640295	560332	Măng Ri	1640182	561690	Măng Ri	1,22	
1450	08	08	13	05	09						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	2,97	1640075	558249	Măng Ri	1639128	560042	Đăk Pxi	14,34	
1451	08	08	13	05	09	01					Không tên	Đăk Psi	2,9	1638770	559482	Đăk Pxi	1637090	561293	Đăk Pxi	8,66	
1452	08	08	13	05	09	01	01				Không tên	Đăk Psi	1,05	1637478	560431	Đăk Pxi	1637606	561278	Đăk Pxi	0,67	
1453	08	08	13	05	09	01	02	01			Không tên	Đăk Psi	1,82	1638558	560523	Đăk Pxi	1637517	561734	Măng Ri	1,5	
1454	08	08	13	05	09	01	02				Không tên	Đăk Psi	4,07	1638239	559959	Măng Ri	1640271	563031	Đăk Pxi	5,7	
1455	08	08	13	05	09	02					Không tên	Đăk Psi	0,9	1639232	559927	Măng Ri	1639232	559151	Măng Ri	0,42	
1456	08	08	13	05	09	03					Không tên	Đăk Psi	1,15	1639646	560146	Măng Ri	1639429	559036	Đăk Pxi	1,56	
1457	08	08	13	05	09	04					Không tên	Đăk Psi	1,23	1640250	559781	Măng Ri	1639983	558676	Đăk Pxi	1,23	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1458	08	08	13	05	10						Đăk Rôy	Sông Đăk Pu Chiang	4,17	1643370	559156	Măng Ri	1640067	557855	Măng Ri	4,3	
1459	08	08	13	05	10	01					Không tên	Đăk Rôy	3,19	1643928	559777	Măng Ri	1641959	558663	Măng Ri	1,72	
1460	08	08	13	05	11						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	0,8	1639369	558016	Đăk Pxi	1639001	557387	Măng Ri	0,56	
1461	08	08	13	05	12						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	0,94	1639041	558373	Đăk Pxi	1638901	557467	Đăk Pxi	0,67	
1462	08	08	13	05	13						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	3,97	1638778	557402	Đăk Pxi	1635921	558849	Đăk Pxi	7,36	
1463	08	08	13	05	13	01					Không tên	Đăk Psi	0,57	1636802	559416	Đăk Pxi	1636434	559020	Đăk Pxi	0,23	
1464	08	08	13	05	13	02					Không tên	Đăk Psi	0,6	1636232	558434	Đăk Pxi	1636487	558955	Đăk Pxi	0,29	
1465	08	08	13	05	13	03					Không tên	Đăk Psi	0,63	1636958	559248	Đăk Pxi	1636860	558649	Đăk Pxi	0,11	
1466	08	08	13	05	13	04					Không tên	Đăk Psi	1,46	1635949	558048	Đăk Pxi	1637252	558443	Đăk Pxi	1,3	
1467	08	08	13	05	13	05					Không tên	Đăk Psi	1,46	1637376	558428	Đăk Pxi	1637552	559620	Đăk Pxi	0,94	
1468	08	08	13	05	13	05	01				Không tên	Đăk Psi	0,61	1637166	559503	Đăk Pxi	1637626	559150	Đăk Pxi	0,56	
1469	08	08	13	05	13	06					Không tên	Đăk Psi	0,93	1637695	558206	Đăk Pxi	1637090	557545	Đăk Pxi	0,47	
1470	08	08	13	05	13	07					Không tên	Đăk Psi	0,74	1638314	558842	Đăk Pxi	1637928	558224	Đăk Pxi	1,01	
1471	08	08	13	05	13	08					Không tên	Đăk Psi	0,78	1638744	558420	Đăk Pxi	1638558	557707	Đăk Pxi	0,48	
1472	08	08	13	05	13	41					Không tên	Đăk Psi	0,7	1636795	558292	Đăk Pxi	1636505	557676	Đăk Pxi	0,67	
1473	08	08	13	05	14						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	1,27	1637334	557122	Đăk Pxi	1638521	556783	Đăk Pxi	0,86	
1474	08	08	13	05	15						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	0,45	1637944	556200	Đăk Pxi	1638259	555903	Đăk Pxi	0,37	
1475	08	08	13	05	16						Không tên	Sông Đăk Pu Chiang	2,03	1637581	555214	Đăk Pxi	1636773	557008	Đăk Pxi	1,02	
1476	08	08	13	6_1							Suối Te NĐ	Đăk Psi	1,18	1637885	554497	Tu Mơ Rông	1637479	555191	Tu Mơ Rông	0,67	
1477	08	08	13	6_2							Không tên	Đăk Psi	0,67	1636758	555859	Đăk Pxi	1637095	555297	Đăk Pxi	0,76	
1478	08	08	13	6_3							Không tên	Đăk Psi	2,4	1637021	555183	Đăk Pxi	1635790	556805	Đăk Pxi	3,63	
1479	08	08	13	6_3	01						Không tên	Đăk Psi	0,81	1635906	555841	Đăk Pxi	1635277	556206	Đăk Pxi	1,14	
1480	08	08	13	6_3	02						Không tên	Đăk Psi	0,71	1636311	556225	Đăk Pxi	1636494	555560	Đăk Pxi	0,81	
1481	08	08	13	6_4							Không tên	Đăk Psi	0,68	1636146	555061	Đăk Pxi	1636657	554632	Đăk Pxi	0,46	
1482	08	08	13	6_5							Không tên	Đăk Psi	0,63	1635989	554662	Đăk Pxi	1636525	554367	Đăk Pxi	0,34	
1483	08	08	13	6_6							Không tên	Đăk Psi	0,81	1636794	553821	Tu Mơ Rông	1636794	553820	Đăk Pxi	0,81	
1484	08	08	13	6_7	08	01					Không tên	Đăk Psi	0,59	1637113	553202	Tu Mơ Rông	1637467	553665	Tu Mơ Rông	0,37	
1485	08	08	13	6_7	06						Suối Te Hóa	Đăk Psi	1,13	1637881	552837	Tu Mơ Rông	1638457	553663	Tu Mơ Rông	0,57	
1486	08	08	13	6_7	05						Không tên	Đăk Psi	1	1638372	552589	Tu Mơ Rông	1638721	553416	Tu Mơ Rông	0,57	
1487	08	08	13	6_7	04						Không tên	Đăk Psi	0,86	1638280	551796	Tu Mơ Rông	1638378	552588	Tu Mơ Rông	0,66	
1488	08	08	13	6_7	03						Không tên	Đăk Psi	0,84	1639073	552395	Tu Mơ Rông	1638935	551629	Tu Mơ Rông	0,64	
1489	08	08	13	6_7	02	01					Không tên	Đăk Psi	0,96	1639523	552347	Tu Mơ Rông	1640293	551797	Tu Mơ Rông	0,53	
1490	08	08	13	6_7	01						Không tên	Đăk Psi	1,15	1639587	551529	Tu Mơ Rông	1639542	550455	Tu Mơ Rông	1,37	
1491	08	08	13	6_7	07						Không tên	Đăk Psi	1,26	1637546	551920	Tu Mơ Rông	1637270	553014	Tu Mơ Rông	0,76	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1492	08	08	13	6_7	02						Đăk Xê	Đăk Psi	1,71	1639326	552357	Tu Mơ Rông	1640916	552746	Tu Mơ Rông	1,63	
1493	08	08	13	6_7							Không tên	Đăk Psi	5,87	1640632	551288	Tu Mơ Rông	1636397	553597	Đăk Pxi	11,95	
1494	08	08	13	6_7	08						Không tên	Đăk Psi	1,09	1637081	553089	Tu Mơ Rông	1637828	553786	Tu Mơ Rông	0,98	
1495	08	08	13	6_8							Không tên	Đăk Psi	1,14	1634851	553964	Đăk Pxi	1635902	554283	Tu Mơ Rông	0,92	
1496	08	08	13	6_8	01						Không tên	Đăk Psi	0,74	1635198	554083	Đăk Pxi	1635327	554674	Đăk Pxi	0,66	
1497	08	08	13	6_9							Không tên	Đăk Psi	1,78	1634396	554198	Đăk Pxi	1635125	555393	Đăk Pxi	1,59	
1498	08	08	13	6_10							Không tên	Đăk Psi	1,41	1633281	554024	Đăk Pxi	1633689	555259	Đăk Pxi	1,17	
1499	08	08	13	6_11							Không tên	Đăk Psi	5,43	1633080	554010	Đăk Pxi	1632119	558338	Đăk Pxi	9,7	
1500	08	08	13	6_11	01						Không tên	Đăk Psi	2,06	1632432	556077	Đăk Pxi	1632339	557746	Đăk Pxi	1,83	
1501	08	08	13	6_11	01	01					Không tên	Đăk Psi	0,64	1631487	556301	Đăk Pxi	1632051	556590	Đăk Pxi	0,44	
1502	08	08	13	6_11	02						Không tên	Đăk Psi	0,86	1632634	555658	Đăk Pxi	1631889	555776	Đăk Pxi	0,69	
1503	08	08	13	6_11	03						Không tên	Đăk Psi	6,09	1635770	558200	Đăk Pxi	1634041	558513	Đăk Pxi	6,8	
1504	08	08	13	6_11	03	01					Không tên	Đăk Psi	0,94	1635066	559074	Đăk Pxi	1634387	558736	Đăk Pxi	0,66	
1505	08	08	13	6_11	03	02					Không tên	Đăk Psi	0,73	1634206	558641	Đăk Pxi	1634802	558386	Đăk Pxi	0,55	
1506	08	08	13	6_11	03	03					Không tên	Đăk Psi	0,73	1633710	558995	Đăk Pxi	1634041	558513	Đăk Pxi	1,03	
1507	08	08	13	6_11	03	04					Không tên	Đăk Psi	1,04	1634516	557786	Đăk Pxi	1635455	557744	Đăk Pxi	0,82	
1508	08	08	13	6_11	03	05					Không tên	Đăk Psi	0,72	1635055	557068	Đăk Pxi	1634423	557372	Đăk Pxi	0,43	
1509	08	08	13	6_11	03	06					Không tên	Đăk Psi	0,63	1634070	556172	Đăk Pxi	1633549	556480	Đăk Pxi	0,37	
1510	08	08	13	6_11	04						Không tên	Đăk Psi	0,71	1633357	555515	Đăk Pxi	1632720	555265	Đăk Pxi	0,53	
1511	08	08	13	6_11	05						Không tên	Đăk Psi	1,16	1631809	555333	Đăk Pxi	1632789	554797	Đăk Pxi	0,5	
1512	08	08	13	6_12							Không tên	Đăk Psi	2,39	1632511	554034	Đăk Pxi	1630995	555613	Đăk Pxi	2,1	
1513	08	08	13	6_13							Không tên	Đăk Psi	0,79	1631895	553698	Đăk Pxi	1631395	554168	Đăk Pxi	0,66	
1514	08	08	13	6_14							Không tên	Đăk Psi	1,7	1631688	553334	Đăk Pxi	1630524	554336	Đăk Pxi	1,17	
1515	08	08	13	6_15							Đăk Xê	Đăk Psi	9,75	1631500	552586	Tu Mơ Rông	1635413	549565	Đăk Pxi	17,1	
1516	08	08	13	6_15	01						Không tên	Đăk Psi	0,83	1635954	550100	Tu Mơ Rông	1635254	549783	Tu Mơ Rông	0,48	
1517	08	08	13	6_15	02						Không tên	Đăk Psi	0,86	1635519	550475	Tu Mơ Rông	1636247	550481	Tu Mơ Rông	0,57	
1518	08	08	13	6_15	03						Không tên	Đăk Psi	1,5	1637006	549461	Tu Mơ Rông	1636801	550836	Tu Mơ Rông	1,75	
1519	08	08	13	6_15	03	01					Không tên	Đăk Psi	0,55	1636808	550084	Tu Mơ Rông	1636421	549701	Tu Mơ Rông	0,48	
1520	08	08	13	6_15	04						Không tên	Đăk Psi	1,54	1637610	549858	Tu Mơ Rông	1637043	551203	Tu Mơ Rông	2,05	
1521	08	08	13	6_15	04	01					Suối Đăk Mỏ	Đăk Psi	1,23	1638087	550079	Tu Mơ Rông	1637101	550783	Tu Mơ Rông	1,62	
1522	08	08	13	6_15	05						Suối Đăk Mỏ	Đăk Psi	2,54	1637024	551724	Tu Mơ Rông	1638689	550384	Tu Mơ Rông	1,85	
1523	08	08	13	6_15	06						Suối Đăk PĐo	Đăk Psi	1,18	1635920	552474	Tu Mơ Rông	1636127	551353	Tu Mơ Rông	0,92	
1524	08	08	13	6_15	07						Không tên	Đăk Psi	0,71	1635121	552475	Tu Mơ Rông	1635424	551853	Tu Mơ Rông	0,8	
1525	08	08	13	6_16							Không tên	Đăk Psi	0,84	1632220	552061	Tu Mơ Rông	1631427	552030	Tu Mơ Rông	0,75	
1526	08	08	13	6_17							Suối Đăk Tĩa	Đăk Psi	2,54	1631815	551380	Tu Mơ Rông	1632549	551661	Tu Mơ Rông	2,7	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1527	08	08	13	6_17	01						Không tên	Đăk Psi	1,1	1632529	551665	Tu Mơ Rông	1632928	550717	Tu Mơ Rông	0,46	
1528	08	08	13	6_18							Không tên	Đăk Psi	1,08	1632286	550459	Tu Mơ Rông	1631560	551213	Đăk Pxi	1,24	
1529	08	08	13	6_18	01						Không tên	Đăk Psi	0,63	1632098	550722	Tu Mơ Rông	1632687	550656	Tu Mơ Rông	0,56	
1530	08	08	13	06							Sông Đăk Ter	Sông Đăk Psi	16,24	1631073	551178	Tu Mơ Rông	1642626	549275	Đăk Pxi	64,9	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1531	08	08	13	06	01						Đăk Tam	Sông Đăk Ter	1,29	1641420	548493	Tu Mơ Rông	1642498	548072	Tu Mơ Rông	0,65	
1532	08	08	13	06	02						Không tên	Sông Đăk Ter	0,77	1640844	548146	Tu Mơ Rông	1641116	547567	Tu Mơ Rông	0,54	
1533	08	08	13	06	03						Suối Tu Mơ Rông	Sông Đăk Ter	1,22	1639984	548359	Tu Mơ Rông	1640512	549303	Tu Mơ Rông	1,08	
1534	08	08	13	06	03	01					Không tên	Đăk Psi	0,45	1639796	549225	Tu Mơ Rông	1640035	548846	Tu Mơ Rông	0,37	
1535	08	08	13	06	04						Đăk Trang	Sông Đăk Ter	1,66	1641056	547337	Tu Mơ Rông	1639689	548051	Tu Mơ Rông	0,95	
1536	08	08	13	06	05						Không tên	Sông Đăk Ter	1,25	1639277	548003	Tu Mơ Rông	1640076	547106	Tu Mơ Rông	0,57	
1537	08	08	13	06	06						Không tên	Sông Đăk Ter	0,66	1639245	548555	Tu Mơ Rông	1639040	547968	Tu Mơ Rông	0,6	
1538	08	08	13	06	07						Suối Đăk Tíu	Sông Đăk Ter	1,39	1638092	547596	Tu Mơ Rông	1638977	546629	Tu Mơ Rông	0,91	
1539	08	08	13	06	08						Đăk Keng	Sông Đăk Ter	4,05	1635479	544633	Tu Mơ Rông	1637207	547566	Tu Mơ Rông	9,39	
1540	08	08	13	06	08	01					Không tên	Đăk Psi	1,14	1634815	544869	Tu Mơ Rông	1635712	545436	Tu Mơ Rông	0,9	
1541	08	08	13	06	08	02					Không tên	Đăk Psi	0,86	1636304	545919	Tu Mơ Rông	1636557	545118	Tu Mơ Rông	0,6	
1542	08	08	13	06	08	03					Không tên	Đăk Psi	0,87	1636824	546283	Tu Mơ Rông	1636980	545446	Tu Mơ Rông	0,46	
1543	08	08	13	06	08	04					Suối Tê Sua	Đăk Psi	0,8	1637262	545698	Tu Mơ Rông	1637205	546451	Tu Mơ Rông	0,64	
1544	08	08	13	06	08	05					Suối Đăk TĐt	Đăk Psi	3,23	1637161	544269	Tu Mơ Rông	1637328	546736	Tu Mơ Rông	4,18	
1545	08	08	13	06	08	05	01				Không tên	Suối Đăk TĐt	0,56	1637877	544925	Tu Mơ Rông	1638372	544736	Tu Mơ Rông	0,29	
1546	08	08	13	06	09						Suối Đăk San	Sông Đăk Ter	1,98	1635658	547742	Tu Mơ Rông	1635730	545868	Tu Mơ Rông	1,56	
1547	08	08	13	06	10						Suối Mô Pá	Sông Đăk Ter	1,18	1635528	547805	Tu Mơ Rông	1635266	548879	Tu Mơ Rông	0,84	
1548	08	08	13	06	10	01					Không tên	Suối Mô Pá	0,74	1635818	548751	Tu Mơ Rông	1635600	548105	Tu Mơ Rông	0,44	
1549	08	08	13	06	11						Không tên	Sông Đăk Ter	1,11	1635042	547821	Tu Mơ Rông	1634644	548649	Tu Mơ Rông	0,67	
1550	08	08	13	06	12						Không tên	Sông Đăk Ter	1,34	1634485	547440	Tu Mơ Rông	1635170	546438	Tu Mơ Rông	0,74	
1551	08	08	13	06	13						Không tên	Sông Đăk Ter	0,71	1634309	548095	Tu Mơ Rông	1634365	547438	Tu Mơ Rông	0,31	
1552	08	08	13	06	14						Suối Đăk Teo	Sông Đăk Ter	2,1	1635197	545824	Tu Mơ Rông	1634128	547361	Tu Mơ Rông	1,43	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1553	08	08	13	06	15						Suối Đăk Ter	Sông Đăk Ter	4,96	1633864	543758	Tu Mơ Rông	1633487	547645	Tu Mơ Rông	6,01	
1554	08	08	13	06	15	01					Không tên	Đăk Psi	0,62	1634104	544733	Tu Mơ Rông	1634258	544158	Tu Mơ Rông	0,46	
1555	08	08	13	06	15	02					Không tên	Đăk Psi	0,62	1633950	546115	Tu Mơ Rông	1633599	545677	Tu Mơ Rông	0,22	
1556	08	08	13	06	15	03					Không tên	Đăk Psi	1,04	1633167	545725	Tu Mơ Rông	1633601	546646	Tu Mơ Rông	0,43	
1557	08	08	13	06	15	04					Không tên	Đăk Psi	0,98	1633423	547103	Tu Mơ Rông	1632785	546444	Tu Mơ Rông	0,34	
1558	08	08	13	06	16						Không tên	Sông Đăk Ter	0,7	1633197	548061	Tu Mơ Rông	1633823	548317	Tu Mơ Rông	0,16	
1559	08	08	13	06	17						Không tên	Sông Đăk Ter	0,88	1632744	548275	Tu Mơ Rông	1633150	547719	Tu Mơ Rông	0,6	
1560	08	08	13	06	18						Không tên	Sông Đăk Ter	1,1	1633270	548443	Tu Mơ Rông	1632308	548813	Tu Mơ Rông	0,69	
1561	08	08	13	06	19						Không tên	Sông Đăk Ter	2,48	1632130	549394	Tu Mơ Rông	1634154	549364	Tu Mơ Rông	3,55	
1562	08	08	13	06	19	01					Không tên	Đăk Psi	0,38	1633818	549062	Tu Mơ Rông	1634171	548917	Tu Mơ Rông	0,12	
1563	08	08	13	06	19	02					Không tên	Đăk Psi	1,55	1633868	550316	Tu Mơ Rông	1632722	549433	Tu Mơ Rông	2,3	
1564	08	08	13	06	20						Không tên	Sông Đăk Ter	1,82	1630144	549169	Đăk Pxi	1631503	550087	Đăk Pxi	2,2	
1565	08	08	13	06	20	01					Không tên	Đăk Psi	1,61	1631071	549452	Đăk Pxi	1630273	548860	Đăk Pxi	1,33	
1566	08	08	13	06	21						Không tên	Sông Đăk Ter	2,37	1631457	550139	Tu Mơ Rông	1633667	550612	Đăk Pxi	1,16	
1567	08	08	13	06	22						Không tên	Sông Đăk Ter	1,05	1631077	550384	Đăk Pxi	1630420	549618	Đăk Pxi	0,66	
1568	08	08	13	06	23						Không tên	Sông Đăk Ter	1,51	1630977	550601	Đăk Pxi	1629856	549650	Đăk Pxi	1,13	
1569	08	08	13	7_1							Không tên	Đăk Psi	0,96	1630261	551304	Đăk Pxi	1630006	550447	Đăk Pxi	0,89	
1570	08	08	13	7_2							Không tên	Đăk Psi	4,84	1630033	553835	Đăk Pxi	1630033	553835	Đăk Pxi	5,32	
1571	08	08	13	7_2	01						Không tên	Đăk Psi	1,39	1629607	553365	Đăk Pxi	1629382	554591	Đăk Pxi	0,91	
1572	08	08	13	7_2	02						Không tên	Đăk Psi	0,65	1629757	552745	Đăk Pxi	1629167	552910	Đăk Pxi	0,32	
1573	08	08	13	7_2	03	01					Không tên	Đăk Psi	1,02	1630439	552364	Đăk Pxi	1630216	553327	Đăk Pxi	0,55	
1574	08	08	13	7_2	03						Không tên	Đăk Psi	1,37	1630423	552079	Đăk Pxi	1630565	553284	Đăk Pxi	1,07	
1575	08	08	13	7_3							Không tên	Đăk Psi	0,67	1629714	551960	Đăk Pxi	1629518	551347	Đăk Pxi	0,53	
1576	08	08	13	7_4							Đăk xê	Đăk Psi	1,05	1629143	551340	Đăk Pxi	1629493	550394	Đăk Pxi	0,72	
1577	08	08	13	7_5							Te trai	Đăk Psi	0,94	1628782	551389	Đăk Pxi	1629145	552210	Đăk Pxi	1,28	
1578	08	08	13	7_6							Không tên	Đăk Psi	0,9	1628222	551276	Đăk Pxi	1628755	550624	Đăk Pxi	0,38	
1579	08	08	13	7_7							Tenum	Đăk Psi	2,17	1628009	552136	Đăk Pxi	1628814	553994	Đăk Pxi	2,43	
1580	08	08	13	7_7	01						Không tên	Đăk Psi	0,65	1628893	553192	Đăk Pxi	1628292	552993	Đăk Pxi	0,16	
1581	08	08	13	7_7	02						TePo	Đăk Psi	0,84	1628709	552630	Đăk Pxi	1628046	552214	Đăk Pxi	0,54	
1582	08	08	13	7_8							Tesu	Đăk Psi	1,26	1627524	552223	Đăk Pxi	1627949	553308	Đăk Pxi	1,22	
1583	08	08	13	7_8	01						Không tên	Đăk Psi	0,7	1627785	552578	Đăk Pxi	1627513	553196	Đăk Pxi	0,57	
1584	08	08	13	7_9							Jor	Đăk Psi	0,93	1626902	552207	Đăk Pxi	1627209	553009	Đăk Pxi	0,99	
1585	08	08	13	07							Sông Đăk Trưa	Sông Đăk Hring	15,67	1620594	559898	Đăk Ui	1626784	551874	Đăk Pxi	65,8	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1586	08	08	13	07	01						Không tên	Sông Đăk Trưa	1,41	1621668	560212	Đăk Ui	1621729	561332	Đăk Ui	1	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1587	08	08	13	07	01	01					Không Tên	Sông Đăk Truă	0,63	1621322	561300	Đăk Ui	1621457	560701	Đăk Ui	0,67	
1588	08	08	13	07	01	02					Không Tên	Sông Đăk Truă	0,47	1621013	560677	Đăk Ui	1621427	560608	Đăk Ui	0,37	
1589	08	08	13	07	02						Không tên	Sông Đăk Truă	0,71	1621706	560243	Đăk Pxi	1621968	559603	Đăk Pxi	0,59	
1590	08	08	13	07	03						Không tên	Sông Đăk Truă	0,87	1622674	559952	Đăk Pxi	1623480	559895	Đăk Pxi	0,79	
1591	08	08	13	07	04						Không tên	Sông Đăk Truă	1,44	1623016	558945	Đăk Pxi	1623801	559698	Đăk Pxi	1,26	
1592	08	08	13	07	04	01					Không tên	Sông Đăk Truă	0,84	1623654	558899	Đăk Pxi	1623716	559644	Đăk Pxi	0,45	
1593	08	08	13	07	05						Không tên	Sông Đăk Truă	1,58	1624191	561052	Đăk Pxi	1623964	559605	Đăk Pxi	0,75	
1594	08	08	13	07	06						Không tên	Sông Đăk Truă	1,85	1624515	561074	Đăk Pxi	1624052	559544	Đăk Pxi	0,8	
1595	08	08	13	07	07						Không tên	Sông Đăk Truă	0,77	1624106	559522	Đăk Pxi	1624008	558820	Đăk Pxi	0,46	
1596	08	08	13	07	08						Không tên	Sông Đăk Truă	1,78	1624544	559459	Đăk Pxi	1625127	561046	Đăk Pxi	0,85	
1597	08	08	13	07	9_1						Không tên	Sông Đăk Truă	1,05	1624202	557921	Đăk Pxi	1624462	558797	Đăk Pxi	0,78	
1598	08	08	13	07	09						Không tên	Sông Đăk Truă	1,6	1624083	558196	Đăk Pxi	1624642	559367	Đăk Pxi	1,98	
1599	08	08	13	07	10						Không tên	Sông Đăk Truă	0,84	1625268	559949	Đăk Pxi	1624806	559365	Đăk Pxi	0,52	
1600	08	08	13	07	11						Không tên	Sông Đăk Truă	2,86	1625559	561417	Đăk Pxi	1625496	558878	Đăk Pxi	1,61	
1601	08	08	13	07	12						Không tên	Sông Đăk Truă	1,13	1625813	558762	Đăk Pxi	1626253	559682	Đăk Pxi	0,72	
1602	08	08	13	07	13						Không tên	Sông Đăk Truă	0,79	1625181	558300	Đăk Pxi	1625879	558596	Đăk Pxi	0,76	
1603	08	08	13	07	14						Không tên	Sông Đăk Truă	0,6	1625879	558596	Đăk Pxi	1626475	558619	Đăk Pxi	0,33	
1604	08	08	13	07	15						Không tên	Sông Đăk Truă	0,73	1626235	559118	Đăk Pxi	1626649	558529	Đăk Pxi	0,83	
1605	08	08	13	07	16						Đăk Truă	Sông Đăk Truă	3,92	1626753	558502	Đăk Pxi	1626891	561439	Đăk Pxi	6,28	
1606	08	08	13	07	16	01					Không tên	Sông Đăk Truă	1,44	1627556	559007	Đăk Pxi	1628589	558545	Đăk Pxi	0,87	
1607	08	08	13	07	17						Đăk crum	Sông Đăk Truă	1,78	1625205	557225	Đăk Pxi	1626662	558165	Đăk Pxi	1,69	
1608	08	08	13	07	18						Te hrú	Sông Đăk Truă	1	1627143	557528	Đăk Pxi	1626342	557097	Đăk Pxi	0,49	
1609	08	08	13	07	19						Đăk Rton	Sông Đăk Truă	1,98	1625512	556200	Đăk Pxi	1627180	556265	Đăk Pxi	1,83	
1610	08	08	13	07	20						Te Stông	Sông Đăk Truă	0,85	1626289	555488	Đăk Pxi	1627032	555159	Đăk Pxi	1,34	
1611	08	08	13	07	21						Đăk Keo	Sông Đăk Truă	8,34	1627353	554242	Đăk Pxi	1631971	558254	Đăk Pxi	14,7	
1612	08	08	13	07	21	01					Không tên	Đăk Keo	1,44	1629981	558028	Đăk Pxi	1629421	559067	Đăk Pxi	1,29	
1613	08	08	13	07	21	01	01				Không tên	Đăk Keo	0,86	1629230	558597	Đăk Pxi	1630019	558401	Đăk Pxi	0,85	
1614	08	08	13	07	21	01	02				Không tên	Đăk Keo	1,86	1631744	558535	Đăk Pxi	1630082	558358	Đăk Pxi	1,25	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1615	08	08	13	07	21	02					Không tên	Đăk Keo	0,92	1630579	557727	Đăk Pxi	1631224	557102	Đăk Pxi	0,88	
1616	08	08	13	07	21	03					Không tên	Đăk Keo	0,91	1629532	557637	Đăk Pxi	1630295	557315	Đăk Pxi	0,51	
1617	08	08	13	07	21	04					Không tên	Đăk Keo	0,85	1628545	556171	Đăk Pxi	1629294	556517	Đăk Pxi	0,75	
1618	08	08	13	07	21	05					Không tên	Đăk Keo	1,74	1630053	556110	Đăk Pxi	1628473	555931	Đăk Pxi	1,55	
1619	08	08	13	07	21	06					Đăk xeu	Đăk Keo	0,91	1627946	554680	Đăk Pxi	1628745	554333	Đăk Pxi	0,96	
1620	08	08	13	07	22						Đăk Re	Sông Đăk Trưa	6,59	1626248	552459	Đăk Pxi	1624881	556712	Đăk Pxi	9,8	
1621	08	08	13	07	22	01					Không tên	Đăk Re	0,63	1624348	555908	Đăk Pxi	1623998	556366	Đăk Pxi	0,48	
1622	08	08	13	07	22	02					Không tên	Đăk Re	1,67	1623690	556228	Đăk Pxi	1623665	554798	Đăk Pxi	1,53	
1623	08	08	13	07	22	03					Không tên	Đăk Re	1,7	1623777	554134	Đăk Pxi	1624866	555247	Đăk Pxi	1,99	
1624	08	08	13	07	22	04					Không tên	Đăk Re	0,79	1623105	553940	Đăk Pxi	1623858	554054	Đăk Pxi	0,62	
1625	08	08	13	07	22	05					Đăk tang	Đăk Re	0,51	1624844	553193	Đăk Pxi	1625070	553643	Đăk Pxi	0,68	
1626	08	08	13	07	23						Đăk trưa	Sông Đăk Trưa	3,1	1623797	552370	Đăk Pxi	1626501	552077	Đăk Pxi	4,12	
1627	08	08	13	07	23	01					Không tên	Đăk trưa	1,48	1623760	553224	Đăk Pxi	1625024	552621	Đăk Pxi	0,8	
1628	08	08	13	07	23	01	01	01			Không tên	Đăk trưa	0,73	1624723	551720	Đăk Pxi	1624031	551923	Đăk Pxi	0,37	
1629	08	08	13	07	23	02					Không tên	Đăk trưa	1,72	1624266	551482	Đăk Pxi	1625651	552321	Đăk Pxi	1,53	
1630	08	08	13	07	23	02	01				Đăk Pe	Đăk trưa	0,89	1624802	551618	Đăk Pxi	1624186	552164	Đăk Pxi	0,84	
1631	08	08	13	8_1							Đăk Hvin	Đăk Psi	1,02	1626489	551442	Đăk Pxi	1625548	551490	Đăk Pxi	0,61	
1632	08	08	13	8_2							Không tên	Đăk Psi	0,67	1627484	551361	Đăk Pxi	1627109	550859	Đăk Pxi	0,47	
1633	08	08	13	8_3							Không tên	Đăk Psi	2,73	1626995	550183	Đăk Pxi	1629282	549994	Đăk Pxi	2,21	
1634	08	08	13	8_3	01						Không tên	Đăk Psi	1,61	1627779	550269	Đăk Pxi	1628905	549507	Đăk Pxi	0,69	
1635	08	08	13	8_3	02						Không tên	Đăk Psi	0,68	1627751	550813	Đăk Pxi	1627225	550468	Đăk Pxi	0,52	
1636	08	08	13	8_4							Không tên	Đăk Psi	1,1	1627017	550011	Đăk Pxi	1627897	549469	Đăk Pxi	0,7	
1637	08	08	13	8_5							Hvăng	Đăk Psi	1,17	1626173	550090	Đăk Pxi	1625689	551107	Đăk Pxi	0,86	
1638	08	08	13	8_5	01						Không tên	Sông Đăk Psi	0,7	1625486	551054	Đăk Pxi	1625917	550546	Đăk Pxi	0,46	
1639	08	08	13	8_6							Te Pah	Đăk Psi	0,91	1625477	550651	Đăk Pxi	1626078	549984	Đăk Pxi	0,59	
1640	08	08	13	08							Sông Đăk Biên	Đăk Psi	10,58	1625980	549860	Kon Đào	1632748	544680	Đăk Pxi	26,68	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1641	08	08	13	08	01						Không tên	Đăk Psi	1,33	1630592	543956	Kon Đào	1631213	544985	Kon Đào	1,3	
1642	08	08	13	08	02						Không tên	Đăk Psi	1,57	1632618	545430	Tu Mơ Rông	1631093	545558	Kon Đào	1,33	
1643	08	08	13	08	03						Không tên	Đăk Psi	0,86	1631259	546626	Tu Mơ Rông	1630590	546928	Tu Mơ Rông	1,13	
1644	08	08	13	08	03	01					Không tên	Đăk Psi	0,8	1630879	546868	Tu Mơ Rông	1631287	547517	Tu Mơ Rông	0,34	
1645	08	08	13	08	04						Không tên	Sông Đăk Po Nga	0,83	1630939	547684	Tu Mơ Rông	1630531	547028	Tu Mơ Rông	0,44	
1646	08	08	13	08	05						Không tên	Sông Đăk Psi	0,97	1630613	547913	Đăk Pxi	1630343	547083	Tu Mơ Rông	0,37	
1647	08	08	13	08	06						Không tên	Sông Đăk Biên	2,1	1629143	545595	Đăk Pxi	1629675	547287	Đăk Pxi	2,52	
1648	08	08	13	08	06	01					Suối Đăk Tang 2	Sông Đăk Psi	2,3	1629867	546995	Kon Đào	1629628	545038	Đăk Pxi	1,47	
1649	08	08	13	08	07						Không tên	Sông Đăk Biên	0,97	1630193	547817	Đăk Pxi	1629346	547507	Đăk Pxi	0,71	
1650	08	08	13	08	08						Không tên	Sông Đăk Biên	0,97	1628532	547861	Đăk Pxi	1628819	547002	Đăk Pxi	0,31	
1651	08	08	13	08	09						Không tên	Sông Đăk Biên	0,66	1628313	547879	Đăk Pxi	1628794	548298	Đăk Pxi	0,64	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1652	08	08	13	08	10						Không tên	Sông Đăk Biên	2,84	1627890	547932	Đăk Pxi	1628938	545488	Đăk Pxi	2,89	
1653	08	08	13	08	11						Không tên	Sông Đăk Biên	2,74	1629903	549033	Đăk Pxi	1627873	548310	Đăk Pxi	1,98	
1654	08	08	13	08	11	01					Không tên	Sông Đăk Biên	1,21	1629698	548545	Đăk Pxi	1628707	549024	Đăk Pxi	0,47	
1655	08	08	13	08	12						Không tên	Sông Đăk Biên	1,09	1627273	548584	Đăk Pxi	1628066	549224	Đăk Pxi	0,86	
1656	08	08	13	08	13						Không tên	Sông Đăk Biên	3,13	1627721	545891	Đăk Pxi	1627171	548570	Đăk Pxi	1,56	
1657	08	08	13	08	13	01					Không tên	Sông Đăk Biên	0,85	1627444	546867	Đăk Pxi	1627874	546181	Đăk Pxi	0,67	
1658	08	08	13	08	14						Không tên	Sông Đăk Biên	1,45	1626867	547550	Đăk Pxi	1627000	548845	Đăk Pxi	0,77	
1659	08	08	13	08	15						Không tên	Sông Đăk Biên	1,74	1626547	547730	Đăk Pxi	1626701	549080	Đăk Pxi	0,98	
1660	08	08	13	9_1							Không tên	Sông Đăk Psi	1,53	1625542	548205	Đăk Pxi	1625629	549657	Đăk Pxi	1,4	
1661	08	08	13	9_2							TePrun	Đăk Psi	0,96	1625219	550653	Đăk Pxi	1625170	549711	Đăk Pxi	0,54	
1662	08	08	13	9_3							Te Cao	Đăk Psi	1,76	1624379	549594	Đăk Pxi	1623426	551022	Đăk Pxi	3,52	
1663	08	08	13	9_3	01						Không tên	Tê Cao	1,41	1623741	551426	Đăk Pxi	1623921	550095	Đăk Pxi	0,88	
1664	08	08	13	9_3	02						Không tên	Tê Cao	0,64	1623562	549873	Đăk Pxi	1624162	549771	Đăk Pxi	0,13	
1665	08	08	13	9_3	03						Tehrô	Tê Cao	0,68	1624344	549633	Đăk Pxi	1623680	549635	Đăk Pxi	0,55	
1666	08	08	13	9_3	04						Te Tân	Tê Cao	1,47	1624344	549633	Đăk Pxi	1624375	551055	Đăk Pxi	2,11	
1667	08	08	13	9_3	04	01					Không tên	Tê Cao	0,77	1624937	550723	Đăk Pxi	1624485	550136	Đăk Pxi	0,89	
1668	08	08	13	9_4							Không tên	Sông Đăk Psi	0,94	1624335	548821	Đăk Pxi	1625189	548547	Đăk Pxi	0,41	
1669	08	08	13	9_5							Không tên	Sông Đăk Psi	1,13	1625237	548308	Đăk Pxi	1624206	548619	Đăk Pxi	0,53	
1670	08	08	13	9_6							Không tên	Sông Đăk Psi	2,66	1626163	547359	Đăk Pxi	1624020	548647	Đăk Pxi	1,52	
1671	08	08	13	9_7							Không tên	Đăk Psi	1,9	1623571	546764	Đăk Pxi	1623826	548594	Đăk Pxi	2,07	
1672	08	08	13	9_7	01						Không tên	Sông Đăk Psi	1,41	1624864	546894	Đăk Pxi	1623699	547566	Đăk Pxi	0,86	
1673	08	08	13	9_7	02						Không tên	Sông Đăk Psi	0,68	1623780	548024	Đăk Pxi	1624305	547651	Đăk Pxi	0,64	
1674	08	08	13	9_8							Không tên	Sông Đăk Psi	1,1	1623348	548629	Đăk Pxi	1623167	547602	Đăk Pxi	0,52	
1675	08	08	13	9_9							Đăk Ke	Đăk Psi	1,58	1622012	548587	Đăk Pxi	1623005	549722	Đăk Pxi	0,87	
1676	08	08	13	9_10							Đăk Wét	Đăk Psi	2,66	1621872	548556	Đăk Pxi	1619728	549859	Đăk Pxi	22,79	
1677	08	08	13	9_10	01						Không tên	Đăk Wét	0,65	1619699	549413	Đăk Pxi	1620282	549669	Đăk Pxi	0,32	
1678	08	08	13	9_10	02						Không tên	Đăk Wét	0,6	1620155	549290	Đăk Pxi	1620687	549475	Đăk Pxi	0,29	
1679	08	08	13	9_10	03						Không tên	Đăk Wét	1,14	1620512	550559	Đăk Pxi	1620708	549476	Đăk Pxi	0,39	
1680	08	08	13	9_10	04						Không tên	Đăk Wét	1,23	1620688	550435	Đăk Pxi	1621025	549310	Đăk Pxi	0,72	
1681	08	08	13	9_10	05						Đăk Me	Đăk Wét	0,78	1620663	548716	Đăk Pxi	1621329	549061	Đăk Pxi	0,41	
1682	08	08	13	9_10	06						Đăk Soa	Đăk Wét	4,78	1621661	548891	Đăk Pxi	1620787	552562	Đăk Pxi	19,56	
1683	08	08	13	9_10	06	01					Không tên	Sông Đăk Psi	1,16	1620170	551840	Đăk Mar	1621152	551545	Đăk Pxi	0,56	
1684	08	08	13	9_10	06	02					Không tên	Đăk Soa	1,05	1620654	550792	Đăk Pxi	1621653	551015	Đăk Pxi	0,55	
1685	08	08	13	9_10	06	03					Không tên	Đăk Soa	6,9	1621887	550956	Đăk Pxi	1622557	556869	Đăk Pxi	10,61	
1686	08	08	13	9_10	06	03	01				Không tên	Đăk Soa	0,57	1621891	556924	Đăk Pxi	1621892	556361	Đăk Pxi	0,76	
1687	08	08	13	9_10	06	03	02				Không tên	Đăk Soa	0,48	1621724	555940	Đăk Pxi	1622087	556225	Đăk Pxi	0,88	

STT	Mã sông									Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác	
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9			X	Y		X	Y				
1688	08	08	13	9_10	06	03	03				Không tên	Đăk Soa	0,7	1621120	556181	Đăk Pxi	1621698	555890	Đăk Pxi	0,93	
1689	08	08	13	9_10	06	03	04				Không tên	Đăk Soa	0,54	1621534	554477	Đăk Pxi	1621969	554397	Đăk Pxi	0,21	
1690	08	08	13	9_10	06	03	05				Không tên	Đăk Soa	1,38	1622161	554015	Đăk Pxi	1623017	554980	Đăk Pxi	1,28	
1691	08	08	13	9_10	06	03	05	01			Không tên	Sông Đăk Hring	0,69	1622341	554102	Đăk Pxi	1622343	554773	Đăk Pxi	0,46	
1692	08	08	13	9_10	06	03	06				Không tên	Sông Đăk Psi	0,87	1622100	553523	Đăk Pxi	1622948	553597	Đăk Pxi	0,47	
1693	08	08	13	9_10	06	03	07				Không tên	Đăk Soa	0,66	1621497	553549	Đăk Pxi	1621998	553212	Đăk Pxi	0,56	
1694	08	08	13	9_10	06	03	08				Không tên	Sông Đăk Psi	0,71	1622001	552913	Đăk Pxi	1622678	553033	Đăk Pxi	0,57	
1695	08	08	13	9_10	06	03	09				Không tên	Đăk Soa	0,74	1621297	552835	Đăk Pxi	1621994	552856	Đăk Pxi	0,47	
1696	08	08	13	9_10	06	03	10				Không tên	Đăk Soa	0,89	1621987	552816	Đăk Pxi	1622859	552858	Đăk Pxi	0,55	
1697	08	08	13	9_10	06	03	11				Không tên	Đăk Soa	0,53	1621601	552564	Đăk Pxi	1622036	552267	Đăk Pxi	0,33	
1698	08	08	13	9_10	06	03	12				Không tên	Đăk Soa	1,03	1621209	552455	Đăk Pxi	1622036	551971	Đăk Pxi	0,73	
1699	08	08	13	9_10	06	03	13				Đăk Teeng	Đăk Soa	0,61	1621473	551789	Đăk Pxi	1622044	551820	Đăk Pxi	0,29	
1700	08	08	13	9_10	06	04					Đăk Năng	Đăk Soa	1,62	1622037	550760	Đăk Pxi	1623162	551796	Đăk Pxi	1,47	
1701	08	08	13	9_10	06	04	01				Đăk chen	Đăk Năng	0,66	1622741	550787	Đăk Pxi	1622132	550814	Đăk Pxi	0,36	
1702	08	08	13	9_10	06	05					Không tên	Đăk Soa	0,65	1621418	550420	Đăk Pxi	1621977	550155	Đăk Pxi	0,35	
1703	08	08	13	9_10	06	06					Không tên	Đăk Soa	0,97	1621176	550387	Đăk Pxi	1621974	550129	Đăk Pxi	0,67	
1704	08	08	13	9_10	06	07					Đăk tren	Đăk Soa	0,85	1622238	549628	Đăk Pxi	1622998	549979	Đăk Pxi	0,76	
1705	08	08	13	9_10	06	08					Đăk Tông	Đăk Soa	1,56	1620920	550313	Đăk Pxi	1621873	549228	Đăk Pxi	0,75	
1706	08	08	13	9_10	07						Không tên	Đăk Wét	0,78	1621011	548669	Đăk Pxi	1621732	548628	Đăk Pxi	0,43	
1707	08	08	13	9_11							Không tên	Đăk Psi	0,79	1621127	548270	Đăk Pxi	1621550	547806	Đăk Pxi	0,59	
1708	08	08	13	9_12							Không tên	Đăk Psi	1,29	1622658	547112	Đăk Pxi	1621548	547707	Đăk Pxi	1,2	
1709	08	08	13	9_12	01						Không tên	Sông Đăk Psi	0,82	1622165	546993	Đăk Pxi	1621676	547625	Đăk Pxi	0,36	
1710	08	08	13	9_13							Không tên	Đăk Psi	1,12	1620841	548263	Đăk Pxi	1621380	547312	Đăk Pxi	0,48	
1711	08	08	13	9_14							Không tên	Đăk Psi	0,86	1622515	546495	Đăk Pxi	1621691	546476	Đăk Pxi	0,43	
1712	08	08	13	9_15							Không tên	Đăk Psi	9,03	1627954	543949	Đăk Pxi	1621411	546103	Đăk Pxi	18,69	
1713	08	08	13	9_15	01						Không tên	Sông Đăk Psi	0,71	1627314	544711	Đăk Pxi	1627970	544500	Đăk Pxi	0,43	
1714	08	08	13	9_15	02						Không tên	Sông Đăk Psi	0,72	1627873	544892	Đăk Pxi	1627183	544995	Đăk Pxi	0,27	
1715	08	08	13	9_15	03						Không tên	Sông Đăk Psi	0,77	1627233	546004	Đăk Pxi	1626701	545474	Đăk Pxi	0,84	
1716	08	08	13	9_15	04						Không tên	Sông Đăk Psi	0,88	1626898	544676	Đăk Pxi	1626440	545387	Đăk Pxi	0,52	
1717	08	08	13	9_15	05						Không tên	Đăk Psi	1,08	1624681	544211	Đăk Pxi	1624963	545178	Đăk Pxi	1,35	
1718	08	08	13	9_15	05	01					Không tên	Sông Đăk Psi	0,56	1625360	544541	Đăk Pxi	1625020	544917	Đăk Pxi	0,46	
1719	08	08	13	9_15	06						Không tên	Đăk Psi	2,9	1624116	545734	Đăk Pxi	1626585	546551	Đăk Pxi	3,33	
1720	08	08	13	9_15	06	01					Không tên	Sông Đăk Psi	0,86	1626335	546084	Đăk Pxi	1625580	546467	Đăk Pxi	0,49	
1721	08	08	13	9_15	07						Không tên	Sông Đăk Psi	2,01	1624344	544501	Đăk Pxi	1623608	545794	Đăk Pxi	1,22	
1722	08	08	13	9_15	08						Không tên	Sông Đăk Psi	1,27	1624423	546471	Đăk Pxi	1623558	545825	Đăk Pxi	0,88	
1723	08	08	13	9_15	09						Không tên	Sông Đăk Psi	0,94	1623120	545857	Đăk Pxi	1623259	546725	Đăk Pxi	0,64	
1724	08	08	13	9_15	10						Không tên	Sông Đăk Psi	1,47	1622441	545206	Đăk Pxi	1623507	544368	Đăk Pxi	1,2	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1725	08	08	13	9_15	11						Không tên	Sông Đăk Psi	1,44	1622064	545271	Đăk Pxi	1622870	544168	Đăk Pxi	0,5	
1726	08	08	13	9_15	12						Không tên	Đăk Psi	1,18	1621991	544284	Đăk Pxi	1621961	545368	Đăk Pxi	0,72	
1727	08	08	13	9_15	13						Không tên	Đăk Psi	0,93	1621894	545448	Đăk Pxi	1622634	545951	Đăk Pxi	0,49	
1728	08	08	13	9_15	14						Không tên	Đăk Psi	0,53	1621007	545604	Đăk Pxi	1621409	545914	Đăk Pxi	0,54	
1729	08	08	13	9_16							Không tên	Đăk Psi	0,71	1620625	547474	Đăk Pxi	1620735	546829	Đăk Pxi	0,33	
1730	08	08	13	9_17							Không tên	Đăk Psi	1,08	1620585	545639	Đăk Pxi	1620542	546533	Đăk Pxi	0,43	
1731	08	08	13	9_18							Không tên	Đăk Psi	2,01	1620171	546324	Đăk Pxi	1619375	547765	Đăk Pxi	1,33	
1732	08	08	13	9_18	01						Không tên	Đăk Psi	1,09	1619562	548219	Đăk Pxi	1620083	547301	Đăk Pxi	0,82	
1733	08	08	13	9_19							Không tên	Đăk Psi	0,79	1619496	546638	Đăk Pxi	1619716	545901	Đăk Pxi	0,75	
1734	08	08	13	9_20							Không tên	Đăk Psi	0,99	1618725	546476	Đăk Pxi	1618940	545623	Đăk Pxi	0,59	
1735	08	08	13	09							Sông Đăk Hring	Đăk Psi	31,58	1623285	557341	Đăk Pxi	1617985	544634	Đăk Pxi	84,36	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1736	08	08	13	09	01						Không tên	Sông Đăk Hring	0,87	1622457	558052	Đăk Pxi	1623289	558114	Đăk Pxi	0,45	
1737	08	08	13	09	02						Không tên	Sông Đăk Hring	1,21	1622216	558466	Đăk Pxi	1623285	558382	Đăk Pxi	0,91	
1738	08	08	13	09	03						Không tên	Sông Đăk Hring	0,57	1621863	559145	Đăk Pxi	1621877	558615	Đăk Pxi	1,06	
1739	08	08	13	09	04						Không tên	Sông Đăk Hring	0,77	1621520	559047	Đăk Pxi	1621672	558323	Đăk Pxi	0,69	
1740	08	08	13	09	05						Không tên	Sông Đăk Hring	0,57	1621285	558782	Đăk Pxi	1621523	558318	Đăk Pxi	0,53	
1741	08	08	13	09	06						Không tên	Sông Đăk Hring	0,68	1621079	558754	Đăk Pxi	1621162	558090	Đăk Pxi	0,48	
1742	08	08	13	09	07						Không tên	Sông Đăk Hring	1,25	1620782	557824	Đăk Pxi	1621805	557297	Đăk Pxi	0,59	
1743	08	08	13	09	08						Không tên	Sông Đăk Hring	0,76	1620732	558489	Đăk Pxi	1620456	557784	Đăk Pxi	0,43	
1744	08	08	13	09	09						Không tên	Sông Đăk Hring	1,21	1621403	557258	Đăk Pxi	1620331	557671	Đăk Pxi	0,83	
1745	08	08	13	09	09	01					Không tên	Sông Đăk Hring	0,81	1620655	557605	Đăk Pxi	1621172	557028	Đăk Pxi	0,46	
1746	08	08	13	09	10						Không Tên	Sông Đăk Hring	4,87	1620346	557748	Đăk Ui	1620915	561409	Đăk Pxi	5,3	
1747	08	08	13	09	10	01					Suối Đăk Plang	Sông Đăk Hring	1,09	1619491	560162	Đăk Ui	1620152	559617	Đăk Ui	0,55	
1748	08	08	13	09	10	02					Không Tên	Sông Đăk Hring	1	1620026	559053	Đăk Ui	1620205	558382	Đăk Ui	0,51	
1749	08	08	13	09	10	03					Không Tên	Sông Đăk Hring	2,2	1620068	558123	Đăk Ui	1619105	559150	Đăk Ui	1,61	
1750	08	08	13	09	10	03	01				Không Tên	Sông Đăk Hring	0,54	1619035	558339	Đăk Ui	1619108	557825	Đăk Ui	0,42	
1751	08	08	13	09	10	03	02				Không Tên	Sông Đăk Hring	0,99	1619532	559191	Đăk Ui	1619615	558300	Đăk Ui	0,82	
1752	08	08	13	09	11						Không tên	Sông Đăk Hring	0,84	1619439	557786	Đăk Ui	1619730	557119	Đăk Ui	0,51	
1753	08	08	13	09	12						Không tên	Sông Đăk Hring	1,18	1618855	557504	Đăk Ui	1619654	556956	Đăk Ui	0,6	
1754	08	08	13	09	13						Không tên	Sông Đăk Hring	1,11	1619836	556615	Đăk Pxi	1620863	556704	Đăk Ui	0,55	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1755	08	08	13	09	14						Không tên	Sông Đăk Hring	0,73	1619858	556403	Đăk Pxi	1620528	556309	Đăk Pxi	0,47	
1756	08	08	13	09	15						Không tên	Sông Đăk Hring	0,5	1620549	555893	Đăk Pxi	1620248	555528	Đăk Pxi	0,34	
1757	08	08	13	09	16						Không tên	Sông Đăk Hring	0,82	1619590	555407	Đăk Ui	1620302	555146	Đăk Ui	0,52	
1758	08	08	13	09	17						Không tên	Sông Đăk Hring	0,94	1621100	555534	Đăk Pxi	1620448	554903	Đăk Ui	0,83	
1759	08	08	13	09	18						Không tên	Sông Đăk Hring	1,5	1620662	554643	Đăk Pxi	1621346	555345	Đăk Pxi	0,97	
1760	08	08	13	09	19						Không tên	Sông Đăk Hring	0,72	1619985	554297	Đăk Ui	1620611	554500	Đăk Ui	0,67	
1761	08	08	13	09	20						Không Tên	Sông Đăk Hring	1,63	1619875	553075	Đăk Ui	1619680	554501	Đăk Ui	1,67	
1762	08	08	13	09	21						Không tên	Sông Đăk Hring	1,25	1619289	553322	Đăk Ui	1618494	552842	Đăk Ui	1,17	
1763	08	08	13	09	22						Đăk Knom	Sông Đăk Hring	1,27	1619192	552277	Đăk Mar	1618062	552444	Đăk Ui	0,58	
1764	08	08	13	09	23						Đăk Mat	Sông Đăk Hring	7,93	1619404	556581	Đăk Ui	1617976	552426	Đăk Ui	12,47	
1765	08	08	13	09	23	01					Không Tên	Đăk Mat	0,56	1618647	556061	Đăk Ui	1619063	556359	Đăk Ui	0,31	
1766	08	08	13	09	23	02					Không Tên	Sông Đăk Hring	0,84	1618591	555952	Đăk Ui	1619335	555686	Đăk Ui	0,54	
1767	08	08	13	09	23	03					Không Tên	Đăk Mat	1,41	1617864	555820	Đăk Ui	1617301	556958	Đăk Ui	1,88	
1768	08	08	13	09	23	03	01				Không Tên	Sông Đăk Hring	1,86	1618068	557206	Đăk Ui	1617869	555852	Đăk Ui	0,85	
1769	08	08	13	09	23	04					Không Tên	Sông Đăk Hring	0,67	1617609	555481	Đăk Ui	1618127	555207	Đăk Ui	0,29	
1770	08	08	13	09	23	05					Không Tên	Sông Đăk Hring	0,56	1617530	555347	Đăk Ui	1617968	555068	Đăk Ui	0,33	
1771	08	08	13	09	23	06					Không Tên	Đăk Mat	1,89	1617220	555201	Đăk Ui	1616872	556647	Đăk Ui	2,78	
1772	08	08	13	09	23	06	01				Không Tên	Đăk Mat	0,57	1616897	555691	Đăk Ui	1617297	555839	Đăk Ui	0,35	
1773	08	08	13	09	23	06	02				Không Tên	Đăk Mat	0,93	1616083	555486	Đăk Ui	1616740	555490	Đăk Ui	0,86	
1774	08	08	13	09	23	07					Không Tên	Sông Đăk Hring	0,52	1616717	554309	Đăk Ui	1617026	553948	Đăk Ui	0,35	
1775	08	08	13	09	23	08					Không Tên	Đăk Mat	2,46	1617514	553742	Đăk Ui	1618965	555209	Đăk Ui	2,23	
1776	08	08	13	09	23	08	01				Không Tên	Đăk Mat	0,44	1618851	554766	Đăk Ui	1619215	554985	Đăk Ui	0,69	
1777	08	08	13	09	23	08	02				Không Tên	Đăk Mat	0,84	1617871	554261	Đăk Ui	1618408	554894	Đăk Ui	0,61	
1778	08	08	13	09	23	09					Không tên	Sông Đăk Hring	1,11	1616117	552730	Đăk Ui	1617177	552608	Đăk Ui	0,94	
1779	08	08	13	09	24						Không tên	Sông Đăk Hring	0,91	1618542	551722	Đăk Mar	1617871	552257	Đăk Mar	0,51	
1780	08	08	13	09	25						Không tên	Sông Đăk Hring	1,64	1615825	551749	Đăk Mar	1617108	551095	Đăk Mar	1,21	
1781	08	08	13	09	26						Đăk Re	Sông Đăk Hring	4,19	1617473	550814	Đăk Mar	1619671	548476	Đăk Mar	5,54	
1782	08	08	13	09	26	01					Đăk Tin	Đăk Re	1,85	1620265	551183	Đăk Mar	1618859	550383	Đăk Mar	1,24	
1783	08	08	13	09	26	01	01				Không tên	Đăk Re	0,92	1619914	551538	Đăk Mar	1619724	550657	Đăk Mar	0,76	
1784	08	08	13	09	26	02					Đăk Pi	Đăk Re	2,6	1618539	550506	Đăk Mar	1619960	552355	Đăk Mar	2,25	
1785	08	08	13	09	26	02	01				Không tên	Đăk Pi	0,54	1618765	550920	Đăk Mar	1619266	550989	Đăk Mar	0,35	
1786	08	08	13	09	27						Đăk Trao	Sông Đăk Hring	1,06	1618283	550280	Đăk Mar	1617403	550287	Đăk Mar	0,36	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1787	08	08	13	09	28						Đăk Trai	Sông Đăk Hring	2,48	1618876	548665	Đăk Mar	1617313	550200	Đăk Mar	1,3	
1788	08	08	13	09	28	01					Không tên	Đăk Trai	0,67	1618082	549310	Đăk Mar	1617897	549933	Đăk Mar	0,34	
1789	08	08	13	09	29						Không tên	Sông Đăk Hring	0,61	1616379	550347	Đăk Mar	1616621	549943	Đăk Mar	0,46	
1790	08	08	13	09	30						Đăk Vao	Sông Đăk Hring	2,74	1618680	548602	Đăk Mar	1616341	549298	Đăk Mar	2,06	
1791	08	08	13	09	30	01					Đăk Pu	Đăk Vao	0,66	1617188	548712	Đăk Mar	1616760	549205	Đăk Mar	0,91	
1792	08	08	13	09	31						Đăk Mot	Sông Đăk Hring	0,74	1616747	548768	Đăk Mar	1616108	549101	Đăk Mar	0,55	
1793	08	08	13	09	32						Không tên	Sông Đăk Hring	1,69	1615344	550907	Đăk Mar	1615515	549411	Đăk Mar	1,44	
1794	08	08	13	09	33						Đăk Kreng	Sông Đăk Hring	0,98	1615620	548571	Đăk Mar	1615046	549310	Đăk Mar	0,77	
1795	08	08	13	09	34						Không tên	Sông Đăk Hring	1,44	1614724	549301	Đăk Mar	1614658	550694	Đăk Mar	1,35	
1796	08	08	13	09	34	01					Không tên	Sông Đăk Hring	0,54	1615011	550082	Đăk Mar	1614656	549773	Đăk Mar	0,39	
1797	08	08	13	09	34	02					Không tên	Sông Đăk Hring	0,7	1614094	549896	Đăk Mar	1614675	549555	Đăk Mar	0,65	
1798	08	08	13	09	35						Không tên	Sông Đăk Hring	0,69	1615020	548570	Đăk Mar	1614422	548525	Đăk Mar	0,54	
1799	08	08	13	09	36						Không tên	Sông Đăk Hring	1,74	1615710	547794	Đăk Mar	1614149	547734	Đăk Mar	1,09	
1800	08	08	13	09	36	01					Không tên	Sông Đăk Hring	0,86	1615794	547941	Đăk Mar	1614994	547869	Đăk Mar	0,49	
1801	08	08	13	09	37						Không tên	Sông Đăk Hring	0,84	1613268	547888	Đăk Mar	1613980	547485	Đăk Mar	0,76	
1802	08	08	13	09	38						Không tên	Sông Đăk Hring	0,75	1614898	547323	Đăk Mar	1614162	547325	Đăk Mar	0,7	
1803	08	08	13	09	39						Không tên	Sông Đăk Hring	0,67	1614259	546544	Đăk Mar	1613620	546405	Đăk Mar	0,37	
1804	08	08	13	09	40						Không tên	Sông Đăk Hring	0,91	1612920	546804	Đăk Mar	1613458	546113	Đăk Mar	0,58	
1805	08	08	13	09	41						Không tên	Sông Đăk Hring	0,71	1612937	545455	Đăk Mar	1613453	545893	Đăk Mar	0,68	
1806	08	08	13	09	42						Không tên	Sông Đăk Hring	0,6	1613759	545185	Đăk Mar	1614047	545691	Đăk Mar	0,34	
1807	08	08	13	09	43						Đăk Han	Sông Đăk Hring	1,13	1614015	544543	Đăk Mar	1614237	545583	Đăk Mar	0,69	
1808	08	08	13	09	44						Không tên	Sông Đăk Hring	1,94	1615819	544193	Đăk Mar	1614729	545529	Đăk Mar	1,67	
1809	08	08	13	09	44	01					Không tên	Sông Đăk Hring	1,31	1615072	544614	Đăk Mar	1616282	544305	Đăk Mar	0,89	
1810	08	08	13	09	45						Không tên	Sông Đăk Hring	2,05	1614997	545671	Đăk Mar	1615960	547131	Đăk Mar	1,34	
1811	08	08	13	09	45	01					Không tên	Sông Đăk Hring	0,61	1615299	546909	Đăk Mar	1615740	546558	Đăk Mar	0,34	
1812	08	08	13	09	45	02					Không tên	Sông Đăk Hring	1,24	1614810	546807	Đăk Mar	1614929	545886	Đăk Mar	0,65	
1813	08	08	13	09	46						Không tên	Sông Đăk Hring	4,32	1615973	545675	Đăk Pxi	1619092	548278	Đăk Mar	5,47	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1814	08	08	13	09	46	01					Đăk Re	Sông Đăk Hring	1,98	1618492	548390	Đăk Pxi	1617150	546986	Đăk Pxi	1,44	
1815	08	08	13	09	46	02					Không tên	Sông Đăk Hring	0,94	1617829	546908	Đăk Pxi	1616927	546697	Đăk Pxi	0,58	
1816	08	08	13	09	46	03					Không tên	Sông Đăk Hring	0,55	1616798	547141	Đăk Mar	1616723	546617	Đăk Mar	0,23	
1817	08	08	13	09	47						Không tên	Sông Đăk Hring	1,01	1617255	546206	Đăk Pxi	1616723	545386	Đăk Pxi	0,58	
1818	08	08	13	09	48						Không tên	Sông Đăk Hring	0,86	1616727	544407	Đăk Mar	1617491	544728	Đăk Mar	0,48	
1819	08	08	13	09	49						Không tên	Sông Đăk Hring	2,13	1617782	544714	Đăk Pxi	1617995	546533	Đăk Pxi	1,08	
1820	08	08	13	10							Khe thôn 5	Đăk Psi	0,68	1617497	544175	Đăk Tô	1618045	544408	Đăk Pxi	0,33	
1821	08	08	13	11							Không tên	Đăk Psi	3,05	1621544	544319	Đăk Pxi	1618926	544438	Đăk Pxi	2,91	
1822	08	08	13	11	01						Không tên	Đăk Psi	0,61	1621068	545034	Đăk Pxi	1620617	544644	Đăk Pxi	0,66	
1823	08	08	13	11	02						Không tên	Đăk Psi	0,84	1620540	545377	Đăk Pxi	1619907	544897	Đăk Pxi	0,85	
1824	08	08	13	12							Không tên	Sông Đăk Psi	6,74	1625368	542075	Đăk Pxi	1619558	543879	Đăk Pxi	19,1	
1825	08	08	13	12	01						Không tên	Sông Đăk Psi	1,51	1625171	543696	Đăk Pxi	1624369	542529	Đăk Pxi	0,9	
1826	08	08	13	12	02	01					Không tên	Sông Đăk Psi	0,67	1624236	543352	Đăk Pxi	1623616	543226	Đăk Pxi	0,61	
1827	08	08	13	12	02						Không tên	Sông Đăk Psi	1,62	1623424	542700	Đăk Pxi	1624128	544030	Đăk Pxi	1,54	
1828	08	08	13	12	03						Không tên	Sông Đăk Psi	2,56	1624327	541081	Kon Đào	1622611	542590	Đăk Pxi	2,41	
1829	08	08	13	12	03	01					Không tên	Sông Đăk Psi	0,77	1623697	541393	Kon Đào	1623852	540668	Đăk Pxi	0,64	
1830	08	08	13	12	03	02					Không tên	Sông Đăk Psi	1,18	1623532	541787	Kon Đào	1624570	541325	Đăk Pxi	0,56	
1831	08	08	13	12	03	03					Không tên	Sông Đăk Psi	0,74	1624114	541914	Đăk Pxi	1623464	542111	Đăk Pxi	0,38	
1832	08	08	13	12	03	04					Không tên	Sông Đăk Psi	0,62	1622972	542380	Đăk Pxi	1623181	541805	Đăk Pxi	0,33	
1833	08	08	13	12	04						Không tên	Sông Đăk Psi	2,48	1622946	540604	Đăk Pxi	1622538	542595	Đăk Pxi	3,58	
1834	08	08	13	12	04	01					Không tên	Sông Đăk Psi	1	1623265	540815	Đăk Pxi	1622760	541660	Đăk Pxi	1,01	
1835	08	08	13	12	04	01	01				Không tên	Sông Đăk Psi	1,18	1623590	540633	Đăk Pxi	1622922	541487	Đăk Pxi	0,76	
1836	08	08	13	12	04	02					Không tên	Sông Đăk Psi	1,28	1621687	541037	Đăk Pxi	1622567	541613	Đăk Pxi	1,37	
1837	08	08	13	12	05						Không tên	Sông Đăk Psi	0,99	1622086	543069	Đăk Pxi	1622906	543569	Đăk Pxi	0,77	
1838	08	08	13	12	05	01					Không tên	Sông Đăk Psi	0,55	1622263	543211	Đăk Pxi	1622492	543671	Đăk Pxi	0,24	
1839	08	08	13	12	06						Không tên	Sông Đăk Psi	0,65	1621790	542508	Đăk Pxi	1621855	543136	Đăk Pxi	0,39	
1840	08	08	13	12	07						Không tên	Sông Đăk Psi	0,62	1621465	542615	Đăk Pxi	1621761	543137	Đăk Pxi	0,42	
1841	08	08	13	12	08						Không tên	Sông Đăk Psi	0,96	1621056	542613	Đăk Pxi	1620884	543533	Đăk Pxi	0,5	

STT	Mã sông									Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác	
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9			X	Y		X	Y				
1842	08	08	13	12	09						Đăk chen	Sông Đăk Psi	0,86	1620849	544160	Đăk Pxi	1620104	543773	Đăk Pxi	0,59	
1843	08	08	13	13							Không tên	Đăk Psi	3,31	1619040	543582	Đăk Pxi	1620749	541178	Đăk Pxi	3,8	
1844	08	08	13	13	01						Không tên	Đăk Psi	0,73	1619983	541343	Đăk Pxi	1620284	541984	Đăk Pxi	0,44	
1845	08	08	13	13	02						Không tên	Đăk Psi	1,9	1620079	542509	Đăk Pxi	1620987	541136	Đăk Pxi	1,35	
1846	08	08	13	13	02	01					Không tên	Đăk Psi	0,81	1621253	541662	Đăk Pxi	1620726	542186	Đăk Pxi	0,94	
1847	08	08	13	13	03						Không tên	Đăk Psi	0,96	1619809	541649	Đăk Pxi	1620011	542543	Đăk Pxi	0,53	
1848	08	08	13	13	04						Không tên	Đăk Psi	0,7	1619513	542237	Đăk Pxi	1619789	542874	Đăk Pxi	0,38	
1849	08	08	13	14							Không tên	Đăk Psi	0,6	1619460	542822	Đăk Pxi	1618934	543091	Đăk Pxi	0,26	
1850	08	08	13	15							Không tên	Đăk Psi	1,08	1619283	542135	Đăk Pxi	1618847	543044	Đăk Pxi	0,42	
1851	08	08	13	16							Suối môn	Đăk Psi	0,94	1617653	543637	Đăk Tô	1618337	543205	Đăk Pxi	1,02	
1852	08	08	13	17							Không tên	Đăk Psi	1,51	1619305	541696	Đăk Pxi	1618336	542731	Đăk Pxi	0,66	
1853	08	08	13	17	01						Không tên	Đăk Psi	0,59	1618773	541609	Đăk Pxi	1618729	542170	Đăk Pxi	0,29	
1854	08	08	13	18							Không tên	Đăk Psi	0,88	1618271	541687	Đăk Pxi	1618146	542536	Đăk Pxi	0,53	
1855	08	08	13	19							Không tên	Đăk Psi	0,88	1617943	541754	Đăk Pxi	1617840	542619	Đăk Tô	0,41	
1856	08	08	13	20							Không tên	Đăk Psi	0,92	1617454	541825	Đăk Pxi	1617092	542593	Đăk Tô	0,62	
1857	08	08	13	21							Đăk Hà	Sông Đăk Psi	3,48	1616793	542485	Đăk Mar	1614348	544086	Đăk Tô	5,13	
1858	08	08	13	21	01						Suối thôn 1	Sông Sê San	0,96	1615219	544036	Đăk Mar	1614693	543359	Đăk Tô	0,49	
1859	08	08	13	21	02						Suối Psi	Sông Sê San	1,05	1615740	543961	Đăk Tô	1615904	542954	Đăk Tô	0,77	
1860	08	08	13	21	03						Suối ông Dân	Sông Sê San	1,27	1616773	543968	Đăk Tô	1616428	542807	Đăk Tô	0,97	
1861	08	08	13	22							Khe Đồi mỹ	Sông Đăk Psi	0,61	1617438	541564	Đăk Tô	1616892	541591	Đăk Tô	0,31	
1862	08	08	13	23							Suối Diên Bình	Đăk Psi	2,48	1616354	541178	Đăk Tô	1614570	542293	Đăk Tô	2,8	
1863	08	08	13	23	01						Không tên	Đăk Psi	1,08	1615689	541965	Đăk Tô	1616172	541076	Đăk Tô	0,59	
1864	08	08	13	24							Khe ông Luận	Đăk Xú	3,01	1619302	540799	Đăk Tô	1616623	540735	Đăk Tô	3,06	
1865	08	08	13	24	01						Suối Năm Nguyễn	Đăk Psi	1,23	1619482	541079	Đăk Tô	1618523	540736	Đăk Tô	1,46	
1866	08	08	13	25							Khe thôn 2	Đăk Psi	0,68	1617319	540302	Đăk Tô	1616656	540318	Đăk Tô	0,63	
1867	08	08	13	26							Không tên	Đăk Psi	3,54	1613147	539234	Đăk Tô	1613483	539421	Đăk Tô	9,04	
1868	08	08	13	26	01						Không tên	Sông Đăk Psi	0,58	1612894	539721	Đăk Tô	1613328	539358	Đăk Tô	0,46	
1869	08	08	13	26	02						Suối Hồ Chè	Sông Đăk Psi	1,52	1614476	540923	Đăk Tô	1614172	539928	Đăk Tô	1,37	
1870	08	08	13	26	03						Không tên	Đăk Psi	0,86	1615264	538694	Đăk Tô	1615828	539300	Đăk Tô	0,98	
1871	08	08	13	26	04						Không tên	Đăk Psi	5,21	1614492	540950	Đăk Mar	1614492	540950	Đăk Tô	4,89	
1872	08	08	13	27							Đăk Plô	Đăk Psi	4,83	1617273	538237	Đăk Tô	1617409	538088	Đăk Tô	12,31	
1873	08	08	13	27	01						Không tên	Đăk Psi	3	1619088	537752	Đăk Tô	1620635	540016	Đăk Tô	2,98	
1874	08	08	13	27	01	01					Không tên	Đăk Psi	1,16	1619830	538470	Đăk Tô	1620136	539443	Đăk Tô	0,63	
1875	08	08	13	27	01	01	01				Suối Cầu Sập	Đăk Psi	0,51	1620286	539316	Đăk Tô	1619991	538901	Đăk Tô	0,11	
1876	08	08	13	27	02						Không tên	Đăk Psi	2,96	1617548	538091	Đăk Tô	1619732	539423	Đăk Tô	4,12	
1877	08	08	13	27	02	01					Suối Tiểu Đoàn	Đăk Psi	3,71	1617953	538449	Đăk Tô	1620130	541000	Đăk Tô	2,84	
1878	08	08	13	27	02	01	01				Không tên	Đăk Psi	0,54	1619707	540732	Đăk Tô	1619537	540219	Đăk Tô	0,68	
1879	08	08	13	27	02	01	02				Không tên	Đăk Psi	0,58	1619657	539640	Đăk Tô	1619091	539672	Đăk Tô	0,34	
1880	08	08	13	27	03						Không tên	Đăk Psi	2,31	1618187	539787	Đăk Tô	1617921	539659	Đăk Tô	2,04	
1881	08	08	13	28							Không tên	Đăk Psi	1,1	1616835	537853	Đăk Tô	1616246	538517	Đăk Tô	0,76	
1882	08	08	13	29							Khe thôn 3	Đăk Psi	0,73	1615278	538442	Đăk Tô	1615850	538030	Đăk Tô	0,53	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1883	08	08	13	30							Khe thôn 3	Đăk Psi	1,16	1614980	538369	Đăk Tô	1615727	537669	Đăk Tô	0,76	
1884	08	08	13	31							Không tên	Đăk Psi	0,78	1616534	537464	Đăk Tô	1615784	537572	Đăk Tô	0,44	
1885	08	08	13	32							Không tên	Đăk Psi	0,7	1615793	537203	Đăk Tô	1616287	536929	Đăk Tô	0,74	
1886	08	08	13	32	01						Không tên	Đăk Psi	0,66	1616487	537222	Đăk Tô	1615941	537269	Đăk Tô	0,36	
1887	08	08	14_1								Không tên	Sông Sê San	0,75	1615150	537396	Đăk Tô	1614947	536769	Đăk Tô	0,46	
1888	08	08	14_2								Nước Co	Sông Sê San	2,43	1615683	534474	Đăk Tô	1614456	536138	Đăk Tô	2,92	
1889	08	08	14_2	01							Không tên	Nước Co	0,67	1614371	535468	Đăk Tô	1614688	535816	Đăk Tô	0,37	
1890	08	08	14_2	02							Không tên	Nước Co	1,31	1614761	534553	Đăk Tô	1614718	535794	Đăk Tô	1,09	
1891	08	08	14								Sông Đăk Da Nan	Sông Sê San	11,16	1611539	530000	Đăk Tô	1614179	536362	Đăk Tô	22,78	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1892	08	08	14	01							Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,64	1611108	531067	Đăk Tô	1611103	531685	Đăk Tô	0,86	
1893	08	08	14	02							Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,76	1610834	531081	Đăk Tô	1610780	531821	Đăk Tô	0,72	
1894	08	08	14	03							Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,26	1610376	530839	Đăk Tô	1610559	531913	Đăk Tô	0,69	
1895	08	08	14	04							Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,53	1611758	532204	Đăk Tô	1610528	532956	Đăk Tô	1,4	
1896	08	08	14	04	01						Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,03	1610902	532100	Đăk Tô	1610549	532890	Đăk Tô	0,8	
1897	08	08	14	04	01	01					Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,62	1611016	532280	Đăk Tô	1610565	532676	Đăk Tô	0,34	
1898	08	08	14	05							Không tên	Sông Đăk Da Nan	2,86	1612600	532629	Đăk Tô	1611146	534116	Đăk Tô	2,1	
1899	08	08	14	05	01						Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,63	1612146	532118	Đăk Tô	1611819	532643	Đăk Tô	0,56	
1900	08	08	14	05	02						Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,47	1611534	532768	Đăk Tô	1611365	533186	Đăk Tô	0,13	
1901	08	08	14	05	03						Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,61	1611883	533143	Đăk Tô	1611519	533614	Đăk Tô	0,21	
1902	08	08	14	05	03	01					Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,87	1612248	533307	Đăk Tô	1611462	533662	Đăk Tô	0,55	
1903	08	08	14	06							Không tên	Sông Đăk Da Nan	0,81	1611837	533932	Đăk Tô	1611253	534461	Đăk Tô	0,8	
1904	08	08	14	07							Không tên	Sông Đăk Da Nan	2,52	1612631	533563	Đăk Tô	1611492	535395	Đăk Tô	1,72	
1905	08	08	14	08							Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,22	1612231	534614	Đăk Tô	1611969	535696	Đăk Tô	0,48	
1906	08	08	14	09	01						Không tên	Đăk Hơ Drom	1,19	1609962	533647	Đăk Tô	1609759	534762	Đăk Tô	0,87	
1907	08	08	14	09	02						Không tên	Đăk Hơ Drom	0,81	1609817	536276	Đăk Tô	1610086	535666	Đăk Tô	0,51	
1908	08	08	14	09	03						Không tên	Đăk Hơ Drom	0,94	1610276	536549	Đăk Tô	1610360	535670	Đăk Tô	0,6	
1909	08	08	14	09	04						Không tên	Đăk Hơ Drom	1,47	1610735	534425	Đăk Tô	1610458	535587	Đăk Tô	0,73	
1910	08	08	14	09							Đăk Hơ Drom	Sông Đăk Da Nan	5,8	1612288	535845	Đăk Tô	1609576	533681	Đăk Tô	6,18	
1911	08	08	14	10							Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,82	1613125	534394	Đăk Tô	1612816	536006	Đăk Tô	1,28	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1912	08	08	14	10	01						Không tên	Sông Đăk Da Nan	1,09	1612405	534634	Đăk Tô	1612764	535542	Đăk Tô	0,78	
1913	08	08	14	11							Không tên	Sông Đăk Da Nan	2,3	1613913	534372	Đăk Tô	1613877	536202	Đăk Tô	1,55	
1914	08	08	15_1								Suối Đăk Tang 2	Sông Sê San	1,5	1613816	536627	Đăk Tô	1614867	537576	Đăk Tô	1,3	
1915	08	08	15_1	01							Không tên	Đăk Pang 1	1	1614592	537732	Đăk Tô	1614152	536884	Đăk Tô	0,59	
1916	08	08	15_2								Suối Đăk Pxi	Sông Sê San	1,11	1614279	537794	Đăk Tô	1613437	537130	Đăk Tô	0,88	
1917	08	08	15_3								Không tên	Sông Sê San	2,07	1614469	538389	Đăk Tô	1613254	537195	Đăk Tô	1,43	
1918	08	08	15_4								Không tên	Sông Sê San	0,69	1612444	536813	Đăk Tô	1612767	537359	Đăk Tô	0,34	
1919	08	08	15_5								Suối Đăk Tang 1	Sông Sê San	0,59	1613037	537864	Đăk Tô	1612548	537565	Đăk Tô	0,56	
1920	08	08	15_6								Không tên	Sông Sê San	1,03	1612814	538484	Đăk Tô	1612265	537630	Đăk Tô	0,78	
1921	08	08	15_7								Không tên	Sông Sê San	1,89	1611248	536640	Đăk Tô	1611970	537679	Đăk Tô	1,53	
1922	08	08	15_7	01							Không tên	Sê San	0,93	1611798	536545	Đăk Tô	1611885	537241	Đăk Tô	0,67	
1923	08	08	15_8								Không tên	Sông Sê San	1,41	1610837	536771	Đăk Tô	1611626	537791	Đăk Tô	0,64	
1924	08	08	15_8								Không tên	Sông Sê San	0,23	1611710	537780	Đăk Tô	1611505	537837	Đăk Tô	0,05	
1925	08	08	15_9								Không tên	Sông Sê San	1,91	1610097	536764	Đăk Tô	1611185	538064	Đăk Tô	0,79	
1926	08	08	15_10								Không tên	Sông Sê San	9,13	1613245	542155	Đăk Mar	1613245	542156	Đăk Tô	8,26	
1927	08	08	15_10	01							Không tên	Đăk Nem	1,97	1612799	542899	Đăk Mar	1612799	542899	Đăk Tô	1,03	
1928	08	08	15_10	02							Không tên	Đăk Nem	0,95	1612053	541863	Đăk Mar	1612304	540972	Đăk Mar	0,72	
1929	08	08	15_10	03							Không tên	Đăk Nem	1,17	1611620	540170	Đăk Mar	1611276	541130	Đăk Mar	1,09	
1930	08	08	15_10	03	01						Không tên	Đăk Nem	0,7	1610862	540018	Đăk Tô	1611398	540369	Đăk Mar	0,44	
1931	08	08	15_10	04							Khe Cạn	Đăk Nem	0,72	1612265	539715	Đăk Tô	1611613	539795	Đăk Tô	0,43	
1932	08	08	15_10	05							Suối Đăk Tang 3	Đăk Nem	1,27	1611607	538901	Đăk Tô	1612771	539026	Đăk Tô	1,15	
1933	08	08	15_10	05	01						Không có	Đăk Đrăng	0,73	1612372	539461	Đăk Tô	1611950	538911	Đăk Tô	0,37	
1934	08	08	15_11								Không tên	Sông Sê San	0,98	1610545	537616	Đăk Tô	1610682	538321	Đăk Tô	0,5	
1935	08	08	15_12								Khe Cạn	Sông Sê San	1,59	1611079	539851	Đăk Tô	1610639	538471	Đăk Tô	0,78	
1936	08	08	15_13								Khe Đăk Kang	Sông Sê San	0,65	1610651	539007	Đăk Tô	1610287	538583	Đăk Tô	0,49	
1937	08	08	15_14								Không tên	Sông Sê San	1,53	1610181	537382	Đăk Tô	1609733	538594	Đăk Tô	0,84	
1938	08	08	15_14	01							Không tên	Sê San	0,61	1609884	537233	Đăk Tô	1609876	537758	Đăk Tô	0,31	
1939	08	08	15_15								Không có	Sông Sê San	0,64	1609854	539198	Đăk Tô	1609413	538747	Đăk Tô	0,26	
1940	08	08	15_16								Không tên	Sông Sê San	2,84	1609884	536595	Đăk Tô	1609288	538695	Đăk Tô	2,13	
1941	08	08	15_16	01							Không tên	Sê San	0,6	1608826	536526	Đăk Tô	1609288	536799	Đăk Tô	0,37	
1942	08	08	15_16	02							Không tên	Sê San	0,81	1609950	537086	Đăk Tô	1609220	537262	Đăk Tô	0,35	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1943	08	08	15_17								Đăk Ri ốt	Sông Sê San	1,49	1608372	537646	Đăk Tô	1609089	538818	Đăk Tô	0,68	
1944	08	08	15_17	01							Không tên	Đăk Ri ốt	1,02	1608682	537571	Đăk Tô	1608893	538493	Đăk Tô	0,29	
1945	08	08	15_18								Đăk Rơ Dia	Sông Sê San	2,79	1608900	538919	Đăk Mar	1610163	540627	Đăk Mar	3,18	
1946	08	08	15_18	01							Không có	Đăk Rơ Dia	0,87	1610831	539537	Đăk Tô	1610013	539745	Đăk Tô	0,45	
1947	08	08	15_18	02							Suối ông Dẩn	Đăk Rơ Dia	0,65	1608643	539933	Đăk Mar	1609085	539656	Đăk Mar	0,49	
1948	08	08	15_19								Không tên	Sông Sê San	0,71	1608494	538345	Đăk Tô	1608723	538915	Đăk Mar	0,37	
1949	08	08	15_20								Không tên	Sông Sê San	1,51	1607988	537688	Đăk Tô	1608236	538921	Đăk Tô	1,03	
1950	08	08	15_21								Đăk Páp Mam	Sông Sê San	8,73	1607294	539020	Đăk Mar	1611826	545006	Đăk Mar	17,41	
1951	08	08	15_21	01							Đăk Trá	Đăk Páp Mam	2,59	1611774	543692	Đăk Mar	1609553	543135	Đăk Mar	3,46	
1952	08	08	15_21	02							Đăk Drô	Đăk Páp Mam	1,4	1610180	541996	Đăk Mar	1608882	542423	Đăk Mar	2,34	
1953	08	08	15_21	02	01						Không tên	Đăk Drô	0,55	1610083	542414	Đăk Mar	1609617	542245	Đăk Mar	0,34	
1954	08	08	15_21	03							Không tên	Đăk Páp Mam	0,56	1608420	542752	Đăk Mar	1608875	542449	Đăk Mar	0,42	
1955	08	08	15_21	04							Đăk Trau	Đăk Páp Mam	1,63	1609561	540396	Đăk Mar	1608460	541452	Đăk Mar	2,23	
1956	08	08	15_21	04	01						Không tên	Đăk Trau	0,8	1609932	541144	Đăk Mar	1609158	541079	Đăk Mar	1,34	
1957	08	08	15_21	05							Đăk Knu	Đăk Páp Mam	0,69	1608621	540452	Đăk Mar	1608112	540883	Đăk Mar	0,66	
1958	08	08	15_21	06							Không tên	Đăk Páp Mam	0,59	1608123	539922	Đăk Mar	1607544	539888	Đăk Mar	0,51	
1959	08	08	15_22								Không tên	Sông Sê San	1,07	1606460	538941	Đăk Mar	1606219	539903	Đăk Mar	1,12	
1960	08	08	15_22	01							Không tên	Sê San	0,69	1606738	539767	Đăk Mar	1606458	539200	Đăk Mar	0,82	
1961	08	08	15								Sông Đăk Núi	Sông Sê San	14,25	1602404	534318	Sa Bình	1606068	538933	Đăk Mar	32,77	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
1962	08	08	15	01							Không tên	Sông Đăk La	0,57	1603578	535128	Sa Bình	1603223	535468	Sa Bình	0,31	
1963	08	08	15	02							Không tên	Sông Đăk La	0,52	1603684	535310	Sa Bình	1604136	535220	Sa Bình	0,18	
1964	08	08	15	02	01						Đăk Wot	Sông Đăk La	1,33	1604726	536236	Sa Bình	1604102	535265	Sa Bình	1,34	
1965	08	08	15	03							Đăk Mong	Sông Đăk La	1,61	1603530	533859	Sa Bình	1604212	535152	Sa Bình	1,88	
1966	08	08	15	04							Không tên	Sông Đăk La	0,78	1604916	535527	Sa Bình	1604478	535117	Sa Bình	0,84	
1967	08	08	15	05							Đăk Yo	Sông Đăk La	1,67	1604384	533542	Sa Bình	1605119	534648	Sa Bình	0,98	
1968	08	08	15	06							Đăk Her	Sông Đăk La	1,63	1604802	533476	Sa Bình	1605372	534658	Sa Bình	1,14	
1969	08	08	15	07							Không tên	Sông Đăk La	1,37	1605110	536073	Sa Bình	1605648	535089	Sa Bình	1,15	
1970	08	08	15	08							Không tên	Sông Đăk La	1,48	1606344	533393	Sa Bình	1606770	534607	Sa Bình	3,06	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
1971	08	08	15	08	01						Đăk Kru	Sông Đăk La	2,07	1605281	532884	Sa Bình	1606361	534305	Sa Bình	1,67	
1972	08	08	15	09							Đăk Kan	Sông Đăk La	1,19	1607369	533465	Sa Bình	1607184	534430	Sa Bình	0,77	
1973	08	08	15	10							Đăk Nui	Sông Đăk La	2,23	1605817	535977	Sa Bình	1607633	534954	Sa Bình	1,63	
1974	08	08	15	11							Đăk Núi	Sông Đăk La	3,14	1608371	532387	Sa Bình	1607874	535005	Sa Bình	6,8	
1975	08	08	15	11	01						Đăk Lai	Đăk Núi	0,83	1608913	532795	Đăk Tô	1608733	533556	Sa Bình	0,44	
1976	08	08	15	11	02						Không tên	Đăk Núi	2,41	1609335	531704	Đăk Tô	1608760	533722	Sa Bình	3,02	
1977	08	08	15	11	02	01					Không tên	Đăk Núi	0,64	1609866	532114	Đăk Tô	1609460	532475	Đăk Tô	0,68	
1978	08	08	15	11	02	02					Không tên	Đăk Núi	1,32	1608832	532009	Đăk Tô	1609252	533211	Đăk Tô	0,72	
1979	08	08	15	11	03						Không tên	Đăk Núi	0,81	1609004	534161	Đăk Tô	1608280	534376	Sa Bình	0,48	
1980	08	08	15	12							Không tên	Sông Đăk La	1,19	1609341	535430	Đăk Tô	1608243	535620	Đăk Tô	1,47	
1981	08	08	15	12	01						Không tên	Sông Đăk La	0,8	1608805	536199	Đăk Tô	1608865	535540	Đăk Tô	0,45	
1982	08	08	15	13							Không tên	Sông Đăk La	0,73	1608599	536083	Đăk Tô	1607967	535997	Đăk Tô	0,53	
1983	08	08	15	14							Không tên	Sông Đăk La	1,2	1607579	535665	Sa Bình	1607275	536679	Sa Bình	0,79	
1984	08	08	15	15							Không tên	Sông Đăk La	0,65	1607827	537076	Đăk Tô	1607213	537056	Đăk Tô	0,31	
1985	08	08	15	16							Không tên	Sông Đăk La	1,03	1608072	537351	Đăk Tô	1607204	537100	Đăk Tô	0,76	
1986	08	08	15	17							Không tên	Sông Đăk La	0,7	1606694	536687	Sa Bình	1607082	537152	Sa Bình	0,41	
1987	08	08	15	18							Không tên	Sông Đăk La	0,59	1607508	537519	Đăk Tô	1606947	537432	Đăk Tô	0,52	
1988	08	08	15	19							Không tên	Sông Đăk La	0,77	1606196	536771	Sa Bình	1606332	537477	Sa Bình	0,37	
1989	08	08	15	20							Không tên	Sông Đăk La	0,98	1605855	536771	Sa Bình	1606332	537477	Sa Bình	0,64	
1990	08	08	15	21							Không tên	Sông Đăk La	0,71	1606001	537618	Sa Bình	1606099	538215	Sa Bình	0,43	
1991	08	08	16_1								Không tên	Sông Sê San	0,98	1605513	538840	Đăk Mar	1605770	539690	Đăk Mar	1,4	
1992	08	08	16_1	01							Không tên	Sê San	0,72	1605127	539707	Đăk Mar	1605449	539091	Đăk Mar	0,84	
1993	08	08	16_2								Đăk San	Sông Sê San	1,99	1605238	537040	Sa Bình	1605469	538736	Đăk Mar	1,77	
1994	08	08	16_2	01							Đăk Sang	Đăk San	0,9	1604856	537305	Sa Bình	1605470	537898	Sa Bình	0,72	
1995	08	08	16_3								Không tên	Sông Sê San	0,65	1604854	539381	Đăk Mar	1604648	538817	Đăk Mar	0,37	
1996	08	08	16_4								Không tên	Sông Sê San	1,44	1604863	537757	Sa Bình	1604211	538769	Sa Bình	0,74	
1997	08	08	16_5								Không tên	Sông Sê San	0,74	1604469	539436	Đăk Mar	1604050	538887	Sa Bình	0,37	
1998	08	08	16_6								Không tên	Sông Sê San	2,05	1604634	537250	Sa Bình	1603964	538784	Sa Bình	0,95	
1999	08	08	16_7								Không tên	Sông Sê San	0,74	1603955	539621	Đăk Mar	1603660	539081	Đăk Mar	0,29	
2000	08	08	16_8								Không tên	Sông Sê San	0,7	1603592	538476	Sa Bình	1603508	539125	Sa Bình	0,36	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2001	08	08	16_9								Đăk Soa	Sông Sê San	7,91	1601024	535096	Sa Bình	1603466	539305	Sa Bình	13,97	
2002	08	08	16_9	01							Đăk Soa	Đăk Soa	1,47	1601782	533941	Sa Bình	1601989	535204	Sa Bình	0,81	
2003	08	08	16_9	01	01						Đăk Soa	Đăk Soa	0,67	1601288	534397	Sa Bình	1601853	534603	Sa Bình	0,43	
2004	08	08	16_9	02							Không tên	Đăk Soa	0,53	1601434	535431	Sa Bình	1600983	535378	Sa Bình	0,34	
2005	08	08	16_9	03							Không tên	Đăk Soa	0,74	1601653	537018	Sa Bình	1602123	536487	Sa Bình	0,84	
2006	08	08	16_9	04							Không tên	Đăk Soa	0,64	1601343	538008	Sa Bình	1601905	538185	Sa Bình	0,95	
2007	08	08	16_9	05							Đăk Trau	Đăk Soa	3,4	1604129	536486	Sa Bình	1603011	539164	Sa Bình	4,8	
2008	08	08	16_9	05	01						Không tên	Đăk Trau	0,77	1603610	536775	Sa Bình	1603566	537526	Sa Bình	0,35	
2009	08	08	16_9	05	02						Không tên	Đăk Trau	2,9	1604118	536277	Sa Bình	1603323	537768	Sa Bình	2,69	
2010	08	08	16_9	05	02	01					Không tên	Đăk Trau	0,47	1603915	536057	Sa Bình	1603643	536370	Sa Bình	0,31	
2011	08	08	16_9	05	02	02					Không tên	Đăk Trau	1	1603759	535713	Sa Bình	1603333	536517	Sa Bình	0,62	
2012	08	08	16_9	05	02	03					Không tên	Đăk Trau	0,89	1602304	536381	Sa Bình	1602760	537098	Sa Bình	0,68	
2013	08	08	16_9	2_1							Không tên	Đăk Soa	0,64	1602408	535457	Sa Bình	1602883	535179	Sa Bình	0,56	
2014	08	08	16_10								Đăk San	Sông Sê San	1,6	1601762	538993	Sa Bình	1602402	540193	Sa Bình	1,33	
2015	08	08	16_11								Không tên	Sông Sê San	0,77	1602485	540715	Đăk Mar	1603199	540821	Đăk Mar	0,53	
2016	08	08	16								Sông Đăk Uy	Sông Sê San	41,65	1608579	552330	Đăk Ui	1602101	541535	Đăk Hà	152,3	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; Tên khác: Sông Đăk Droi
2017	08	08	16	1_1							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,08	1619704	561574	Đăk Ui	1619307	560685	Đăk Ui	0,68	
2018	08	08	16	1_2							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,01	1619298	561603	Đăk Ui	1619051	560658	Đăk Ui	0,52	
2019	08	08	16	1_3							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,3	1618982	561637	Đăk Ui	1618808	560551	Đăk Ui	0,55	
2020	08	08	16	1_4							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,58	1618742	560524	Đăk Ui	1619260	560301	Đăk Ui	0,38	
2021	08	08	16	1_5							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,58	1618348	560216	Đăk Ui	1618829	560065	Đăk Ui	0,44	
2022	08	08	16	1_6							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,58	1618132	560139	Đăk Ui	1618656	559905	Đăk Ui	0,36	
2023	08	08	16	1_7							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,71	1617829	559904	Đăk Ui	1618367	559662	Đăk Ui	0,56	
2024	08	08	16	1_8							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,67	1617188	560341	Đăk Ui	1617244	559716	Đăk Ui	0,77	
2025	08	08	16	1_9							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,62	1616585	560345	Đăk Ui	1616544	559735	Đăk Ui	0,86	
2026	08	08	16	1_10							Không Tên	Sông Đăk Uy	1	1616298	560360	Đăk Ui	1616271	559407	Đăk Ui	0,88	
2027	08	08	16	1_11							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,52	1616391	558911	Đăk Ui	1616243	558483	Đăk Ui	0,68	
2028	08	08	16	1_12							Không Tên	Sông Đăk Uy	2,28	1616242	558281	Đăk Ui	1618409	558626	Đăk Ui	4,94	
2029	08	08	16	1_12	01						Suối Đăk Sai	Sông Đăk Uy	0,82	1617723	558383	Đăk Ui	1618430	558260	Đăk Ui	0,5	
2030	08	08	16	1_12	02						Không Tên	Sông Đăk Uy	1,37	1618215	557746	Đăk Ui	1617058	558287	Đăk Ui	1,05	
2031	08	08	16	1_12	02	01					Không Tên	Sông Đăk Uy	0,91	1617326	558166	Đăk Ui	1617895	557582	Đăk Ui	0,45	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2032	08	08	16	1_12	03						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,63	1616758	558324	Đăk Ui	1617159	557895	Đăk Ui	0,71	
2033	08	08	16	1_12	04						Không Tên	Sông Đăk Uy	2,02	1618535	558825	Đăk Ui	1616758	558324	Đăk Ui	2,16	
2034	08	08	16	1_12	04	01					Không Tên	Sông Đăk Uy	0,53	1617996	559290	Đăk Ui	1617842	558817	Đăk Ui	0,66	
2035	08	08	16	1_12	04	02					Không Tên	Sông Đăk Uy	0,65	1617162	559134	Đăk Ui	1617100	558504	Đăk Ui	0,67	
2036	08	08	16	1_12	05						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,61	1616484	558310	Đăk Ui	1616668	557740	Đăk Ui	0,62	
2037	08	08	16	1_13							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,95	1615942	558228	Đăk Ui	1616069	557322	Đăk Ui	0,62	
2038	08	08	16	1_14							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,95	1615606	558060	Đăk Ui	1615759	557135	Đăk Ui	0,46	
2039	08	08	16	1_15							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,59	1615620	558593	Đăk Ui	1615505	558031	Đăk Ui	0,19	
2040	08	08	16	1_16							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,05	1615330	558075	Đăk Ui	1615403	557054	Đăk Ui	0,47	
2041	08	08	16	1_17							Không Tên	Sông Đăk Uy	2,59	1615014	558010	Đăk Ui	1614314	560290	Đăk Ui	3,6	
2042	08	08	16	1_17	01						Không Tên	Sông Đăk Uy	1,03	1614684	559563	Đăk Ui	1615249	560292	Đăk Ui	1,43	
2043	08	08	16	1_17	01	02					Không Tên	Sông Đăk Uy	0,44	1614653	560412	Đăk Ui	1614824	560012	Đăk Ui	0,64	
2044	08	08	16	1_17	02						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,99	1615361	560088	Đăk Ui	1614816	559315	Đăk Ui	0,84	
2045	08	08	16	1_18							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,83	1614968	557992	Đăk Ui	1614875	557222	Đăk Ui	0,66	
2046	08	08	16	1_19							Không Tên	Sông Đăk Uy	2,85	1614268	557989	Đăk Ui	1613919	560435	Đăk Ui	1,55	
2047	08	08	16	1_20							Suối Đăk Đor	Sông Đăk Uy	0,56	1613591	558471	Đăk Ui	1613716	557932	Đăk Ui	0,98	
2048	08	08	16	1_21							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,84	1614517	556666	Đăk Ui	1613109	557517	Đăk Ui	1,41	
2049	08	08	16	1_21	01						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,54	1613484	557160	Đăk Ui	1613960	557311	Đăk Ui	0,89	
2050	08	08	16	1_22	01						Không Tên	Suối Đăk Tier	0,76	1611959	560280	Đăk Ui	1611891	559554	Đăk Ui	0,86	
2051	08	08	16	1_22							Suối Đăk Tier	Sông Đăk Uy	3,37	1612994	557496	Đăk Ui	1611387	560138	Đăk Ui	6,2	
2052	08	08	16	1_22	02						Suối Đăk Treng	Suối Đăk Tier	2,01	1610967	559934	Đăk Ui	1612186	558635	Đăk Ui	1,06	
2053	08	08	16	1_22	03						Không Tên	Suối Đăk Tier	2,27	1612445	558357	Đăk Ui	1613250	560246	Đăk Ui	2,6	
2054	08	08	16	1_22	03	01					Không Tên	Suối Đăk Tier	0,53	1612554	559196	Đăk Ui	1612673	558686	Đăk Ui	0,56	
2055	08	08	16	1_22	04						Không Tên	Suối Đăk Tier	0,72	1612063	558205	Đăk Ui	1612621	557869	Đăk Ui	0,44	
2056	08	08	16	1_23							Suối Đăk Ve	Sông Đăk Uy	3,6	1610989	557560	Đăk Ui	1610989	557560	Đăk Ui	5,06	
2057	08	08	16	1_23	01						Không Tên	Suối Đăk Ve	0,89	1610545	558411	Đăk Ui	1610625	557558	Đăk Ui	0,89	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2058	08	08	16	1_23	02						Không Tên	Suối Đăk Ve	0,49	1610966	558037	Đăk Ui	1610989	557560	Đăk Ui	0,44	
2059	08	08	16	1_23	03						Không Tên	Suối Đăk Ve	0,77	1611013	557135	Đăk Ui	1611617	557535	Đăk Ui	0,76	
2060	08	08	16	1_23	04						Suối Đăk YNêm	Suối Đăk Ve	0,88	1611690	558356	Đăk Ui	1611800	557551	Đăk Ui	0,67	
2061	08	08	16	1_24							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,25	1611281	556891	Đăk Ui	1612387	556633	Đăk Ui	0,95	
2062	08	08	16	1_25							Suối Đăk ĐRể	Sông Đăk Uy	0,48	1611924	556329	Đăk Ui	1612358	556237	Đăk Ui	0,98	
2063	08	08	16	1_26							Suối Đăk Pip	Sông Đăk Uy	0,89	1611431	555656	Đăk Ui	1612062	555245	Đăk Ui	0,81	
2064	08	08	16	1_27							Đăk Sai	Sông Đăk Uy	3,88	1612105	555182	Đăk Ui	1615689	555746	Đăk Ui	6,08	
2065	08	08	16	1_27	01						Không Tên	Đăk Sai	0,46	1615022	555565	Đăk Ui	1615434	555401	Đăk Ui	0,64	
2066	08	08	16	1_27	02						Suối Đăk Mô	Đăk Sai	0,86	1614852	556347	Đăk Ui	1614741	555527	Đăk Ui	0,55	
2067	08	08	16	1_27	03						Không Tên	Đăk Sai	0,63	1614506	556090	Đăk Ui	1614670	555515	Đăk Ui	0,47	
2068	08	08	16	1_27	04						Không Tên	Đăk Sai	0,65	1614211	556045	Đăk Ui	1614284	555428	Đăk Ui	0,76	
2069	08	08	16	1_27	05						Không Tên	Đăk Sai	1,02	1613823	556223	Đăk Ui	1613751	555255	Đăk Ui	0,97	
2070	08	08	16	1_27	06						Suối Đăk Xe	Đăk Sai	1,23	1613719	555238	Đăk Ui	1614794	555037	Đăk Ui	1,37	
2071	08	08	16	1_27	07						Suối Đăk Rêng	Đăk Sai	1,03	1613431	556035	Đăk Ui	1612992	555231	Đăk Ui	0,46	
2072	08	08	16	1_28							Suối Đăk Tial	Sông Đăk Uy	1,45	1611102	556158	Đăk Ui	1611398	554791	Đăk Ui	0,48	
2073	08	08	16	1_29							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,61	1610899	554693	Đăk Ui	1610987	555243	Đăk Ui	0,5	
2074	08	08	16	1_30							Đăk Boing	Sông Đăk Uy	4,58	1610670	554164	Đăk Ui	1611957	554074	Đăk Ui	13,78	
2075	08	08	16	1_30	01						Suối Đăk Peang	Đăk Boing	0,93	1614810	554474	Đăk Ui	1614292	553905	Đăk Ui	0,63	
2076	08	08	16	1_30	02						Không Tên	Đăk Boing	1,31	1613452	553770	Đăk Ui	1614203	554588	Đăk Ui	1,02	
2077	08	08	16	1_30	03						Đăk Boing	Đăk Boing	4	1612467	553874	Đăk Mar	1612467	553874	Đăk Ui	4,31	
2078	08	08	16	1_30	03	01					Không tên	Đăk Boing	0,65	1614757	551622	Đăk Ui	1615029	552153	Đăk Ui	0,34	
2079	08	08	16	1_30	03	02					Không tên	Đăk Boing	1,13	1614229	551463	Đăk Ui	1614669	552484	Đăk Ui	1,02	
2080	08	08	16	1_30	03	03					Không Tên	Đăk Boing	1,79	1614371	553057	Đăk Ui	1615964	553432	Đăk Ui	4,6	
2081	08	08	16	1_30	03	03	01				Không tên	Đăk Boing	0,92	1615386	553714	Đăk Ui	1614738	553130	Đăk Ui	0,64	
2082	08	08	16	1_30	03	03	02				Suối Đăk Trum	Đăk Boing	3,01	1614407	553093	Đăk Ui	1616068	555234	Đăk Ui	2,66	
2083	08	08	16	1_30	03	03	02	01			Không Tên	Suối Đăk Trum	1,37	1615232	554675	Đăk Ui	1616495	554780	Đăk Ui	0,7	
2084	08	08	16	1_30	03	03	02	02			Suối Đăk HTô	Suối Đăk Trum	0,98	1615170	554053	Đăk Ui	1616090	553939	Đăk Ui	0,48	
2085	08	08	16	1_30	03	04					Không tên	Đăk Boing	0,69	1613563	552370	Đăk Ui	1613712	553044	Đăk Ui	0,67	
2086	08	08	16	1_30	03	05					Không tên	Đăk Boing	0,63	1614129	553375	Đăk Ui	1613517	553288	Đăk Ui	0,55	
2087	08	08	16	1_30	03	06					Không tên	Đăk Boing	0,55	1613382	552776	Đăk Ui	1613517	553288	Đăk Ui	0,77	
2088	08	08	16	1_30	04						Không tên	Đăk Boing	1,12	1611058	554160	Đăk Ui	1612129	553944	Đăk Ui	0,67	
2089	08	08	16	1_30	04	01					Không Tên	Đăk Boing	0,69	1612901	554418	Đăk Ui	1613395	554787	Đăk Ui	0,27	
2090	08	08	16	1_30	05						Đăk Sai	Đăk Boing	2,22	1611957	554074	Đăk Ui	1613980	554597	Đăk Ui	1,37	
2091	08	08	16	1_31							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,24	1609782	554849	Đăk Ui	1610573	554165	Đăk Ui	0,88	
2092	08	08	16	1_32							Không Tên	Sông Đăk Uy	3,74	1609584	552948	Đăk Ui	1612701	552758	Đăk Ui	2,31	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2093	08	08	16	1_32	01						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,58	1612343	552568	Đăk Ui	1611910	552867	Đăk Ui	0,29	
2094	08	08	16	1_32	02						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,51	1611749	553300	Đăk Ui	1611363	553042	Đăk Ui	0,38	
2095	08	08	16	1_33							Đăk Wi	Sông Đăk Uy	2,87	1609175	552012	Đăk Ui	1610773	550391	Đăk Ui	7,87	
2096	08	08	16	1_33	01						Đăk Wi	Đăk Wi	0,81	1610239	550917	Đăk Ui	1610106	551663	Đăk Ui	0,64	
2097	08	08	16	1_33	02						Đăk Pah	Đăk Wi	3	1612690	551270	Đăk Ui	1610030	551719	Đăk Ui	5,98	
2098	08	08	16	1_33	02	01					Không Tên	Đăk Pah	0,64	1612082	550855	Đăk Ui	1611878	551450	Đăk Ui	0,33	
2099	08	08	16	1_33	02	02					Không Tên	Đăk Pah	2,45	1613791	551766	Đăk Ui	1611612	551442	Đăk Ui	2,6	
2100	08	08	16	1_33	02	02	01				Không tên	Đăk Boing	0,59	1613378	551298	Đăk Ui	1613269	551865	Đăk Ui	0,44	
2101	08	08	16	1_33	02	02	02				Suối Đăk Hring	Đăk Pah	0,8	1613040	551130	Đăk Ui	1612981	551869	Đăk Ui	0,73	
2102	08	08	16	1_33	02	03					Không Tên	Đăk Pah	0,93	1611759	552166	Đăk Ui	1611233	551468	Đăk Ui	0,77	
2103	08	08	16	1_33	02	04					Suối Đăk Peng	Đăk Pah	1,39	1611384	552249	Đăk Ui	1610433	551842	Đăk Ui	0,54	
2104	08	08	16	1_34							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,52	1607911	552816	Đăk Ui	1608088	552396	Đăk Ui	0,55	
2105	08	08	16	1_35							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,41	1607696	552705	Đăk Ui	1607738	552307	Đăk Ui	0,53	
2106	08	08	16	1_36							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,48	1606582	552864	Đăk Ui	1606985	552728	Đăk Ui	0,43	
2107	08	08	16	1_37							Không Tên	Sông Đăk Uy	2,28	1610390	550542	Đăk Ui	1608495	551325	Đăk Ui	1,99	
2108	08	08	16	1_37	01						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,61	1610307	550199	Đăk Ui	1609874	550461	Đăk Ui	0,38	
2109	08	08	16	1_37	02						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,81	1609602	549893	Đăk Ui	1609465	550632	Đăk Ui	0,42	
2110	08	08	16	1_38							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,78	1608345	550146	Đăk Ui	1609025	550345	Đăk Ui	0,98	
2111	08	08	16	1_38	01						Không Tên	Sông Đăk Uy	0,51	1608850	550404	Đăk Ui	1608423	550141	Đăk Ui	0,12	
2112	08	08	16	1_39							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,34	1606974	550408	Đăk Ui	1607109	550146	Đăk Ui	0,32	
2113	08	08	16	1_40							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,14	1606380	550430	Đăk Ui	1607211	549775	Đăk Ui	0,48	
2114	08	08	16	1_41							Không Tên	Sông Đăk Uy	1,26	1605908	549518	Đăk Ui	1606913	549209	Đăk Ui	1,06	
2115	08	08	16	1_42							Không Tên	Sông Đăk Uy	0,82	1605991	549115	Đăk Ui	1606729	548916	Đăk Ui	0,5	
2116	08	08	16	1_43							Không tên	Sông Đăk Uy	1,71	1607517	548498	Đăk Ui	1609115	548728	Đăk Ui	1,26	
2117	08	08	16	1_44							Không tên	Sông Đăk Uy	3,07	1604793	546050	Đăk Hà	1607172	547324	Đăk Ui	3,05	
2118	08	08	16	1_45							Không tên	Sông Đăk Uy	1,01	1605538	546121	Đăk Hà	1604749	545620	Đăk Hà	0,67	
2119	08	08	16	1_46							Không tên	Sông Đăk Uy	1,03	1604759	544156	Đăk Hà	1605288	544979	Đăk Hà	1,07	
2120	08	08	16	1_47							Không tên	Sông Đăk Uy	0,38	1605357	544434	Đăk Hà	1605042	544234	Đăk Hà	0,16	
2121	08	08	16	1_48							Đăk Rơ Man	Sông Đăk Uy	0,78	1605911	542804	Đăk Mar	1605238	542744	Đăk Hà	0,33	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2122	08	08	16	1_49							Không tên	Sông Đăk Uy	0,58	1604071	543287	Đăk Hà	1604148	542770	Đăk Hà	0,56	
2123	08	08	16	1_50							Đak Long Hle	Sông Đăk Uy	0,68	1605068	542128	Đăk Mar	1604520	541893	Đăk Mar	0,44	
2124	08	08	16	1_51							Đak Yu	Sông Đăk Uy	3,55	1604534	541478	Đăk Mar	1607605	542021	Đăk Mar	6,23	
2125	08	08	16	1_51	01						Đak Pche	Đak Yu	0,51	1606947	541036	Đăk Mar	1606820	541520	Đăk Mar	0,44	
2126	08	08	16	1_51	02						Đak Hran	Đak Yu	1,27	1605691	541693	Đăk Mar	1606577	542436	Đăk Mar	1,88	
2127	08	08	16	1_51	02	01					Không tên	Đak Hran	0,54	1606151	542478	Đăk Mar	1605860	542078	Đăk Mar	0,62	
2128	08	08	16	1_51	03						Đak Tbang	Đak Yu	2,1	1606717	540894	Đăk Mar	1605006	541531	Đăk Mar	2,01	
2129	08	08	16	1_51	03	01					Đak Ply	Đak Tbang	0,85	1606171	540352	Đăk Mar	1605614	540880	Đăk Mar	0,49	
2130	08	08	16	1_52							Đak Kral	Sông Đăk Uy	0,85	1604280	540269	Đăk Mar	1603972	541005	Đăk Mar	0,7	
2131	08	08	16	1_52	01						Không tên	Đak Kral	1,97	1604188	544234	Đăk Hà	1602863	545577	Đăk Hà	1,55	
2132	08	08	16	1_52	01	01					Không tên	Đak Kral	1,54	1602589	543952	Đăk Hà	1603982	544457	Đăk Hà	1,1	
2133	08	08	16	1_53							Không tên	Sông Đăk Uy	2,38	1603000	541836	Đăk Hà	1604030	543797	Đăk Hà	1,44	
2134	08	08	16	01							Sông Đăk Rơ Tak Ma	Sông Đăk Uy	10,89	1613367	549745	Đăk Mar	1605220	542913	Đăk Hà	27,9	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2135	08	08	16	01	01						Không Tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	1,45	1612167	550472	Đăk Mar	1612303	549114	Đăk Mar	0,73	
2136	08	08	16	01	02						Không Tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,6	1612884	548864	Đăk Mar	1612399	548929	Đăk Mar	0,43	
2137	08	08	16	01	03						Đak Mar	Sông Đăk Rơ Tak Ma	2,03	1611864	548382	Đăk Mar	1611472	550081	Đăk Mar	1,63	
2138	08	08	16	01	03	01					Suối Đăk Nông	Đak Mar	1,02	1611869	550052	Đăk Mar	1611887	549037	Đăk Mar	0,65	
2139	08	08	16	01	04						Đak Pia	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,79	1612256	548212	Đăk Mar	1611573	547877	Đăk Mar	0,26	
2140	08	08	16	01	05						Đak Rie	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,73	1611577	547865	Đăk Mar	1612073	547566	Đăk Mar	0,32	
2141	08	08	16	01	06						Đak xoa	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,88	1611401	548891	Đăk Mar	1611274	548069	Đăk Mar	0,48	
2142	08	08	16	01	07						Suối Đăk Tua	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,55	1610792	548798	Đăk Mar	1610623	548410	Đăk Mar	0,12	
2143	08	08	16	01	08						Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,78	1609449	545828	Đăk Mar	1610217	545722	Đăk Mar	0,59	
2144	08	08	16	01	09						Đak Ang	Sông Đăk Rơ Tak Ma	8,33	1607737	543422	Đăk Mar	1607737	543423	Đăk Mar	12,03	
2145	08	08	16	01	09	01					Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	3,9	1608738	545452	Đăk Mar	1610771	547598	Đăk Mar	5,13	
2146	08	08	16	01	10						Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	7,23	1610542	549483	Đăk Ui	1608664	545873	Đăk Mar	12,84	
2147	08	08	16	01	10	01					Không Tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	1,12	1609402	548947	Đăk Ui	1608321	548944	Đăk Ui	0,84	
2148	08	08	16	01	10	02					Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	2,48	1606044	544774	Đăk Hà	1607428	546404	Đăk Ui	3,67	
2149	08	08	16	01	10	02	01				Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	2,17	1607084	545546	Đăk Hà	1605119	545639	Đăk Hà	0,89	
2150	08	08	16	01	10	03					Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	1,64	1608657	546509	Đăk Ui	1609620	547758	Đăk Ui	3,26	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2151	08	08	16	01	10	03	01				Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	3,17	1608876	546653	Đăk Ui	1610199	549043	Đăk Ui	1,95	
2152	08	08	16	01	11						Không tên	Sông Đăk Rơ Tak Ma	0,95	1607453	543982	Đăk Mar	1606561	544272	Đăk Hà	0,74	
2153	08	08	17_1								Không tên	Sông Sê San	3,07	1601071	541726	Đăk Hà	1602635	543741	Đăk Hà	3,11	
2154	08	08	17_1	01							Không tên	Sê San	0,66	1601944	543315	Đăk Hà	1602094	542724	Đăk Hà	0,4	
2155	08	08	17_1	02							Không tên	Sê San	0,64	1601246	542807	Đăk Hà	1601299	542188	Đăk Hà	0,37	
2156	08	08	17_1	03							Không tên	Sê San	0,99	1601073	542837	Đăk Hà	1601138	541923	Đăk Hà	0,64	
2157	08	08	17_2								Đăk Plei	Sông Sê San	1,47	1600789	541606	Sa Bình	1601806	540640	Đăk Hà	0,98	
2158	08	08	17_3								Không tên	Sông Sê San	5,94	1599985	541507	Đăk Hà	1603276	545175	Đăk Hà	7,12	
2159	08	08	17_3	01							Không tên	Sê San	0,52	1603288	544544	Đăk Hà	1602779	544607	Đăk Hà	0,36	
2160	08	08	17_3	02							Không tên	Sê San	0,51	1601429	544164	Đăk Hà	1601311	544654	Đăk Hà	0,37	
2161	08	08	17_3	03							Không tên	Sê San	0,55	1600618	543810	Đăk Hà	1601111	543586	Đăk Hà	0,34	
2162	08	08	17_3	04							Không tên	Sê San	0,81	1599864	543480	Đăk Hà	1600482	543048	Đăk Hà	0,59	
2163	08	08	17_3	05							Không tên	Sê San	1,38	1599889	541599	Đăk Hà	1600713	542595	Đăk Hà	1,1	
2164	08	08	17_4								Không tên	Sông Sê San	0,56	1599408	541664	Đăk Hà	1599790	541284	Đăk Hà	0,85	
2165	08	08	17_4	01							Không tên	Sê San	2,97	1598821	541706	Đăk Hà	1599570	544113	Đăk Hà	3,04	
2166	08	08	17_5								Không tên	Sông Sê San	2,92	1599489	540692	Sa Bình	1601230	538868	Sa Bình	2,94	
2167	08	08	17_5	01							Không tên	Sê San	1,46	1600022	540464	Sa Bình	1601262	539999	Sa Bình	0,94	
2168	08	08	17_6								Đăk Han	Sông Sê San	1,91	1599239	540598	Sa Bình	1600030	539205	Sa Bình	2	
2169	08	08	17_7								Không tên	Sông Sê San	1,27	1598658	541270	Đăk Hà	1597581	540651	Sa Bình	0,52	
2170	08	08	17_8								Đăk Drey	Sông Sê San	2,15	1598436	539255	Sa Bình	1597456	540574	Sa Bình	21,17	
2171	08	08	17_8	01							Đăk Diay	Đăk Drey	11,65	1601137	536614	Sa Bình	1599883	534060	Sa Bình	17,02	
2172	08	08	17_8	01	01						Đăk Rui	Đăk Diay	1,22	1598337	535618	Sa Bình	1599531	535541	Sa Bình	1,43	
2173	08	08	17_8	01	02						Không tên	Đăk Diay	0,76	1597384	536133	Sa Bình	1597993	536498	Sa Bình	0,89	
2174	08	08	17_8	01	03						Không tên	Đăk Diay	0,78	1598161	536593	Sa Bình	1598622	536047	Sa Bình	0,31	
2175	08	08	17_8	01	04						Đăk Kray	Đăk Diay	2	1598176	537065	Sa Bình	1599718	536500	Sa Bình	1,59	
2176	08	08	17_8	01	05						Không tên	Đăk Diay	0,74	1597585	538434	Sa Bình	1598283	538543	Sa Bình	0,68	
2177	08	08	17_8	01	06						Không tên	Đăk Diay	0,83	1600768	537355	Sa Bình	1600627	536729	Sa Bình	0,42	
2178	08	08	17_8	01	07						Không tên	Đăk Diay	0,87	1600578	537873	Sa Bình	1601210	537433	Sa Bình	0,39	
2179	08	08	17_8	01	08						Đăk Wa	Đăk Diay	1,15	1599746	538227	Sa Bình	1599949	537282	Sa Bình	0,43	
2180	08	08	17_8	01	09						Không tên	Đăk Diay	1,42	1599166	537014	Sa Bình	1599506	538258	Sa Bình	1,43	
2181	08	08	17_8	01	09	01					Không tên	Đăk Diay	0,66	1599352	537881	Sa Bình	1599760	537434	Sa Bình	0,57	
2182	08	08	17_8	02							Không tên	Đăk Drey	0,76	1598483	539344	Sa Bình	1599009	539518	Sa Bình	0,76	
2183	08	08	17_8	03							Không tên	Đăk Drey	0,66	1598354	539682	Sa Bình	1598962	539875	Sa Bình	0,49	
2184	08	08	17_8	04							Không tên	Đăk Drey	0,76	1597672	539425	Sa Bình	1598130	540018	Sa Bình	0,69	
2185	08	08	17_9								Đăk Pak	Sông Sê San	4,04	1597379	540689	Đăk Hà	1599521	543447	Sa Bình	7,44	
2186	08	08	17_9	01							Không tên	Đăk Pak	0,62	1598886	543613	Đăk Hà	1598853	543041	Đăk Hà	0,84	
2187	08	08	17_9	02							Không tên	Đăk Pak	1,05	1597852	543435	Đăk Hà	1598634	542811	Đăk Hà	1,07	
2188	08	08	17_9	03							Không tên	Đăk Pak	0,65	1598163	542817	Đăk Hà	1598613	542392	Đăk Hà	0,57	
2189	08	08	17_9	04							Không tên	Đăk Pak	1,61	1598524	542043	Đăk Hà	1599768	542853	Đăk Hà	0,69	
2190	08	08	17_9	06							Không tên	Đăk Pak	2,1	1597467	540768	Đăk Hà	1597570	542676	Sa Bình	1,19	
2191	08	08	17_9	05							Không tên	Đăk Pak	0,89	1597830	542395	Đăk Hà	1598022	541556	Đăk Hà	1,17	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2192	08	08	17_10								Không tên	Sông Sê San	1,09	1596859	540792	Đăk Hà	1596984	541774	Đăk Hà	1,58	
2193	08	08	17_10	01							Không tên	Sê San	0,88	1596919	540996	Đăk Hà	1596375	541652	Đăk Hà	1	
2194	08	08	17_11								Đăk Mong	Sông Sê San	5,79	1595345	540311	Ngok Bay	1594759	543804	Ngok Bay	11,86	
2195	08	08	17_11	01							Không Tên	Đăk Mong	1,05	1593363	542728	Ngok Bay	1593885	541882	Ngok Bay	1,06	
2196	08	08	17_11	02							Đăk Mngắt	Đăk Mong	0,57	1593198	541511	Ngok Bay	1593754	541480	Ngok Bay	0,44	
2197	08	08	17_11	03							Đăk Hmây	Đăk Mong	0,75	1593105	540533	Ngok Bay	1593784	540701	Ngok Bay	0,35	
2198	08	08	17_11	04							Không Tên	Đăk Mong	1,47	1594930	541905	Ngok Bay	1594989	540583	Ngok Bay	0,74	
2199	08	08	17_11	05							Không Tên	Đăk Mong	4,67	1595220	540375	Đăk Hà	1596734	543550	Ngok Bay	4,2	
2200	08	08	17_11	05	02						Không tên	Đăk Mong	1,56	1595781	542252	Đăk Hà	1595805	543623	Đăk Hà	1,24	
2201	08	08	17_11	05	02	01					Không Tên	Đăk Mong	0,61	1595378	543557	Ngok Bay	1595565	543005	Đăk Hà	0,67	
2202	08	08	17_12								Đăk Tan	Sông Sê San	2,82	1597364	538401	Sa Bình	1595424	539749	Sa Bình	1,99	
2203	08	08	17_12	01							Không tên	Đăk Tan	1	1595995	539638	Sa Bình	1596579	538897	Sa Bình	0,58	
2204	08	08	17_13								Đăk KotoI	Sông Sê San	4,5	1597322	536774	Sa Bình	1595045	539472	Sa Bình	11,37	
2205	08	08	17_13	01							Không tên	Đăk KotoI	0,83	1596688	537301	Sa Bình	1597475	537144	Sa Bình	0,62	
2206	08	08	17_13	02							Không tên	Đăk KotoI	1,15	1596446	537641	Sa Bình	1597563	537619	Sa Bình	0,57	
2207	08	08	17_13	03							Không tên	Đăk KotoI	2,26	1595752	536055	Sa Bình	1596330	537736	Sa Bình	5,36	
2208	08	08	17_13	03	01						Không tên	Đăk KotoI	0,84	1594731	536708	Sa Bình	1595525	536504	Sa Bình	0,47	
2209	08	08	17_13	03	02						Không tên	Đăk KotoI	1,31	1596513	536108	Sa Bình	1596124	537207	Sa Bình	1,03	
2210	08	08	17_13	03	03						Không tên	Đăk KotoI	0,95	1595234	537229	Sa Bình	1596095	537514	Sa Bình	0,9	
2211	08	08	17_13	04							Không tên	Đăk KotoI	0,88	1595371	537754	Sa Bình	1595932	538121	Sa Bình	0,48	
2212	08	08	17_13	05							Đăk KotoI	Đăk KotoI	1,33	1594733	537480	Sa Bình	1595369	538556	Sa Bình	0,79	
2213	08	08	17_13	06							Đăk KotoI	Đăk KotoI	1,16	1595519	538704	Sa Bình	1596438	538175	Sa Bình	0,9	
2214	08	08	17_13	07							Không tên	Đăk KotoI	1,12	1594991	539122	Sa Bình	1594938	538073	Sa Bình	0,41	
2215	08	08	17_13	08							Không tên	Đăk KotoI	1,45	1594941	539172	Sa Bình	1594703	537951	Sa Bình	0,75	
2216	08	08	17_14								Không Tên	Sông Sê San	1,24	1594145	539917	Ngok Bay	1595030	539556	Ngok Bay	0,8	
2217	08	08	17_15								Không Tên	Sông Sê San	1,41	1593150	539505	Ngok Bay	1594086	539160	Ngok Bay	1,21	
2218	08	08	17_16								Đăk Bao	Sông Sê San	1,02	1593947	539028	Sa Bình	1593882	538052	Sa Bình	0,64	
2219	08	08	17_17								Đăk Djiri	Sông Sê San	1,09	1593113	538966	Sa Bình	1593237	538046	Sa Bình	1,12	
2220	08	08	17_18								Không Tên	Sông Sê San	0,84	1592693	539542	Ngok Bay	1592046	539136	Ngok Bay	0,56	
2221	08	08	17_19								Không Tên	Sông Sê San	0,55	1591807	539595	Ngok Bay	1592280	539789	Ngok Bay	0,42	
2222	08	08	17_20								Không Tên	Sông Sê San	1,82	1591611	539890	Ngok Bay	1592739	539803	Ngok Bay	1,07	
2223	08	08	17_20	01							Không Tên	Ia Thir	0,4	1592181	540364	Ngok Bay	1592427	540681	Ngok Bay	0,11	
2224	08	08	17_21								Không tên	Sông Sê San	0,65	1591300	539033	Sa Bình	1591052	539627	Sa Bình	0,46	
2225	08	08	17_22								Không Tên	Sông Sê San	0,58	1590966	539741	Ngok Bay	1591029	540304	Ngok Bay	0,34	
2226	08	08	17_23								Không tên	Sông Sê San	1,44	1590634	538412	Sa Bình	1590586	539647	Sa Bình	1,03	
2227	08	08	17_23	01							Không tên	Sê San	0,58	1590367	539131	Sa Bình	1590783	538750	Sa Bình	0,37	
2228	08	08	17_23	02							Không tên	Sê San	0,53	1590427	539336	Sa Bình	1590910	539167	Sa Bình	0,53	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2229	08	08	17_24								Ia Thir	Sông Sê San	7,15	1592897	537875	Sa Bình	1588525	540794	Ia Chim	11,06	
2230	08	08	17_24	01							Không tên	Ia Thir	0,6	1591907	537678	Sa Bình	1592424	537424	Sa Bình	0,4	
2231	08	08	17_24	02							Suối lạnh	Ia Thir	3,03	1588327	536792	Sa Bình	1589323	539210	Sa Bình	2,99	
2232	08	08	17_24	02	01						Không tên	Suối lạnh	0,77	1588935	537579	Sa Bình	1589124	536930	Sa Bình	0,64	
2233	08	08	17_24	02	02						Đăk NhĐt	Suối lạnh	1,16	1589680	537081	Sa Bình	1589357	538112	Sa Bình	0,59	
2234	08	08	17_24	03							Không tên	Ia Thir	1,56	1589145	539363	Sa Bình	1588312	538188	Sa Bình	0,89	
2235	08	08	17_24	04							Không tên	Ia Thir	1,53	1588257	538532	Sa Bình	1588412	539871	Sa Bình	2,63	
2236	08	08	17_24	04	01						Không tên	Ia Thir	0,91	1587431	539030	Sa Bình	1588166	539353	Sa Bình	0,87	
2237	08	08	17								Sông Đăk Bla	Sê San	157	1655793	572036	Măng Bút	1588759	540637	Ngok Bay	3436	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2238	08	08	17	1_1							Suối Đăk La 2	Sê San	2,42	1654167	570782	Măng Bút	1653992	572700	Măng Bút	1,19	
2239	08	08	17	1_2							Không tên	Sê San	1,1	1652299	568801	Măng Bút	1651743	569645	Măng Bút	0,78	
2240	08	08	17	1_3							Đăk Khích	Sê San	5,71	1651592	569388	Măng Ri	1651592	569389	Măng Ri	4,03	
2241	08	08	17	1_4							S. Nước Lan	Sê San	12,56	1645951	565544	Măng Ri	1645529	565230	Măng Ri	31,74	
2242	08	08	17	1_4	02						Không Tên	S. Nước Lan	0,62	1645953	565542	Măng Ri	1646033	566143	Măng Ri	0,87	
2243	08	08	17	1_4	03						Không tên	Thượng nguồn Suối Lan	1,57	1646018	565476	Măng Ri	1646982	566505	Măng Ri	1,45	
2244	08	08	17	1_4	04						Không tên	Thượng nguồn Suối Lan	0,76	1646660	565281	Măng Ri	1646238	564696	Măng Ri	0,48	
2245	08	08	17	1_4	05						Đăk Răng	S. Nước Lan	4,29	1644542	564694	Măng Ri	1647246	565053	Măng Ri	7,65	
2246	08	08	17	1_4	05	01					Không tên	Đăk Răng	2,05	1645145	563120	Măng Ri	1646268	563928	Măng Ri	1,24	
2247	08	08	17	1_4	05	01	01				Không tên	Đăk Răng	1,01	1645930	563370	Măng Ri	1645387	563833	Măng Ri	0,77	
2248	08	08	17	1_4	05	02					Không tên	Đăk Răng	2,48	1647180	564143	Măng Ri	1647180	564143	Măng Ri	3,44	
2249	08	08	17	1_4	05	02	01				Không tên	Đăk Răng	1,48	1647180	564143	Măng Ri	1647921	563373	Măng Ri	2,22	
2250	08	08	17	1_4	05	02	01	01			Đăk K Rin	Đăk Răng	1,48	1647463	564183	Măng Ri	1648478	564573	Măng Ri	1,23	
2251	08	08	17	1_4	05	03					Không tên	Đăk Răng	0,85	1646458	564427	Măng Ri	1647064	564934	Măng Ri	0,6	
2252	08	08	17	1_4	06						Khe cạn	Thượng nguồn Suối Lan	0,68	1648949	565615	Măng Ri	1648708	566127	Măng Ri	0,53	
2253	08	08	17	1_4	07						Không tên	Thượng nguồn Suối Lan	0,64	1648711	566898	Măng Ri	1649142	566486	Măng Ri	0,56	
2254	08	08	17	1_4	08						Khe cạn	Thượng nguồn Suối Lan	0,64	1650440	566825	Măng Ri	1650109	567324	Măng Ri	0,95	
2255	08	08	17	1_4	09						Không tên	S. Nước Lan	3,51	1647189	567603	Măng Ri	1649614	568797	Măng Ri	4,1	
2256	08	08	17	1_5							Đăk Dắt	Sê San	3,81	1649703	570464	Măng Bút	1651632	572777	Măng Ri	4,99	
2257	08	08	17	1_5	01						Suối Đăk La 1	Đăk Dắt	2,3	1648860	572531	Măng Bút	1650436	571394	Măng Bút	1,73	
2258	08	08	17	1_6							Không tên	Sê San	1,13	1649361	569498	Măng Ri	1649343	570574	Măng Bút	0,82	
2259	08	08	17	1_7							Suối Đăk Chun	Sê San	1,01	1648849	570745	Măng Bút	1649228	571630	Măng Bút	0,75	
2260	08	08	17	1_8							Suối Đăk Roong	Sê San	3,1	1647727	568214	Măng Bút	1648801	570714	Măng Bút	1,96	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2261	08	08	17	1_9							Suối Đăk Đăk	Sê San	4,87	1646100	567445	Măng Bút	1648267	570896	Măng Bút	3,9	
2262	08	08	17	1_9	01						Sung Klung	Suối Đăk Đăk	0,81	1647021	568363	Măng Bút	1647122	569114	Măng Bút	0,61	
2263	08	08	17	1_10							Suối Đăk Ngơ No	Sê San	0,71	1648274	571691	Măng Bút	1647748	571369	Măng Bút	0,49	
2264	08	08	17	1_11							Đăk K'Ri	Sê San	4,43	1645314	568209	Măng Bút	1647668	571415	Măng Bút	1,45	
2265	08	08	17	1_12							Suối Đăk Chiểu	Sê San	2,93	1645913	572292	Măng Bút	1648568	572871	Măng Bút	5,54	
2266	08	08	17	1_12	01						Suối Đăk Núc	Suối Đăk Chiểu	2,41	1647937	573611	Măng Bút	1646491	572237	Măng Bút	2,13	
2267	08	08	17	1_12	02	01					Suối Đăk Pli	Đăk Cu	0,55	1646635	573470	Măng Bút	1646127	573664	Măng Bút	0,67	
2268	08	08	17	1_12	02	02					Suối Đăk O	Đăk Cu	0,27	1646281	573308	Măng Bút	1646529	573247	Măng Bút	0,13	
2269	08	08	17	1_12	02						Đăk Cu	Suối Đăk Chiểu	1,79	1646231	572324	Măng Bút	1646923	573640	Măng Bút	1,55	
2270	08	08	17	1_13							Suối Đăk Chắt	Sê San	3,54	1645128	570757	Măng Bút	1645881	572333	Măng Bút	6,4	
2271	08	08	17	1_13	01						Suối Đăk Chia	Suối Đăk Chắt	0,79	1644575	570202	Măng Bút	1644791	570821	Măng Bút	0,6	
2272	08	08	17	1_13	02						Suối Đăk Pông	Suối Đăk Chắt	2,08	1644905	569029	Măng Bút	1645128	570757	Măng Bút	1,93	
2273	08	08	17	1_13	03						Suối Đăk Chìm	Suối Đăk Chắt	1,03	1646357	570659	Măng Bút	1645429	570901	Măng Bút	0,8	
2274	08	08	17	1_14							Suối Đăk San	Sê San	0,7	1644837	571943	Măng Bút	1645036	572396	Măng Bút	0,91	
2275	08	08	17	1_15							Đăk MĐ	Sê San	3,99	1643826	570180	Măng Bút	1643935	573192	Măng Bút	3,08	
2276	08	08	17	1_15	01						Suối Đăk Xo	Đăk MĐ	0,28	1643600	571221	Măng Bút	1643339	571131	Măng Bút	0,34	
2277	08	08	17	1_15	02						Suối Đăk Diam	Đăk MĐ	0,64	1643167	572446	Măng Bút	1643747	572380	Măng Bút	0,76	
2278	08	08	17	1_16							Suối Đăk Thung Xiang	Sê San	1,46	1645087	573564	Măng Bút	1643964	573205	Măng Bút	1,15	
2279	08	08	17	1_17							Đăk Ruông	Sê San	7,55	1642373	571694	Măng Bút	1642373	571694	Măng Bút	10,09	
2280	08	08	17	1_17	01						Đăk Ruông	Đăk Ruông	4,39	1642517	568518	Măng Bút	1642333	571504	Măng Bút	3,75	
2281	08	08	17	1_17	01	01					Suối Đăk Rỏi	Đăk Ruông	1,26	1642919	569154	Măng Bút	1641726	569094	Măng Bút	0,64	
2282	08	08	17	1_17	01	02					Suối Đăk Tu	Đăk Ruông	0,73	1641454	569702	Măng Bút	1640958	569970	Măng Bút	0,31	
2283	08	08	17	1_17	01	03					Suối Đăk Tui	Đăk Ruông	0,69	1640978	570112	Măng Bút	1641532	570266	Măng Bút	0,46	
2284	08	08	17	1_17	01	04					Suối Đăk Lum	Đăk BLa	1,02	1642051	569674	Măng Bút	1641618	570544	Măng Bút	0,51	
2285	08	08	17	1_17	02						Suối Đăk Pri	Đăk Ruông	1,36	1642373	571694	Măng Bút	1642801	570751	Măng Bút	0,95	
2286	08	08	17	1_17	02	01					Suối Đăk Pung	Đăk Ruông	0,78	1642715	571586	Măng Bút	1643032	572188	Măng Bút	0,64	
2287	08	08	17	1_17	03						Suối Đăk Rung 2	Đăk BLa	0,77	1642581	572731	Măng Bút	1642118	573226	Măng Bút	0,75	
2288	08	08	17	1_17	04						Suối Đăk Rung 1	Đăk BLa	0,69	1642667	572851	Măng Bút	1642344	573394	Măng Bút	0,63	
2289	08	08	17	01							Sông Đăk Chiang	Sông Đăk Dơ Nen	18,64	1642499	563719	Măng Ri	1641771	574728	Măng Bút	51,94	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2290	08	08	17	01	01						Không tên	Sông Đăk Chiang	1,41	1643039	564732	Măng Ri	1642756	565677	Măng Ri	1,55	
2291	08	08	17	01	02						Không tên	Sông Đăk Chiang	1,34	1641634	566242	Măng Ri	1642874	565946	Măng Ri	1,05	
2292	08	08	17	01	02	01					Không tên	Sông Đăk Chiang	1,32	1642374	566058	Măng Ri	1641309	565952	Măng Ri	0,88	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2293	08	08	17	01	03						Đăk Ta Ba	Sông Đăk Chiang	7,54	1645704	513115	Măng Ri	1640136	568293	Măng Ri	19	
2294	08	08	17	01	03	01					Không tên	Đăk Ta Ba	0,59	1644741	566210	Măng Ri	1644747	565672	Măng Ri	0,56	
2295	08	08	17	01	03	02					Không tên	Đăk Ta Ba	2,33	1643886	566646	Măng Ri	1644619	568406	Măng Ri	2,99	
2296	08	08	17	01	03	02	01				Không tên	Đăk Ta Ba	1,05	1645102	567860	Măng Ri	1644339	567327	Măng Ri	0,6	
2297	08	08	17	01	04						Không Tên	Sông Đăk Chiang	0,76	1643349	567499	Măng Ri	1642906	566919	Măng Ri	0,57	
2298	08	08	17	01	05						Không Tên	Sông Đăk Chiang	1,11	1642717	567958	Măng Ri	1642216	567336	Măng Ri	0,91	
2299	08	08	17	01	06						Không Tên	Sông Đăk Chiang	0,95	1642542	568210	Măng Ri	1641790	567805	Măng Ri	1,26	
2300	08	08	17	01	07						Không tên	Sông Đăk Chiang	0,72	1641323	568853	Măng Ri	1640915	568390	Măng Ri	0,6	
2301	08	08	17	01	08						Không tên	Sông Đăk Chiang	0,99	1640458	567536	Măng Ri	1640149	568275	Măng Ri	1,81	
2302	08	08	17	01	09						Không tên	Sông Đăk Chiang	4,79	1637272	565742	Măng Ri	1640136	568293	Măng Ri	17,28	
2303	08	08	17	01	09	01					Đăk Chang	Sông Đăk Chiang	3,06	1638031	565673	Măng Ri	1638028	565675	Măng Ri	4,05	
2304	08	08	17	01	09	01	01				Không Tên	Đăk Chang	1,23	1637868	565472	Măng Ri	1637867	565472	Măng Ri	0,95	
2305	08	08	17	01	09	01	01	01			Không Tên	Đăk Chang	0,66	1638215	565034	Măng Ri	1637868	565472	Măng Ri	0,22	
2306	08	08	17	01	09	02					Khe cạn	Sông Đăk Chiang	0,66	1637399	566644	Măng Ri	1637982	566746	Măng Ri	1,01	
2307	08	08	17	01	09	03					Không tên	Sông Đăk Chiang	0,84	1637506	567122	Măng Ri	1638210	567197	Măng Ri	1,46	
2308	08	08	17	01	09	04					Không tên	Sông Đăk Chiang	1,31	1637316	568343	Măng Ri	1638260	567583	Măng Ri	1,58	
2309	08	08	17	01	09	04	01				Không tên	Sông Đăk Chiang	0,78	1638823	567990	Măng Ri	1638164	567773	Măng Ri	0,53	
2310	08	08	17	01	09	04	01	01			Khe cạn	Sông Đăk Chiang	0,65	1638159	568505	Măng Ri	1638345	567927	Măng Ri	0,52	
2311	08	08	17	01	09	05					Không tên	Sông Đăk Chiang	4,94	1639556	567391	Măng Ri	1639380	567190	Măng Ri	6,07	
2312	08	08	17	01	09	05	01				Không tên	Sông Đăk Chiang	0,68	1641067	564470	Măng Ri	1641390	565057	Măng Ri	0,67	
2313	08	08	17	01	09	05	02				Không tên	Sông Đăk Chiang	0,96	1640998	566374	Măng Ri	1640072	566335	Măng Ri	0,54	
2314	08	08	17	01	09	05	03				Không tên	Sông Đăk Chiang	1,08	1638927	566024	Măng Ri	1639868	566486	Măng Ri	0,68	
2315	08	08	17	01	09	05	04				Không tên	Sông Đăk Chiang	1,78	1638794	566190	Măng Ri	1639381	567191	Măng Ri	0,51	
2316	08	08	17	01	09	05	05				Không tên	Sông Đăk Chiang	1,29	1639556	567391	Măng Ri	1640533	566714	Măng Ri	0,74	
2317	08	08	17	01	09	06					Không tên	Sông Đăk Chiang	0,96	1638995	568460	Măng Ri	1639595	567932	Măng Ri	0,81	
2318	08	08	17	01	10						Suối Đăk Pung	Sông Đăk Chiang	2,85	1640459	569654	Măng Bút	1638351	569418	Măng Bút	1,58	
2319	08	08	17	01	11						Suối Đăk Giang	Sông Đăk Chiang	1,82	1640403	570196	Măng Bút	1639621	570378	Măng Bút	0,79	
2320	08	08	17	01	12						Suối Đăk Rngóc	Sông Đăk Chiang	3,56	1640659	570794	Măng Bút	1639572	570786	Măng Bút	4,77	
2321	08	08	17	01	12	01					Suối Đăk Chắt	Suối Đăk Rngóc	0,86	1639120	571370	Măng Bút	1639571	570787	Măng Bút	0,82	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2322	08	08	17	01	12	01	01				Suối Đăk Pò	Suối Đăk Chắt	0,36	1639655	571219	Măng Bút	1639565	570877	Măng Bút	0,3	
2323	08	08	17	01	13						Suối Đăk Tong	Sông Đăk Chiang	0,65	1640116	571207	Măng Bút	1640631	571041	Măng Bút	0,26	
2324	08	08	17	01	14						Suối Đăk Lum	Sông Đăk Chiang	2,01	1638890	571915	Măng Bút	1640780	571597	Măng Bút	0,76	
2325	08	08	17	01	15						Suối Đăk Ta ớc	Sông Đăk Chiang	1,45	1640099	572859	Măng Bút	1640993	572884	Măng Bút	1,4	
2326	08	08	17	01	15	01					Suối Đăk Tum	Suối Đăk Ta ớc	2,13	1638840	572343	Măng Bút	1640574	572780	Măng Bút	0,95	
2327	08	08	17	01	16						Suối Đăk Tlang	Sông Đăk Chiang	2,46	1640934	573250	Măng Bút	1640258	573456	Măng Bút	2,65	
2328	08	08	17	01	16	01					Suối Đăk Giang	Suối Đăk Tlang	1,32	1639100	573754	Măng Bút	1640259	573456	Măng Bút	1,46	
2329	08	08	17	2_1							Suối Đăk Chung	Sê San	1,92	1641563	575231	Măng Bút	1641678	576366	Măng Bút	1,26	
2330	08	08	17	2_2							Suối Đăk Choa	Sê San	0,56	1641339	576098	Măng Bút	1641090	575625	Măng Bút	0,44	
2331	08	08	17	2_3							Suối Đăk Giang	Sê San	2,15	1640811	575620	Măng Bút	1640865	577148	Măng Bút	1,57	
2332	08	08	17	2_3	01						Suối Đăk Nờng	Suối Đăk Giang	0,53	1641300	576646	Măng Bút	1641528	577028	Măng Bút	0,48	
2333	08	08	17	2_4							Suối Đăk Ta Rung	Sê San	1,93	1640268	575164	Măng Bút	1640269	575165	Măng Đen	1,42	
2334	08	08	17	2_4	01						Suối Đăk Pring	Suối Đăk Ta Rung	0,9	1639856	574434	Măng Đen	1640268	575164	Măng Đen	0,47	
2335	08	08	17	2_5							Suối Đăk Lang	Sê San	2,36	1639809	575507	Măng Bút	1639630	576711	Măng Bút	1,19	
2336	08	08	17	2_5	01						Không tên	Suối Đăk Lang	0,72	1639871	576300	Măng Bút	1639987	575642	Măng Bút	0,44	
2337	08	08	17	2_6							Suối Đăk Nghô	Sê San	1,03	1639406	575662	Măng Bút	1639492	576624	Măng Bút	0,84	
2338	08	08	17	2_7							Suối Đăk Xia	Sê San	1,38	1638521	574569	Măng Đen	1639150	575152	Măng Đen	0,65	
2339	08	08	17	2_8							Sông Đăk Nghé	Sê San	6,16	1638049	574666	Măng Bút	1637006	574089	Măng Đen	10,52	
2340	08	08	17	2_8	01						Suối Đăk Chín	Sông Đăk Nghé	0,89	1637431	571138	Măng Bút	1636869	571720	Măng Đen	1,67	
2341	08	08	17	2_8	01	01					Suối Đăk po	Suối Đăk Chín	1,33	1638076	571537	Măng Bút	1636936	571666	Măng Bút	1,32	
2342	08	08	17	2_8	02						Suối Đăk Chu	Sông Đăk Nghé	1,15	1637010	572778	Măng Bút	1638028	572636	Măng Đen	0,74	
2343	08	08	17	2_8	03						Suối Đăk Bắng	Sông Đăk Nghé	1,48	1636378	572316	Măng Đen	1636686	573418	Măng Đen	0,96	
2344	08	08	17	2_8	04						Suối Đăk Klahh	Sông Đăk Nghé	1,25	1637006	574089	Măng Đen	1637756	573216	Măng Đen	0,77	
2345	08	08	17	2_8	05						Suối Đăk Nghé	Sông Đăk Nghé	1,52	1638027	574395	Măng Đen	1638394	573313	Măng Đen	0,84	
2346	08	08	17	2_8	06						Suối Đăk Oi	Sông Đăk Nghé	1,2	1638973	574142	Măng Đen	1638049	574666	Măng Đen	0,67	
2347	08	08	17	2_8	07						Không tên	Sông Đăk Nghé	0,65	1637388	574735	Măng Đen	1638006	574730	Măng Đen	0,45	
2348	08	08	17	2_9							Suối Đăk Men	Sê San	1,51	1637891	575610	Măng Đen	1637749	576804	Măng Đen	1,89	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2349	08	08	17	2_9	01						Suối Đăk Tu	Suối Đăk Đăk	0,72	1637631	576202	Măng Đen	1638117	576688	Măng Đen	0,64	
2350	08	08	17	2_9	02						Suối Đăk Sỏi	Suối Đăk Men	1,9	1637878	575769	Măng Đen	1638537	576882	Măng Đen	0,77	
2351	08	08	17	2_10							Không tên	Sê San	0,56	1637270	575819	Măng Đen	1637373	576279	Măng Đen	0,37	
2352	08	08	17	2_11							Đăk Tăng	Sê San	4,86	1635999	572151	Măng Đen	1636897	575806	Măng Đen	6,5	
2353	08	08	17	2_11	01						Suối Đăk Măng Đăm	Đăk Tăng	0,91	1635564	572391	Măng Đen	1635654	573264	Măng Đen	0,68	
2354	08	08	17	2_11	02						Suối Đăk Tăng	Đăk Tăng	0,87	1635020	572931	Măng Đen	1635602	573343	Măng Đen	0,52	
2355	08	08	17	2_11	03						Suối Đăk Măng Giắc	Đăk Tăng	0,92	1635877	574502	Măng Đen	1635069	574564	Măng Đen	0,45	
2356	08	08	17	2_11	04						Không tên	Đăk Tăng	0,59	1636438	575430	Măng Đen	1635987	575406	Măng Đen	0,59	
2357	08	08	17	2_11	05						Suối Đăk Cho	Đăk Tăng	1,03	1637218	574673	Măng Đen	1636802	575521	Măng Đen	0,67	
2358	08	08	17	2_12							Đăk Pông	Sê San	7,35	1640599	577561	Măng Bút	1640315	577565	Măng Đen	11,76	
2359	08	08	17	2_12	01						Suối Đăk Oi	Đăk Pông	1,73	1641666	578219	Măng Bút	1640600	577562	Măng Bút	1,34	
2360	08	08	17	2_12	02						Không tên	Đăk Pông	0,94	1639133	577436	Măng Bút	1639629	577184	Măng Bút	0,63	
2361	08	08	17	2_12	02	01					Không tên	Đăk Pông	0,69	1639337	576894	Măng Bút	1639132	577436	Măng Bút	0,33	
2362	08	08	17	2_12	03						Suối Đăk Ne	Đăk Pông	1,51	1640017	578257	Măng Bút	1638982	577889	Măng Bút	1,13	
2363	08	08	17	2_12	04						Không tên	Đăk Pông	0,52	1638297	577132	Măng Bút	1638304	577621	Măng Bút	0,56	
2364	08	08	17	2_12	05						Suối Đăk Lang	Đăk Pông	2,61	1637193	578990	Măng Bút	1638266	577659	Măng Bút	2,34	
2365	08	08	17	2_12	05	02					Không tên	Suối Đăk Lang	0,7	1637785	578505	Măng Bút	1637266	578608	Măng Bút	0,46	
2366	08	08	17	2_12	05	03					Suối Đăk Ly	Suối Đăk Lang	0,66	1637807	578088	Măng Bút	1637234	578233	Măng Bút	0,34	
2367	08	08	17	2_12	05	04					Suối Đăk Một	Suối Đăk Lang	1,15	1638234	578092	Măng Bút	1638781	578787	Măng Bút	0,94	
2368	08	08	17	2_12	06						Suối Đăk Na	Đăk Pông	3,19	1636967	579427	Măng Bút	1636967	579427	Măng Đen	1,39	
2369	08	08	17	2_12	06	01					Suối Đăk Nu	Suối Đăk Na	1,29	1636780	580584	Măng Bút	1636966	579425	Măng Bút	0,8	
2370	08	08	17	2_12	07						Đăk Pông	Đăk Pông	1,97	1636480	577916	Măng Đen	1636409	576823	Măng Đen	1,33	
2371	08	08	17	2_13							Không tên	Sê San	0,72	1635538	575930	Măng Đen	1635424	575396	Măng Đen	0,28	
2372	08	08	17	2_14							Suối Đăk Pgia	Sê San	1,65	1635069	574919	Măng Đen	1635196	576134	Măng Đen	0,89	
2373	08	08	17	2_15							Suối Đăk Tu	Sê San	1,18	1635387	576444	Măng Đen	1635460	577183	Măng Đen	1,23	
2374	08	08	17	2_16							Suối Đăk Gôn	Sê San	1	1635163	577328	Măng Đen	1634925	576421	Măng Đen	0,76	
2375	08	08	17	2_17							Suối Đăk Siông	Sê San	2,74	1634521	574046	Măng Đen	1633882	576291	Măng Đen	2,03	
2376	08	08	17	02							Phụ lưu số 2	Sông Đăk Bla	13,38	1638495	584810	Măng Bút	1632111	577128	Măng Đen	35,14	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2377	08	08	17	02	01						Không tên	Phụ lưu số 2	0,84	1637784	583887	Măng Bút	1638538	583929	Măng Bút	0,86	
2378	08	08	17	02	02						Đăk Vi	Phụ lưu số 2	1,95	1637207	583108	Măng Bút	1637033	584799	Măng Bút	1,33	
2379	08	08	17	02	03						Suối Đăk Lang	Phụ lưu số 2	1,34	1637899	582274	Măng Bút	1637145	582982	Măng Bút	0,75	
2380	08	08	17	02	04						Đăk Vi	Phụ lưu số 2	1,3	1636276	583637	Măng Bút	1637011	582802	Măng Bút	0,67	
2381	08	08	17	02	05						Suối Đăk Ply	Phụ lưu số 2	1,08	1636398	582041	Măng Bút	1637353	581869	Măng Bút	1,19	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2382	08	08	17	02	06						Đăk Vi	Phụ lưu số 2	3,28	1635598	581414	Măng Đen	1634929	583969	Măng Đen	2,46	
2383	08	08	17	02	06	01					Suối Đăk Liôm	Phụ lưu số 2	0,93	1635113	583408	Măng Bút	1634747	582640	Măng Bút	0,73	
2384	08	08	17	02	06	02					Không tên	Đăk Vi	0,74	1635454	583033	Măng Bút	1635024	582454	Măng Bút	0,46	
2385	08	08	17	02	07						Suối Đăk Ri	Phụ lưu số 2	0,71	1634816	581633	Măng Đen	1635354	581191	Măng Đen	0,77	
2386	08	08	17	02	08						Suối Đăk Lanh	Phụ lưu số 2	2,71	1636075	578630	Măng Đen	1635212	580335	Măng Đen	2,47	
2387	08	08	17	02	08	01					Suối Đăk Năng	Suối Đăk Lanh	0,74	1636790	579835	Măng Bút	1636277	579385	Măng Đen	0,85	
2388	08	08	17	02	08	02					Suối Đăk Xây	Suối Đăk Lanh	0,88	1636641	579827	Măng Bút	1636045	579685	Măng Đen	0,41	
2389	08	08	17	02	08	03					Suối Đăk Keng	Suối Đăk Lanh	1,39	1635292	580285	Măng Bút	1636447	580694	Măng Đen	1,13	
2390	08	08	17	02	09						Suối Đăk Kìa	Phụ lưu số 2	1,19	1635701	578963	Măng Đen	1634960	579656	Măng Đen	0,62	
2391	08	08	17	02	10						Không tên	Phụ lưu số 2	0,67	1634981	578939	Măng Đen	1634384	579057	Măng Đen	0,59	
2392	08	08	17	02	11						Không tên	Phụ lưu số 2	2,11	1635636	577745	Măng Đen	1633893	577583	Măng Đen	1,35	
2393	08	08	17	02	11	01					Suối Đăk Di Xây	Phụ lưu số 2	2,78	1635985	578051	Măng Đen	1634172	577359	Măng Đen	0,97	
2394	08	08	17	3_1							Sông Đăk Tăng	Sê San	1,12	1631990	576049	Măng Đen	1631661	576924	Măng Đen	0,74	
2395	08	08	17	3_1	01						Suối Đăk Chi Noan	Sông Đăk Tăng	0,81	1631649	576139	Măng Đen	1631688	576794	Măng Đen	0,38	
2396	08	08	17	03							Sông Đăk Kôi	Sê San	15,33	1637712	569409	Măng Bút	1630906	576611	Đăk Kôi	54,07	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2397	08	08	17	03	01						Đăk Kôi	Sông Đăk Kôi	1,75	1636263	568814	Măng Đen	1635336	567629	Măng Đen	2,03	
2398	08	08	17	03	02						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,87	1635319	568869	Măng Đen	1636004	569232	Măng Đen	1,13	
2399	08	08	17	03	03						Suối Đăk Ching 1	Sông Đăk Kôi	1,19	1636546	570322	Măng Đen	1635614	569757	Măng Đen	1,06	
2400	08	08	17	03	04						Suối Đăk Chum	Sông Đăk Kôi	1,03	1634735	570828	Măng Đen	1634753	569874	Măng Đen	1,33	
2401	08	08	17	03	05						Suối Đăk Kụi	Sông Đăk Kôi	2,8	1636480	570791	Măng Đen	1634597	571170	Măng Đen	2,67	
2402	08	08	17	03	05	01					Không tên	Sông Đăk Kôi	0,73	1635290	571367	Măng Đen	1634719	571197	Măng Đen	0,56	
2403	08	08	17	03	06						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,79	1634379	572931	Măng Đen	1634514	573625	Măng Đen	0,49	
2404	08	08	17	03	07						Suối Đăk Cong	Sông Đăk Kôi	0,52	1634113	573509	Măng Đen	1634278	573050	Măng Đen	0,33	
2405	08	08	17	03	08						Không tên	Sông Đăk Kôi	5,57	1633391	568672	Măng Đen	1633885	572848	Măng Đen	5,89	
2406	08	08	17	03	08	01					Suối Đăk Chi Ang	Sông Đăk Kôi	1,31	1633481	569622	Măng Đen	1633374	570818	Măng Đen	2,27	
2407	08	08	17	03	09						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,59	1633315	572564	Măng Đen	1633119	573084	Măng Đen	0,75	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2408	08	08	17	03	10						Suối Đăk Kờ	Sông Đăk Kôi	2,54	1632287	571244	Măng Đen	1632875	573172	Măng Đen	2,08	
2409	08	08	17	03	10	01					Không tên	Suối Đăk Kờ	0,65	1632801	571703	Măng Đen	1633179	571427	Măng Đen	0,73	
2410	08	08	17	03	10	02					Suối Đăk Vi Xây	Suối Đăk Kờ	0,82	1633351	571889	Măng Đen	1632956	572454	Măng Đen	0,94	
2411	08	08	17	03	11						Đăk Nghe	Sông Đăk Kôi	4,44	1631860	572150	Măng Đen	1631456	575282	Đăk Kôi	22,56	
2412	08	08	17	03	11	01					Không tên	Đăk Nghe	1,9	1630930	571471	Măng Đen	1631333	572460	Đăk Kôi	16,46	
2413	08	08	17	03	11	02					Không tên	Đăk Nghe	1,28	1630655	573472	Đăk Kôi	1631404	574002	Đăk Kôi	1,4	
2414	08	08	17	03	11	01	01				Đăk Nghe	Đăk Nghe	5,78	1631142	571097	Đăk Kôi	1631142	571097	Đăk Kôi	14,16	
2415	08	08	17	03	11	01	01	01			Suối Đăk Giắc	Đăk Nghe	1,03	1631548	570233	Măng Đen	1632134	569554	Măng Đen	0,56	
2416	08	08	17	03	11	01	01	02			Không tên	Đăk Nghe	0,67	1631348	570526	Măng Đen	1631971	570710	Đăk Kôi	0,43	
2417	08	08	17	03	11	01	01	03			Không tên	Đăk Nghe	0,91	1631077	571213	Măng Đen	1631752	571356	Đăk Kôi	0,07	
2418	08	08	17	03	11	01	01	04			Không tên	Đăk Nghe	2,53	1629538	571956	Đăk Kôi	1627906	573566	Đăk Kôi	3,34	
2419	08	08	17	03	11	01	01	04	01		Không tên	Đăk Nghe	0,52	1628046	572259	Đăk Kôi	1628510	572431	Đăk Kôi	0,47	
2420	08	08	17	03	11	01	01	04	02		Không tên	Đăk Nghe	0,99	1628723	573343	Đăk Kôi	1628622	572380	Đăk Kôi	0,85	
2421	08	08	17	03	11	01	02				Không tên	Đăk Nghe	2,23	1630885	572218	Đăk Kôi	1629102	573239	Đăk Kôi	1,96	
2422	08	08	17	03	12						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,92	1631282	575325	Đăk Kôi	1630642	574713	Đăk Kôi	0,56	
2423	08	08	17	03	13						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,83	1630450	575427	Đăk Kôi	1631157	575612	Đăk Kôi	0,56	
2424	08	08	17	03	14						Không tên	Sông Đăk Kôi	0,72	1630746	576321	Đăk Kôi	1630412	575820	Đăk Kôi	0,43	
2425	08	08	17	4_1							Suối Đăk Chi Búc	Sê San	7,75	1630200	577177	Măng Đen	1632192	582229	Măng Đen	8,92	
2426	08	08	17	4_1	01						Không tên	Suối Đăk Chi Búc	0,57	1631865	580311	Măng Đen	1632396	580249	Măng Đen	0,67	
2427	08	08	17	4_1	02						Suối Đăk Rẻ	Suối Đăk Chi Búc	1,34	1631598	579933	Măng Đen	1632487	579084	Măng Đen	2,03	
2428	08	08	17	4_1	03						Suối Đăk Chum	Suối Đăk Chi Búc	0,95	1631621	578877	Măng Đen	1632351	578713	Măng Đen	0,82	
2429	08	08	17	4_1	04						Suối Đăk Chi Tu	Suối Đăk Chi Búc	0,86	1631518	577917	Măng Đen	1631611	578653	Măng Đen	0,53	
2430	08	08	17	4_1	05						Suối Đăk Ka	Suối Đăk Chi Búc	1,05	1630988	578759	Măng Đen	1631290	577826	Măng Đen	0,89	
2431	08	08	17	4_2							Suối Đăk Chi Cung	Sê San	0,9	1630028	577457	Măng Đen	1630467	578090	Măng Đen	0,92	
2432	08	08	17	4_3							Không tên	Sê San	4,71	1629613	573675	Đăk Kôi	1629712	577523	Đăk Kôi	5,47	
2433	08	08	17	4_3	01						Không tên	Sê San	0,85	1629384	573685	Đăk Kôi	1629603	574355	Đăk Kôi	0,59	
2434	08	08	17	4_3	02						Không tên	Sê San	0,78	1629021	574512	Đăk Kôi	1629674	574485	Đăk Kôi	0,34	
2435	08	08	17	4_3	03						Không tên	Sê San	2,11	1629932	575343	Đăk Kôi	1628527	574386	Đăk Kôi	1,08	
2436	08	08	17	4_3	04						Không tên	Sê San	1,2	1629371	576969	Đăk Kôi	1629217	575843	Đăk Kôi	0,48	
2437	08	08	17	4_4_1							Không tên	Sông Sê San	1,98	1629451	578202	Măng Đen	1630839	578908	Măng Đen	1,67	
2438	08	08	17	4_4							Suối Đăk Nghộ	Sê San	8,78	1628767	578329	Măng Đen	1631298	582677	Măng Đen	20,63	
2439	08	08	17	4_4	01						Không tên	Sê San	1,73	1632249	583566	Măng Đen	1630758	582981	Măng Đen	2,06	
2440	08	08	17	4_4	01	01					Không tên	Sê San	0,65	1631708	584062	Măng Đen	1631465	583477	Măng Đen	1,39	
2441	08	08	17	4_4	01	01	01				Không tên	Sê San	0,62	1630912	584171	Măng Đen	1631309	583779	Măng Đen	0,98	
2442	08	08	17	4_4	02						Không tên	Sê San	0,53	1630818	583393	Măng Đen	1630352	583176	Măng Đen	0,49	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2443	08	08	17	4_4	03						Không tên	Sê San	0,58	1630227	583744	Măng Đen	1630056	583193	Măng Đen	0,61	
2444	08	08	17	4_4	04						Suối Đăk Chौर	Sê San	0,79	1629000	583318	Măng Đen	1629695	583051	Măng Đen	1,5	
2445	08	08	17	4_4	05						Suối Đăk Chờ	Sê San	1,17	1628607	582622	Măng Đen	1629474	582040	Măng Đen	1,73	
2446	08	08	17	4_4	06						Suối Đăk Mu can	Sê San	0,67	1629976	582460	Măng Đen	1629522	582014	Măng Đen	0,92	
2447	08	08	17	4_4	07						Suối Đăk Rì	Sê San	0,74	1630361	582037	Măng Đen	1629668	581896	Măng Đen	0,62	
2448	08	08	17	4_4	08						Suối Đăk Pốt	Sê San	1,3	1630698	581776	Măng Đen	1629878	580898	Măng Đen	1,39	
2449	08	08	17	4_4	09						Suối Đăk Nêu	Sê San	1,85	1628205	581585	Măng Đen	1629576	580756	Măng Đen	2,13	
2450	08	08	17	4_4	09	01					Suối Đăk Liôm	Suối Đăk Nêu	1,41	1628164	581078	Măng Đen	1629455	580861	Măng Đen	0,75	
2451	08	08	17	4_4	10						Suối Đăk Priu	Sê San	0,73	1628654	580519	Măng Đen	1629174	580085	Măng Đen	0,37	
2452	08	08	17	4_4	11						Suối Đăk Chăng	Sê San	0,78	1629364	579507	Măng Đen	1629759	579407	Măng Đen	2,19	
2453	08	08	17	4_4	11	01					Suối Đăk Ka	Suối Đăk Chăng	1,6	1629851	579376	Măng Đen	1631278	579417	Măng Đen	2,9	
2454	08	08	17	4_4	11	01	01				Suối Đăk Ngôm	Suối Đăk Ka	2,54	1630688	579464	Măng Đen	1631732	581586	Măng Đen	1,4	
2455	08	08	17	4_4	11	02					Không tên	Suối Đăk Chăng	1,52	1629723	579542	Măng Đen	1630550	580504	Măng Đen	1,73	
2456	08	08	17	4_4	11	02	01				Không tên	Suối Đăk Chăng	1,07	1630112	580548	Măng Đen	1629746	579597	Măng Đen	0,84	
2457	08	08	17	4_4	12						Suối Đăk Gôn	Sê San	0,84	1628892	580107	Măng Đen	1628774	579416	Măng Đen	0,49	
2458	08	08	17	4_4	13						Suối Đăk Nan	Sê San	1,09	1628386	580215	Măng Đen	1628774	579416	Măng Đen	0,68	
2459	08	08	17	4_5							Không tên	Sê San	3,79	1628331	575048	Đăk Kôi	1628563	578203	Đăk Kôi	9,1	
2460	08	08	17	4_5	01						Không tên	Sê San	1,01	1628079	575491	Đăk Kôi	1628590	576238	Đăk Kôi	0,51	
2461	08	08	17	4_5	02						Không tên	Sê San	1,38	1628783	576540	Đăk Kôi	1628702	575251	Đăk Kôi	0,45	
2462	08	08	17	4_5	03						Không tên	Sê San	3,64	1626660	574450	Đăk Kôi	1628620	577023	Đăk Kôi	3,96	
2463	08	08	17	4_5	03	01					Không tên	Sê San	1,21	1626899	575618	Đăk Kôi	1627775	575003	Đăk Kôi	1,4	
2464	08	08	17	4_5	04						Không tên	Sê San	2,3	1627006	576501	Đăk Kôi	1628676	577344	Đăk Kôi	1,51	
2465	08	08	17	4_6							Suối Đăk Hai	Sê San	2,57	1626382	579986	Măng Đen	1628028	578824	Măng Đen	3,34	
2466	08	08	17	4_6	01						Suối Đăk Móa	Suối Đăk Hai	1,44	1627073	579947	Măng Đen	1627003	581292	Măng Đen	1,67	
2467	08	08	17	4_6	02						Không tên	Suối Đăk Hai	0,73	1627946	580338	Măng Đen	1627967	579657	Măng Đen	0,67	
2468	08	08	17	4_7							Không tên	Sê San	1,52	1627995	578791	Đăk Kôi	1627451	577602	Đăk Kôi	0,89	
2469	08	08	17	4_8							Không tên	Sê San	0,98	1626917	578033	Đăk Kôi	1626734	578956	Đăk Kôi	0,57	
2470	08	08	17	4_9							Không tên	Sê San	3,27	1626230	578929	Măng Đen	1626611	581063	Măng Đen	3,8	
2471	08	08	17	4_9	01						Không tên	Sê San	0,75	1625705	580598	Măng Đen	1626050	581249	Măng Đen	0,67	
2472	08	08	17	4_9	02						Suối Đăk Pieng	Sê San	1,24	1626290	580521	Măng Đen	1625717	579650	Măng Đen	1,23	
2473	08	08	17	4_9	03						Không tên	Sê San	0,63	1625336	579329	Măng Đen	1625800	579358	Măng Đen	0,53	
2474	08	08	17	4_10							Không tên	Sê San	6,02	1624020	573938	Đăk Kôi	1625618	578364	Đăk Kôi	14,68	
2475	08	08	17	4_10	01						Không tên	Sê San	1,75	1625784	573903	Đăk Kôi	1625554	575536	Đăk Kôi	0,97	
2476	08	08	17	4_10	01	01					Không tên	Sê San	0,56	1625664	575210	Đăk Kôi	1625962	574744	Đăk Kôi	0,21	
2477	08	08	17	4_10	01	02					Không tên	Sê San	0,74	1625570	575470	Đăk Kôi	1626256	575347	Đăk Kôi	0,37	
2478	08	08	17	4_10	02						Không tên	Sê San	1,52	1625496	576014	Đăk Kôi	1624662	574811	Đăk Kôi	0,67	
2479	08	08	17	4_10	03						Không tên	Sê San	3,36	1623471	574746	Đăk Kôi	1625539	576255	Đăk Kôi	1,96	
2480	08	08	17	4_10	03	01					Không tên	Sê San	0,67	1624595	576063	Đăk Kôi	1624073	575712	Đăk Kôi	0,38	
2481	08	08	17	4_10	04						Không tên	Sê San	0,78	1625689	576559	Đăk Kôi	1625917	575922	Đăk Kôi	0,49	
2482	08	08	17	4_10	05						Không tên	Sê San	4,34	1625781	576699	Đăk Kôi	1622408	575382	Đăk Kôi	1,37	
2483	08	08	17	4_10	05	01					Không tên	Sê San	0,65	1622275	576126	Đăk Kôi	1622873	575950	Đăk Kôi	0,38	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2484	08	08	17	4_10	05	02					Không tên	Sê San	0,59	1623096	576559	Đăk Kôi	1623505	576187	Đăk Kôi	0,45	
2485	08	08	17	4_10	05	03					Không tên	Sê San	1,39	1623495	575235	Đăk Kôi	1623976	576489	Đăk Kôi	1,08	
2486	08	08	17	4_10	05	03	01				Không tên	Sê San	0,92	1623286	575275	Đăk Kôi	1623860	575893	Đăk Kôi	0,84	
2487	08	08	17	4_10	06						Không tên	Sê San	1,61	1624651	577021	Đăk Kôi	1626008	577389	Đăk Kôi	1,28	
2488	08	08	17	4_10	06	01					Không tên	Sê San	0,57	1624843	577469	Đăk Kôi	1625390	577378	Đăk Kôi	0,34	
2489	08	08	17	4_11							Không tên	Sê San	0,79	1624838	578432	Đăk Kôi	1624888	577703	Măng Đen	0,32	
2490	08	08	17	4_12							Không tên	Sê San	2,2	1624322	578441	Măng Đen	1625528	579845	Măng Đen	1,46	
2491	08	08	17	4_13							Không tên	Sê San	1,73	1624114	578431	Đăk Kôi	1624285	577265	Đăk Kôi	0,98	
2492	08	08	17	4_14							Không tên	Sê San	1,25	1623134	577810	Đăk Kôi	1623688	578602	Đăk Kôi	1,05	
2493	08	08	17	4_15							Không tên	Sê San	3,57	1623512	578659	Măng Đen	1622622	581281	Đăk Kôi	2,79	
2494	08	08	17	4_15	01						Không tên	Sê San	1,08	1624124	580083	Măng Đen	1624941	580291	Măng Đen	0,77	
2495	08	08	17	4_16							Không tên	Sê San	3,18	1621076	576542	Đăk Kôi	1623087	578705	Đăk Kôi	2,76	
2496	08	08	17	4_17							Không tên	Sê San	2,15	1622451	579041	Măng Đen	1622706	580579	Măng Đen	1,97	
2497	08	08	17	4_17	01						Không tên	Sê San	1,11	1622671	579471	Măng Đen	1622398	580493	Măng Đen	0,86	
2498	08	08	17	4_18							Không tên	Sê San	0,82	1621460	580221	Măng Đen	1621077	579521	Măng Đen	0,53	
2499	08	08	17	4_19							Không tên	Sê San	0,95	1620572	579574	Đăk Kôi	1620720	578672	Đăk Kôi	0,48	
2500	08	08	17	4_20							Không tên	Sê San	1,07	1620250	579687	Đăk Kôi	1620372	578679	Đăk Kôi	0,46	
2501	08	08	17	4_21							Không tên	Sê San	1,1	1620856	580584	Măng Đen	1620175	579788	Măng Đen	0,67	
2502	08	08	17	4_22							khe cạn	Sê San	0,65	1619759	579658	Đăk Kôi	1620153	579188	Đăk Kôi	0,59	
2503	08	08	17	4_23							Không tên	Sê San	1,93	1619570	579546	Đăk Kôi	1620133	577790	Đăk Kôi	1,29	
2504	08	08	17	4_24							Không tên	Sê San	3,73	1620526	576568	Đăk Kôi	1619099	579552	Đăk Kôi	3,71	
2505	08	08	17	4_24	01						khe cạn	Sê San	0,62	1619518	576435	Đăk Kôi	1620031	576677	Đăk Kôi	0,42	
2506	08	08	17	4_24	02						Không tên	Sê San	0,63	1619340	576819	Đăk Kôi	1619864	577142	Đăk Kôi	0,77	
2507	08	08	17	4_24	03						Không tên	Sê San	1,37	1619701	577861	Đăk Kôi	1618823	576851	Đăk Kôi	0,85	
2508	08	08	17	4_25							Không tên	Sê San	2,07	1618856	577915	Đăk Kôi	1618087	579478	Đăk Kôi	1,82	
2509	08	08	17	4_25	01						khe cạn	Sê San	0,58	1618424	578311	Đăk Kôi	1618722	578785	Đăk Kôi	0,41	
2510	08	08	17	4_25	02						Không tên	Sê San	0,94	1618111	579413	Đăk Kôi	1618356	578685	Đăk Kôi	0,57	
2511	08	08	17	4_26							Không tên	Sê San	5,6	1617347	579699	Măng Đen	1622017	581105	Măng Đen	6,55	
2512	08	08	17	4_26	01						Không tên	Sê San	1,17	1621482	581636	Măng Đen	1620636	581015	Măng Đen	0,61	
2513	08	08	17	4_26	02						Không tên	Sê San	2,56	1618992	580567	Măng Đen	1620872	581841	Măng Đen	1,58	
2514	08	08	17	4_26	03						Không tên	Sê San	0,85	1618928	580589	Măng Đen	1618766	581341	Măng Đen	0,47	
2515	08	08	17	4_27							Không tên	Sê San	3,61	1617795	576119	Đăk Kôi	1617220	579462	Đăk Kôi	4,13	
2516	08	08	17	4_27	01						Không tên	Sê San	0,58	1617077	577134	Đăk Kôi	1617519	577509	Đăk Kôi	0,37	
2517	08	08	17	4_27	02						khe cạn	Sê San	0,61	1617528	578215	Đăk Kôi	1618065	577957	Đăk Kôi	0,45	
2518	08	08	17	4_28							Không tên	Sê San	1,13	1616772	579243	Đăk Kôi	1616942	578204	Đăk Kôi	1,22	
2519	08	08	17	4_29							Không tên	Sê San	0,92	1616500	579316	Đăk Kôi	1616540	578606	Đăk Kôi	0,46	
2520	08	08	17	4_30							Không tên	Sê San	1,03	1616972	580260	Măng Đen	1616539	579368	Măng Đen	0,51	
2521	08	08	17	4_31							Không tên	Sê San	0,8	1616196	580232	Măng Đen	1615815	579595	Măng Đen	0,76	
2522	08	08	17	4_32							Không tên	Sê San	1,8	1615093	578860	Măng Đen	1615671	580279	Măng Đen	1,07	
2523	08	08	17	4_33							khe cạn	Sê San	0,6	1614894	578093	Đăk Kôi	1615455	578026	Đăk Kôi	0,8	
2524	08	08	17	4_34							Không tên	Sê San	4,34	1617533	575348	Đăk Kôi	1614445	577988	Đăk Kôi	4,49	
2525	08	08	17	4_34	01						khe cạn	Sê San	0,63	1616032	576081	Đăk Kôi	1616237	575498	Đăk Kôi	0,44	
2526	08	08	17	4_34	02						khe cạn	Sê San	0,67	1615291	575961	Đăk Kôi	1615615	576489	Đăk Kôi	0,52	
2527	08	08	17	4_34	03						khe cạn	Sê San	0,6	1615288	576785	Đăk Kôi	1615091	576231	Đăk Kôi	0,66	
2528	08	08	17	4_34	04						Không tên	Sê San	0,76	1614550	576446	Đăk Kôi	1615027	576963	Đăk Kôi	0,82	
2529	08	08	17	4_34	05						Không tên	Sê San	0,76	1614799	577154	Đăk Kôi	1615520	577293	Đăk Kôi	0,64	
2530	08	08	17	4_35_1							Không tên	Sông Sê San	2,11	1614312	578129	Măng Đen	1614784	580145	Măng Đen	1,54	Bổ sung
2531	08	08	17	4_35_1	01						Không tên	Sông Sê San	0,68	1614278	580062	Măng Đen	1614555	579460	Măng Đen	0,38	Bổ sung
2532	08	08	17	4_35							Không tên	Sê San	0,98	1614293	577100	Đăk Kôi	1613867	577834	Đăk Kôi	1,36	Bổ sung

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2533	08	08	17	4_35	01						khe cạn	Sê San	0,62	1613605	577295	Đăk Kôi	1614142	577525	Đăk Kôi	0,48	Bổ sung
2534	08	08	17	4_36							Không tên	Sê San	1,4	1613456	577995	Măng Đen	1614133	578991	Măng Đen	0,86	
2535	08	08	17	4_37							Không tên	Sê San	2,08	1614277	576278	Đăk Kôi	1612736	577353	Đăk Kôi	1,84	
2536	08	08	17	4_38							Không tên	Sê San	0,81	1611530	576404	Đăk Kôi	1612283	576320	Đăk Kôi	1,58	
2537	08	08	17	4_39							Không tên	Sê San	0,91	1610315	575823	Đăk Kôi	1611137	575503	Đăk Kôi	0,64	
2538	08	08	17	4_40							Không tên	Sê San	5,09	1614557	575479	Đăk Kôi	1610191	575768	Đăk Kôi	5,57	
2539	08	08	17	4_40	01						Không tên	Sê San	2,42	1614238	574813	Đăk Kôi	1612331	575211	Đăk Kôi	1,35	
2540	08	08	17	4_41							Không tên	Sê San	1,13	1608681	576232	Đăk Rve	1609540	576867	Đăk Rve	1,34	
2541	08	08	17	4_42							Không tên	Sê San	0,8	1608553	576371	Đăk Rve	1609121	576897	Đăk Kôi	0,48	
2542	08	08	17	4_43							Không tên	Sê San	1,04	1607716	575850	Đăk Kôi	1608451	576545	Đăk Kôi	1,22	
2543	08	08	17	4_44							Không tên	Sê San	0,75	1607919	576156	Đăk Kôi	1608214	576794	Đăk Kôi	0,67	
2544	08	08	17	4_45							Không tên	Sê San	0,7	1607841	576744	Đăk Kôi	1607688	576112	Đăk Kôi	0,46	
2545	08	08	17	4_46							Không tên	Sê San	0,46	1607610	576994	Đăk Rve	1607833	577364	Đăk Rve	0,31	
2546	08	08	17	4_47							Không tên	Sê San	1,09	1607283	576885	Đăk Kôi	1607591	575975	Đăk Kôi	0,43	
2547	08	08	17	4_48							Không tên	Sê San	0,61	1606802	576426	Đăk Kôi	1607038	576956	Đăk Kôi	0,47	
2548	08	08	17	4_49							Không tên	Sê San	0,65	1606399	576951	Đăk Kôi	1606954	577047	Đăk Kôi	0,43	
2549	08	08	17	04							Suối Măng Ke	Sông Đăk Dơ Nen	32,7	1625727	581572	Măng Đen	1606903	577279	Đăk Rve	71,26	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; Tên khác: Đăk Ke
2550	08	08	17	04	01						Không tên	Suối Măng Ke	0,81	1624819	581521	Măng Đen	1624593	580772	Măng Đen	0,98	
2551	08	08	17	04	02						Không tên	Suối Măng Ke	0,82	1624476	580764	Măng Đen	1623738	580820	Măng Đen	0,67	
2552	08	08	17	04	03						Không tên	Suối Măng Ke	0,92	1623340	581471	Măng Đen	1624100	581038	Măng Đen	0,52	
2553	08	08	17	04	04						Không tên	Suối Măng Ke	0,65	1622677	581896	Măng Đen	1623122	582332	Măng Đen	0,88	
2554	08	08	17	04	05						Không tên	Suối Măng Ke	0,69	1622822	582742	Măng Đen	1623108	583341	Măng Đen	0,57	
2555	08	08	17	04	06						Không tên	Suối Măng Ke	0,62	1622826	583709	Măng Đen	1622973	584260	Măng Đen	0,42	
2556	08	08	17	04	07						Không tên	Suối Măng Ke	2	1621838	581828	Măng Đen	1622536	583557	Măng Đen	1,79	
2557	08	08	17	04	07	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,69	1622421	582054	Măng Đen	1622234	582697	Măng Đen	0,86	
2558	08	08	17	04	07	02					Không tên	Suối Măng Ke	0,55	1622524	582471	Măng Đen	1622388	582983	Măng Đen	0,67	
2559	08	08	17	04	08						Không tên	Suối Măng Ke	0,98	1622674	584709	Măng Đen	1622276	583854	Măng Đen	0,64	
2560	08	08	17	04	09						Không tên	Suối Măng Ke	0,77	1621743	582918	Măng Đen	1621820	583639	Măng Đen	0,89	
2561	08	08	17	04	10						Không tên	Suối Măng Ke	1,62	1621361	582042	Măng Đen	1621383	583565	Măng Đen	0,93	
2562	08	08	17	04	11						Không tên	Suối Măng Ke	2,32	1620501	584110	Măng Đen	1621773	584890	Măng Đen	1,78	
2563	08	08	17	04	12						Không tên	Suối Măng Ke	2,07	1620792	582276	Măng Đen	1620218	584093	Măng Đen	1,18	
2564	08	08	17	04	12	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,64	1620079	582820	Măng Đen	1620574	583206	Măng Đen	0,38	
2565	08	08	17	04	13						Không tên	Suối Măng Ke	0,64	1620562	584757	Măng Đen	1620037	584427	Măng Đen	0,86	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2566	08	08	17	04	14						Suối nước Pu Lắng	Suối Măng Ke	1,55	1620074	583169	Măng Đen	1619515	584464	Măng Đen	0,76	
2567	08	08	17	04	15						Đăk Ke	Suối Măng Ke	5,43	1619054	585168	Măng Đen	1621743	588239	Măng Đen	14,74	
2568	08	08	17	04	15	01					Không tên	Đăk Ke	0,83	1621840	587921	Măng Đen	1621438	587218	Măng Đen	0,86	
2569	08	08	17	04	15	02					Suối Đakne	Đăk Ke	2,15	1621417	586240	Măng Đen	1623232	586752	Măng Đen	2,16	
2570	08	08	17	04	15	02	01				Suối nước Lo	Suối Đakne	2,1	1622907	586099	Măng Đen	1621922	586332	Măng Đen	1,28	
2571	08	08	17	04	15	02	02				Suối nước Chổ	Suối Đakne	0,97	1621801	587231	Măng Đen	1621833	586435	Măng Đen	0,92	
2572	08	08	17	04	15	02	03				Suối nước Găm	Suối Đakne	0,94	1621522	586342	Măng Đen	1621805	585503	Măng Đen	1,17	
2573	08	08	17	04	15	03					Không tên	Đăk Ke	1,39	1620793	587220	Măng Đen	1620857	585895	Măng Đen	1,67	
2574	08	08	17	04	15	04					Không tên	Đăk Ke	2,47	1620190	585664	Măng Đen	1620077	587830	Măng Đen	1,27	
2575	08	08	17	04	15	04	01				Suối nước Kmen	Đăk Ke	0,92	1620444	587500	Măng Đen	1619894	586955	Măng Đen	1,36	
2576	08	08	17	04	15	04	02				Suối nước Kpu	Đăk Ke	1,25	1619032	587248	Măng Đen	1619809	586406	Măng Đen	1,25	
2577	08	08	17	04	15	04	03				Suối nước Ko'	Đăk Ke	0,77	1619401	586132	Măng Đen	1620004	585990	Măng Đen	1,38	
2578	08	08	17	04	15	05					Suối Đakne	Đăk Ke	2	1621411	585206	Măng Đen	1620164	585594	Măng Đen	2,76	
2579	08	08	17	04	16						Không tên	Suối Măng Ke	1,68	1618584	586629	Măng Đen	1618928	585162	Măng Đen	1,37	
2580	08	08	17	04	17						Không tên	Suối Măng Ke	4,05	1620442	582133	Măng Đen	1618080	584923	Măng Đen	4,52	
2581	08	08	17	04	17	01					Không tên	Suối Măng Ke	2,02	1619139	582679	Măng Đen	1618462	584311	Măng Đen	1,11	
2582	08	08	17	04	17	02					Không tên	Suối Măng Ke	1,56	1618062	583451	Măng Đen	1618174	584520	Măng Đen	1,2	
2583	08	08	17	04	18						Không tên	Suối Măng Ke	0,92	1617902	585050	Măng Đen	1617880	585918	Măng Đen	0,73	
2584	08	08	17	04	18	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,58	1618461	585597	Măng Đen	1617950	585330	Măng Đen	0,39	
2585	08	08	17	04	19						Không tên	Suối Măng Ke	1,18	1617165	586104	Măng Đen	1617293	585233	Măng Đen	0,79	
2586	08	08	17	04	20						Không tên	Suối Măng Ke	0,93	1617157	584291	Măng Đen	1616923	585036	Măng Đen	0,92	
2587	08	08	17	04	21						Không tên	Suối Măng Ke	2,26	1616505	583465	Măng Đen	1615918	584595	Măng Đen	1,53	
2588	08	08	17	04	22						Không tên	Suối Măng Ke	0,62	1614479	584647	Măng Đen	1614770	584252	Măng Đen	0,43	
2589	08	08	17	04	23						Không tên	Suối Măng Ke	0,93	1615395	583805	Măng Đen	1614572	584083	Măng Đen	0,56	
2590	08	08	17	04	24						Không tên	Suối Măng Ke	1,12	1614118	584527	Măng Đen	1613714	583572	Măng Đen	1,42	
2591	08	08	17	04	25						Không tên	Sê San	3,93	1616306	582993	Măng Đen	1613364	583210	Măng Đen	3,6	
2592	08	08	17	04	25	01					Không tên	Sê San	0,76	1615581	582506	Măng Đen	1614911	582548	Măng Đen	0,85	
2593	08	08	17	04	25	02					Không tên	Sê San	1,71	1615658	583465	Măng Đen	1614238	583221	Măng Đen	0,83	
2594	08	08	17	04	25	03					Không tên	Sê San	0,79	1614104	582324	Măng Đen	1613657	582968	Măng Đen	0,53	
2595	08	08	17	04	26						Không tên	Suối Măng Ke	1,05	1612667	582916	Măng Đen	1611770	583361	Măng Đen	2,77	
2596	08	08	17	04	26	01					Không tên	Suối Măng Ke	1,15	1612626	582990	Măng Đen	1613201	583842	Măng Đen	1,28	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2597	08	08	17	04	27						Không tên	Suối Măng Ke	1,88	1613980	581930	Măng Đen	1612347	581617	Măng Đen	0,95	
2598	08	08	17	04	27	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,68	1613642	582156	Măng Đen	1613187	581937	Măng Đen	0,36	
2599	08	08	17	04	28						Không tên	Sê San	1,89	1611943	580789	Măng Đen	1611762	582254	Măng Đen	0,98	
2600	08	08	17	04	29						Không tên	Suối Măng Ke	8,72	1618949	581737	Măng Đen	1612082	580618	Măng Đen	14,76	
2601	08	08	17	04	29	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,63	1618566	581622	Măng Đen	1617986	581799	Măng Đen	0,46	
2602	08	08	17	04	29	02					Không tên	Suối Măng Ke	0,82	1618249	581273	Măng Đen	1617648	581794	Măng Đen	0,68	
2603	08	08	17	04	29	03					Không tên	Suối Măng Ke	2,27	1618467	582417	Măng Đen	1616968	582038	Măng Đen	1,23	
2604	08	08	17	04	29	04					Không tên	Suối Măng Ke	3,17	1616971	582788	Măng Đen	1616971	582788	Măng Đen	1,83	
2605	08	08	17	04	29	04	01				Không tên	Suối Măng Ke	0,78	1617641	583057	Măng Đen	1616971	582788	Măng Đen	0,64	
2606	08	08	17	04	29	05					Không tên	Suối Măng Ke	3,81	1615132	581272	Măng Đen	1618218	580933	Măng Đen	2,78	
2607	08	08	17	04	29	06					Không tên	Suối Măng Ke	0,76	1614214	580806	Măng Đen	1613531	581067	Măng Đen	1,05	
2608	08	08	17	04	30						Không tên	Sê San	2,92	1611355	579114	Măng Đen	1613791	579779	Măng Đen	1,7	
2609	08	08	17	04	31						Không tên	Suối Măng Ke	0,5	1610730	578437	Măng Đen	1611183	578462	Măng Đen	0,33	
2610	08	08	17	04	32						Không tên	Suối Măng Ke	0,93	1610146	579225	Đăk Rve	1610442	578427	Đăk Rve	0,39	
2611	08	08	17	04	33						Không tên	Sê San	2,32	1612456	578095	Măng Đen	1610267	577973	Đăk Rve	2,8	
2612	08	08	17	04	33	01					Không tên	Sê San	1,59	1611539	578037	Măng Đen	1612714	579028	Măng Đen	1,03	
2613	08	08	17	04	33	02					Không tên	Sê San	1,02	1610711	577999	Măng Đen	1611429	577465	Măng Đen	0,43	
2614	08	08	17	04	34						Không tên	Suối Măng Ke	0,7	1610140	577758	Măng Đen	1610639	577292	Đăk Rve	0,33	
2615	08	08	17	04	35						Không tên	Suối Măng Ke	1,05	1609250	578563	Đăk Rve	1608903	577624	Đăk Rve	0,49	
2616	08	08	17	04	36						Không tên	Suối Măng Ke	1,12	1608939	578505	Đăk Rve	1608532	577612	Đăk Rve	0,82	
2617	08	08	17	04	37						Không tên	Suối Măng Ke	0,55	1607963	577722	Đăk Rve	1608116	578224	Đăk Rve	0,43	
2618	08	08	17	5_1							Không tên	Sê San	0,71	1606669	577900	Đăk Rve	1607300	577714	Đăk Rve	0,42	
2619	08	08	17	5_2							Không tên	Sê San	1,32	1606660	577923	Đăk Rve	1607841	578397	Đăk Rve	1,34	
2620	08	08	17	5_2	01						Không tên	Sê San	1,34	1606842	578085	Đăk Rve	1607708	578695	Đăk Rve	0,53	
2621	08	08	17	5_3							Không tên	Sê San	0,6	1606255	577807	Đăk Kôi	1606302	577248	Đăk Kôi	0,29	
2622	08	08	17	5_4							Không tên	Sê San	0,46	1606050	578185	Kon Braih	1606384	578467	Kon Braih	0,24	
2623	08	08	17	5_5							Không tên	Sê San	0,45	1605128	578300	Kon Braih	1605405	577980	Kon Braih	0,44	
2624	08	08	17	5_6							Không tên	Sê San	1,41	1606198	576963	Đăk Kôi	1605320	577691	Đăk Kôi	0,64	
2625	08	08	17	5_6	01						Nước Yseng	Sê San	0,76	1606090	577341	Đăk Kôi	1605409	577587	Đăk Kôi	0,43	
2626	08	08	17	5_6	01	01					Không tên	Nước Yseng	0,61	1605601	577592	Đăk Kôi	1605942	577115	Đăk Kôi	0,12	
2627	08	08	17	5_7							Không tên	Sê San	0,45	1604649	578324	Kon Braih	1604709	577884	Kon Braih	0,38	
2628	08	08	17	5_8							Không tên	Sê San	0,55	1604307	577019	Kon Braih	1604823	577081	Kon Braih	0,18	
2629	08	08	17	5_9							Không tên	Sê San	0,52	1604859	577078	Đăk Kôi	1605363	577153	Đăk Kôi	0,29	
2630	08	08	17	5_10							Không tên	Sê San	0,62	1604133	576808	Kon Braih	1604711	576714	Kon Braih	0,21	
2631	08	08	17	5_11							Không tên	Sê San	0,69	1604868	576605	Đăk Kôi	1605500	576861	Đăk Kôi	34	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2632	08	08	17	5_12							Không tên	Sê San	0,63	1604845	576419	Đăk Kôi	1605413	576624	Đăk Kôi	0,46	
2633	08	08	17	5_13							Nước ĐVê	Sê San	1,54	1606361	575975	Đăk Kôi	1604884	576105	Đăk Kôi	2,5	
2634	08	08	17	5_13	01						Không tên	Sê San	1,56	1605603	576047	Đăk Kôi	1606812	576270	Đăk Kôi	0,73	
2635	08	08	17	5_13	02						Không tên	Sê San	0,96	1605276	576111	Đăk Kôi	1606111	576527	Đăk Kôi	0,53	
2636	08	08	17	5_13	03						Không tên	Sê San	1,15	1605053	576120	Đăk Kôi	1605924	576800	Đăk Kôi	0,69	
2637	08	08	17	5_14							Không tên	Sê San	0,81	1603960	576504	Kon Braih	1604632	576111	Kon Braih	0,53	
2638	08	08	17	5_15							Không tên	Sê San	1,27	1604858	575684	Đăk Kôi	1606046	575698	Đăk Kôi	0,48	
2639	08	08	17	5_16							Không tên	Sê San	3,29	1604652	575350	Đăk Kôi	1607428	575893	Đăk Kôi	2,7	
2640	08	08	17	5_16	01						Không tên	Sê San	1,11	1606554	575397	Đăk Kôi	1607160	576079	Đăk Kôi	0,73	
2641	08	08	17	5_16	02						Không tên	Sê San	1,25	1607331	575232	Đăk Kôi	1606354	575240	Đăk Kôi	0,89	
2642	08	08	17	5_16	02	01					Không tên	Sê San	0,89	1606767	575124	Đăk Kôi	1607412	575694	Đăk Kôi	0,55	
2643	08	08	17	5_16	03						Không tên	Sê San	0,66	1606252	575285	Đăk Kôi	1606457	575890	Đăk Kôi	0,68	
2644	08	08	17	5_17							Nước Khô	Sê San	0,86	1604456	575297	Đăk Kôi	1604811	574529	Đăk Kôi	0,32	
2645	08	08	17	5_18							Đăk Ni	Sê San	1,27	1603746	576384	Kon Braih	1604289	575314	Kon Braih	0,77	
2646	08	08	17	5_19							Không tên	Sê San	0,65	1603769	575721	Kon Braih	1603793	575095	Kon Braih	0,68	
2647	08	08	17	5_20							Nước Ngom	Sê San	1,12	1603751	574876	Đăk Kôi	1604614	574397	Đăk Kôi	0,47	
2648	08	08	17	5_21							Không tên	Sê San	2,21	1603616	576190	Kon Braih	1603616	576190	Kon Braih	1,42	
2649	08	08	17	5_22							Nước Luông	Sê San	0,88	1602704	573950	Đăk Kôi	1603111	574711	Đăk Kôi	0,76	
2650	08	08	17	5_22	01						Nước Ka NĐ	Nước Luông	0,62	1602875	574194	Đăk Kôi	1603465	574124	Đăk Kôi	0,55	
2651	08	08	17	5_23_1							Không tên	Sông Sê San	1,01	1602992	574624	Kon Braih	1602393	575318	Đăk Kôi	0,68	Bổ sung
2652	08	08	17	5_23_1	01						Không tên	Sông Sê San	0,55	1602395	575075	Kon Braih	1602871	574802	Kon Braih	0,43	Bổ sung
2653	08	08	17	5_23							Không tên	Sê San	0,6	1602665	573955	Đăk Kôi	1602881	574430	Kon Braih	1,22	Bổ sung
2654	08	08	17	5_23	01						Không tên	Sê San	0,87	1602685	574310	Kon Braih	1602106	574886	Kon Braih	0,7	Bổ sung
2655	08	08	17	5_24							Không Tên	Sê San	0,76	1588487	566645	Kon Braih	1589117	567035	Kon Braih	0,59	
2656	08	08	17	05							Sông Kon Keng	Sông Đăk Dơ Nen	50,23	1639106	563693	Đăk Pxi	1602558	573577	Đăk Kôi	383,3	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; Tên khác: Đăk AKôi
2657	08	08	17	05	1_1						Không tên	Sê San	1,71	1636886	563775	Đăk Pxi	1637960	564569	Đăk Pxi	0,88	
2658	08	08	17	05	1_2						Không tên	Sê San	0,87	1636194	564093	Đăk Pxi	1636886	563775	Đăk Pxi	0,42	
2659	08	08	17	05	1_3						Không tên	Sê San	2,66	1639087	563113	Đăk Pxi	1636699	563537	Đăk Pxi	1,34	
2660	08	08	17	05	1_3	01					Không tên	Sê San	0,58	1638323	563216	Đăk Pxi	1638812	562960	Đăk Pxi	0,19	
2661	08	08	17	05	1_4						Không tên	Sê San	1,16	1637406	563008	Đăk Pxi	1636469	563431	Đăk Pxi	1,06	
2662	08	08	17	05	1_5						Không tên	Sê San	1,51	1635677	562898	Đăk Pxi	1635821	564156	Đăk Pxi	0,75	
2663	08	08	17	05	1_6						Không tên	Sê San	0,5	1635157	562790	Đăk Pxi	1635593	562779	Đăk Pxi	0,52	
2664	08	08	17	05	1_7						Không tên	Sê San	0,65	1634817	562660	Đăk Pxi	1635346	562338	Đăk Pxi	0,55	
2665	08	08	17	05	1_8						Không tên	Sê San	0,64	1635029	561992	Đăk Pxi	1634569	562343	Đăk Pxi	0,67	
2666	08	08	17	05	1_9						Không tên	Sê San	6,42	1638149	562858	Đăk Pxi	1633786	561080	Đăk Pxi	8,7	
2667	08	08	17	05	1_9	01					Không tên	Sê San	0,56	1637963	562722	Đăk Pxi	1637444	562627	Đăk Pxi	0,23	
2668	08	08	17	05	1_9	02					Không tên	Sê San	0,56	1637191	561704	Đăk Pxi	1636940	562192	Đăk Pxi	0,23	
2669	08	08	17	05	1_9	03					Không tên	Sê San	0,52	1636553	562309	Đăk Pxi	1636799	562728	Đăk Pxi	0,59	
2670	08	08	17	05	1_9	04					Không tên	Sê San	0,53	1636233	562651	Đăk Pxi	1636371	562177	Đăk Pxi	0,21	
2671	08	08	17	05	1_9	05					Không tên	Sê San	0,65	1636796	561781	Đăk Pxi	1636190	561693	Đăk Pxi	0,69	
2672	08	08	17	05	1_9	06					Không tên	Sê San	0,82	1635870	560939	Đăk Pxi	1636617	560751	Đăk Pxi	1,04	
2673	08	08	17	05	1_9	07					Không tên	Sê San	1,38	1635203	559229	Đăk Pxi	1634930	560440	Đăk Pxi	0,86	
2674	08	08	17	05	1_9	08					Không tên	Sê San	1,35	1634348	559247	Đăk Pxi	1634716	560433	Đăk Pxi	0,83	
2675	08	08	17	05	1_9	09					Không tên	Sê San	1,39	1634013	559428	Đăk Pxi	1634490	560518	Đăk Pxi	0,51	
2676	08	08	17	05	1_9	10					Không tên	Sê San	0,81	1634002	560901	Đăk Pxi	1633385	560433	Đăk Pxi	0,59	
2677	08	08	17	05	1_10						Đăk A Kôi	Sê San	6,27	1632466	561530	Đăk Pxi	1635951	566121	Đăk Pxi	15,78	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2678	08	08	17	05	1_10	01					Không tên	Sê San	0,9	1635408	566169	Đăk Pxi	1635364	565411	Đăk Pxi	0,84	
2679	08	08	17	05	1_10	02					Không tên	Sê San	1,02	1634525	565883	Đăk Pxi	1635181	565210	Đăk Pxi	1,01	
2680	08	08	17	05	1_10	03					Không tên	Sê San	1,31	1635915	564732	Đăk Pxi	1634657	564740	Đăk Pxi	0,89	
2681	08	08	17	05	1_10	04					Không tên	Sê San	0,78	1635027	564032	Đăk Pxi	1634375	564174	Đăk Pxi	0,56	
2682	08	08	17	05	1_10	05					Không tên	Sê San	0,99	1633663	564740	Đăk Pxi	1634181	564062	Đăk Pxi	0,46	
2683	08	08	17	05	1_10	06					Không tên	Sê San	0,74	1634498	563314	Đăk Pxi	1633812	563517	Đăk Pxi	0,66	
2684	08	08	17	05	1_11						Không tên	Sê San	2,8	1631987	561515	Đăk Pxi	1632559	564057	Đăk Pxi	1,87	
2685	08	08	17	05	1_11	01					Không tên	Sê San	0,89	1631948	561659	Đăk Pxi	1632468	562356	Đăk Pxi	0,67	
2686	08	08	17	05	1_12						Không tên	Sê San	4,16	1633037	558442	Đăk Pxi	1631015	561436	Đăk Pxi	5,69	
2687	08	08	17	05	1_12	01					Không tên	Sê San	0,75	1633237	559660	Đăk Pxi	1632802	559091	Đăk Pxi	1	
2688	08	08	17	05	1_12	02					Không tên	Sê San	0,97	1632249	559739	Đăk Pxi	1633058	559793	Đăk Pxi	10,3	
2689	08	08	17	05	1_12	03					Không tên	Sê San	0,94	1632340	560470	Đăk Pxi	1631526	560402	Đăk Pxi	1,34	
2690	08	08	17	05	1_12	04					Không tên	Sê San	0,94	1631339	560470	Đăk Pxi	1631330	559590	Đăk Pxi	0,76	
2691	08	08	17	05	1_12	04	01				Không tên	Sê San	1,25	1630246	559533	Đăk Pxi	1631239	560169	Đăk Pxi	1,38	
2692	08	08	17	05	1_13						Không tên	Sê San	2,01	1629157	560524	Đăk Pxi	1630643	561639	Đăk Pxi	2,43	
2693	08	08	17	05	1_13	01					Không tên	Sê San	2,03	1630194	561372	Đăk Pxi	1629357	559719	Đăk Pxi	1,6	
2694	08	08	17	05	1_14						Không tên	Sê San	4,85	1631885	564845	Đăk Pxi	1631885	564845	Đăk Pxi	4,95	
2695	08	08	17	05	1_14	01					Không tên	Sê San	0,85	1632573	565820	Đăk Pxi	1631892	565389	Đăk Pxi	0,61	
2696	08	08	17	05	1_14	02					Không tên	Sê San	0,99	1631885	564845	Đăk Pxi	1632510	565417	Đăk Pxi	0,53	
2697	08	08	17	05	1_14	03					Không tên	Sê San	1,57	1631383	565737	Đăk Pxi	1631825	564396	Đăk Pxi	0,95	
2698	08	08	17	05	1_14	03	01				Không tên	Sê San	0,22	1631251	564685	Đăk Pxi	1631456	564689	Đăk Pxi	0,28	
2699	08	08	17	05	1_14	04					Không tên	Sê San	1,56	1632565	565112	Đăk Pxi	1631830	563941	Đăk Pxi	0,66	
2700	08	08	17	05	1_15						Không tên	Sê San	1,59	1629048	561048	Đăk Pxi	1630151	561871	Đăk Pxi	0,99	
2701	08	08	17	05	1_16						Không tên	Sê San	3,03	1629908	562411	Đăk Pxi	1630839	564526	Đăk Pxi	2,06	
2702	08	08	17	05	1_17						Không tên	Sê San	1,51	1630676	563577	Đăk Pxi	1629824	562418	Đăk Pxi	1,22	
2703	08	08	17	05	1_18						Không tên	Sê San	0,96	1629454	562595	Đăk Pxi	1629377	561781	Đăk Pxi	0,46	
2704	08	08	17	05	1_19						Không tên	Sê San	2,32	1630384	564425	Đăk Pxi	1629396	562672	Đăk Pxi	1,56	
2705	08	08	17	05	1_20						Không tên	Sê San	2,68	1628577	563160	Đăk Pxi	1630424	564894	Đăk Kôi	2,03	
2706	08	08	17	05	1_20	01					Không tên	Sê San	0,95	1629568	564009	Đăk Kôi	1629945	564747	Đăk Kôi	0,95	
2707	08	08	17	05	1_21						Không tên	Sê San	2,19	1627879	561560	Đăk Pxi	1628346	563145	Đăk Pxi	2,27	
2708	08	08	17	05	1_21	01					Không tên	Sê San	1,36	1628578	562283	Đăk Pxi	1628715	561110	Đăk Pxi	1,08	
2709	08	08	17	05	1_22						Không tên	Sê San	2,19	1626958	561639	Đăk Kôi	1628219	563210	Đăk Pxi	1,5	
2710	08	08	17	05	1_22	01					Không tên	Sê San	1,05	1627992	562689	Đăk Pxi	1627766	561712	Đăk Kôi	0,56	
2711	08	08	17	05	1_23						Không tên	Sê San	0,75	1627141	563115	Đăk Kôi	1627644	563578	Đăk Kôi	0,53	
2712	08	08	17	05	1_24						Đăk Rô Gành	Sê San	6,13	1627473	563625	Đăk Kôi	1630701	568302	Đăk Kôi	23,34	
2713	08	08	17	05	1_24	01					Không tên	Đăk Rô Gành	0,6	1630505	567727	Đăk Kôi	1630950	567392	Đăk Kôi	0,65	
2714	08	08	17	05	1_24	02					Không tên	Đăk Rô Gành	2,62	1630206	567195	Đăk Kôi	1628827	569099	Đăk Kôi	3,98	
2715	08	08	17	05	1_24	02	01				Không tên	Đăk Rô Gành	1,36	1628950	568552	Đăk Kôi	1629984	568056	Đăk Kôi	1,18	
2716	08	08	17	05	1_24	02	02				Không tên	Đăk Rô Gành	0,76	1630064	568551	Đăk Kôi	1630159	567899	Đăk Kôi	0,55	
2717	08	08	17	05	1_24	03					Không tên	Đăk Rô Gành	1,31	1630092	567156	Đăk Kôi	1631250	566642	Đăk Kôi	0,53	
2718	08	08	17	05	1_24	04					Không tên	Đăk Rô Gành	1,25	1629696	566603	Đăk Kôi	1630834	566470	Đăk Kôi	0,94	
2719	08	08	17	05	1_24	05					Không tên	Đăk Rô Gành	2,32	1629303	566123	Đăk Kôi	1628292	568131	Đăk Kôi	2,84	
2720	08	08	17	05	1_24	05	01				Không tên	Đăk Rô Gành	1,25	1628059	566943	Đăk Kôi	1629106	566408	Đăk Kôi	0,93	

STT	Mã sông									Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác	
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8				C9	X		Y	X				Y
2721	08	08	17	05	1_24	06					Không tên	Đăk Rô Gành	1,35	1630356	565538	Đăk Kôi	1629284	565777	Đăk Kôi	1,13	
2722	08	08	17	05	1_24	06	01				Không tên	Đăk Rô Gành	1,04	1629715	565998	Đăk Kôi	1630705	566149	Đăk Kôi	0,84	
2723	08	08	17	05	1_24	06	02				Không tên	Đăk Rô Gành	1,06	1629368	565804	Đăk Kôi	1630245	565402	Đăk Kôi	0,53	
2724	08	08	17	05	1_24	07					Không tên	Đăk Rô Gành	0,85	1628467	566077	Đăk Kôi	1629123	565615	Đăk Kôi	1,35	
2725	08	08	17	05	1_24	08					Không tên	Đăk Rô Gành	0,63	1628474	564639	Đăk Kôi	1629067	564489	Đăk Kôi	0,68	
2726	08	08	17	05	1_24	09					Không tên	Đăk Rô Gành	1,04	1627435	564845	Đăk Kôi	1628105	564298	Đăk Kôi	0,77	
2727	08	08	17	05	1_25						Không tên	Sê San	0,99	1626271	564532	Đăk Kôi	1626944	565172	Đăk Kôi	0,82	
2728	08	08	17	05	1_26						Không tên	Sê San	0,97	1626326	565455	Đăk Kôi	1626213	564572	Đăk Kôi	0,37	
2729	08	08	17	05	1_27						Không tên	Sê San	1,43	1625516	563235	Đăk Kôi	1625746	564568	Đăk Kôi	1,63	
2730	08	08	17	05	1_27	01					Không tên	Đăk BLa	1,34	1625542	564109	Đăk Kôi	1625941	562929	Đăk Kôi	0,67	
2731	08	08	17	05	1_28						Không tên	Sê San	2,91	1624866	562218	Đăk Kôi	1624956	564921	Đăk Kôi	2,26	
2732	08	08	17	05	1_28	01					Không tên	Sê San	1,01	1625012	563446	Đăk Kôi	1625406	562526	Đăk Kôi	0,74	
2733	08	08	17	05	1_28	02					Không tên	Sê San	0,94	1625043	563775	Đăk Kôi	1624508	563094	Đăk Kôi	0,33	
2734	08	08	17	05	1_29						Đăk Soi	Sê San	4,19	1622235	562057	Đăk Kôi	1624420	564719	Đăk Kôi	6,52	
2735	08	08	17	05	1_29	01					Đăk Soi	Sê San	0,79	1622460	561599	Đăk Kôi	1622823	562108	Đăk Kôi	0,51	
2736	08	08	17	05	1_29	02					Đăk Soi	Sê San	0,27	1623331	562423	Đăk Kôi	1623507	562243	Đăk Kôi	1,8	
2737	08	08	17	05	1_29	02	01				Đăk Soi	Đăk BLa	3,05	1623899	561570	Đăk Pxi	1625403	561574	Đăk Kôi	1,52	
2738	08	08	17	05	1_29	03					Không tên	Sê San	0,94	1622853	562829	Đăk Kôi	1623691	563148	Đăk Kôi	0,51	
2739	08	08	17	05	1_29	04					Không tên	Sê San	1,67	1624447	562215	Đăk Kôi	1623998	563620	Đăk Kôi	0,88	
2740	08	08	17	05	1_30						Nước Tỏi	Sê San	3,3	1623105	565606	Đăk Kôi	1625685	567124	Đăk Kôi	2,65	
2741	08	08	17	05	1_31						Không tên	Sê San	1,73	1623860	564091	Đăk Kôi	1622904	565488	Đăk Kôi	2,12	
2742	08	08	17	05	1_31	01					Không tên	Sê San	0,72	1623403	564572	Đăk Kôi	1623403	564571	Đăk Kôi	0,35	
2743	08	08	17	05	1_31	02					Không tên	Sê San	0,99	1622767	564077	Đăk Kôi	1623280	564885	Đăk Kôi	0,65	
2744	08	08	17	05	1_31	03					Không tên	Sê San	1,22	1622558	564147	Đăk Kôi	1623087	565195	Đăk Kôi	0,48	
2745	08	08	17	05	1_32						Không tên	Sê San	1,61	1622008	564459	Đăk Kôi	1622756	565512	Đăk Kôi	1,26	
2746	08	08	17	05	1_33						Không tên	Sê San	1,66	1622372	566171	Đăk Kôi	1623629	566941	Đăk Kôi	1,61	
2747	08	08	17	05	1_34						Nước Soót	Sê San	6,09	1618865	561938	Đăk Kôi	1622242	566080	Đăk Kôi	14,1	
2748	08	08	17	05	1_34	01					khe cạn	Khe cạn	0,5	1618770	562494	Đăk Kôi	1619254	562550	Đăk Kôi	0,37	
2749	08	08	17	05	1_34	02					Không tên	Nước Soót	1,4	1619466	561911	Đăk Kôi	1620049	563071	Đăk Kôi	0,93	
2750	08	08	17	05	1_34	02	01				Không tên	Khe cạn	0,96	1619935	562761	Đăk Kôi	1620364	561926	Đăk Kôi	0,44	
2751	08	08	17	05	1_34	03					Không tên	Khe cạn	1,38	1620218	563058	Đăk Kôi	1620699	561846	Đăk Kôi	0,56	
2752	08	08	17	05	1_34	04					Không tên	Nước Soót	0,74	1620431	563683	Đăk Kôi	1620989	563428	Đăk Kôi	1,05	
2753	08	08	17	05	1_34	04	01				Không tên	Nước Soót	2,12	1621451	561879	Đăk Kôi	1620550	563480	Đăk Kôi	0,94	
2754	08	08	17	05	1_34	05					khe cạn	Khe cạn	0,55	1620768	564226	Đăk Kôi	1620936	563710	Đăk Kôi	0,33	
2755	08	08	17	05	1_34	06					Không tên	Nước Soót	2,62	1621280	562447	Đăk Kôi	1620901	564336	Đăk Kôi	2,9	
2756	08	08	17	05	1_34	06	01				Không tên	Sê San	0,68	1621494	562819	Đăk Kôi	1621424	562253	Đăk Kôi	0,34	
2757	08	08	17	05	1_34	06	02				khe cạn	Sê San	0,46	1621642	563005	Đăk Kôi	1621863	562679	Đăk Kôi	0,27	
2758	08	08	17	05	1_34	06	03				Không tên	Sê San	1,04	1622105	563617	Đăk Kôi	1622105	563613	Đăk Kôi	1,09	
2759	08	08	17	05	1_34	06	04				Không tên	Sê San	1,32	1621296	564064	Đăk Kôi	1621183	563025	Đăk Kôi	0,79	
2760	08	08	17	05	1_34	07					Không tên	Nước Soót	2,1	1620914	564464	Đăk Kôi	1618970	564401	Đăk Kôi	0,74	
2761	08	08	17	05	1_34	07	01				Không tên	Nước Soót	2,31	1618783	563463	Đăk Kôi	1620732	564472	Đăk Kôi	1,6	
2762	08	08	17	05	1_34	07	01	01			Không tên	Sê San	1,39	1618425	563766	Đăk Kôi	1619660	563891	Đăk Kôi	0,5	
2763	08	08	17	05	1_34	07	01	02			Không tên	Sê San	1,2	1619636	563519	Đăk Kôi	1620469	564286	Đăk Kôi	0,66	
2764	08	08	17	05	1_34	08					Không tên	Sê San	1,16	1620916	564490	Đăk Kôi	1621945	564128	Đăk Kôi	0,46	
2765	08	08	17	05	1_34	09					Không tên	Nước Soót	1,48	1620824	564825	Đăk Kôi	1619551	565017	Đăk Kôi	1,05	
2766	08	08	17	05	1_34	09	01				Không tên	Nước Soót	0,8	1619522	564492	Đăk Kôi	1620291	564642	Đăk Kôi	0,54	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2767	08	08	17	05	1_34	10					Không tên	Sê San	0,69	1620380	565335	Đăk Kôi	1620883	564998	Đăk Kôi	0,33	
2768	08	08	17	05	1_34	11					Không tên	Sê San	0,81	1620996	565138	Đăk Kôi	1621475	564565	Đăk Kôi	0,56	
2769	08	08	17	05	1_34	12					Không tên	Sê San	0,97	1620342	565457	Đăk Kôi	1621286	565394	Đăk Kôi	0,6	
2770	08	08	17	05	1_34	13					Không tên	Sê San	0,69	1621059	565936	Đăk Kôi	1621627	565722	Đăk Kôi	0,42	
2771	08	08	17	05	1_36						Không tên	Sê San	0,7	1621511	566588	Đăk Kôi	1620966	566187	Đăk Kôi	0,52	
2772	08	08	17	05	1_37						Không tên	Sê San	0,89	1620549	566433	Đăk Kôi	1621307	566840	Đăk Kôi	0,79	
2773	08	08	17	05	1_38						Không tên	Sê San	0,78	1621280	567347	Đăk Kôi	1621991	567651	Đăk Kôi	0,63	
2774	08	08	17	05	01						Sông Đăk Blô	Sê San	12,21	1620266	567571	Đăk Kôi	1627477	573701	Đăk Kôi	32,9	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2775	08	08	17	05	01	01					Không tên	Sông Đăk Blô	0,98	1626482	572808	Đăk Kôi	1626404	573744	Đăk Kôi	0,55	
2776	08	08	17	05	01	02					Không tên	Sông Đăk Blô	1,31	1626468	572138	Đăk Kôi	1627006	571764	Đăk Kôi	0,63	
2777	08	08	17	05	01	03					Không tên	Sông Đăk Blô	1,64	1625750	573349	Đăk Kôi	1626030	572026	Đăk Kôi	0,73	
2778	08	08	17	05	01	04					Không tên	Sông Đăk Blô	2,26	1624788	572135	Đăk Kôi	1624592	573706	Đăk Kôi	1,23	
2779	08	08	17	05	01	05					Không tên	Sông Đăk Blô	3,84	1625164	569538	Đăk Kôi	1624583	571825	Đăk Kôi	1,97	
2780	08	08	17	05	01	05	01				Không tên	Sông Đăk Blô	0,95	1625429	570535	Đăk Kôi	1625501	569710	Đăk Kôi	0,49	
2781	08	08	17	05	01	05	02				Không tên	Sông Đăk Blô	2,29	1625808	571016	Đăk Kôi	1627771	571769	Đăk Kôi	2,65	
2782	08	08	17	05	01	06					khe cạn	Sông Đăk Blô	0,57	1623704	572416	Đăk Kôi	1624153	572079	Đăk Kôi	0,29	
2783	08	08	17	05	01	07					Không tên	Sông Đăk Blô	1,56	1623104	571442	Đăk Kôi	1624523	571046	Đăk Kôi	1,66	
2784	08	08	17	05	01	08					Không tên	Sông Đăk Blô	1,07	1622857	571398	Đăk Kôi	1623239	572284	Đăk Kôi	0,67	
2785	08	08	17	05	01	09					Không tên	Sông Đăk Blô	0,9	1622806	572221	Đăk Kôi	1622785	571374	Đăk Kôi	0,5	
2786	08	08	17	05	01	10					Không tên	Sông Đăk Blô	4,11	1624429	569339	Đăk Kôi	1624490	569346	Đăk Kôi	5,79	
2787	08	08	17	05	01	10	01				Không tên	Sông Đăk Blô	1,47	1622412	570232	Đăk Kôi	1623598	570949	Đăk Kôi	1,69	
2788	08	08	17	05	01	11					Khe cạn	Sông Đăk Blô	0,71	1620457	569591	Đăk Kôi	1620825	569041	Đăk Kôi	0,88	
2789	08	08	17	05	01	12					Khe cạn	Sông Đăk Blô	0,74	1620740	568878	Đăk Kôi	1620141	569259	Đăk Kôi	0,96	
2790	08	08	17	05	01	13					Khe cạn	Sông Đăk Blô	0,53	1620789	568569	Đăk Kôi	1621262	568651	Đăk Kôi	0,75	
2791	08	08	17	05	01	14					Nước Tơ Kon	Sông Đăk Blô	3,78	1620712	568249	Đăk Kôi	1624282	568678	Đăk Kôi	4,48	
2792	08	08	17	05	01	14	01				Không tên	Nước Tơ Kon	1,96	1623116	568195	Đăk Kôi	1621363	568318	Đăk Kôi	0,95	
2793	08	08	17	05	01	15					Không tên	Sông Đăk Blô	1,01	1620573	567993	Đăk Kôi	1621470	567926	Đăk Kôi	0,8	
2794	08	08	17	05	2_1						Nước Rơ Choong	Sê San	2,52	1618633	566531	Đăk Kôi	1618940	568320	Đăk Kôi	1,9	
2795	08	08	17	05	2_1	01					Không tên	Nước Rơ Choong	0,73	1619296	567285	Đăk Kôi	1619769	566765	Đăk Kôi	0,63	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2796	08	08	17	05	2_1	02					Không tên	Nước Rơ Choong	0,66	1618682	567372	Đăk Kôi	1619251	567574	Đăk Kôi	0,65	
2797	08	08	17	05	2_2						Nước Pô	Sê San	0,86	1618757	568408	Đăk Kôi	1618456	567714	Đăk Kôi	0,56	
2798	08	08	17	05	2_3						Không tên	Sê San	0,83	1618742	568455	Đăk Kôi	1619348	568951	Đăk Kôi	0,74	
2799	08	08	17	05	2_4						Không tên	Sê San	1,67	1618469	568810	Đăk Kôi	1619741	569673	Đăk Kôi	1,36	
2800	08	08	17	05	2_4	01					Nước Ve	Sê San	1,12	1618823	569204	Đăk Kôi	1619813	569104	Đăk Kôi	0,38	
2801	08	08	17	05	2_5						Khe cạn	Sê San	0,62	1617706	569126	Đăk Kôi	1618178	569495	Đăk Kôi	0,82	
2802	08	08	17	05	2_6						Khe cạn	Sê San	0,42	1617641	569264	Đăk Kôi	1617952	569540	Đăk Kôi	0,43	
2803	08	08	17	05	02						Sông Đăk La	Sê San	10,86	1616862	569718	Đăk Kôi	1618972	575857	Đăk Kôi	34,55	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2804	08	08	17	05	02	01					Khe cạn	Sông Đăk La	0,57	1618423	575095	Đăk Kôi	1618907	574979	Đăk Kôi	0,36	
2805	08	08	17	05	02	02					Không tên	Sông Đăk La	1,3	1619729	574581	Đăk Kôi	1619635	575670	Đăk Kôi	0,84	
2806	08	08	17	05	02	03					Không tên	Sông Đăk La	1,99	1620165	574258	Đăk Kôi	1620668	576005	Đăk Kôi	1,57	
2807	08	08	17	05	02	03	01				Khe cạn	Sông Đăk La	0,49	1620105	575866	Đăk Kôi	1620374	575462	Đăk Kôi	0,46	
2808	08	08	17	05	02	04					Không tên	Sông Đăk La	2	1621824	575068	Đăk Kôi	1620909	573509	Đăk Kôi	2,39	
2809	08	08	17	05	02	05					Khe cạn	Sông Đăk La	0,59	1620913	573354	Đăk Kôi	1621337	573754	Đăk Kôi	0,38	
2810	08	08	17	05	02	06					Không tên	Sông Đăk La	2,68	1621215	572914	Đăk Kôi	1623671	573060	Đăk Kôi	3,09	
2811	08	08	17	05	02	06	01				Không tên	Sông Đăk La	1,32	1623802	572975	Đăk Kôi	1623452	572625	Đăk Kôi	0,35	
2812	08	08	17	05	02	06	02				Không tên	Sông Đăk La	1,08	1622578	573132	Đăk Kôi	1623362	573664	Đăk Kôi	0,53	
2813	08	08	17	05	02	07					Khe cạn	Sông Đăk La	0,59	1621163	572819	Đăk Kôi	1621602	572450	Đăk Kôi	0,31	
2814	08	08	17	05	02	08					Không tên	Sông Đăk La	2,44	1619374	573316	Đăk Kôi	1619374	573316	Đăk Kôi	2,08	
2815	08	08	17	05	02	08	01				Khe cạn	Sông Đăk La	0,55	1619603	573739	Đăk Kôi	1619814	573244	Đăk Kôi	0,48	
2816	08	08	17	05	02	09					Không tên	Sông Đăk La	1,6	1618504	572953	Đăk Kôi	1619745	571967	Đăk Kôi	1,24	
2817	08	08	17	05	02	10					Không tên	Sông Đăk La	0,96	1618857	571957	Đăk Kôi	1619467	571248	Đăk Kôi	0,54	
2818	08	08	17	05	02	11					Không tên	Sông Đăk La	0,9	1618183	571038	Đăk Kôi	1618766	570574	Đăk Kôi	0,68	
2819	08	08	17	05	02	12					Không tên	Sông Đăk La	2,71	1620862	569938	Đăk Kôi	1618325	569947	Đăk Kôi	3,28	
2820	08	08	17	05	02	12	01				Không tên	Sông Đăk La	1,12	1619917	570227	Đăk Kôi	1620779	570922	Đăk Kôi	0,66	
2821	08	08	17	05	02	12	02				Không tên	Sông Đăk La	1,03	1619540	570291	Đăk Kôi	1620364	570855	Đăk Kôi	0,83	
2822	08	08	17	05	02	13					Nước Tơ Lung	Sông Đăk La	1,36	1617515	571132	Đăk Kôi	1617295	569887	Đăk Kôi	1,68	
2823	08	08	17	05	3_1						Không tên	Sê San	0,67	1616544	569629	Đăk Kôi	1616826	569226	Đăk Kôi	0,37	
2824	08	08	17	05	3_3						Nước Tao	Sê San	0,4	1616226	569605	Đăk Kôi	1616357	569268	Đăk Kôi	0,14	
2825	08	08	17	05	3_2						Không tên	Sê San	1,15	1616608	570634	Đăk Kôi	1616397	569626	Đăk Kôi	1,66	
2826	08	08	17	05	3_4						Không tên	Sê San	1,01	1615799	570029	Đăk Kôi	1616424	570727	Đăk Kôi	0,54	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2827	08	08	17	05	3_5						Khe cạn	Sê San	0,51	1615839	570573	Đăk Kôi	1615731	570084	Đăk Kôi	0,26	
2828	08	08	17	05	3_6						Nước ChĐi	Sê San	3,11	1617334	568185	Đăk Kôi	1615248	569973	Đăk Kôi	2,5	
2829	08	08	17	05	3_6	01					Không tên	Nước ChĐi	0,53	1615515	569126	Đăk Kôi	1615888	569487	Đăk Kôi	0,77	
2830	08	08	17	05	3_6	02					Không tên	Nước ChĐi	0,59	1615378	569867	Đăk Kôi	1615346	569384	Đăk Kôi	0,64	
2831	08	08	17	05	3_7						Đăk Blô	Sê San	7,7	1619654	565891	Đăk Kôi	1615081	570144	Đăk Kôi	13,8	
2832	08	08	17	05	3_7	01					Không tên	Đăk Blô	0,75	1619033	565666	Đăk Kôi	1619387	565247	Đăk Kôi	0,43	
2833	08	08	17	05	3_7	02					Không tên	Đăk Blô	0,74	1618800	565751	Đăk Kôi	1619302	566189	Đăk Kôi	0,55	
2834	08	08	17	05	3_7	03					Không tên	Đăk Blô	1,03	1618692	565684	Đăk Kôi	1618783	564723	Đăk Kôi	1,18	
2835	08	08	17	05	3_7	04					Không tên	Đăk Blô	1,07	1618388	565720	Đăk Kôi	1618127	564729	Đăk Kôi	0,9	
2836	08	08	17	05	3_7	05					Không tên	Đăk Blô	0,88	1618262	565869	Đăk Kôi	1617948	565165	Đăk Kôi	0,58	
2837	08	08	17	05	3_7	06					Không tên	Đăk Blô	0,73	1617591	565479	Đăk Kôi	1618053	565918	Đăk Kôi	0,8	
2838	08	08	17	05	3_7	07					Khe cạn	Đăk Blô	0,59	1617920	566094	Đăk Kôi	1618432	566352	Đăk Kôi	0,2	
2839	08	08	17	05	3_7	08					Không tên	Đăk Blô	0,77	1617576	566462	Đăk Kôi	1618181	566835	Đăk Kôi	0,67	
2840	08	08	17	05	3_7	09					Không tên	Đăk Blô	0,66	1616628	567361	Đăk Kôi	1617209	567529	Đăk Kôi	0,73	
2841	08	08	17	05	3_7	10					Khe cạn	Đăk Blô	0,47	1616306	567833	Đăk Kôi	1616711	568006	Đăk Kôi	0,56	
2842	08	08	17	05	3_7	11					Không tên	Đăk Blô	2,51	1616294	566091	Đăk Kôi	1615543	568040	Đăk Kôi	3,17	
2843	08	08	17	05	3_7	11	01				Khe cạn	Đăk Blô	0,45	1616158	567132	Đăk Kôi	1616578	566976	Đăk Kôi	0,38	
2844	08	08	17	05	3_7	11	02				Không tên	Đăk Blô	0,86	1615102	567302	Đăk Kôi	1615666	567776	Đăk Kôi	0,94	
2845	08	08	17	05	3_7	11	02	01			Không tên	Đăk Blô	0,83	1614586	567788	Đăk Kôi	1615276	567718	Đăk Kôi	0,86	
2846	08	08	17	05	3_7	12					Khe cạn	Đăk Blô	0,5	1614822	568657	Đăk Kôi	1615128	569041	Đăk Kôi	0,88	
2847	08	08	17	05	3_7	13					Không tên	Đăk Blô	1,98	1613908	568434	Đăk Kôi	1614932	569530	Đăk Kôi	1,4	
2848	08	08	17	05	3_8	01					Không tên	Nước Trôn	0,87	1616850	573021	Đăk Kôi	1617246	573743	Đăk Kôi	0,76	
2849	08	08	17	05	3_8	02					Không tên	Nước Trôn	1,2	1615961	573200	Đăk Kôi	1616900	573902	Đăk Kôi	0,83	
2850	08	08	17	05	3_8	03					Không tên	Nước Trôn	2,91	1615461	573187	Đăk Kôi	1617507	574859	Đăk Kôi	3,54	
2851	08	08	17	05	3_8	03	01				Không tên	Nước Trôn	1,8	1615222	575229	Đăk Kôi	1615812	573742	Đăk Kôi	1,36	
2852	08	08	17	05	3_8	04					Không tên	Nước Trôn	1,94	1614737	574828	Đăk Kôi	1614496	573021	Đăk Kôi	1,2	
2853	08	08	17	05	3_8	05					Không tên	Nước Trôn	1,03	1613982	573859	Đăk Kôi	1614402	572970	Đăk Kôi	0,67	
2854	08	08	17	05	3_8	06					Khe cạn	Nước Trôn	0,66	1614366	572338	Đăk Kôi	1614833	572743	Đăk Kôi	0,36	
2855	08	08	17	05	3_8	07					Khe cạn	Nước Trôn	0,54	1613777	572470	Đăk Kôi	1614161	572184	Đăk Kôi	0,33	
2856	08	08	17	05	3_8	08					Không tên	Nước Trôn	1,18	1614851	571728	Đăk Kôi	1615538	572571	Đăk Kôi	0,96	
2857	08	08	17	05	3_8	09					Khe cạn	Nước Trôn	0,61	1615118	571555	Đăk Kôi	1615423	572047	Đăk Kôi	1,17	
2858	08	08	17	05	3_8	10					Không tên	Nước Trôn	1,47	1615293	571521	Đăk Kôi	1616389	572440	Đăk Kôi	1,17	
2859	08	08	17	05	3_8	11					Không tên	Nước Trôn	1,36	1615614	571178	Đăk Kôi	1616526	572089	Đăk Kôi	0,66	
2860	08	08	17	05	3_8	12					Không tên	Nước Trôn	1,23	1615592	570988	Đăk Kôi	1616751	571265	Đăk Kôi	1,46	
2861	08	08	17	05	3_8	12	01				Không tên	Nước Trôn	1,78	1617118	572463	Đăk Kôi	1616201	571113	Đăk Kôi	0,99	
2862	08	08	17	05	3_8						Nước Trôn	Sê San	7,38	1615460	573187	Đăk Kôi	1614402	572970	Đăk Kôi	13,92	
2863	08	08	17	05	3_9						Không tên	Sê San	0,65	1614674	570919	Đăk Kôi	1614553	570306	Đăk Kôi	0,63	
2864	08	08	17	05	3_10						Không tên	Sê San	1,62	1614334	570335	Đăk Kôi	1613808	571588	Đăk Kôi	1,33	
2865	08	08	17	05	3_10	01					Không tên	Sê San	0,7	1613753	570949	Đăk Kôi	1614186	571433	Đăk Kôi	0,39	
2866	08	08	17	05	3_10	02					Khe cạn	Sê San	0,57	1614186	571275	Đăk Kôi	1614121	570750	Đăk Kôi	0,22	
2867	08	08	17	05	3_11						Khe cạn	Sê San	0,47	1614214	570142	Đăk Kôi	1614441	569761	Đăk Kôi	0,55	
2868	08	08	17	05	3_12						Khe cạn	Sê San	0,63	1613944	570095	Đăk Kôi	1613770	569513	Đăk Kôi	0,75	
2869	08	08	17	05	3_13						Khe cạn	Sê San	0,48	1613456	570714	Đăk Kôi	1613545	570258	Đăk Kôi	0,31	
2870	08	08	17	05	3_14						Khe cạn	Sê San	0,83	1613423	569530	Đăk Kôi	1613495	570239	Đăk Kôi	0,49	
2871	08	08	17	05	3_14	01					Khe cạn	Khe cạn	0,49	1613166	569931	Đăk Kôi	1613548	570154	Đăk Kôi	0,22	
2872	08	08	17	05	3_15						Khe cạn	Sê San	0,45	1613108	570507	Đăk Kôi	1613395	570836	Đăk Kôi	0,52	
2873	08	08	17	05	3_16						Khe cạn	Sê San	0,84	1612893	570576	Đăk Kôi	1613176	571252	Đăk Kôi	1	
2874	08	08	17	05	03						Suối Đăk Gret	Sông Kon Keng	16,13	1618108	561831	Đăk Kôi	1612192	569964	Đăk Kôi	54,25	Quyết định 605/QĐ-BNNMT

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2875	08	08	17	05	03	01					Không tên	Suối Đăk Gret	0,73	1617700	560905	Đăk Kôi	1618132	560989	Đăk Kôi	0,68	
2876	08	08	17	05	03	02					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,6	1617013	561921	Đăk Kôi	1616849	561406	Đăk Kôi	0,45	
2877	08	08	17	05	03	03					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,51	1616777	561435	Đăk Kôi	1616783	560948	Đăk Kôi	0,38	
2878	08	08	17	05	03	04					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,57	1616692	561512	Đăk Kôi	1616379	561041	Đăk Kôi	0,3	
2879	08	08	17	05	03	05					Không tên	Suối Đăk Gret	0,83	1616172	561844	Đăk Kôi	1616044	561114	Đăk Kôi	0,67	
2880	08	08	17	05	03	06					Không tên	Suối Đăk Gret	0,92	1615788	562253	Đăk Kôi	1615564	561412	Đăk Kôi	0,81	
2881	08	08	17	05	03	07					Đăk Blong	Suối Đăk Gret	3,74	1615374	562972	Đăk Kôi	1618697	562175	Đăk Kôi	4,95	
2882	08	08	17	05	03	07	01				Không tên	Đăk Blong	1,21	1618199	563506	Đăk Kôi	1617540	562642	Đăk Kôi	0,62	
2883	08	08	17	05	03	07	02				Không tên	Đăk Blong	0,75	1617145	563321	Đăk Kôi	1616633	562815	Đăk Kôi	0,84	
2884	08	08	17	05	03	08					Không tên	Suối Đăk Gret	2,14	1614284	561521	Đăk Kôi	1614301	563256	Đăk Kôi	1,94	
2885	08	08	17	05	03	09					Đăk Grei	Suối Đăk Gret	9,05	1612341	562038	Đăk Kôi	1612097	562175	Đăk Kôi	18,02	
2886	08	08	17	05	03	09	01				Không tên	Đăk Grei	2,78	1610561	561087	Đăk Kôi	1610717	563419	Đăk Kôi	3,68	
2887	08	08	17	05	03	09	01	01			Khe cạn	Đăk Grei	0,45	1610597	562456	Đăk Kôi	1610891	562134	Đăk Kôi	0,67	
2888	08	08	17	05	03	09	02				Không tên	Đăk Grei	1,93	1609678	562501	Đăk Kôi	1609871	563989	Đăk Kôi	2,86	
2889	08	08	17	05	03	09	02	01			Đăk Trăm	Đăk Grei	1,37	1608845	563018	Ngọc Ráo	1609561	563642	Đăk Kôi	1,19	
2890	08	08	17	05	03	09	03				Không tên	Đăk Grei	1,08	1610480	564346	Đăk Kôi	1609535	564718	Đăk Kôi	1,06	
2891	08	08	17	05	03	09	03	01			Không tên	Đăk Grei	1,29	1610439	564374	Đăk Kôi	1611386	564961	Đăk Kôi	1	
2892	08	08	17	05	03	09	04				Khe cạn	Đăk Grei	0,69	1612216	563585	Đăk Kôi	1612241	563118	Đăk Kôi	0,65	
2893	08	08	17	05	03	09	05				Không tên	Đăk Grei	0,77	1613317	563513	Đăk Kôi	1613800	563008	Đăk Kôi	0,66	
2894	08	08	17	05	03	10					Khe cạn	Sông Đăk Kôi	0,53	1613339	564250	Đăk Kôi	1613825	564102	Đăk Kôi	0,36	
2895	08	08	17	05	03	11					Không tên	Suối Đăk Gret	1,51	1614015	564601	Đăk Kôi	1615291	564005	Đăk Kôi	1,44	
2896	08	08	17	05	03	12					Không tên	Suối Đăk Gret	1,59	1613924	565006	Đăk Kôi	1613071	565623	Đăk Kôi	2,44	
2897	08	08	17	05	03	12	01				Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,58	1612911	564902	Đăk Kôi	1613349	564997	Đăk Kôi	0,99	
2898	08	08	17	05	03	13					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,67	1613408	565905	Đăk Kôi	1613951	565555	Đăk Kôi	0,78	
2899	08	08	17	05	03	14					Không tên	Suối Đăk Gret	2,96	1616621	563988	Đăk Kôi	1614372	565732	Đăk Kôi	3,4	
2900	08	08	17	05	03	14	01				Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,46	1615788	564590	Đăk Kôi	1616142	564867	Đăk Kôi	0,67	
2901	08	08	17	05	03	15					Không tên	Suối Đăk Gret	1,41	1614552	565934	Đăk Kôi	1615637	565785	Đăk Kôi	1,77	
2902	08	08	17	05	03	16					Không tên	Suối Đăk Gret	0,69	1613183	566665	Đăk Kôi	1613700	567001	Đăk Kôi	0,71	
2903	08	08	17	05	03	17					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,63	1613074	566914	Đăk Kôi	1613514	567345	Đăk Kôi	0,47	
2904	08	08	17	05	03	18					Không tên	Suối Đăk Gret	0,82	1613818	568085	Đăk Kôi	1613491	567364	Đăk Kôi	0,88	
2905	08	08	17	05	03	19					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,54	1613145	568020	Đăk Kôi	1613652	568148	Đăk Kôi	0,77	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2906	08	08	17	05	03	20					Khe cạn	Suối Đăk Gret	0,55	1613066	568283	Đăk Kôi	1613502	568600	Đăk Kôi	0,43	
2907	08	08	17	05	04						Nước Viu	Sê San	0,74	1612085	569934	Đăk Kôi	1611983	569214	Đăk Kôi	0,88	
2908	08	08	17	05	05						Nước Hia	Sê San	8,77	1607135	566806	Đăk Kôi	1611601	569881	Đăk Kôi	16,3	
2909	08	08	17	05	05	01					Không tên	Nước Hia	3,76	1607577	565831	Đăk Kôi	1609598	565880	Đăk Kôi	4,19	
2910	08	08	17	05	05	02					Không tên	Nước Hia	0,44	1609992	566217	Đăk Kôi	1610371	566034	Đăk Kôi	0,81	
2911	08	08	17	05	05	03					Không tên	Nước Hia	0,66	1609248	566749	Đăk Kôi	1609883	566775	Đăk Kôi	0,75	
2912	08	08	17	05	05	04					Không tên	Nước Hia	1,01	1609450	567856	Đăk Kôi	1610312	567589	Đăk Kôi	1,57	
2913	08	08	17	05	05	05					Không tên	Nước Hia	1,07	1610004	568536	Đăk Kôi	1610934	568487	Đăk Kôi	0,48	
2914	08	08	17	05	05	06					Không tên	Nước Hia	1,29	1611680	567473	Đăk Kôi	1611004	568508	Đăk Kôi	1,18	
2915	08	08	17	05	05	06	01				Không tên	Nước Hia	0,66	1611312	567862	Đăk Kôi	1611377	567257	Đăk Kôi	0,43	
2916	08	08	17	05	05	07					Không tên	Nước Hia	0,84	1611194	568700	Đăk Kôi	1611923	568305	Đăk Kôi	0,53	
2917	08	08	17	05	05	08					Không tên	Nước Hia	1,25	1610045	569182	Đăk Kôi	1611136	569523	Đăk Kôi	1,21	
2918	08	08	17	05	05	08	01				Không tên	Nước Hia	0,72	1610973	569432	Đăk Kôi	1610636	568811	Đăk Kôi	0,53	
2919	08	08	17	05	06						Nước Nhe	Sê San	0,89	1611911	570708	Đăk Kôi	1611367	570079	Đăk Kôi	0,94	
2920	08	08	17	05	07						Nước Múi	Sê San	0,66	1610679	570508	Đăk Kôi	1610739	569911	Đăk Kôi	0,37	
2921	08	08	17	05	08						Nước Son	Sê San	0,99	1610419	570652	Đăk Kôi	1610204	569750	Đăk Kôi	0,49	
2922	08	08	17	05	09						Nước Pria	Sê San	4,84	1610190	570795	Đăk Kôi	1613835	573071	Đăk Kôi	1,51	
2923	08	08	17	05	09	01					Không tên	Nước Pria	1,02	1613500	572588	Đăk Kôi	1612584	572486	Đăk Kôi	0,4	
2924	08	08	17	05	09	02					Không tên	Nước Pria	1,44	1612251	571602	Đăk Kôi	1613324	571918	Đăk Kôi	0,85	
2925	08	08	17	05	10						Không tên	Sê San	1,4	1609846	569587	Đăk Kôi	1609489	570769	Đăk Kôi	0,63	
2926	08	08	17	05	10	01					Không tên	Sê San	0,61	1609679	569940	Đăk Kôi	1609763	570534	Đăk Kôi	0,23	
2927	08	08	17	05	11						Không tên	Sê San	2,47	1609031	568952	Đăk Kôi	1609265	571145	Đăk Kôi	2,53	
2928	08	08	17	05	11	01					Không tên	Sê San	0,62	1608588	570084	Đăk Kôi	1608970	570565	Đăk Kôi	0,97	
2929	08	08	17	05	12						Không tên	Sê San	0,93	1609361	571308	Đăk Kôi	1610129	571538	Đăk Kôi	0,69	
2930	08	08	17	05	13						Không tên	Sê San	0,76	1608734	570958	Đăk Kôi	1609212	571502	Đăk Kôi	0,31	
2931	08	08	17	05	14						Không tên	Sê San	4,89	1609359	572519	Đăk Kôi	1613319	573411	Đăk Kôi	5,9	
2932	08	08	17	05	14	01					Không tên	Sê San	0,83	1611233	572062	Đăk Kôi	1611853	572009	Đăk Kôi	0,36	
2933	08	08	17	05	14	02					Không tên	Sê San	1,43	1611655	573332	Đăk Kôi	1611099	572067	Đăk Kôi	0,89	
2934	08	08	17	05	14	03					Không tên	Sê San	1,62	1610922	573753	Đăk Kôi	1610513	572240	Đăk Kôi	1,06	
2935	08	08	17	05	15						Không tên	Sê San	0,81	1609188	573426	Đăk Kôi	1609000	572697	Đăk Kôi	0,59	
2936	08	08	17	05	16						Nước Ru	Sê San	2,91	1608208	572861	Đăk Kôi	1609897	574902	Đăk Kôi	5,1	
2937	08	08	17	05	16	01					Không tên	Nước Ru	1,05	1609405	574131	Đăk Kôi	1610313	574401	Đăk Kôi	0,72	
2938	08	08	17	05	16	02					Không tên	Nước Ru	0,74	1609338	574705	Đăk Kôi	1609321	574031	Đăk Kôi	0,67	
2939	08	08	17	05	16	03					Không tên	Nước Ru	2,05	1608751	573924	Đăk Kôi	1607585	575409	Đăk Kôi	1,7	
2940	08	08	17	05	16	03	01				Không tên	Nước Ru	1,49	1607668	575620	Đăk Kôi	1608313	574550	Đăk Kôi	0,9	
2941	08	08	17	05	16	03	02				Không tên	Nước Ru	1,22	1608619	574002	Đăk Kôi	1609265	574899	Đăk Kôi	0,79	
2942	08	08	17	05	17						Nước Biên	Sê San	5,28	1606024	569854	Đăk Kôi	1607524	572824	Đăk Kôi	7,54	
2943	08	08	17	05	17	01					Không tên	Nước Biên	0,87	1606349	570805	Đăk Kôi	1606655	570021	Đăk Kôi	0,55	
2944	08	08	17	05	17	02					Không tên	Nước Biên	1,01	1606584	570775	Đăk Kôi	1607416	570300	Đăk Kôi	0,61	
2945	08	08	17	05	17	03					Không tên	Nước Biên	1,62	1607570	570294	Đăk Kôi	1607210	568837	Đăk Kôi	2,5	
2946	08	08	17	05	18						Nước Pờ Ô	Sê San	0,85	1607384	572795	Đăk Kôi	1606849	572230	Đăk Kôi	0,33	
2947	08	08	17	05	19						Nước Năng	Sê San	1,75	1607220	572952	Đăk Kôi	1608318	573948	Đăk Kôi	1,18	
2948	08	08	17	05	19	01					Không tên	Nước Năng	0,84	1607465	574511	Đăk Kôi	1607653	573827	Đăk Kôi	0,67	
2949	08	08	17	05	20						Nước Diệp	Sê San	2,04	1606883	573072	Đăk Kôi	1607103	574868	Đăk Kôi	1,52	
2950	08	08	17	05	20	01					Không tên	Nước Diệp	1,21	1606879	574823	Đăk Kôi	1607127	573994	Đăk Kôi	0,52	
2951	08	08	17	05	21						Không tên	Sê San	0,57	1606626	573006	Đăk Kôi	1606454	572488	Đăk Kôi	0,8	
2952	08	08	17	05	22						Không tên	Sê San	1,22	1606311	574202	Đăk Kôi	1605902	573207	Đăk Kôi	0,73	
2953	08	08	17	05	23						Nước Tơ Lung	Sê San	2,15	1606080	574655	Đăk Kôi	1606049	574642	Đăk Kôi	1,28	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2954	08	08	17	05	24						Nước Truồi	Sê San	1,11	1605542	574397	Đăk Kôi	1605167	573402	Đăk Kôi	0,94	
2955	08	08	17	05	25						Nước Pli	Sê San	1,2	1604773	574323	Đăk Kôi	1605016	573394	Đăk Kôi	0,85	
2956	08	08	17	05	26						Nước Hra	Sê San	0,5	1604748	573074	Đăk Kôi	1604638	572615	Đăk Kôi	0,41	
2957	08	08	17	05	27						Không tên	Sê San	0,77	1603583	573269	Đăk Kôi	1603585	572525	Đăk Kôi	97	
2958	08	08	17	05	27	01					Không tên	Sê San	0,86	1603614	572802	Đăk Kôi	1603688	572102	Đăk Kôi	0,38	
2959	08	08	17	05	28						Nước La Bùm	Sê San	1,48	1603257	571912	Đăk Kôi	1603510	573312	Đăk Kôi	0,79	
2960	08	08	17	05	29						Nước Pô	Sê San	1,57	1603617	574136	Đăk Kôi	1603618	574136	Đăk Kôi	0,96	
2961	08	08	17	05	29	01					Không tên	Nước Pô	0,5	1603175	573647	Đăk Kôi	1603614	573837	Đăk Kôi	0,29	
2962	08	08	17	05	30						Nước Bua	Sê San	1,62	1602964	572057	Kon Braih	1602763	573528	Đăk Kôi	0,83	
2963	08	08	17	6_1							Không tên	Sê San	0,82	1602702	572797	Đăk Kôi	1602256	573459	Đăk Kôi	0,37	
2964	08	08	17	6_2							Không tên	Sê San	1,02	1602178	573459	Kon Braih	1602475	572619	Đăk Kôi	0,44	
2965	08	08	17	6_3							Không Tên	Sê San	2,47	1602951	571682	Kon Braih	1601925	573523	Kon Braih	1,76	
2966	08	08	17	6_3	01						Không tên	Sê San	0,83	1602788	571668	Kon Braih	1602375	572362	Kon Braih	0,39	
2967	08	08	17	6_3	02						Suối Tơ Nưng	Sê San	2,1	1602410	571929	Kon Braih	1601895	573442	Kon Braih	0,67	
2968	08	08	17	6_4							Không tên	Sê San	0,83	1601493	573579	Kon Braih	1601949	574148	Kon Braih	0,28	
2969	08	08	17	6_5							Không Tên	Sê San	0,56	1600963	573951	Kon Braih	1601008	573497	Kon Braih	0,3	
2970	08	08	17	6_6							Không tên	Sê San	0,51	1600099	573458	Kon Braih	1600392	573054	Kon Braih	0,59	
2971	08	08	17	6_7							Suối Kon Nhênh	Sê San	4,81	1603254	571399	Kon Braih	1600109	572643	Kon Braih	5,09	
2972	08	08	17	6_7	01						Không Tên	Suối Kon Nhênh	0,61	1601726	570869	Kon Braih	1601476	570320	Kon Braih	0,33	
2973	08	08	17	6_7	02						Không Tên	Suối Kon Nhênh	1,05	1601496	571148	Kon Braih	1602458	571227	Kon Braih	0,69	
2974	08	08	17	6_7	03						Không Tên	Suối Kon Nhênh	0,99	1602284	571631	Kon Braih	1601441	571196	Kon Braih	0,45	
2975	08	08	17	6_7	04						Không Tên	Suối Kon Nhênh	0,68	1601421	571209	Kon Braih	1601140	570659	Kon Braih	0,29	
2976	08	08	17	6_7	05						Không Tên	Suối Kon Nhênh	1,25	1601301	571465	Kon Braih	1602348	571702	Kon Braih	0,85	
2977	08	08	17	6_7	06						Không Tên	Suối Kon Nhênh	2,58	1600160	572558	Kon Braih	1602097	571993	Kon Braih	1,28	
2978	08	08	17	6_7	06	01					Không tên	Suối Kon Nhênh	0,55	1601458	572315	Kon Braih	1601849	571967	Kon Braih	0,38	
2979	08	08	17	6_8							Không Tên	Sê San	2,31	1601228	571175	Kon Braih	1599835	572555	Kon Braih	3,58	
2980	08	08	17	6_8	01						Không Tên	Sê San	0,86	1600432	571422	Kon Braih	1600859	570716	Kon Braih	0,39	
2981	08	08	17	6_8	02						Không Tên	Sê San	1,34	1600982	570462	Kon Braih	1600362	571433	Kon Braih	0,68	
2982	08	08	17	6_8	03						Không Tên	Sê San	2,59	1600902	570302	Kon Braih	1599899	572143	Kon Braih	2,2	
2983	08	08	17	6_8	03	01					Không Tên	Sê San	0,66	1599992	570066	Kon Braih	1600003	570696	Kon Braih	0,22	
2984	08	08	17	6_8	03	02					Suối Knlen	Sê San	0,85	1599358	570209	Kon Braih	1599898	570761	Kon Braih	0,48	
2985	08	08	17	6_8	03	03					Suối nước Sạch	Sê San	0,9	1599811	571700	Kon Braih	1600136	570878	Kon Braih	0,63	
2986	08	08	17	6_8	03	04					Suối Deng	Sê San	0,92	1599544	571032	Kon Braih	1599819	571872	Kon Braih	0,72	
2987	08	08	17	6_8	03	05					Không Tên	Sê San	1,2	1599705	571914	Kon Braih	1599705	571914	Kon Braih	1,2	
2988	08	08	17	6_8	03	05	01				Không Tên	Sê San	0,58	1599113	571653	Kon Braih	1599626	571832	Kon Braih	0,36	
2989	08	08	17	6_9							Không Tên	Sê San	1,11	1598584	572281	Kon Braih	1599528	572799	Kon Braih	1,44	
2990	08	08	17	6_9	01						Không Tên	Suối Kon Nhênh	1,03	1599444	572723	Kon Braih	1599108	571804	Kon Braih	0,63	
2991	08	08	17	06							Sông Đăk Pơ Ne	Sông Đăk Bla	56	1615029,02 1	596154	Măng Đen	1599433	573639	Kon Braih	490	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
2992	08	08	17	06	1_1						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1	1614809	594220	Măng Đen	1615278	594909	Măng Đen	0,94	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
2993	08	08	17	06	1_2						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,78	1615934	595135	Măng Đen	1615438	594624	Măng Đen	0,86	
2994	08	08	17	06	1_3						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,91	1615004	593965	Măng Đen	1614612	593211	Măng Đen	0,64	
2995	08	08	17	06	1_4						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,57	1613299	592443	Măng Đen	1614227	593077	Măng Đen	1,37	
2996	08	08	17	06	1_5						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,77	1613679	592511	Măng Đen	1614239	593028	Măng Đen	0,78	
2997	08	08	17	06	1_5						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,62	1616739	592656	Măng Đen	1616469	592133	Măng Đen	0,46	
2998	08	08	17	06	1_6						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,61	1613911	592566	Măng Đen	1614470	592465	Măng Đen	0,62	
2999	08	08	17	06	1_7						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,07	1614856	592815	Măng Đen	1614833	592258	Măng Đen	0,96	
3000	08	08	17	06	1_8						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,92	1614671	591882	Măng Đen	1613850	591849	Măng Đen	1,67	
3001	08	08	17	06	1_8	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,81	1613820	592392	Măng Đen	1614441	591902	Măng Đen	0,76	
3002	08	08	17	06	1_9						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,69	1614206	591554	Măng Đen	1614836	591622	Măng Đen	0,73	
3003	08	08	17	06	1_10						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,77	1614253	591253	Măng Đen	1614856	591520	Măng Đen	0,83	
3004	08	08	17	06	1_11						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,35	1614819	590424	Măng Đen	1614969	591504	Măng Đen	2,08	
3005	08	08	17	06	1_11	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,68	1615629	590690	Măng Đen	1615209	590944	Măng Đen	0,67	
3006	08	08	17	06	1_11	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,01	1614381	590459	Măng Đen	1615022	591136	Măng Đen	1,29	
3007	08	08	17	06	1_12						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,98	1615643	591294	Măng Đen	1615482	591899	Măng Đen	0,67	
3008	08	08	17	06	1_13						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,09	1614995	593003	Măng Đen	1616151	592297	Măng Đen	1,28	
3009	08	08	17	06	1_13	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,71	1615124	593114	Măng Đen	1615799	593126	Măng Đen	0,67	
3010	08	08	17	06	1_13	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,56	1615528	592654	Măng Đen	1616042	592552	Măng Đen	0,37	
3011	08	08	17	06	1_13	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,57	1616435	592839	Măng Đen	1616155	592400	Măng Đen	0,29	
3012	08	08	17	06	1_14						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,38	1615829	591174	Măng Đen	1616411	592148	Măng Đen	0,85	
3013	08	08	17	06	1_16						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,74	1616266	591544	Măng Đen	1616610	592039	Măng Đen	0,37	
3014	08	08	17	06	1_16	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,25	1616103	591252	Măng Đen	1616340	591266	Măng Đen	0,06	
3015	08	08	17	06	1_16	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,3	1619058	588134	Măng Đen	1617989	587636	Măng Đen	0,92	
3016	08	08	17	06	1_17						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,9	1616527	591248	Măng Đen	1616975	591875	Măng Đen	0,73	
3017	08	08	17	06	1_18						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,83	1616951	592483	Măng Đen	1617218	591844	Măng Đen	0,67	
3018	08	08	17	06	1_19						Suối Măng Ke	Sông Đăk Pơ Ne	4,2	1617907	591877	Măng Đen	1616240	594102	Măng Đen	7,79	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3019	08	08	17	06	1_19	01					Không tên	Suối Măng Ke	0,61	1616010	593321	Măng Đen	1616611	593268	Măng Đen	0,85	
3020	08	08	17	06	1_19	02					Không tên	Suối Măng Ke	1,69	1617198	593233	Măng Đen	1618513	594018	Măng Đen	2,5	
3021	08	08	17	06	1_19	02	01				Không tên	Suối Măng Ke	1,23	1617208	594659	Măng Đen	1617302	593475	Măng Đen	0,85	
3022	08	08	17	06	1_19	02	02				Không tên	Suối Măng Ke	1,39	1616591	594403	Măng Đen	1617231	593382	Măng Đen	0,62	
3023	08	08	17	06	1_19	03					Không tên	Suối Măng Ke	0,68	1617950	593198	Măng Đen	1617293	593187	Măng Đen	0,51	
3024	08	08	17	06	1_19	04					Không tên	Suối Măng Ke	0,78	1617410	592728	Măng Đen	1618019	593064	Măng Đen	0,66	
3025	08	08	17	06	1_19	05					Không tên	Suối Măng Ke	1,49	1618790	593412	Măng Đen	1617864	592420	Măng Đen	0,96	
3026	08	08	17	06	1_19	06					Không tên	Suối Măng Ke	1,39	1619028	591894	Măng Đen	1617952	592010	Măng Đen	0,92	
3027	08	08	17	06	1_20						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,56	1617433	591515	Măng Đen	1617814	591349	Măng Đen	0,13	
3028	08	08	17	06	1_21						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,86	1618849	591531	Măng Đen	1618192	590526	Măng Đen	0,76	
3029	08	08	17	06	1_22						Đăk Pơ Ne	Sông Đăk Pơ Ne	9,25	1623176	591409	Măng Đen	1618186	590269	Măng Đen	18,23	
3030	08	08	17	06	1_22	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,78	1621033	593346	Măng Đen	1622531	592685	Măng Đen	3,36	
3031	08	08	17	06	1_22	01	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,01	1621192	593796	Măng Đen	1621161	594621	Măng Đen	0,96	
3032	08	08	17	06	1_22	01	01	01			Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,31	1620676	593937	Măng Đen	1620974	593997	Măng Đen	0,12	
3033	08	08	17	06	1_22	01	02				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,93	1621880	594542	Măng Đen	1621564	593847	Măng Đen	0,75	
3034	08	08	17	06	1_22	01	03				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,59	1621929	594367	Măng Đen	1621827	593813	Măng Đen	0,34	
3035	08	08	17	06	1_22	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,74	1622643	591969	Măng Đen	1622268	592455	Măng Đen	0,46	
3036	08	08	17	06	1_22	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,23	1622773	591524	Măng Đen	1622061	592351	Măng Đen	0,76	
3037	08	08	17	06	1_22	04					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,59	1621745	592642	Măng Đen	1621770	592074	Măng Đen	0,33	
3038	08	08	17	06	1_22	05					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,34	1622372	591349	Măng Đen	1621495	591994	Măng Đen	0,84	
3039	08	08	17	06	1_22	06					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,73	1620716	592458	Măng Đen	1621036	591808	Măng Đen	0,56	
3040	08	08	17	06	1_22	07					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,59	1620465	591878	Măng Đen	1620986	591606	Măng Đen	0,37	
3041	08	08	17	06	1_22	08					Suối Măng Cô	Sông Đăk Pơ Ne	1,91	1622524	590335	Măng Đen	1621008	591259	Măng Đen	2,23	
3042	08	08	17	06	1_22	09					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,71	1620714	591244	Măng Đen	1620988	590645	Măng Đen	0,6	
3043	08	08	17	06	1_22	10					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,62	1621558	590464	Măng Đen	1620976	590595	Măng Đen	0,76	
3044	08	08	17	06	1_22	11					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,5	1621945	589612	Măng Đen	1620267	590495	Măng Đen	1,35	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3045	08	08	17	06	1_22	11	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,92	1621243	590041	Măng Đen	1620456	590234	Măng Đen	0,95	
3046	08	08	17	06	1_22	12					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	6,07	1619698	590822	Kon Plông	1620005	595085	Măng Đen	6,27	
3047	08	08	17	06	1_22	12	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,02	1619026	595205	Kon Plông	1619080	594243	Kon Plông	0,48	
3048	08	08	17	06	1_22	12	02				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,12	1618403	594783	Măng Đen	1619002	594118	Măng Đen	0,55	
3049	08	08	17	06	1_22	12	03				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,04	1620389	593867	Măng Đen	1619688	593302	Măng Đen	0,64	
3050	08	08	17	06	1_22	12	04				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,8	1619095	593171	Măng Đen	1619796	593060	Măng Đen	0,53	
3051	08	08	17	06	1_22	12	05				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,81	1620605	593269	Măng Đen	1620034	592900	Măng Đen	0,79	
3052	08	08	17	06	1_22	12	06				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,67	1620571	592202	Măng Đen	1620025	592553	Măng Đen	0,93	
3053	08	08	17	06	1_22	12	06	01			Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,62	1620033	591849	Măng Đen	1620211	592413	Măng Đen	0,46	
3054	08	08	17	06	1_22	12	07				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,6	1620303	591320	Măng Đen	1619756	591154	Măng Đen	0,55	
3055	08	08	17	06	1_22	13					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	4,09	1622006	588929	Măng Đen	1618938	590648	Măng Đen	3,29	
3056	08	08	17	06	1_22	13	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,76	1620397	588200	Măng Đen	1620787	588828	Măng Đen	0,84	
3057	08	08	17	06	1_22	13	02				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,7	1621142	589226	Măng Đen	1620621	589046	Măng Đen	0,67	
3058	08	08	17	06	1_22	14					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,83	1619173	589865	Măng Đen	1618623	590326	Măng Đen	0,76	
3059	08	08	17	06	1_23						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,27	1617362	591248	Măng Đen	1617900	590170	Măng Đen	0,94	
3060	08	08	17	06	1_24						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,54	1617453	588693	Măng Đen	1619733	589102	Măng Đen	3,8	
3061	08	08	17	06	1_24	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,68	1619585	588475	Măng Đen	1619026	588804	Măng Đen	0,3	
3062	08	08	17	06	1_24	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,71	1618583	588488	Măng Đen	1618000	588757	Măng Đen	0,64	
3063	08	08	17	06	1_24	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,1	1617951	588756	Măng Đen	1619614	589311	Măng Đen	1,2	
3064	08	08	17	06	1_24	03	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,71	1619065	589701	Măng Đen	1618630	589313	Măng Đen	0,35	
3065	08	08	17	06	1_25_1						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,82	1618189	588308	Măng Đen	1617431	588456	Măng Đen	0,43	
3066	08	08	17	06	1_25						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	4,26	1617063	588228	Măng Đen	1614080	589885	Măng Đen	8,5	
3067	08	08	17	06	1_25	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,9	1614360	589245	Măng Đen	1615163	589620	Măng Đen	1,09	
3068	08	08	17	06	1_25	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1	1615185	590426	Măng Đen	1615217	589588	Măng Đen	0,94	
3069	08	08	17	06	1_25	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,72	1614944	588948	Măng Đen	1615494	589261	Măng Đen	0,71	
3070	08	08	17	06	1_25	04					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,22	1615008	588280	Măng Đen	1615675	589084	Măng Đen	0,92	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3071	08	08	17	06	1_25	05					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,81	1615798	589079	Măng Đen	1615641	590572	Măng Đen	1,67	
3072	08	08	17	06	1_25	06					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,79	1615662	588572	Măng Đen	1616275	588438	Măng Đen	0,66	
3073	08	08	17	06	1_25	07					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,99	1615966	587908	Măng Đen	1616698	588232	Măng Đen	0,97	
3074	08	08	17	06	1_25	08					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	3,75	1616808	588257	Măng Đen	1617134	591300	Măng Đen	3,76	
3075	08	08	17	06	1_25	08	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,59	1616706	590607	Măng Đen	1616361	590917	Măng Đen	0,38	
3076	08	08	17	06	1_25	08	02				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,27	1615770	590727	Măng Đen	1616623	590130	Măng Đen	0,72	
3077	08	08	17	06	1_25	08	03				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,32	1617437	590702	Măng Đen	1616882	589595	Măng Đen	0,7	
3078	08	08	17	06	1_25	08	04				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,19	1616025	589591	Măng Đen	1616742	589319	Măng Đen	0,45	
3079	08	08	17	06	1_26						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,96	1617452	587630	Măng Đen	1619182	587731	Măng Đen	1,62	
3080	08	08	17	06	1_27						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,65	1618275	586571	Măng Đen	1616912	586992	Măng Đen	1,06	
3081	08	08	17	06	1_28						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,92	1616758	587719	Măng Đen	1616698	586992	Măng Đen	0,53	
3082	08	08	17	06	1_29						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,65	1617238	586453	Măng Đen	1616670	586615	Măng Đen	0,37	
3083	08	08	17	06	1_30						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,55	1616831	586022	Măng Đen	1616571	586470	Măng Đen	0,46	
3084	08	08	17	06	1_31						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,76	1616870	585881	Măng Đen	1616227	586191	Măng Đen	0,68	
3085	08	08	17	06	1_31	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,48	1616516	585639	Măng Đen	1616358	586078	Măng Đen	0,23	
3086	08	08	17	06	1_32						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,63	1616327	585572	Măng Đen	1616155	586173	Măng Đen	0,52	
3087	08	08	17	06	1_33						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,5	1615197	586670	Măng Đen	1615255	588177	Măng Đen	1,48	
3088	08	08	17	06	1_33	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,78	1615555	587855	Măng Đen	1615567	587107	Măng Đen	0,67	
3089	08	08	17	06	1_34						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,84	1615177	585827	Măng Đen	1614816	586547	Măng Đen	0,64	
3090	08	08	17	06	1_35						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,87	1614654	586546	Măng Đen	1615364	587862	Măng Đen	1,2	
3091	08	08	17	06	1_35	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,67	1614100	586947	Măng Đen	1614697	587156	Măng Đen	0,67	
3092	08	08	17	06	1_36						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,28	1615888	585342	Măng Đen	1614247	586161	Măng Đen	1,12	
3093	08	08	17	06	1_37						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,9	1613925	585871	Măng Đen	1613742	586675	Măng Đen	0,88	
3094	08	08	17	06	1_39						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,86	1614080	587401	Măng Đen	1613577	586808	Măng Đen	0,67	
3095	08	08	17	06	1_40						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,63	1613380	586308	Măng Đen	1613007	586673	Măng Đen	0,77	
3096	08	08	17	06	1_41						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	3,43	1614436	585288	Măng Đen	1612194	586377	Măng Đen	2,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3097	08	08	17	06	1_41	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,87	1613373	585424	Măng Đen	1612630	585769	Măng Đen	0,52	
3098	08	08	17	06	1_41	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,17	1613619	585712	Măng Đen	1612575	585892	Măng Đen	0,67	
3099	08	08	17	06	1_41	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,61	1612399	585545	Măng Đen	1612252	586112	Măng Đen	0,37	
3100	08	08	17	06	1_42						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	4,41	1612058	586747	Măng Đen	1614469	589060	Măng Đen	5,66	
3101	08	08	17	06	1_42	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,6	1613739	588881	Măng Đen	1613609	589368	Măng Đen	1,38	
3102	08	08	17	06	1_42	01	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,61	1613086	588883	Măng Đen	1613574	589002	Măng Đen	0,94	
3103	08	08	17	06	1_42	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,62	1613027	588677	Măng Đen	1613617	588590	Măng Đen	0,88	
3104	08	08	17	06	1_42	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,64	1614233	588690	Măng Đen	1613670	588489	Măng Đen	0,67	
3105	08	08	17	06	1_42	04					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,05	1613598	587618	Măng Đen	1614778	588916	Măng Đen	1,56	
3106	08	08	17	06	1_42	04	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,89	1615066	588067	Măng Đen	1614309	588009	Măng Đen	0,86	
3107	08	08	17	06	1_42	04	02				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,57	1614571	587765	Măng Đen	1614032	587767	Măng Đen	0,39	
3108	08	08	17	06	1_42	05					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,74	1613127	588054	Măng Đen	1613284	587448	Măng Đen	0,83	
3109	08	08	17	06	1_42	06					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,32	1612087	588139	Măng Đen	1612671	587342	Măng Đen	1,67	
3110	08	08	17	06	1_43						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,89	1611597	587057	Măng Đen	1612305	587565	Măng Đen	0,73	
3111	08	08	17	06	1_43	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,02	1611961	587974	Măng Đen	1611740	587121	Măng Đen	0,59	
3112	08	08	17	06	1_44						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,94	1611747	587985	Măng Đen	1611175	587269	Măng Đen	0,47	
3113	08	08	17	06	1_45						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,48	1611869	586015	Măng Đen	1610721	586632	Măng Đen	0,94	
3114	08	08	17	06	1_46						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	2,06	1611643	585221	Măng Đen	1610425	586626	Măng Đen	1,11	
3115	08	08	17	06	1_47						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,04	1610309	585765	Măng Đen	1610152	586776	Măng Đen	0,67	
3116	08	08	17	06	1_48						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	4,48	1609917	587129	Măng Đen	1613057	589182	Đăk Rve	3,89	
3117	08	08	17	06	1_48	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,23	1611091	589423	Măng Đen	1611602	588851	Măng Đen	0,89	
3118	08	08	17	06	1_48	02					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,93	1611936	588393	Măng Đen	1611096	588645	Măng Đen	0,72	
3119	08	08	17	06	1_48	03					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,68	1611454	588037	Măng Đen	1610893	588344	Măng Đen	0,53	
3120	08	08	17	06	1_48	04					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,72	1610283	588739	Măng Đen	1610473	588115	Măng Đen	0,45	
3121	08	08	17	06	1_48	05					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,49	1609862	588216	Đăk Rve	1610290	588020	Đăk Rve	0,34	
3122	08	08	17	06	1_48	06					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,88	1611135	587878	Măng Đen	1610290	587704	Đăk Rve	0,66	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3123	08	08	17	06	1_49						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1	1609755	585969	Đăk Rve	1609545	586883	Đăk Rve	0,55	
3124	08	08	17	06	1_50_1						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,07	1609398	586147	Đăk Rve	1609144	587117	Đăk Rve	0,62	
3125	08	08	17	06	1_50						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	3,46	1610882	588922	Măng Đen	1609137	587144	Đăk Rve	1,64	
3126	08	08	17	06	1_50	01					Suối Đăk Léo	Sông Đăk Pơ Ne	0,85	1609731	588197	Đăk Rve	1609194	587554	Đăk Rve	0,67	
3127	08	08	17	06	1_51						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	4,07	1611245	585198	Măng Đen	1608431	587025	Đăk Rve	2,44	
3128	08	08	17	06	1_51	01					Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,44	1608555	585573	Đăk Rve	1608445	586973	Đăk Rve	0,57	
3129	08	08	17	06	1_51	01	01				Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,97	1608496	586345	Đăk Rve	1608751	585468	Đăk Rve	0,5	
3130	08	08	17	06	1_52						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,42	1608686	588467	Đăk Rve	1608270	587164	Đăk Rve	0,65	
3131	08	08	17	06	1_53						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	1,67	1608345	585638	Đăk Rve	1607757	586995	Đăk Rve	0,82	
3132	08	08	17	06	1_54						Suối Đăk sorai	Sông Đăk Pơ Ne	1,51	1607855	585135	Đăk Rve	1606672	585954	Đăk Rve	0,85	
3133	08	08	17	06	1_54	01					Không tên	Suối Đăk sorai	1,08	1607717	585643	Đăk Rve	1606833	585889	Đăk Rve	0,59	
3134	08	08	17	06	1_55						Không tên	Sông Đăk Pơ Ne	0,67	1607012	585290	Đăk Rve	1606379	585454	Đăk Rve	0,62	
3135	08	08	17	06	1_56						Suối Đăk Long	Sông Đăk Pơ Ne	1,58	1607578	584934	Đăk Rve	1606235	585274	Đăk Rve	1,35	
3136	08	08	17	06	1_56	01					Suối Đăk hơ nưng	Suối Đăk Long	0,79	1607369	585106	Đăk Rve	1606593	585009	Đăk Rve	0,46	
3137	08	08	17	06	01						Sông Đăk Pne	Sông Đăk Pơ Ne	12,5	1600121	589991	Đăk Rve	1599433	573639	Kon Brai	291	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3138	08	08	17	06	01	2_1					Không tên	Sông Đăk Pne	0,65	1600479	590507	Đăk Rve	1600113	590009	Đăk Rve	0,12	
3139	08	08	17	06	01	2_2					Không tên	Sông Đăk Pne	0,49	1599819	589608	Đăk Rve	1600238	589834	Đăk Rve	0,09	
3140	08	08	17	06	01	2_3					Không tên	Sông Đăk Pne	1,47	1601563	590670	Đăk Rve	1600555	589859	Đăk Rve	1,16	
3141	08	08	17	06	01	2_4					Không tên	Sông Đăk Pne	0,63	1601171	590050	Đăk Rve	1600659	589704	Đăk Rve	0,19	
3142	08	08	17	06	01	2_5					Đăk Răk	Sông Đăk Pne	7,63	1595024	586275	Đăk Rve	1600620	589498	Đăk Rve	11,34	
3143	08	08	17	06	01	2_5	01				Không tên	Đăk Răk	1,17	1596010	585986	Đăk Rve	1596748	586853	Đăk Rve	1,09	
3144	08	08	17	06	01	2_5	02				Không tên	Đăk Răk	1,26	1596808	585765	Đăk Rve	1597178	586940	Đăk Rve	0,84	
3145	08	08	17	06	01	2_5	03				Không tên	Đăk Răk	0,6	1597528	586530	Đăk Rve	1597240	587010	Đăk Rve	0,56	
3146	08	08	17	06	01	2_5	04				Không tên	Đăk Răk	0,73	1596714	587471	Đăk Rve	1597370	587602	Đăk Rve	0,68	
3147	08	08	17	06	01	2_5	05				Không tên	Đăk Răk	0,73	1597139	588198	Đăk Rve	1597811	588028	Đăk Rve	0,85	
3148	08	08	17	06	01	2_5	06				Không tên	Đăk Răk	1,02	1598149	587098	Đăk Rve	1597835	588039	Đăk Rve	1,15	
3149	08	08	17	06	01	2_5	07				Không tên	Đăk Răk	0,6	1598719	587841	Đăk Rve	1598515	588372	Đăk Rve	0,68	
3150	08	08	17	06	01	2_5	08				Không tên	Đăk Răk	2,34	1598388	587259	Đăk Rve	1599689	588410	Đăk Rve	2,67	
3151	08	08	17	06	01	2_5	08	01			Suối Đăk Răc	Đăk Răk	1,59	1597917	586474	Đăk Rve	1599049	587410	Đăk Rve	1,35	
3152	08	08	17	06	01	2_5	08	02			Không tên	Đăk Răk	1,13	1600209	586623	Đăk Rve	1599670	587605	Đăk Rve	0,84	
3153	08	08	17	06	01	2_5	08	02	01		Không tên	Đăk Răk	0,77	1599383	586824	Đăk Rve	1599721	587511	Đăk Rve	0,49	
3154	08	08	17	06	01	2_5	09				Không tên	Đăk Răk	0,66	1600185	587952	Đăk Rve	1599776	588458	Đăk Rve	0,37	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3155	08	08	17	06	01	2_5	10				Không tên	Đăk Răk	0,81	1599318	589202	Đăk Rve	1599872	588700	Đăk Rve	0,92	
3156	08	08	17	06	01	2_5	11				Không tên	Đăk Răk	0,6	1599954	589400	Đăk Rve	1600095	588850	Đăk Rve	0,62	
3157	08	08	17	06	01	2_6					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,87	1601797	590701	Đăk Rve	1601093	589066	Đăk Rve	0,94	
3158	08	08	17	06	01	2_7					Không tên	Sông Đăk Pnê	0,4	1600581	588668	Đăk Rve	1600973	588737	Đăk Rve	0,22	
3159	08	08	17	06	01	2_8					Không tên	Sông Đăk Pnê	2,11	1600737	586848	Đăk Rve	1601162	588683	Đăk Rve	1,46	
3160	08	08	17	06	01	2_9					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,95	1601008	586870	Đăk Rve	1601483	588682	Đăk Rve	1,42	
3161	08	08	17	06	01	2_9	01				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,42	1601375	587066	Đăk Rve	1601226	587460	Đăk Rve	0,09	
3162	08	08	17	06	01	2_9	02				Không tên	Sông Đăk Pnê	1,14	1602255	587629	Đăk Rve	1601358	588198	Đăk Rve	0,86	
3163	08	08	17	06	01	2_9	02	01			Không tên	Sông Đăk Pnê	0,76	1602199	587833	Đăk Rve	1601488	588003	Đăk Rve	0,37	
3164	08	08	17	06	01	2_10					Không tên	Sông Đăk Pnê	0,53	1601551	589226	Đăk Rve	1601595	588715	Đăk Rve	0,64	
3165	08	08	17	06	01	2_11					Không tên	Sông Đăk Pnê	0,5	1602446	588423	Đăk Rve	1602022	588645	Đăk Rve	0,38	
3166	08	08	17	06	01	2_12					Không tên	Sông Đăk Pnê	0,45	1601995	589218	Đăk Rve	1602345	588936	Đăk Rve	0,43	
3167	08	08	17	06	01	2_13					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,56	1602007	590563	Đăk Rve	1602529	589312	Đăk Rve	0,88	
3168	08	08	17	06	01	2_14					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,2	1602123	590425	Đăk Rve	1602620	589393	Đăk Rve	0,71	
3169	08	08	17	06	01	2_15					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,07	1602538	590411	Đăk Rve	1602743	589391	Đăk Rve	0,64	
3170	08	08	17	06	01	2_16					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,53	1602629	590746	Đăk Rve	1602866	589297	Đăk Rve	0,77	
3171	08	08	17	06	01	2_17					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,87	1602992	590861	Đăk Rve	1603030	589094	Đăk Rve	0,77	
3172	08	08	17	06	01	2_18					Suối Đăk phe	Sông Đăk Pnê	0,97	1603482	589692	Đăk Rve	1603076	589013	Đăk Rve	0,91	
3173	08	08	17	06	01	2_19					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,45	1603096	588896	Đăk Rve	1602821	587799	Đăk Rve	0,6	
3174	08	08	17	06	01	2_20					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,03	1603015	587807	Đăk Rve	1603413	588649	Đăk Rve	0,48	
3175	08	08	17	06	01	2_21					Không tên	Sông Đăk Pnê	1,02	1603311	588180	Đăk Rve	1603810	588494	Đăk Rve	0,59	
3176	08	08	17	06	01	2_22					Không tên	Sông Đăk Pnê	7,52	1603837	588490	Đăk Rve	1605216	594706	Đăk Rve	11,06	
3177	08	08	17	06	01	2_22	01				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,67	1605733	593176	Đăk Rve	1605206	592843	Đăk Rve	0,53	
3178	08	08	17	06	01	2_22	02				Suối Đăk Rrôi	Sông Đăk Pnê	1,3	1605178	592725	Đăk Rve	1604245	593439	Đăk Rve	0,95	
3179	08	08	17	06	01	2_22	02	01			Suối Đăk Rogáp	Sông Đăk Pnê	0,71	1604629	593343	Đăk Rve	1605092	592812	Đăk Rve	0,46	
3180	08	08	17	06	01	2_22	03				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,84	1605727	592395	Đăk Rve	1604956	592243	Đăk Rve	0,78	
3181	08	08	17	06	01	2_22	04				Suối Đăk ngeng	Sông Đăk Pnê	1,41	1603990	593059	Đăk Rve	1604968	592214	Đăk Rve	0,57	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3182	08	08	17	06	01	2_22	05				Không tên	Sông Đăk Pnê	1,31	1603790	592521	Đăk Rve	1604853	591837	Đăk Rve	0,59	
3183	08	08	17	06	01	2_22	06				Không tên	Sông Đăk Pnê	1,13	1605758	591781	Đăk Rve	1604828	591359	Đăk Rve	0,59	
3184	08	08	17	06	01	2_22	07				Suối Đăk Ở trắng	Sông Đăk Pnê	1,48	1604786	591245	Đăk Rve	1603780	592254	Đăk Rve	0,77	
3185	08	08	17	06	01	2_22	08				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,82	1605523	590920	Đăk Rve	1604724	590898	Đăk Rve	0,49	
3186	08	08	17	06	01	2_22	09				Không tên	Sông Đăk Pnê	1,42	1604692	590871	Đăk Rve	1603537	591634	Đăk Rve	0,83	
3187	08	08	17	06	01	2_22	10				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,69	1605411	590717	Đăk Rve	1604769	590511	Đăk Rve	0,35	
3188	08	08	17	06	01	2_22	11				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,65	1604224	590666	Đăk Rve	1604660	590195	Đăk Rve	0,29	
3189	08	08	17	06	01	2_22	12				Không tên	Sông Đăk Pnê	0,61	1605227	590089	Đăk Rve	1604636	590064	Đăk Rve	0,23	
3190	08	08	17	06	01	2_22	13				Suối Đăk Rrang bơi	Sông Đăk Pnê	1,82	1603595	590880	Đăk Rve	1603596	590878	Đăk Rve	0,95	
3191	08	08	17	06	01	2_22	14				Suối Đăk ngeng	Sông Đăk Pnê	1,95	1604222	589674	Đăk Rve	1603031	591148	Đăk Rve	0,93	
3192	08	08	17	06	01	2_22	15				Suối Đăk ngen	Sông Đăk Pnê	0,48	1603746	589587	Đăk Rve	1604188	589618	Đăk Rve	0,26	
3193	08	08	17	06	01	2_22	16				Không tên	Sông Đăk Pnê	1,01	1605142	589458	Đăk Rve	1604178	589573	Đăk Rve	0,77	
3194	08	08	17	06	01	2_22	17				Suối Đăk Hnheng	Sông Đăk Pnê	0,67	1603937	588561	Đăk Rve	1603642	589129	Đăk Rve	0,41	
3195	08	08	17	06	01	2_23					Không tên	Sông Đăk Pnê	0,49	1603468	587831	Đăk Rve	1603821	588142	Đăk Rve	0,15	
3196	08	08	17	06	01	2_24					Suối Đăk Po	Sông Đăk Pnê	9,04	1605027	587846	Đăk Rve	1608707	593669	Đăk Rve	19,84	
3197	08	08	17	06	01	2_24	1_1				Không tên	Suối Đăk Po	0,91	1607691	593618	Đăk Rve	1607325	594359	Đăk Rve	0,64	
3198	08	08	17	06	01	2_24	1_2				Không tên	Suối Đăk Po	0,69	1607343	593024	Đăk Rve	1607651	592410	Đăk Rve	0,77	
3199	08	08	17	06	01	2_24	01				Không tên	Suối Đăk Po	2,97	1607812	591987	Đăk Rve	1609770	593374	Đăk Rve	2,83	
3200	08	08	17	06	01	2_24	01	01			Không tên	Suối Đăk Po	0,95	1610168	593236	Đăk Rve	1609566	592613	Đăk Rve	0,56	
3201	08	08	17	06	01	2_24	01	02			Không tên	Suối Đăk Po	1,23	1609245	592479	Đăk Rve	1609416	593675	Đăk Rve	0,92	
3202	08	08	17	06	01	2_24	01	02	01		Không tên	Suối Đăk Po	0,74	1609590	593533	Đăk Rve	1609292	592907	Đăk Rve	0,37	
3203	08	08	17	06	01	2_24	01	03			Không tên	Suối Đăk Po	0,83	1608535	592894	Đăk Rve	1608075	592230	Đăk Rve	0,67	
3204	08	08	17	06	01	2_24	02				Không tên	Suối Đăk Po	2,81	1608168	591372	Đăk Rve	1610285	592795	Đăk Rve	2,95	
3205	08	08	17	06	01	2_24	02	01			Không tên	Suối Đăk Po	1,11	1610488	592222	Đăk Rve	1609685	592118	Đăk Rve	0,52	
3206	08	08	17	06	01	2_24	02	02			Không tên	Suối Đăk Po	0,87	1609954	591488	Đăk Rve	1609165	591787	Đăk Rve	0,53	
3207	08	08	17	06	01	2_24	02	02	01		Không tên	Suối Đăk Po	0,83	1609271	591687	Đăk Rve	1609887	591291	Đăk Rve	0,27	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3208	08	08	17	06	01	2_24	03				Không tên	Suối Đăk Po	0,57	1607627	591453	Đăk Rve	1608158	591278	Đăk Rve	0,41	
3209	08	08	17	06	01	2_24	04				Không tên	Suối Đăk Po	1,46	1609556	590967	Đăk Rve	1608207	591084	Đăk Rve	0,77	
3210	08	08	17	06	01	2_24	05				Không tên	Suối Đăk Po	5,84	1606714	590242	Đăk Rve	1606737	592810	Đăk Rve	5,48	
3211	08	08	17	06	01	2_24	05	01			Không tên	Suối Đăk Po	0,77	1607028	594285	Đăk Rve	1606680	593748	Đăk Rve	0,67	
3212	08	08	17	06	01	2_24	05	02			Không tên	Suối Đăk Po	0,64	1607317	593242	Đăk Rve	1606816	593440	Đăk Rve	0,34	
3213	08	08	17	06	01	2_24	05	03			Không tên	Suối Đăk Po	0,82	1606271	593426	Đăk Rve	1606737	592810	Đăk Rve	0,56	
3214	08	08	17	06	01	2_24	05	04			Không tên	Suối Đăk Po	0,67	1607166	592291	Đăk Rve	1606665	592051	Đăk Rve	0,66	
3215	08	08	17	06	01	2_24	05	05			Không tên	Suối Đăk Po	1,33	1605883	592234	Đăk Rve	1606752	591307	Đăk Rve	1,23	
3216	08	08	17	06	01	2_24	05	06			Không tên	Suối Đăk Po	1,05	1607310	591950	Đăk Rve	1606883	591006	Đăk Rve	0,72	
3217	08	08	17	06	01	2_24	06				Không tên	Suối Đăk Po	1,26	1605780	591046	Đăk Rve	1606359	589970	Đăk Rve	1,18	
3218	08	08	17	06	01	2_24	07				Không tên	Suối Đăk Po	0,85	1605629	590328	Đăk Rve	1606029	589590	Đăk Rve	0,88	
3219	08	08	17	06	01	2_24	08				Không tên	Suối Đăk Po	0,67	1606514	588996	Đăk Rve	1605882	589167	Đăk Rve	0,64	
3220	08	08	17	06	01	2_24	09				Không tên	Suối Đăk Po	0,81	1605437	589949	Đăk Rve	1605644	589172	Đăk Rve	0,71	
3221	08	08	17	06	01	2_24	10				Không tên	Suối Đăk Po	1,07	1606366	588223	Đăk Rve	1605370	588532	Đăk Rve	0,59	
3222	08	08	17	06	01	02					Sông Đăk Pui	Sông Đăk Pui	25,34	1592684	585505	Đăk Rve	1605201	587485	Đăk Rve	53,98	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3223	08	08	17	06	01	02	01				Không tên	Sông Đăk Pui	1,07	1592140	584763	Đăk Rve	1592114	585682	Đăk Rve	1,15	
3224	08	08	17	06	01	02	01	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,77	1591830	585594	Đăk Rve	1591929	585000	Đăk Rve	0,65	
3225	08	08	17	06	01	02	02				Không tên	Sông Đăk Pui	0,45	1592059	584433	Đăk Rve	1591701	584658	Đăk Rve	0,44	
3226	08	08	17	06	01	02	03				Không tên	Sông Đăk Pui	0,76	1591551	584478	Đăk Rve	1591982	583924	Đăk Rve	0,77	
3227	08	08	17	06	01	02	03				Không tên	Sông Đăk Pui	1,58	1592076	584045	Đăk Rve	1592886	585353	Đăk Rve	1	
3228	08	08	17	06	01	02	04				Không tên	Sông Đăk Pui	0,85	1592649	583938	Đăk Rve	1592006	583505	Đăk Rve	1,34	
3229	08	08	17	06	01	02	05				Không tên	Sông Đăk Pui	0,91	1591519	583859	Đăk Rve	1591975	583341	Đăk Rve	0,92	
3230	08	08	17	06	01	02	06				Không tên	Sông Đăk Pui	0,86	1591334	583091	Đăk Rve	1592091	583183	Đăk Rve	1,64	
3231	08	08	17	06	01	02	07				Không tên	Sông Đăk Pui	2,25	1593040	583087	Đăk Rve	1593391	585002	Đăk Rve	1,43	
3232	08	08	17	06	01	02	07	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,9	1593054	584948	Đăk Rve	1593241	584167	Đăk Rve	0,62	
3233	08	08	17	06	01	02	08				Không tên	Sông Đăk Pui	0,86	1592375	582483	Đăk Rve	1593040	583004	Đăk Rve	0,51	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3234	08	08	17	06	01	02	09				Không tên	Sông Đăk Pui	0,79	1592617	582342	Đăk Rve	1593087	582951	Đăk Rve	0,74	
3235	08	08	17	06	01	02	10				Không tên	Sông Đăk Pui	0,7	1593528	583439	Đăk Rve	1593395	582842	Đăk Rve	0,82	
3236	08	08	17	06	01	02	11_1				Không tên	Sông Đăk Pne	0,67	1592924	582340	Đăk Rve	1593467	582563	Đăk Rve	0,67	
3237	08	08	17	06	01	02	11				Đăk Pui	Sông Đăk Pui	3,23	1594196	581927	Đăk Rve	1591532	582544	Đăk Rve	5,03	
3238	08	08	17	06	01	02	11	01			Không tên	Đăk Pui	0,51	1591757	581661	Đăk Rve	1592117	582004	Đăk Rve	0,64	
3239	08	08	17	06	01	02	11	02			Không tên	Đăk Pui	1,39	1593357	580744	Đăk Rve	1592658	581673	Đăk Rve	0,73	
3240	08	08	17	06	01	02	11	02	01		Không tên	Đăk Pui	0,73	1592771	580877	Đăk Rve	1592771	580877	Đăk Rve	0,23	
3241	08	08	17	06	01	02	11	02	02		Không tên	Đăk Pui	1,26	1592391	580878	Đăk Rve	1592391	580878	Đăk Rve	0,84	
3242	08	08	17	06	01	02	11	02	02	01	Không tên	Đăk Pui	1,08	1591936	580797	Đăk Rve	1592615	581481	Đăk Rve	1,19	
3243	08	08	17	06	01	02	11	03			Không tên	Đăk Pui	0,99	1593517	580909	Đăk Rve	1593457	581857	Đăk Rve	0,67	
3244	08	08	17	06	01	02	11	03	01		Không tên	Đăk Pui	0,8	1594013	580988	Đăk Rve	1593493	581542	Đăk Rve	0,25	
3245	08	08	17	06	01	02	11	04			Không tên	Đăk Pui	1,14	1594294	580988	Đăk Rve	1593783	581947	Đăk Rve	0,65	
3246	08	08	17	06	01	02	12				Không tên	Sông Đăk Pui	1,1	1594993	581167	Đăk Rve	1594602	582118	Đăk Rve	0,69	
3247	08	08	17	06	01	02	13				Không tên	Sông Đăk Pui	0,89	1593982	583054	Đăk Rve	1594680	582543	Đăk Rve	0,72	
3248	08	08	17	06	01	02	14				Không tên	Sông Đăk Pui	3,26	1594899	582565	Đăk Rve	1593735	585163	Đăk Rve	3,02	
3249	08	08	17	06	01	02	14	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,59	1593719	584489	Đăk Rve	1594281	584480	Đăk Rve	0,37	
3250	08	08	17	06	01	02	14	02			Không tên	Sông Đăk Pui	0,72	1594647	585023	Đăk Rve	1594649	584312	Đăk Rve	0,56	
3251	08	08	17	06	01	02	14	03			Không tên	Sông Đăk Pui	0,81	1594017	583649	Đăk Rve	1594760	583450	Đăk Rve	0,82	
3252	08	08	17	06	01	02	15				Không tên	Sông Đăk Pui	1,66	1595901	581056	Đăk Rve	1595374	582522	Đăk Rve	1,02	
3253	08	08	17	06	01	02	16				Không tên	Sông Đăk Pui	3,49	1595835	582762	Đăk Rve	1595032	585912	Đăk Rve	2,71	
3254	08	08	17	06	01	02	16	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,59	1594618	585447	Đăk Rve	1595086	585115	Đăk Rve	0,27	
3255	08	08	17	06	01	02	16	02			Không tên	Sông Đăk Pui	0,78	1595468	585074	Đăk Rve	1595274	584372	Đăk Rve	0,66	
3256	08	08	17	06	01	02	17				Không tên	Sông Đăk Pui	2,29	1596962	580863	Đăk Rve	1596248	582758	Đăk Rve	1,63	
3257	08	08	17	06	01	02	18				Không tên	Sông Đăk Pui	0,82	1595859	583549	Đăk Rve	1596328	582935	Đăk Rve	0,67	
3258	08	08	17	06	01	02	19				Không tên	Sông Đăk Pui	3,01	1596378	583020	Đăk Rve	1595841	585800	Đăk Rve	1,88	
3259	08	08	17	06	01	02	19	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,88	1595698	584821	Đăk Rve	1596134	584150	Đăk Rve	0,49	
3260	08	08	17	06	01	02	20				Không tên	Sông Đăk Pui	0,88	1597077	581924	Đăk Rve	1596688	582694	Đăk Rve	0,58	
3261	08	08	17	06	01	02	21				Không tên	Sông Đăk Pui	2,17	1596976	583198	Đăk Rve	1597131	585142	Đăk Rve	1,84	
3262	08	08	17	06	01	02	21	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,44	1596550	584410	Đăk Rve	1596969	584373	Đăk Rve	0,43	
3263	08	08	17	06	01	02	22				Không tên	Sông Đăk Pui	2,89	1597000	581338	Đăk Rve	1597790	583478	Đăk Rve	3,7	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3264	08	08	17	06	01	02	22	01			Không tên	Sông Đăk Pui	1,45	1597251	581067	Đăk Rve	1597873	581908	Đăk Rve	0,96	
3265	08	08	17	06	01	02	22	02			Không tên	Đăk Bla	0,92	1598640	581841	Đăk Rve	1597847	582199	Đăk Rve	0,75	
3266	08	08	17	06	01	02	22	03			Không tên	Đăk Bla	0,89	1597196	581729	Đăk Rve	1597699	582415	Đăk Rve	0,83	
3267	08	08	17	06	01	02	22	04			Không tên	Đăk Bla	2,15	1599669	582414	Đăk Rve	1597784	582965	Đăk Rve	1,25	
3268	08	08	17	06	01	02	23				Không tên	Sông Đăk Pui	1,24	1598865	582964	Đăk Rve	1597943	583649	Đăk Rve	0,54	
3269	08	08	17	06	01	02	24				Không tên	Sông Đăk Pui	0,81	1597377	584458	Đăk Rve	1598001	584006	Đăk Rve	0,66	
3270	08	08	17	06	01	02	25				Không tên	Sông Đăk Pui	1,39	1598296	584225	Đăk Rve	1597466	585024	Đăk Rve	1,59	
3271	08	08	17	06	01	02	25	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,52	1597708	585075	Đăk Rve	1597794	584570	Đăk Rve	0,26	
3272	08	08	17	06	01	02	25	02			Không tên	Sông Đăk Pui	0,61	1598020	585066	Đăk Rve	1598112	584478	Đăk Rve	0,38	
3273	08	08	17	06	01	02	26				Không tên	Đăk Bla	0,66	1598986	583786	Đăk Rve	1598657	584340	Đăk Rve	0,67	
3274	08	08	17	06	01	02	28				Không tên	Sông Đăk Pui	2,39	1600728	583678	Đăk Rve	1599059	584789	Đăk Rve	2,33	
3275	08	08	17	06	01	02	28	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,41	1600305	583988	Đăk Rve	1600021	583717	Đăk Rve	0,24	
3276	08	08	17	06	01	02	28	02			Không tên	Đăk Bla	0,89	1599987	583057	Đăk Rve	1599712	583869	Đăk Rve	0,61	
3277	08	08	17	06	01	02	28	03			Không tên	Đăk Bla	1,17	1599601	582864	Đăk Rve	1599637	583921	Đăk Rve	0,79	
3278	08	08	17	06	01	02	30				Không tên	Sông Đăk Pui	2,31	1597057	585637	Đăk Rve	1599037	585248	Đăk Rve	1,85	
3279	08	08	17	06	01	02	30	01			Không tên	Sông Đăk Pui	0,66	1597576	585346	Đăk Rve	1598028	585790	Đăk Rve	0,85	
3280	08	08	17	06	01	02	30	02			Không tên	Sông Đăk Pui	0,62	1597945	586323	Đăk Rve	1598154	585803	Đăk Rve	0,73	
3281	08	08	17	06	01	02	30	03			Không tên	Sông Đăk Pui	0,43	1597974	585318	Đăk Rve	1598304	585581	Đăk Rve	0,55	
3282	08	08	17	06	01	02	31				Không tên	Sông Đăk Pui	1,36	1598554	586426	Đăk Rve	1599366	585437	Đăk Rve	1,67	
3283	08	08	17	06	01	02	32				Không tên	Sông Đăk Pui	0,51	1599542	584963	Đăk Rve	1599394	585448	Đăk Rve	0,68	
3284	08	08	17	06	01	02	33				Không tên	Sông Đăk Pui	1,25	1599280	586573	Đăk Rve	1599979	585686	Đăk Rve	1,33	
3285	08	08	17	06	01	02	34				Không tên	Sông Đăk Pui	0,77	1599889	586444	Đăk Rve	1600030	585693	Đăk Rve	0,94	
3286	08	08	17	06	01	02	35				Không tên	Sông Đăk Pui	1,78	1600547	584022	Đăk Rve	1600121	585332	Đăk Rve	1,04	
3287	08	08	17	06	01	02	36				Không tên	Sông Đăk Pui	0,55	1600295	584771	Đăk Rve	1600536	585253	Đăk Rve	0,68	
3288	08	08	17	06	01	02	37				Không tên	Sông Đăk Pui	1,46	1600886	583924	Đăk Rve	1600746	585312	Đăk Rve	0,81	
3289	08	08	17	06	01	02	38				Không tên	Sông Đăk Pui	1,01	1600325	586446	Đăk Rve	1600833	585618	Đăk Rve	1,58	
3290	08	08	17	06	01	02	39				Không tên	Sông Đăk Pui	1,52	1601380	584223	Đăk Rve	1601366	585545	Đăk Rve	1,77	
3291	08	08	17	06	01	02	39	01			Không tên	Đăk Bla	0,71	1601430	585321	Đăk Rve	1602039	584982	Đăk Rve	0,76	
3292	08	08	17	06	01	02	40				Không tên	Sông Đăk Pui	2,21	1602255	585271	Đăk Rve	1602227	587189	Đăk Rve	2,64	
3293	08	08	17	06	01	02	41				Sông Đăk Pui	Sông Đăk Pui	1,02	1602327	587443	Đăk Rve	1603138	587129	Đăk Rve	1,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3294	08	08	17	06	01	02	42				Không tên	Sông Đăk Pui	0,92	1602867	587775	Đăk Rve	1603347	587057	Đăk Rve	1,03	
3295	08	08	17	06	01	02	43				Không tên	Sông Đăk Pui	1,48	1603424	585781	Đăk Rve	1603412	586979	Đăk Rve	1,25	
3296	08	08	17	06	01	02	44				Không tên	Sông Đăk Pui	0,82	1603464	587760	Đăk Rve	1603659	587048	Đăk Rve	0,96	
3297	08	08	17	06	01	02	45				Không tên	Sông Đăk Pui	1,09	1603861	586067	Đăk Rve	1603897	587044	Đăk Rve	0,69	
3298	08	08	17	06	01	03					Phụ lưu số 3	Sông Đăk Pne	14,57	1613186	592229	Măng Đen	1606128	586898	Đăk Rve	19,9	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3299	08	08	17	06	01	03	01				Không tên	Phụ lưu số 3	0,92	1614202	590453	Măng Đen	1613676	590893	Măng Đen	0,73	
3300	08	08	17	06	01	03	02				Không tên	Phụ lưu số 3	1,13	1614004	590618	Măng Đen	1613180	590282	Măng Đen	1,03	
3301	08	08	17	06	01	03	03				Không tên	Phụ lưu số 3	2,11	1612635	590118	Măng Đen	1613187	591874	Măng Đen	2,08	
3302	08	08	17	06	01	03	03	01			Không tên	Phụ lưu số 3	1,5	1612955	590822	Măng Đen	1613061	592110	Măng Đen	1,67	
3303	08	08	17	06	01	03	03	01	01		Không tên	Phụ lưu số 3	0,77	1612877	592337	Măng Đen	1613008	593071	Măng Đen	0,62	
3304	08	08	17	06	01	03	03	01	02		Không tên	Phụ lưu số 3	1	1612724	591342	Măng Đen	1611859	591802	Măng Đen	1,23	
3305	08	08	17	06	01	03	03	01	03		Không tên	Phụ lưu số 3	0,62	1612609	592015	Măng Đen	1612638	591403	Măng Đen	0,34	
3306	08	08	17	06	01	03	03	02			Không tên	Phụ lưu số 3	0,83	1612223	591298	Măng Đen	1612667	590634	Măng Đen	0,52	
3307	08	08	17	06	01	03	04				Không tên	Phụ lưu số 3	1,33	1613026	589319	Măng Đen	1612235	589947	Măng Đen	1,32	
3308	08	08	17	06	01	03	04	01			Không tên	Phụ lưu số 3	1,37	1613726	589639	Măng Đen	1612495	589575	Măng Đen	0,85	
3309	08	08	17	06	01	03	05				Không tên	Phụ lưu số 3	0,95	1612155	591004	Măng Đen	1612206	590100	Măng Đen	0,72	
3310	08	08	17	06	01	03	06				Không tên	Phụ lưu số 3	1,32	1611916	591439	Măng Đen	1611888	590166	Măng Đen	0,99	
3311	08	08	17	06	01	03	07				Không tên	Phụ lưu số 3	2,06	1611709	590128	Măng Đen	1611258	592105	Măng Đen	1,34	
3312	08	08	17	06	01	03	07	01			Không tên	Phụ lưu số 3	0,95	1611462	591926	Măng Đen	1611475	591048	Măng Đen	0,63	
3313	08	08	17	06	01	03	08				Không tên	Phụ lưu số 3	0,52	1611249	590516	Măng Đen	1611035	590087	Măng Đen	0,74	
3314	08	08	17	06	01	03	09				Không tên	Phụ lưu số 3	2,27	1610737	589947	Đăk Rve	1610956	592080	Măng Đen	2,01	
3315	08	08	17	06	01	03	09	02			Không tên	Phụ lưu số 3	0,7	1610397	591463	Đăk Rve	1610814	590900	Măng Đen	0,69	
3316	08	08	17	06	01	03	09	03			Không tên	Phụ lưu số 3	1,03	1609967	590906	Đăk Rve	1610701	590193	Đăk Rve	0,86	
3317	08	08	17	06	01	03	09	03	01		Không tên	Phụ lưu số 3	0,86	1609933	590679	Đăk Rve	1610620	590267	Đăk Rve	0,56	
3318	08	08	17	06	01	03	10				Không tên	Phụ lưu số 3	1,39	1609676	590774	Đăk Rve	1609659	589455	Đăk Rve	1,15	
3319	08	08	17	06	01	03	11				Không tên	Phụ lưu số 3	1,25	1609170	590856	Đăk Rve	1608538	589829	Đăk Rve	0,66	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3320	08	08	17	06	01	03	12				Không tên	Phụ lưu số 3	0,73	1607381	589882	Đăk Rve	1607949	589597	Đăk Rve	0,84	
3321	08	08	17	06	01	03	13				Không tên	Phụ lưu số 3	1,44	1609348	589120	Đăk Rve	1608047	588777	Đăk Rve	0,73	
3322	08	08	17	06	01	03	14				Không tên	Phụ lưu số 3	0,99	1606788	588925	Đăk Rve	1607136	588272	Đăk Rve	0,63	
3323	08	08	17	06	01	03	15				Suối Đăk po	Phụ lưu số 3	1,23	1608455	588449	Đăk Rve	1607455	587958	Đăk Rve	0,65	
3324	08	08	17	06	01	04					Suối Đăk Phoc	Sông Đăk Pne	1,06	1604933	585866	Đăk Rve	1605779	585538	Đăk Rve	1,12	
3325	08	08	17	06	01	09	01				Không tên	Sông Đăk Pne	0,89	1610706	591831	Đăk Rve	1610932	590997	Măng Đen	0,55	
3326	08	08	17	06	2_1						Suối Đăk tơ phơi	Sê San	1,86	1605591	584849	Đăk Rve	1604085	585630	Đăk Rve	1,34	
3327	08	08	17	06	2_1	01					Suối Đăk Por	Suối Đăk tơ phơi	0,76	1604848	585721	Đăk Rve	1605272	585129	Đăk Rve	0,92	
3328	08	08	17	06	2_2						Suối Đăk Kmak	Sê San	1,6	1604058	585246	Đăk Rve	1605449	584568	Đăk Rve	1,04	
3329	08	08	17	06	2_3						Suối Đăk Phor	Sê San	0,59	1606130	584085	Đăk Rve	1605617	583863	Đăk Rve	0,88	
3330	08	08	17	06	2_4	01					Suối ĐăkHlên	Sê San	0,72	1604029	583852	Đăk Rve	1604734	583957	Đăk Rve	0,67	
3331	08	08	17	06	2_4	02					Không tên	Sê San	1,12	1604161	583466	Đăk Rve	1605044	583809	Đăk Rve	1,35	
3332	08	08	17	06	2_4	02	01				Suối Đăk Đorirai	Sê San	1	1603829	583646	Đăk Rve	1604811	583592	Đăk Rve	0,59	
3333	08	08	17	06	2_4	2_6					Không tên	Sê San	4,83	1605591	583843	Đăk Rve	1608124	584916	Đăk Rve	2,33	
3334	08	08	17	06	2_5						Suối Đăk Hlăng	Sê San	0,63	1605401	583147	Đăk Rve	1605750	583611	Đăk Rve	0,77	
3335	08	08	17	06	2_6	01					Không tên	Sê San	0,85	1607201	584142	Đăk Rve	1606577	583687	Đăk Rve	0,66	
3336	08	08	17	06	2_7						Không tên	Sê San	1,87	1606507	582672	Đăk Rve	1607534	584048	Đăk Rve	2,67	
3337	08	08	17	06	2_7	01					Không tên	Sê San	0,87	1607311	584001	Đăk Rve	1607048	583232	Đăk Rve	0,89	
3338	08	08	17	06	2_8						Đăk Đam	Sê San	9,66	1613632	584435	Măng Đen	1612952	584722	Đăk Rve	14,37	
3339	08	08	17	06	2_8	01					Không tên	Đăk Đam	1,45	1612308	583628	Măng Đen	1611568	584133	Măng Đen	0,81	
3340	08	08	17	06	2_8	02					Không tên	Đăk Đam	1,68	1612531	585067	Măng Đen	1611518	584213	Măng Đen	0,8	
3341	08	08	17	06	2_8	03					Không tên	Đăk Đam	0,87	1611333	584876	Măng Đen	1610815	584424	Măng Đen	0,94	
3342	08	08	17	06	2_8	04					Không tên	Đăk Đam	0,81	1610866	584046	Măng Đen	1610257	584332	Măng Đen	0,76	
3343	08	08	17	06	2_8	05					Không tên	Đăk Đam	0,79	1610367	583837	Đăk Rve	1609767	584229	Đăk Rve	0,77	
3344	08	08	17	06	2_8	06					Không tên	Đăk Đam	0,79	1609805	585034	Đăk Rve	1609417	584370	Đăk Rve	0,67	
3345	08	08	17	06	2_8	07					Không tên	Đăk Đam	0,68	1609067	585110	Đăk Rve	1608904	584457	Đăk Rve	0,83	
3346	08	08	17	06	2_8	09					Không tên	Đăk Đam	0,67	1608349	584910	Đăk Rve	1608439	584264	Đăk Rve	0,53	
3347	08	08	17	06	2_8	08					Không tên	Đăk Đam	1,04	1609308	583782	Đăk Rve	1608459	584271	Đăk Rve	1,28	
3348	08	08	17	06	2_8	10					Không tên	Đăk Đam	0,75	1608463	583652	Đăk Rve	1607727	583584	Đăk Rve	0,57	
3349	08	08	17	06	2_8	11					Không tên	Đăk Đam	3,85	1610523	583398	Đăk Rve	1607499	583200	Đăk Rve	4,55	
3350	08	08	17	06	2_8	11	01				Không tên	Đăk Đam	0,95	1610498	582723	Đăk Rve	1609660	582880	Đăk Rve	0,75	
3351	08	08	17	06	2_8	11	02				Không tên	Đăk Đam	0,75	1609430	582125	Đăk Rve	1608887	582596	Đăk Rve	0,73	
3352	08	08	17	06	2_8	11	03				Không tên	Đăk Đam	0,72	1608708	581836	Đăk Rve	1608451	582481	Đăk Rve	0,67	
3353	08	08	17	06	2_8	11	04				Không tên	Đăk Đam	1,81	1609571	583626	Đăk Rve	1608096	582905	Đăk Rve	1,46	
3354	08	08	17	06	2_8	11	05				Không tên	Đăk Đam	1,17	1609033	583463	Đăk Rve	1608079	582932	Đăk Rve	0,73	
3355	08	08	17	06	2_8	12					Không tên	Đăk Đam	1,15	1607879	582497	Đăk Rve	1606825	582532	Đăk Rve	1,37	
3356	08	08	17	06	2_9						Không tên	Sê San	2,37	1608870	581458	Đăk Rve	1606788	582145	Đăk Rve	1,94	
3357	08	08	17	06	2_9	01					Không tên	Sê San	1,01	1608279	581213	Đăk Rve	1607834	582016	Đăk Rve	0,82	
3358	08	08	17	06	2_9	02					Không tên	Sê San	0,86	1608216	582168	Đăk Rve	1607440	582113	Đăk Rve	0,62	
3359	08	08	17	06	2_9	03					Không tên	Sê San	0,83	1607521	581350	Đăk Rve	1607166	582084	Đăk Rve	0,63	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3360	08	08	17	06	2_10						Không tên	Sê San	2,8	1608048	580317	Đăk Rve	1606488	582116	Đăk Rve	2,7	
3361	08	08	17	06	2_10	01					Không tên	Sê San	1,68	1607319	580782	Đăk Rve	1606608	581909	Đăk Rve	1,37	
3362	08	08	17	06	2_10	01	01				Không tên	Sê San	0,73	1606533	580939	Đăk Rve	1606589	581633	Đăk Rve	0,49	
3363	08	08	17	06	2_11						Không tên	Sê San	1,26	1606285	581032	Đăk Rve	1606089	582155	Đăk Rve	1,18	
3364	08	08	17	06	2_12						Không tên	Sê San	0,96	1605697	582987	Đăk Rve	1605955	582194	Đăk Rve	0,95	
3365	08	08	17	06	2_13						Không tên	Sê San	1,77	1606360	580832	Đăk Rve	1605445	582086	Đăk Rve	1,05	
3366	08	08	17	06	2_13	01					Không tên	Sê San	0,64	1605644	580956	Đăk Rve	1605539	581550	Đăk Rve	0,67	
3367	08	08	17	06	2_14						Suối Cạn 2	Sê San	0,99	1605492	583070	Đăk Rve	1605265	582140	Đăk Rve	1,64	
3368	08	08	17	06	2_15						Suối Cạn 1	Sê San	1,16	1605166	583197	Đăk Rve	1605033	582135	Đăk Rve	1,77	
3369	08	08	17	06	2_16						Không tên	Sê San	1,73	1604758	582149	Đăk Rve	1603963	583105	Đăk Rve	1,56	
3370	08	08	17	06	2_16	01					Không tên	Sê San	0,99	1603721	582616	Đăk Rve	1604684	582451	Đăk Rve	0,83	
3371	08	08	17	06	2_17						Không tên	Sê San	0,63	1603855	582267	Đăk Rve	1604423	582040	Đăk Rve	0,37	
3372	08	08	17	06	2_18						Không tên	Sê San	1,22	1605252	581199	Đăk Rve	1604282	581708	Đăk Rve	1,49	
3373	08	08	17	06	2_19						Không tên	Sê San	0,94	1603720	582354	Đăk Rve	1604231	581698	Đăk Rve	0,48	
3374	08	08	17	06	2_20						Đăk Jơ Lđt	Sê San	5,93	1604226	581313	Đăk Rve	1603655	585771	Đăk Rve	8,64	
3375	08	08	17	06	2_20	01					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,36	1602761	585529	Đăk Rve	1602972	585267	Đăk Rve	0,43	
3376	08	08	17	06	2_20	02					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,57	1602978	584641	Đăk Rve	1603496	584836	Đăk Rve	0,64	
3377	08	08	17	06	2_20	03					Không tên	Đăk Jơ Lđt	1	1602124	584497	Đăk Rve	1602972	584612	Đăk Rve	0,99	
3378	08	08	17	06	2_20	04					Không tên	Đăk Jơ Lđt	1,18	1601835	584279	Đăk Rve	1602938	584142	Đăk Rve	1,44	
3379	08	08	17	06	2_20	05					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,7	1603451	584429	Đăk Rve	1603078	583854	Đăk Rve	0,78	
3380	08	08	17	06	2_20	06					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,56	1603114	583762	Đăk Rve	1603639	583934	Đăk Rve	0,64	
3381	08	08	17	06	2_20	07					Không tên	Đăk Jơ Lđt	1,83	1603671	583293	Đăk Rve	1602250	584019	Đăk Rve	1,67	
3382	08	08	17	06	2_20	08					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,83	1602959	582944	Đăk Rve	1603723	583151	Đăk Rve	0,85	
3383	08	08	17	06	2_20	09					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,5	1602948	582798	Đăk Rve	1603430	582849	Đăk Rve	0,34	
3384	08	08	17	06	2_20	10					Không tên	Đăk Jơ Lđt	3,19	1602928	582594	Đăk Rve	1601390	584029	Đăk Rve	3,23	
3385	08	08	17	06	2_20	10	01				Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,93	1600381	582874	Đăk Rve	1601267	582704	Đăk Rve	0,94	
3386	08	08	17	06	2_20	10	02				Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,64	1601779	582511	Đăk Rve	1601625	583124	Kon Braih	0,62	
3387	08	08	17	06	2_20	10	03				Không tên	Đăk Jơ Lđt	2,05	1602540	582507	Đăk Rve	1601501	584058	Đăk Rve	1,63	
3388	08	08	17	06	2_20	10	03	01			Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,9	1601705	583671	Đăk Rve	1602366	583107	Đăk Rve	0,49	
3389	08	08	17	06	2_20	11					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,61	1603153	582228	Đăk Rve	1603550	582685	Đăk Rve	0,56	
3390	08	08	17	06	2_20	12					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,53	1602663	581967	Đăk Rve	1603153	582098	Đăk Rve	0,33	
3391	08	08	17	06	2_20	13					Không tên	Đăk Jơ Lđt	0,51	1603509	581188	Đăk Rve	1603959	581300	Đăk Rve	0,26	
3392	08	08	17	06	2_21						Không tên	Sê San	0,65	1605036	581063	Đăk Rve	1604417	580896	Đăk Rve	0,85	
3393	08	08	17	06	2_22	01					Suối Huyện đội	Sê San	1,03	1605676	580835	Đăk Rve	1605362	580836	Đăk Rve	0,79	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3394	08	08	17	06	2_22						Không tên	Sê San	1,75	1604397	580587	Đăk Rve	1605965	580207	Đăk Rve	1,45	
3395	08	08	17	06	2_23						Sông Đăk Po Ne	Sê San	1,38	1605570	579804	Đăk Rve	1604325	580138	Đăk Rve	0,99	
3396	08	08	17	06	2_23	01					Không tên	Sông Đăk Po Ne	0,87	1604390	580110	Đăk Rve	1605160	580040	Đăk Rve	0,38	
3397	08	08	17	06	2_24						Không tên	Sê San	0,7	1604356	580763	Đăk Rve	1603716	580892	Đăk Rve	0,46	
3398	08	08	17	06	02						Phụ lưu số 2	Sông Đăk Po Ne	11,26	1611720	583043	Măng Đen	1604082	579859	Đăk Rve	14,76	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3399	08	08	17	06	02	01					Không tên	Phụ lưu số 2	0,96	1611196	581903	Đăk Rve	1610472	581788	Đăk Rve	0,46	
3400	08	08	17	06	02	02					Không tên	Phụ lưu số 2	0,7	1609419	581695	Đăk Rve	1609475	581018	Đăk Rve	0,38	
3401	08	08	17	06	02	03					Không tên	Phụ lưu số 2	3,77	1607990	579583	Đăk Rve	1610686	581094	Đăk Rve	0,68	
3402	08	08	17	06	02	03	02				Không tên	Phụ lưu số 2	1,54	1608535	579423	Đăk Rve	1607961	578623	Đăk Rve	1,26	
3403	08	08	17	06	02	04					Không tên	Phụ lưu số 2	0,98	1607579	579614	Đăk Rve	1608053	579090	Đăk Rve	0,36	
3404	08	08	17	06	02	05					Không tên	Phụ lưu số 2	1,4	1607275	579910	Đăk Rve	1608228	580673	Đăk Rve	1,63	
3405	08	08	17	06	02	06					Không tên	Phụ lưu số 2	0,66	1607175	580116	Đăk Rve	1607456	580675	Đăk Rve	0,53	
3406	08	08	17	06	02	07					Không tên	Phụ lưu số 2	0,83	1606099	579718	Đăk Rve	1606862	579655	Đăk Rve	0,41	
3407	08	08	17	06	02	08					Không tên	Phụ lưu số 2	1,89	1605756	579580	Đăk Rve	1607206	579231	Đăk Rve	1,23	
3408	08	08	17	06	02	09					Không tên	Phụ lưu số 2	0,63	1605311	579423	Đăk Rve	1605708	578954	Đăk Rve	0,49	
3409	08	08	17	06	3_20	01					Không tên	Sê San	1,01	1599600	576722	Kon Braih	1599826	577637	Kon Braih	0,77	
3410	08	08	17	06	03						Không tên	Sê San	0,95	1603952	579637	Đăk Rve	1604276	578947	Đăk Rve	0,64	
3411	08	08	17	06	03	02					Không tên	Sê San	0,48	1609699	579755	Đăk Rve	1610161	579729	Đăk Rve	0,37	
3412	08	08	17	06	04						Suối Đăk TngħĐ	Sê San	5,14	1603040	579782	Đăk Rve	1600096	582682	Kon Braih	4,59	
3413	08	08	17	06	04	01					Không tên	Suối Đăk TngħĐ	0,88	1600505	581456	Kon Braih	1601324	581660	Kon Braih	0,88	
3414	08	08	17	06	04	02					Không tên	Suối Đăk TngħĐ	0,76	1601537	582318	Kon Braih	1601946	581779	Kon Braih	0,62	
3415	08	08	17	06	04	03					Không tên	Suối Đăk TngħĐ	0,72	1601848	581126	Kon Braih	1602489	581440	Kon Braih	0,55	
3416	08	08	17	06	04	04					Không tên	Suối Đăk TngħĐ	0,61	1602224	580791	Kon Braih	1602798	580761	Kon Braih	0,61	
3417	08	08	17	06	04	05					Không tên	Suối Đăk TngħĐ	0,88	1603036	580556	Kon Braih	1603164	581360	Kon Braih	0,82	
3418	08	08	17	06	05						Không tên	Sê San	0,5	1602473	579684	Kon Braih	1602358	580151	Kon Braih	0,95	
3419	08	08	17	06	05	01					Suối Đăk Nông	Sê San	1,09	1602322	580367	Kon Braih	1602478	579740	Kon Braih	0,72	
3420	08	08	17	06	06						Không tên	Sê San	0,44	1602188	580017	Kon Braih	1602454	579664	Kon Braih	0,31	
3421	08	08	17	06	7_1						Không tên	Sê San	1,06	1599155	573968	Kon Braih	1599666	574612	Kon Braih	0,86	
3422	08	08	17	06	07						Không tên	Sê San	2,97	1601382	580849	Kon Braih	1601382	580849	Kon Braih	1,73	
3423	08	08	17	06	07	01					Không tên	Sê San	0,34	1600996	580850	Kon Braih	1600996	580850	Kon Braih	0,35	
3424	08	08	17	06	08						Không tên	Sê San	1,31	1602800	578712	Đăk Rve	1603628	579087	Kon Braih	0,67	
3425	08	08	17	06	08	01					Không tên	Sê San	0,6	1603626	578814	Kon Braih	1603055	578777	Kon Braih	0,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3426	08	08	17	06	08	02					Không tên	Sê San	0,65	1603003	578690	Kon Braih	1603626	578550	Kon Braih	0,39	
3427	08	08	17	06	09						Không tên	Sê San	1,49	1602293	578319	Kon Braih	1601638	579428	Kon Braih	1,5	
3428	08	08	17	06	10						Không tên	Sê San	1,26	1603546	578201	Kon Braih	1602418	577934	Kon Braih	0,88	
3429	08	08	17	06	11						Không tên	Sê San	0,66	1602843	577643	Kon Braih	1603427	577881	Kon Braih	0,37	
3430	08	08	17	06	12						Không tên	Sê San	3,35	1602915	577552	Kon Braih	1605331	578826	Kon Braih	1,43	
3431	08	08	17	06	12	01					Không tên	Sê San	0,62	1603991	578314	Kon Braih	1604386	577959	Kon Braih	0,39	
3432	08	08	17	06	12	02					Không tên	Sê San	0,57	1603661	577756	Kon Braih	1604222	577824	Kon Braih	0,53	
3433	08	08	17	06	12	03					Không tên	Sê San	0,95	1603626	577258	Kon Braih	1603627	577258	Kon Braih	0,57	
3434	08	08	17	06	12	03	01				Không tên	Sê San	0,47	1603724	577176	Kon Braih	1604104	576947	Kon Braih	0,08	
3435	08	08	17	06	12	04					Không tên	Sê San	1,15	1603512	576399	Kon Braih	1603267	577430	Kon Braih	0,46	
3436	08	08	17	06	12	04	01				Không tên	Sê San	0,67	1603151	576370	Kon Braih	1603305	576999	Kon Braih	0,34	
3437	08	08	17	06	13						Không tên	Sê San	0,83	1602801	577380	Kon Braih	1602999	576586	Kon Braih	0,53	
3438	08	08	17	06	14						Đăk Trôi	Sê San	3,71	1601871	577393	Kon Braih	1599616	579499	Kon Braih	7,51	
3439	08	08	17	06	14	01					Không tên	Đăk Trôi	1	1600460	579159	Kon Braih	1599645	579686	Kon Braih	0,72	
3440	08	08	17	06	14	02					Không tên	Đăk Trôi	0,6	1600496	579143	Kon Braih	1600314	578671	Kon Braih	0,46	
3441	08	08	17	06	14	03					Suối Đăk Hoai	Đăk Trôi	1,18	1599816	579899	Kon Braih	1600687	579165	Kon Braih	0,66	
3442	08	08	17	06	14	04					Không tên	Đăk Trôi	0,47	1600632	578812	Kon Braih	1600992	579085	Kon Braih	0,33	
3443	08	08	17	06	14	05					Không tên	Đăk Trôi	0,44	1601070	578616	Kon Braih	1601456	578805	Kon Braih	0,27	
3444	08	08	17	06	14	06					Không tên	Đăk Trôi	3,96	1599995	580853	Kon Braih	1599994	580853	Kon Braih	5,35	
3445	08	08	17	06	14	06	01				Không tên	Đăk Trôi	1,78	1600241	580672	Kon Braih	1599772	582315	Kon Braih	1,18	
3446	08	08	17	06	14	06	02				Suối Cạn l	Đăk Trôi	2,04	1599431	580855	Kon Braih	1599431	580855	Kon Braih	1,06	
3447	08	08	17	06	14	06	02	01			Không tên	Suối Cạn l	0,7	1600429	580290	Kon Braih	1599794	580045	Kon Braih	0,64	
3448	08	08	17	06	14	06	03				Không tên	Đăk Trôi	1,01	1600679	580672	Kon Braih	1600758	579726	Kon Braih	0,53	
3449	08	08	17	06	14	06	04				Không tên	Đăk Trôi	0,57	1600321	579768	Kon Braih	1600850	579650	Kon Braih	0,09	
3450	08	08	17	06	14	06	05				Không tên	Đăk Trôi	1,3	1601415	579356	Kon Braih	1601447	580476	Kon Braih	1,18	
3451	08	08	17	06	14	06	05	01			Không tên	Đăk Trôi	1,24	1600835	580653	Kon Braih	1601314	579596	Kon Braih	0,86	
3452	08	08	17	06	14	07					Không tên	Đăk Trôi	0,45	1601631	578578	Kon Braih	1601990	578804	Kon Braih	0,34	
3453	08	08	17	06	14	08					Không tên	Đăk Trôi	3,48	1601752	578133	Kon Braih	1599243	579667	Kon Braih	2,7	
3454	08	08	17	06	14	08	01				Suối Đăk Na	Đăk Trôi	1,17	1599958	578493	Kon Braih	1599093	579159	Kon Braih	0,53	
3455	08	08	17	06	14	08	01	01			Không tên	Đăk Trôi	0,66	1599139	578640	Kon Braih	1599681	578515	Kon Braih	0,19	
3456	08	08	17	06	14	08	02				Không tên	Đăk Trôi	0,58	1599932	577848	Kon Braih	1600423	578140	Kon Braih	0,42	
3457	08	08	17	06	14	08	03				Không tên	Đăk Trôi	0,56	1600603	578584	Kon Braih	1601015	578235	Kon Braih	0,56	
3458	08	08	17	06	14	09					Không tên	Đăk Trôi	0,92	1601836	577959	Kon Braih	1600944	577845	Kon Braih	0,63	
3459	08	08	17	06	14	10					Không tên	Đăk Trôi	1,08	1600829	577663	Kon Braih	1601817	577491	Kon Braih	0,57	
3460	08	08	17	06	15						Không tên	Sê San	0,94	1601768	577212	Kon Braih	1600914	577257	Kon Braih	0,41	
3461	08	08	17	06	16						Suối Đăk Noan	Sê San	1,71	1601669	577039	Kon Braih	1603042	576293	Kon Braih	1,34	
3462	08	08	17	06	17						Không tên	Sê San	1,11	1601551	576877	Kon Braih	1602405	576233	Kon Braih	0,67	
3463	08	08	17	06	18						Không tên	Sê San	0,71	1601054	577128	Kon Braih	1601509	576831	Kon Braih	0,33	
3464	08	08	17	06	19						Không tên	Sê San	2,22	1601342	576398	Kon Braih	1599905	577554	Kon Braih	1,35	
3465	08	08	17	06	19	01					Không tên	Sê San	0,8	1600133	576816	Kon Braih	1600797	576442	Kon Braih	0,64	
3466	08	08	17	06	20						Không tên	Sê San	1,26	1602539	575958	Kon Braih	1601579	575849	Kon Braih	0,67	
3467	08	08	17	06	20	01					Không tên	Sê San	0,98	1602360	575451	Kon Braih	1601580	575966	Kon Braih	0,37	
3468	08	08	17	06	20	01	01				Không tên	Sê San	0,64	1602573	575853	Kon Braih	1601943	575833	Kon Braih	0,46	
3469	08	08	17	06	21						Đăk Po Ne	Sê San	0,72	1600912	575306	Kon Braih	1601502	575094	Kon Braih	0,56	
3470	08	08	17	06	22						Không tên	Sê San	3,82	1600820	575256	Kon Braih	1599804	577885	Kon Braih	2,26	
3471	08	08	17	06	22	02					Không tên	Sê San	1,24	1600216	576480	Kon Braih	1600704	575522	Kon Braih	0,89	
3472	08	08	17	06	23						Không tên	Sê San	1,34	1600854	574607	Kon Braih	1601879	575178	Kon Braih	0,85	
3473	08	08	17	06	23	01					Không tên	Sê San	0,64	1600931	574675	Kon Braih	1601497	574611	Kon Braih	0,35	
3474	08	08	17	06	24						Suối Đăk Dân	Sê San	2,49	1599987	574233	Kon Braih	1599407	576021	Kon Braih	1,57	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3475	08	08	17	06	24	01					Không tên	Suối Đak Dân	0,62	1599168	575188	Kon Braih	1599754	575231	Kon Braih	0,33	
3476	08	08	17	06	24	02					Không tên	Suối Đak Dân	0,69	1599852	575714	Kon Braih	1599897	575113	Kon Braih	0,31	
3477	08	08	17	7_2							Đăk Adniel	Sê San	8,06	1598266	580859	Kon Braih	1598266	580859	Kon Braih	21,83	
3478	08	08	17	7_2	01						Không tên	Đăk Adniel	0,81	1598065	580350	Kon Braih	1597323	580579	Kon Braih	1,11	
3479	08	08	17	7_2	02						Không tên	Đăk Adniel	0,63	1598528	580101	Kon Braih	1598129	579688	Kon Braih	0,49	
3480	08	08	17	7_2	03						Không tên	Đăk Adniel	0,72	1598212	579299	Kon Braih	1598866	579538	Kon Braih	0,34	
3481	08	08	17	7_2	04						Không tên	Đăk Adniel	1,6	1597299	580295	Kon Braih	1598047	578925	Kon Braih	1,12	
3482	08	08	17	7_2	05						Không tên	Đăk Adniel	1,04	1598196	578610	Kon Braih	1598857	579223	Kon Braih	0,36	
3483	08	08	17	7_2	06						Không tên	Đăk Adniel	0,87	1598866	578904	Kon Braih	1598181	578529	Kon Braih	0,43	
3484	08	08	17	7_2	07						Không tên	Đăk Adniel	1,11	1597069	578729	Kon Braih	1598084	578382	Kon Braih	1,41	
3485	08	08	17	7_2	08						Không tên	Đăk Adniel	1,11	1598247	577708	Kon Braih	1599136	578251	Kon Braih	0,7	
3486	08	08	17	7_2	09						Không tên	Đăk Adniel	1,73	1598234	577555	Kon Braih	1596654	577565	Kon Braih	1,77	
3487	08	08	17	7_2	09	01					Không tên	Đăk Adniel	0,69	1596899	577805	Kon Braih	1597420	577523	Kon Braih	0,32	
3488	08	08	17	7_2	10						Không tên	Đăk Adniel	1,17	1598407	577107	Kon Braih	1597420	576604	Kon Braih	1	
3489	08	08	17	7_2	11						Không tên	Đăk Adniel	0,77	1598639	576875	Kon Braih	1599073	577390	Kon Braih	0,18	
3490	08	08	17	7_2	12						Đăk Nong	Đăk Adniel	1,19	1598838	576522	Kon Braih	1599131	577561	Kon Braih	0,37	
3491	08	08	17	7_2	13						Không tên	Đăk Adniel	0,7	1598948	576113	Kon Braih	1599338	576652	Kon Braih	0,36	
3492	08	08	17	7_2	14						Đăk Ka	Đăk Adniel	1,85	1597293	576270	Kon Braih	1598909	575702	Kon Braih	0,78	
3493	08	08	17	7_2	15						Không Tên	Đăk Adniel	2,66	1598562	574722	Kon Braih	1597028	576288	Kon Braih	1,86	
3494	08	08	17	7_2	16						Không tên	Đăk Adniel	1,51	1598633	574401	Kon Braih	1599548	575110	Kon Braih	0,93	
3495	08	08	17	7_2	16	01					Không tên	Đăk Adniel	0,62	1599385	574611	Kon Braih	1599139	575121	Kon Braih	0,37	
3496	08	08	17	7_3							Không Tên	Sê San	2,82	1597669	574119	Kon Braih	1595993	575891	Kon Braih	3,28	
3497	08	08	17	7_3	01						Không Tên	Sê San	0,85	1596761	575112	Kon Braih	1596485	575861	Kon Braih	0,34	
3498	08	08	17	7_3	02						Không Tên	Sê San	0,65	1597340	574916	Kon Braih	1597614	574337	Kon Braih	0,29	
3499	08	08	17	7_4							Không Tên	Sê San	1,07	1597548	573713	Kon Braih	1598421	573315	Kon Braih	0,76	
3500	08	08	17	7_5							Không Tên	Sê San	0,61	1597011	573860	Kon Braih	1597501	573687	Kon Braih	0,59	
3501	08	08	17	7_6							Suối Kon Rẫy	Sê San	1,17	1597267	573269	Kon Braih	1596192	573492	Kon Braih	0,71	
3502	08	08	17	7_6	01						Suối Knu	Suối Kon Rẫy	0,57	1597171	573321	Kon Braih	1596948	573791	Kon Braih	0,59	
3503	08	08	17	7_7							Không Tên	Sê San	0,76	1597341	573199	Kon Braih	1597998	572937	Kon Braih	1,29	
3504	08	08	17	7_8							Đăk Rung U	Sê San	7,33	1595497	576744	Kon Braih	1595490	576740	Kon Braih	20,47	
3505	08	08	17	7_8	01						Không tên	Đăk Rung U	0,55	1596181	577352	Kon Braih	1595906	576892	Kon Braih	0,29	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3506	08	08	17	7_8	02						Không tên	Đăk Rung U	0,54	1595768	576835	Kon Braih	1595910	577317	Kon Braih	0,31	
3507	08	08	17	7_8	03						Không tên	Đăk Rung U	0,78	1595459	577450	Kon Braih	1595490	576740	Kon Braih	0,62	
3508	08	08	17	7_8	04						Không tên	Đăk Rung U	0,58	1595629	576089	Kon Braih	1595068	576199	Kon Braih	0,43	
3509	08	08	17	7_8	05						Không tên	Đăk Rung U	0,54	1594552	576446	Kon Braih	1594941	576090	Kon Braih	0,47	
3510	08	08	17	7_8	06						Không Tên	Đăk Rung U	0,55	1594246	575655	Kon Braih	1594763	575514	Kon Braih	0,33	
3511	08	08	17	7_8	07						Không Tên	Đăk Rung U	0,53	1594828	575244	Kon Braih	1595344	575340	Kon Braih	0,24	
3512	08	08	17	7_8	08						Không Tên	Đăk Rung U	1,57	1593539	575435	Kon Braih	1594772	574802	Kon Braih	0,71	
3513	08	08	17	7_8	09						Không Tên	Đăk Rung U	0,81	1595366	575176	Kon Braih	1594898	574541	Kon Braih	0,44	
3514	08	08	17	7_8	10						Không Tên	Đăk Rung U	1,84	1594981	574032	Kon Braih	1593475	574707	Kon Braih	1,38	
3515	08	08	17	7_8	10	01					Không Tên	Đăk Rung U	0,6	1594336	573908	Kon Braih	1594848	574111	Kon Braih	0,29	
3516	08	08	17	7_8	11						Không Tên	Đăk Rung U	1,2	1594215	573578	Kon Braih	1595296	573571	Kon Braih	69	
3517	08	08	17	7_8	12						Đăk Krong Roting	Đăk Rung U	5,89	1595315	573061	Kon Braih	1591187	572891	Kon Braih	8	
3518	08	08	17	7_8	12	01					Không Tên	Đăk Krong Roting	0,75	1591341	574162	Kon Braih	1591822	573648	Kon Braih	0,6	
3519	08	08	17	7_8	12	02					Suối nước kun	Đăk Krong Roting	0,84	1591979	573127	Kon Braih	1592757	573265	Kon Braih	0,38	
3520	08	08	17	7_8	12	03					Không Tên	Đăk Krong Roting	1,26	1592081	572831	Kon Braih	1593211	572707	Kon Braih	0,57	
3521	08	08	17	7_8	12	04					Không Tên	Đăk Krong Roting	0,59	1593551	572039	Kon Braih	1594067	572239	Kon Braih	0,48	
3522	08	08	17	7_8	12	05					Không Tên	Đăk Krong Roting	0,81	1593634	572697	Kon Braih	1594252	572314	Kon Braih	0,67	
3523	08	08	17	7_8	12	06					Đăk Rung U	Đăk Krong Roting	3,87	1595016	572884	Kon Braih	1591995	574419	Kon Braih	3,8	
3524	08	08	17	7_8	12	06	01				Không Tên	Đăk Rung U	2,03	1593405	573869	Kon Braih	1592178	575188	Kon Braih	1,48	
3525	08	08	17	7_8	12	06	01	01			Không Tên	Đăk Rung U	0,6	1593048	575465	Kon Braih	1592783	574933	Kon Braih	0,55	
3526	08	08	17	7_8	12	06	01	02			Không Tên	Đăk Rung U	0,9	1593306	574951	Kon Braih	1593191	574140	Kon Braih	0,46	
3527	08	08	17	7_8	12	06	02				Không Tên	Đăk Rung U	0,51	1593702	572972	Kon Braih	1594195	573060	Kon Braih	0,39	
3528	08	08	17	7_8	13						Không Tên	Đăk Rung U	2,39	1596016	573055	Kon Braih	1596422	574970	Kon Braih	2,4	
3529	08	08	17	7_8	13	01					Không Tên	Đăk Rung U	1,08	1595939	575042	Kon Braih	1596241	574133	Kon Braih	0,41	
3530	08	08	17	7_8	13	02					Không Tên	Đăk Rung U	1,56	1596135	574015	Kon Braih	1595799	575270	Kon Braih	0,9	
3531	08	08	17	7_8	13	03					Không Tên	Đăk Rung U	0,53	1595491	573859	Kon Braih	1595855	573548	Kon Braih	0,44	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3532	08	08	17	7_9							Suối nước Sênh	Sê San	0,56	1596551	572249	Kon Braih	1596985	572419	Kon Braih	0,46	
3533	08	08	17	7_10							Không Tên	Sê San	1,29	1597992	572562	Kon Braih	1597401	572169	Kon Braih	0,98	
3534	08	08	17	7_10	01						Không tên	Sê San	0,65	1597331	572417	Kon Braih	1597953	572377	Kon Braih	0,21	
3535	08	08	17	7_11							Không Tên	Sê San	1,07	1597498	571828	Kon Braih	1598438	572226	Kon Braih	0,66	
3536	08	08	17	7_12							Không Tên	Sê San	0,94	1597412	571604	Kon Braih	1598259	571662	Kon Braih	0,45	
3537	08	08	17	7_13							Không Tên	Sê San	1	1597285	571348	Kon Braih	1598168	571209	Kon Braih	0,38	
3538	08	08	17								Sông Đăk Dơ Nen	Sông Đăk Bla	13,04	1596760	570691	Đăk Kôi	1605187	566143	Kon Braih	40,95	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3539	08	08	17	07	01						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	1,36	1605189	566142	Đăk Kôi	1606367	565774	Đăk Kôi	2,33	
3540	08	08	17	07	02						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	0,58	1603197	567038	Đăk Kôi	1603594	567439	Đăk Kôi	0,49	
3541	08	08	17	07	03						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	0,75	1602746	567365	Đăk Kôi	1603019	567993	Đăk Kôi	0,56	
3542	08	08	17	07	04						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	0,56	1602537	567540	Đăk Kôi	1602921	567944	Đăk Kôi	0,44	
3543	08	08	17	07	05						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	0,54	1601819	567554	Kon Braih	1601503	567170	Đăk Kôi	1,5	
3544	08	08	17	07	06						Không tên	Sông Đăk Dơ Nen	0,56	1601278	567529	Kon Braih	1601759	567720	Đăk Kôi	1,28	
3545	08	08	17	07	07						Đăk Pơ Tiếng	Sông Đăk Dơ Nen	6,77	1606532	568234	Đăk Kôi	1601414	568529	Đăk Kôi	16,82	
3546	08	08	17	07	07	01					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	0,72	1605870	568601	Đăk Kôi	1606451	568940	Đăk Kôi	0,48	
3547	08	08	17	07	07	02					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1,61	1605120	568750	Đăk Kôi	1605678	567320	Đăk Kôi	1,32	
3548	08	08	17	07	07	03					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1	1604859	568827	Đăk Kôi	1604680	567890	Đăk Kôi	0,86	
3549	08	08	17	07	07	04					Đăk Nghe	Đăk Pơ Tiếng	2,65	1603957	569299	Đăk Kôi	1605874	570484	Đăk Kôi	3,77	
3550	08	08	17	07	07	04	01				Không tên	Đăk Nghe	1,46	1604726	569623	Đăk Kôi	1605539	570759	Đăk Kôi	1,41	
3551	08	08	17	07	07	04	01	01			Không tên	Đăk Nghe	1,15	1604662	570957	Đăk Kôi	1604881	569942	Đăk Kôi	0,82	
3552	08	08	17	07	07	05					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1,2	1603929	570479	Đăk Kôi	1603882	569339	Đăk Kôi	0,6	
3553	08	08	17	07	07	06					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1,03	1603193	569390	Đăk Kôi	1603512	570278	Đăk Kôi	0,63	
3554	08	08	17	07	07	07					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1,44	1603415	568026	Đăk Kôi	1603065	569259	Đăk Kôi	0,69	
3555	08	08	17	07	07	07	01				Không tên	Đăk Pơ Tiếng	0,7	1603303	568663	Đăk Kôi	1603594	568042	Đăk Kôi	0,49	
3556	08	08	17	07	07	08					Nước Mram	Đăk Pơ Tiếng	2,25	1602843	569158	Đăk Kôi	1603595	571082	Đăk Kôi	1,28	
3557	08	08	17	07	07	08	01				Không tên	Nước Mram	0,92	1602915	570568	Kon Braih	1602907	569666	Đăk Kôi	0,53	
3558	08	08	17	07	07	09					Không tên	Đăk Pơ Tiếng	1,13	1602641	569236	Đăk Kôi	1602965	568221	Kon Braih	0,46	
3559	08	08	17	07	07	10					Không Tên	Đăk Pơ Tiếng	1,19	1602457	569367	Kon Braih	1602530	570474	Kon Braih	0,64	
3560	08	08	17	07	07	10	01				Không Tên	Đăk Pơ Tiếng	0,72	1601786	569976	Kon Braih	1602417	569956	Kon Braih	0,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3561	08	08	17	07	07	11					Không Tên	Đắk Pơ Tiêng	0,62	1602001	569834	Kon Braih	1602214	569270	Kon Braih	0,44	
3562	08	08	17	07	07	12					Không Tên	Đắk Pơ Tiêng	1,17	1601439	569951	Kon Braih	1601997	569027	Kon Braih	0,56	
3563	08	08	17	07	07	13					Không tên	Đắk Pơ Tiêng	1,23	1601958	568853	Đắk Kôi	1602741	568074	Đắk Kôi	0,6	
3564	08	08	17	07	08						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,85	1600996	568801	Kon Braih	1601532	569341	Kon Braih	0,38	
3565	08	08	17	07	09						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,12	1600846	568880	Kon Braih	1601012	569916	Kon Braih	0,57	
3566	08	08	17	07	10						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,09	1600057	569186	Kon Braih	1600744	569872	Kon Braih	1,02	
3567	08	08	17	07	11						Không tên	Sông Đắk Dơ Nen	2,34	1600996	567229	Kon Braih	1599848	568986	Kon Braih	3,31	
3568	08	08	17	07	11	01					Không tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,51	1600371	567247	Kon Braih	1600093	568373	Kon Braih	2,66	
3569	08	08	17	07	11	01	01				Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,77	1599165	567873	Kon Braih	1599873	567752	Kon Braih	0,52	
3570	08	08	17	07	11	01	02				Không tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,15	1598828	568273	Kon Braih	1599919	568161	Kon Braih	0,61	
3571	08	08	17	07	11	01	02	01			Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,58	1599072	568612	Kon Braih	1599389	568149	Kon Braih	0,39	
3572	08	08	17	07	11	01	03				Không tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,73	1599409	568569	Kon Braih	1600037	568318	Kon Braih	0,56	
3573	08	08	17	07	12						Không tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,23	1599301	569594	Kon Braih	1600251	569899	Kon Braih	0,82	
3574	08	08	17	07	13						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,77	1598761	569749	Kon Braih	1598910	569073	Kon Braih	0,27	
3575	08	08	17	07	14						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,81	1598753	568926	Kon Braih	1598642	569684	Kon Braih	0,36	
3576	08	08	17	07	15						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	1,3	1598511	569746	Kon Braih	1598649	568716	Kon Braih	0,55	
3577	08	08	17	07	16						Suối Knó	Sông Đắk Dơ Nen	1,74	1597580	570350	Kon Braih	1597280	568933	Kon Braih	1,33	
3578	08	08	17	07	17						Không Tên	Sông Đắk Dơ Nen	0,65	1597212	570647	Kon Braih	1597643	570917	Kon Braih	0,53	
3579	08	08	17	8_1							Không Tên	Sê San	2,15	1596570	570624	Kon Braih	1596083	572438	Kon Braih	2,91	
3580	08	08	17	8_1	01						Suối Đắk Năng	Sê San	2,75	1596684	570855	Kon Braih	1594496	571353	Kon Braih	2,28	
3581	08	08	17	8_1	01	01					Không Tên	Suối Đắk Năng	0,84	1594790	571689	Kon Braih	1595547	571481	Kon Braih	0,71	
3582	08	08	17	8_1	01	02					Không Tên	Suối Đắk Năng	0,82	1594972	571896	Kon Braih	1595714	571625	Kon Braih	0,62	
3583	08	08	17	8_1	01	03					Không Tên	Suối Đắk Năng	0,74	1595749	571638	Kon Braih	1595963	572302	Kon Braih	0,59	
3584	08	08	17	8_1	01	04					Không Tên	Suối Đắk Năng	0,79	1595616	571048	Kon Braih	1596281	571373	Kon Braih	0,82	
3585	08	08	17	8_2							Không Tên	Sê San	0,64	1595851	570720	Kon Braih	1596158	570338	Kon Braih	0,38	
3586	08	08	17	8_3							Suối Rơ Ti	Sê San	1,9	1595897	570115	Kon Braih	1594588	570785	Kon Braih	0,96	
3587	08	08	17	8_3	01						Không Tên	Suối Rơ Ti	0,72	1594985	570380	Kon Braih	1595602	570574	Kon Braih	0,43	
3588	08	08	17	8_4							Suối Klel	Sê San	1,16	1595875	569693	Kon Braih	1596888	570079	Kon Braih	0,63	
3589	08	08	17	8_5							Suối Kenh	Sê San	1,05	1595809	569572	Kon Braih	1596802	569704	Kon Braih	0,59	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3590	08	08	17	8_6							Không Tên	Sê San	1,64	1595657	569510	Kon Braih	1594172	569912	Kon Braih	1,49	
3591	08	08	17	8_6	01						Không Tên	Sê San	0,66	1595221	569591	Kon Braih	1595051	570225	Kon Braih	0,36	
3592	08	08	17	8_6	02						Không Tên	Sê San	0,64	1595263	569507	Kon Braih	1594667	569337	Kon Braih	0,29	
3593	08	08	17	8_7							Không tên	Sê San	1,32	1594697	568843	Kon Braih	1595741	569245	Kon Braih	0,53	
3594	08	08	17	8_8							Suối Chốt	Sê San	1	1596101	568916	Kon Braih	1596924	569334	Kon Braih	1,16	
3595	08	08	17	8_9							Không Tên	Sê San	2,91	1598561	567756	Kon Braih	1595908	568210	Kon Braih	3,05	
3596	08	08	17	8_9	01						Không Tên	Sê San	1,02	1597384	568175	Kon Braih	1598081	567557	Kon Braih	0,42	
3597	08	08	17	8_9	02						Không tên	Sê San	1,14	1596921	568289	Kon Braih	1597834	568887	Kon Braih	0,52	
3598	08	08	17	8_10							Đăk Lang	Sê San	6,82	1600102	566778	Kon Braih	1595225	567353	Kon Braih	34,13	
3599	08	08	17	8_10	01						Đăk Tre	Đăk Lang	3,79	1601637	565264	Kon Braih	1599025	566604	Kon Braih	8,2	
3600	08	08	17	8_10	02						Không Tên	Đăk Lang	1,48	1599004	566625	Kon Braih	1599744	567485	Kon Braih	1,43	
3601	08	08	17	8_10	02	01					Không tên	Đăk Lang	0,5	1598736	567617	Kon Braih	1598992	567245	Kon Braih	0,42	
3602	08	08	17	8_10	02	02					Không Tên	Đăk Lang	0,84	1598222	567489	Kon Braih	1598963	567177	Kon Braih	0,66	
3603	08	08	17	8_10	03						Không Tên	Đăk Lang	0,7	1598219	566099	Kon Braih	1598139	566757	Kon Braih	0,5	
3604	08	08	17	8_10	04						Không Tên	Đăk Lang	0,69	1598126	565557	Kon Braih	1598029	566118	Kon Braih	0,8	
3605	08	08	17	8_10	05						Không Tên	Đăk Lang	1,24	1597763	565045	Kon Braih	1597428	566214	Kon Braih	1,16	
3606	08	08	17	8_10	06						Đăk Sơ Nach	Đăk Lang	1,35	1596993	566601	Kon Braih	1597535	567585	Kon Braih	1,06	
3607	08	08	17	8_10	07						Đăk Po Kong	Đăk Lang	0,75	1596873	566453	Kon Braih	1596994	565919	Kon Braih	0,68	
3608	08	08	17	8_10	08						Không Tên	Đăk Lang	4,32	1595332	563103	Kon Braih	1596315	566652	Kon Braih	11,6	
3609	08	08	17	8_10	08	01					Không Tên	Đăk Lang	1,37	1594636	562941	Kon Braih	1595041	564158	Kon Braih	1,05	
3610	08	08	17	8_10	08	02					Không Tên	Đăk Lang	1,06	1594521	563977	Kon Braih	1595132	564625	Kon Braih	0,84	
3611	08	08	17	8_10	08	03					Không Tên	Đăk Lang	3,46	1598293	563644	Kon Braih	1595691	565382	Kon Braih	5,99	
3612	08	08	17	8_10	08	03	01				Không Tên	Đăk Lang	1,83	1596618	563546	Kon Braih	1595894	564858	Kon Braih	3,12	
3613	08	08	17	8_10	08	04					Không Tên	Đăk Lang	1,71	1597162	564811	Kon Braih	1596068	565800	Kon Braih	1,14	
3614	08	08	17	8_10	09						Đăk Tri	Đăk Lang	1,68	1595429	567333	Kon Braih	1597011	567705	Kon Braih	1,23	
3615	08	08	17	8_11							Đăk ở RĐ	Sê San	1,25	1594774	567344	Kon Braih	1595243	568392	Kon Braih	0,47	
3616	08	08	17	8_12							Không Tên	Sê San	6,4	1593768	567518	Kon Braih	1593268	572173	Kon Braih	9,93	
3617	08	08	17	8_12	01						Không Tên	Sê San	0,53	1593425	571043	Kon Braih	1593826	571331	Kon Braih	0,38	
3618	08	08	17	8_12	02						Không Tên	Sê San	2,89	1593428	570725	Kon Braih	1591407	572100	Kon Braih	3,22	
3619	08	08	17	8_12	02	01					Không Tên	Sê San	0,8	1591892	572109	Kon Braih	1592404	571526	Kon Braih	0,59	
3620	08	08	17	8_12	02	02					Không Tên	Sê San	1,62	1592737	571388	Kon Braih	1592199	572597	Kon Braih	0,84	
3621	08	08	17	8_12	02	03					Không Tên	Sê San	0,57	1593115	571622	Kon Braih	1593085	571073	Kon Braih	0,28	
3622	08	08	17	8_12	02	04					Không Tên	Sê San	1	1592334	571349	Kon Braih	1593120	570845	Kon Braih	0,6	
3623	08	08	17	8_12	03						Không tên	Sê San	0,48	1593425	570571	Kon Braih	1593848	570746	Kon Braih	0,58	
3624	08	08	17	8_12	04						Đăk Gur	Sê San	1,75	1593284	569635	Kon Braih	1591829	570353	Kon Braih	1,44	
3625	08	08	17	8_12	04	01					Không Tên	Sê San	0,6	1592674	570429	Kon Braih	1592278	570003	Kon Braih	0,76	
3626	08	08	17	8_13							Đăk Ranh	Sê San	0,75	1593106	567584	Kon Braih	1593592	568043	Kon Braih	0,61	
3627	08	08	17	8_14							Đăk Hung Lung	Sê San	6,32	1592682	563589	Kon Braih	1592948	567506	Kon Braih	9,72	
3628	08	08	17	8_14	01						Không Tên	Đăk Hung Lung	0,91	1593652	563683	Kon Braih	1593526	564424	Kon Braih	1,21	
3629	08	08	17	8_14	02						Đăk Rxây	Đăk Hung Lung	0,46	1593665	564636	Kon Braih	1594067	564520	Kon Braih	0,55	
3630	08	08	17	8_15							Không tên	Sê San	2,73	1591486	567390	Kon Braih	1592952	569168	Kon Braih	3,02	
3631	08	08	17	8_15	01						Không Tên	Sê San	0,76	1592841	569125	Kon Braih	1592568	568446	Kon Braih	0,79	
3632	08	08	17	8_15	02						Không Tên	Sê San	0,55	1592390	568089	Kon Braih	1592901	568247	Kon Braih	0,24	
3633	08	08	17	8_15	03						Đăk Ta Ka	Sê San	2,87	1591728	567745	Kon Braih	1592320	569478	Kon Braih	2,01	
3634	08	08	17	8_15	03	01					Không Tên	Đăk Ta Ka	0,46	1591694	569994	Kon Braih	1591584	569605	Kon Braih	0,35	
3635	08	08	17	8_16							Đăk Go Ga	Sê San	3,95	1592503	564157	Kon Braih	1591121	567187	Kon Braih	3,97	
3636	08	08	17	8_16	01						Đăk Trây	Đăk Go Ga	0,96	1591466	565791	Kon Braih	1591228	564912	Kon Braih	0,82	
3637	08	08	17	8_16	02						Không Tên	Đăk Go Ga	0,61	1591274	566508	Kon Braih	1591831	566379	Kon Braih	67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3638	08	08	17	8_16	03						Không Tên	Đăk Go Ga	0,55	1591187	566580	Kon Braih	1591087	566046	Kon Braih	0,38	
3639	08	08	17	8_17							Không Tên	Sê San	0,73	1590890	567236	Kon Braih	1591153	567841	Kon Braih	0,37	
3640	08	08	17	8_18							Không Tên	Sê San	1,66	1589926	567494	Kon Braih	1591040	568422	Kon Braih	0,84	
3641	08	08	17	8_19							Không tên	Sê San	4,36	1589794	567857	Kon Braih	1592139	571139	Kon Braih	6,74	
3642	08	08	17	8_19	01						Không Tên	Sê San	1,27	1591237	571477	Kon Braih	1591719	570480	Kon Braih	1,24	
3643	08	08	17	8_19	02						Không Tên	Sê San	1,73	1591268	569967	Kon Braih	1590284	571149	Kon Braih	1,12	
3644	08	08	17	8_19	03						Không Tên	Sê San	0,88	1590768	570567	Kon Braih	1591229	569921	Kon Braih	0,58	
3645	08	08	17	8_19	04						Không tên	Sê San	1,34	1591104	569582	Kon Braih	1590288	570510	Kon Braih	1,56	
3646	08	08	17	8_19	04	01					Không Tên	Sê San	0,75	1590580	569895	Kon Braih	1589970	570250	Kon Braih	0,68	
3647	08	08	17	8_19	05						Không Tên	Sê San	0,65	1590543	569571	Kon Braih	1590895	569032	Kon Braih	0,73	
3648	08	08	17	8_19	06						Không tên	Sê San	1,48	1590114	568315	Kon Braih	1589770	569470	Kon Braih	0,69	
3649	08	08	17	8_19	06	01					Không Tên	Sê San	2,55	1590107	568385	Kon Braih	1589514	570227	Kon Braih	0,89	
3650	08	08	17	8_20							Không tên	Sê San	0,63	1589270	567942	Kon Braih	1589339	567358	Kon Braih	0,31	
3651	08	08	17	8_21							Không tên	Sê San	2,17	1588741	568207	Kon Braih	1589349	569989	Kon Braih	2,67	
3652	08	08	17	8_21	01						Không Tên	Sê San	0,5	1589105	569298	Kon Braih	1589236	568826	Kon Braih	0,53	
3653	08	08	17	8_21	02						Không Tên	Sê San	0,74	1589144	568676	Kon Braih	1588861	569267	Kon Braih	0,77	
3654	08	08	17	8_21	03						Không tên	Sê San	0,51	1588622	568834	Kon Braih	1588811	568364	Kon Braih	0,35	
3655	08	08	17	8_21	04						Không tên	Sê San	0,67	1588782	568248	Kon Braih	1589335	568569	Kon Braih	0,66	
3656	08	08	17	8_22							Không tên	Sê San	1,03	1588493	568312	Kon Braih	1588826	567611	Kon Braih	0,68	
3657	08	08	17	8_23							Không Tên	Sê San	1,08	1587914	567374	Kon Braih	1588640	567668	Kon Braih	0,67	
3658	08	08	17	8_25							Không Tên	Sê San	0,96	1588635	566108	Kon Braih	1589529	566338	Kon Braih	0,76	
3659	08	08	17	8_26							Không Tên	Sê San	0,93	1588367	565871	Kon Braih	1589129	565480	Kon Braih	0,82	
3660	08	08	17	8_27							Đăk Puich	Sê San	6,16	1592051	563709	Kon Braih	1587589	565444	Kon Braih	10,94	
3661	08	08	17	8_27	01						Không tên	Đăk Puich	0,5	1591249	563532	Kon Braih	1591379	563089	Kon Braih	0,8	
3662	08	08	17	8_27	02						Không tên	Đăk Puich	1,09	1590888	563750	Kon Braih	1591088	562725	Kon Braih	0,69	
3663	08	08	17	8_27	03						Không tên	Đăk Puich	0,86	1590365	563955	Kon Braih	1590358	563105	Kon Braih	0,59	
3664	08	08	17	8_27	04						Đăk Ông Lăng	Đăk Puich	0,88	1588139	564656	Kon Braih	1588873	564905	Kon Braih	0,56	
3665	08	08	17	8_28							Không tên	Sê San	0,88	1587050	564659	Kon Braih	1587282	565430	Kon Braih	0,8	
3666	08	08	17	8_29							Không Tên	Sê San	1,17	1585526	564447	Kon Braih	1586535	564123	Kon Braih	1	
3667	08	08	17	8_31	01						Không tên	Sê San	0,54	1587538	561850	Đăk Rơ Wa	1587476	562369	Đăk Rơ Wa	0,31	
3668	08	08	17	8_30							Không tên	Sê San	2,17	1585430	563710	Kon Braih	1587422	563451	Kon Braih	1,64	
3669	08	08	17	8_31							Không tên	Sê San	3,15	1588037	562437	Đăk Rơ Wa	1585377	562538	Đăk Rơ Wa	3,3	
3670	08	08	17	8_31	02						Đăk Moming	Sê San	1,1	1587241	562416	Kon Braih	1588026	563089	Đăk Rơ Wa	0,53	
3671	08	08	17	8_31	03						Không tên	Sê San	0,89	1587066	562452	Kon Braih	1587491	563189	Đăk Rơ Wa	0,61	
3672	08	08	17	8_31	04						Không tên	Sê San	0,87	1586438	562334	Đăk Rơ Wa	1587144	562048	Đăk Rơ Wa	0,55	
3673	08	08	17	8_31	05						Đăk chít	Sê San	1,08	1586402	563011	Đăk Rơ Wa	1585705	562399	Đăk Rơ Wa	1,22	
3674	08	08	17	08							Sông Đăk Po Kei	Sông Đăk Bla	5,2	1587183	570270	Kon Braih	1587842	568545	Kon Braih	300	
3675	08	08	17	08	04						Sông Đăk Poe	Sông Đăk Po Kei	23	1595157	581165	Đăk Rve	1587183	570270	Kon Braih	53	
3676	08	08	17	08	04	01					Không tên	Sông Đăk Poe	0,65	1589068	572264	Kon Braih	1590642	572837	Kon Braih	0,45	
3677	08	08	17	08	04	02					Không tên	Sông Đăk Poe	1,15	1595520	580427	Đăk Rve	1594970	580289	Đăk Rve	0,52	
3678	08	08	17	08	04	03					Không tên	Sông Đăk Poe	0,5	1594656	580871	Kon Braih	1594657	580871	Kon Braih	0,35	
3679	08	08	17	08	04	04					Không tên	Sông Đăk Poe	1,82	1594504	579550	Đăk Rve	1594992	579466	Đăk Rve	1,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3680	08	08	17	08	04	04	01				Không tên	Sông Đăk Poe	0,53	1593153	580305	Đăk Rve	1594181	579542	Đăk Rve	0,22	
3681	08	08	17	08	04	04	02				Không tên	Sông Đăk Poe	0,59	1593210	580241	Đăk Rve	1593704	580241	Đăk Rve	0,61	
3682	08	08	17	08	04	05					Không tên	Sông Đăk Poe	0,95	1593792	580226	Đăk Rve	1593562	580721	Kon Braih	1	
3683	08	08	17	08	04	06					Không tên	Sông Đăk Poe	1,06	1593251	579630	Đăk Rve	1594120	579391	Kon Braih	0,53	
3684	08	08	17	08	04	07					Suối NghĐ	Sông Đăk Poe	1,11	1594244	578728	Kon Braih	1593408	579212	Kon Braih	0,35	
3685	08	08	17	08	04	08					Không tên	Sông Đăk Poe	0,49	1594580	578491	Đăk Rve	1595180	579265	Kon Braih	0,26	
3686	08	08	17	08	04	09					Đăk Poe	Sông Đăk Poe	3,15	1594198	578104	Kon Braih	1594633	578184	Kon Braih	3,2	
3687	08	08	17	08	04	09	01				Không tên	Đăk Poe	1,53	1594852	578057	Kon Braih	1597007	579901	Kon Braih	1,07	
3688	08	08	17	08	04	09	02				Không tên	Đăk Poe	0,85	1596279	579228	Kon Braih	1595880	580624	Kon Braih	0,53	
3689	08	08	17	08	04	09	03				Không tên	Đăk Poe	0,94	1595904	578893	Kon Braih	1595667	579700	Kon Braih	0,72	
3690	08	08	17	08	04	10					Đăk Poe	Sông Đăk Po Kei	2,14	1595579	578755	Kon Braih	1595350	579599	Kon Braih	1,88	
3691	08	08	17	08	04	10	01				Không tên	Sông Đăk Po Kei	0,43	1594949	577704	Kon Braih	1596814	578383	Kon Braih	0,13	
3692	08	08	17	08	04	10	02				Không tên	Đăk Poe	1	1596308	578088	Kon Braih	1596478	577734	Kon Braih	0,49	
3693	08	08	17	08	04	11					Đăk Polun	Sông Đăk Po Kei	4,96	1596501	578859	Đăk Rve	1595993	578041	Đăk Rve	4,68	
3694	08	08	17	08	04	11	01				Không tên	Đăk Polun	0,57	1593414	576170	Đăk Rve	1592884	580053	Đăk Rve	0,38	
3695	08	08	17	08	04	11	02				Không tên	Đăk Polun	0,61	1592290	579984	Đăk Rve	1592574	579540	Đăk Rve	0,42	
3696	08	08	17	08	04	11	03				Không tên	Đăk Polun	1,01	1592685	579365	Đăk Rve	1593033	579797	Đăk Rve	0,48	
3697	08	08	17	08	04	11	04				Không tên	Đăk Polun	0,91	1592708	578817	Đăk Rve	1592016	579451	Đăk Rve	0,85	
3698	08	08	17	08	04	11	05				Không tên	Đăk Polun	1,61	1593299	579235	Đăk Rve	1592945	578421	Đăk Rve	0,54	
3699	08	08	17	08	04	11	06				Không tên	Đăk Polun	1,54	1592867	577913	Đăk Rve	1591816	578891	Đăk Rve	0,6	
3700	08	08	17	08	04	12					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,65	1592165	578025	Kon Braih	1593210	577135	Kon Braih	0,63	
3701	08	08	17	08	04	13					Không tên	Sông Đăk Po Kei	2,1	1592944	576273	Đăk Rve	1593059	575664	Đăk Rve	0,97	
3702	08	08	17	08	04	14					Không tên	Sông Đăk Po Kei	0,5	1592730	576494	Kon Braih	1591818	578078	Kon Braih	0,44	
3703	08	08	17	08	04	15					Không tên	Sông Đăk Po Kei	0,96	1592164	575913	Đăk Rve	1592175	575430	Đăk Rve	0,55	
3704	08	08	17	08	04	16					Không tên	Sông Đăk Po Kei	0,95	1591887	576239	Đăk Rve	1591653	577088	Đăk Rve	0,49	
3705	08	08	17	08	04	17					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,9	1591618	576024	Kon Braih	1591432	576925	Kon Braih	0,43	
3706	08	08	17	08	04	18					Không tên	Sông Đăk Po Kei	1,07	1591401	575674	Kon Braih	1591913	574980	Đăk Rve	0,57	
3707	08	08	17	08	04	19					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,87	1591359	575636	Kon Braih	1591771	574714	Đăk Rve	0,46	
3708	08	08	17	08	04	20					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,88	1591174	575804	Kon Braih	1591073	574962	Kon Braih	0,45	
3709	08	08	17	08	04	21					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	1,49	1590549	575802	Kon Braih	1590886	574997	Kon Braih	0,68	
3710	08	08	17	08	04	22					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	1,11	1589703	574759	Kon Braih	1590978	574469	Kon Braih	1	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3711	08	08	17	08	04	23					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,71	1589776	574505	Kon Braih	1590704	574061	Kon Braih	0,73	
3712	08	08	17	08	04	24					Không tên	Sông Đăk Po Kei	1,25	1589206	573770	Kon Braih	1589793	574001	Kon Braih	0,81	
3713	08	08	17	08	04	24	01				Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,49	1589255	573469	Kon Braih	1590457	573385	Kon Braih	0,46	
3714	08	08	17	08	04	25					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,73	1589922	573820	Kon Braih	1589628	573446	Kon Braih	0,72	
3715	08	08	17	08	04	26_1					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	1,87	1588993	572541	Kon Braih	1589661	572800	Kon Braih	1,35	
3716	08	08	17	08	04	26					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	1,74	1589022	571940	Kon Braih	1590579	572112	Kon Braih	1,07	
3717	08	08	17	08	04	27					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	1,32	1588951	571880	Kon Braih	1589881	571006	Kon Braih	0,59	
3718	08	08	17	08	04	28					Không tên	Sông Đăk Po Kei	1,35	1589570	570563	Kon Braih	1588363	570910	Kon Braih	1,05	
3719	08	08	17	08	04	28	01				Đăk ở Nga	Sông Đăk Po Kei	0,85	1588498	570853	Kon Braih	1589067	570328	Kon Braih	0,42	
3720	08	08	17	08	04	29					Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,35	1587519	570598	Kon Braih	1587778	570780	Kon Braih	0,21	
3721	08	08	17	08	04	30					Không tên	Sông Đăk Po Kei	0,35	1587585	570426	Kon Braih	1587514	570141	Kon Braih	0,13	
3722	08	08	17	08	05						Không Tên	Sông Đăk Po Kei	0,93	1588279	569755	Kon Braih	1589108	569979	Kon Braih	0,67	
3723	08	08	17	10_1							Ia KRom	Sê San	2,13	1582150	561844	Đăk Rơ Wa	1583536	561641	Đăk Rơ Wa	1,59	
3724	08	08	17	10_2							Không tên	Sê San	1,26	1584682	561640	Đăk Rơ Wa	1583526	561451	Đăk Rơ Wa	1,43	
3725	08	08	17	10_3							Đăk Ator	Sê San	6	1583476	561024	Đăk Rơ Wa	1578438	559826	Đăk Rơ Wa	17,12	
3726	08	08	17	10_3	01						Không tên	Đăk Ator	0,57	1578764	560187	Đăk Rơ Wa	1579316	560248	Đăk Rơ Wa	0,72	
3727	08	08	17	10_3	02						Không tên	Đăk Ator	1,2	1579362	559374	Đăk Rơ Wa	1579826	560436	Đăk Rơ Wa	1,52	
3728	08	08	17	10_3	03						Không tên	Đăk Ator	2,03	1579975	559092	Đăk Rơ Wa	1580421	560803	Đăk Rơ Wa	2	
3729	08	08	17	10_3	03	01					Không tên	Đăk Ator	0,99	1580346	559870	Đăk Rơ Wa	1581065	559289	Đăk Rơ Wa	0,52	
3730	08	08	17	10_3	04						Không tên	Đăk Ator	1,35	1581223	561033	Đăk Rơ Wa	1581254	559807	Đăk Rơ Wa	0,72	
3731	08	08	17	10_3	05						Không tên	Đăk Ator	1,5	1582462	561250	Đăk Rơ Wa	1581929	559941	Đăk Rơ Wa	1,48	
3732	08	08	17	10_4							Không tên	Sê San	1,7	1582675	559758	Đăk Rơ Wa	1583608	560864	Đăk Rơ Wa	1,1	
3733	08	08	17	10_5							Đăk Drát	Sê San	2,88	1582569	559019	Đăk Rơ Wa	1583776	560735	Đăk Rơ Wa	2,58	
3734	08	08	17	10_5	01						Suối Đăk Któc	Sê San	1,35	1582489	559398	Đăk Rơ Wa	1583734	559616	Đăk Rơ Wa	1,38	
3735	08	08	17	10_6							Không tên	Sê San	0,89	1584226	560015	Đăk Rơ Wa	1585006	560391	Đăk Rơ Wa	0,51	
3736	08	08	17	10_7							Đăk Rơ bol	Sê San	2,28	1585577	560108	Đăk Rơ Wa	1586640	561722	Đăk Rơ Wa	1,3	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3737	08	08	17	10_8							Không tên	Sê San	1,33	1586224	559947	Đăk Rơ Wa	1586411	561216	Đăk Rơ Wa	0,77	
3738	08	08	17	10_9							Đăk Moir	Sê San	2,07	1586737	559780	Đăk Rơ Wa	1587183	561625	Đăk Rơ Wa	0,94	
3739	08	08	17	10_10							Không tên	Sê San	0,88	1586916	559741	Đăk Rơ Wa	1587335	560436	Đăk Rơ Wa	0,64	
3740	08	08	17	10_11							Không tên	Sê San	0,88	1587682	559499	Đăk Rơ Wa	1587907	560290	Đăk Rơ Wa	0,68	
3741	08	08	17	10_12							Đăk Ko Lo Dreh	Sê San	4,85	1588108	559354	Đăk Rơ Wa	1590589	562485	Đăk Rơ Wa	1,35	
3742	08	08	17	10_12	01						Không tên	Đăk Ko Lo Dreh	0,81	1589215	562055	Đăk Rơ Wa	1588811	562618	Đăk Rơ Wa	0,78	
3743	08	08	17	10_12	02						Đăk Pơ pốk	Đăk Ko Lo Dreh	1,35	1589163	561714	Đăk Rơ Wa	1588506	562720	Đăk Rơ Wa	0,68	
3744	08	08	17	10_12	03						Không tên	Đăk Ko Lo Dreh	0,76	1589116	561581	Đăk Rơ Wa	1589786	561730	Đăk Rơ Wa	0,53	
3745	08	08	17	10_12	04						Đăk Pơ Nang	Đăk Ko Lo Dreh	2,3	1588988	561305	Đăk Rơ Wa	1590997	561786	Đăk Rơ Wa	1,44	
3746	08	08	17	10_12	05						Không tên	Đăk Ko Lo Dreh	1,12	1588864	561304	Đăk Rơ Wa	1588221	562122	Đăk Rơ Wa	0,73	
3747	08	08	17	10_12	06						Không tên	Đăk Ko Lo Dreh	0,87	1588720	561032	Đăk Rơ Wa	1588181	561637	Đăk Rơ Wa	0,51	
3748	08	08	17	10_12	07						Không tên	Đăk Ko Lo Dreh	0,63	1588237	561278	Đăk Rơ Wa	1588561	560762	Đăk Rơ Wa	0,29	
3749	08	08	17	10_13							Đăk Tre	Sê San	3,71	1588426	559286	Đăk Rơ Wa	1591533	560434	Đăk Rơ Wa	5,34	
3750	08	08	17	10_13	01						Không tên	Đăk Tre	0,65	1590358	560435	Đăk Rơ Wa	1590489	559810	Đăk Rơ Wa	0,86	
3751	08	08	17	10_13	02						Không tên	Đăk Tre	0,66	1589337	560220	Đăk Rơ Wa	1589056	559717	Đăk Rơ Wa	0,73	
3752	08	08	17	10_14							Đăk Rơ Nong Tih	Sê San	4,27	1589513	557733	Đăk Rơ Wa	1592069	560366	Đăk Rơ Wa	4,15	
3753	08	08	17	10_14	01						Đăk chư Ả	Đăk Rơ Nong Tih	1,36	1591429	559044	Đăk Rơ Wa	1592361	559785	Đăk Rơ Wa	0,91	
3754	08	08	17	10_15							Đăk Ko Wel	Sê San	9,47	1592116	561869	Đăk Rơ Wa	1589025	557146	Đăk Rơ Wa	10,18	
3755	08	08	17	10_15	01						Không Tên	Đăk Ko Wel	0,8	1592457	561643	Đăk Cầm	1592703	562351	Đăk Cầm	0,53	
3756	08	08	17	10_15	02						Không Tên	Đăk Ko Wel	1,39	1593169	560773	Đăk Cầm	1593656	562012	Đăk Cầm	0,86	
3757	08	08	17	10_15	03						Không Tên	Đăk Ko Wel	1,61	1593233	560601	Đăk Cầm	1594023	561755	Đăk Rơ Wa	1,38	
3758	08	08	17	10_15	04	01					Không Tên	Đăk Ko Wel	0,74	1594338	560445	Đăk Cầm	1593723	560146	Đăk Cầm	0,61	
3759	08	08	17	10_15	04						Không Tên	Đăk Ko Wel	0,78	1594184	559907	Đăk Cầm	1593518	560026	Đăk Rơ Wa	0,89	
3760	08	08	17	10_15	05						Không Tên	Đăk Ko Wel	0,58	1593363	559524	Đăk Cầm	1593927	559628	Đăk Rơ Wa	0,37	
3761	08	08	17	10_15	06						Không Tên	Đăk Ko Wel	0,57	1593331	559443	Đăk Cầm	1593862	559364	Đăk Cầm	0,42	
3762	08	08	17	10_15	07						Không Tên	Đăk Ko Wel	1,11	1593274	558968	Đăk Cầm	1594320	558777	Đăk Cầm	1,2	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3763	08	08	17	10_15	08						Không tên	Đăk Ko Wel	0,82	1592861	559371	Đăk Rơ Wa	1592370	558742	Đăk Rơ Wa	0,81	
3764	08	08	17	10_15	09						Đăk Tum pốt	Đăk Ko Wel	1,12	1592213	558585	Đăk Rơ Wa	1593175	558158	Đăk Rơ Wa	0,55	
3765	08	08	17	10_15	10	01					Không tên	Đăk Ko Wel	0,89	1592190	557692	Đăk Rơ Wa	1593054	557705	Đăk Rơ Wa	0,72	
3766	08	08	17	10_15	10	02					Không tên	Đăk Ko Wel	0,88	1592913	558033	Đăk Rơ Wa	1592087	557836	Đăk Rơ Wa	0,66	
3767	08	08	17	10_15	10						Không tên	Đăk Ko Wel	1,83	1593015	556936	Đăk Rơ Wa	1591775	558076	Đăk Rơ Wa	1,28	
3768	08	08	17	10_15	11						Không tên	Đăk Ko Wel	0,66	1590002	557520	Đăk Rơ Wa	1590625	557703	Đăk Rơ Wa	0,34	
3769	08	08	17	10_15	12						Đăk Boyarh	Đăk Ko Wel	2,11	1592448	556960	Đăk Rơ Wa	1590584	557549	Đăk Rơ Wa	1,19	
3770	08	08	17	10_16							Không tên	Sê San	1,57	1589276	556007	Kon Tum	1588704	556727	Kon Tum	2,06	
3771	08	08	17	10_16	01						Đăk Cha Mon	Sê San	5,74	1593772	555783	Đăk Cắm	1589225	556755	Kon Tum	12,28	
3772	08	08	17	10_16	01	01					Suối Cha Mon	Đăk Đinlra	4,38	1593302	555851	Đăk Cắm	1596038	558252	Đăk Cắm	5	
3773	08	08	17	10_16	01	01	01				Không Tên	Suối Cha Mon	1,02	1594628	558498	Đăk Cắm	1594327	557546	Đăk Cắm	0,49	
3774	08	08	17	10_16	01	01	02				Không Tên	Suối Cha Mon	0,8	1593905	557232	Đăk Cắm	1593180	557458	Đăk Cắm	0,56	
3775	08	08	17	10_16	01	01	02	01			Đăk Loi	Suối Cha Mon	1	1594095	558170	Đăk Cắm	1593871	557239	Đăk Cắm	0,73	
3776	08	08	17	10_16	01	01	03				Đăk Chuoa	Suối Cha Mon	0,63	1593763	556407	Đăk Cắm	1594353	556309	Đăk Cắm	0,44	
3777	08	08	17	10_16	01	02					Không Tên	Đăk Đinlra	0,98	1592339	555843	Đăk Rơ Wa	1592836	556621	Đăk Rơ Wa	0,82	
3778	08	08	17	10_16	01	03					Đăk Jơ Dreh	Đăk Đinlra	1,73	1591401	555622	Đăk Rơ Wa	1592601	556808	Đăk Cắm	0,72	
3779	08	08	17	10_16	01	04					Không tên	Đăk Đinlra	0,88	1590841	556072	Đăk Rơ Wa	1591609	556446	Đăk Rơ Wa	0,72	
3780	08	08	17	10_17							Suối Đăk Któc	Sê San	4,59	1583174	558138	Đăk Rơ Wa	1586928	557893	Đăk Rơ Wa	6,35	
3781	08	08	17	10_17	01						Đăk Đinlra	Suối Đăk Któc	1,24	1584786	558711	Đăk Rơ Wa	1583665	558938	Đăk Rơ Wa	2,07	
3782	08	08	17	10_17	01	01					Không tên	Đăk Đinlra	0,88	1584116	559392	Đăk Rơ Wa	1584642	558768	Đăk Rơ Wa	1,11	
3783	08	08	17	10_17	02						Đăk rava	Suối Đăk Któc	1,95	1584618	557755	Đăk Rơ Wa	1586349	558218	Đăk Rơ Wa	1,48	
3784	08	08	17	10_18							Không Tên	Sê San	0,84	1584686	557230	Đăk Rơ Wa	1585031	556500	Đăk Rơ Wa	0,8	
3785	08	08	17	10_19							Đăk Lái	Sê San	7,02	1584451	555733	Đăk Rơ Wa	1579203	558223	Đăk Rơ Wa	13,98	
3786	08	08	17	10_19	01						Đăk Hơ Trang	Đăk Lái	0,67	1580599	557187	Đăk Rơ Wa	1581205	557356	Đăk Rơ Wa	0,47	
3787	08	08	17	10_19	02						Đăk Lái	Đăk Lái	3,16	1578908	557633	Đăk Rơ Wa	1581421	556293	Đăk Rơ Wa	2,45	
3788	08	08	17	10_19	03						Đăk Tơ Lir	Đăk Lái	1,47	1581676	557366	Đăk Rơ Wa	1582259	556197	Đăk Rơ Wa	1,09	
3789	08	08	17	10_19	04						Đăk Gar	Đăk Lái	2,25	1582644	557751	Đăk Rơ Wa	1583371	555902	Đăk Rơ Wa	1,56	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3790	08	08	17	10_19	05						Đăk Lân	Đăk Lái	1,51	1583860	557342	Đăk Rơ Wa	1583510	555944	Đăk Rơ Wa	0,99	
3791	08	08	17	10_19	06						Đăk Rơ Han	Đăk Lái	1,27	1584112	557145	Đăk Rơ Wa	1583919	555970	Đăk Rơ Wa	0,67	
3792	08	08	17	10_20							Đăk Rơ Nang	Sê San	0,72	1583457	554798	Đăk Rơ Wa	1584098	554785	Đăk Rơ Wa	0,59	
3793	08	08	17	10_21							Đăk Prong	Sê San	0,59	1583927	554199	Đăk Rơ Wa	1584453	554454	Đăk Rơ Wa	0,63	
3794	08	08	17	10_22							Đăk Ke Nor	Sê San	11,14	1577293	553950	Đăk Rơ Wa	1585619	553233	Đăk BLa	24,36	
3795	08	08	17	10_22	01						Không tên	Đăk KD Nor	3,3	1578546	553941	Đăk Rơ Wa	1576585	555808	Đăk Rơ Wa	2,7	
3796	08	08	17	10_22	01	01					Thượng nguồn Ia Chơ Nuk	Đăk KD Nor	1,44	1576183	555893	Đăk Rơ Wa	1577083	554919	Đăk Rơ Wa	0,82	
3797	08	08	17	10_22	02	01					Không Tên	Đăk KD Nor	0,99	1577762	555252	Đăk Rơ Wa	1578617	554837	Đăk Rơ Wa	0,84	
3798	08	08	17	10_22	02						Không Tên	Đăk KD Nor	2,3	1578643	553915	Đăk Rơ Wa	1577856	555651	Đăk Rơ Wa	2,6	
3799	08	08	17	10_22	03						Không tên	Đăk KD Nor	1,42	1581357	553538	Đăk Rơ Wa	1580431	554457	Đăk Rơ Wa	0,95	
3800	08	08	17	10_22	04						Đăk Ke Nor	Đăk Ke Nor	7,71	1583638	553337	Đăk Rơ Wa	1577717	556786	Đăk BLa	8,65	
3801	08	08	17	10_22	04	01					Đăk Tờ Ver	Đăk KD Nor	1,13	1578256	556872	Đăk Rơ Wa	1578897	556037	Đăk Rơ Wa	0,73	
3802	08	08	17	10_22	04	02					Khe cạn	Đăk KD Nor	0,69	1579424	555240	Đăk Rơ Wa	1580067	555305	Đăk Rơ Wa	0,82	
3803	08	08	17	10_22	04	03					Đăk Khăng	Đăk KD Nor	0,74	1582190	554170	Đăk Rơ Wa	1582883	554123	Đăk Rơ Wa	0,5	
3804	08	08	17	10_22	05						Đăk Ke Nar	Đăk Ke Nor	0,95	1583362	552904	Đăk BLa	1584147	552842	Đăk BLa	0,91	
3805	08	08	17	10_23							Đăk To Dreh	Sê San	4,75	1590002	553770	Đăk Cắm	1590005	553770	Kon Tum	4,95	
3806	08	08	17	10_23	01						Không tên	Đăk To Dreh	0,98	1589732	553066	Đăk Cắm	1590626	553305	Đăk Cắm	0,63	
3807	08	08	17	10							Sông Ia Tcha	Sê San	16,51	1575886	549483	Đăk Rơ Wa	1587406	550640	Đăk BLa	55,3	Quyết định 605/QĐ-BNNMT Tên khác: Sông Ia ReBang
3808	08	08	17	10	01						Không tên	Sông Ia Tcha	1,63	1575886	549483	Đăk Rơ Wa	1574768	550511	Đăk Rơ Wa	1,53	
3809	08	08	17	10	01	01					Khe cạn	Sông Ia Tcha	0,53	1575768	550441	Đăk Rơ Wa	1575677	549922	Đăk Rơ Wa	0,48	
3810	08	08	17	10	01	02					Không tên	Sông Ia Tcha	0,72	1575886	549483	Đăk Rơ Wa	1576242	550028	Đăk Rơ Wa	0,37	
3811	08	08	17	10	02						Bong Đa	Sông Ia Tcha	2,97	1576940	548393	Đăk Rơ Wa	1574234	549196	Đăk Rơ Wa	6,18	
3812	08	08	17	10	02	01					Bông Hăng	Bong Đa	0,74	1575207	549107	Đăk Rơ Wa	1575334	548478	Đăk Rơ Wa	0,59	
3813	08	08	17	10	02	02					Ia Mút	Bong Đa	1,75	1575489	548071	Đăk Rơ Wa	1576744	548399	Đăk Rơ Wa	0,65	
3814	08	08	17	10	02	02	01				Không tên	Ia Mút	0,72	1576892	545127	Ia Chim	1577217	545690	Ia Chim	1,14	
3815	08	08	17	10	02	02	02				Ia Mui	Ia Mút	1,28	1576104	546948	Ia Chim	1576116	545688	Đăk Rơ Wa	0,99	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3816	08	08	17	10	02	02	03				Không tên	Ia Mút	0,79	1574975	546473	Đăk Rơ Wa	1575473	547070	Đăk Rơ Wa	0,34	
3817	08	08	17	10	03						Không tên	Sông Ia Tcha	1,67	1576995	549478	Đăk Rơ Wa	1577718	548018	Đăk Rơ Wa	1,01	
3818	08	08	17	10	04						Không tên	Sông Ia Tcha	1,69	1578105	549797	Đăk Rơ Wa	1579262	548963	Đăk Rơ Wa	1,8	
3819	08	08	17	10	05						Khe cạn	Sông Ia Tcha	0,48	1579751	548975	Đăk Rơ Wa	1579632	548545	Đăk Rơ Wa	0,43	
3820	08	08	17	10	06						Không Tên	Sông Ia Tcha	0,94	1581235	549474	Ia Chim	1580935	548658	Đăk Rơ Wa	0,87	
3821	08	08	17	10	07						Không tên	Sông Ia Tcha	1,42	1581359	549587	Ia Chim	1581947	548572	Đăk Rơ Wa	0,72	
3822	08	08	17	10	08						Không Tên	Sông Ia Tcha	0,78	1581894	550725	Đăk Rơ Wa	1582301	550104	Đăk Rơ Wa	0,99	
3823	08	08	17	10	09						Đăk Yeul	Sông Ia Tcha	8,35	1574753	552549	Đăk Rơ Wa	1582046	551357	Đăk BLa	22,69	
3824	08	08	17	10	09	01					Không tên	Đăk Yeul	0,55	1574946	552519	Đăk Rơ Wa	1575254	552914	Đăk Rơ Wa	0,63	
3825	08	08	17	10	09	02					Khe cạn	Đăk Yeul	0,94	1575463	553801	Đăk Rơ Wa	1575530	552895	Đăk Rơ Wa	0,99	
3826	08	08	17	10	09	03					Không tên	Đăk Yeul	0,6	1576290	553190	Đăk Rơ Wa	1576503	552675	Đăk Rơ Wa	0,6	
3827	08	08	17	10	09	04					Không tên	Đăk Yeul	0,52	1576104	552532	Đăk Rơ Wa	1576610	552558	Đăk Rơ Wa	0,12	
3828	08	08	17	10	09	05					Ia Kênh	Đăk Yeul	4,71	1578459	552961	Đăk Rơ Wa	1578459	552961	Đăk Rơ Wa	5,29	
3829	08	08	17	10	09	05	01				Không tên	Ia Kênh	0,59	1577155	553029	Đăk Rơ Wa	1577644	553027	Đăk Rơ Wa	0,54	
3830	08	08	17	10	09	05	02				Ia Pơ Đan	Ia Kênh	0,81	1578549	553269	Đăk Rơ Wa	1579186	552853	Đăk Rơ Wa	0,73	
3831	08	08	17	10	09	05	03				Ia Đan	Ia Kênh	0,68	1579895	552596	Đăk Rơ Wa	1579723	551956	Đăk Rơ Wa	0,33	
3832	08	08	17	10	09	06					Ia Xoi	Đăk Yeul	6,62	1579637	551224	Đăk Rơ Wa	1575001	551099	Đăk Rơ Wa	6,33	
3833	08	08	17	10	09	06	01				Khe cạn	Ia Xoi	0,51	1575522	551136	Đăk Rơ Wa	1575825	550744	Đăk Rơ Wa	0,41	
3834	08	08	17	10	09	06	02				Không tên	Ia Xoi	1,24	1576400	551176	Đăk Rơ Wa	1575261	551392	Đăk Rơ Wa	1,59	
3835	08	08	17	10	09	06	03				Không tên	Ia Xoi	0,72	1576172	552172	Đăk Rơ Wa	1576798	551846	Đăk Rơ Wa	0,59	
3836	08	08	17	10	09	06	04				Không tên	Ia Xoi	0,99	1576897	550786	Đăk Rơ Wa	1577633	551367	Đăk Rơ Wa	0,82	
3837	08	08	17	10	09	06	05				Không tên	Ia Xoi	1,03	1577660	550736	Đăk Rơ Wa	1578325	551228	Đăk Rơ Wa	0,94	
3838	08	08	17	10	09	06	06				Đăk óp	Ia Xoi	3,8	1576714	550125	Đăk Rơ Wa	1579794	551184	Đăk Rơ Wa	2,49	
3839	08	08	17	10	09	07					Không Tên	Đăk Yeul	0,64	1580042	551096	Đăk Rơ Wa	1580513	551408	Đăk Rơ Wa	0,42	
3840	08	08	17	10	09	08					Không tên	Đăk Yeul	0,89	1580685	551413	Đăk BLa	1580637	552268	Đăk Rơ Wa	1,53	
3841	08	08	17	10	09	09					Ia Xoi	Đăk Yeul	1,89	1579768	550105	Đăk Rơ Wa	1580764	551332	Đăk Rơ Wa	1,88	
3842	08	08	17	10	09	09	01				Không Tên	Ia Xoi	0,56	1579929	550380	Đăk Rơ Wa	1580467	550533	Đăk Rơ Wa	0,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3843	08	08	17	10	10						Không Tên	Sông Ia Tcha	0,62	1582119	552138	Đăk BLA	1582599	551767	Đăk BLA	0,79	
3844	08	08	17	10	11						Ia- RĐbeng	Sông Ia Tcha	4,89	1581999	547623	Ia Chim	1584456	551220	Đăk Rơ Wa	5,2	
3845	08	08	17	10	12						Không tên	Sông Ia Tcha	3,28	1585003	548472	Ia Chim	1584487	551296	Ia Chim	4,5	
3846	08	08	17	10	12	01					Ia Sar	Sông Ia Tcha	2,95	1583305	546939	Ia Chim	1585458	547564	Ia Chim	6,04	
3847	08	08	17	10	12	02					Không tên	Sông Ia Tcha	0,56	1585680	549072	Ia Chim	1585133	549159	Ia Chim	0,36	
3848	08	08	17	10	12	03					Không tên	Sông Ia Tcha	0,7	1585213	549449	Ia Chim	1585896	549320	Ia Chim	0,49	
3849	08	08	17	10	13						Không tên	Sông Ia Tcha	0,86	1585127	550653	Đăk BLA	1585555	551391	Ia Chim	1,32	
3850	08	08	17	11_1							Không tên	Sê San	3,39	1585911	548922	Ia Chim	1587809	549883	Ia Chim	3,68	
3851	08	08	17	11							Sông Đăk Cầm	Sê San	38,54	1588606	549618	Ngọc Réo	1610359	560026	Ia Chim	165,5	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3852	08	08	17	11	1_1						Không Tên	Sê San	1,31	1609117	559767	Ngọc Réo	1610353	559587	Ngọc Réo	0,73	
3853	08	08	17	11	1_2						Suối Leng	Sê San	0,82	1608608	560001	Ngọc Réo	1609359	560250	Ngọc Réo	0,48	
3854	08	08	17	11	1_3						Không Tên	Sê San	0,62	1608963	560419	Ngọc Réo	1608608	560001	Ngọc Réo	0,3	
3855	08	08	17	11	1_4						Không Tên	Sê San	0,94	1607871	560277	Ngọc Réo	1607616	559474	Ngọc Réo	1,86	
3856	08	08	17	11	1_5						Không Tên	Sê San	2,42	1607090	559058	Ngọc Réo	1609332	558743	Ngọc Réo	2	
3857	08	08	17	11	1_5	01					Không Tên	Sê San	0,59	1608323	558892	Ngọc Réo	1608726	559314	Ngọc Réo	0,52	
3858	08	08	17	11	1_5	02					Không Tên	Sê San	0,83	1607348	559038	Ngọc Réo	1607927	558508	Ngọc Réo	0,64	
3859	08	08	17	11	1_5	03					Suối Đăk Leang	Sê San	2,46	1608957	558139	Ngọc Réo	1607208	559003	Ngọc Réo	1,63	
3860	08	08	17	11	1_6						Không Tên	Sê San	0,8	1606682	559165	Ngọc Réo	1606944	559845	Ngọc Réo	0,64	
3861	08	08	17	11	1_7						Không Tên	Sê San	0,55	1606322	558955	Ngọc Réo	1606689	558641	Ngọc Réo	0,24	
3862	08	08	17	11	1_8						Không Tên	Sê San	1,17	1606258	558967	Ngọc Réo	1606826	558190	Ngọc Réo	0,69	
3863	08	08	17	11	1_9						Suối Đăk Kle	Sê San	1,88	1605727	559105	Ngọc Réo	1607003	560311	Ngọc Réo	0,9	
3864	08	08	17	11	1_10						Không Tên	Sê San	0,61	1605649	559147	Ngọc Réo	1605681	558597	Ngọc Réo	0,66	
3865	08	08	17	11	1_11						Đăk Kăm	Sê San	8,32	1604233	559036	Ngọc Réo	1609214	561323	Ngọc Réo	36,24	
3866	08	08	17	11	1_11	01					Không Tên	Đăk Kăm	0,6	1608825	562059	Ngọc Réo	1608495	561593	Ngọc Réo	0,66	
3867	08	08	17	11	1_11	02					Suối Đăk Klô	Đăk Kăm	1,44	1607682	561507	Ngọc Réo	1608240	562758	Ngọc Réo	2,4	
3868	08	08	17	11	1_11	02	01				Không Tên	Suối Đăk Klô	0,8	1607547	562556	Ngọc Réo	1607870	561870	Ngọc Réo	0,6	
3869	08	08	17	11	1_11	03					Không Tên	Đăk Kăm	0,74	1606730	562073	Ngọc Réo	1606585	561466	Ngọc Réo	0,69	
3870	08	08	17	11	1_11	04					Suối Đăk Hteng	Đăk Kăm	1,01	1606259	560852	Ngọc Réo	1607239	560825	Ngọc Réo	0,85	
3871	08	08	17	11	1_11	05					Không Tên	Đăk Kăm	4,01	1604378	560315	Ngọc Réo	1606829	562914	Ngọc Réo	3,34	
3872	08	08	17	11	1_11	05	01				Suối Đăk Ché	Đăk Kăm	0,96	1605483	562087	Ngọc Réo	1606300	562367	Ngọc Réo	0,99	
3873	08	08	17	11	1_11	06					Đăk Kăm	Đăk Kăm	6,46	1604064	560231	Ngọc Réo	1604884	563031	Ngọc Réo	2,74	
3874	08	08	17	11	1_11	06	01				Không Tên	Đăk Kăm	3,46	1604884	563031	Ngọc Réo	1607012	564877	Ngọc Réo	5,28	
3875	08	08	17	11	1_11	06	1_1				Không Tên	Đăk Kăm	1,15	1606390	563620	Ngọc Réo	1607433	563482	Ngọc Réo	0,73	
3876	08	08	17	11	1_11	06	02				Không Tên	Đăk Kăm	1,93	1604309	562549	Ngọc Réo	1603961	564134	Ngọc Réo	3,17	
3877	08	08	17	11	1_11	06	02	01			Không Tên	Đăk Kăm	0,54	1604238	563739	Ngọc Réo	1604466	564189	Ngọc Réo	0,17	
3878	08	08	17	11	1_11	06	02	02			Không Tên	Đăk Kăm	0,52	1603740	562703	Ngọc Réo	1604225	562730	Ngọc Réo	0,46	
3879	08	08	17	11	1_11	06	03				Không Tên	Đăk Kăm	0,56	1603112	561538	Ngọc Réo	1603582	561337	Ngọc Réo	0,59	
3880	08	08	17	11	1_11	06	04				Không Tên	Đăk Kăm	1,06	1603582	561002	Ngọc Réo	1603582	561002	Ngọc Réo	0,76	
3881	08	08	17	11	1_11	06	05				Không Tên	Đăk Kăm	0,84	1603909	560794	Ngọc Réo	1604445	561407	Ngọc Réo	0,82	
3882	08	08	17	11	1_12						Không Tên	Sê San	0,62	1603803	558780	Ngọc Réo	1604306	558480	Ngọc Réo	0,51	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3883	08	08	17	11	1_13						Suối Đăk Re Ngã	Sê San	0,92	1603371	558834	Ngọc Réo	1603431	559730	Ngọc Réo	1,22	
3884	08	08	17	11	1_14						Không Tên	Sê San	3,3	1603574	557990	Ngọc Réo	1603574	557990	Ngọc Réo	3,8	
3885	08	08	17	11	1_14	01					Suối Đăk Be	Sê San	1,11	1605302	558062	Ngọc Réo	1606251	557951	Ngọc Réo	0,49	
3886	08	08	17	11	1_14	02					Không Tên	Sê San	0,71	1604618	557798	Ngọc Réo	1605281	557734	Ngọc Réo	0,52	
3887	08	08	17	11	1_14	03					Không Tên	Sê San	0,61	1604748	557272	Ngọc Réo	1604464	557749	Ngọc Réo	0,51	
3888	08	08	17	11	1_14	04					Không Tên	Sê San	0,91	1604147	557910	Ngọc Réo	1604780	558502	Ngọc Réo	0,55	
3889	08	08	17	11	1_15						Không Tên	Sê San	1,43	1603827	556988	Ngọc Réo	1602673	557613	Ngọc Réo	1,45	
3890	08	08	17	11	1_16						Suối Đăk Le	Sê San	1,24	1602222	556451	Ngọc Réo	1602202	557617	Ngọc Réo	1,37	
3891	08	08	17	11	1_16	01					Không Tên	Suối Đăk Le	0,95	1602166	557104	Ngọc Réo	1602880	556506	Ngọc Réo	0,69	
3892	08	08	17	11	1_17						Không Tên	Sê San	1,08	1601500	557701	Ngọc Réo	1601491	556738	Ngọc Réo	0,57	
3893	08	08	17	11	1_18						Không Tên	Sê San	3,13	1601365	557584	Ngọc Réo	1601734	560353	Ngọc Réo	4,95	
3894	08	08	17	11	1_19						Đăk Pret	Sê San	2,34	1600520	557287	Ngọc Réo	1599446	558947	Ngọc Réo	3,06	
3895	08	08	17	11	1_19	01					Không Tên	Đăk Pret	1,22	1600552	558938	Ngọc Réo	1600279	557827	Ngọc Réo	2,27	
3896	08	08	17	11	1_20						Không Tên	Sê San	0,84	1599351	556690	Ngọc Réo	1600157	556553	Ngọc Réo	1,24	
3897	08	08	17	11	1_22						Không Tên	Sê San	1,06	1598581	555733	Ngọc Réo	1597769	556327	Ngọc Réo	0,5	
3898	08	08	17	11	1_23						Không Tên	Sê San	1,18	1597589	556351	Đăk Cầm	1598357	555617	Đăk Cầm	0,7	
3899	08	08	17	11	1_24						Đăk Hbo	Sê San	1,7	1598074	554927	Đăk Cầm	1597153	556163	Đăk Cầm	1,79	
3900	08	08	17	11	1_24	01					Đăk Bla	Đăk Hbo	1,42	1597081	554866	Đăk Cầm	1598014	555021	Đăk Cầm	1,2	
3901	08	08	17	11	1_24	02					Đăk Coly	Đăk Hbo	0,98	1597202	554563	Đăk Cầm	1598062	554934	Đăk Cầm	0,66	
3902	08	08	17	11	1_25						Không Tên	Sê San	1,13	1598489	554272	Ngọc Réo	1599525	554617	Đăk Cầm	0,79	
3903	08	08	17	11	1_26						Không Tên	Sê San	1,22	1598119	554341	Ngọc Réo	1599149	553970	Ngọc Réo	0,48	
3904	08	08	17	11	1_27						Không Tên	Sê San	1,22	1597902	553290	Ngọc Réo	1599030	553106	Đăk Cầm	1,1	
3905	08	08	17	11	1_28						Không Tên	Sê San	2,05	1598514	551132	Ngọc Réo	1597784	552914	Đăk Cầm	1,94	
3906	08	08	17	11	1_28	01					Không Tên	Sê San	0,84	1597909	552584	Ngọc Réo	1598616	552171	Ngọc Réo	0,67	
3907	08	08	17	11	1_28	02					Không Tên	Sê San	1,21	1597847	552805	Ngọc Réo	1599017	552713	Ngọc Réo	0,64	
3908	08	08	17	11	1_29						Suối Đăk Duông	Sê San	1,62	1597256	553021	Ngọc Réo	1597677	551561	Đăk Cầm	0,75	
3909	08	08	17	11	1_30						Đăk Glang	Sê San	1,14	1596699	553323	Đăk Cầm	1597248	554212	Đăk Cầm	0,85	
3910	08	08	17	11	1_30	01					Đăk Proi	Đăk Glang	1,07	1596751	553459	Đăk Cầm	1596743	554433	Đăk Cầm	0,59	
3911	08	08	17	11	1_30_1						Không Tên	Sê San	2,33	1596579	553327	Đăk Hà	1597348	551376	Đăk Cầm	1,2	
3912	08	08	17	11	1_31						Đăk Pô	Sê San	2,18	1595562	553200	Đăk Cầm	1596466	554642	Đăk Cầm	1,07	
3913	08	08	17	11	1_32						Không Tên	Sê San	0,71	1595266	552936	Đăk Cầm	1595470	552262	Đăk Cầm	0,95	
3914	08	08	17	11	1_33						Không Tên	Sê San	1,59	1594261	552449	Ngọc Bay	1595599	551996	Ngọc Bay	0,76	
3915	08	08	17	11	1_34						Không Tên	Sê San	0,61	1593766	551927	Ngọc Bay	1594318	551831	Ngọc Bay	0,34	
3916	08	08	17	11	1_35						D.Tue	Sê San	3,59	1596007	551414	Ngọc Bay	1592931	551629	Ngọc Bay	2,67	
3917	08	08	17	11	1_35	01					Không Tên	D.Tue	0,86	1595517	550735	Ngọc Bay	1594780	551090	Ngọc Bay	0,53	
3918	08	08	17	11	1_36						Không Tên	Sê San	2,99	1594262	550120	Ngọc Bay	1592134	551714	Ngọc Bay	3,18	
3919	08	08	17	11	1_37						Đăk Krel	Sê San	2,25	1592590	550235	Ngọc Bay	1591297	551639	Ngọc Bay	1,4	
3920	08	08	17	11	01						Sông Đăk Lay	Sông Đăk Cầm	19,71	1595694	561961	Ngọc Réo	1590858	551836	Ngọc Bay	45,76	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3921	08	08	17	11	01	01					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,83	1596364	560562	Ngọc Réo	1596944	561131	Ngọc Réo	0,6	
3922	08	08	17	11	01	02					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,95	1595551	559587	Đăk Cầm	1596257	559765	Ngọc Réo	3,64	
3923	08	08	17	11	01	02	01				Không Tên	Sông Đăk Lay	1,47	1595884	559910	Ngọc Réo	1594888	560947	Ngọc Réo	2,47	
3924	08	08	17	11	01	03					Không tên	Sông Đăk Lay	4,03	1597261	559005	Ngọc Réo	1597478	562562	Ngọc Réo	5,01	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3925	08	08	17	11	01	03	01				Không Tên	Sông Đăk Lay	0,87	1596758	562099	Ngọc Réo	1597487	561652	Ngọc Réo	0,73	
3926	08	08	17	11	01	03	02				Không Tên	Sông Đăk Lay	0,85	1597592	561393	Ngọc Réo	1598278	561843	Ngọc Réo	0,81	
3927	08	08	17	11	01	04					Đăk Te	Sông Đăk Lay	3,92	1597495	558771	Ngọc Réo	1598560	561407	Ngọc Réo	3,46	
3928	08	08	17	11	01	04	01				Không Tên	Đăk Te	0,24	1599158	560948	Ngọc Réo	1599318	561124	Ngọc Réo	0,13	
3929	08	08	17	11	01	05					Không tên	Sông Đăk Lay	1,23	1597926	558505	Ngọc Réo	1598862	558950	Ngọc Réo	1,2	
3930	08	08	17	11	01	05	01				Không Tên	Sông Đăk Lay	0,53	1597932	558532	Ngọc Réo	1598420	558600	Ngọc Réo	0,21	
3931	08	08	17	11	01	06					Không Tên	Sông Đăk Lay	1,21	1597767	557939	Ngọc Réo	1598899	557676	Ngọc Réo	0,74	
3932	08	08	17	11	01	07					Không Tên	Sông Đăk Lay	1,07	1597310	557420	Ngọc Réo	1598177	557059	Ngọc Réo	0,59	
3933	08	08	17	11	01	08					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,49	1596914	557397	Ngọc Réo	1597233	557029	Ngọc Réo	0,36	
3934	08	08	17	11	01	09					Không Tên	Sông Đăk Lay	1,18	1596397	557360	Đăk Cấm	1597258	556627	Đăk Cấm	0,55	
3935	08	08	17	11	01	10					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,66	1596021	557280	Đăk Cấm	1595809	557864	Đăk Cấm	0,94	
3936	08	08	17	11	01	11					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,71	1595601	556870	Đăk Cấm	1595398	557477	Đăk Cấm	0,54	
3937	08	08	17	11	01	12					Không Tên	Sông Đăk Lay	1,4	1595365	556001	Đăk Cấm	1596670	556220	Đăk Cấm	1,03	
3938	08	08	17	11	01	13					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,48	1595537	555771	Đăk Cấm	1595981	555592	Đăk Cấm	0,19	
3939	08	08	17	11	01	14					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,98	1595333	555473	Đăk Cấm	1595333	555473	Đăk Cấm	0,51	
3940	08	08	17	11	01	14	01				Không Tên	Sông Đăk Lay	0,63	1595292	555490	Đăk Cấm	1595513	554924	Đăk Cấm	0,23	
3941	08	08	17	11	01	15					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,66	1594673	555368	Đăk Cấm	1595187	555044	Đăk Cấm	0,21	
3942	08	08	17	11	01	16					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,7	1594605	555262	Đăk Cấm	1595089	554853	Đăk Cấm	0,28	
3943	08	08	17	11	01	17					Đăk Phát	Sông Đăk Lay	4,16	1593387	553916	Đăk Cấm	1593387	553916	Đăk Cấm	5,05	
3944	08	08	17	11	01	17	01				Không Tên	Đăk Phát	0,73	1595458	554572	Đăk Cấm	1596160	554486	Đăk Cấm	1,07	
3945	08	08	17	11	01	17	02				Mương đảo	Đăk Phát	1,82	1593284	553894	Đăk Cấm	1594145	555046	Đăk Cấm	1,8	
3946	08	08	17	11	01	18					Đăk Sun	Sông Đăk Lay	0,49	1592061	553111	Đăk Cấm	1592276	553540	Đăk Cấm	0,12	
3947	08	08	17	11	01	19					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,75	1591737	552862	Đăk Cấm	1591684	553604	Đăk Cấm	0,38	
3948	08	08	17	11	01	20					Không Tên	Sông Đăk Lay	0,99	1591337	552553	Đăk Cấm	1591006	553464	Đăk Cấm	0,47	
3949	08	08	17	11	2_21						Suối Đăk Lôi	Sê San	1,48	1600216	556410	Ngọc Réo	1601607	556292	Ngọc Réo	1,66	
3950	08	08	17	11	02						Đăk Tơ Wak	Sê San	3,95	1592725	549479	Ngọc Bay	1588936	549801	Ngọc Bay	5,37	
3951	08	08	17	11	02	01					Không Tên	Đăk Tơ Wak	0,63	1590826	549476	Đăk Cấm	1591281	549890	Đăk Cấm	0,69	
3952	08	08	17	12_1							Đăk Kơ Nông	Sê San	3,36	1589060	548270	Ngọc Bay	1592027	548095	Ngọc Bay	4,41	
3953	08	08	17	12_1	01						Không Tên	Đăk Kơ Nông	0,57	1591174	548428	Ngọc Bay	1591564	548829	Ngọc Bay	0,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
3954	08	08	17	12_1	02						Không Tên	Đăk Kơ Nông	0,69	1591109	548440	Ngọc Bay	1591250	547809	Ngọc Bay	0,52	
3955	08	08	17	12_1	03						Không Tên	Đăk Kơ Nông	1,13	1589803	548680	Ngọc Bay	1590441	547792	Ngọc Bay	0,65	
3956	08	08	17	12_2							Đăk Têng	Sê San	5,91	1585236	546378	Ia Chim	1587842	545857	Ia Chim	5,8	
3957	08	08	17	12_3							Không tên	Sê San	2,57	1587600	545577	Ia Chim	1586286	545845	Ia Chim	5,67	
3958	08	08	17	12_3	01						Không tên	Sê San	0,62	1586894	546886	Ia Chim	1587003	546381	Ia Chim	0,19	
3959	08	08	17	12							Sông Đăk Kle	Sông Đăk Dơ Nen	37,4	1589141	543819	Ngọc Réo	1610409	556902	Ngọc Bay	139	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
3960	08	08	17	12	01						Không Tên	Đăk Kle	0,58	1609548	556722	Ngọc Réo	1609755	557241	Ngọc Réo	0,49	
3961	08	08	17	12	02						Không Tên	Đăk Kle	0,58	1609020	556405	Ngọc Réo	1609534	556226	Ngọc Réo	0,32	
3962	08	08	17	12	03						Không Tên	Đăk Kle	2,87	1610076	556147	Ngọc Réo	1609355	557301	Ngọc Réo	0,91	
3963	08	08	17	12	03	01					Không Tên	Đăk Kle	0,55	1609142	557497	Ngọc Réo	1609065	556969	Ngọc Réo	0,31	
3964	08	08	17	12	03	02					Không Tên	Đăk Kle	0,53	1608904	557360	Ngọc Réo	1608940	556834	Ngọc Réo	0,67	
3965	08	08	17	12	04						Không Tên	Đăk Kle	1,63	1608373	557379	Ngọc Réo	1608405	555984	Ngọc Réo	1,01	
3966	08	08	17	12	05						Không Tên	Đăk Kle	1,34	1609531	555400	Ngọc Réo	1608308	555709	Ngọc Réo	0,99	
3967	08	08	17	12	06						Không Tên	Đăk Kle	1,49	1607928	555620	Ngọc Réo	1607543	556975	Ngọc Réo	1,48	
3968	08	08	17	12	06	01					Suối Đăk Plet	Đăk Kle	1	1607857	557062	Ngọc Réo	1607777	556097	Ngọc Réo	0,59	
3969	08	08	17	12	07						Không Tên	Đăk Kle	0,68	1607057	555631	Ngọc Réo	1606974	554957	Ngọc Réo	1,64	
3970	08	08	17	12	08						Không Tên	Đăk Kle	0,84	1606178	555134	Ngọc Réo	1605786	554553	Ngọc Réo	0,84	
3971	08	08	17	12	09						Không Tên	Đăk Kle	4,96	1609542	554380	Ngọc Réo	1605420	554480	Ngọc Réo	5,24	
3972	08	08	17	12	09	01					Không Tên	Đăk Kle	0,79	1608932	554429	Ngọc Réo	1609652	554659	Ngọc Réo	0,41	
3973	08	08	17	12	09	02					Không Tên	Đăk Kle	0,56	1608771	554608	Ngọc Réo	1609267	554850	Ngọc Réo	0,38	
3974	08	08	17	12	09	03					Không Tên	Đăk Kle	0,51	1608214	554865	Ngọc Réo	1607999	554412	Ngọc Réo	0,29	
3975	08	08	17	12	09	04					Không Tên	Đăk Kle	0,9	1608687	554089	Ngọc Réo	1607883	554365	Ngọc Réo	0,88	
3976	08	08	17	12	09	04	01				Không Tên	Đăk Kle	0,59	1608177	553741	Ngọc Réo	1608111	554201	Ngọc Réo	0,51	
3977	08	08	17	12	09	05					Không Tên	Đăk Kle	0,71	1607855	553776	Ngọc Réo	1607473	554349	Ngọc Réo	0,51	
3978	08	08	17	12	09	06					Không Tên	Đăk Kle	0,78	1607700	554767	Ngọc Réo	1607186	554305	Ngọc Réo	0,82	
3979	08	08	17	12	10						Không Tên	Đăk Kle	3,38	1607160	556128	Ngọc Réo	1605001	554474	Ngọc Réo	4,3	
3980	08	08	17	12	10	01					Không Tên	Đăk Kle	1,16	1606646	556138	Ngọc Réo	1606989	557146	Ngọc Réo	0,69	
3981	08	08	17	12	10	01	01				Không Tên	Đăk Kle	0,5	1606366	556873	Ngọc Réo	1606631	556479	Ngọc Réo	0,38	
3982	08	08	17	12	10	02					Không Tên	Đăk Kle	1,28	1605811	555384	Ngọc Réo	1605494	556480	Ngọc Réo	0,91	
3983	08	08	17	12	10	02	01				Không Tên	Đăk Kle	0,55	1605782	556331	Ngọc Réo	1605685	555875	Ngọc Réo	0,27	
3984	08	08	17	12	10	03					Không Tên	Đăk Kle	0,44	1605267	555512	Ngọc Réo	1605315	555082	Ngọc Réo	0,88	
3985	08	08	17	12	11						Không Tên	Đăk Cầm	2,85	1604889	554311	Ngọc Réo	1605289	556720	Ngọc Réo	2,03	
3986	08	08	17	12	11	01					Đập Đăk Jong	Đăk Cầm	0,75	1604384	556633	Ngọc Réo	1604920	556198	Ngọc Réo	0,94	
3987	08	08	17	12	12						Không Tên	Đăk Kle	1,71	1606294	553512	Ngọc Réo	1604747	553387	Ngọc Réo	0,99	
3988	08	08	17	12	12	01					Không Tên	Đăk Kle	0,72	1605340	553401	Ngọc Réo	1606028	553407	Ngọc Réo	0,31	
3989	08	08	17	12	13						Không Tên	Đăk Kle	2,09	1604304	552211	Ngọc Réo	1605995	553021	Ngọc Réo	1,17	
3990	08	08	17	12	14						Không Tên	Đăk Kle	2,47	1605949	550474	Đăk Ui	1603973	551700	Ngọc Réo	1,38	
3991	08	08	17	12	14	01					Không Tên	Đăk Kle	2,28	1606338	551564	Đăk Ui	1604258	551548	Ngọc Réo	2,7	
3992	08	08	17	12	14	01	01				Không Tên	Đăk Kle	1,67	1606234	552332	Đăk Ui	1604794	551603	Ngọc Réo	1,24	
3993	08	08	17	12	14	01	01	01			Không Tên	Đăk Kle	0,6	1606072	552669	Ngọc Réo	1605718	552208	Ngọc Réo	0,24	
3994	08	08	17	12	14	01	02				Suối Đăk La	Đăk Kle	1,71	1606048	550897	Đăk Ui	1604624	551596	Ngọc Réo	0,83	
3995	08	08	17	12	15						Suối Đăk Viêng	Đăk Kle	1,84	1602369	550358	Ngọc Réo	1602998	551650	Ngọc Réo	1,63	
3996	08	08	17	12	16						Không Tên	Đăk Kle	4,2	1605524	549726	Đăk Ui	1602311	550304	Ngọc Réo	5,25	
3997	08	08	17	12	16	01					Không Tên	Đăk Kle	2,19	1603214	549901	Đăk Ui	1605122	549597	Ngọc Réo	2,17	
3998	08	08	17	12	16	01	01				Không Tên	Đăk Kle	0,89	1605207	550231	Đăk Ui	1604524	549757	Đăk Ui	0,68	
3999	08	08	17	12	16	01	02				Không Tên	Đăk Kle	1,19	1604764	550430	Ngọc Réo	1603719	550111	Ngọc Réo	0,93	
4000	08	08	17	12	17						Đăk Gu	Đăk Kle	12,09	1603567	554963	Ngọc Réo	1602708	553742	Đăk Hà	21,01	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4001	08	08	17	12	17	01					Không Tên	Đăk Gu	1,09	1603800	556436	Ngọc Réo	1604000	555527	Ngọc Réo	1,02	
4002	08	08	17	12	17	02					Không Tên	Đăk Gu	1,12	1601912	553897	Ngọc Réo	1601912	553897	Ngọc Réo	1,49	
4003	08	08	17	12	17	03					Không Tên	Đăk Gu	1,41	1602318	553206	Ngọc Réo	1603640	553201	Ngọc Réo	2,12	
4004	08	08	17	12	17	03	01				Không Tên	Đăk Gu	0,6	1602710	553145	Ngọc Réo	1602951	552606	Ngọc Réo	0,62	
4005	08	08	17	12	17	04					Không Tên	Đăk Gu	1,79	1600992	553899	Ngọc Réo	1600992	553899	Ngọc Réo	1,67	
4006	08	08	17	12	17	05					Không Tên	Đăk Gu	0,77	1601309	552384	Ngọc Réo	1601862	551983	Ngọc Réo	0,88	
4007	08	08	17	12	17	06					Đăk Gu	Đăk Gu	3,37	1600382	553900	Ngọc Réo	1600382	553900	Ngọc Réo	3,24	
4008	08	08	17	12	17	06	01				Không Tên	Đăk Gu	0,78	1600388	553195	Ngọc Réo	1599952	552633	Ngọc Réo	0,63	
4009	08	08	17	12	17	07					Đăk Gu	Đăk Gu	1,44	1599358	552101	Ngọc Réo	1600590	551469	Ngọc Réo	1,2	
4010	08	08	17	12	17	08					Không Tên	Đăk Gu	1,21	1599575	551089	Ngọc Réo	1600184	550190	Ngọc Réo	1,08	
4011	08	08	17	12	18						Không tên	Đăk Kle	0,94	1599177	549988	Đăk Hà	1598707	549381	Đăk Hà	0,49	
4012	08	08	17	12	19						Đăk Căm	Đăk Kle	8,73	1598051	548500	Đăk Ui	1605611	548800	Đăk Hà	14,94	
4013	08	08	17	12	19	01					Không Tên	Đăk Căm	0,94	1605054	548768	Đăk Ui	1604583	548069	Đăk Ui	0,77	
4014	08	08	17	12	19	02					Không Tên	Đăk Căm	0,54	1603929	548593	Đăk Hà	1603927	548090	Đăk Hà	0,68	
4015	08	08	17	12	19	03					Không tên	Đăk Căm	0,81	1602356	548383	Đăk Hà	1603049	548702	Đăk Hà	0,78	
4016	08	08	17	12	19	04					Không tên	Đăk Căm	1,4	1601221	548283	Đăk Hà	1602289	547532	Đăk Hà	1,18	
4017	08	08	17	12	19	05					Không tên	Đăk Căm	5,09	1603513	546962	Đăk Hà	1599092	548317	Đăk Hà	5,67	
4018	08	08	17	12	19	05	01				Không tên	Đăk Căm	1,04	1603057	546152	Đăk Hà	1602415	546841	Đăk Hà	0,86	
4019	08	08	17	12	20						Không tên	Đăk Kle	5,84	1597542	548245	Đăk Hà	1602022	545638	Đăk Hà	7,21	
4020	08	08	17	12	20	01					Không tên	Đăk Kle	1,25	1600521	545986	Đăk Hà	1600492	544864	Đăk Hà	1,06	
4021	08	08	17	12	20	02					Không tên	Đăk Kle	0,28	1598170	548017	Đăk Hà	1598330	548242	Đăk Hà	0,03	
4022	08	08	17	12	21						Không tên	Đăk Kle	1,07	1596614	548074	Đăk Hà	1597563	548468	Đăk Hà	0,55	
4023	08	08	17	12	22						Đăk Cid	Đăk Kle	5,11	1599698	544669	Đăk Hà	1596239	547731	Đăk Hà	7,8	
4024	08	08	17	12	22	01					Không tên	Đăk Cid	1,07	1598390	544926	Đăk Hà	1598505	545941	Đăk Hà	0,87	
4025	08	08	17	12	23						Đăk Kle	Đăk Kle	2,1	1596186	546115	Đăk Hà	1594952	547499	Đăk Hà	2,93	
4026	08	08	17	12	24						Đăk La Năng	Đăk Kle	7,18	1594050	547640	Đăk Hà	1598419	550585	Đăk Hà	11,25	
4027	08	08	17	12	24	01					Không tên	Đăk La Năng	0,56	1598266	550352	Đăk Hà	1598393	549850	Đăk Hà	0,67	
4028	08	08	17	12	24	02					Không tên	Đăk La Năng	1,69	1597898	549406	Đăk Hà	1597827	550600	Đăk Hà	1,19	
4029	08	08	17	12	24	03					Đăk Le	Đăk La Năng	3,55	1596353	548356	Đăk Hà	1596631	551515	Đăk Hà	6,31	
4030	08	08	17	12	24	03	01				Không tên	Đăk Le	0,89	1597117	551180	Đăk Hà	1596278	551029	Đăk Hà	0,67	
4031	08	08	17	12	24	03	02				Không tên	Đăk Le	1,82	1596208	549989	Đăk Hà	1597571	551001	Đăk Hà	1,13	
4032	08	08	17	12	24	03	03				Không tên	Đăk Le	0,77	1596027	549060	Đăk Hà	1595433	549506	Đăk Hà	0,46	
4033	08	08	17	12	24	03	04				Không tên	Đăk Le	0,73	1596307	548489	Đăk Hà	1596919	548866	Đăk Hà	0,51	
4034	08	08	17	12	24	04					Không tên	Đăk La Năng	1,58	1594051	547917	Ngọc Bay	1593594	549279	Đăk Hà	1,46	
4035	08	08	17	12	25						Đăk Trú	Đăk Kle	1,53	1593127	546607	Đăk Hà	1593690	547754	Đăk Hà	1,18	
4036	08	08	17	12	26						Đăk Trum	Đăk Kle	5,36	1596713	544304	Đăk Hà	1592948	546045	Đăk Hà	9,58	
4037	08	08	17	12	26	01					Không tên	Đăk Trum	0,76	1596283	544843	Đăk Hà	1595614	544574	Đăk Hà	0,56	
4038	08	08	17	12	26	02					Không Tên	Đăk Trum	0,79	1595145	544533	Ngọc Bay	1595156	543792	Đăk Hà	0,42	
4039	08	08	17	12	26	03					Không Tên	Đăk Trum	0,72	1594150	545324	Ngọc Bay	1593598	544921	Ngọc Bay	0,66	
4040	08	08	17	12	26	04					Không tên	Đăk Trum	2,23	1596122	545416	Đăk Hà	1594149	545539	Đăk Hà	1,96	
4041	08	08	17	12	26	04	01				Không tên	Đăk Trum	0,64	1594388	545630	Đăk Hà	1594627	546135	Đăk Hà	0,46	
4042	08	08	17	12	27						D. Comay	Sông Đăk Kle	2,23	1593481	544584	Ngọc Bay	1592135	546014	Ngọc Bay	1,43	
4043	08	08	17	12	28						Đăk Cốp	Sông Đăk Kle	1,48	1591280	546140	Ngọc Bay	1592395	546936	Ngọc Bay	1,45	
4044	08	08	17	12	28	01					Đăk Gie	Đăk Cốp	0,61	1591576	546859	Ngọc Bay	1591504	546284	Ngọc Bay	0,33	
4045	08	08	17	12	29						Đăk Chun	Sông Đăk Kle	1,99	1590815	547364	Ngọc Bay	1590333	545559	Ngọc Bay	1,64	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4046	08	08	17	13							Không tên	Sê San	2,13	1588697	542918	Ia Chim	1587395	544588	Ia Chim	2,59	
4047	08	08	17	13	01						Không tên	Sê San	0,41	1587482	543902	Ia Chim	1587828	544121	Ia Chim	0,29	
4048	08	08	17	14	01						Ia Kim	Sê San	2,12	1587196	544217	Ia Chim	1587196	544217	Ia Chim	2,9	
4049	08	08	17	14	01	01					Không tên	Ia Kim	1,2	1586239	544686	Ia Chim	1587188	544202	Ia Chim	1	
4050	08	08	17	14	02						Không tên	Sê San	1,55	1587383	542881	Ia Chim	1586177	543646	Ia Chim	2,45	
4051	08	08	17	14	02	01					Không tên	Sê San	0,73	1587383	542881	Ia Chim	1587233	542214	Ia Chim	0,64	
4052	08	08	17	15							Không Tên	Sê San	2,62	1592051	541330	Ngok Bay	1589811	541559	Ngok Bay	4,15	
4053	08	08	17	15	01						Không Tên	Sê San	3,31	1589888	541410	Ngok Bay	1592859	542277	Ngok Bay	4,46	
4054	08	08	17	15	02						Đăk Sanen	Sê San	4,6	1590631	541844	Ngok Bay	1593124	543505	Ngok Bay	5,07	
4055	08	08	17	15	02	01					Không Tên	Đăk Sanen	0,82	1593299	544223	Ngok Bay	1592655	543765	Ngok Bay	0,49	
4056	08	08	17	15	02	02					Suối Lạnh	Đăk Sanen	0,86	1591604	544567	Ngok Bay	1591957	543825	Ngok Bay	0,47	
4057	08	08	17	15	02	03					Suối Đá	Đăk Sanen	1,18	1591498	543318	Ngok Bay	1592526	543068	Ngok Bay	0,67	
4058	08	08	17	15	02	04					Đăk Samen	Đăk Sanen	0,82	1591918	542695	Ngok Bay	1591236	543012	Ngok Bay	0,6	
4059	08	08	17	15	02	05					Đăk Tiên	Đăk Sanen	0,91	1590956	543676	Ngok Bay	1591274	544501	Ngok Bay	1,01	
4060	08	08	17	15	02	06					Đăk Churray	Đăk Sanen	0,71	1589918	542170	Ngok Bay	1590623	542109	Ngok Bay	0,49	
4061	08	08	17	15	02	07					Không Tên	Đăk Sanen	0,72	1590628	541879	Ngok Bay	1589914	541952	Ngok Bay	0,56	
4062	08	08	17	15	03						Đăk Rquanh	Sê San	1,25	1591533	541149	Ngok Bay	1590465	541710	Ngok Bay	0,69	
4063	08	08	17	15	03	01					Đăk Tômlu	Đăk Rquanh	1,12	1589971	541122	Ngok Bay	1590917	541492	Ngok Bay	1,64	
4064	08	08	17	15	03	01	01				Đăk Kram	Đăk Tômlu	0,74	1590230	541203	Ngok Bay	1590697	541483	Ngok Bay	1,64	
4065	08	08	18_1								Không tên	Sông Sê San	3,1	1586947	537764	Sa Bình	1586936	540353	Sa Bình	2,4	
4066	08	08	18_2								Không tên	Sông Sê San	0,55	1585828	541681	Ia Chim	1586213	541334	Ia Chim	0,49	
4067	08	08	18_3								Đăk Bron	Sông Sê San	1,44	1585180	542440	Ia Chim	1585417	541146	Ia Chim	9,7	
4068	08	08	18_3								Đăk Năng	Sông Sê San	3,26	1585180	542440	Ia Chim	1584796	544888	Ia Chim	3,1	
4069	08	08	18_4								Không tên	Sông Sê San	0,65	1585581	539727	Sa Bình	1586117	539400	Sa Bình	0,44	
4070	08	08	18_5								Không tên	Sông Sê San	1,54	1585101	538212	Sa Bình	1586362	538824	Sa Bình	1,68	
4071	08	08	18_6								Đăk Roạc	Sông Sê San	0,73	1585780	538034	Sa Bình	1585106	538196	Sa Bình	0,6	
4072	08	08	18_7								Không tên	Sông Sê San	0,46	1585076	537836	Sa Bình	1585482	537632	Sa Bình	0,48	
4073	08	08	18_8								Đăk Rgôp	Sông Sê San	2,04	1585096	536881	Sa Bình	1586964	537386	Sa Bình	1,73	
4074	08	08	18_9								Ya Blang	Sông Sê San	2,02	1585086	536149	Sa Bình	1586964	536313	Ya Ly	2,48	
4075	08	08	18_10								Suối Đá	Sông Sê San	0,7	1583286	536290	Ya Ly	1583896	536355	Ya Ly	1,73	
4076	08	08	18_11								Không tên	Sông Sê San	0,93	1583443	537091	Ya Ly	1583800	537892	Ya Ly	0,9	
4077	08	08	18_12								Không tên	Sông Sê San	0,58	1581352	539210	Ia Chim	1581805	538895	Ia Chim	0,43	
4078	08	08	18_13								Không tên	Sông Sê San	0,62	1580921	536961	Ya Ly	1581526	536954	Ya Ly	0,41	
4079	08	08	18_13	01							Ia Ấ	Sê San	0,95	1584130	543910	Ia Chim	1584659	543207	Ia Chim	1,6	
4080	08	08	18_13	02							Grang	Sê San	1,47	1583591	542157	Ia Chim	1584779	542684	Ia Chim	1,45	
4081	08	08	18_14								Không tên	Sông Sê San	0,92	1580792	536936	Ya Ly	1581344	536332	Ya Ly	0,73	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4082	08	08	18_15								Không tên	Sông Sê San	0,68	1580254	539147	Ia Chim	1580822	539487	Ia Chim	0,67	
4083	08	08	18_16								Không tên	Sông Sê San	0,54	1579785	539537	Ia Chim	1580164	539172	Ia Chim	0,38	
4084	08	08	18_17								Không tên	Sông Sê San	0,68	1578937	538860	Ia Chim	1579198	539484	Ia Chim	0,72	
4085	08	08	18								Phụ lưu số 18	Sông Sê San	12,76	1580404	546606	Ia Chim	1584655	539026	Sa Bình	40,6	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4086	08	08	18	01							Ia Teng Toang	Phụ lưu số 18	0,53	1579902	545769	Ia Chim	1580388	545914	Ia Chim	0,39	
4087	08	08	18	02							Rơ Măn	Phụ lưu số 18	1,17	1579840	545640	Ia Chim	1579622	546703	Ia Chim	0,91	
4088	08	08	18	02	01						Không tên	Rơ Măn	0,93	1578780	546727	Ia Chim	1579496	546335	Ia Chim	0,62	
4089	08	08	18	03							Ia Lâm Tùng	Phụ lưu số 18	3,5	1579798	544216	Ia Chim	1581891	546533	Ia Chim	5,37	
4090	08	08	18	04							Ia Chiã	Phụ lưu số 18	2,71	1579930	543387	Ia Chim	1577819	544653	Ia Chim	3,36	
4091	08	08	18	04	01						Không tên	Ia Chiã	0,53	1579400	542961	Ia Chim	1579701	543379	Ia Chim	0,22	
4092	08	08	18	05							Không tên	Phụ lưu số 18	0,71	1579760	542473	Ia Chim	1580421	542244	Ia Chim	0,52	
4093	08	08	18	06							Không tên	Phụ lưu số 18	0,72	1580555	541081	Ia Chim	1579900	541311	Ia Chim	0,67	
4094	08	08	18	06	01						Không tên	Phụ lưu số 18	0,55	1579946	540805	Ia Chim	1580387	541080	Ia Chim	0,35	
4095	08	08	18	07							Ia Bư	Phụ lưu số 18	4,63	1581582	540224	Ia Chim	1582639	544482	Ia Chim	7,14	
4096	08	08	18	08							Ia Chruc	Phụ lưu số 18	0,86	1581236	539634	Ia Chim	1581827	540146	Ia Chim	0,51	
4097	08	08	20								Sông Đăk Sir	Sông Sê San	57,7	1615502	528628	Rờ Koi	1577163	536472	Đăk Plô	372	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4098	08	08	20	1_1							Không tên	Sông Đăk Sir	0,55	1615143	527855	Rờ Koi	1615461	527418	Rờ Koi	0,59	
4099	08	08	20	1_2							Suối Đăk ang	Sông Đăk Sir	1,2	1615381	524845	Sa Loong	1614614	524023	Sa Loong	0,67	
4100	08	08	20	1_3							Không tên	Sông Đăk Sir	0,88	1614701	523903	Sa Loong	1615420	524357	Sa Loong	0,59	
4101	08	08	20	1_4							Không tên	Sông Đăk Sir	2,19	1614576	523610	Sa Loong	1616259	524334	Sa Loong	2,58	
4102	08	08	20	1_4	01						Không tên	Sông Đăk Sir	0,79	1615457	522914	Sa Loong	1614987	523458	Sa Loong	0,43	
4103	08	08	20	1_4	02						Không tên	Sông Đăk Sir	0,96	1615517	524134	Sa Loong	1614835	523477	Sa Loong	0,53	
4104	08	08	20	1_5							Không tên	Sông Đăk Sir	0,6	1614631	523185	Sa Loong	1614238	523616	Sa Loong	0,13	
4105	08	08	20	1_6							Không tên	Sông Đăk Sir	2,08	1612231	524474	Rờ Koi	1614006	525405	Rờ Koi	1,5	
4106	08	08	20	1_6	01						Không tên	Sông Đăk Sir	0,96	1613214	525064	Sa Loong	1614083	525159	Rờ Koi	0,49	
4107	08	08	20	1_7							Không tên	Sông Đăk Sir	1,84	1612334	523252	Rờ Koi	1611434	524354	Rờ Koi	1,57	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4108	08	08	20	1_7	01						Khe cạn	Sông Đăk Sir	0,57	1611626	523422	Rờ Koi	1612173	523438	Rờ Koi	0,22	
4109	08	08	20	1_7	02						Không tên	Sông Đăk Sir	1,59	1612669	523169	Rờ Koi	1611473	524032	Rờ Koi	0,8	
4110	08	08	20	1_7	02	01					Khe cạn	Sông Đăk Sir	0,65	1611675	523991	Rờ Koi	1612294	523920	Rờ Koi	0,21	
4111	08	08	20	1_8							Không tên	Sông Đăk Sir	1,07	1611868	524844	Rờ Koi	1610849	524569	Rờ Koi	0,67	
4112	08	08	20	1_9							Đăk Sir	Sông Đăk Sir	2,77	1610775	524635	Rờ Koi	1612816	525743	Rờ Koi	6,02	
4113	08	08	20	1_9	01						Không tên	Đăk Sir	1,67	1611754	525270	Rờ Koi	1612910	526371	Rờ Koi	0,76	
4114	08	08	20	1_9	01	01					Không tên	Đăk Sir	0,78	1612353	526157	Rờ Koi	1611973	525538	Rờ Koi	0,34	
4115	08	08	20	1_9	02						Không tên	Đăk Sir	1,79	1611494	525492	Rờ Koi	1612561	526611	Rờ Koi	2,17	
4116	08	08	20	1_9	02	01					Không tên	Đăk Sir	0,95	1612003	526389	Rờ Koi	1612870	526665	Rờ Koi	0,39	
4117	08	08	20	1_9	02	02					Không tên	Đăk Sir	1,68	1611685	526110	Rờ Koi	1612799	527240	Rờ Koi	1,09	
4118	08	08	20	1_9	02	02	01				Không tên	Đăk Sir	0,51	1612975	526925	Rờ Koi	1612538	527043	Rờ Koi	0,18	
4119	08	08	20	1_9	02	02	02				Không tên	Đăk Sir	0,83	1612223	526911	Rờ Koi	1612828	527366	Rờ Koi	0,39	
4120	08	08	20	1_9	03						Không tên	Đăk Sir	1,52	1611060	525189	Rờ Koi	1610497	525898	Rờ Koi	0,96	
4121	08	08	20	1_10							Đăk Xiêu 2	Sông Đăk Sir	1,88	1611341	523039	Rờ Koi	1610238	524399	Rờ Koi	1,35	
4122	08	08	20	1_10	01						Không tên	Đăk Xiêu 2	0,84	1610473	523187	Rờ Koi	1610499	523968	Rờ Koi	0,43	
4123	08	08	20	1_11							Đăk Hồ đọi	Sông Đăk Sir	1,09	1609801	524510	Rờ Koi	1610740	525027	Rờ Koi	1,1	
4124	08	08	20	1_11	01						Không tên	Sông Đăk Sir	0,74	1609980	524630	Rờ Koi	1610214	525308	Rờ Koi	0,64	
4125	08	08	20	1_12							Không tên	Sông Đăk Sir	1,53	1609513	523308	Rờ Koi	1609631	524440	Rờ Koi	1,12	
4126	08	08	20	1_12	01						Không tên	Sông Đăk Sir	1,29	1609864	523066	Rờ Koi	1609752	524177	Rờ Koi	0,96	
4127	08	08	20	1_13							Đăk Piom	Sông Đăk Sir	1,41	1610185	525558	Rờ Koi	1608955	524935	Rờ Koi	0,61	
4128	08	08	20	1_14							Không tên	Sông Đăk Sir	2,49	1609435	523126	Rờ Koi	1608544	525157	Rờ Koi	1,24	
4129	08	08	20	1_15							Đăk Plonm	Sông Đăk Sir	6,1	1608149	525490	Rờ Koi	1611894	529338	Rờ Koi	12,76	
4130	08	08	20	1_15	01						Không tên	Đăk Plonm	0,8	1611541	529398	Rờ Koi	1611246	528723	Rờ Koi	0,54	
4131	08	08	20	1_15	02						Không tên	Đăk Plonm	2,33	1610794	527847	Rờ Koi	1612307	529174	Rờ Koi	1,26	
4132	08	08	20	1_15	02	01					Không tên	Đăk Plonm	0,9	1612170	528239	Rờ Koi	1611395	527834	Rờ Koi	0,56	
4133	08	08	20	1_15	03						Không tên	Đăk Plonm	1,04	1610660	528695	Rờ Koi	1610613	527723	Rờ Koi	0,81	
4134	08	08	20	1_15	04						Không tên	Đăk Plonm	0,84	1610238	528230	Rờ Koi	1610144	527442	Rờ Koi	0,46	
4135	08	08	20	1_15	05						Không tên	Đăk Plonm	1,94	1611296	527575	Rờ Koi	1609579	527123	Rờ Koi	6,21	
4136	08	08	20	1_15	05	01					Đăk Plom	Đăk Plom	3,09	1611348	526937	Rờ Koi	1609726	527044	Rờ Koi	5,08	
4137	08	08	20	1_15	05	01	01				Khe cạn	Đăk Plom	0,61	1611885	527899	Rờ Koi	1611629	527419	Rờ Koi	0,13	
4138	08	08	20	1_15	05	01	02				Không tên	Đăk Plom	3,86	1610984	526626	Rờ Koi	1612807	529267	Rờ Koi	3,6	
4139	08	08	20	1_15	05	01	02	01			Không tên	Đăk Plom	1,16	1613363	529019	Rờ Koi	1612744	528249	Rờ Koi	0,62	
4140	08	08	20	1_15	06						Đăk giãr	Đăk Plonm	0,65	1608640	525786	Rờ Koi	1609150	526167	Rờ Koi	0,42	
4141	08	08	20	1_15	07						Không tên	Đăk Plonm	1,9	1608629	525742	Rờ Koi	1610372	526020	Rờ Koi	0,8	
4142	08	08	20	1_15	07	01					Đăk châr	Đăk Plonm	0,92	1610017	526242	Rờ Koi	1609244	525818	Rờ Koi	0,77	
4143	08	08	20	1_16							Đăk plom	Sông Đăk Sir	1,48	1608178	524034	Rờ Koi	1608109	525415	Rờ Koi	0,76	
4144	08	08	20	1_17							Đăk Wan	Sông Đăk Sir	5,53	1606847	525167	Rờ Koi	1606847	525167	Rờ Koi	13,89	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4145	08	08	20	1_17	01						Không tên	Đăk Wan	0,92	1606189	521692	Rờ Koi	1605568	522278	Rờ Koi	0,75	
4146	08	08	20	1_17	02						Không tên	Đăk Wan	1,18	1604671	522435	Rờ Koi	1605714	522696	Rờ Koi	0,73	
4147	08	08	20	1_17	03						Không tên	Đăk Wan	1,3	1604717	522757	Rờ Koi	1605807	523145	Rờ Koi	0,8	
4148	08	08	20	1_17	04						Không tên	Đăk Wan	0,64	1605423	523591	Rờ Koi	1605978	523513	Rờ Koi	0,61	
4149	08	08	20	1_17	05						Không tên	Đăk Wan	1,47	1606519	523862	Rờ Koi	1606220	522583	Rờ Koi	0,5	
4150	08	08	20	1_17	06						Không tên	Đăk Wan	3,65	1608192	521768	Rờ Koi	1606905	524307	Rờ Koi	5,74	
4151	08	08	20	1_17	06	01					Không tên	Đăk Wan	1,32	1608577	522521	Rờ Koi	1607744	523366	Rờ Koi	2,13	
4152	08	08	20	1_17	06	01	01				Không tên	Đăk Wan	1,19	1608275	521946	Rờ Koi	1607973	522856	Rờ Koi	0,42	
4153	08	08	20	1_17	06	01	02				Không tên	Đăk Wan	1	1608714	522783	Rờ Koi	1607897	523164	Rờ Koi	0,89	
4154	08	08	20	1_17	06	02					Không tên	Đăk Wan	0,76	1608433	523471	Rờ Koi	1607748	523478	Rờ Koi	0,42	
4155	08	08	20	1_17	06	03					Không tên	Đăk Wan	2,13	1607187	521988	Rờ Koi	1607002	523854	Rờ Koi	1,77	
4156	08	08	20	1_17	06	03	01				Khe cạn	Đăk Wan	0,55	1606491	522187	Rờ Koi	1606777	522563	Rờ Koi	0,52	
4157	08	08	20	1_17	06	03	01	01			Không tên	Khe cạn	0,77	1607008	521894	Rờ Koi	1606748	522540	Rờ Koi	0,37	
4158	08	08	20	1_17	07						Không tên	Đăk Wan	1,19	1606799	524955	Rờ Koi	1607578	524144	Rờ Koi	0,82	
4159	08	08	20	01							Sông Đăk Car	Sông Đăk Sır	10,27	1599090	523605	Rờ Koi	1606702	526117	Rờ Koi	20,98	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4160	08	08	20	01	01						Không tên	Sông Đăk Car	1,79	1599691	521628	Rờ Koi	1599758	523152	Rờ Koi	2,2	
4161	08	08	20	01	01	01					Không tên	Sông Đăk Car	1	1599843	522710	Rờ Koi	1600046	521763	Rờ Koi	0,64	
4162	08	08	20	01	02						Không tên	Sông Đăk Car	0,86	1599477	523932	Rờ Koi	1599848	523235	Rờ Koi	0,71	
4163	08	08	20	01	03						Không tên	Sông Đăk Car	0,88	1600529	522532	Rờ Koi	1600655	523305	Rờ Koi	0,51	
4164	08	08	20	01	04						Không tên	Sông Đăk Car	1,96	1601600	523353	Rờ Koi	1601710	521565	Rờ Koi	1,83	
4165	08	08	20	2_1							Đăk Lăng	Sông Đăk Sır	4,52	1606227	526494	Rờ Koi	1608045	528610	Rờ Koi	7,77	
4166	08	08	20	2_1	01						Đăk Lăng	Đăk Lăng	4,09	1608087	527551	Rờ Koi	1610860	529802	Rờ Koi	3,02	
4167	08	08	20	2_1	01	01					Khe cạn	Đăk Lăng	0,45	1609935	529484	Rờ Koi	1610206	529138	Rờ Koi	0,67	
4168	08	08	20	2_1	01	02					Không tên	Đăk Lăng	1,34	1611140	529396	Rờ Koi	1610096	528859	Rờ Koi	1,34	
4169	08	08	20	2_1	01	03					Không tên	Đăk Lăng	0,69	1610050	528372	Rờ Koi	1609587	527955	Rờ Koi	0,37	
4170	08	08	20	2_1	01	04					Đăk Lăng	Đăk Lăng	1,79	1608261	527673	Rờ Koi	1609340	528661	Rờ Koi	1,99	
4171	08	08	20	2_1	01	04	01				Đăk Lăng	Đăk Lăng	1,3	1608397	528001	Rờ Koi	1608833	529099	Rờ Koi	1,67	
4172	08	08	20	2_1	01	04	01	01			Không tên	Đăk Lăng	1,3	1608489	528611	Rờ Koi	1609667	529094	Rờ Koi	0,71	
4173	08	08	20	2_1	01	04	01	01	01		Không tên	Đăk Lăng	0,66	1609388	529018	Rờ Koi	1608825	528721	Rờ Koi	0,33	
4174	08	08	20	2_1	02						Khe cạn	Đăk Lăng	0,57	1608781	527076	Rờ Koi	1608271	527013	Rờ Koi	0,44	
4175	08	08	20	2_1	03						Đăk Lăng	Đăk Lăng	1,13	1607015	526711	Rờ Koi	1607615	527546	Rờ Koi	0,89	
4176	08	08	20	2_2							Không tên	Sông Đăk Sır	4,05	1603003	524889	Rờ Koi	1605849	526659	Rờ Koi	4,3	
4177	08	08	20	2_2	01						Đăk biết 1	Sông Đăk Sır	0,69	1604519	524812	Rờ Koi	1605021	525237	Rờ Koi	0,37	
4178	08	08	20	2_2	02						Không tên	Sông Đăk Sır	1,31	1604574	524587	Rờ Koi	1605330	525410	Rờ Koi	0,72	
4179	08	08	20	2_2	03						Không tên	Sông Đăk Sır	0,63	1604919	525541	Rờ Koi	1605452	525814	Rờ Koi	0,31	
4180	08	08	20	2_2	04						Nước gấp	Sông Đăk Sır	1,75	1603901	525917	Rờ Koi	1605483	526141	Rờ Koi	1,27	
4181	08	08	20	2_3							Đăk Lăng	Sông Đăk Sır	1,64	1605713	526904	Rờ Koi	1607173	527360	Rờ Koi	0,77	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4182	08	08	20	2_4							Không tên	Sông Đăk Sır	1,66	1606986	527656	Rờ Koi	1605651	526997	Rờ Koi	0,72	
4183	08	08	20	2_5							Không tên	Sông Đăk Sır	0,79	1605923	527752	Rờ Koi	1605524	527100	Rờ Koi	0,25	
4184	08	08	20	2_6							Không tên	Sông Đăk Sır	0,77	1605606	527775	Rờ Koi	1605129	527277	Rờ Koi	0,37	
4185	08	08	20	2_7							Không tên	Sông Đăk Sır	1,26	1604660	526382	Rờ Koi	1604877	527338	Rờ Koi	0,51	
4186	08	08	20	2_8							Không tên	Sông Đăk Sır	1,61	1604426	526945	Rờ Koi	1604429	526945	Rờ Koi	0,69	
4187	08	08	20	2_9							Không tên	Sông Đăk Sır	0,86	1604050	527020	Rờ Koi	1604376	527779	Rờ Koi	0,54	
4188	08	08	20	2_10							Đăk Broa	Sông Đăk Sır	7,38	1604369	527909	Rờ Koi	1608804	531066	Rờ Koi	16,8	
4189	08	08	20	2_10	01						Không tên	Đăk Broa	0,46	1608961	530600	Rờ Koi	1608546	530490	Rờ Koi	0,29	
4190	08	08	20	2_10	02						Không tên	Đăk Broa	0,81	1608568	531273	Rờ Koi	1608230	530559	Rờ Koi	0,88	
4191	08	08	20	2_10	03						Không tên	Đăk Broa	0,59	1607998	529992	Rờ Koi	1607478	530105	Rờ Koi	0,67	
4192	08	08	20	2_10	04						Không tên	Đăk Broa	1,12	1607399	530086	Rờ Koi	1607575	531059	Rờ Koi	1,53	
4193	08	08	20	2_10	04	01					Không tên	Đăk Broa	1,04	1608152	531173	Rờ Koi	1607355	530540	Rờ Koi	0,73	
4194	08	08	20	2_10	04	02					Không tên	Đăk Broa	1,29	1607318	531563	Rờ Koi	1607325	530443	Rờ Koi	0,58	
4195	08	08	20	2_10	05						Không tên	Đăk Broa	3,62	1606935	529877	Rờ Koi	1605504	532175	Rờ Koi	2,14	
4196	08	08	20	2_10	05	01					Không tên	Đăk Broa	1,05	1604300	531023	Rờ Koi	1605194	530692	Rờ Koi	1,67	
4197	08	08	20	2_10	05	02					Không tên	Đăk Broa	2,2	1606681	530006	Rờ Koi	1607315	531822	Rờ Koi	2,58	
4198	08	08	20	2_10	05	02	01				Đăk Rơ Bok	Đăk Broa	1,32	1606628	530769	Rờ Koi	1606251	531778	Rờ Koi	1,55	
4199	08	08	20	2_10	05	02	01	01			Không tên	Đăk Rơ Bok	0,84	1605857	531783	Rờ Koi	1606162	531144	Rờ Koi	0,34	
4200	08	08	20	2_10	05	02	01	02			Không tên	Đăk Rơ Bok	1,02	1606694	531894	Rờ Koi	1606464	530974	Rờ Koi	0,58	
4201	08	08	20	2_10	06						Không tên	Đăk Broa	5,38	1610761	530324	Rờ Koi	1606767	528575	Rờ Koi	1,93	
4202	08	08	20	2_10	06	01					Không tên	Đăk Broa	0,78	1609091	530315	Rờ Koi	1608561	529816	Rờ Koi	0,89	
4203	08	08	20	2_10	06	02					Không tên	Đăk Broa	0,8	1607752	528513	Rờ Koi	1607179	528469	Rờ Koi	0,56	
4204	08	08	20	2_10	07						Không tên	Đăk Broa	0,72	1606796	528156	Rờ Koi	1606111	528272	Rờ Koi	0,43	
4205	08	08	20	2_10	08						Không tên	Đăk Broa	1,25	1605997	529467	Rờ Koi	1606042	528279	Rờ Koi	0,65	
4206	08	08	20	2_10	09						Không tên	Đăk Broa	1,22	1605681	529480	Rờ Koi	1605729	528395	Rờ Koi	0,46	
4207	08	08	20	2_10	10						Không tên	Đăk Broa	1,13	1605357	529462	Rờ Koi	1605270	528353	Rờ Koi	0,52	
4208	08	08	20	2_11							Không tên	Sông Đăk Sır	0,94	1604997	528561	Rờ Koi	1604270	528042	Rờ Koi	0,45	
4209	08	08	20	2_12							Không tên	Sông Đăk Sır	1,8	1602957	526959	Rờ Koi	1604158	528005	Rờ Koi	0,86	
4210	08	08	20	2_13							Không tên	Sông Đăk Sır	2,48	1603718	528250	Rờ Koi	1605095	529804	Rờ Koi	1,8	
4211	08	08	20	2_13	01						Không tên	Sông Đăk Sır	1	1604124	528773	Rờ Koi	1604600	529451	Rờ Koi	0,55	
4212	08	08	20	2_14							Đăk Tim	Sông Đăk Sır	2,83	1603479	528436	Rờ Koi	1605044	530282	Rờ Koi	2,2	
4213	08	08	20	2_14	01						Không tên	Đăk Tim	0,72	1603940	530276	Sa Thầy	1603890	529675	Rờ Koi	0,77	
4214	08	08	20	2_15							Không tên	Sông Đăk Sır	1,24	1603478	529707	Sa Thầy	1603153	528717	Sa Thầy	0,63	
4215	08	08	20	2_16							Không tên	Sông Đăk Sır	1,88	1602442	526948	Rờ Koi	1602912	528427	Rờ Koi	1,4	
4216	08	08	20	2_17							Ia Ju 2	Sông Đăk Sır	1,32	1601614	528077	Sa Thầy	1602789	528375	Sa Thầy	0,62	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4217	08	08	20	2_18							Ia Ju 1	Sông Đăk Sır	0,7	1602034	528352	Sa Thầy	1602524	528768	Sa Thầy	0,34	
4218	08	08	20	2_19							Ia Rơ Lu	Sông Đăk Sır	1,23	1602338	529071	Sa Thầy	1603247	529795	Sa Thầy	1,01	
4219	08	08	20	2_20							Ia Rơlưh	Sông Đăk Sır	1,64	1602115	529328	Sa Thầy	1602952	530564	Sa Thầy	0,89	
4220	08	08	20	2_21							ia broah	Sông Đăk Sır	0,87	1602210	530073	Sa Thầy	1601545	529596	Sa Thầy	0,65	
4221	08	08	20	2_22							ia teli	Sông Đăk Sır	0,97	1601170	529700	Sa Thầy	1601705	530418	Sa Thầy	0,57	
4222	08	08	20	2_23							Ea Rơ Bao	Sông Đăk Sır	1,49	1601121	528289	Sa Thầy	1601079	529682	Sa Thầy	0,95	
4223	08	08	20	2_23	01						Ia San	Ea Rơ Bao	0,84	1600782	528821	Sa Thầy	1601091	529524	Sa Thầy	0,44	
4224	08	08	20	2_24							Ea Jaray	Sông Đăk Sır	0,73	1600535	529045	Sa Thầy	1600726	529691	Sa Thầy	0,33	
4225	08	08	20	2_25							Không tên	Sông Đăk Sır	0,83	1600607	529957	Sa Thầy	1601057	530614	Sa Thầy	0,67	
4226	08	08	20	2_26							Không tên	Sông Đăk Sır	1,15	1599950	529043	Sa Thầy	1600518	529969	Sa Thầy	0,49	
4227	08	08	20	2_27							Pơ Lei Kơ Bay	Sông Đăk Sır	6,65	1599400	530420	Sa Thầy	1600795	531429	Sa Thầy	14,57	
4228	08	08	20	2_27	01						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1	1603948	531378	Sa Thầy	1603144	531794	Sa Thầy	0,59	
4229	08	08	20	2_27	02						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	0,91	1602722	531728	Sa Thầy	1603338	531167	Sa Thầy	0,46	
4230	08	08	20	2_27	03						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	0,76	1602324	531877	Sa Thầy	1602939	532259	Sa Thầy	0,32	
4231	08	08	20	2_27	04						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1,22	1601716	531942	Sa Thầy	1601934	532987	Sa Thầy	1,6	
4232	08	08	20	2_27	04	01					Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	0,77	1601331	532840	Sa Thầy	1601696	532337	Sa Thầy	0,67	
4233	08	08	20	2_27	05						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1,69	1600831	531435	Sa Thầy	1602460	531390	Sa Thầy	1,25	
4234	08	08	20	2_27	06						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1,44	1600236	532738	Sa Thầy	1600916	531745	Sa Thầy	1,4	
4235	08	08	20	2_27	07						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1,21	1599987	530821	Sa Thầy	1600435	531848	Sa Thầy	0,75	
4236	08	08	20	2_27	08						Không tên	Pơ Lei Kơ Bay	1,7	1599708	532297	Sa Thầy	1599610	530752	Sa Thầy	1,4	
4237	08	08	20	2_28							Ea Lớn Rơ Nong	Sông Đăk Sır	2,99	1599101	527931	Sa Thầy	1599173	530350	Sa Thầy	3,66	
4238	08	08	20	2_28	01						Ia Klo	Ea Lớn Rơ Nong	0,9	1599762	529107	Sa Thầy	1599508	529952	Sa Thầy	0,62	
4239	08	08	20	2_29							Không tên	Sông Đăk Sır	1,51	1598454	530652	Sa Thầy	1598948	531891	Sa Thầy	2,11	
4240	08	08	20	2_29	01						Không tên	Sông Đăk Sır	0,76	1598635	532162	Sa Thầy	1598549	531457	Sa Thầy	0,67	
4241	08	08	20	2_30							Đăk Kok	Sông Đăk Sır	5,45	1598289	526998	Sa Thầy	1598048	530594	Sa Thầy	7,35	
4242	08	08	20	2_30	01						Đăk Kok	Đăk Kok	0,81	1598057	530096	Sa Thầy	1597952	529355	Sa Thầy	0,98	
4243	08	08	20	2_30	02						Ea Kon Gô Kok	Đăk Kok	2,05	1598808	528718	Sa Thầy	1598103	530505	Sa Thầy	2,68	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4244	08	08	20	2_30	02	01					Ea Kon Gô Kok	Ea Kon Gô Kok	1,2	1598545	529046	Sa Thầy	1598254	530134	Sa Thầy	1,12	
4245	08	08	20	2_31							Ia gông gồ rok	Sông Đăk Sır	0,97	1597223	530095	Sa Thầy	1597842	530790	Sa Thầy	0,54	
4246	08	08	20	2_32							Không tên	Sông Đăk Sır	4,75	1594490	531455	Sa Thầy	1598266	531840	Sa Thầy	1,8	
4247	08	08	20	2_32	01						EA Kơ Tu	Sông Đăk Sır	0,83	1595613	531180	Sa Thầy	1595741	530460	Sa Thầy	0,89	
4248	08	08	20	2_32	02						Không tên	Sông Đăk Sır	0,99	1596904	531250	Sa Thầy	1596832	530323	Sa Thầy	0,88	
4249	08	08	20	2_32	03						Không tên	Sông Đăk Sır	1,1	1596991	530224	Sa Thầy	1597332	531157	Sa Thầy	0,95	
4250	08	08	20	2_33							Không tên	Sông Đăk Sır	0,62	1597684	531694	Sa Thầy	1597278	531314	Sa Thầy	0,64	
4251	08	08	20	2_34							Ea Bơn	Sông Đăk Sır	2,87	1596717	531556	Sa Thầy	1598801	533022	Sa Thầy	3,32	
4252	08	08	20	2_34	01						Không tên	Ea Bơn	0,8	1597216	532512	Sa Thầy	1596995	531810	Sa Thầy	0,46	
4253	08	08	20	2_34	02						Không tên	Ea Bơn	0,97	1596884	532586	Sa Thầy	1596769	531700	Sa Thầy	0,52	
4254	08	08	20	2_35							Không tên	Sông Đăk Sır	0,8	1596166	531334	Sa Thầy	1596505	531439	Sa Thầy	0,54	
4255	08	08	20	2_36							Ea Kông Plong	Sông Đăk Sır	2,61	1595966	529682	Sa Thầy	1596033	531357	Sa Thầy	2,21	
4256	08	08	20	2_36	01						Không tên	Ea Kông Plong	0,57	1596709	529903	Sa Thầy	1596708	529376	Sa Thầy	0,59	
4257	08	08	20	2_37							Ea Kloy	Sông Đăk Sır	1,9	1595500	531694	Sa Bình	1596492	533232	Sa Thầy	3,42	
4258	08	08	20	2_37	01						Không tên	Ea Kloy	1,5	1595989	532400	Sa Thầy	1597105	533150	Sa Bình	1,2	
4259	08	08	20	2_38							Ea Rong Ao	Sông Đăk Sır	6,09	1594707	526956	Sa Thầy	1594723	531765	Sa Bình	12,41	
4260	08	08	20	2_38	01						Không tên	Ea Rong Ao	0,72	1594477	527701	Sa Thầy	1595123	527775	Sa Thầy	0,64	
4261	08	08	20	2_38	02						Không tên	Ea Rong Ao	1,17	1594052	529088	Sa Thầy	1595032	528598	Sa Thầy	1,3	
4262	08	08	20	2_38	03						Không tên	Ea Rong Ao	1,46	1594092	529170	Sa Thầy	1595426	529066	Sa Thầy	0,8	
4263	08	08	20	2_38	04						Không tên	Ea Rong Ao	1,77	1595014	529583	Sa Thầy	1594037	530933	Sa Thầy	1,05	
4264	08	08	20	2_38	05						Không tên	Ea Rong Ao	1,19	1594983	530574	Sa Thầy	1594682	531649	Sa Thầy	0,48	
4265	08	08	20	2_39							Không tên	Sông Đăk Sır	2,26	1594705	531797	Sa Bình	1595772	533527	Sa Bình	1,1	
4266	08	08	20	2_40							Không tên	Sông Đăk Sır	1,87	1593435	530864	Sa Thầy	1593117	532417	Sa Thầy	0,83	
4267	08	08	20	2_40	01						Ia sia	Sông Đăk Sır	0,89	1592764	531351	Sa Thầy	1593352	531940	Sa Thầy	0,44	
4268	08	08	20	2_41							Không tên	Sông Đăk Sır	1,02	1593116	534274	Sa Bình	1592485	533578	Sa Bình	10,83	
4269	08	08	20	2_41	01						Mường đắp	Sông Đăk Sır	5,9	1594137	532152	Sa Bình	1594606	535880	Sa Bình	8,66	
4270	08	08	20	2_41	01	01					Không tên	Ia sia	0,93	1593369	535170	Sa Bình	1594244	534925	Sa Bình	1,35	
4271	08	08	20	2_41	01	02					Không tên	Ia sia	0,66	1593154	534206	Sa Bình	1593751	534456	Sa Bình	1,23	
4272	08	08	20	2_41	01	03					Không tên	Ia sia	1,93	1593127	534052	Sa Bình	1594795	534262	Sa Bình	3,77	
4273	08	08	20	2_41	01	04					Không tên	Ia sia	0,83	1593390	533021	Sa Bình	1594051	533454	Sa Bình	0,38	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4274	08	08	20	2_41	01	05					Không tên	Ia sia	1,14	1593563	532555	Sa Bình	1594355	533325	Sa Bình	0,51	
4275	08	08	20	2_41	01	06					Không tên	Ia sia	1,49	1593987	532313	Sa Bình	1594827	533381	Sa Bình	1,37	
4276	08	08	20	2_42							Không tên	Sông Đăk Sir	1,02	1591873	533420	Sa Thầy	1591765	532511	Sa Thầy	0,77	
4277	08	08	20	2_43							Ia Tông	Sông Đăk Sir	3,25	1591574	534094	Sa Bình	1593350	536276	Sa Bình	3,24	
4278	08	08	20	2_44							Không tên	Sông Đăk Sir	2,45	1591340	533987	Ya Ly	1590069	535305	Ya Ly	4,9	
4279	08	08	20	2_44	01						Suối C11	Sông Đăk Sir	3,11	1590986	534821	Sa Bình	1592327	537169	Ya Ly	1,98	
4280	08	08	20	02							Sông Ia Rai	Sông Đăk Sir	20,56	1598747	523062	Sa Thầy	1589882	532836	Ya Ly	62,4	Quyết định 605/QĐ-BNNMT; tên khác: Ea Pon, Ia Ray
4281	08	08	20	02	01						Ia tau	Sông Ia Rai	1,32	1596232	524256	Sa Thầy	1594971	524454	Sa Thầy	1,2	
4282	08	08	20	02	02						Ia bargok	Sông Ia Rai	0,92	1595799	524629	Sa Thầy	1594997	524871	Sa Thầy	1,56	
4283	08	08	20	02	03						Ia Hùng Răng	Sông Ia Rai	0,91	1594538	525385	Sa Thầy	1595335	525660	Sa Thầy	0,79	
4284	08	08	20	02	04						Không tên	Sông Ia Rai	1,02	1593828	524918	Sa Thầy	1594034	525789	Sa Thầy	0,77	
4285	08	08	20	02	05						Không tên	Sông Ia Rai	1,12	1594844	526208	Sa Thầy	1593909	526372	Sa Thầy	0,64	
4286	08	08	20	02	06						Không tên	Sông Ia Rai	3,83	1593456	525791	Sa Thầy	1591155	527969	Sa Thầy	3,4	
4287	08	08	20	02	06	01					Không tên	Sông Ia Rai	2,4	1592724	525226	Sa Thầy	1591676	526726	Sa Thầy	2,66	
4288	08	08	20	02	07						Không tên	Sông Ia Rai	1,68	1589983	527374	Sa Thầy	1590551	528856	Sa Thầy	3,87	
4289	08	08	20	02	08						Không tên	Sông Ia Rai	1,31	1590478	529294	Sa Thầy	1591651	529103	Sa Thầy	1,34	
4290	08	08	20	02	09						Không tên	Sông Ia Rai	1,27	1590190	529376	Sa Thầy	1590124	528197	Sa Thầy	0,72	
4291	08	08	20	02	10						Không tên	Sông Ia Rai	1,82	1589567	528565	Sa Thầy	1589327	530208	Ya Ly	1,89	
4292	08	08	20	02	10	01					Không tên	Sông Ia Rai	0,89	1588958	529431	Ya Ly	1589359	530093	Ya Ly	1,01	
4293	08	08	20	02	10	01	01				Không tên	Sông Ia Rai	0,75	1588669	530054	Ya Ly	1589343	530040	Ya Ly	0,43	
4294	08	08	20	02	11						Không tên	Sông Ia Rai	0,77	1588594	530536	Ya Ly	1589213	530950	Ya Ly	0,55	
4295	08	08	20	02	12						Không tên	Sông Ia Rai	0,91	1588375	530993	Ya Ly	1589008	531396	Ya Ly	0,99	
4296	08	08	20	02	13						Ea Djiri	Sông Ia Rai	9,54	1594140	527079	Sa Thầy	1589703	532221	Sa Thầy	11,35	
4297	08	08	20	02	13	01					Không tên	Ea Djiri	1,74	1592267	528624	Sa Thầy	1593184	528685	Sa Thầy	1,16	
4298	08	08	20	02	13	02	01				Không tên	Ea Djiri	0,61	1592044	529545	Sa Thầy	1592560	529690	Sa Thầy	0,34	
4299	08	08	20	02	13	02					Không tên	Ea Djiri	0,97	1592072	529215	Sa Thầy	1592782	529832	Sa Thầy	0,73	
4300	08	08	20	02	13	03					Không tên	Ea Djiri	0,97	1592063	530114	Sa Thầy	1592267	530919	Sa Thầy	0,56	
4301	08	08	20	02	13	04					Không tên	Ea Djiri	0,74	1591974	530814	Sa Thầy	1591457	531308	Sa Thầy	0,44	
4302	08	08	20	02	13	05					Không tên	Ea Djiri	0,61	1591298	531774	Sa Thầy	1590781	531520	Sa Thầy	0,59	

STT	Mã sông									Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác	
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8				C9	X		Y	X				Y
4303	08	08	20	02	13	06	01				Không tên	Ea Dri	1	1590864	530176	Sa Thầy	1591756	529794	Sa Thầy	0,6	
4304	08	08	20	02	13	06	02				Không tên	Ea Dri	1,07	1590873	530589	Sa Thầy	1591680	530035	Sa Thầy	0,47	
4305	08	08	20	02	13	06					Ea Dri	Ea Djiri	2,79	1591582	529415	Sa Thầy	1590229	531387	Sa Thầy	2,33	
4306	08	08	20	02	13	07					Không tên	Ea Djiri	1,34	1590035	531539	Sa Thầy	1590189	530274	Sa Thầy	0,59	
4307	08	08	20	02	14						Ea Brina	Sông Ia Rai	1,79	1590701	532397	Sa Thầy	1590701	532397	Sa Thầy	1,25	
4308	08	08	20	3_1							Không tên	Sông Đăk Sir	1,85	1589432	535127	Ya Ly	1589342	533421	Ya Ly	1,89	
4309	08	08	20	3_2							Suối Ya Đe	Sông Đăk Sir	0,68	1588446	532361	Ya Ly	1588376	532987	Ya Ly	0,49	
4310	08	08	20	3_3							Suối Răk	Sông Đăk Sir	0,98	1587822	531904	Ya Ly	1588004	532796	Ya Ly	0,67	
4311	08	08	20	3_4							Không tên	Sông Đăk Sir	0,81	1587532	532265	Ya Ly	1587949	532803	Ya Ly	0,58	
4312	08	08	20	3_5							Không tên	Sông Đăk Sir	1,68	1588918	534858	Ya Ly	1587626	534053	Ya Ly	1,54	
4313	08	08	20	3_6							Ya Kroi	Sông Đăk Sir	0,87	1586816	535568	Sa Bình	1586608	534754	Ya Ly	2,71	
4314	08	08	20	3_6	01						Ya Kroi	Ya Kroi	2,55	1588151	536288	Sa Bình	1587402	535857	Sa Bình	1,69	
4315	08	08	20	3_7							Không tên	Sông Đăk Sir	0,56	1585592	535383	Ya Ly	1585744	534935	Ya Ly	0,66	
4316	08	08	20	3_8							Không tên	Sông Đăk Sir	2,26	1586521	532565	Ya Ly	1585119	534231	Ya Ly	1,8	
4317	08	08	20	03							Suối Ia Rơ Tang	Sông Đăk Sir	13,22	1583317	534012	Ya Ly	1584481	527523	Ya Ly	20,15	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4318	08	08	20	03	01						Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,86	1585440	528586	Ya Ly	1586207	528412	Ya Ly	0,53	
4319	08	08	20	03	02						Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,99	1586030	527587	Ya Ly	1586397	528451	Ya Ly	1,21	
4320	08	08	20	03	03						Không tên	Suối Ia Rơ Tang	1,88	1587205	526964	Ya Ly	1586859	528474	Ya Ly	3,26	
4321	08	08	20	03	03	01					Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,66	1586798	527527	Ya Ly	1586512	526965	Ya Ly	0,99	
4322	08	08	20	03	04						Không tên	Suối Ia Rơ Tang	2,44	1587866	527124	Ya Ly	1587602	528929	Ya Ly	3,42	
4323	08	08	20	03	04	01					Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,96	1587365	527899	Ya Ly	1587348	526964	Ya Ly	1,3	
4324	08	08	20	03	04	02					Không tên	Suối Ia Rơ Tang	1,65	1588593	527741	Ya Ly	1587606	528879	Ya Ly	2,01	
4325	08	08	20	03	05						Không tên	Suối Ia Rơ Tang	2,89	1589447	527472	Sa Thầy	1587663	529262	Ya Ly	2,04	
4326	08	08	20	03	05	01					Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,63	1588047	529118	Ya Ly	1588439	528663	Ya Ly	0,33	
4327	08	08	20	03	06						Suối Ya Tăng	Suối Ia Rơ Tang	2,5	1585669	531933	Ya Ly	1587304	530940	Ya Ly	1,7	
4328	08	08	20	03	07						Ya Rơ Bê	Suối Ia Rơ Tang	4,4	1584611	527768	Ya Ly	1584564	531527	Ya Ly	3,44	
4329	08	08	20	03	07	01					Không tên	Ya Rơ Bê	1,19	1583866	529054	Ya Ly	1584586	529906	Ya Ly	0,64	
4330	08	08	20	03	07	02					Không tên	Ya Rơ Bê	2,81	1586013	529418	Ya Ly	1584888	530962	Ya Ly	1,58	
4331	08	08	20	03	07	03					Không tên	Ya Rơ Bê	0,29	1584888	530962	Ya Ly	1585163	530890	Ya Ly	0,26	
4332	08	08	20	03	07	04					Không tên	Ya Rơ Bê	1,77	1584445	531519	Ya Ly	1583848	530012	Ya Ly	0,77	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4333	08	08	20	03	08						Không Tên	Suối Ia Rơ Tang	2,81	1583408	529919	Ya Ly	1583908	531923	Ya Ly	1,27	
4334	08	08	20	03	08	01					Suối Nước Đơ	Suối Ia Rơ Tang	0,97	1582953	529700	Ya Ly	1583233	530521	Ya Ly	0,66	
4335	08	08	20	03	08	02					Suối Nước No	Suối Ia Rơ Tang	1,2	1582617	529944	Ya Ly	1583084	530883	Ya Ly	1,37	
4336	08	08	20	03	08	03					Không tên	Suối Ia Rơ Tang	0,98	1583731	531699	Ya Ly	1583573	530807	Ya Ly	0,64	
4337	08	08	20	03	09						Suối Tăng	Suối Ia Rơ Tang	3,1	1581592	530660	Ya Ly	1583117	532942	Ya Ly	2,78	
4338	08	08	20	03	09	01					Suối Nước Tăng	Suối Tăng	1,91	1582743	531759	Ya Ly	1581887	530398	Ya Ly	0,74	
4339	08	08	20	04							Suối Nước Nam	Sông Đăk Sır	2,66	1581838	531283	Ya Ly	1582350	533180	Ya Ly	1,78	
4340	08	08	20	04	01						Suối út	Suối Nước Nam	1,15	1581354	531693	Ya Ly	1581911	532654	Ya Ly	0,87	
4341	08	08	20	04	01	01					Suối ốt	Suối út	0,87	1581776	532290	Ya Ly	1581536	531527	Ya Ly	0,37	
4342	08	08	20	04	02						Không Tên	Suối Nước Nam	1,65	1580862	532105	Ya Ly	1582086	533042	Ya Ly	0,94	
4343	08	08	20	05							Không Tên	Sông Đăk Sır	1,79	1580670	532739	Ya Ly	1582040	533618	Ya Ly	1,5	
4344	08	08	20	05	01						Không Tên	Sông Đăk Sır	0,87	1581932	533509	Ya Ly	1581284	532978	Ya Ly	0,6	
4345	08	08	20	06							Không tên	Sông Đăk Sır	1,58	1581577	535412	Ya Ly	1582913	535808	Ya Ly	3,36	
4346	08	08	20	06	01						Không tên	Sông Đăk Sır	0,83	1582461	536186	Ya Ly	1581958	535660	Ya Ly	0,71	
4347	08	08	20	07							Không Tên	Sông Đăk Sır	1,22	1577732	533950	Ya Ly	1578753	533669	Ya Ly	0,27	
4348	08	08	20	08							Không Tên	Sông Đăk Sır	0,77	1578181	533927	Ya Ly	1578773	534281	Ya Ly	0,22	
4349	08	08	20	09							Không Tên	Sông Đăk Sır	0,68	1577974	534058	Ya Ly	1578553	534393	Ya Ly	0,34	
4350	08	08	20	10							Không Tên	Sông Đăk Sır	0,98	1577850	534973	Ya Ly	1577575	534055	Ya Ly	0,43	
4351	08	08	20	11							Không Tên	Sông Đăk Sır	1,58	1576805	533674	Ya Ly	1576989	535133	Ya Ly	1,35	
4352	08	08	20	11	01						Không Tên	Sông Đăk Sır	0,96	1576961	535009	Ya Ly	1577227	534178	Ya Ly	0,63	
4353	08	08	21_1								Không Tên	Sông Sê San	1,83	1576532	535291	Ya Ly	1576209	533577	Ya Ly	0,67	
4354	08	08	21_2								Không Tên	Sông Sê San	0,48	1576230	535273	Ya Ly	1576041	534838	Ya Ly	0,15	
4355	08	08	21_3								Không Tên	Sông Sê San	0,83	1575764	535249	Ya Ly	1575637	534516	Ya Ly	0,55	
4356	08	08	21								Suối Ia Tram	Sông Sê San	12,48	1573946	535163	Ya Ly	1581017	528251	Ya Ly	32,29	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4357	08	08	21	01							Không Tên	Suối Ia Tram	1,45	1578348	528775	Ya Ly	1579727	529130	Ya Ly	0,53	
4358	08	08	21	02							Không Tên	Suối Ia Tram	0,61	1579201	529120	Ya Ly	1579699	529435	Ya Ly	0,2	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4359	08	08	21	03							Không Tên	Suối Ia Tram	1,49	1579611	529720	Ya Ly	1580836	529094	Ya Ly	0,99	
4360	08	08	21	04							Không Tên	Suối Ia Tram	0,65	1579234	529555	Ya Ly	1579610	529945	Ya Ly	0,34	
4361	08	08	21	05							Không Tên	Suối Ia Tram	0,63	1579631	530032	Ya Ly	1580220	529880	Ya Ly	0,31	
4362	08	08	21	06							Không Tên	Suối Ia Tram	1,97	1577908	529855	Ya Ly	1579636	530186	Ya Ly	1,94	
4363	08	08	21	06	01						Không Tên	Suối Ia Tram	1,3	1578585	529963	Ya Ly	1578167	528915	Ya Ly	0,43	
4364	08	08	21	07							Không Tên	Suối Ia Tram	2,92	1576968	529997	Ya Ly	1579517	530804	Ya Ly	6,01	
4365	08	08	21	07	01						Không Tên	Suối Ia Tram	0,59	1577782	530196	Ya Ly	1577588	529649	Ya Ly	0,33	
4366	08	08	21	07	02						Không Tên	Suối Ia Tram	2,86	1576130	531319	Ya Ly	1576678	531477	Ya Ly	3,58	
4367	08	08	21	07	02	01					Không Tên	Suối Ia Tram	0,78	1576039	531724	Ya Ly	1576678	531477	Ya Ly	0,34	
4368	08	08	21	07	02	02					Không Tên	Suối Ia Tram	0,6	1576202	531200	Ya Ly	1576672	531470	Ya Ly	0,11	
4369	08	08	21	07	02	03					Không Tên	Suối Ia Tram	1,66	1575995	530648	Ya Ly	1577566	530943	Ya Ly	1,37	
4370	08	08	21	07	02	03	01				Không Tên	Suối Ia Tram	0,63	1576320	530041	Ya Ly	1576377	530656	Ya Ly	0,31	
4371	08	08	21	07	02	03	02				Không Tên	Suối Ia Tram	0,57	1576035	531011	Ya Ly	1576451	530656	Ya Ly	0,19	
4372	08	08	21	07	02	04					Không Tên	Suối Ia Tram	0,82	1577169	530323	Ya Ly	1577858	530722	Ya Ly	0,44	
4373	08	08	21	07	02	05					Không Tên	Suối Ia Tram	0,54	1578338	531261	Ya Ly	1578297	530780	Ya Ly	0,33	
4374	08	08	21	07	03						Không Tên	Suối Ia Tram	0,71	1578849	531110	Ya Ly	1579228	530639	Ya Ly	0,45	
4375	08	08	21	08							Không Tên	Suối Ia Tram	2,73	1581651	529723	Ya Ly	1579553	530904	Ya Ly	2,51	
4376	08	08	21	08	01						Không Tên	Suối Ia Tram	0,93	1580705	530818	Ya Ly	1581573	531129	Ya Ly	0,79	
4377	08	08	21	08	02						Không Tên	Suối Ia Tram	1,62	1580000	530728	Ya Ly	1581033	529532	Ya Ly	1,19	
4378	08	08	21	09							Không Tên	Suối Ia Tram	0,61	1579685	531428	Ya Ly	1580184	531117	Ya Ly	0,21	
4379	08	08	21	10							Không Tên	Suối Ia Tram	1,13	1579704	531504	Ya Ly	1580758	531745	Ya Ly	0,38	
4380	08	08	21	10	01						Không Tên	Suối Ia Tram	0,64	1580045	531565	Ya Ly	1580513	531215	Ya Ly	0,25	
4381	08	08	21	10	02						Không Tên	Suối Ia Tram	0,69	1579954	532171	Ya Ly	1579753	531517	Ya Ly	0,26	
4382	08	08	21	11							Không Tên	Suối Ia Tram	0,92	1578524	531503	Ya Ly	1579222	532049	Ya Ly	0,52	
4383	08	08	21	12							Ya Hồng	Suối Ia Tram	0,57	1579163	532126	Ya Ly	1579704	532253	Ya Ly	0,67	
4384	08	08	21	13							Không Tên	Suối Ia Tram	1,68	1579213	532357	Ya Ly	1578905	533653	Ya Ly	3,36	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4385	08	08	21	13	01						Không Tên	Suối Ia Tram	0,97	1578139	533417	Ya Ly	1578968	533582	Ya Ly	0,59	
4386	08	08	21	13	02						Không Tên	Suối Ia Tram	0,73	1579196	533227	Ya Ly	1579905	533294	Ya Ly	0,46	
4387	08	08	21	13	03						Không Tên	Suối Ia Tram	2,54	1577053	533209	Ya Ly	1579115	532966	Ya Ly	0,98	
4388	08	08	21	13	04						Không Tên	Suối Ia Tram	1,11	1580215	532419	Ya Ly	1579184	532714	Ya Ly	0,66	
4389	08	08	21	13	04	01					Không Tên	Suối Ia Tram	0,62	1579611	532661	Ya Ly	1580105	533002	Ya Ly	0,23	
4390	08	08	21	14							Không Tên	Suối Ia Tram	0,75	1577758	531574	Ya Ly	1578251	532098	Ya Ly	0,36	
4391	08	08	21	15							Không Tên	Suối Ia Tram	0,85	1577249	531602	Ya Ly	1577887	532118	Ya Ly	0,43	
4392	08	08	21	16							Không Tên	Suối Ia Tram	0,48	1577462	532839	Ya Ly	1577520	532364	Ya Ly	0,22	
4393	08	08	21	17							Không Tên	Suối Ia Tram	0,43	1577169	532042	Ya Ly	1577454	532368	Ya Ly	0,18	
4394	08	08	21	18							Không Tên	Suối Ia Tram	0,6	1576836	533108	Ya Ly	1576900	532517	Ya Ly	0,34	
4395	08	08	21	19							Không Tên	Suối Ia Tram	0,74	1576119	532324	Ya Ly	1576790	532557	Ya Ly	0,42	
4396	08	08	21	20							Không Tên	Suối Ia Tram	0,96	1574261	534717	Ya Ly	1574444	533806	Ya Ly	0,78	
4397	08	08	21	21							Không Tên	Suối Ia Tram	0,75	1574245	534730	Ya Ly	1574909	534655	Ya Ly	0,31	
4398	08	08	23_1								Không Tên	Sông Sê San	3,64	1575073	532037	Ya Ly	1573263	534778	Ya Ly	2,31	
4399	08	08	23_1	01							Không Tên	Sê San	0,79	1574717	532723	Ya Ly	1575263	532243	Ya Ly	0,24	
4400	08	08	23_2								Không Tên	Sông Sê San	1,05	1573210	534455	Ya Ly	1573705	533602	Ya Ly	0,89	
4401	08	08	23_3								Không Tên	Sông Sê San	0,57	1572452	534371	Ya Ly	1572772	533984	Ya Ly	0,34	
4402	08	08	23_4								Không Tên	Sông Sê San	1,35	1572007	533926	Ya Ly	1573132	533494	Ya Ly	0,78	
4403	08	08	23_5	01							Không Tên	Sê San	1,05	1573034	533180	Ya Ly	1573740	532512	Ya Ly	0,28	
4404	08	08	23_5	02							Không Tên	Sê San	0,66	1572244	533284	Ya Ly	1572679	532880	Ya Ly	0,13	
4405	08	08	23_5								Không Tên	Sông Sê San	2,35	1573853	532738	Ya Ly	1571890	533401	Ya Ly	1,36	
4406	08	08	23_6								Không Tên	Sông Sê San	0,7	1572677	532039	Ya Ly	1573330	532261	Ya Ly	0,38	
4407	08	08	23_7	01							Không Tên	Sê San	0,63	1573505	531916	Ya Ly	1573997	532257	Ya Ly	0,37	
4408	08	08	23_7								Không Tên	Sông Sê San	1,55	1572857	531630	Ya Ly	1574227	532117	Ya Ly	0,82	
4409	08	08	23_8	01							Không Tên	Suối Brieng	0,75	1574231	531276	Ya Ly	1574971	531275	Ya Ly	0,49	
4410	08	08	23_8	02							Không Tên	Suối Brieng	0,83	1573952	531181	Ya Ly	1574348	531885	Ya Ly	0,66	
4411	08	08	23_8	03							Không Tên	Suối Brieng	0,71	1573435	531337	Ya Ly	1573912	531761	Ya Ly	0,34	
4412	08	08	23_8								Suối Brieng	Sông Sê San	2,51	1572838	531345	Ya Ly	1575126	531763	Ya Ly	2,18	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4413	08	08	23_9								Không Tên	Sông Sê San	0,64	1573254	530614	Ya Ly	1573856	530703	Ya Ly	0,34	
4414	08	08	23_10								Không Tên	Sông Sê San	2,48	1573070	530172	Ya Ly	1574924	530757	Ya Ly	1,31	
4415	08	08	23_10	01							Không Tên	Ia Rát	0,38	1573908	530058	Ya Ly	1574151	529777	Ya Ly	0,13	
4416	08	08	23_11								Không Tên	Sông Sê San	0,98	1572593	529345	Ya Ly	1573547	529362	Ya Ly	0,56	
4417	08	08	23_12								Ia Rát	Sông Sê San	7,01	1574442	527795	Ya Ly	1577084	529447	Ya Ly	13,73	
4418	08	08	23_12	01							Không Tên	Ia Rát	0,72	1576243	528188	Ya Ly	1576804	528607	Ya Ly	1,34	
4419	08	08	23_12	01	01						Không Tên	Ia Rát	0,86	1576350	528232	Ya Ly	1577104	528503	Ya Ly	0,77	
4420	08	08	23_12	02							Không Tên	Ia Rát	1,17	1575884	527628	Ya Ly	1576881	528043	Ya Ly	1,02	
4421	08	08	23_12	03							Không Tên	Ia Rát	0,94	1575864	528354	Ya Ly	1575473	527510	Ya Ly	0,49	
4422	08	08	23_12	04							Không Tên	Ia Rát	0,77	1574910	527557	Ya Ly	1575393	528041	Ya Ly	0,37	
4423	08	08	23_12	05							Không Tên	Ia Rát	0,8	1574792	526864	Ya Ly	1574614	527558	Ya Ly	0,62	
4424	08	08	23_12	06							Không Tên	Ia Rát	3,18	1574448	527805	Ya Ly	1576521	529699	Ya Ly	3,03	
4425	08	08	23_12	06	01						Không Tên	Ia Rát	0,96	1575756	529719	Ya Ly	1575491	528816	Ya Ly	0,47	
4426	08	08	23_12	06	02						Không Tên	Ia Rát	1,62	1574735	528627	Ya Ly	1575488	529823	Ya Ly	0,71	
4427	08	08	23_12	06	02	01					Không Tên	Ia Rát	0,56	1574820	528924	Ya Ly	1575224	529201	Ya Ly	0,27	
4428	08	08	23_12	06	03						Không Tên	Ia Rát	1,19	1575612	528545	Ya Ly	1574653	528117	Ya Ly	1,01	
4429	08	08	23_12	07							Không Tên	Ia Rát	0,66	1574242	527133	Ya Ly	1574281	527775	Ya Ly	0,35	
4430	08	08	23_12	08							Không Tên	Ia Rát	0,59	1574102	527782	Ya Ly	1573959	527218	Ya Ly	0,28	
4431	08	08	23_12	09							Không Tên	Ia Rát	0,7	1573807	528025	Ya Ly	1574379	528368	Ya Ly	0,34	
4432	08	08	23_12	10							Không Tên	Ia Rát	0,9	1573619	528066	Ya Ly	1573602	527241	Ya Ly	0,76	
4433	08	08	23_12	10	01						Không Tên	Ia Rát	0,68	1573591	527954	Ya Ly	1573750	527297	Ya Ly	0,31	
4434	08	08	23_12	11							Ia Ho	Ia Rát	4,76	1573428	528384	Ya Ly	1575298	531634	Ya Ly	2,58	
4435	08	08	23_12	12							Không Tên	Ia Rát	1,46	1573411	528394	Ya Ly	1574117	529397	Ya Ly	0,94	
4436	08	08	23_12	12	01						Không Tên	Ia Rát	0,59	1573831	529466	Ya Ly	1573734	528906	Ya Ly	0,33	
4437	08	08	23_12	13							Không Tên	Ia Rát	1,76	1573590	527033	Ya Ly	1572679	528392	Ya Ly	0,92	
4438	08	08	23_12	13	01						Không Tên	Ia Rát	0,72	1572808	527805	Ya Ly	1572919	527141	Ya Ly	0,38	
4439	08	08	23_12	14							Không Tên	Ia Rát	0,6	1572104	528396	Ya Ly	1572448	527967	Ya Ly	0,22	
4440	08	08	23_13								Không Tên	Sông Sê San	2,33	1571213	526683	Ya Ly	1573259	526739	Ya Ly	1,58	
4441	08	08	23_14								Không Tên	Sông Sê San	1,58	1572768	526277	Ya Ly	1571766	525114	Ya Ly	0,63	
4442	08	08	23_15								Không Tên	Sông Sê San	4,55	1572061	524384	Ya Ly	1575833	525047	Ya Ly	8,16	
4443	08	08	23_15	01							Không Tên	Sê San	0,33	1575801	524805	Ya Ly	1575503	524851	Ya Ly	0,28	
4444	08	08	23_15	02							Không Tên	Sê San	1,54	1575330	526425	Ya Ly	1575105	525119	Ya Ly	1,34	
4445	08	08	23_15	03							Không Tên	Sê San	0,78	1574935	525810	Ya Ly	1574408	525268	Ya Ly	0,48	
4446	08	08	23_15	04							Không Tên	Sê San	1,11	1574085	525248	Ya Ly	1574724	524436	Ya Ly	0,67	
4447	08	08	23_15	05							Không Tên	Sê San	1,16	1573906	525352	Ya Ly	1573737	526408	Ya Ly	2,1	
4448	08	08	23_15	05	01						Không Tên	Sê San	0,76	1574540	526066	Ya Ly	1573963	525629	Ya Ly	0,51	
4449	08	08	23_15	06							Không Tên	Sê San	0,64	1573493	525651	Ya Ly	1573171	525106	Ya Ly	0,37	
4450	08	08	23_15	07							Không Tên	Sê San	0,68	1572478	524663	Ya Ly	1573095	524499	Ya Ly	0,46	
4451	08	08	23_16								Không Tên	Sông Sê San	1,24	1573141	523256	Ya Ly	1572321	522475	Ya Ly	0,43	
4452	08	08	23_17								Không Tên	Sông Sê San	2,43	1572401	522311	Ya Ly	1573822	523853	Ya Ly	1,2	
4453	08	08	23_18								Không Tên	Sông Sê San	1,65	1573737	521661	Ya Ly	1572626	520695	Ya Ly	1,21	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4454	08	08	23_19								Không tên	Sông Sê San	0,74	1571401	519556	Ia Toi	1571401	519556	Ia Toi	0,61	
4455	08	08	23_20								Không tên	Sông Sê San	0,81	1570975	519240	Ia Toi	1571685	519031	Ia Toi	0,61	
4456	08	08	23_21								Không tên	Sông Sê San	0,95	1570753	519109	Ia Toi	1570896	518523	Ia Toi	0,53	
4457	08	08	23_22								Không tên	Sông Sê San	4,27	1573401	517187	Ia Toi	1570299	518921	Ia Toi	8	
4458	08	08	23_22	01							Không tên	Sê San	0,51	1572684	517133	Ia Toi	1573070	516882	Ia Toi	0,15	
4459	08	08	23_22	02							Không tên	Sê San	0,43	1572342	517297	Ia Toi	1572765	517294	Ia Toi	0,11	
4460	08	08	23_22	03							Không tên	Sê San	2,32	1572051	516405	Ia Toi	1571838	517453	Ia Toi	2,67	
4461	08	08	23_22	04							Không tên	Sông Sê San	1,34	1569763	517416	Ia Toi	1570470	518440	Ia Toi	1,2	
4462	08	08	23_22	04	01						Không tên	Sê San	0,56	1570209	518076	Ia Toi	1570685	517992	Ia Toi	0,49	
4463	08	08	23_23								Không tên	Sông Sê San	2,3	1568722	517157	Ia Toi	1569729	519028	Ia Toi	1.385	
4464	08	08	23_24								Không tên	Sông Sê San	0,64	1568607	518487	Ia Toi	1569084	518145	Ia Toi	0,33	
4465	08	08	23_25								Không tên	Sông Sê San	1,08	1567733	518038	Ia Toi	1568702	517932	Ia Toi	0,55	
4466	08	08	23_26								Không tên	Sông Sê San	0,75	1567535	517589	Ia Toi	1568235	517462	Ia Toi	0,4	
4467	08	08	23_27								Không tên	Sông Sê San	0,57	1567202	517228	Ia Toi	1567387	516927	Ia Toi	0,34	
4468	08	08	23_28								Không tên	Sông Sê San	1,66	1566828	515997	Ia Toi	1566136	516801	Ia Toi	0,93	
4469	08	08	23_28	01							Không tên	Sông Sê San	0,82	1566175	516119	Ia Toi	1566936	516290	Ia Toi	0,43	
4470	08	08	23								Sông Ia Yang	Sông Sê San	17,24	1572768	520142	Ya Ly	1584123	527671	Đăk Plô	124	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4471	08	08	23	1_1							Không Tên	Sông Ia Yang	0,79	1583063	527163	Ya Ly	1583010	527885	Ya Ly	0,72	
4472	08	08	23	1_2							Không Tên	Sông Ia Yang	0,95	1582649	526790	Ya Ly	1583549	526751	Ya Ly	0,84	
4473	08	08	23	1_3							Không Tên	Sông Ia Yang	1,41	1582510	526760	Ya Ly	1583074	525709	Ya Ly	0,88	
4474	08	08	23	1_4							Không Tên	Sông Ia Yang	0,8	1582181	526796	Ya Ly	1582470	527464	Ya Ly	0,62	
4475	08	08	23	1_5							Không Tên	Sông Ia Yang	0,63	1581935	527428	Ya Ly	1581703	526970	Ya Ly	0,42	
4476	08	08	23	1_6							Không Tên	Sông Ia Yang	0,72	1580386	526972	Ya Ly	1580472	526370	Ya Ly	4,98	
4477	08	08	23	1_6	01						Ya Bleng	Sông Ia Yang	1,63	1580378	526533	Ya Ly	1578975	527163	Ya Ly	3,66	
4478	08	08	23	1_6	01	01					Không Tên	Ya Bleng	0,65	1579035	526516	Ya Ly	1579536	526754	Ya Ly	0,35	
4479	08	08	23	1_6	01	02					Không Tên	Ya Bleng	1,17	1579787	526743	Ya Ly	1580168	527752	Ya Ly	2,55	
4480	08	08	23	1_6	01	02	01				Không Tên	Ya Bleng	1,75	1579845	527184	Ya Ly	1578720	528276	Ya Ly	2,21	
4481	08	08	23	1_6	01	02	01	01			Không Tên	Ya Bleng	1,16	1579454	527594	Ya Ly	1580190	528058	Ya Ly	1,08	
4482	08	08	23	1_6	01	02	01	01	01		Không Tên	Ya Bleng	1,04	1578760	528520	Ya Ly	1579601	527961	Ya Ly	0,51	
4483	08	08	23	1_6	01	02	01	02			Không Tên	Ya Bleng	0,48	1579156	527271	Ya Ly	1579630	527295	Ya Ly	0,21	
4484	08	08	23	1_7							Ia Trang	Sông Ia Yang	0	1580025	525888	Ya Ly	1582768	525027	Ya Ly	7,53	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4485	08	08	23	1_7	01						Không Tên	Ia Trang	0,82	1582574	525179	Ya Ly	1582684	524425	Ya Ly	0,69	
4486	08	08	23	1_7	02						Không Tên	Ia Trang	1,39	1583542	525145	Ya Ly	1582267	525375	Ya Ly	1,24	
4487	08	08	23	1_7	03						Không Tên	Ia Trang	0,9	1581405	525435	Ya Ly	1580680	525669	Ya Ly	0,85	
4488	08	08	23	1_8							Không Tên	Sông Ia Yang	0,61	1578873	525886	Ya Ly	1579382	525575	Ya Ly	0,31	
4489	08	08	23	1_9							Không Tên	Sông Ia Yang	1,56	1580515	524871	Ya Ly	1579322	525240	Ya Ly	2,08	
4490	08	08	23	1_10							Không Tên	Sông Ia Yang	4,05	1582189	524260	Ya Ly	1579081	524712	Ya Ly	3,27	
4491	08	08	23	1_11							Không Tên	Sông Ia Yang	0,48	1578452	524519	Ya Ly	1578643	524078	Ya Ly	0,37	
4492	08	08	23	1_12							Ia Pur	Sông Ia Yang	5,01	1578208	523795	Ya Ly	1575438	526941	Ya Ly	5,47	
4493	08	08	23	1_12	01						Không Tên	Ia Pur	2,19	1576548	526976	Ya Ly	1577807	528455	Ya Ly	1,55	
4494	08	08	23	1_12	01	01					Không Tên	Ia Pur	0,98	1577083	527964	Ya Ly	1576789	527067	Ya Ly	0,55	
4495	08	08	23	1_12	02						Không Tên	Ia Pur	1,91	1578463	526626	Ya Ly	1576611	526564	Ya Ly	1,77	
4496	08	08	23	1_12	02	01					Không Tên	Ia Pur	1,04	1578015	526974	Ya Ly	1578564	527807	Ya Ly	1,34	
4497	08	08	23	1_12	02	02					Không Tên	Ia Pur	2,63	1577298	526536	Ya Ly	1577975	528686	Ya Ly	0,95	
4498	08	08	23	1_12	02	02	01				Không Tên	Ia Pur	0,72	1577930	528306	Ya Ly	1577919	527596	Ya Ly	0,34	
4499	08	08	23	1_12	03						Không Tên	Ia Pur	0,97	1576016	525684	Ya Ly	1576843	525955	Ya Ly	0,99	
4500	08	08	23	1_12	04						Không Tên	Ia Pur	0,66	1577951	525604	Ya Ly	1577352	525426	Ya Ly	0,46	
4501	08	08	23	1_12	05						Không Tên	Ia Pur	0,85	1577964	524007	Ya Ly	1578207	524757	Ya Ly	0,59	
4502	08	08	23	1_13							Không Tên	Sông Ia Yang	0,81	1577286	523825	Ya Ly	1578043	523590	Ya Ly	0,52	
4503	08	08	23	1_14							Không Tên	Sông Ia Yang	1,09	1579151	523497	Ya Ly	1578124	523368	Ya Ly	0,49	
4504	08	08	23	1_15							Không Tên	Sông Ia Yang	1,03	1578024	522581	Ya Ly	1578809	523115	Ya Ly	0,52	
4505	08	08	23	1_16							Ia Nar	Sông Ia Yang	5,78	1583115	522288	Ya Ly	1577836	522409	Ya Ly	15,15	
4506	08	08	23	1_16	01						Không Tên	Ia Nar	1,92	1582876	523087	Ya Ly	1581536	522522	Ya Ly	2,48	
4507	08	08	23	1_16	02						Không Tên	Ia Nar	4,61	1583875	521464	Ya Ly	1579803	522107	Ya Ly	3,9	
4508	08	08	23	1_16	03						Không Tên	Ia Nar	1,33	1580148	523437	Ya Ly	1580012	522220	Ya Ly	0,73	
4509	08	08	23	1_17							Không Tên	Sông Ia Yang	2,24	1577568	522507	Ya Ly	1576471	524141	Ya Ly	2,64	
4510	08	08	23	01							Suối Ia Blan	Sông Ia Yang	10,83	1584441	518572	Mô Rai	1575444	520796	Ya Ly	40,47	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4511	08	08	23	01	01						Không tên	Suối Ia Blan	0,36	1583946	518278	Mô Rai	1583999	518624	Mô Rai	0,34	
4512	08	08	23	01	02						Ia Ten Loh	Suối Ia Blan	2,23	1582819	519467	Mô Rai	1584646	520083	Mô Rai	4	
4513	08	08	23	01	03						Ya Yu	Suối Ia Blan	0,86	1582805	518707	Mô Rai	1582592	519480	Ya Ly	0,71	
4514	08	08	23	01	04						Không Tên	Suối Ia Blan	2,45	1581912	518465	Mô Rai	1580498	519223	Mô Rai	4,78	
4515	08	08	23	01	04	01					Không tên	Suối Ia Blan	0,86	1582304	517810	Mô Rai	1581607	518147	Mô Rai	0,48	
4516	08	08	23	01	04	02					Không Tên	Suối Ia Blan	0,84	1580611	518794	Mô Rai	1581357	518560	Mô Rai	0,8	
4517	08	08	23	01	05						Không tên	Suối Ia Blan	1,39	1579224	518176	Mô Rai	1579983	519103	Mô Rai	1,55	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4518	08	08	23	01	05	01					Không tên	Suối Ia Blan	1,09	1579753	518593	Mô Rai	1579512	517826	Mô Rai	0,66	
4519	08	08	23	01	06						Không Tên	Suối Ia Blan	0,99	1580493	519966	Ya Ly	1579791	519459	Mô Rai	0,51	
4520	08	08	23	01	07						Không tên	Suối Ia Blan	0,78	1579502	519624	Mô Rai	1579343	518938	Mô Rai	0,64	
4521	08	08	23	01	08						Không tên	Suối Ia Blan	1,5	1578781	518745	Mô Rai	1579326	519620	Mô Rai	0,68	
4522	08	08	23	01	09						Không Tên	Suối Ia Blan	0,81	1579902	520091	Ya Ly	1579106	520038	Mô Rai	0,53	
4523	08	08	23	01	10						Ya Dali	Suối Ia Blan	1,83	1580154	520934	Ya Ly	1579034	520083	Ya Ly	2,57	
4524	08	08	23	01	11						Không Tên	Suối Ia Blan	0,87	1578060	520404	Ya Ly	1578557	521039	Mô Rai	0,47	
4525	08	08	23	01	12						Ia Pôm	Suối Ia Blan	5,56	1579989	516795	Mô Rai	1578061	520405	Mô Rai	10,49	
4526	08	08	23	01	12	01					Không tên	Ia Pôm	2,29	1576352	517418	Mô Rai	1578192	518308	Mô Rai	5,01	
4527	08	08	23	01	12	01	01				Ia Pôm	Ia Pôm	1,72	1577186	516792	Mô Rai	1577959	518043	Mô Rai	2,31	
4528	08	08	23	01	12	02					Không tên	Ia Pôm	0,79	1578267	519090	Mô Rai	1577727	519663	Mô Rai	0,78	
4529	08	08	23	01	13						Không tên	Suối Ia Blan	0,44	1577449	520842	Ya Ly	1577368	520420	Ya Ly	0,22	
4530	08	08	23	01	14						Không tên	Suối Ia Blan	0,72	1577399	519780	Mô Rai	1577255	520379	Mô Rai	0,37	
4531	08	08	23	01	15						Không tên	Suối Ia Blan	1,32	1576577	520244	Mô Rai	1576256	519130	Ya Ly	0,85	
4532	08	08	23	01	16						Không tên	Suối Ia Blan	0,51	1575856	519970	Mô Rai	1576045	519505	Mô Rai	0,23	
4533	08	08	23	02							Không tên	Sông Ia Yang	0,57	1575150	520705	Mô Rai	1575462	520253	Mô Rai	0,1	
4534	08	08	23	03							Ia Ten Loh	Sông Ia Yang	3,82	1574848	520641	Ya Ly	1574985	524023	Mô Rai	4,2	
4535	08	08	23	04							Không Tên	Sông Ia Yang	0,59	1573790	521105	Ya Ly	1574141	520676	Ya Ly	0,37	
4536	08	08	23	05							Ia Dah	Sông Ia Yang	3,5	1574176	517318	Ia Toi	1572925	520075	Mô Rai	5,8	
4537	08	08	23	05	01						Không tên	Ia Dah	0,58	1573021	519673	Ia Toi	1573412	519313	Ia Toi	0,8	
4538	08	08	23	05	02						Không tên	Ia Dah	2,53	1574364	518365	Ia Toi	1573022	519878	Mô Rai	1,92	
4539	08	08	23	06							Không tên	Sông Sê San	2,17	1572552	517958	Ia Toi	1572767	519976	Ia Toi	1,6	
4540	08	08	24_1								Ya No	Sông Sê San	1,37	1563961	516396	Ia Toi	1564845	517016	Ia Toi	2,07	
4541	08	08	24								Suối Ia Bolok	Sông Sê San	12,71	1565016	517016	Ia Toi	1571861	509817	Ia Toi	55	Quyết định 605/QĐ-BNNMT tên khác: Suối Ia Leng, Suối Ia Ba Leh
4542	08	08	24	01							Không tên	Suối Ia Bolok	1,61	1571232	512462	Ia Toi	1572636	511878	Ia Toi	3,82	
4543	08	08	24	01	01						Không tên	Suối Ia Bolok	0,7	1571628	512235	Ia Toi	1571724	511551	Ia Toi	0,47	
4544	08	08	24	01	02						Không tên	Suối Ia Bolok	1,52	1571392	512446	Ia Toi	1572611	512982	Ia Toi	1,64	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4545	08	08	24	02							Ia Um	Suối Ia Bolok	2,51	1569661	510726	Ia Toi	1570277	512761	Ia Toi	5,07	
4546	08	08	24	02	01						Không tên	Ia Um	0,69	1570342	512277	Ia Toi	1570979	512066	Ia Toi	0,66	
4547	08	08	24	03							Không tên	Suối Ia Bolok	0,68	1570148	513558	Ia Toi	1570663	513434	Ia Toi	0,27	
4548	08	08	24	04							Ia Dôr	Suối Ia Bolok	3,74	1569876	514134	Ia Toi	1573285	514340	Ia Toi	13,33	
4549	08	08	24	04	01						Không tên	Ia Dôr	0,77	1572875	514400	Ia Toi	1573176	513734	Ia Toi	0,19	
4550	08	08	24	04	02						Không tên	Ia Dôr	0,65	1572507	514402	Ia Toi	1572919	513937	Ia Toi	0,1	
4551	08	08	24	04	03						Không tên	Ia Dôr	1,04	1572248	514358	Ia Toi	1572840	513624	Ia Toi	0,16	
4552	08	08	24	04	04						Không tên	Ia Dôr	0,94	1571912	514278	Ia Toi	1572198	513431	Ia Toi	0,52	
4553	08	08	24	04	05						Không tên	Ia Dôr	2,9	1571306	514232	Ia Toi	1573124	514824	Ia Toi	2,2	
4554	08	08	24	04	05	01					Không tên	Ia Dôr	1,44	1573528	514979	Ia Toi	1572217	514994	Ia Toi	0,84	
4555	08	08	24	04	05	02					Không tên	Ia Dôr	1,51	1572101	515114	Ia Toi	1573392	515609	Ia Toi	0,67	
4556	08	08	24	04	06						Không tên	Ia Dôr	1,08	1570468	514217	Ia Toi	1571259	514841	Ia Toi	0,54	
4557	08	08	24	05							Không tên	Suối Ia Bolok	1,12	1569858	514182	Ia Toi	1569701	513113	Ia Toi	0,46	
4558	08	08	24	06							Không tên	Suối Ia Bolok	1,98	1571073	515572	Ia Toi	1569851	514398	Ia Toi	1,62	
4559	08	08	24	06	01						Không tên	Suối Ia Bolok	0,63	1570423	514693	Ia Toi	1570936	515032	Ia Toi	0,42	
4560	08	08	24	07							Không tên	Suối Ia Bolok	1,5	1569800	514451	Ia Toi	1570545	515616	Ia Toi	0,66	
4561	08	08	24	08							Không tên	Suối Ia Bolok	3,9	1568017	511654	Ia Toi	1569622	514396	Ia Toi	5,63	
4562	08	08	24	08	01						Không tên	Suối Ia Bolok	0,46	1567929	512738	Ia Toi	1567510	512608	Ia Toi	0,18	
4563	08	08	24	08	02						Không tên	Suối Ia Bolok	0,46	1569195	513431	Ia Toi	1569369	513007	Ia Toi	0,12	
4564	08	08	24	09							Không tên	Suối Ia Bolok	0,73	1568423	514324	Ia Toi	1569125	514220	Ia Toi	0,72	
4565	08	08	24	10							Không tên	Suối Ia Bolok	1,47	1567499	514444	Ia Toi	1567090	513364	Ia Toi	1,14	
4566	08	08	24	10	01						Không tên	Suối Ia Bolok	0,57	1567046	514127	Ia Toi	1567429	514411	Ia Toi	0,34	
4567	08	08	24	11							Không tên	Suối Ia Bolok	1,03	1567518	514472	Ia Toi	1568371	514876	Ia Toi	0,9	
4568	08	08	24	11	01						Không tên	Suối Ia Bolok	0,63	1568089	514965	Ia Toi	1567641	514604	Ia Toi	0,13	
4569	08	08	24	12							Suối Ia Lếch	Suối Ia Bolok	4,01	1569787	516432	Ia Toi	1566593	515086	Ia Toi	6,61	
4570	08	08	24	12	01						Không tên	Suối Ia Lếch	1,31	1569820	516390	Ia Toi	1571056	516292	Ia Toi	1,68	
4571	08	08	24	12	02						Không tên	Suối Ia Lếch	0,54	1569061	516201	Ia Toi	1569475	516527	Ia Toi	0,31	
4572	08	08	24	12	03						Không tên	Suối Ia Lếch	0,75	1568786	516059	Ia Toi	1568915	515403	Ia Toi	0,47	
4573	08	08	24	12	04						Không tên	Suối Ia Lếch	0,47	1568295	515767	Ia Toi	1568722	515646	Ia Toi	0,15	
4574	08	08	24	12	05						Không tên	Suối Ia Lếch	0,86	1568128	515750	Ia Toi	1568510	515174	Ia Toi	0,34	
4575	08	08	24	12	06						Không tên	Suối Ia Lếch	0,61	1568157	516304	Ia Toi	1567691	515924	Ia Toi	0,52	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4576	08	08	24	13							Không tên	Suối Ia Bolok	2,69	1566690	512648	Ia Toi	1566409	515015	Ia Toi	2,1	
4577	08	08	24	14							Không tên	Suối Ia Bolok	0,92	1565710	514404	Ia Toi	1565792	515278	Ia Toi	0,93	
4578	08	08	24	14	01						Không tên	Suối Ia Bolok	1,22	1565918	514103	Ia Toi	1565756	515210	Ia Toi	0,31	
4579	08	08	26_1								Không tên	Sông Sê San	1,55	1560931	516241	Ia Toi	1559669	516307	Ia Toi	1,11	
4580	08	08	26_2								Không tên	Sông Sê San	0,85	1557982	515976	Ia Toi	1557252	516365	Ia Toi	1,46	
4581	08	08	26_3								Không tên	Sông Sê San	0,64	1556194	515662	Ia Toi	1555594	515853	Ia Toi	0,36	
4582	08	08	26_4								Không tên	Sông Sê San	2,33	1554904	514678	Ia Toi	1556533	514363	Ia Toi	2,14	
4583	08	08	26_4	01							Không tên	Sê San	0,63	1556640	514891	Ia Toi	1556104	514618	Ia Toi	1,02	
4584	08	08	26_5								Không tên	Sông Sê San	0,73	1555055	513993	Ia Toi	1554341	514010	Ia Toi	0,49	
4585	08	08	26_6								Không tên	Sông Sê San	1,87	1555830	513537	Ia Toi	1555042	513013	Ia Toi	1,22	
4586	08	08	26_7								Không tên	Sông Sê San	1,21	1556188	513178	Ia Toi	1555462	512386	Ia Toi	1,24	
4587	08	08	26_8								Ia Mo Nang	Sông Sê San	7,98	1559787	508318	Ia Toi	1557288	510069	Ia Toi	29,25	
4588	08	08	26_8	01							Không tên	Ia Mo Nang	2,08	1557898	507164	Ia Toi	1558094	508736	Ia Toi	4,65	
4589	08	08	26_8	01	01						Không tên	Ia Mo Nang	0,55	1558616	507372	Ia Toi	1558220	507651	Ia Toi	0,37	
4590	08	08	26_8	01	02						Không tên	Ia Mo Nang	1,02	1556944	508640	Ia Toi	1557859	508243	Ia Toi	1,07	
4591	08	08	26_8	02							Không tên	Ia Mo Nang	0,89	1557400	508712	Ia Toi	1557717	509503	Ia Toi	1,31	
4592	08	08	26_8	03							Không tên	Ia Mo Nang	1,06	1556819	509237	Ia Toi	1557288	510069	Ia Toi	0,71	
4593	08	08	26_8	04							Không tên	Ia Mo Nang	2,33	1557288	510069	Ia Toi	1555686	509279	Ia Toi	2,37	
4594	08	08	26_8	05							Không tên	Ia Mo Nang	5,38	1561509	508493	Ia Toi	1557470	510319	Ia Toi	11,16	
4595	08	08	26_8	05	01						Không tên	Ia Mo Nang	1,03	1561630	508761	Ia Toi	1560757	509196	Ia Toi	0,51	
4596	08	08	26_8	05	02						Không tên	Ia Mo Nang	2,71	1560042	510071	Ia Toi	1561663	509022	Ia Toi	3,89	
4597	08	08	26_8	05	02	01					Không tên	Ia Mo Nang	0,57	1560688	510568	Ia Toi	1560235	510245	Ia Toi	0,39	
4598	08	08	26_8	05	03						Không tên	Ia Mo Nang	1,04	1560487	509254	Ia Toi	1559783	509960	Ia Toi	0,4	
4599	08	08	26_8	05	04						Không tên	Ia Mo Nang	2,57	1560956	508113	Ia Toi	1559588	509965	Ia Toi	1,66	
4600	08	08	26_8	05	05						Không tên	Ia Mo Nang	0,78	1559955	510605	Ia Toi	1559449	510079	Ia Toi	0,21	
4601	08	08	26_8	05	06						Không tên	Ia Mo Nang	0,84	1559554	510779	Ia Toi	1559414	510112	Ia Toi	0,37	
4602	08	08	26_8	05	07						Không tên	Ia Mo Nang	0,72	1559061	509367	Ia Toi	1559030	510004	Ia Toi	0,43	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4603	08	08	26_8	05	08						Không tên	Ia Mo Nang	0,71	1558954	510592	Ia Toi	1558852	510038	Ia Toi	0,58	
4604	08	08	26_8	05	09						Không tên	Ia Mo Nang	0,52	1558652	509604	Ia Toi	1558419	510041	Ia Toi	0,57	
4605	08	08	26_8	05	10						Không tên	Ia Mo Nang	0,94	1558310	510968	Ia Toi	1557779	510235	Ia Toi	0,69	
4606	08	08	26_8	06							Không tên	Ia Mo Nang	1,91	1558012	511350	Ia Toi	1556354	511177	Ia Toi	1,22	
4607	08	08	26_8	07							Không tên	Ia Mo Nang	2,33	1554813	510412	Ia Toi	1556144	511287	Ia Toi	1,99	
4608	08	08	26_8	07	01						Không tên	Ia Mo Nang	0,51	1555215	509881	Ia Toi	1555501	510287	Ia Toi	0,31	
4609	08	08	26_9								Không tên	Sông Sê San	1,34	1554938	511514	Ia Toi	1553767	511099	Ia Toi	1,38	
4610	08	08	26_9	01							Không tên	Sê San	0,72	1554821	510920	Ia Toi	1554333	511345	Ia Toi	0,37	
4611	08	08	26_9	02							Không tên	Sê San	0,81	1554478	510566	Ia Toi	1554119	511242	Ia Toi	0,41	
4612	08	08	26_10								Không tên	Sông Sê San	0,74	1554151	510450	Ia Toi	1553614	510870	Ia Toi	1,22	
4613	08	08	26_11								Không tên	Sông Sê San	2,94	1554257	509414	Ia Toi	1552058	510646	Ia Toi	1,32	
4614	08	08	26_12								Không tên	Sông Sê San	4,99	1550857	509285	Ia Toi	1554829	508718	Ia Toi	3,76	
4615	08	08	26_12	01							Không tên	Sê San	1,37	1552587	509633	Ia Toi	1551311	509588	Ia Toi	0,61	
4616	08	08	26_13								Ia Hiur	Sông Sê San	5,85	1555456	507103	Ia Toi	1550805	508938	Ia Toi	5,27	
4617	08	08	26_13	01							Không tên	Ia Hiur	0,61	1554703	507320	Ia Toi	1554229	507057	Ia Toi	0,34	
4618	08	08	26_13	02							Không tên	Ia Hiur	1,01	1554244	507822	Ia Toi	1553416	507330	Ia Toi	0,95	
4619	08	08	26_13	03							Không tên	Ia Hiur	0,59	1553460	507884	Ia Toi	1553176	507397	Ia Toi	0,34	
4620	08	08	26_13	04							Không tên	Ia Hiur	0,89	1552601	508491	Ia Toi	1551722	508541	Ia Toi	0,54	
4621	08	08	26_14								Không tên	Sông Sê San	1,23	1551480	508077	Ia Toi	1550527	507705	Ia Toi	1,46	
4622	08	08	26_15								Không tên	Sông Sê San	0,7	1550931	506459	Ia Toi	1550931	506459	Ia Toi	0,27	
4623	08	08	26_16								Không tên	Sông Sê San	0,36	1550796	505995	Ia Toi	1550796	505995	Ia Toi	0,16	
4624	08	08	26_17								Không tên	Sông Sê San	3,6	1551184	505566	Ia Toi	1553400	506854	Ia Toi	4,96	
4625	08	08	26_17	01							Không tên	Sê San	1,76	1554966	506396	Ia Toi	1553303	506163	Ia Toi	10,7	
4626	08	08	26_17	02							Không tên	Sê San	1,04	1552019	506688	Ia Toi	1551485	505891	Ia Toi	1,32	
4627	08	08	26								Suối Ia Ko Rin	Sông Sê San	14,64	1555365	512222	Ia Toi	1567600	507791	Đăk Plô	64	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4628	08	08	26	1_1							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,21	1566732	508131	Ia Toi	1567780	508625	Ia Toi	0,45	
4629	08	08	26	1_2							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,77	1566230	507641	Ia Toi	1566603	508229	Ia Toi	0,43	
4630	08	08	26	1_3							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,63	1565895	508096	Ia Toi	1565917	508722	Ia Toi	0,27	
4631	08	08	26	1_4							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,96	1565347	507911	Ia Toi	1565401	508828	Ia Toi	0,46	
4632	08	08	26	1_5							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,2	1565243	508981	Ia Toi	1566330	509172	Ia Toi	0,52	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4633	08	08	26	1_6							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,85	1565907	509425	Ia Toi	1565243	508981	Ia Toi	0,39	
4634	08	08	26	1_7							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,9	1564616	509246	Ia Toi	1565312	509718	Ia Toi	0,62	
4635	08	08	26	1_8							Không tên	Suối Ia Ko Rin	2,48	1564265	509361	Ia Toi	1566094	510871	Ia Toi	1,45	
4636	08	08	26	1_9							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1	1564230	508491	Ia Toi	1563897	509310	Ia Toi	1,18	
4637	08	08	26	1_10							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,47	1563057	508234	Ia Toi	1563485	509388	Ia Toi	0,9	
4638	08	08	26	1_11							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,65	1562798	509273	Ia Toi	1563343	509487	Ia Toi	0,47	
4639	08	08	26	1_12							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,11	1564342	509752	Ia Toi	1563300	509901	Ia Toi	0,2	
4640	08	08	26	1_13							Không tên	Suối Ia Ko Rin	2,92	1562383	510480	Ia Toi	1564678	511467	Ia Toi	4,8	
4641	08	08	26	1_13	01						Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,75	1562748	511231	Ia Toi	1564143	512173	Ia Toi	1,2	
4642	08	08	26	1_13	01	01					Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,99	1562739	512322	Ia Toi	1562882	511416	Ia Toi	1,06	
4643	08	08	26	1_14							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,01	1561733	511518	Ia Toi	1560884	511061	Ia Toi	0,96	
4644	08	08	26	1_15							Không tên	Suối Ia Ko Rin	0,95	1560868	512046	Ia Toi	1560286	511372	Ia Toi	0,53	
4645	08	08	26	01							Suối Ia Dor	Suối Ia Ko Rin	15,16	1566639	511350	Ia Toi	1556945	512718	Ia Toi	30,96	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4646	08	08	26	01	01						Không tên	Suối Ia Dor	0,71	1565577	512231	Ia Toi	1565736	512750	Ia Toi	0,54	
4647	08	08	26	01	02						Không tên	Suối Ia Dor	2,24	1564736	512460	Ia Toi	1565142	514348	Ia Toi	2,07	
4648	08	08	26	01	03						Không tên	Suối Ia Dor	0,8	1564399	515089	Ia Toi	1563648	514917	Ia Toi	0,49	
4649	08	08	26	01	04						Không tên	Suối Ia Dor	0,97	1562999	514047	Ia Toi	1562706	514909	Ia Toi	0,82	
4650	08	08	26	01	04	01					Không tên	Suối Ia Dor	0,56	1563316	514640	Ia Toi	1562810	514869	Ia Toi	0,37	
4651	08	08	26	01	05						Không tên	Suối Ia Dor	1,6	1561774	516251	Ia Toi	1561938	514732	Ia Toi	1,65	
4652	08	08	26	01	06						Không tên	Suối Ia Dor	1,29	1561326	515604	Ia Toi	1561588	514549	Ia Toi	0,73	
4653	08	08	26	01	07						Không tên	Suối Ia Dor	0,55	1560675	514946	Ia Toi	1560736	514562	Ia Toi	0,46	
4654	08	08	26	01	08						Không tên	Suối Ia Dor	2,06	1562142	513646	Ia Toi	1560369	514125	Ia Toi	1,67	
4655	08	08	26	01	09						Không tên	Suối Ia Dor	0,48	1559414	512674	Ia Toi	1559087	512958	Ia Toi	0,88	
4656	08	08	26	01	10						Không tên	Suối Ia Dor	1,08	1558851	513620	Ia Toi	1558445	512904	Ia Toi	0,91	
4657	08	08	26	01	10	01					Không tên	Suối Ia Dor	0,4	1558041	513593	Ia Toi	1558409	513493	Ia Toi	0,31	
4658	08	08	26	01	11						Không tên	Suối Ia Dor	4,48	1559603	515495	Ia Toi	1557234	512980	Ia Toi	5,95	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4659	08	08	26	01	11	01					Không tên	Suối Ia Dor	0,54	1560289	515468	Ia Toi	1559868	515262	Ia Toi	0,29	
4660	08	08	26	01	11	02					Không tên	Suối Ia Dor	0,84	1560330	514994	Ia Toi	1559531	514799	Ia Toi	0,77	
4661	08	08	26	01	11	03					Không tên	Suối Ia Dor	0,59	1559881	514504	Ia Toi	1559352	514640	Ia Toi	0,44	
4662	08	08	26	01	11	04					Không tên	Suối Ia Dor	0,64	1559052	514651	Ia Toi	1558954	515245	Ia Toi	0,46	
4663	08	08	26	01	11	05					Không tên	Suối Ia Dor	0,98	1558653	514381	Ia Toi	1558697	515264	Ia Toi	0,59	
4664	08	08	26	01	11	06					Không tên	Suối Ia Dor	0,62	1557845	514558	Ia Toi	1557931	513965	Ia Toi	0,28	
4665	08	08	26	01	11	07					Không tên	Suối Ia Dor	1,53	1557856	515120	Ia Toi	1557773	513954	Ia Toi	1,05	
4666	08	08	26	01	11	08					Không tên	Suối Ia Dor	0,92	1556951	514284	Ia Toi	1557541	513681	Ia Toi	0,4	
4667	08	08	26	01	11	09					Không tên	Suối Ia Dor	0,57	1556991	513860	Ia Toi	1557475	513584	Ia Toi	0,3	
4668	08	08	26	02							Không tên	Suối Ia Dor	0,7	1556813	512321	Ia Toi	1556263	512473	Ia Toi	0,33	
4669	08	08	26	03							Không tên	Suối Ia Ko Rin	1,5	1556221	512567	Ia Toi	1556618	513769	Ia Toi	1,13	
4670	08	08	28								Phụ lưu số 28	Sông Sê San	22,18	1550709	504779	Ia Toi	1569314	506905	Ia Toi	80,97	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4671	08	08	28	01							Không tên	Phụ lưu số 28	1,29	1568838	507637	Ia Toi	1568669	506409	Ia Toi	0,77	
4672	08	08	28	02							Không tên	Phụ lưu số 28	0,54	1568333	506345	Ia Toi	1568813	506112	Ia Toi	0,27	
4673	08	08	28	03							Không tên	Phụ lưu số 28	0,95	1567478	506076	Ia Toi	1567896	505241	Ia Toi	0,55	
4674	08	08	28	04							Không tên	Phụ lưu số 28	0,64	1566728	505768	Ia Toi	1567224	505429	Ia Toi	0,32	
4675	08	08	28	05							Không tên	Phụ lưu số 28	2,49	1567806	503989	Ia Toi	1566558	505851	Ia Toi	1,8	
4676	08	08	28	06							Không tên	Phụ lưu số 28	0,55	1566689	506365	Ia Toi	1566558	505851	Ia Toi	0,46	
4677	08	08	28	07							Không tên	Phụ lưu số 28	1,96	1566006	505773	Ia Toi	1565442	507436	Ia Toi	1,5	
4678	08	08	28	07	01						Không tên	Phụ lưu số 28	0,66	1566024	506516	Ia Toi	1565939	505926	Ia Toi	0,31	
4679	08	08	28	08							Không tên	Phụ lưu số 28	0,7	1565682	504773	Ia Toi	1565647	505426	Ia Toi	1,46	
4680	08	08	28	08	01						Không tên	Phụ lưu số 28	1,61	1566705	504402	Ia Toi	1565630	505315	Ia Toi	1,21	
4681	08	08	28	09							Không tên	Phụ lưu số 28	4,5	1565351	501766	Ia Toi	1565111	505555	Ia Toi	7,56	
4682	08	08	28	09	01						Không tên	Phụ lưu số 28	0,81	1564422	502523	Ia Toi	1565221	502441	Ia Toi	0,43	
4683	08	08	28	09	02						Không tên	Phụ lưu số 28	1,07	1566177	502703	Ia Toi	1565287	503157	Ia Toi	0,63	
4684	08	08	28	09	03						Không tên	Phụ lưu số 28	0,8	1566068	503422	Ia Toi	1565615	504022	Ia Toi	0,31	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4685	08	08	28	09	04						Suối ia ươu	Phụ lưu số 28	2,06	1567231	503582	Ia Tơi	1565399	504429	Ia Tơi	2,01	
4686	08	08	28	09	04	01					Không tên	Suối ia ươu	0,72	1566265	503436	Ia Tơi	1566097	504102	Ia Tơi	0,52	
4687	08	08	28	10							Không tên	Phụ lưu số 28	0,67	1565367	506216	Ia Tơi	1565036	505645	Ia Tơi	0,24	
4688	08	08	28	11							Không tên	Phụ lưu số 28	2,36	1563539	505666	Ia Tơi	1564742	507338	Ia Tơi	2,44	
4689	08	08	28	11	01						Không tên	Phụ lưu số 28	0,8	1564613	507602	Ia Tơi	1564074	507136	Ia Tơi	0,78	
4690	08	08	28	12							Không tên	Phụ lưu số 28	0,95	1563332	504934	Ia Tơi	1562658	505562	Ia Tơi	0,53	
4691	08	08	28	13							Không tên	Phụ lưu số 28	1,12	1563204	506551	Ia Tơi	1562800	505709	Ia Tơi	0,67	
4692	08	08	28	14							Không tên	Phụ lưu số 28	3,13	1563270	503582	Ia Tơi	1561831	505411	Ia Tơi	4,08	
4693	08	08	28	15							Không tên	Phụ lưu số 28	0,59	1562092	505958	Ia Tơi	1561651	505751	Ia Tơi	0,51	
4694	08	08	28	16							Không tên	Phụ lưu số 28	3,93	1559875	505905	Ia Tơi	1562705	508050	Ia Tơi	4,68	
4695	08	08	28	16	01						Không tên	Phụ lưu số 28	1,81	1558821	506823	Ia Tơi	1560019	506177	Ia Tơi	1,85	
4696	08	08	28	16	01	01					Không tên	Phụ lưu số 28	0,6	1559475	507302	Ia Tơi	1559726	506837	Ia Tơi	0,33	
4697	08	08	28	17							Không tên	Phụ lưu số 28	1,27	1559893	504481	Ia Tơi	1559166	505357	Ia Tơi	0,51	
4698	08	08	28	18							Không tên	Phụ lưu số 28	6,85	1560316	502762	Ia Tơi	1558416	505424	Ia Tơi	14,01	
4699	08	08	28	18	01						Không tên	Phụ lưu số 28	0,66	1560568	502234	Ia Tơi	1560315	502762	Ia Tơi	0,56	
4700	08	08	28	18	02						Không tên	Phụ lưu số 28	1,48	1561551	502289	Ia Tơi	1560293	502973	Ia Tơi	0,57	
4701	08	08	28	18	03						Không tên	Phụ lưu số 28	0,54	1560273	503498	Ia Tơi	1559827	503796	Ia Tơi	0,39	
4702	08	08	28	18	04						Không tên	Phụ lưu số 28	4,38	1560438	503809	Ia Tơi	1560438	503809	Ia Tơi	3,79	
4703	08	08	28	18	05						Không tên	Phụ lưu số 28	1,65	1559013	503657	Ia Tơi	1558950	504899	Ia Tơi	2,4	
4704	08	08	28	18	05	01					Không tên	Phụ lưu số 28	1,05	1559578	503376	Ia Tơi	1559263	504265	Ia Tơi	0,64	
4705	08	08	28	18	05	02					Không tên	Phụ lưu số 28	1,73	1557993	503571	Ia Tơi	1558920	504685	Ia Tơi	1,3	
4706	08	08	28	19							Không tên	Phụ lưu số 28	0,85	1558210	506298	Ia Tơi	1558505	505531	Ia Tơi	0,67	
4707	08	08	28	20							Không tên	Phụ lưu số 28	1,58	1557465	506618	Ia Tơi	1558158	505417	Ia Tơi	0,94	
4708	08	08	28	21							Không tên	Phụ lưu số 28	0,82	1557913	504552	Ia Tơi	1557892	505346	Ia Tơi	0,4	
4709	08	08	28	22							Không tên	Phụ lưu số 28	1,31	1556207	506371	Ia Tơi	1555768	505190	Ia Tơi	0,63	
4710	08	08	28	23							Không tên	Phụ lưu số 28	0,55	1555735	504655	Ia Tơi	1555717	505146	Ia Tơi	0,31	
4711	08	08	28	24							Không tên	Phụ lưu số 28	1,09	1554786	504044	Ia Tơi	1554948	505060	Ia Tơi	0,55	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4712	08	08	28	25							Không tên	Phụ lưu số 28	0,45	1554301	504527	Ia Toi	1554201	504966	Ia Toi	0,21	
4713	08	08	28	26							Không tên	Phụ lưu số 28	1,63	1555575	505933	Ia Toi	1554211	505260	Ia Toi	1,38	
4714	08	08	28	27							Không tên	Phụ lưu số 28	0,92	1553670	504582	Ia Toi	1553248	504922	Ia Toi	0,34	
4715	08	08	28	28							Không tên	Phụ lưu số 28	0,5	1553069	505375	Ia Toi	1553021	504888	Ia Toi	0,15	
4716	08	08	28	29							Không tên	Phụ lưu số 28	0,74	1552818	504203	Ia Toi	1552644	504865	Ia Toi	0,38	
4717	08	08	28	30							Không tên	Phụ lưu số 28	1,01	1552185	503985	Ia Toi	1552306	504844	Ia Toi	0,52	
4718	08	08	28	31							Không tên	Phụ lưu số 28	0,98	1551327	503996	Ia Toi	1550827	504706	Ia Toi	0,44	
4719	08	08	31_1								Không tên	Sông Sê San	1,44	1550885	503912	Ia Toi	1549589	503914	Ia Toi	0,51	
4720	08	08	31_2								Không tên	Sông Sê San	3,13	1549925	503072	Ia Toi	1552230	503474	Ia Toi	2,47	
4721	08	08	31_2	01							Không tên	Sê San	0,79	1551784	503559	Ia Toi	1551345	503211	Ia Toi	0,43	
4722	08	08	31_2	02							Không tên	Sê San	0,87	1551006	502741	Ia Toi	1550205	502961	Ia Toi	0,53	
4723	08	08	31_2	02	01						Không tên	Sê San	0,56	1550498	502397	Ia Toi	1550376	502894	Ia Toi	0,19	
4724	08	08	31_3								Không tên	Sông Sê San	1,22	1549099	500841	Ia Toi	1549364	501986	Ia Toi	1,08	
4725	08	08	31_4								Không tên	Sông Sê San	1,31	1548191	501114	Ia Toi	1547992	502261	Ia Toi	1,05	
4726	08	08	31_5								Không tên	Sông Sê San	0,94	1547111	501945	Ia Toi	1546520	501502	Ia Toi	1,3	
4727	08	08	31_5	01							Không tên	Sê San	0,69	1547271	501612	Ia Toi	1546618	501595	Ia Toi	0,93	
4728	08	08	31_6								Không tên	Sông Sê San	1,01	1547509	501218	Ia Toi	1546565	501280	Ia Toi	1,1	
4729	08	08	31_7								Không tên	Sông Sê San	1,94	1547287	500146	Ia Toi	1545434	500000	Ia Toi	1,42	
4730	08	08	31_7	01							Không tên	Sê San	0,42	1546451	499718	Ia Toi	1546187	500000	Ia Toi	0,27	
4731	08	08	31_8								Ia Lay	Sông Sê San	3,78	1547223	498634	Ia Toi	1544321	498691	Ia Toi	6,09	
4732	08	08	31_8	01							Không tên	Ia Lay	1,36	1546215	498078	Ia Toi	1546996	499031	Ia Toi	2,6	
4733	08	08	31_9								Không tên	Sông Sê San	2,61	1546265	496856	Ia Toi	1543879	497096	Ia Toi	3,8	
4734	08	08	31								Phụ lưu số 31	Sông Sê San	10,03	1557381	502077	Ia Toi	1549672	502044	Ia Toi	36,33	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4735	08	08	31	01							Không tên	Phụ lưu số 31	1,38	1556035	501549	Ia Toi	1557388	501701	Ia Toi	0,55	
4736	08	08	31	01	01						Không tên	Phụ lưu số 31	1,32	1557457	501121	Ia Toi	1556351	500679	Ia Toi	0,43	
4737	08	08	31	02							Không tên	Phụ lưu số 31	1,6	1555999	500880	Ia Toi	1557409	501477	Ia Toi	0,59	
4738	08	08	31	03							Không tên	Phụ lưu số 31	1,58	1557442	500570	Ia Toi	1555906	500713	Ia Toi	0,94	
4739	08	08	31	04							Không tên	Phụ lưu số 31	0,89	1556510	500132	Ia Toi	1555906	500713	Ia Toi	0,45	
4740	08	08	31	05							Không tên	Phụ lưu số 31	3,81	1553838	500892	Ia Toi	1556381	502508	Ia Toi	4,27	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4741	08	08	31	05	01						Không tên	Phụ lưu số 31	1,16	1555706	501953	Ia Toi	1554622	502295	Ia Toi	0,85	
4742	08	08	31	06							Không tên	Phụ lưu số 31	3,36	1556049	499329	Ia Toi	1553329	501034	Ia Toi	3,98	
4743	08	08	31	06	01						Không tên	Phụ lưu số 31	1,22	1554205	500000	Ia Toi	1554211	500000	Ia Toi	0,58	
4744	08	08	31	07							Không tên	Phụ lưu số 31	1,83	1552864	499517	Ia Toi	1552422	500968	Ia Toi	1,63	
4745	08	08	31	08							Không tên	Phụ lưu số 31	3,49	1552056	501256	Ia Toi	1553842	502746	Ia Toi	4,35	
4746	08	08	31	08	01						Không tên	Phụ lưu số 31	1,29	1552830	503451	Ia Toi	1552784	502536	Ia Toi	1,09	
4747	08	08	31	09							Không tên	Phụ lưu số 31	1,09	1552056	501256	Ia Toi	1551895	500268	Ia Toi	0,64	
4748	08	08	31	10							Không tên	Phụ lưu số 31	0,88	1552315	502236	Ia Toi	1551823	501567	Ia Toi	0,67	
4749	08	08	31	11							Không tên	Phụ lưu số 31	3,88	1551963	499903	Ia Toi	1549960	501700	Ia Toi	8,7	
4750	08	08	31	11	01						Không tên	Phụ lưu số 31	0,32	1551432	499776	Ia Toi	1551518	500078	Ia Toi	0,16	
4751	08	08	31	11	02						Không tên	Phụ lưu số 31	1,59	1550443	498942	Ia Toi	1550623	500039	Ia Toi	3,12	
4752	08	08	31	11	03						Không tên	Phụ lưu số 31	1,48	1549972	499573	Ia Toi	1550542	500304	Ia Toi	2,2	
4753	08	08	31	11	03	01					Không tên	Phụ lưu số 31	1,17	1547685	500166	Ia Toi	1548805	500026	Ia Toi	1,2	
4754	08	08	31	11	03	02					Không tên	Phụ lưu số 31	0,56	1549623	500202	Ia Toi	1550077	500268	Ia Toi	0,32	
4755	08	08	31	11	04						Không tên	Phụ lưu số 31	0,83	1551266	500392	Ia Toi	1550492	500466	Ia Toi	1,82	
4756	08	08	31	11	05						Không tên	Phụ lưu số 31	1,4	1551565	500446	Ia Toi	1550409	501021	Ia Toi	0,81	
4757	08	08	34								Sông Sa Thầy	Sông Sê San	115	1616616	523668	Sa Loong	1539517	495402	Ia Toi	1471	Quyết định 205/QĐ-TTg Sông xuyên biên giới; Tên khác: Sông Đăk Hơ Drai
4758	08	08	34	1_1							Không tên	Sông Sa Thầy	0,63	1616841	522811	Sa Loong	1616678	522211	Sa Loong	0,32	
4759	08	08	34	1_2							Không tên	Sông Sa Thầy	1,05	1617120	521432	Sa Loong	1617646	522314	Sa Loong	0,68	
4760	08	08	34	1_3							Không tên	Sông Sa Thầy	1,37	1616137	521529	Sa Loong	1616800	520413	Sa Loong	0,8	
4761	08	08	34	1_4							Không tên	Sông Sa Thầy	1,09	1616343	519843	Sa Loong	1617342	519681	Sa Loong	1,01	
4762	08	08	34	1_5							Không tên	Sông Sa Thầy	1,01	1616831	519102	Sa Loong	1615979	519615	Sa Loong	0,48	
4763	08	08	34	1_6							Suối Đăk Kan	Sông Sa Thầy	5,01	1613197	522495	Sa Loong	1615491	519399	Sa Loong	7,27	
4764	08	08	34	1_6	01						Không tên	Suối Đăk Kan	0,63	1613810	523044	Sa Loong	1614205	522679	Sa Loong	0,42	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4765	08	08	34	1_6	02						Không tên	Suối Đăk Kan	0,85	1613535	522221	Sa Loong	1614317	522499	Sa Loong	0,52	
4766	08	08	34	1_6	03						Không tên	Suối Đăk Kan	0,79	1613918	521856	Sa Loong	1614385	522402	Sa Loong	0,32	
4767	08	08	34	1_6	04						Không tên	Suối Đăk Kan	0,65	1614915	522757	Sa Loong	1614419	522369	Sa Loong	0,34	
4768	08	08	34	1_6	05						Không tên	Suối Đăk Kan	1,03	1615545	522414	Sa Loong	1614638	521983	Sa Loong	0,62	
4769	08	08	34	1_6	06						Không tên	Suối Đăk Kan	1,23	1615888	521944	Sa Loong	1614837	521448	Sa Loong	0,73	
4770	08	08	34	1_6	07						Không tên	Suối Đăk Kan	0,83	1615797	521159	Sa Loong	1614984	521017	Sa Loong	0,44	
4771	08	08	34	1_6	08						Không tên	Suối Đăk Kan	1,55	1613605	521478	Sa Loong	1614926	520765	Sa Loong	0,88	
4772	08	08	34	1_6	09						Không tên	Suối Đăk Kan	0,8	1615861	520818	Sa Loong	1615335	520270	Sa Loong	0,63	
4773	08	08	34	1_7							Đăk Klong	Sông Sa Thầy	2,28	1616551	517722	Sa Loong	1615430	519309	Sa Loong	3,22	
4774	08	08	34	1_7	01						Không tên	Đăk Klong	0,53	1616829	517871	Sa Loong	1616468	518244	Sa Loong	0,29	
4775	08	08	34	1_7	02						Đăk Jri	Đăk Klong	2,06	1615691	516840	Sa Loong	1616124	518665	Sa Loong	1,76	
4776	08	08	34	1_8							Không tên	Sông Sa Thầy	0,71	1615419	518905	Sa Loong	1614896	519360	Sa Loong	0,61	
4777	08	08	34	1_9							Không tên	Sông Sa Thầy	1,66	1615362	517844	Sa Loong	1614720	519335	Sa Loong	1,57	
4778	08	08	34	1_10							Không tên	Sông Sa Thầy	1,01	1614283	520017	Sa Loong	1614700	519339	Sa Loong	0,81	
4779	08	08	34	1_11							Không tên	Sông Sa Thầy	0,96	1614648	518376	Sa Loong	1613962	519006	Sa Loong	0,46	
4780	08	08	34	1_12							Không tên	Sông Sa Thầy	1,84	1614024	520646	Sa Loong	1613566	519035	Sa Loong	1,19	
4781	08	08	34	1_13							Không tên	Sông Sa Thầy	1,33	1613316	519004	Sa Loong	1613168	520221	Sa Loong	0,94	
4782	08	08	34	1_14							Không tên	Sông Sa Thầy	2,68	1612860	518802	Rờ Koi	1613072	520855	Rờ Koi	1,83	
4783	08	08	34	1_14	01						Không tên	Sông Sa Thầy	1,28	1612286	519589	Rờ Koi	1612358	520619	Rờ Koi	0,51	
4784	08	08	34	1_15							Đăk Lareo	Sông Sa Thầy	5,15	1613429	515851	Sa Loong	1612045	518545	Rờ Koi	6,11	
4785	08	08	34	1_15	01						Không tên	Đăk Lareo	0,94	1613236	515167	Sa Loong	1612755	515417	Sa Loong	0,44	
4786	08	08	34	1_15	02						Không tên	Đăk Lareo	1,04	1612034	514985	Sa Loong	1612747	515438	Sa Loong	0,67	
4787	08	08	34	1_15	03						Đăk La Mo	Đăk Lareo	0,73	1611436	516153	Sa Loong	1612065	516395	Sa Loong	0,77	
4788	08	08	34	1_16							Không tên	Sông Sa Thầy	1,32	1611926	519634	Rờ Koi	1611835	518425	Rờ Koi	0,69	
4789	08	08	34	1_17							Không tên	Sông Sa Thầy	1,5	1611356	518349	Rờ Koi	1610882	519441	Rờ Koi	0,9	
4790	08	08	34	1_17	01						Không tên	Sông Sa Thầy	0,73	1611304	518585	Rờ Koi	1611427	519275	Rờ Koi	0,37	
4791	08	08	34	1_18							Không tên	Sông Sa Thầy	0,5	1611829	518215	Sa Loong	1611355	518074	Sa Loong	0,31	
4792	08	08	34	1_19							Không tên	Sông Sa Thầy	0,73	1611174	517047	Sa Loong	1610681	517539	Rờ Koi	0,51	
4793	08	08	34	1_20							Đăk Nay	Sông Sa Thầy	1	1610524	516685	Sa Loong	1609764	517141	Rờ Koi	0,6	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4794	08	08	34	1_21							Đăk Hơ Draï	Sông Sa Thầy	1,88	1609452	517366	Rờ Koi	1610569	518540	Rờ Koi	2,3	
4795	08	08	34	1_21	01						Không tên	Đăk Hơ Draï	1,05	1610210	517907	Rờ Koi	1609810	518823	Rờ Koi	0,94	
4796	08	08	34	1_22							Không tên	Sông Sa Thầy	0,78	1609622	516776	Sa Loong	1609053	517239	Rờ Koi	0,44	
4797	08	08	34	1_23							Không tên	Sông Sa Thầy	1,1	1609123	517262	Rờ Koi	1609190	518186	Rờ Koi	0,68	
4798	08	08	34	1_24							Không tên	Sông Sa Thầy	0,7	1608634	517741	Rờ Koi	1608691	517075	Rờ Koi	0,37	
4799	08	08	34	1_25							Không tên	Sông Sa Thầy	1,33	1608138	518066	Rờ Koi	1608136	517052	Rờ Koi	0,56	
4800	08	08	34	1_26							Đăk Koi	Sông Sa Thầy	5,98	1607331	516230	Sa Loong	1609692	515703	Sa Loong	8,08	
4801	08	08	34	1_26	02						Không tên	Đăk Koi	1,43	1610953	514640	Sa Loong	1609629	515031	Sa Loong	1,62	
4802	08	08	34	1_26	02	01					Không tên	Đăk Koi	0,89	1610717	514245	Sa Loong	1610065	514838	Sa Loong	0,48	
4803	08	08	34	1_26	03						Đăk Ken	Đăk Koi	1,39	1610927	515271	Sa Loong	1609675	515592	Sa Loong	0,69	
4804	08	08	34	1_26	04						Không tên	Đăk Koi	0,79	1610448	515792	Sa Loong	1609692	515703	Sa Loong	0,34	
4805	08	08	34	1_26	05						Không tên	Đăk Koi	0,65	1610179	516002	Sa Loong	1609571	516108	Sa Loong	0,29	
4806	08	08	34	1_27							Không tên	Sông Sa Thầy	2,08	1609045	515233	Sa Loong	1607278	516011	Sa Loong	2,31	
4807	08	08	34	01							Sông Đăk Rơ Mao	Sông Sa Thầy	12,95	1612470	522897	Rờ Koi	1606696	516120	Rờ Koi	34,56	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4808	08	08	34	01	01						Không tên	Sông Sa Thầy	0,88	1611921	522506	Rờ Koi	1612704	522680	Rờ Koi	0,53	
4809	08	08	34	01	02						Không tên	Sông Sa Thầy	0,91	1612812	522057	Rờ Koi	1611969	522060	Rờ Koi	0,47	
4810	08	08	34	01	03						Không tên	Sông Sa Thầy	0,97	1611534	522719	Rờ Koi	1611970	522008	Rờ Koi	0,49	
4811	08	08	34	01	04						Không tên	Sông Sa Thầy	0,82	1612803	521715	Rờ Koi	1612064	521747	Rờ Koi	0,37	
4812	08	08	34	01	05						Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,66	1612757	521481	Rờ Koi	1612111	521566	Rờ Koi	0,26	
4813	08	08	34	01	06						Không tên	Sông Sa Thầy	1,17	1612811	521201	Rờ Koi	1611790	520940	Rờ Koi	0,83	
4814	08	08	34	01	07						Không tên	Sông Sa Thầy	0,72	1611215	520511	Rờ Koi	1611136	521172	Rờ Koi	0,45	
4815	08	08	34	01	08						Không tên	Sông Sa Thầy	1	1611793	519889	Rờ Koi	1611039	520332	Rờ Koi	0,54	
4816	08	08	34	01	09						Không tên	Sông Sa Thầy	0,89	1611214	519490	Rờ Koi	1610700	520170	Rờ Koi	0,42	
4817	08	08	34	01	10						Không tên	Sông Sa Thầy	3,26	1611088	522101	Rờ Koi	1611088	522101	Rờ Koi	6,1	
4818	08	08	34	01	10	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,82	1611076	522844	Rờ Koi	1611088	522101	Rờ Koi	0,76	
4819	08	08	34	01	10	01	01				Không tên	Sông Sa Thầy	0,66	1610498	522547	Rờ Koi	1610993	522174	Rờ Koi	0,42	
4820	08	08	34	01	10	02					Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,54	1610733	521405	Rờ Koi	1611255	521300	Rờ Koi	0,21	
4821	08	08	34	01	10	03					Không tên	Sông Sa Thầy	0,59	1610579	521363	Rờ Koi	1610633	521942	Rờ Koi	0,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4822	08	08	34	01	10	04					Không tên	Sông Sa Thầy	2,99	1610439	520944	Rờ Koi	1608476	522166	Rờ Koi	3,69	
4823	08	08	34	01	10	04	01				Không tên	Sông Sa Thầy	0,67	1609227	522014	Rờ Koi	1608959	522591	Rờ Koi	0,31	
4824	08	08	34	01	10	04	02				Không tên	Sông Sa Thầy	1,23	1609302	521986	Rờ Koi	1609550	523088	Rờ Koi	0,68	
4825	08	08	34	01	10	04	03				Không tên	Sông Sa Thầy	1,3	1608341	521377	Rờ Koi	1609431	521823	Rờ Koi	0,73	
4826	08	08	34	01	10	04	04				Không tên	Sông Sa Thầy	1,9	1609571	521784	Rờ Koi	1610744	523001	Rờ Koi	1,04	
4827	08	08	34	01	10	04	04	01			Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,66	1610426	522306	Rờ Koi	1609936	522074	Rờ Koi	0,37	
4828	08	08	34	01	10	04	05				Không tên	Sông Sa Thầy	1	1610197	521206	Rờ Koi	1610439	521933	Rờ Koi	0,69	
4829	08	08	34	01	10	05					Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,6	1610380	520623	Rờ Koi	1610925	520627	Rờ Koi	0,33	
4830	08	08	34	01	11						Không tên	Sông Sa Thầy	1,74	1610073	519905	Rờ Koi	1609143	521203	Rờ Koi	0,94	
4831	08	08	34	01	11	01					Không tên	Sông Sa Thầy	1,25	1608861	520952	Rờ Koi	1609865	520318	Rờ Koi	0,51	
4832	08	08	34	01	12						Không tên	Sông Sa Thầy	1,17	1608899	520736	Rờ Koi	1609202	519677	Rờ Koi	0,51	
4833	08	08	34	01	13						Không tên	Sông Sa Thầy	0,73	1608625	519968	Rờ Koi	1608321	519371	Rờ Koi	0,43	
4834	08	08	34	01	14						Không tên	Sông Sa Thầy	1,23	1609324	518907	Rờ Koi	1608286	519340	Rờ Koi	0,73	
4835	08	08	34	01	15						Không tên	Sông Sa Thầy	1,56	1608149	519269	Rờ Koi	1607430	520565	Rờ Koi	2	
4836	08	08	34	01	15	01					Không tên	Sông Sa Thầy	1,51	1608449	521179	Rờ Koi	1607836	520096	Rờ Koi	0,91	
4837	08	08	34	01	16						Không tên	Sông Sa Thầy	0,78	1607123	519649	Rờ Koi	1607650	519155	Rờ Koi	0,46	
4838	08	08	34	01	17						Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,6	1608090	518685	Rờ Koi	1607539	518794	Rờ Koi	0,59	
4839	08	08	34	01	18						Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,59	1607548	518466	Rờ Koi	1607051	518668	Rờ Koi	0,46	
4840	08	08	34	01	19						Không tên	Sông Sa Thầy	6,57	1603518	521168	Rờ Koi	1603518	521168	Rờ Koi	11,17	
4841	08	08	34	01	19	01					Không tên	Sông Sa Thầy	1,03	1605593	520627	Rờ Koi	1605038	521385	Rờ Koi	0,91	
4842	08	08	34	01	19	02					Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,68	1605512	520181	Rờ Koi	1606009	519746	Rờ Koi	0,41	
4843	08	08	34	01	19	03					Không tên	Sông Sa Thầy	1,48	1606187	519972	Rờ Koi	1606630	518785	Rờ Koi	0,89	
4844	08	08	34	01	20						Không tên	Sông Sa Thầy	2,36	1606673	518020	Rờ Koi	1604846	519043	Rờ Koi	2,9	
4845	08	08	34	01	20	01					Khe cạn	Sông Sa Thầy	0,63	1605436	519014	Rờ Koi	1604998	519400	Rờ Koi	0,31	
4846	08	08	34	01	20	02					Không tên	Sông Sa Thầy	0,92	1605275	518779	Rờ Koi	1606015	518622	Rờ Koi	0,66	
4847	08	08	34	01	20	03					Không tên	Sông Sa Thầy	2,08	1604888	519953	Rờ Koi	1606117	518625	Rờ Koi	1,34	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4848	08	08	34	01	20	03	01				Không tên	Sông Sa Thầy	1,23	1605152	519484	Rờ Koi	1606121	518818	Rờ Koi	0,66	
4849	08	08	34	01	21						Không tên	Sông Sa Thầy	2,54	1604587	518861	Rờ Koi	1606692	517953	Rờ Koi	1,15	
4850	08	08	34	01	22						Không tên	Sông Sa Thầy	1,14	1607648	518173	Rờ Koi	1606742	517851	Rờ Koi	0,82	
4851	08	08	34	01	23						Không tên	Sông Sa Thầy	0,79	1607238	517409	Rờ Koi	1607764	517967	Rờ Koi	0,78	
4852	08	08	34	01	24						Không tên	Sông Sa Thầy	1,05	1606834	516245	Rờ Koi	1606622	517208	Rờ Koi	0,8	
4853	08	08	34	2_1							Đăk Kan	Sông Sa Thầy	2,9	1607382	513604	Sa Loong	1605958	515508	Rờ Koi	1,16	
4854	08	08	34	2_1	01						Không tên	Đăk Kan	0,83	1606996	514716	Rờ Koi	1606439	515222	Rờ Koi	0,34	
4855	08	08	34	2_2							Không tên	Sa Thầy	4,87	1605681	515487	Rờ Koi	1603662	517566	Rờ Koi	5,37	
4856	08	08	34	2_2	01						Không tên	Sa Thầy	0,69	1603635	517946	Rờ Koi	1604272	517731	Rờ Koi	0,64	
4857	08	08	34	2_2	02						Không tên	Sa Thầy	0,83	1604453	517772	Rờ Koi	1604089	518498	Rờ Koi	0,71	
4858	08	08	34	2_2	03						Không tên	Sa Thầy	1,09	1604760	517731	Rờ Koi	1604371	518741	Rờ Koi	0,45	
4859	08	08	34	2_2	04						Không tên	Sa Thầy	1,31	1604224	517446	Rờ Koi	1605388	517611	Rờ Koi	1,02	
4860	08	08	34	2_2	05						Không tên	Sa Thầy	1,61	1605894	517460	Rờ Koi	1604852	518495	Rờ Koi	0,5	
4861	08	08	34	2_2	06						Không tên	Sông Đăk Rơ Kay	0,94	1605115	517225	Rờ Koi	1606036	517093	Rờ Koi	0,61	
4862	08	08	34	2_2	07						Đăk Tao	Sa Thầy	2,87	1605848	515699	Rờ Koi	1604045	517096	Rờ Koi	3,4	
4863	08	08	34	2_2	07	01					Không tên	Sa Thầy	0,72	1603963	516563	Rờ Koi	1604578	516688	Rờ Koi	0,56	
4864	08	08	34	2_2	07	02					Không tên	Sa Thầy	0,86	1605814	516043	Rờ Koi	1605682	516714	Rờ Koi	0,98	
4865	08	08	34	2_2	07	03					Không tên	Sông Sa Thầy	1,17	1604639	516069	Rờ Koi	1605694	515867	Rờ Koi	1,37	
4866	08	08	34	2_3							Không tên	Sa Thầy	1,17	1606445	514832	Rờ Koi	1605378	514898	Rờ Koi	1,24	
4867	08	08	34	2_4							Không tên	Sa Thầy	2,02	1607063	514251	Rờ Koi	1605259	514685	Rờ Koi	1,34	
4868	08	08	34	2_4	01						Không tên	Sa Thầy	0,88	1606480	513948	Rờ Koi	1605938	514555	Rờ Koi	0,42	
4869	08	08	34	2_5							Không tên	Sa Thầy	1,67	1604499	514160	Rờ Koi	1603997	515601	Rờ Koi	0,89	
4870	08	08	34	2_6							Không tên	Sa Thầy	3,58	1606926	513056	Rờ Koi	1604315	513636	Rờ Koi	3,86	
4871	08	08	34	2_6	01						Không tên	Sa Thầy	0,75	1605776	513154	Rờ Koi	1605555	513859	Rờ Koi	0,64	
4872	08	08	34	2_6	02						Không tên	Sa Thầy	0,99	1605032	513575	Rờ Koi	1604687	514115	Rờ Koi	0,76	
4873	08	08	34	2_7							Không tên	Sa Thầy	0,94	1604179	513540	Rờ Koi	1603634	514236	Rờ Koi	0,59	
4874	08	08	34	2_8							Không tên	Sa Thầy	3,09	1602760	512065	Rờ Koi	1602335	514417	Rờ Koi	2,9	
4875	08	08	34	2_9							Không tên	Sa Thầy	1,89	1603337	510554	Rờ Koi	1602619	511981	Rờ Koi	2,14	
4876	08	08	34	2_10							Đăk Rotil	Sông Sa Thầy	9,02	1599027	511038	Rờ Koi	1602514	515926	Rờ Koi	26	
4877	08	08	34	2_10	01						Không tên	Đăk Rotil	0,83	1602631	514914	Rờ Koi	1603203	515379	Rờ Koi	0,61	
4878	08	08	34	2_10	02						Không tên	Đăk Rotil	0,87	1602262	515612	Rờ Koi	1601931	514843	Rờ Koi	0,42	
4879	08	08	34	2_10	03						Không tên	Đăk Rotil	1,27	1601925	515926	Rờ Koi	1601681	514767	Rờ Koi	1,45	
4880	08	08	34	2_10	04						Không tên	Đăk Rotil	2,19	1601160	514506	Rờ Koi	1600572	516320	Rờ Koi	2,2	
4881	08	08	34	2_10	05						Không tên	Đăk Rotil	2,4	1600712	514166	Rờ Koi	1599439	516002	Rờ Koi	2,14	
4882	08	08	34	2_10	05	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,77	1600108	514640	Rờ Koi	1600658	514260	Rờ Koi	0,56	
4883	08	08	34	2_10	06						Không tên	Đăk Rotil	1,42	1600731	513378	Rờ Koi	1601715	514218	Rờ Koi	0,85	
4884	08	08	34	2_10	07						Không tên	Đăk Rotil	1,66	1600686	513063	Rờ Koi	1599472	513531	Rờ Koi	0,7	
4885	08	08	34	02							Sông Đăk Rơ Kay	Sông Sa Thầy	24,37	1598578	510324	Sa Loong	1613451	503910	Rờ Koi	102,5	Quyết định 605/QĐ-BNNMT Tên khác: Sông Đăk Rơ Koy

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4886	08	08	34	02	01						Đăk Rơ Koy	Đăk Rơ Kay	4,19	1613381	502116	Sa Loong	1610153	503476	Sa Loong	1,66	
4887	08	08	34	02	01	01					Không tên	Đăk Rơ Koy	0,73	1611710	502745	Sa Loong	1612303	503096	Sa Loong	0,65	
4888	08	08	34	02	02						Không tên	Đăk Rơ Kay	1,36	1601994	506244	Rờ Koi	1602580	506471	Rờ Koi	1,45	
4889	08	08	34	02	03						Không tên	Đăk Rơ Kay	1,04	1601153	507257	Rờ Koi	1602149	507316	Rờ Koi	2,88	
4890	08	08	34	02	03	01					Không tên	Đăk Rơ Kay	1,26	1601134	506653	Rờ Koi	1601861	507292	Rờ Koi	1,56	
4891	08	08	34	02	04						Không tên	Sông Đăk Rơ Kay	1,33	1603489	507606	Rờ Koi	1602603	507921	Rờ Koi	1,22	
4892	08	08	34	02	05						Đăk Rơ Nan	Đăk Rơ Kay	7,68	1602127	508610	Sa Loong	1607482	510163	Rờ Koi	24,69	
4893	08	08	34	02	05	01					Không tên	Đăk Rơ Nan	1,26	1605865	508833	Sa Loong	1606814	508876	Sa Loong	0,164	
4894	08	08	34	02	05	02					Không tên	Đăk Rơ Nan	1,02	1606001	508042	Sa Loong	1605757	508873	Sa Loong	2,47	
4895	08	08	34	02	05	03					Khe cạn	Đăk Rơ Kay	0,67	1604528	508910	Rờ Koi	1604656	508306	Rờ Koi	0,46	
4896	08	08	34	02	06						Không tên	Đăk Rơ Kay	1,4	1600397	507429	Rờ Koi	1600773	508558	Rờ Koi	2,13	
4897	08	08	34	02	07						Không tên	Đăk Rơ Kay	0,88	1598675	509165	Rờ Koi	1598913	509808	Rờ Koi	1,58	
4898	08	08	34	3_1							Ia ban	Sa Thầy	3,17	1593667	510582	Mô Rai	1596007	511673	Mô Rai	4,86	
4899	08	08	34	03							Sông Ia Mô	Sông Sa Thầy	26,48	1593210	510282	Mô Rai	1576033	514649	Mô Rai	204	Quyết định 605/QĐ-BNNMT Tên khác: Sông Đăk Mô, Sông Đăk Mẻ
4900	08	08	34	03	1_1						Không tên	Sa Thầy	2,21	1578343	515633	Mô Rai	1576230	515511	Mô Rai	1,6	
4901	08	08	34	03	1_2						Không tên	Sa Thầy	2,43	1579450	515830	Mô Rai	1577279	516120	Mô Rai	1,47	
4902	08	08	34	03	1_3						Không tên	Sa Thầy	2,17	1578091	514562	Mô Rai	1579744	515660	Mô Rai	1,32	
4903	08	08	34	03	1_4						Không tên	Sa Thầy	4,84	1576607	513955	Mô Rai	1580471	515483	Mô Rai	5,96	
4904	08	08	34	03	1_4	01					Không tên	Sa Thầy	1,67	1577766	513523	Mô Rai	1579070	514260	Mô Rai	1,17	
4905	08	08	34	03	1_4	01	01				Không tên	Sa Thầy	0,74	1578204	512999	Mô Rai	1578531	513651	Mô Rai	0,33	
4906	08	08	34	03	1_4	02					Đăk Diak	Sa Thầy	1,81	1579012	513786	Mô Rai	1580306	514691	Mô Rai	1,44	
4907	08	08	34	03	1_4	02	01				Đăk Ram	Sa Thầy	0,61	1579928	514072	Mô Rai	1579650	513546	Mô Rai	0,35	
4908	08	08	34	03	1_5						Không tên	Sa Thầy	1,76	1581860	516317	Mô Rai	1581216	515634	Mô Rai	2,7	
4909	08	08	34	03	1_6						Không tên	Sa Thầy	1,01	1582178	514605	Mô Rai	1582326	515497	Mô Rai	0,73	
4910	08	08	34	03	1_7						Không tên	Sa Thầy	1,34	1582748	515506	Mô Rai	1583065	516704	Mô Rai	1,41	
4911	08	08	34	03	1_7	01					Không tên	Sa Thầy	0,65	1582860	515751	Mô Rai	1583181	516287	Mô Rai	0,39	
4912	08	08	34	03	1_8						Không tên	Sa Thầy	0,87	1583530	516443	Mô Rai	1583537	515640	Mô Rai	0,54	
4913	08	08	34	03	1_9						Không tên	Sa Thầy	1,09	1585147	515653	Mô Rai	1584414	514933	Mô Rai	0,39	
4914	08	08	34	03	1_10						Không tên	Sa Thầy	3,76	1585698	515691	Mô Rai	1584739	518602	Mô Rai	5,96	
4915	08	08	34	03	1_10	01					Không tên	Sa Thầy	1,21	1586005	517737	Mô Rai	1584876	517378	Mô Rai	1,03	
4916	08	08	34	03	1_10	02	01				Không tên	Sa Thầy	0,79	1586217	517069	Mô Rai	1585507	516819	Mô Rai	0,35	
4917	08	08	34	03	1_10	02					Không tên	Sa Thầy	1,3	1585231	516800	Mô Rai	1586235	517465	Mô Rai	0,99	
4918	08	08	34	03	1_10	03					Không tên	Sa Thầy	0,59	1585770	516353	Mô Rai	1585355	515955	Mô Rai	0,26	
4919	08	08	34	03	1_11						Đăk Plong	Sa Thầy	2,76	1585673	513561	Mô Rai	1585999	515618	Mô Rai	2,39	
4920	08	08	34	03	1_11	01					Không tên	Sa Thầy	0,64	1585441	515162	Mô Rai	1584874	514931	Mô Rai	0,24	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4921	08	08	34	03	1_12						Đăk Plong	Đăk Plong	5,25	1585762	512932	Mô Rai	1581330	513155	Mô Rai	9,14	
4922	08	08	34	03	1_12	01					Không tên	Sa Thầy	0,43	1581652	513824	Mô Rai	1581781	513421	Mô Rai	0,21	
4923	08	08	34	03	1_12	02					Không tên	Đăk Moring	0,85	1582770	513260	Mô Rai	1582487	514022	Mô Rai	0,54	
4924	08	08	34	03	1_13						Đăk Moring	Sa Thầy	4,86	1587750	512210	Mô Rai	1586487	515458	Mô Rai	6,58	
4925	08	08	34	03	1_13	01					Không tên	Sa Thầy	0,54	1586235	512792	Mô Rai	1586158	512261	Mô Rai	0,18	
4926	08	08	34	03	1_13	02					Không tên	Sông Ia Mô	1,77	1587793	513477	Mô Rai	1586162	513355	Mô Rai	1,85	
4927	08	08	34	03	1_13	02	01				Không tên	Sa Thầy	0,33	1587846	513765	Mô Rai	1587532	513661	Mô Rai	0,11	
4928	08	08	34	03	1_12	03					Không tên	Đăk Plong	1,17	1583528	512189	Mô Rai	1583318	513041	Mô Rai	3,68	
4929	08	08	34	03	1_12	03	01				Không tên	Sa Thầy	0,52	1582690	512261	Mô Rai	1583152	512419	Mô Rai	0,31	
4930	08	08	34	03	1_12	04					Không tên	Đăk Plong	0,78	1583987	513078	Mô Rai	1584284	513727	Mô Rai	0,49	
4931	08	08	34	03	1_14						Tri con	Sa Thầy	1,47	1587655	514669	Mô Rai	1587041	515590	Mô Rai	1,85	
4932	08	08	34	03	1_15						Không tên	Sa Thầy	1,32	1586943	517025	Mô Rai	1586954	515775	Mô Rai	1,38	
4933	08	08	34	03	1_16						Đăk Kroi	Sa Thầy	2,57	1589517	513565	Mô Rai	1589155	515781	Mô Rai	1,75	
4934	08	08	34	03	1_16	01					Không tên	Sa Thầy	0,93	1589193	515546	Mô Rai	1588593	514926	Mô Rai	0,81	
4935	08	08	34	03	01						Sông Đăk Đron	Sông Ia Mô	13,21	1588012	524263	Mô Rai	1590050	515888	Mô Rai	58	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4936	08	08	34	03	01	01					Không tên	Sông Đăk Đron	0,72	1588412	525183	Mô Rai	1588609	524505	Mô Rai	1,08	
4937	08	08	34	03	01	02					Ia Pô	Đăk Rơ Kay	5,64	1589422	521487	Mô Rai	1594233	520701	Mô Rai	11,54	
4938	08	08	34	03	01	02	01				Không tên	Sông Đăk Đron	0,76	1594304	521222	Mô Rai	1593618	521038	Mô Rai	0,67	
4939	08	08	34	03	01	02	02				Không tên	Sông Đăk Đron	1,05	1593921	522130	Mô Rai	1593269	521474	Mô Rai	1,23	
4940	08	08	34	03	01	02	03				Không tên	Sông Đăk Đron	1,06	1591239	520656	Mô Rai	1590621	521295	Mô Rai	2,8	
4941	08	08	34	03	01	03					Không tên	Sông Đăk Đron	2,14	1588411	523234	Mô Rai	1588735	521243	Mô Rai	1,22	
4942	08	08	34	03	01	04					Không Tên	Sông Đăk Đron	3,96	1588511	521060	Mô Rai	1587272	523862	Mô Rai	13,66	
4943	08	08	34	03	01	04	01				Không Tên	Sông Đăk Đron	2,96	1587653	521398	Mô Rai	1585463	520250	Mô Rai	4,59	
4944	08	08	34	03	01	04	01	01			Không tên	Sông Đăk Đron	1,68	1587032	521128	Mô Rai	1586287	522351	Mô Rai	2,05	
4945	08	08	34	03	01	04	01	01	01		Không tên	Sông Đăk Đron	0,85	1585721	521981	Mô Rai	1586383	521777	Mô Rai	0,55	
4946	08	08	34	03	01	04	01	01	02		Không tên	Sông Đăk Đron	0,81	1586627	522228	Mô Rai	1586786	521518	Mô Rai	0,34	
4947	08	08	34	03	01	05					Không tên	Sông Đăk Đron	0,51	1587813	520375	Mô Rai	1588282	520501	Mô Rai	0,26	
4948	08	08	34	03	01	06					Không Tên	Sông Đăk Đron	2,58	1588114	518613	Mô Rai	1585684	518946	Mô Rai	5,07	
4949	08	08	34	03	01	06	01				Không tên	Sông Đăk Đron	0,81	1586575	517967	Mô Rai	1587007	518633	Mô Rai	0,29	
4950	08	08	34	03	01	06	02				Không tên	Sông Đăk Đron	1,45	1586389	519891	Mô Rai	1587127	518697	Mô Rai	2,14	
4951	08	08	34	03	01	06	02	01			Không tên	Sông Đăk Đron	0,75	1585985	519444	Mô Rai	1586709	519276	Mô Rai	0,31	
4952	08	08	34	03	01	06	02	02			Không tên	Sông Đăk Đron	0,71	1587342	519498	Mô Rai	1587013	518877	Mô Rai	0,39	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4953	08	08	34	03	01	06	03				Không tên	Sông Đăk Đron	1,59	1586950	517406	Mô Rai	1587723	518676	Mô Rai	0,73	
4954	08	08	34	03	01	07					Ia Nôi	Sông Đăk Đron	1,55	1589307	517589	Mô Rai	1587968	517074	Mô Rai	1,46	
4955	08	08	34	03	01	08					Không tên	Sông Đăk Đron	0,73	1589549	517256	Mô Rai	1590171	517134	Mô Rai	0,73	
4956	08	08	34	03	01	08	01				Không tên	Sông Đăk Đron	0,25	1590097	517467	Mô Rai	1589886	517341	Mô Rai	0,16	
4957	08	08	34	03	2_1						Không tên	Sa Thầy	1,68	1590295	514213	Mô Rai	1590259	515683	Mô Rai	0,92	
4958	08	08	34	03	2_2						Không tên	Sa Thầy	2,24	1591937	517183	Mô Rai	1590642	515937	Mô Rai	2,72	
4959	08	08	34	03	2_3						Không tên	Sa Thầy	3,63	1591137	515792	Mô Rai	1593239	518379	Mô Rai	2,54	
4960	08	08	34	03	2_4						Không tên	Sa Thầy	1,63	1592723	515827	Mô Rai	1591137	515741	Mô Rai	1,08	
4961	08	08	34	03	02						Suối Ia Hron	Sông Ia Mô	12,98	1592743	514585	Mô Rai	1593067	519078	Mô Rai	48,01	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4962	08	08	34	03	02	01					Không tên	Đăk Rô Kay	0,74	1594207	519252	Mô Rai	1593711	519769	Mô Rai	0,5	
4963	08	08	34	03	02	02					Không tên	Đăk Rô Kay	1	1595257	518890	Mô Rai	1594443	518901	Mô Rai	0,8	
4964	08	08	34	03	02	03					Ia Hron	Đăk Rô Kay	3,33	1596938	518311	Mô Rai	1597674	520909	Mô Rai	7,8	
4965	08	08	34	03	02	03	01				Không tên	Sa Thầy	2,32	1596067	521144	Mô Rai	1596878	519167	Mô Rai	3,34	
4966	08	08	34	03	02	04					Không tên	Đăk Rô Kay	2,65	1596841	518095	Mô Rai	1594445	518032	Mô Rai	3,15	
4967	08	08	34	03	02	05					Không tên	Đăk Rô Kay	2,48	1596889	517913	Mô Rai	1598958	518421	Mô Rai	6,87	
4968	08	08	34	03	02	05	01				Không tên	Sa Thầy	1,03	1598622	519359	Mô Rai	1598277	518458	Mô Rai	0,81	
4969	08	08	34	03	02	06					Không tên	Đăk Rô Kay	2,72	1596851	516841	Mô Rai	1598922	517831	Mô Rai	2,37	
4970	08	08	34	03	02	07					Không tên	Đăk Rô Kay	2,67	1596765	516048	Mô Rai	1599011	516295	Mô Rai	1,6	
4971	08	08	34	03	02	07	01				Không tên	Sa Thầy	0,94	1598153	516904	Mô Rai	1597738	516102	Mô Rai	0,59	
4972	08	08	34	03	02	08					Không tên	Đăk Rô Kay	3,63	1598903	515566	Mô Rai	1596087	515417	Mô Rai	2,77	
4973	08	08	34	03	02	09					Không tên	Sa Thầy	1,28	1594886	516299	Mô Rai	1595489	515337	Mô Rai	1,9	
4974	08	08	34	03	02	10					Không tên	Sa Thầy	1,77	1594981	515121	Mô Rai	1595440	513833	Mô Rai	1,64	
4975	08	08	34	03	02	11					Không tên	Sa Thầy	0,79	1593505	514873	Mô Rai	1594096	514395	Mô Rai	0,61	
4976	08	08	34	03	02	12					Không tên	Sa Thầy	3,44	1593470	514877	Mô Rai	1593271	517601	Mô Rai	3,07	
4977	08	08	34	03	02	12	01				Không tên	Sa Thầy	0,65	1592221	516584	Mô Rai	1592802	516435	Mô Rai	0,13	
4978	08	08	34	03	03						Không tên	Sa Thầy	0,75	1592060	513697	Mô Rai	1592576	514196	Mô Rai	0,49	
4979	08	08	34	03	04						Ia nagan	Sa Thầy	1,44	1591813	513235	Mô Rai	1592888	513847	Mô Rai	0,9	
4980	08	08	34	03	05						Không tên	Sa Thầy	1,18	1593590	513318	Mô Rai	1594650	513359	Mô Rai	1,46	
4981	08	08	34	4_1							Không tên	Sa Thầy	2,58	1592119	509558	Mô Rai	1591715	511474	Mô Rai	5,05	
4982	08	08	34	4_1	01						Ia gôk	Sa Thầy	0,72	1591233	510343	Mô Rai	1591909	510188	Mô Rai	1,25	
4983	08	08	34	4_2							Ia Pan	Sa Thầy	5,05	1591296	508538	Mô Rai	1593706	507114	Mô Rai	6,9	
4984	08	08	34	4_2	01						Không tên	Ia Pan	1,12	1594565	507675	Mô Rai	1594048	508279	Mô Rai	1,57	
4985	08	08	34	4_2	02						Không tên	Ia Pan	0,66	1592956	508265	Mô Rai	1592607	508794	Mô Rai	1,38	
4986	08	08	34	4_3							Ia Ta Brai	Sa Thầy	2,68	1590506	508025	Mô Rai	1590012	510163	Mô Rai	2,5	
4987	08	08	34	4_4							Không tên	Sa Thầy	1,81	1589973	506738	Mô Rai	1589735	508147	Mô Rai	2,73	
4988	08	08	34	4_4	01						Không tên	Sa Thầy	1,32	1590058	507366	Mô Rai	1588974	507547	Mô Rai	1,56	
4989	08	08	34	4_5							Ia Hra	Sa Thầy	2,9	1589004	504848	Mô Rai	1588186	507127	Mô Rai	3,37	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
4990	08	08	34	04							Suối Ia Lon	Sông Sa Thầy	18,75	1603789	502784	Rờ Koi	1588598	503301	Mô Rai	91,3	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4991	08	08	34	04	1_1						Không tên	Suối Ia Lon	2,33	1600770	500774	Rờ Koi	1599396	502306	Rờ Koi	1,67	
4992	08	08	34	04	1_2						Không tên	Suối Ia Lon	2,12	1596290	502487	Mô Rai	1597082	500935	Mô Rai	2,29	
4993	08	08	34	04	1_3						Không tên	Suối Ia Lon	1,79	1595965	502409	Mô Rai	1596399	501053	Mô Rai	2,4	
4994	08	08	34	04	1_4						Không tên	Suối Ia Lon	3,56	1595552	499871	Mô Rai	1595549	502450	Mô Rai	3,59	
4995	08	08	34	04	01						Suối Ia Koi	Suối Ia Lon	10,05	1598980	506441	Rờ Koi	1593321	503192	Mô Rai	28,79	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4996	08	08	34	04	01	01					Suối Ia Long	Suối Ia Lon	10,48	1601656	504518	Rờ Koi	1593368	503367	Mô Rai	16,86	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
4997	08	08	34	04	01	01	01				Không tên	Suối Ia Lon	0,96	1600333	505197	Rờ Koi	1600104	504327	Rờ Koi	1,23	
4998	08	08	34	04	01	01	02				Không tên	Suối Ia Lon	0,99	1599597	505254	Rờ Koi	1599442	504505	Rờ Koi	1,5	
4999	08	08	34	04	01	01	03				Không tên	Suối Ia Long	0,99	1598024	503470	Mô Rai	1597344	503834	Mô Rai	1,35	
5000	08	08	34	04	01	01	04				Không tên	Suối Ia Long	1,33	1597476	505312	Mô Rai	1596784	504308	Mô Rai	2,3	
5001	08	08	34	04	01	01	05				Không tên	Suối Ia Long	1,14	1596582	505288	Mô Rai	1596330	504312	Mô Rai	1,8	
5002	08	08	34	04	01	01	06				Không tên	Suối Ia Long	1,34	1594917	502997	Mô Rai	1593738	503344	Mô Rai	1,8	
5003	08	08	34	04	02						Không tên	Suối Ia Lon	1,4	1592713	502308	Mô Rai	1591484	502746	Mô Rai	2,68	
5004	08	08	34	04	03						Không tên	Suối Ia Lon	2,57	1592687	501183	Mô Rai	1591065	502729	Mô Rai	3,81	
5005	08	08	34	04	04						Không tên	Suối Ia Lon	2,2	1592259	503964	Mô Rai	1590822	502958	Mô Rai	1,11	
5006	08	08	34	04	05						Không tên	Suối Ia Lon	1,42	1590061	501645	Mô Rai	1590358	502779	Mô Rai	2,66	
5007	08	08	34	04	06						Suối lân	Suối Ia Lon	4,14	1589557	503127	Mô Rai	1592222	505145	Mô Rai	4,03	
5008	08	08	34	04	06	01					Ia sao	Suối lân	1,4	1589970	504081	Mô Rai	1590997	504800	Mô Rai	0,98	
5009	08	08	34	5_1							Ia Kroong	Sa Thầy	2,44	1585729	500997	Mô Rai	1587841	501327	Mô Rai	2,66	
5010	08	08	34	5_2							Ia Mang	Sa Thầy	3,96	1585390	500000	Mô Rai	1585390	500000	Mô Rai	3,54	
5011	08	08	34	05							Sông Ia Tri	Sông Sa Thầy	32,63	1569442	503791	Ia Tơi	1583380	499603	Ia Đal	181,1	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5012	08	08	34	05	01						Không tên	Sông Ia Tri	0,47	1569594	504359	Ia Tơi	1569679	503902	Ia Tơi	0,29	
5013	08	08	34	05	02						Không tên	Ia Tri	3,37	1571927	503521	Ia Tơi	1570436	506284	Ia Tơi	2,24	
5014	08	08	34	05	03						Không tên	Ia Tri	2,88	1571449	506744	Ia Tơi	1569648	508401	Ia Tơi	2,1	
5015	08	08	34	05	04						Không tên	Ia Tri	3,91	1573356	503645	Ia Tơi	1571546	506858	Ia Tơi	4,22	
5016	08	08	34	05	04	01					Không tên	Ia Tri	0,96	1571686	505975	Ia Tơi	1571456	505138	Ia Tơi	1,23	
5017	08	08	34	05	05						Không tên	Ia Tri	1,01	1571488	507590	Ia Tơi	1571980	506910	Ia Tơi	0,41	
5018	08	08	34	05	06						Không tên	Ia Tri	1,63	1572350	505411	Ia Tơi	1572333	506884	Ia Tơi	0,74	
5019	08	08	34	05	07						Không tên	Ia Tri	0,67	1572115	507472	Ia Tơi	1572356	506892	Ia Tơi	0,38	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5020	08	08	34	05	08						Không tên	Ia Tri	2,74	1572423	506890	Ia Tơi	1571904	509172	Ia Tơi	1,55	
5021	08	08	34	05	09						Không tên	Ia Tri	0,8	1572806	506695	Ia Tơi	1572810	505918	Ia Tơi	0,46	
5022	08	08	34	05	10						Không tên	Ia Tri	0,79	1572947	506706	Ia Tơi	1573353	506036	Ia Tơi	0,6	
5023	08	08	34	05	11						Không tên	Ia Tri	2,18	1573731	507008	Ia Tơi	1572678	508558	Ia Tơi	2,77	
5024	08	08	34	05	11	01					Không tên	Ia Tri	1,05	1573106	508173	Ia Tơi	1573422	507245	Ia Tơi	0,99	
5025	08	08	34	05	12						Không tên	Ia Tri	1,94	1574295	505395	Ia Tơi	1574015	506957	Ia Tơi	4,3	
5026	08	08	34	05	13						Không tên	Ia Tri	0,63	1574475	506993	Ia Tơi	1574484	506387	Ia Tơi	0,47	
5027	08	08	34	05	14						Không tên	Ia Tri	0,74	1574677	506954	Ia Tơi	1575284	506682	Ia Tơi	0,59	
5028	08	08	34	05	15						Không tên	Ia Tri	1,03	1574876	507300	Ia Tơi	1573905	507529	Ia Tơi	1,8	
5029	08	08	34	05	15	01					Không tên	Ia Tri	1,25	1573550	508131	Ia Tơi	1574422	507334	Ia Tơi	1,46	
5030	08	08	34	05	15	01	01				Không tên	Ia Tri	2,2	1573214	509155	Ia Tơi	1574348	507454	Ia Tơi	1,11	
5031	08	08	34	05	16						Không tên	Ia Tri	4,88	1574552	510259	Ia Tơi	1574552	510260	Ia Tơi	7,24	
5032	08	08	34	05	16	01					Không tên	Ia Tri	0,75	1573572	510434	Ia Tơi	1574242	510453	Ia Tơi	0,22	
5033	08	08	34	05	16	02					Không tên	Ia Tri	1,72	1572990	510040	Ia Tơi	1574590	510208	Ia Tơi	0,81	
5034	08	08	34	05	17						Không tên	Ia Tri	1,22	1575468	505975	Ia Tơi	1575826	507039	Ia Tơi	0,57	
5035	08	08	34	05	18						Không tên	Ia Tri	1,43	1576088	505723	Ia Tơi	1576246	507016	Ia Tơi	0,54	
5036	08	08	34	05	19						Không tên	Ia Tri	2,76	1576372	504708	Ia Tơi	1576853	506965	Ia Tơi	2,69	
5037	08	08	34	05	20						Ia rỏ	Ia Tri	2,54	1579277	505047	Mô Rai	1578772	507178	Mô Rai	1,43	
5038	08	08	34	05	21						Không tên	Ia Tri	0,59	1579249	507339	Mô Rai	1579482	506805	Mô Rai	1,3	
5039	08	08	34	05	22						Đăk Ia Buah	Ia Tri	7,67	1580225	508055	Mô Rai	1576354	512831	Mô Rai	30,35	
5040	08	08	34	05	22	01					Ia Buan	Đăk Ia Buah	0,92	1577590	511763	Mô Rai	1577589	511763	Mô Rai	0,67	
5041	08	08	34	05	22	02					Không tên	Sa Thầy	0,8	1577123	511417	Mô Rai	1577911	511409	Mô Rai	0,44	
5042	08	08	34	05	22	03					Ia Won	Đăk Ia Buah	4,35	1577107	509749	Ia Tơi	1575331	512403	Mô Rai	6,15	
5043	08	08	34	05	22	03	01				Không tên	Ia Won	0,63	1574693	511533	Ia Tơi	1575130	511163	Ia Tơi	0,13	
5044	08	08	34	05	22	03	02				Ia Won	Ia Won	1,5	1574361	511582	Ia Tơi	1575153	510602	Mô Rai	1,46	
5045	08	08	34	05	22	04					Ia Ka Li	Đăk Ia Buah	2,27	1578882	509057	Mô Rai	1579470	510792	Mô Rai	1,86	
5046	08	08	34	05	22	05					Không tên	Đăk Ia Buah	1,58	1579753	508889	Mô Rai	1580561	509858	Mô Rai	0,97	
5047	08	08	34	05	23						Không tên	Ia Tri	1,72	1580205	507004	Mô Rai	1581358	507995	Mô Rai	2,02	
5048	08	08	34	05	24						Không tên	Ia Tri	2,24	1581025	506100	Mô Rai	1581989	507795	Mô Rai	1,56	
5049	08	08	34	05	25						Không tên	Ia Tri	4,26	1584998	507958	Mô Rai	1584876	510288	Mô Rai	2,77	
5050	08	08	34	05	26						Ia RơBang	Ia Tri	1,72	1585428	507101	Mô Rai	1586821	507826	Mô Rai	1,35	
5051	08	08	34	05	27						Không tên	Ia Tri	1,53	1586155	505633	Mô Rai	1587157	506497	Mô Rai	2,57	
5052	08	08	34	05	28						Không tên	Ia Tri	1,23	1585803	505172	Mô Rai	1585158	506090	Mô Rai	1,13	
5053	08	08	34	05	29						Ia Chù	Ia Tri	7,93	1585230	503739	Mô Rai	1579371	504249	Mô Rai	13,83	
5054	08	08	34	05	29	01					Không tên	Ia Tri	0,75	1579905	504192	Mô Rai	1580090	503486	Mô Rai	0,67	
5055	08	08	34	05	29	02					Không tên	Ia Chù	1,52	1581512	503772	Mô Rai	1580663	504699	Mô Rai	2,27	
5056	08	08	34	05	29	03					Không tên	Ia Tri	1,75	1581411	505204	Mô Rai	1582311	503844	Mô Rai	0,89	
5057	08	08	34	05	29	04					Không tên	Ia Chù	2	1582673	504106	Mô Rai	1581628	505450	Mô Rai	2,74	
5058	08	08	34	05	30						Ia Pu	Ia Tri	8,99	1577064	502098	Mô Rai	1583592	500900	Ia Đal	23,04	
5059	08	08	34	05	30	01					Không tên	Ia Tri	0,65	1577777	502369	Mô Rai	1577268	502729	Mô Rai	0,38	
5060	08	08	34	05	30	02					Không tên	Ia Tri	0,9	1578622	501441	Ia Đal	1579281	501976	Ia Đal	0,55	
5061	08	08	34	05	30	03					Không tên	Ia Pu	2,68	1579478	501973	Mô Rai	1578606	503624	Ia Đal	3,68	
5062	08	08	34	05	30	04					Không tên	Ia Tri	1,31	1579619	501798	Mô Rai	1580554	502419	Mô Rai	0,83	
5063	08	08	34	05	30	05					Không tên	Ia Tri	1,97	1583042	503263	Mô Rai	1583699	501498	Ia Đal	2,1	
5064	08	08	34	6_1							Suối Nước Oóc	Sa Thầy	5,42	1578511	499433	Ia Đal	1580209	499746	Ia Đal	9,43	
5065	08	08	34	6_1	01						Suối Nước Oóc	Suối Nước Oóc	1,71	1578634	500186	Ia Đal	1579340	500000	Ia Đal	2,8	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5066	08	08	34	06							Sông Đắk Sin	Sông Sa Thầy	16,63	1592153	494403	Mô Rai	1581628	497838	Ia Đal	59,87	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5067	08	08	34	06	01						Không tên	Sông Đắk Sin	1,75	1590526	494596	Mô Rai	1591525	495406	Mô Rai	1,33	
5068	08	08	34	06	02						Không tên	Ia Tri	1,56	1589700	494482	Mô Rai	1589046	495753	Mô Rai	0,92	
5069	08	08	34	06	03						Không tên	Ia Tri	1,17	1589020	494522	Mô Rai	1588645	495528	Mô Rai	0,99	
5070	08	08	34	06	04						Không tên	Ia Tri	3,41	1588250	493108	Mô Rai	1586192	494243	Mô Rai	3,26	
5071	08	08	34	06	04	01					Không tên	Ia Tri	1,62	1587020	491695	Ia Đal	1586948	493105	Mô Rai	1,33	
5072	08	08	34	06	05						Không tên	Ia Tri	2,85	1585795	491542	Ia Đal	1584844	493985	Ia Đal	2,17	
5073	08	08	34	07							Suối Ia Ray	Sông Sa Thầy	14,16	1583711	488980	Ia Đal	1575964	495949	Ia Đal	31,55	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5074	08	08	34	07	01						Không tên	Suối Ia Ray	3,83	1579791	491039	Ia Đal	1576738	490670	Ia Đal	4,91	
5075	08	08	34	07	02						Không tên	Suối Ia Ray	5,16	1581201	491223	Ia Đal	1581201	491223	Ia Đal	3,55	
5076	08	08	34	07	03						Không tên	Suối Ia Ray	0,88	1579762	493455	Ia Đal	1580492	493456	Ia Đal	0,67	
5077	08	08	34	8_1							Ia Rai	Sa Thầy	5,38	1572670	494874	Ia Đal	1576550	493518	Ia Đal	13,68	
5078	08	08	34	08							Phụ lưu số 8	Sông Sa Thầy	11,18	1570166	496289	Ia Toi	1570118	503035	Ia Đal	35,13	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5079	08	08	34	08	01						Không tên	Phụ lưu số 8	0,79	1571088	502252	Ia Toi	1571076	502991	Ia Toi	0,47	
5080	08	08	34	08	02						Không tên	Sông Sa Thầy	0,74	1571667	502126	Ia Toi	1571781	502661	Ia Toi	0,33	
5081	08	08	34	08	03						Không tên	Sông Sa Thầy	0,79	1572061	501715	Ia Toi	1572621	502209	Ia Toi	0,76	
5082	08	08	34	08	03	01					Không tên	Sông Sa Thầy	1,26	1572798	502565	Ia Toi	1572067	501732	Ia Toi	0,49	
5083	08	08	34	08	04						Không tên	Sông Sa Thầy	1,01	1572245	500967	Ia Toi	1573023	501532	Ia Toi	0,69	
5084	08	08	34	08	05						Không tên	Sông Sa Thầy	1,26	1573473	500855	Ia Toi	1572332	500803	Ia Toi	0,53	
5085	08	08	34	08	06						Không tên	Sông Sa Thầy	2,47	1571535	500000	Ia Toi	1570308	501771	Ia Toi	3.076	
5086	08	08	34	08	06	01					Không tên	Sông Sa Thầy	1,57	1571409	501603	Ia Toi	1571209	500328	Ia Toi	0,7	
5087	08	08	34	08	07						Suối Dọp	Sông Sa Thầy	7,2	1571810	497573	Ia Đal	1575080	502431	Ia Đal	14,18	
5088	08	08	34	08	07	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,94	1575652	501686	Ia Đal	1574944	501114	Ia Đal	0,73	
5089	08	08	34	08	07	02					Không tên	Sông Sa Thầy	1,04	1575825	501284	Ia Đal	1574939	500989	Ia Đal	0,68	
5090	08	08	34	08	07	03					Không tên	Sông Sa Thầy	1,21	1573766	501445	Ia Toi	1574307	500437	Ia Toi	1,56	
5091	08	08	34	9_1							Không tên	Sa Thầy	4,45	1569643	495879	Ia Toi	1570213	499475	Ia Toi	2,9	
5092	08	08	34	9_2							Không tên	Sa Thầy	2,13	1568315	493407	Ia Đal	1568912	494820	Ia Đal	2,45	
5093	08	08	34	09							Phụ lưu số 9	Sông Sa Thầy	11,8	1565316	495091	Ia Toi	1566840	502324	Ia Đal	31,79	Quyết định 605/QĐ-BNNMT

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5094	08	08	34	09	01						Không tên	Phụ lưu số 9	1,32	1568115	503046	Ia Toi	1567781	501903	Ia Toi	1,05	
5095	08	08	34	09	02						Không tên	Sông Sa Thầy	2,12	1568479	501211	Ia Toi	1568854	503006	Ia Toi	2,17	
5096	08	08	34	09	02	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,5	1569187	502487	Ia Toi	1569669	502572	Ia Toi	0,34	
5097	08	08	34	09	03						Không tên	Sông Sa Thầy	1,46	1568621	500743	Ia Toi	1569772	501488	Ia Toi	1,02	
5098	08	08	34	09	04						Không tên	Sông Sa Thầy	1,51	1567822	499383	Ia Toi	1567605	500826	Ia Toi	0,91	
5099	08	08	34	09	05						Không tên	Sông Sa Thầy	5,16	1567649	498867	Ia Toi	1564117	501286	Ia Toi	7,3	
5100	08	08	34	09	05	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,54	1564881	500211	Ia Toi	1565388	500113	Ia Toi	0,37	
5101	08	08	34	09	05	02					Không tên	Sông Sa Thầy	1,85	1565851	500127	Ia Toi	1565829	501845	Ia Toi	1,02	
5102	08	08	34	09	05	02	01				Không tên	Sông Sa Thầy	0,53	1565214	501106	Ia Toi	1565723	500978	Ia Toi	0,44	
5103	08	08	34	09	05	03					Không tên	Sông Sa Thầy	1,6	1566607	499804	Ia Toi	1566183	501196	Ia Toi	1,52	
5104	08	08	34	09	05	04					Không tên	Sông Sa Thầy	0,83	1567197	500000	Ia Toi	1567194	500000	Ia Toi	0,58	
5105	08	08	34	09	05	05					Không tên	Sông Sa Thầy	1,47	1567062	499026	Ia Toi	1565675	499233	Ia Toi	1,34	
5106	08	08	34	10_1							Không tên	Sông Sa Thầy	6,51	1562946	494483	Ia Toi	1564014	499497	Ia Toi	21,68	
5107	08	08	34	10_1	01						Không tên	Sông Sa Thầy	1,18	1563667	497905	Ia Toi	1563586	498945	Ia Toi	0,67	
5108	08	08	34	10							Phụ lưu số 10	Sông Sa Thầy	12,66	1561000	501478	Ia Toi	1560577	493376	Ia Toi	32,98	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5109	08	08	34	10	01						Không tên	Sông Sa Thầy	0,66	1560434	501148	Ia Toi	1561038	501265	Ia Toi	0,49	
5110	08	08	34	10	02						Không tên	Sông Sa Thầy	1,13	1559552	501414	Ia Toi	1559593	500415	Ia Toi	2,35	
5111	08	08	34	10	03						Không tên	Sông Sa Thầy	1,16	1559273	501446	Ia Toi	1559610	500441	Ia Toi	1,13	
5112	08	08	34	10	04						Không tên	Sông Sa Thầy	1,61	1558417	501380	Ia Toi	1559371	500246	Ia Toi	1,12	
5113	08	08	34	10	05						Không tên	Sông Sa Thầy	1,05	1560337	500277	Ia Toi	1559439	500002	Ia Toi	2,44	
5114	08	08	34	10	06						Không tên	Sông Sa Thầy	1,67	1559459	499853	Ia Toi	1558008	500413	Ia Toi	1,6	
5115	08	08	34	10	07						Không tên	Sông Sa Thầy	1,89	1561508	499237	Ia Toi	1559749	499415	Ia Toi	2,6	
5116	08	08	34	10	07	01					Không tên	Sông Sa Thầy	0,71	1560773	499320	Ia Toi	1560939	500000	Ia Toi	0,42	
5117	08	08	34	10	07	02					Không tên	Sông Sa Thầy	1,81	1562078	500772	Ia Toi	1560756	500000	Ia Toi	0,89	
5118	08	08	34	10	08						Không tên	Sông Sa Thầy	3,24	1559844	497418	Ia Toi	1556978	498256	Ia Toi	2,11	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5119	08	08	34	11							Phụ lưu số 11	Sông Sa Thầy	18,47	1560992	493162	Ia Đal	1566280	485723	Ia Đal	110	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5120	08	08	34	11	01						Không tên	Phụ lưu số 11	3,5	1561655	486717	Ia Đal	1561817	484620	Ia Đal	4,54	
5121	08	08	34	11	02						Suối Đá	Phụ lưu số 11	6,26	1567310	488137	Ia Đal	1564081	489776	Ia Đal	9,59	
5122	08	08	34	11	02	01					Không tên	Suối Đá	1,96	1563710	487734	Ia Đal	1564312	488775	Ia Đal	0,97	
5123	08	08	34	11	03						Không tên	Phụ lưu số 11	6,1	1569205	489537	Ia Đal	1564246	489870	Ia Đal	19,39	
5124	08	08	34	11	04						Suối Đá	Phụ lưu số 11	9,36	1566668	492199	Ia Đal	1570803	493024	Ia Đal	23,35	
5125	08	08	34	12_1							Suối Lò Ô	Sông Sa Thầy	6,5	1560574	490133	Ia Đal	1556464	493274	Ia Toi	19,42	
5126	08	08	34	12_1	01						Không tên	Suối Lò Ô	2,15	1558855	488860	Ia Đal	1558283	490706	Ia Toi	2,89	
5127	08	08	34	12_1	02						Không tên	Suối Lò Ô	2,04	1558034	491016	Ia Đal	1559750	491799	Ia Toi	1,4	
5128	08	08	34	12_2							Không tên	Sông Sa Thầy	4,88	1556110	495973	Ia Toi	1556110	495973	Ia Toi	19,27	
5129	08	08	34	12_2	01						Không tên	Sông Sa Thầy	1,67	1555678	496344	Ia Toi	1555635	497778	Ia Toi	1,96	
5130	08	08	34	12_2	02						Không tên	Sông Sa Thầy	1,49	1556000	496147	Ia Toi	1557007	496989	Ia Toi	0,62	
5131	08	08	34	12_2	03						Không tên	Sông Sa Thầy	1,08	1556203	495006	Ia Toi	1555291	495395	Ia Toi	1,05	
5132	08	08	34	12_3							Suối Đăk HLơ	Sông Sa Thầy	7,52	1556591	489142	Ia Toi	1553341	493660	Ia Toi	12,14	
5133	08	08	34	12_3	01						Không tên	Suối Đăk HLơ	1,72	1554840	491807	Ia Toi	1556358	491295	Ia Toi	1,27	
5134	08	08	34	12_3	02						Không tên	Suối Đăk HLơ	2,91	1554512	489124	Ia Toi	1554297	491808	Ia Toi	3,32	
5135	08	08	34	12_3	02	01					Không tên	Suối Đăk HLơ	1,17	1553379	490045	Ia Toi	1554180	490805	Ia Toi	0,63	
5136	08	08	34	12_4							Không tên	Sông Sa Thầy	4,53	1551044	493962	Ia Toi	1551648	497980	Ia Toi	9,6	
5137	08	08	34	12_4	01						Không tên	Sông Sa Thầy	0,96	1551558	496278	Ia Toi	1550628	496269	Ia Toi	1,8	
5138	08	08	34	12							Suối Gia Pô	Sông Sa Thầy	13	1553780	486751	Ia Toi	1547955	493706	Ia Toi	48	Quyết định 205/QĐ-TTg Sông xuyên biên giới
5139	08	08	34	12	01						Suối Lau	Sông Sa Thầy	4,17	1553444	488827	Ia Toi	1550691	490911	Ia Toi	6,24	
5140	08	08	34	12	02						Không tên	Sông Sa Thầy	0,48	1548085	492063	Ia Toi	1546752	487296	Ia Toi	0,36	
5141	08	08	34	13							Không tên	Sa Thầy	5,06	1547350	493858	Ia Toi	1549676	496058	Ia Toi	6,7	
5142	08	13_1									Đăk Xú	Mê Công	35,64	1627123	507844	Bờ Y	1628896	515022	Bờ Y	268,9	
5143	08	13_1	1_1								Không tên	Đăk Xú	0,81	1627322	508375	Bờ Y	1626595	508434	Bờ Y	1,67	
5144	08	13_1	1_2								Không tên	Đăk Xú	1,49	1628267	509998	Bờ Y	1626993	510213	Bờ Y	1,1	
5145	08	13_1	1_2	01							Không tên	Đăk Xú	0,72	1627083	509454	Bờ Y	1627127	510103	Bờ Y	0,34	
5146	08	13_1	1_3								Đăk Hơ Nak	Đăk Xú	1,76	1626195	510104	Bờ Y	1626363	511469	Bờ Y	1,37	
5147	08	13_1	1_3	01							Không tên	Đăk Xú	1,03	1625015	510304	Bờ Y	1625911	510726	Bờ Y	0,77	
5148	08	13_1	1_4								Đăk lếch	Đăk Xú	1,32	1625064	510808	Bờ Y	1626034	511587	Bờ Y	1,63	
5149	08	13_1	1_5								Không tên	Đăk Xú	1,81	1626415	512176	Bờ Y	1624877	511724	Bờ Y	0,97	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5150	08	13_1	1_6								Đăk Re	Đăk Xú	1,43	1628735	511390	Bờ Y	1628150	512412	Bờ Y	1,9	
5151	08	13_1	1_6	01							Đăk Ni	Đăk Xú	2,31	1627466	510286	Bờ Y	1628157	512207	Bờ Y	2,55	
5152	08	13_1	1_6	01	01						Không tên	Đăk Xú	0,95	1628587	510759	Bờ Y	1627871	511019	Bờ Y	1,34	
5153	08	13_1	1_6	01	01	01					Không tên	Đăk Xú	0,55	1627765	510357	Bờ Y	1627944	510866	Bờ Y	0,43	
5154	08	13_1	1_7								Đăk Plông	Đăk Xú	4,7	1624361	514105	Bờ Y	1628467	514692	Bờ Y	10,1	
5155	08	13_1	1_7	01							Không tên	Đăk Psi	0,63	1624707	513911	Bờ Y	1624921	514470	Bờ Y	0,34	
5156	08	13_1	1_7	02							Đăk Sa	Đăk Psi	1,17	1625230	515831	Bờ Y	1625156	514734	Bờ Y	0,46	
5157	08	13_1	1_7	03							Không tên	Đăk Psi	1,03	1625747	515685	Bờ Y	1625846	514781	Bờ Y	0,7	
5158	08	13_1	1_7	04							Đăk an	Đăk Psi	1,09	1626739	513749	Bờ Y	1626672	514803	Bờ Y	0,68	
5159	08	13_1	1_7	05							Không tên	Đăk Psi	0,72	1626731	515597	Bờ Y	1627005	514966	Bờ Y	0,37	
5160	08	13_1	1_7	06							Không tên	Đăk Psi	0,78	1627114	515684	Bờ Y	1627229	514967	Bờ Y	0,42	
5161	08	13_1	1_8								Đăk Kal	Đăk Xú	5,5	1626826	517902	Bờ Y	1627209	516461	Bờ Y	16,24	
5162	08	13_1	1_8	01							Không tên	Đăk Psi	1,47	1624964	517080	Bờ Y	1626323	517530	Bờ Y	0,96	
5163	08	13_1	1_8	02							Không tên	Đăk Psi	1,44	1625556	516261	Bờ Y	1626614	517080	Bờ Y	1,52	
5164	08	13_1	1_8	03							Không tên	Đăk Psi	0,59	1627029	517490	Bờ Y	1626701	517013	Bờ Y	0,36	
5165	08	13_1	1_8	04							Không tên	Đăk Psi	0,97	1626136	516301	Bờ Y	1626747	516952	Bờ Y	0,51	
5166	08	13_1	1_8	05							Đăk Sút	Đăk Psi	1,23	1627638	517725	Bờ Y	1626846	516854	Bờ Y	0,53	
5167	08	13_1	1_8	06							Đăk Jrul	Đăk Xú	1,88	1627392	516299	Bờ Y	1628867	517281	Bờ Y	2,04	
5168	08	13_1	1_8	06	01						Không tên	Đăk Psi	0,65	1628317	517437	Bờ Y	1628217	516849	Bờ Y	0,46	
5169	08	13_1	1_8	06	02						Đăk Pil	Đăk Psi	1,18	1627966	517695	Bờ Y	1627765	516558	Bờ Y	0,73	
5170	08	13_1	1_8	07							Đăk Kan	Đăk Xú	4,76	1628610	515445	Bờ Y	1632174	517501	Bờ Y	5,77	
5171	08	13_1	1_8	07	01						Không tên	Đăk Xú	1,07	1628949	515915	Bờ Y	1628872	516806	Bờ Y	0,61	
5172	08	13_1	1_9								Không tên	Đăk Xú	1,03	1629628	515647	Bờ Y	1630220	514934	Bờ Y	1	
5173	08	13_1	1_10								Không tên	Đăk Xú	3,29	1630361	514878	Bờ Y	1632888	515443	Bờ Y	6,51	
5174	08	13_1	1_10	01							Đăk Tăng	Đăk Xú	3,81	1630733	515424	Bờ Y	1633650	516338	Bờ Y	3,51	
5175	08	13_1	1_11								Không tên	Đăk Xú	1,77	1632040	514379	Bờ Y	1630486	514488	Bờ Y	2,3	
5176	08	13_1	1_12								Không tên	Đăk Xú	1,56	1632484	513443	Bờ Y	1631297	512665	Bờ Y	0,94	
5177	08	13_1	1_13								Không tên	Đăk Xú	1,44	1630052	511742	Bờ Y	1631168	512321	Bờ Y	2,11	
5178	08	13_1	1_14								Không tên	Đăk Xú	1,1	1630849	511436	Bờ Y	1631565	512127	Bờ Y	0,62	
5179	08	13_1	1_15								Đăk kan	Đăk Xú	3,31	1630114	509286	Bờ Y	1631818	511674	Bờ Y	3,5	
5180	08	13_1	1_16								Không tên	Đăk Xú	1,37	1633114	511969	Bờ Y	1632021	511456	Bờ Y	1,22	
5181	08	13_1	1_17								Không tên	Đăk Xú	2,31	1632206	508181	Bờ Y	1632691	510141	Bờ Y	9,13	
5182	08	13_1	1_17	01							Không tên	Đăk Psi	1,52	1632348	510007	Bờ Y	1631459	509066	Bờ Y	4,89	
5183	08	13_1	1_18								Đăk Lao	Đăk Xú	7,91	1633795	509320	Dục Nông	1638159	514039	Dục Nông	22,68	
5184	08	13_1	1_18	01							Không tên	Đăk Psi	1,36	1637892	514822	Dục Nông	1637483	513859	Dục Nông	1,23	
5185	08	13_1	1_18	02							Không tên	Đăk Xú	1,8	1636689	512648	Dục Nông	1636621	514288	Dục Nông	1,4	
5186	08	13_1	1_18	03							Không tên	Đăk Xú	4,84	1634989	510786	Dục Nông	1635852	513384	Dục Nông	8,2	
5187	08	13_1	1_18	03	01						Không tên	Đăk Psi	0,89	1635536	513174	Dục Nông	1635318	512382	Dục Nông	0,36	
5188	08	13_1	1_18	03	02						Không tên	Đăk Xú	1,05	1634848	512399	Dục Nông	1635264	513334	Dục Nông	0,73	
5189	08	13_1	1_18	03	03						Không tên	Đăk Xú	1,89	1634328	512036	Bờ Y	1633848	513453	Dục Nông	2,85	
5190	08	13_1	1_18	04							Không tên	Đăk Psi	2,57	1637379	510728	Dục Nông	1635065	510770	Dục Nông	3,15	
5191	08	13_1	1_19								Đăk Tu	Đăk Xú	2,32	1633875	509181	Bờ Y	1632457	507587	Dục Nông	1,63	
5192	08	13_1	1_20								Không tên	Đăk Xú	1,09	1634939	509087	Dục Nông	1633936	509084	Dục Nông	1,36	
5193	08	13_1	1_20	01							Không tên	Đăk Psi	0,64	1634566	509710	Dục Nông	1634192	509198	Dục Nông	0,31	
5194	08	13_1	1_21								Không tên	Đăk Xú	1,53	1635278	508932	Dục Nông	1634120	508054	Dục Nông	0,95	
5195	08	13_1	1_22								Không tên	Đăk Xú	3,09	1632600	505602	Bờ Y	1634328	507269	Bờ Y	5,67	
5196	08	13_1	1_22	01							Không tên	Đăk Xú	4,16	1630676	506964	Bờ Y	1633603	507203	Bờ Y	2,96	
5197	08	13_1	1_23								Đăk Sát	Đăk Xú	5,7	1635495	504108	Dục Nông	1637709	509108	Dục Nông	17,55	
5198	08	13_1	1_23	01							Đăk Sút	Đăk Xú	7,26	1636696	507257	Dục Nông	1638897	511508	Dục Nông	6,23	
5199	08	13_1	1_23	01	01						Không tên	Đăk Xú	1,23	1638501	510460	Dục Nông	1639187	511198	Dục Nông	0,69	
5200	08	13_1	1_23	01	02						Không tên	Đăk Psi	0,68	1637575	510491	Dục Nông	1637990	510060	Dục Nông	0,74	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5201	08	13_1	1_23	02							Không tên	Đăk Xú	3,3	1636017	505346	Dục Nông	1638098	506943	Dục Nông	1,34	
5202	08	13_1	1_24								Đăk Lao	Đăk Xú	16,48	1644458	512042	Dục Nông	1636324	502925	Dục Nông	46,7	
5203	08	13_1	1_24	01							Không tên	Đăk Psi	2,69	1642379	508928	Dục Nông	1643530	511281	Dục Nông	6,47	
5204	08	13_1	1_24	02							Không tên	Đăk Psi	1,44	1643687	512390	Dục Nông	1642559	511557	Dục Nông	0,94	
5205	08	13_1	1_24	03							Không tên	Đăk Xú	2,06	1642349	511706	Dục Nông	1643398	513371	Dục Nông	1,43	
5206	08	13_1	1_24	04							Không tên	Đăk Xú	2,46	1641291	512034	Dục Nông	1641186	514179	Dục Nông	2,89	
5207	08	13_1	1_24	04	01						Không tên	Đăk Psi	0,83	1640873	513594	Dục Nông	1640588	514337	Dục Nông	0,37	
5208	08	13_1	1_24	05							Không tên	Đăk Xú	3,55	1641182	511924	Dục Nông	1638748	514244	Dục Nông	3,93	
5209	08	13_1	1_24	06							Không tên	Đăk Psi	1,16	1640507	508282	Dục Nông	1641649	508320	Dục Nông	1,5	
5210	08	13_1	1_24	07							Không tên	Đăk Xú	2,38	1638605	505262	Dục Nông	1640031	505686	Dục Nông	1,94	
5211	08	13_1	1_25								Đăk Lao	Đăk Xú	8,08	1635698	501482	Bờ Y	1630975	505541	Dục Nông	21,36	
5212	08	13_1	1_25	01							Không tên	Đăk Psi	1,23	1631939	506120	Bờ Y	1631430	505082	Bờ Y	0,77	
	VII. Lưu vực sông Trà Khúc																				
5213	18										Sông Trà Khúc	Biển	20	1617469	600345	Kon Plông	1615234	611414	Kon Plông	117	Quyết định 205/QĐ-TTg
5214	18	1_1									Suối Đăk Ram	Sông Trà Khúc	3,15	1617469	600345	Kon Plông	1619446	601827	Kon Plông	2,44	
5215	18	1_1	01								Không tên	Suối Đăk Ram	0,84	1617944	601726	Kon Plông	1617988	601018	Kon Plông	1,06	
5216	18	1_1	02								Không tên	Suối Đăk Ram	0,7	1618610	600697	Kon Plông	1617982	600634	Kon Plông	0,68	
5217	18	1_1	03								Không tên	Suối Đăk Ram	1,15	1617925	600222	Kon Plông	1618538	600579	Kon Plông	0,66	
5218	18	1_1	03	01							Không tên	Suối Đăk Ram	0,95	1618038	600091	Kon Plông	1618035	599268	Kon Plông	0,31	
5219	18	1_2									Suối Đăk To	Sông Trà Khúc	8,64	1614977	597787	Kon Plông	1617469	600345	Kon Plông	3,49	
5220	18	1_2	01								Không tên	Suối Đăk To	0,74	1615533	597619	Kon Plông	1615042	597224	Kon Plông	0,73	
5221	18	1_2	02								Không tên	Suối Đăk To	0,71	1614379	597209	Kon Plông	1615025	597092	Kon Plông	0,61	
5222	18	1_2	03								Không tên	Suối Đăk To	1,16	1615898	596616	Kon Plông	1615661	597472	Kon Plông	1,77	
5223	18	1_2	03	01							Không tên	Suối Đăk To	0,91	1615921	597616	Kon Plông	1615726	596738	Kon Plông	0,65	
5224	18	1_2	04								Không tên	Suối Đăk To	0,69	1616760	596299	Kon Plông	1616876	596818	Kon Plông	0,63	
5225	18	1_2	05								Suối Knak	Suối Đăk To	1,13	1615856	596974	Kon Plông	1616815	597215	Kon Plông	1,02	
5226	18	1_2	06								Không tên	Suối Đăk To	2,17	1615243	598237	Kon Plông	1616904	597659	Kon Plông	1,5	
5227	18	1_2	06	01							Không tên	Suối Đăk To	0,82	1616076	597588	Kon Plông	1616793	597884	Kon Plông	0,67	
5228	18	1_2	07								Không tên	Suối Đăk To	0,77	1617391	596927	Kon Plông	1617108	597535	Kon Plông	0,59	
5229	18	1_2	08								Không tên	Suối Đăk To	1,03	1617924	597952	Kon Plông	1617682	598741	Kon Plông	0,85	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5230	18	1_2	09								Không tên	Suối Đăk To	0,52	1618033	599163	Kon Plông	1617547	599067	Kon Plông	0,61	
5231	18	1_2	10								Không tên	Suối Đăk To	1,77	1616425	598482	Kon Plông	1617298	599496	Kon Plông	1,46	
5232	18	1_2	10	01							Không tên	Suối Đăk To	0,96	1616177	598780	Kon Plông	1616963	599238	Kon Plông	0,58	
5233	18	1_2	10	02							Không tên	Suối Đăk To	0,73	1616602	600014	Kon Plông	1617068	599460	Kon Plông	0,46	
5234	18	1_3									Không tên	Sông Trà Khúc	0,82	1616695	600160	Kon Plông	1617412	600485	Kon Plông	0,43	
5235	18	1_4									Không tên	Sông Trà Khúc	0,28	1617334	600977	Kon Plông	1617139	600951	Kon Plông	0,08	
5236	18	1_5									Không tên	Sông Trà Khúc	1,48	1615705	600947	Kon Plông	1616868	601022	Kon Plông	1,08	
5237	18	1_5	01								Không tên	Sông Trà Khúc	0,61	1616787	600869	Kon Plông	1616783	600339	Kon Plông	0,41	
5238	18	1_6									Không tên	Sông Trà Khúc	0,61	1617437	601422	Kon Plông	1616873	601196	Kon Plông	0,19	
5239	18	1_7									Không tên	Sông Trà Khúc	0,54	1616178	601149	Kon Plông	1616686	601307	Kon Plông	0,31	
5240	18	1_8									S. Nước Trong	Sông Trà Khúc	6,34	1620969	601838	Kon Plông	1616668	601896	Kon Plông	7,89	
5241	18	1_8	01								Không tên	S. Nước Trong	0,85	1620539	602002	Kon Plông	1619912	602476	Kon Plông	0,64	
5242	18	1_8	02								Không tên	S. Nước Trong	0,55	1619829	601843	Kon Plông	1619487	602225	Kon Plông	0,56	
5243	18	1_8	03								Không tên	S. Nước Trong	0,68	1619087	602678	Kon Plông	1618874	602076	Kon Plông	0,67	
5244	18	1_8	04								Không tên	S. Nước Trong	0,84	1617889	602864	Kon Plông	1617291	602641	Kon Plông	1,37	
5245	18	1_8	05								Không tên	S. Nước Trong	4,59	1617558	604450	Kon Plông	1617558	604450	Kon Plông	3,06	
5246	18	1_8	05	01							Không tên	S. Nước Trong	0,91	1618275	605393	Kon Plông	1617963	604660	Kon Plông	0,76	
5247	18	1_8	05	02							Không tên	S. Nước Trong	0,88	1618432	604505	Kon Plông	1617695	604452	Kon Plông	0,88	
5248	18	1_8	05	03							Không tên	S. Nước Trong	0,57	1617601	604933	Kon Plông	1617558	604450	Kon Plông	0,42	
5249	18	1_8	05	04							Không tên	S. Nước Trong	1,02	1617608	604138	Kon Plông	1617047	603474	Kon Plông	0,85	
5250	18	1_8	06								Không tên	S. Nước Trong	0,97	1617603	601892	Kon Plông	1616763	601986	Kon Plông	0,66	
5251	18	1_9									Không tên	Sông Trà Khúc	1,17	1615921	602081	Kon Plông	1616023	601212	Kon Plông	0,79	
5252	18	1_10									Không tên	Sông Trà Khúc	0,88	1616209	603049	Kon Plông	1615665	602486	Kon Plông	0,62	
5253	18	1_11									Không tên	Sông Trà Khúc	1,24	1615681	601272	Kon Plông	1615110	602182	Kon Plông	0,59	
5254	18	1_12									Không tên	Sông Trà Khúc	1,07	1615180	601194	Kon Plông	1615110	602182	Kon Plông	0,37	
5255	18	1_13									Đăk Ke	Sông Trà Khúc	6,76	1614762	597892	Kon Plông	1614745	602329	Kon Plông	14,71	
5256	18	1_13	01								Không tên	Đăk Ke	1,5	1615072	598031	Kon Plông	1614027	598591	Kon Plông	1,04	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5257	18	1_13	01	01							Không tên	Đăk Ke	0,78	1615433	598859	Kon Plông	1614711	598654	Kon Plông	0,67	
5258	18	1_13	02								Không tên	Đăk Ke	1,21	1613482	597706	Kon Plông	1613796	598768	Kon Plông	0,51	
5259	18	1_13	03								Không tên	Đăk Ke	0,65	1614072	598984	Kon Plông	1613634	599415	Kon Plông	0,34	
5260	18	1_13	04								Không tên	Đăk Ke	0,64	1614124	599120	Kon Plông	1613752	599603	Kon Plông	0,59	
5261	18	1_13	05								Không tên	Đăk Ke	4,15	1613661	599813	Kon Plông	1610635	599845	Kon Plông	4,07	
5262	18	1_13	05	01							Không tên	Đăk Ke	1,07	1611795	598502	Kon Plông	1612147	599200	Kon Plông	0,78	
5263	18	1_13	05	02							Không tên	Đăk Ke	1,06	1612280	599334	Kon Plông	1611903	600047	Kon Plông	0,96	
5264	18	1_13	05	02	01						Không tên	Đăk Ke	0,68	1612495	599993	Kon Plông	1612214	599428	Kon Plông	0,34	
5265	18	1_13	05	03							Không tên	Đăk Ke	0,71	1612405	598335	Kon Plông	1612568	599015	Kon Plông	0,59	
5266	18	1_13	05	04							Không tên	Đăk Ke	1,03	1612895	598173	Kon Plông	1612819	599089	Kon Plông	0,66	
5267	18	1_13	05	05							Không tên	Đăk Ke	1,18	1612587	600097	Kon Plông	1612838	599138	Kon Plông	1,03	
5268	18	1_13	06								Không tên	Đăk Ke	1,38	1614705	598962	Kon Plông	1614246	600195	Kon Plông	0,54	
5269	18	1_13	07								Không tên	Đăk Ke	2,76	1614617	600299	Kon Plông	1616055	599290	Kon Plông	2,77	
5270	18	1_13	07	01							Không tên	Đăk Ke	0,87	1615904	598781	Kon Plông	1615656	599577	Kon Plông	0,82	
5271	18	1_13	07	02							Không tên	Đăk Ke	0,95	1615240	599117	Kon Plông	1615247	599825	Kon Plông	0,57	
5272	18	1_13	07	03							Không tên	Đăk Ke	0,77	1615744	600113	Kon Plông	1615187	600264	Kon Plông	0,55	
5273	18	1_13	08								Không tên	Đăk Ke	0,75	1615219	600863	Kon Plông	1614549	600577	Kon Plông	0,72	
5274	18	1_13	09								Không tên	Đăk Ke	0,74	1613555	600760	Kon Plông	1614281	600868	Kon Plông	0,65	
5275	18	1_13	10								Không tên	Đăk Ke	0,68	1615029	600970	Kon Plông	1614369	600965	Kon Plông	0,64	
5276	18	1_13	11								Không tên	Đăk Ke	0,68	1613662	600947	Kon Plông	1614277	601149	Kon Plông	0,31	
5277	18	1_13	12								Không tên	Đăk Ke	0,94	1613485	600936	Kon Plông	1614004	601576	Kon Plông	0,83	
5278	18	1_13	13								Không tên	Đăk Ke	0,61	1614628	601470	Kon Plông	1614406	601996	Kon Plông	0,42	
5279	18	1_13	14								Không tên	Đăk Ke	0,93	1614977	601354	Kon Plông	1614604	602186	Kon Plông	0,67	
5280	18	1_14									Không tên	Sông Trà Khúc	2,57	1614599	602914	Kon Plông	1616313	603308	Kon Plông	1,43	
5281	18	1_15									Không tên	Sông Trà Khúc	0,63	1613767	602539	Kon Plông	1614031	603070	Kon Plông	0,31	
5282	18	1_16									Không tên	Sông Trà Khúc	1,67	1615098	603838	Kon Plông	1613724	603283	Kon Plông	0,87	
5283	18	1_18									Không tên	Sông Trà Khúc	0,65	1613527	602711	Kon Plông	1613411	603325	Kon Plông	0,37	
5284	18	1_19									Không tên	Sông Trà Khúc	3,25	1613119	601295	Kon Plông	1613221	603972	Kon Plông	1,8	
5285	18	1_19	01								Không tên	Sông Trà Khúc	0,72	1612733	602109	Kon Plông	1613072	602724	Kon Plông	0,67	
5286	18	1_20									Không tên	Sông Trà Khúc	6,2	1610214	601291	Kon Plông	1612966	604693	Kon Plông	18,17	
5287	18	1_20	01								Không tên	Sông Trà Khúc	1,69	1612325	600081	Kon Plông	1611636	601497	Kon Plông	1,37	
5288	18	1_20	01	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,63	1611707	600352	Kon Plông	1611708	600952	Kon Plông	0,39	
5289	18	1_20	02								Không tên	Sông Trà Khúc	1,47	1613067	600921	Kon Plông	1612164	601866	Kon Plông	1,41	
5290	18	1_20	02	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,74	1613200	601049	Kon Plông	1612633	601488	Kon Plông	0,42	
5291	18	1_20	03								Không tên	Sông Trà Khúc	1,46	1610769	602062	Kon Plông	1612123	602044	Kon Plông	0,49	
5292	18	1_20	04								Không tên	Sông Trà Khúc	2,26	1612401	603277	Kon Plông	1610513	602313	Kon Plông	2,17	
5293	18	1_20	04	01							Không tên	Sông Trà Khúc	1,06	1610367	602471	Kon Plông	1611226	602769	Kon Plông	0,59	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5294	18	1_20	04	02							Không tên	Sông Trà Khúc	0,82	1611092	603403	Kon Plông	1611781	603054	Kon Plông	0,85	
5295	18	1_20	04	03							Không tên	Sông Trà Khúc	0,95	1611532	602318	Kon Plông	1611942	603101	Kon Plông	0,67	
5296	18	1_20	05								Không tên	Sông Trà Khúc	2,01	1612440	603906	Kon Plông	1610853	603379	Kon Plông	1,44	
5297	18	1_20	05	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,82	1611090	604299	Kon Plông	1611827	604033	Kon Plông	0,94	
5298	18	1_20	06								Không tên	Sông Trà Khúc	4,72	1609458	603518	Kon Plông	1612671	604672	Kon Plông	0,65	
5299	18	1_20	06	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,75	1610189	603050	Kon Plông	1610277	603784	Kon Plông	0,64	
5300	18	1_20	06	02							Không tên	Sông Trà Khúc	0,8	1609980	604027	Kon Plông	1610608	604387	Kon Plông	0,72	
5301	18	1_20	06	03							Không tên	Sông Trà Khúc	1,61	1610936	604902	Kon Plông	1609407	604986	Kon Plông	1,25	
5302	18	1_20	06	03	01						Không tên	Sông Trà Khúc	1,31	1609546	604380	Kon Plông	1610486	604798	Kon Plông	0,56	
5303	18	1_20	06	04							Không tên	Sông Trà Khúc	0,74	1610539	605528	Kon Plông	1611000	605006	Kon Plông	0,39	
5304	18	1_20	06	06	01						Không tên	Sông Trà Khúc	1,28	1612506	606188	Kon Plông	1612358	605247	Kon Plông	0,67	
5305	18	1_20	06	05							Không tên	Sông Trà Khúc	1,38	1611204	605028	Kon Plông	1611279	606287	Kon Plông	1,12	
5306	18	1_20	06	05	01						Không tên	Sông Trà Khúc	0,81	1610787	605846	Kon Plông	1611287	605383	Kon Plông	0,76	
5307	18	1_20	06	06							Không tên	Sông Trà Khúc	1,41	1612339	604968	Kon Plông	1612936	606165	Kon Plông	0,92	
5308	18	1_20	07								Không tên	Sông Trà Khúc	1,58	1613378	606023	Kon Plông	1612773	604727	Kon Plông	0,8	
5309	18	1_21									Không tên	Sông Trà Khúc	0,89	1613787	605792	Kon Plông	1613806	604938	Kon Plông	0,66	
5310	18	1_22									Không tên	Sông Trà Khúc	1,18	1614336	604183	Kon Plông	1614296	604991	Kon Plông	0,55	
5311	18	1_23									Không tên	Sông Trà Khúc	1,5	1614964	603954	Kon Plông	1614828	605318	Kon Plông	0,63	
5312	18	1_24									Không tên	Sông Trà Khúc	1,49	1615072	605687	Kon Plông	1614066	606601	Kon Plông	0,84	
5313	18	1_24	01								Không tên	Sông Trà Khúc	1,07	1613972	606224	Kon Plông	1614871	605732	Kon Plông	0,53	
5314	18	1_25	01								Không tên	Sông Trà Khúc	0,87	1616564	604522	Kon Plông	1615852	604989	Kon Plông	0,43	
5315	18	1_25									Không tên	Sông Trà Khúc	2,81	1616004	604024	Kon Plông	1615333	605740	Kon Plông	1,76	
5316	18	1_26									Không tên	Sông Trà Khúc	2,85	1615399	605862	Kon Plông	1617701	605654	Kon Plông	2,41	
5317	18	1_26	01								Không tên	Sông Trà Khúc	1,22	1617337	605017	Kon Plông	1616607	605357	Kon Plông	0,58	
5318	18	1_26	02								Không tên	Sông Trà Khúc	1,03	1617294	605992	Kon Plông	1616496	605505	Kon Plông	0,99	
5319	18	1_27									Không tên	Sông Trà Khúc	0,78	1614730	606352	Kon Plông	1615232	606242	Kon Plông	0,52	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5320	18	1_28									Không tên	Sông Trà Khúc	2,28	1615651	606601	Ba Xa	1617355	607128	Kon Plông	1,56	
5321	18	1_28	01								Không tên	Sông Trà Khúc	1,23	1616196	606582	Kon Plông	1617085	606193	Kon Plông	0,89	
5322	18	1_29									Không tên	Sông Trà Khúc	1,21	1614260	606933	Kon Plông	1615311	606980	Kon Plông	0,67	
5323	18	1_30									Không tên	Sông Trà Khúc	0,76	1614585	607541	Kon Plông	1615304	607353	Kon Plông	0,46	
5324	18	1_31									Không tên	Sông Trà Khúc	2,02	1616693	606978	Kon Plông	1615831	608212	Kon Plông	1,46	
5325	18	1_32									Không tên	Sông Trà Khúc	0,72	1616424	607824	Kon Plông	1616034	608386	Kon Plông	0,31	
5326	18	1_33									Không tên	Sông Trà Khúc	2,02	1617604	607730	Ba Xa	1616086	608401	Kon Plông	0,96	
5327	18	1_33	01								Không tên	Sông Trà Khúc	0,71	1616786	607156	Kon Plông	1616838	607733	Kon Plông	1,05	
5328	18	1_33	01	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,6	1617169	607286	Kon Plông	1616740	607625	Kon Plông	0,59	
5329	18	1_34									Không tên	Sông Trà Khúc	0,84	1616882	608561	Kon Plông	1616135	608755	Kon Plông	0,72	
5330	18	1_35									Không tên	Sông Trà Khúc	1,14	1617256	609035	Kon Plông	1616226	609369	Kon Plông	1,05	
5331	18	1_36									Không tên	Sông Trà Khúc	1,5	1617292	610353	Kon Plông	1616192	609413	Kon Plông	1,25	
5332	18	1_37									Không tên	Sông Trà Khúc	1,03	1616337	610456	Kon Plông	1615438	610226	Kon Plông	0,76	
5333	18	1_38									Suối Đăk Sôc	Sông Trà Khúc	10,18	1609979	605262	Kon Plông	1615030	610329	Kon Plông	20,43	
5334	18	1_38	01								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,61	1609527	605531	Kon Plông	1610031	605806	Kon Plông	0,33	
5335	18	1_38	02								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,66	1610699	605878	Kon Plông	1610085	605934	Kon Plông	0,41	
5336	18	1_38	03								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,91	1609403	605866	Kon Plông	1610181	606201	Kon Plông	0,53	
5337	18	1_38	04								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,86	1611084	606249	Kon Plông	1610371	606496	Kon Plông	0,63	
5338	18	1_38	05								Không tên	Suối Đăk Sôc	1,09	1609548	606798	Kon Plông	1610549	606955	Kon Plông	0,94	
5339	18	1_38	06								Không tên	Suối Đăk Sôc	1,19	1611233	606474	Kon Plông	1610599	607124	Kon Plông	0,66	
5340	18	1_38	07								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,67	1611199	607063	Kon Plông	1610665	607446	Kon Plông	0,26	
5341	18	1_38	08								Không tên	Suối Đăk Sôc	1,28	1610672	607464	Kon Plông	1609538	606993	Kon Plông	0,76	
5342	18	1_38	09								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,83	1610847	607726	Kon Plông	1610035	607639	Kon Plông	0,47	
5343	18	1_38	10								Không tên	Suối Đăk Sôc	0,74	1610269	607842	Kon Plông	1610908	607894	Kon Plông	0,31	
5344	18	1_38	11								Không tên	Suối Đăk Sôc	1,38	1609926	607808	Kon Plông	1611094	608341	Kon Plông	0,82	
5345	18	1_38	12								Không tên	Suối Đăk Sôc	1,87	1611079	609610	Kon Plông	1611326	608558	Kon Plông	1,53	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5346	18	1_38	13								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,36	1611644	607962	Kon Plông	1612555	608430	Kon Plông	0,69	
5347	18	1_38	14								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,6	1612647	608711	Kon Plông	1612490	610074	Kon Plông	1,44	
5348	18	1_38	14	01							Không tên	Suối Đăk Sọc	1,84	1611727	609870	Kon Plông	1612622	609168	Kon Plông	0,97	
5349	18	1_38	15								Không tên	Suối Đăk Sọc	0,7	1612962	609368	Kon Plông	1612770	608764	Kon Plông	0,29	
5350	18	1_38	16								Không tên	Suối Đăk Sọc	2,99	1612040	606232	Kon Plông	1613200	608468	Kon Plông	4,2	
5351	18	1_38	16	01							Không tên	Suối Đăk Sọc	0,64	1612307	606477	Kon Plông	1611987	606972	Kon Plông	0,33	
5352	18	1_38	16	02							Không tên	Suối Đăk Sọc	1,32	1612858	606228	Kon Plông	1612083	607204	Kon Plông	1,2	
5353	18	1_38	16	03							Không tên	Suối Đăk Sọc	1,11	1612913	606549	Kon Plông	1612306	607439	Kon Plông	1,1	
5354	18	1_38	16	04							Không tên	Suối Đăk Sọc	2,23	1613146	606380	Kon Plông	1612832	608091	Kon Plông	1,26	
5355	18	1_38	17								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,92	1613963	606897	Kon Plông	1613325	608612	Kon Plông	0,76	
5356	18	1_38	18								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,17	1614104	607745	Kon Plông	1614181	608791	Kon Plông	0,56	
5357	18	1_38	19								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,69	1613140	609879	Kon Plông	1614503	609453	Kon Plông	1,18	
5358	18	1_38	20								Không tên	Suối Đăk Sọc	1,64	1614505	607800	Kon Plông	1614630	609397	Kon Plông	0,83	
5359	18	1_39									Không tên	Sông Trà Khúc	0,69	1614416	610327	Kon Plông	1614955	610677	Kon Plông	0,64	
5360	18	1_40									Không tên	Sông Trà Khúc	0,97	1615959	610942	Kon Plông	1615022	611060	Kon Plông	0,78	
5361	18	1_41									Không tên	Sông Trà Khúc	1,17	1614131	610397	Kon Plông	1614928	611137	Kon Plông	0,82	
5362	18	1_42									Không tên	Sông Trà Khúc	3,33	1612815	610025	Kon Plông	1615042	611280	Kon Plông	1,67	
5363	18	1_43									Không tên	Sông Trà Khúc	1,49	1614032	612272	Kon Plông	1615223	611426	Kon Plông	0,91	
5364	18	1_43	01								Không tên	Sông Trà Khúc	1	1613190	612080	Kon Plông	1613329	612953	Kon Plông	0,87	
5365	18	01									Suối Nước Long	Sông Trà Khúc	7,7	1626412	604220	Kon Plông	1622311	608220	Kon Plông	53	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5366	18	01	01								Không tên	Suối Nước Long	2,46	1626413	604220	Kon Plông	1627635	604152	Kon Plông	1,2	
5367	18	01	02								Không tên	Suối Nước Long	1,43	1627034	603092	Kon Plông	1626413	604220	Kon Plông	0,56	
5368	18	01	02	01							Không tên	Sông Trà Khúc	0,55	1620697	602971	Kon Plông	1620691	603487	Kon Plông	0,69	
5369	18	01	03								Không tên	Suối Nước Long	0,53	1626538	605412	Kon Plông	1626195	605028	Kon Plông	0,44	
5370	18	01	04								Không tên	Suối Nước Long	0,56	1625636	604797	Kon Plông	1626070	605094	Kon Plông	0,43	
5371	18	01	05								Không tên	Suối Nước Long	1,43	1625337	605838	Kon Plông	1625997	606709	Kon Plông	1,32	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5372	18	01	05	01							Suối giyeu	Suối Nước Long	0,79	1626495	606293	Kon Plông	1625895	606184	Kon Plông	0,67	
5373	18	01	05	02							Không tên	Suối Nước Long	1,01	1626849	605813	Kon Plông	1625893	605962	Kon Plông	0,73	
5374	18	01	06								Không tên	Suối Nước Long	1,12	1625256	605868	Kon Plông	1625624	606872	Kon Plông	1,27	
5375	18	01	06	01							Không tên	Suối Nước Long	0,88	1625846	606900	Kon Plông	1625480	606194	Kon Plông	0,67	
5376	18	01	07								Không tên	Suối Nước Long	1,48	1625497	604697	Kon Plông	1624980	605895	Kon Plông	0,48	
5377	18	01	08								Không tên	Suối Nước Long	0,7	1624902	605432	Kon Plông	1624468	605911	Kon Plông	0,36	
5378	18	01	09								Không tên	Suối Nước Long	5,91	1621144	602094	Kon Plông	1624428	605897	Kon Plông	26,14	
5379	18	01	09	01							Không tên	Suối Nước Long	0,56	1622383	602465	Kon Plông	1621970	602797	Kon Plông	0,51	
5380	18	01	09	02							Không tên	Suối Nước Long	2,75	1622436	603769	Kon Plông	1619948	603485	Kon Plông	2,68	
5381	18	01	09	02	02						Không tên	Suối Nước Long	1	1621091	603512	Kon Plông	1620455	604202	Kon Plông	0,76	
5382	18	01	09	02	02	01					Không tên	Suối Nước Long	0,72	1621090	604302	Kon Plông	1620914	603724	Kon Plông	0,3	
5383	18	01	09	02	03						Không tên	Suối Nước Long	0,68	1620933	602892	Kon Plông	1621248	603434	Kon Plông	0,77	
5384	18	01	09	03							Không tên	Suối Nước Long	1,58	1622743	602577	Kon Plông	1622569	603932	Kon Plông	0,84	
5385	18	01	09	03	01						Không tên	Suối Nước Long	0,51	1623171	603441	Kon Plông	1622682	603401	Kon Plông	0,38	
5386	18	01	09	04							Không tên	Suối Nước Long	1,65	1622704	604173	Kon Plông	1621367	603922	Kon Plông	0,52	
5387	18	01	09	5_1							Không tên	Suối Nước Long	0,43	1623473	605375	Kon Plông	1623204	605079	Kon Plông	0,66	
5388	18	01	09	05							Không tên	Suối Nước Long	2,61	1623089	604694	Kon Plông	1620836	605255	Kon Plông	1,85	
5389	18	01	09	05	01						Không tên	Suối Nước Long	1,23	1620790	604469	Kon Plông	1621753	604998	Kon Plông	0,59	
5390	18	01	09	06							S. Vi Chong	Suối Nước Long	9,15	1622232	601005	Kon Plông	1624346	605666	Kon Plông	15,11	
5391	18	01	09	06	01						Không tên	S. Vi Chong	0,85	1623024	600844	Kon Plông	1623206	601631	Kon Plông	0,44	
5392	18	01	09	06	02						Không tên	S. Vi Chong	1,14	1623496	600841	Kon Plông	1623400	601889	Kon Plông	0,57	
5393	18	01	09	06	02	01					Không tên	S. Vi Chong	0,98	1623802	600861	Kon Plông	1623488	601744	Kon Plông	0,26	
5394	18	01	09	06	03						Không tên	S. Vi Chong	2,05	1623400	601889	Kon Plông	1621657	602005	Kon Plông	2,01	
5395	18	01	09	06	03	01					Không tên	S. Vi Chong	0,65	1621650	601437	Kon Plông	1622190	601762	Kon Plông	0,37	
5396	18	01	09	06	03	02					Không tên	S. Vi Chong	1,02	1621709	601029	Kon Plông	1622387	601708	Kon Plông	0,73	
5397	18	01	09	06	03	03					Không tên	S. Vi Chong	0,58	1622442	602302	Kon Plông	1622828	601993	Kon Plông	0,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5398	18	01	09	06	04						Không tên	S. Vi Chong	0,55	1623551	602559	Kon Plông	1623825	602103	Kon Plông	0,66	
5399	18	01	09	06	05						Không tên	S. Vi Chong	1,19	1624107	601205	Kon Plông	1624337	602241	Kon Plông	0,54	
5400	18	01	09	06	06						Không tên	S. Vi Chong	2,89	1624415	600838	Kon Plông	1625624	602626	Kon Plông	3,36	
5401	18	01	09	06	06	01					Không tên	S. Vi Chong	0,7	1625947	601069	Kon Plông	1625451	601487	Kon Plông	0,37	
5402	18	01	09	06	06	02					Suối Đắk Re	S. Vi Chong	1,4	1624379	601358	Kon Plông	1625330	602191	Kon Plông	0,63	
5403	18	01	09	06	07						Không tên	S. Vi Chong	1,32	1626450	601803	Kon Plông	1625753	602767	Kon Plông	0,88	
5404	18	01	09	06	07	01					Không tên	S. Vi Chong	0,55	1626206	601698	Kon Plông	1626138	602231	Kon Plông	0,53	
5405	18	01	09	06	08						Không tên	S. Vi Chong	1,1	1626701	602469	Kon Plông	1625862	602951	Kon Plông	0,95	
5406	18	01	09	06	09						Suối Nước leng	S. Vi Chong	1,41	1624486	602983	Kon Plông	1625613	603666	Kon Plông	0,62	
5407	18	01	09	06	10						Không tên	S. Vi Chong	0,58	1626018	603916	Kon Plông	1625505	604130	Kon Plông	0,57	
5408	18	01	09	06	11						Không tên	S. Vi Chong	0,62	1625003	603654	Kon Plông	1624969	604248	Kon Plông	0,22	
5409	18	01	09	06	12						Không tên	S. Vi Chong	1,4	1624197	603145	Kon Plông	1624699	604308	Kon Plông	0,57	
5410	18	01	09	06	13						Không tên	S. Vi Chong	0,84	1624108	603734	Kon Plông	1624597	604319	Kon Plông	0,13	
5411	18	01	09	06	14						Không tên	S. Vi Chong	4,33	1622752	602414	Kon Plông	1624197	605177	Kon Plông	2,98	
5412	18	01	09	06	14	01					Không tên	S. Vi Chong	1,13	1623420	603737	Kon Plông	1623726	604507	Kon Plông	0,95	
5413	18	01	10								Không tên	Suối Nước Long	0,81	1625058	606457	Kon Plông	1624359	606081	Kon Plông	0,67	
5414	18	01	11								Không tên	Suối Nước Long	0,67	1623433	605784	Kon Plông	1623844	606278	Kon Plông	0,73	
5415	18	01	12								Không tên	Suối Nước Long	1,92	1625323	607316	Kon Plông	1623614	606893	Kon Plông	1,56	
5416	18	01	12	01							Không tên	Suối Nước Long	1,35	1625599	607189	Kon Plông	1624404	607332	Kon Plông	0,66	
5417	18	01	13								Không tên	Suối Nước Long	1,7	1622675	605526	Kon Plông	1623480	606970	Kon Plông	0,56	
5418	18	01	14								Không tên	Suối Nước Long	0,45	1623442	607617	Kon Plông	1623876	607698	Kon Plông	0,64	
5419	18	01	15								Không tên	Suối Nước Long	1,3	1622330	606466	Kon Plông	1622470	607678	Kon Plông	1,05	
5420	18	01	15	01							Không tên	Suối Nước Long	1,13	1622877	606251	Kon Plông	1622310	607191	Kon Plông	0,89	
5421	18	01	16								S. Nước Vui	Suối Nước Long	8,27	1618314	603554	Kon Plông	1622457	607690	Kon Plông	9,53	
5422	18	01	16	01							Không tên	S. Nước Vui	1,22	1618764	602761	Kon Plông	1618314	603554	Kon Plông	1,37	
5423	18	01	16	02							Không tên	S. Nước Vui	1,27	1619567	603198	Kon Plông	1618519	603703	Kon Plông	1,26	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5424	18	01	16	03							Không tên	S. Nước Vui	1,12	1619728	603638	Kon Plông	1618778	603986	Kon Plông	0,95	
5425	18	01	16	04							Không tên	S. Nước Vui	1,42	1620125	604229	Kon Plông	1619247	604608	Kon Plông	0,77	
5426	18	01	16	04	01						Không tên	S. Nước Vui	0,99	1620367	604318	Kon Plông	1619428	604245	Kon Plông	0,49	
5427	18	01	16	5_1							Không tên	S. Nước Vui	0,88	1618896	605503	Kon Plông	1619697	605562	Kon Plông	0,76	
5428	18	01	16	05							Không tên	S. Nước Vui	0,85	1618718	605208	Kon Plông	1619458	605207	Kon Plông	0,62	
5429	18	01	16	05	01						Không tên	S. Nước Vui	1,06	1618632	604670	Kon Plông	1619426	605225	Kon Plông	0,44	
5430	18	01	16	05	01	01					Không tên	S. Nước Vui	0,67	1618553	605161	Kon Plông	1619178	605030	Kon Plông	0,72	
5431	18	01	16	06							Không tên	S. Nước Vui	1,37	1619672	605517	Kon Plông	1620614	604798	Kon Plông	0,99	
5432	18	01	16	06	01						Không tên	S. Nước Vui	0,73	1619962	604653	Kon Plông	1620083	605355	Kon Plông	0,34	
5433	18	01	16	07							Không tên	S. Nước Vui	1,11	1620882	605639	Kon Plông	1621300	606535	Kon Plông	0,7	
5434	18	01	16	08							Không tên	S. Nước Vui	1,27	1621471	605435	Kon Plông	1621469	606655	Kon Plông	0,5	
5435	18	01	16	09							Không tên	S. Nước Vui	1,08	1622221	605729	Kon Plông	1621876	606751	Kon Plông	0,84	
5436	18	01	16	09	01						Không tên	S. Nước Vui	1,27	1621905	606540	Kon Plông	1622036	605355	Kon Plông	0,62	
5437	18	01	17								Không tên	Suối Nước Long	2,02	1622345	608207	Ba Xa	1624124	608881	Ba Xa	1,39	
5438	18	01	17	01							Không tên	Suối Nước Long	1,88	1624579	608378	Kon Plông	1622821	608136	Kon Plông	0,79	
5439	18	2_1									S. Nước Vi	Sông Trà Khúc	10,54	1629584	605889	Kon Plông	1627817	613003	Ba Vi	16,5	
5440	18	2_1	01								Không tên	S. Nước Vi	0,54	1629197	605472	Kon Plông	1628855	605808	Kon Plông	0,46	
5441	18	2_1	02								Không tên	S. Nước Vi	0,51	1628610	605368	Kon Plông	1628801	605830	Kon Plông	0,89	
5442	18	2_1	03								Không tên	S. Nước Vi	0,65	1629193	606433	Kon Plông	1628679	606126	Kon Plông	0,97	
5443	18	2_1	04								Suối Nước Púp	S. Nước Vi	0,75	1628455	605406	Kon Plông	1628447	606104	Kon Plông	1,09	
5444	18	2_1	05								Suối Nước Púp	S. Nước Vi	0,86	1628195	605506	Kon Plông	1628248	606266	Kon Plông	1,11	
5445	18	2_1	06								Suối nước Ui	S. Nước Vi	2,45	1628351	606849	Kon Plông	1629943	606408	Kon Plông	1,15	
5446	18	2_1	06	01							Không tên	Suối nước Ui	0,62	1629049	606586	Kon Plông	1628593	606813	Kon Plông	0,64	
5447	18	2_1	07								Không tên	S. Nước Vi	2,1	1627531	605520	Kon Plông	1627710	607136	Kon Plông	2,64	
5448	18	2_1	07	01							Suối nước Uy	S. Nước Vi	1,28	1627617	606544	Kon Plông	1626797	606651	Kon Plông	1,04	
5449	18	2_1	07	01	01						Không tên	S. Nước Vi	0,52	1627142	605803	Kon Plông	1627121	606224	Kon Plông	0,34	
5450	18	2_1	07	02							Suối Nước Mơ Nắng	S. Nước Vi	0,76	1626881	606883	Kon Plông	1627585	606734	Kon Plông	0,52	
5451	18	2_1	07	03							Suối Nước Hgu	S. Nước Vi	0,7	1626984	607107	Kon Plông	1627629	606959	Kon Plông	0,56	
5452	18	2_1	08								Không tên	S. Nước Vi	0,7	1627316	607450	Kon Plông	1626676	607686	Kon Plông	0,84	
5453	18	2_1	09								Không tên	S. Nước Vi	1,61	1627280	608633	Kon Plông	1628285	607899	Kon Plông	1,06	
5454	18	2_1	09	01							Suối nước Tang	S. Nước Vi	0,95	1628714	608467	Kon Plông	1627877	608607	Kon Plông	0,76	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5455	18	02									Sông La Ê	Sông Trà Khúc	5,7	1632018	606547	Kon Plông	1632310	610139	Kon Plông	26	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5456	18	02	01								Suối nước non 1	Sông La Ê	1,91	1629837	606305	Kon Plông	1632018	606547	Kon Plông	1,57	
5457	18	02	02								Suối nước non 2	Sông La Ê	1,92	1632602	605086	Kon Plông	1632021	606538	Kon Plông	4,43	
5458	18	02	02	01							Nước Nga	Suối nước non 2	1,1	1633472	605134	Kon Plông	1632650	605750	Kon Plông	1,24	
5459	18	02	02	02							Không tên	Suối nước non 2	3,34	1631298	605001	Kon Plông	1632029	606329	Kon Plông	2,46	
5460	18	02	02	02	01						Không tên	Suối nước non 2	0,78	1632238	604952	Kon Plông	1631593	605244	Kon Plông	0,67	
5461	18	02	03								Suối la Ê	Sông La Ê	4,04	1632518	606742	Kon Plông	1635885	606329	Kon Plông	4,22	
5462	18	02	04								Suối nước Mự	Sông La Ê	1,44	1633876	606792	Kon Plông	1632566	606990	Kon Plông	0,71	
5463	18	02	05								Suối nước Pơ ả	Sông La Ê	1,54	1631082	607625	Kon Plông	1632114	607844	Kon Plông	0,99	
5464	18	02	06								Sông Tà ả	Sông La Ê	7,63	1632310	610139	Kon Plông	1628430	609358	Ba Vì	6,12	
5465	18	02	06	01							Suối Đakrăng	Sông Tà ả	0,71	1629534	607035	Kon Plông	1629733	607664	Kon Plông	0,27	
5466	18	02	06	02							Suối nước Tang	Sông Tà ả	1,24	1630258	606682	Kon Plông	1630180	607674	Kon Plông	1,31	
5467	18	02	06	02	01						Không tên	Suối nước non 2	0,63	1630091	606883	Kon Plông	1630384	607338	Kon Plông	0,34	
5468	18	02	06	03							Không tên	Sông Tà ả	0,68	1629388	608213	Kon Plông	1630006	608002	Kon Plông	0,34	
5469	18	02	06	04							Không tên	Sông Tà ả	0,78	1631207	608877	Kon Plông	1630719	609416	Kon Plông	0,67	
5470	18	02	06	05							Suối nước Kla	Sông Tà ả	1,37	1630693	609466	Kon Plông	1629415	609508	Kon Plông	1,3	
5471	18	02	06	05	01						Suối nước parai	Suối nước Kla	1,01	1629635	608743	Kon Plông	1630179	609446	Kon Plông	0,67	
5472	18	3_1									Suối Nước Long	Sông Trà Khúc	6,77	<Null>	<Null>	Kon Plông	1634209	609227	Ba Vì	5,76	
5473	18	3_1	01								Không tên	Suối Nước Long	0,72	1634954	607477	Kon Plông	1635496	607016	Kon Plông	1,11	
5474	18	3_1	02								Không tên	Suối Nước Long	0,77	1634950	607223	Kon Plông	1635181	606528	Kon Plông	1,67	
5475	18	04									Đăk Lô	Sông Trà Khúc	31,6	1622669	589160	Kon Plông	1639464	596908	Ba Vì	0,84	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5476	18	04	1_1								Không tên	Đăk Lô	0,57	1623551	590128	Măng Đen	1623503	589567	Măng Đen	0,53	
5477	18	04	1_2								Không tên	Đăk Lô	0,75	1623831	590200	Măng Đen	1623682	589493	Măng Đen	0,67	
5478	18	04	1_3								Suối nước Niền	Đăk Lô	0,85	1623590	588822	Măng Đen	1624328	588724	Măng Đen	1,05	
5479	18	04	1_3	01							Suối nước Chiêu	Suối nước Niền	0,92	1623594	588368	Măng Đen	1624277	588694	Măng Đen	0,82	
5480	18	04	1_4								Suối nước Leng	Đăk Lô	0,8	1624494	589382	Măng Đen	1624515	588633	Măng Đen	0,49	
5481	18	04	1_5								Suối nước Tây	Đăk Lô	1,4	1623775	588004	Măng Đen	1624790	587220	Măng Đen	1,5	
5482	18	04	01								Phụ lưu số 1	Sông Đăk Lô	10,37	1628754	583270	Măng Đen	1624988	587000	Măng Đen	26,34	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5483	18	04	01	01							Không tên	Phụ lưu số 1	1,17	1628796	584297	Măng Đen	1628334	583249	Măng Đen	1,37	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5484	18	04	01	02							Không tên	Phụ lưu số 1	0,56	1628079	583783	Măng Đen	1627858	583285	Măng Đen	0,83	
5485	18	04	01	03							Không tên	Phụ lưu số 1	0,56	1627328	583701	Măng Đen	1626979	583278	Măng Đen	0,53	
5486	18	04	01	04							Suối Đắk Sa	Phụ lưu số 1	2,6	1628487	582101	Măng Đen	1626618	583300	Măng Đen	2,1	
5487	18	04	01	04	01						Suối Đắk Non Chồ	Suối Đắk Sa	1,04	1627816	581555	Măng Đen	1627566	582538	Măng Đen	0,93	
5488	18	04	01	04	02						Không tên	Suối Đắk Sa	0,95	1627305	581648	Măng Đen	1627403	582539	Măng Đen	0,88	
5489	18	04	01	05							Không tên	Phụ lưu số 1	0,84	1627130	583940	Măng Đen	1626599	583301	Măng Đen	0,72	
5490	18	04	01	06							Không tên	Phụ lưu số 1	1,89	1626896	581750	Măng Đen	1625756	583063	Măng Đen	1,1	
5491	18	04	01	07							Không tên	Phụ lưu số 1	1,36	1626079	581775	Măng Đen	1625715	583051	Măng Đen	0,8	
5492	18	04	01	08							Không tên	Phụ lưu số 1	0,98	1625995	583891	Măng Đen	1625356	583173	Măng Đen	0,56	
5493	18	04	01	09							Suối Đakhe	Phụ lưu số 1	2,1	1625236	583201	Măng Đen	1623481	583078	Măng Đen	2,37	
5494	18	04	01	09	01						Suối nước Dương	Suối Đakhe	0,79	1623908	582441	Măng Đen	1623841	583166	Măng Đen	0,67	
5495	18	04	01	09	02						Không tên	Suối Đakhe	1,21	1624813	581911	Măng Đen	1624625	582901	Măng Đen	0,72	
5496	18	04	01	09	03						Không tên	Suối Đakhe	1,48	1625643	581981	Măng Đen	1624937	582973	Măng Đen	0,68	
5497	18	04	01	10							Không tên	Phụ lưu số 1	2,02	1623892	583891	Măng Đen	1624326	584678	Măng Đen	1,2	
5498	18	04	01	11							Không tên	Phụ lưu số 1	1,32	1623208	585426	Măng Đen	1624251	584835	Măng Đen	1,67	
5499	18	04	01	12							Không tên	Phụ lưu số 1	1,42	1625522	584270	Măng Đen	1624743	585226	Măng Đen	1,09	
5500	18	04	01	13							Không tên	Phụ lưu số 1	2,56	1626770	584207	Măng Đen	1624978	585553	Măng Đen	1,2	
5501	18	04	01	13	01						Không tên	Sông Trà Khúc	0,57	1625233	584755	Măng Đen	1625168	585309	Măng Đen	0,37	
5502	18	04	01	14							Không tên	Phụ lưu số 1	0,64	1625761	585416	Măng Đen	1625245	585754	Măng Đen	0,85	
5503	18	04	01	15							Không tên	Phụ lưu số 1	4,93	1628768	584833	Măng Đen	1627704	585030	Măng Đen	5,55	
5504	18	04	01	15	01						Không tên	Phụ lưu số 1	0,58	1628243	585271	Măng Đen	1627758	585016	Măng Đen	0,38	
5505	18	04	01	15	02						Không tên	Phụ lưu số 1	0,59	1627704	585030	Măng Đen	1628291	585055	Măng Đen	0,19	
5506	18	04	01	15	03						Không tên	Phụ lưu số 1	0,95	1627472	584199	Măng Đen	1627247	585068	Măng Đen	0,59	
5507	18	04	01	15	04						Không tên	Phụ lưu số 1	1,01	1628001	585494	Măng Đen	1627161	585976	Măng Đen	0,67	
5508	18	04	01	15	05						Không tên	Phụ lưu số 1	1,32	1626651	585429	Măng Đen	1625733	585920	Măng Đen	0,8	
5509	18	04	01	16							Suối nước Điang	Phụ lưu số 1	2,19	1624834	586261	Măng Đen	1623164	585795	Măng Đen	1,6	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5510	18	04	01	16	01						Suối nước Ly	Suối nước Diang	0,88	1623468	586109	Măng Đen	1623469	586108	Măng Đen	0,67	
5511	18	04	01	17							Suối nước Niung	Phụ lưu số 1	2,07	1624881	586927	Măng Đen	1623475	586576	Măng Đen	1,35	
5512	18	04	2_1								Suối nước Răng	Sông Trà Khúc	0,56	1625614	586384	Măng Đen	1625455	586915	Măng Đen	37	
5513	18	04	2_2								Suối nước Lự	Đăk Lô	0,66	1626104	586606	Măng Đen	1625630	586912	Măng Đen	0,27	
5514	18	04	2_3								Suối nước Lưới	Đăk Lô	0,63	1626336	586782	Măng Đen	1625884	587153	Măng Đen	0,34	
5515	18	04	2_4								Không tên	Đăk Lô	1,69	1626088	587635	Măng Đen	1625513	588922	Măng Đen	1,72	
5516	18	04	2_4	01							Suối nước Lum	Đăk Lô	1,17	1626310	588742	Măng Đen	1625516	588326	Măng Đen	0,64	
5517	18	04	2_4	02							Suối nước Pray	Đăk Lô	0,97	1626573	588352	Măng Đen	1625763	587968	Măng Đen	0,85	
5518	18	04	2_5								Không tên	Đăk Lô	1,34	1627684	588510	Măng Đen	1627291	587927	Măng Đen	1,16	
5519	18	04	2_6								Không tên	Đăk Lô	1,07	1628349	588430	Măng Đen	1627609	587744	Măng Đen	0,82	
5520	18	04	2_7								Không tên	Đăk Lô	1,08	1627012	587040	Măng Đen	1627786	587528	Măng Đen	0,83	
5521	18	04	2_8								Không tên	Đăk Lô	0,82	1627528	587008	Măng Đen	1628147	587474	Măng Đen	0,76	
5522	18	04	2_9								Không tên	Đăk Lô	2,35	1627995	585813	Măng Đen	1628500	587543	Măng Đen	1,38	
5523	18	04	2_9	01							Không tên	Đăk Lô	0,79	1628441	586051	Măng Đen	1627852	586383	Măng Đen	0,61	
5524	18	04	2_10								Suối Nước Chè	Đăk Lô	4,96	1630814	584485	Măng Đen	1629342	587837	Măng Đen	8,8	
5525	18	04	2_10	01							Không tên	Suối Nước Chè	0,54	1629246	584220	Măng Đen	1629531	584661	Măng Đen	0,48	
5526	18	04	2_10	02							Không tên	Suối Nước Chè	0,67	1628605	585721	Măng Đen	1629195	585863	Măng Đen	0,34	
5527	18	04	2_10	03							Không tên	Suối Nước Chè	0,68	1629732	585483	Măng Đen	1629433	586077	Măng Đen	0,54	
5528	18	04	2_10	04							Không tên	Suối Nước Chè	3,29	1631312	584646	Măng Đen	1629474	586336	Măng Đen	2,1	
5529	18	04	2_10	04	01						Không tên	Suối Nước Chè	0,73	1630529	586529	Măng Đen	1630189	585941	Măng Đen	0,85	
5530	18	04	2_10	05							Không tên	Suối Nước Chè	0,96	1630271	587046	Măng Đen	1629352	586974	Măng Đen	0,97	
5531	18	04	2_11								Không tên	Đăk Lô	0,52	1629847	587903	Kon Plông	1629354	587967	Kon Plông	0,14	
5532	18	04	2_12								Không tên	Đăk Lô	2,13	1629420	588662	Kon Plông	1630935	587514	Kon Plông	2,18	
5533	18	04	2_12	01							Không tên	Đăk Lô	1,48	1630914	588055	Kon Plông	1630018	588477	Kon Plông	0,77	
5534	18	04	2_13								Không tên	Đăk Lô	0,89	1630490	589660	Kon Plông	1629724	589647	Kon Plông	0,49	
5535	18	04	2_14								Không tên	Đăk Lô	0,99	1630642	590292	Kon Plông	1629691	590453	Kon Plông	0,56	
5536	18	04	2_15								Không tên	Đăk Lô	3,17	1628357	588740	Măng Đen	1629161	590886	Kon Plông	4,59	
5537	18	04	2_15	01							Không tên	Đăk Lô	0,73	1627400	588983	Măng Đen	1628049	588994	Măng Đen	0,67	
5538	18	04	2_15	02							Không tên	Đăk Lô	1,02	1627173	589219	Măng Đen	1627992	589587	Măng Đen	0,95	
5539	18	04	2_15	03							Không tên	Đăk Lô	0,87	1627370	589774	Măng Đen	1628136	589742	Kon Plông	1,02	
5540	18	04	2_15	03	01						Không tên	Đăk Lô	0,86	1627359	590353	Măng Đen	1627981	589890	Kon Plông	0,76	
5541	18	04	2_15	04							Không tên	Đăk Lô	1,03	1627993	591049	Kon Plông	1628962	590796	Kon Plông	0,93	
5542	18	04	2_16								Không tên	Đăk Lô	1,48	1630290	592575	Kon Plông	1628985	593214	Kon Plông	0,92	
5543	18	04	2_17								Đăk Lô	Đăk Lô	3,61	1626238	592291	Măng Đen	1629044	593525	Kon Plông	21,22	
5544	18	04	2_17	01							Đăk Lô	Đăk Lô	4,93	1622935	593650	Măng Đen	1623705	593896	Măng Đen	9,28	
5545	18	04	2_17	01	01						Không tên	Đăk Lô	0,59	1623256	593538	Măng Đen	1623705	593896	Măng Đen	0,61	
5546	18	04	2_17	01	02						Đăk Re	Đăk Lô	2,85	1624615	593094	Măng Đen	1623586	591126	Măng Đen	2,02	
5547	18	04	2_17	01	02	01					Không tên	Đăk Lô	0,59	1624561	592136	Măng Đen	1624014	592238	Măng Đen	0,37	
5548	18	04	2_17	01	02	02					Không tên	Đăk Lô	0,89	1623663	591539	Măng Đen	1623774	592348	Măng Đen	0,49	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5549	18	04	2_17	01	03						Không tên	Đăk Lô	0,92	1624575	594041	Măng Đen	1625044	593309	Măng Đen	0,59	
5550	18	04	2_17	01	04						Không tên	Đăk Lô	2,76	1624293	590563	Măng Đen	1625728	592642	Măng Đen	2,46	
5551	18	04	2_17	01	04	01					Không tên	Đăk Lô	1,24	1624311	591746	Măng Đen	1625409	592012	Măng Đen	0,72	
5552	18	04	2_17	02							Đăk Lo	Đăk Lô	4,07	1626307	589297	Măng Đen	1626519	592375	Măng Đen	10	
5553	18	04	2_17	02	01						Không tên	Đăk Lô	2,92	1624857	589392	Măng Đen	1626445	590857	Măng Đen	3,57	
5554	18	04	2_17	02	01	01					Suối nước Pre	Đăk Lô	1,43	1626423	589026	Măng Đen	1625650	589757	Măng Đen	1,03	
5555	18	04	2_17	02	01	02					Suối nước Chia	Đăk Lô	1,53	1624345	590197	Măng Đen	1625666	589852	Măng Đen	1,45	
5556	18	04	2_17	02	01	03					Suối nước Chum	Đăk Lô	0,53	1625575	590633	Măng Đen	1625915	590616	Măng Đen	0,19	
5557	18	04	2_17	02	02						Không tên	Đăk Lô	1,02	1625498	591205	Măng Đen	1626186	591494	Măng Đen	0,55	
5558	18	04	2_17	02	03						Không tên	Đăk Lô	1,59	1627706	591341	Kon Plông	1626380	591594	Măng Đen	0,83	
5559	18	04	2_17	02	04						Không tên	Đăk Lô	0,6	1626898	591927	Măng Đen	1626498	592299	Măng Đen	0,42	
5560	18	04	2_17	03							Đak Lo	Đăk Lô	1,76	1627637	591993	Kon Plông	1628131	593566	Kon Plông	1,53	
5561	18	04	2_17	03	01						Không tên	Đăk Lô	0,97	1627584	592423	Kon Plông	1628084	593241	Kon Plông	0,49	
5562	18	04	2_17	04							Suối nước Choan	Đăk Lô	0,83	1628218	592777	Kon Plông	1628637	593477	Kon Plông	0,72	
5563	18	04	2_18								Không tên	Đăk Lô	0,79	1628412	593950	Kon Plông	1629119	593680	Kon Plông	0,61	
5564	18	04	2_19								Suối nước Hin	Đăk Lô	0,72	1628829	594524	Kon Plông	1629470	594313	Kon Plông	0,67	
5565	18	04	2_21								Không tên	Đăk Lô	0,45	1630161	594837	Kon Plông	1630250	594483	Kon Plông	0,42	
5566	18	04	2_22								Suối nước Kònh	Đăk Lô	1,1	1631022	593220	Kon Plông	1630718	594245	Kon Plông	0,82	
5567	18	04	2_23								Suối nước Nao	Đăk Lô	0,4	1630663	595098	Kon Plông	1630947	595373	Kon Plông	0,64	
5568	18	04	2_24								Đăk Lô	Đăk Lô	8,86	1631354	595897	Kon Plông	1624249	594754	Kon Plông	20,95	
5569	18	04	2_24	01							Không tên	Đăk Lô	0,77	1624373	595625	Kon Plông	1625077	595410	Kon Plông	0,87	
5570	18	04	2_24	02							Không tên	Đăk Lô	1,02	1624925	594455	Kon Plông	1625698	595046	Kon Plông	0,48	
5571	18	04	2_24	03							Không tên	Đăk Lô	1,21	1625343	594195	Kon Plông	1626162	594992	Kon Plông	0,5	
5572	18	04	2_24	04							Không tên	Đăk Lô	1,47	1625671	596254	Kon Plông	1626242	594972	Kon Plông	1,48	
5573	18	04	2_24	05							Suối nước Roan	Đăk Lô	1,32	1627420	596170	Kon Plông	1627865	594989	Kon Plông	0,98	
5574	18	04	2_24	06							Suối ĐakLụ	Đăk Lô	0,81	1627539	594454	Kon Plông	1628122	594955	Kon Plông	0,82	
5575	18	04	2_24	07							Suối nước Nơ	Đăk Lô	1,13	1628543	595942	Kon Plông	1629210	595076	Kon Plông	0,58	
5576	18	04	2_24	08							Suối nước Khieh	Đăk Lô	1	1629054	595961	Kon Plông	1629532	595197	Kon Plông	0,56	
5577	18	04	2_24	09							Suối nước Ljeh	Đăk Lô	1,31	1630254	596637	Kon Plông	1630257	595345	Kon Plông	0,77	
5578	18	04	2_24	10							Suối Nước Tònh	Đăk Lô	1,54	1630983	597262	Kon Plông	1630918	595915	Kon Plông	1,25	
5579	18	04	2_25								Suối nước Rơ Nôu	Đăk Lô	2,53	1632112	593307	Kon Plông	1631549	595713	Kon Plông	2,8	
5580	18	04	2_25	01							Suối nước Bren	Suối nước Rơ Nôu	1,04	1631660	593191	Kon Plông	1631890	594194	Kon Plông	0,63	
5581	18	04	2_26								Suối Đak Ten	Đăk Lô	0,88	1632893	595003	Kon Plông	1632800	595689	Kon Plông	0,76	
5582	18	04	2_27								Suối nước Đak Pha Che	Đăk Lô	2,1	1632554	597717	Kon Plông	1633222	596113	Kon Plông	1,19	
5583	18	04	2_28								Suối nước Banat	Đăk Lô	1	1633098	597142	Kon Plông	1633307	596176	Kon Plông	0,44	
5584	18	04	2_29								Suối Tà Bay	Đăk Lô	2,76	1633067	597920	Kon Plông	1634043	596257	Kon Plông	3,48	
5585	18	04	2_30								Suối Nước Rói	Đăk Lô	1,36	1634752	597743	Kon Plông	1635127	596550	Kon Plông	1,21	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5586	18	04	02								Suối Đăk Chè	Đăk Lô	12,13	1639568	590459	Kon Plông	1635898	596344	Kon Plông	79,55	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5587	18	04	02	01							Không tên	Đăk Chè	1,54	1639952	589292	Kon Plông	1639587	590456	Kon Plông	1,64	
5588	18	04	02	01							Không tên	Đăk Chè	2,08	1630366	591227	Kon Plông	1632321	591456	Kon Plông	2,1	
5589	18	04	02	02							Không tên	Đăk Chè	0,81	1639798	591229	Kon Plông	1639482	590489	Kon Plông	0,82	
5590	18	04	02	03							Không tên	Đăk Chè	0,75	1638847	591384	Kon Plông	1638506	590738	Kon Plông	0,61	
5591	18	04	02	04							Không tên	Đăk Chè	2,26	1639078	588622	Kon Plông	1637866	590431	Kon Plông	1,26	
5592	18	04	02	05							Không tên	Đăk Chè	3,16	1637783	587635	Kon Plông	1637192	590589	Kon Plông	6,1	
5593	18	04	02	05	01						Không tên	Đăk Chè	1,13	1636715	588996	Kon Plông	1637386	589896	Kon Plông	1,26	
5594	18	04	02	06							Không tên	Đăk Chè	1,19	1637501	591719	Kon Plông	1636950	590736	Kon Plông	0,82	
5595	18	04	02	07							Suối nước Kro	Đăk Chè	2,23	1635595	588809	Kon Plông	1635526	590858	Kon Plông	1,7	
5596	18	04	02	08							Không tên	Đăk Chè	1,31	1636401	591425	Kon Plông	1635328	591049	Kon Plông	1,25	
5597	18	04	02	09	01						Không tên	Đăk Chè	0,63	1631088	590662	Kon Plông	1631336	591203	Kon Plông	0,94	
5598	18	04	02	09	02						Không tên	Đăk Chè	0,94	1632051	590538	Kon Plông	1632525	591236	Kon Plông	0,75	
5599	18	04	02	09	03						Không tên	Đăk Chè	1,02	1632532	592196	Kon Plông	1632863	591298	Kon Plông	0,46	
5600	18	04	02	09	04						Không tên	Đăk Chè	0,85	1633035	592130	Kon Plông	1633100	591365	Kon Plông	0,45	
5601	18	04	02	09	05						Không tên	Đăk Chè	3,63	1631849	586353	Kon Plông	1633063	589502	Kon Plông	7,6	
5602	18	04	02	09	05	01					Không tên	Đăk Chè	1,84	1632366	587119	Kon Plông	1630772	587020	Kon Plông	2,1	
5603	18	04	02	09	05	01	01				Suối Bay E	Đăk Chè	0,78	1631451	586573	Kon Plông	1631633	587222	Kon Plông	0,51	
5604	18	04	02	09	05	02					Không tên	Đăk Chè	1,79	1631114	588549	Kon Plông	1632679	588398	Kon Plông	1,34	
5605	18	04	02	09	05	03					Không tên	Đăk Chè	0,72	1632226	588742	Kon Plông	1632853	589026	Kon Plông	0,52	
5606	18	04	02	09	05	04					Đăk Chè	Đăk Chè	4,7	1630725	589502	Kon Plông	1634203	591017	Kon Plông	22,25	
5607	18	04	02	09	05	04	01				Không tên	Đăk Chè	1,45	1632219	589641	Kon Plông	1630908	590163	Kon Plông	0,76	
5608	18	04	02	09	05	05					Đăk Chè	Đăk Chè	5	1635525	586003	Kon Plông	1633624	589997	Kon Plông	8,84	
5609	18	04	02	09	05	05	01				Không tên	Đăk Chè	0,8	1633467	587462	Kon Plông	1633770	588177	Kon Plông	0,59	
5610	18	04	02	09	05	05	02				Không tên	Đăk Chè	1,51	1634797	588938	Kon Plông	1633606	589738	Kon Plông	1,33	
5611	18	04	02	09							Đăk Chè	Đăk Chè	6,08	1630284	591663	Kon Plông	1631369	592024	Kon Plông	36,44	
5612	18	04	02	10							Không tên	Đăk Chè	0,96	1633685	592295	Kon Plông	1634512	592557	Kon Plông	0,52	
5613	18	04	02	11							Không tên	Đăk Chè	0,79	1635341	592243	Kon Plông	1634658	592607	Kon Plông	0,59	
5614	18	04	02	12							Không tên	Đăk Chè	0,89	1633783	592765	Kon Plông	1634615	592765	Kon Plông	0,41	
5615	18	04	02	13							Không tên	Đăk Chè	0,77	1633787	593429	Kon Plông	1634527	593305	Kon Plông	0,43	
5616	18	04	02	14							Suối nước Chở	Đăk Chè	0,96	1635657	593575	Kon Plông	1634765	593882	Kon Plông	0,8	
5617	18	04	02	15							Suối nước Kru	Đăk Chè	1,47	1633632	595443	Kon Plông	1635052	595601	Kon Plông	1,13	
5618	18	04	3_1								Suối nước lù	Đăk Lô	1,84	1636061	597631	Kon Plông	1636679	595986	Kon Plông	2,62	
5619	18	04	3_1	01							Suối nước Sath	Suối nước lù	1,75	1636386	598182	Kon Plông	1636585	596659	Kon Plông	1,45	
5620	18	04	3_2								Suối nước Lũ	Đăk Lô	2,01	1637115	594146	Kon Plông	1636712	595961	Kon Plông	1,93	
5621	18	04	3_3								Suối nước Ta	Đăk Lô	1,3	1637976	594861	Kon Plông	1637150	595798	Kon Plông	1,05	
5622	18	04	3_4								Suối nước Điek Lũ	Đăk Lô	2,06	1639031	594875	Kon Plông	1637761	596262	Kon Plông	1,7	
5623	18	04	3_5								Suối Ngọc Tem 2	Đăk Lô	2,45	1637391	598538	Kon Plông	1638354	596538	Kon Plông	1,8	
5624	18	04	3_6								Suối Ngọc Tem 1	Đăk Lô	0,81	1639049	595687	Kon Plông	1638816	596411	Kon Plông	0,53	
5625	18	04	03								Đăk R' Baye	Đăk Lô	7,5	1649972	594126	Son Tây	1639594	596788	Kon Plông	49	Quyết định 605/QĐ-BNNMT

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5626	18	04	03	01							Đăk Cúc	Đăk R' Baye	3,88	1640972	591068	Kon Plông	1643208	593725	Kon Plông	3,06	
5627	18	04	03	02							Suối nước Rượu	Đăk R' Baye	1,29	1641244	594809	Kon Plông	1640782	593770	Kon Plông	1,24	
5628	18	04	03	03							Không tên	Đăk R' Baye	1,32	1639420	595136	Kon Plông	1639783	596321	Kon Plông	1,02	
5629	18	04	04								Suối Đăk Xe Rách	Đăk Lô	32,4	1616893	595717	Măng Đen	1638696	599976	Kon Plông	120	Quyết định 205/QĐ-TTg
5630	18	04	04	1_1							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	1,57	1616893	595717	Măng Đen	1615559	595964	Măng Đen	1,64	
5631	18	04	04	1_1	01						Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,94	1616211	594865	Măng Đen	1616475	595748	Măng Đen	0,86	
5632	18	04	04	1_2							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,65	1616738	595260	Măng Đen	1617277	595596	Măng Đen	0,67	
5633	18	04	04	1_3							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,72	1616820	596137	Kon Plông	1617464	596061	Kon Plông	0,75	
5634	18	04	04	1_4							Suối Đăk Pnong	Suối Đăk Xe Rách	0,99	1618092	595684	Kon Plông	1617818	596495	Kon Plông	0,49	
5635	18	04	04	1_5							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,49	1617549	596860	Kon Plông	1618003	596754	Kon Plông	0,29	
5636	18	04	04	1_6							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,93	1617630	597910	Kon Plông	1618093	597215	Kon Plông	0,47	
5637	18	04	04	1_7							Suối Đăk Sơ Rok	Suối Đăk Xe Rách	1,26	1618595	596432	Kon Plông	1618642	597457	Kon Plông	0,59	
5638	18	04	04	1_8							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,65	1618168	597802	Kon Plông	1618779	597590	Kon Plông	0,33	
5639	18	04	04	1_9							Suối Đăk Lơ Li	Suối Đăk Xe Rách	6,61	1619996	601281	Kon Plông	1619996	601281	Kon Plông	6,35	
5640	18	04	04	1_9	01						Suối Đăk Neng	Đăk Xa Răk	0,67	1620424	601759	Kon Plông	1619996	601281	Kon Plông	0,41	
5641	18	04	04	1_9	02						Không tên	Đăk Xa Răk	0,55	1619887	600972	Kon Plông	1619493	600658	Kon Plông	0,36	
5642	18	04	04	1_9	03						Không tên	Đăk Xa Răk	0,71	1619663	599496	Kon Plông	1619090	599870	Kon Plông	0,64	
5643	18	04	04	1_9	04						Suối Đăk K chăch	Đăk Xa Răk	0,9	1619322	598982	Kon Plông	1618513	599119	Kon Plông	1,24	
5644	18	04	04	1_9	06						Không tên	Đăk Xa Răk	1,62	1619611	598878	Kon Plông	1618785	597940	Kon Plông	0,86	
5645	18	04	04	1_9	05						Suối Đăk Ykrua	Đăk Xa Răk	0,45	1618834	598670	Kon Plông	1618438	598524	Kon Plông	0,77	
5646	18	04	04	1_10							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	1,35	1619532	597484	Kon Plông	1619892	598524	Kon Plông	0,53	
5647	18	04	04	1_10	01						Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,85	1619691	598176	Kon Plông	1619573	597510	Kon Plông	0,23	
5648	18	04	04	1_11							Suối Đăk Đa hộp	Suối Đăk Xe Rách	0,82	1619754	597002	Kon Plông	1620147	597694	Kon Plông	0,84	
5649	18	04	04	1_12							Không tên	Suối Đăk Xe Rách	4,27	1616641	595011	Măng Đen	1619776	596790	Kon Plông	3,29	
5650	18	04	04	1_12	01						Suối Đăk Brư	Suối Đăk Xe Rách	0,69	1618337	595899	Kon Plông	1618960	595652	Kon Plông	0,53	
5651	18	04	04	1_12	02						Không tên	Suối Đăk Xe Rách	0,76	1618450	596201	Kon Plông	1619122	595903	Kon Plông	0,67	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5652	18	04	04	1_12	03						Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,16	1619458	595001	Kon Plông	1619262	595964	Kon Plông	0,5	
5653	18	04	04	1_12	04						Không tên	Suối Đắc Xe Rách	0,57	1618966	596742	Kon Plông	1619461	596591	Kon Plông	0,46	
5654	18	04	04	1_13							Suối Đắc Brê	Suối Đắc Xe Rách	2,08	1620533	596362	Kon Plông	1620332	597948	Kon Plông	1,34	
5655	18	04	04	1_13	01						Không tên	Suối Đắc Brê	0,89	1620186	597397	Kon Plông	1620514	596751	Kon Plông	0,46	
5656	18	04	04	1_14							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	2,11	1620281	594535	Măng Đen	1620626	596214	Kon Plông	1,56	
5657	18	04	04	1_15							Suối Đắc Brê	Suối Đắc Xe Rách	1,12	1621259	596809	Kon Plông	1620695	596164	Kon Plông	0,85	
5658	18	04	04	1_16							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,51	1620468	594659	Kon Plông	1620914	596024	Kon Plông	1,3	
5659	18	04	04	1_16	01						Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,57	1622019	594606	Măng Đen	1620781	595284	Kon Plông	0,94	
5660	18	04	04	1_17							Suối Đắc Leng	Suối Đắc Xe Rách	0,79	1621290	595393	Kon Plông	1621135	596134	Kon Plông	0,28	
5661	18	04	04	1_18							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	0,66	1621455	595289	Kon Plông	1621725	595870	Kon Plông	0,34	
5662	18	04	04	1_19							Đắc Xa Răk	Suối Đắc Xe Rách	6,18	1621860	596008	Kon Plông	1619404	600042	Kon Plông	16,87	
5663	18	04	04	1_19	01						Không tên	Đắc Xa Răk	1,24	1619931	599915	Kon Plông	1620653	600851	Kon Plông	2,33	
5664	18	04	04	1_19	02						Không tên	Đắc Xa Răk	1,39	1618913	599429	Kon Plông	1620203	599375	Kon Plông	1,32	
5665	18	04	04	1_19	03						Suối Đắc Na	Đắc Xa Răk	2,69	1622229	600345	Kon Plông	1620208	599294	Kon Plông	2,67	
5666	18	04	04	1_19	03	01					Không tên	Suối Đắc Na	0,78	1621652	600033	Kon Plông	1620990	600043	Kon Plông	0,49	
5667	18	04	04	1_19	03	02					Không tên	Suối Đắc Na	0,99	1620726	600262	Kon Plông	1620515	599574	Kon Plông	0,35	
5668	18	04	04	1_19	03	03					Không tên	Suối Đắc Na	0,68	1620918	599604	Kon Plông	1620345	599386	Kon Plông	0,67	
5669	18	04	04	1_19	04						Suối Đắc Sơ Rok	Đắc Xa Răk	0,66	1619776	598853	Kon Plông	1620383	599019	Kon Plông	0,67	
5670	18	04	04	1_19	05						Suối Đắc Glong	Đắc Xa Răk	2,26	1621210	599002	Kon Plông	1622892	599864	Kon Plông	3,4	
5671	18	04	04	1_19	05	01					Không tên	Suối Đắc Glong	0,57	1621823	599925	Kon Plông	1621747	599366	Kon Plông	0,64	
5672	18	04	04	1_19	06						Không tên	Đắc Xa Răk	0,96	1620413	598500	Kon Plông	1621326	598446	Kon Plông	0,92	
5673	18	04	04	1_19	07						Suối Đắc Koa	Đắc Xa Răk	1,29	1621665	597982	Kon Plông	1620639	598182	Kon Plông	1,34	
5674	18	04	04	1_19	08						Suối Đắc Chố	Đắc Xa Răk	3,65	1621838	597963	Kon Plông	1624531	599583	Kon Plông	7,25	
5675	18	04	04	1_19	08	01					Không tên	Suối Đắc Chố	1,36	1623405	599838	Kon Plông	1623963	599271	Kon Plông	0,77	
5676	18	04	04	1_19	08	02					Không tên	Suối Đắc Chố	0,71	1623411	599586	Kon Plông	1623842	599130	Kon Plông	0,29	
5677	18	04	04	1_19	08	03					Không tên	Suối Đắc Chố	0,71	1623221	599439	Kon Plông	1623490	598817	Kon Plông	0,46	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5678	18	04	04	1_19	08	04					Không tên	Suối Đăk Chồ	0,74	1623949	598284	Kon Plông	1623427	598713	Kon Plông	0,65	
5679	18	04	04	1_19	08	05					Không tên	Suối Đăk Chồ	0,67	1623047	599265	Kon Plông	1623020	598645	Kon Plông	0,31	
5680	18	04	04	1_19	08	06					Không tên	Suối Đăk Chồ	0,81	1622624	598444	Kon Plông	1622223	598946	Kon Plông	0,6	
5681	18	04	04	1_19	08	07					Không tên	Suối Đăk Chồ	1,83	1623692	597256	Kon Plông	1622616	598402	Kon Plông	1,62	
5682	18	04	04	1_19	08	07	01				Không tên	Suối Đăk Chồ	0,74	1623998	598084	Kon Plông	1623334	597993	Kon Plông	0,82	
5683	18	04	04	1_19	09						Không tên	Đăk Xa Răck	0,23	1622217	597287	Kon Plông	1622023	597335	Kon Plông	0,13	
5684	18	04	04	1_19	10						Không tên	Đăk Xa Răck	0,76	1621477	597369	Kon Plông	1621943	597108	Kon Plông	0,51	
5685	18	04	04	1_19	11						Suối Đăk Plôn	Đăk Xa Răck	0,56	1621396	596961	Kon Plông	1621880	596728	Kon Plông	0,46	
5686	18	04	04	1_20							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,82	1622094	594761	Măng Đen	1622118	595451	Kon Plông	0,49	
5687	18	04	04	1_21							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	2,99	1626326	598025	Kon Plông	1624855	600035	Kon Plông	4,89	
5688	18	04	04	1_21	01						Không tên	Suối Đăc Xe Rách	1,25	1625632	599462	Kon Plông	1626468	600293	Kon Plông	1,91	
5689	18	04	04	1_21	01	01					Suối Đăk Kinhang	Suối Đăc Xe Rách	0,82	1625394	600230	Kon Plông	1625958	599770	Kon Plông	0,52	
5690	18	04	04	1_21	02						Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,58	1625735	598491	Kon Plông	1626244	598461	Kon Plông	0,68	
5691	18	04	04	1_22							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	1,42	1626591	596578	Kon Plông	1626639	597724	Kon Plông	1,68	
5692	18	04	04	1_22	01						Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,72	1625913	596739	Kon Plông	1626312	597252	Kon Plông	0,98	
5693	18	04	04	1_23							Suối nước chồ	Suối Đăc Xe Rách	1,88	1627641	597988	Kon Plông	1627818	599585	Kon Plông	1,12	
5694	18	04	04	1_24							Nước Tỷ	Suối Đăc Xe Rách	0,76	1628708	598842	Kon Plông	1629229	598373	Kon Plông	0,88	
5695	18	04	04	1_25							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	1	1629003	599569	Kon Plông	1629887	599237	Kon Plông	0,51	
5696	18	04	04	1_26							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,43	1630230	598936	Kon Plông	1630086	599309	Kon Plông	0,43	
5697	18	04	04	1_27							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	2,03	1630240	599943	Kon Plông	1628690	601071	Kon Plông	3,87	
5698	18	04	04	1_27	01						Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,66	1629282	600225	Kon Plông	1629918	600160	Kon Plông	0,67	
5699	18	04	04	1_27	02						Không tên	Suối Đăc Xe Rách	1,39	1630113	600088	Kon Plông	1630015	601262	Kon Plông	1,38	
5700	18	04	04	1_27	02	01					Suối Đăk xoắc	Suối Đăc Xe Rách	2,21	1630026	600375	Kon Plông	1629022	601469	Kon Plông	1,09	
5701	18	04	04	1_28							Không tên	Suối Đăc Xe Rách	0,64	1630776	600446	Kon Plông	1630470	599906	Kon Plông	0,37	
5702	18	04	04	1_29							Suối nước Long	Suối Đăc Xe Rách	0,99	1631978	598492	Kon Plông	1631569	599253	Kon Plông	0,59	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5703	18	04	04	1_30							Nước Siu	Suối Đăc Xe Rách	1,72	1631450	600955	Kon Plông	1632380	599649	Kon Plông	0,76	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5704	18	04	04	1_31							Nước Sục	Suối Đắc Xe Rách	1,76	1632237	601263	Kon Plông	1632862	599668	Kon Plông	0,94	
5705	18	04	04	1_32							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,01	1633031	598609	Kon Plông	1633226	599548	Kon Plông	0,69	
5706	18	04	04	1_33							Nước Chong	Suối Đắc Xe Rách	1,12	1633632	600749	Kon Plông	1633538	599673	Kon Plông	0,89	
5707	18	04	04	1_34							Nước Tự	Suối Đắc Xe Rách	0,98	1634291	600351	Kon Plông	1634778	599531	Kon Plông	0,57	
5708	18	04	04	1_35							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,27	1635549	598413	Kon Plông	1635177	599314	Kon Plông	0,95	
5709	18	04	04	1_36							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	0,73	1635960	598810	Kon Plông	1635877	599511	Kon Plông	0,55	
5710	18	04	04	1_37							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,34	1635141	600612	Kon Plông	1635907	599558	Kon Plông	0,73	
5711	18	04	04	1_38							Không tên	Suối Đắc Xe Rách	1,52	1636834	598544	Kon Plông	1636923	600007	Kon Plông	0,95	
5712	18	04	04	01							Sông Đăk Xiêu	Suối Đắc Xe Rách	18,06	1626310	601068	Kon Plông	1637623	600498	Kon Plông	25,68	
5713	18	04	04	01	01						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,58	1626903	602127	Kon Plông	1627239	601717	Kon Plông	0,63	
5714	18	04	04	01	02						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,9	1626910	600830	Kon Plông	1627503	601347	Kon Plông	0,58	
5715	18	04	04	01	03						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,71	1628385	600830	Kon Plông	1627938	601360	Kon Plông	1,27	
5716	18	04	04	01	03	01					Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,77	1627414	600844	Kon Plông	1628045	601190	Kon Plông	0,99	
5717	18	04	04	01	04						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,56	1627685	601858	Kon Plông	1628130	601576	Kon Plông	0,46	
5718	18	04	04	01	05						Không tên	Sông Đăk Xiêu	1,3	1628749	602561	Kon Plông	1627595	602291	Kon Plông	0,81	
5719	18	04	04	01	05	01					Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,45	1628073	602730	Kon Plông	1628353	602402	Kon Plông	0,23	
5720	18	04	04	01	06						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,66	1629369	602215	Kon Plông	1628968	602615	Kon Plông	0,43	
5721	18	04	04	01	07						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,43	1628945	603045	Kon Plông	1629215	602845	Kon Plông	0,27	
5722	18	04	04	01	08						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,77	1629554	602336	Kon Plông	1629749	602965	Kon Plông	0,34	
5723	18	04	04	01	09						Không tên	Sông Đăk Xiêu	1,23	1629981	601875	Kon Plông	1630054	602925	Kon Plông	1,08	
5724	18	04	04	01	09	01					Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,99	1631073	602397	Kon Plông	1630128	602534	Kon Plông	0,67	
5725	18	04	04	01	10						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,7	1630603	602572	Kon Plông	1630364	603142	Kon Plông	0,43	
5726	18	04	04	01	10	01					Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,51	1630836	602995	Kon Plông	1630379	603074	Kon Plông	0,37	
5727	18	04	04	01	11						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,7	1629784	603471	Kon Plông	1630318	603800	Kon Plông	0,79	
5728	18	04	04	01	12						Sông Đăk Xiêu	Sông Đăk Xiêu	3,01	1630489	603960	Kon Plông	1628113	603959	Kon Plông	5,2	
5729	18	04	04	01	12	01					Sông Đăk Xiêu	Sông Đăk Xiêu	2,48	1627523	602753	Kon Plông	1629056	604071	Kon Plông	1,28	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5730	18	04	04	01	12	01	01				Không tên	Sông Đăk Xiêu	1,11	1627265	602956	Kon Plông	1628080	603302	Kon Plông	0,29	
5731	18	04	04	01	12	02					Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,6	1629287	603466	Kon Plông	1629565	603860	Kon Plông	0,37	
5732	18	04	04	01	12	03					Không tên	Sông Đăk Xiêu	1,78	1630178	604211	Kon Plông	1628967	604711	Kon Plông	1,38	
5733	18	04	04	01	12	03	01				Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,58	1629992	605180	Kon Plông	1629763	604667	Kon Plông	0,68	
5734	18	04	04	01	13						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,67	1630815	603341	Kon Plông	1631176	603817	Kon Plông	0,47	
5735	18	04	04	01	14						Suối Đak Si	Sông Đăk Xiêu	2,66	1630600	601868	Kon Plông	1632908	602442	Kon Plông	1,73	
5736	18	04	04	01	14	01					Suối nước Sưng	Suối Đak Si	1,37	1631233	602274	Kon Plông	1632551	602293	Kon Plông	0,8	
5737	18	04	04	01	15						Không tên	Sông Đăk Xiêu	0,94	1635563	602397	Kon Plông	1635680	601508	Kon Plông	0,93	
5738	18	04	05								Sông Đăk Xe Rong	Đăk Lô	4,3	1631958	604356	Kon Plông	1635951	603281	Kon Plông	8	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5739	18	04	05	01							Đăk Xe Rong	Sông Đăk Xe Rong	3,21	1635912	603302	Kon Plông	1633234	603413	Kon Plông	3,58	
5740	18	04	07								Sông Đăk Drinh	Đăk Lô	25	1637087	581574	Măng Bút	1655110	584371	Măng Bút	375	Quyết định 205/QĐ-TTg
5741	18	04	07	1_1							Suối Đăk Van	Sông Đăk Drinh	1,72	1637911	580627	Măng Bút	1638057	582035	Măng Bút	1,01	
5742	18	04	07	1_2							Không tên	Sông Đăk Drinh	1,08	1638649	580298	Măng Bút	1639374	579603	Măng Bút	0,76	
5743	18	04	07	1_3							Đăk Drinh	Sông Đăk Drinh	5,1	1639216	582407	Măng Bút	1639219	582398	Măng Bút	10,32	
5744	18	04	07	1_3	01						Không tên	Sông Đăk Drinh	0,73	1638327	582307	Măng Bút	1638859	582793	Măng Bút	0,57	
5745	18	04	07	1_3	02						Suối Nước Chờ	Sông Đăk Drinh	2,54	1640836	583470	Măng Bút	1639219	582398	Măng Bút	2,8	
5746	18	04	07	1_3	03						Suối Đăk Nọ	Sông Đăk Drinh	0,77	1640184	582558	Măng Bút	1639756	581928	Măng Bút	0,81	
5747	18	04	07	1_3	04						Suối Đăk Uụng	Sông Đăk Drinh	0,81	1639069	581784	Măng Bút	1639697	581412	Măng Bút	0,67	
5748	18	04	07	1_3	05						Suối Đăk Tể	Sông Đăk Drinh	0,86	1639017	581049	Măng Bút	1639732	581063	Măng Bút	0,53	
5749	18	04	07	1_3	06						Không tên	Sông Đăk Drinh	1,02	1640038	580553	Măng Bút	1640719	581212	Măng Bút	0,85	
5750	18	04	07	1_3	06	01					Không tên	Sông Đăk Drinh	0,39	1640463	580721	Măng Bút	1640462	580719	Măng Bút	0,26	
5751	18	04	07	1_4							VII-XI	Sông Đăk Drinh	2,96	1642372	579933	Măng Bút	1640908	582225	Măng Bút	2,7	
5752	18	04	07	1_5							Không tên	Sông Đăk Drinh	0,74	1642538	580612	Măng Bút	1642859	579986	Măng Bút	0,43	
5753	18	04	07	1_6							Không tên	Sông Đăk Drinh	0,9	1643534	579447	Măng Bút	1642975	580105	Măng Bút	0,59	
5754	18	04	07	1_7							Sông Snghe	Sông Đăk Drinh	6,12	1642557	577365	Măng Bút	1644709	580281	Măng Bút	10,2	
5755	18	04	07	1_7	01						Suối Đăk Liệt	Sông Đăk Drinh	1,19	1643764	577678	Măng Bút	1642812	577544	Măng Bút	0,64	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5756	18	04	07	1_7	02						Suối Đăk Pú	Sông Đăk Drinh	0,86	1644194	578364	Măng Bút	1643410	578053	Măng Bút	0,35	
5757	18	04	07	1_7	03						Suối Đăk Tiang	Sông Đăk Drinh	1,68	1644204	578382	Măng Bút	1642643	578372	Măng Bút	0,84	
5758	18	04	07	1_7	04						Suối Đăk La	Sông Đăk Drinh	2,12	1644175	577196	Măng Bút	1644775	578825	Măng Bút	1,61	
5759	18	04	07	1_8							Không tên	Sông Đăk Drinh	5,39	1644854	580342	Măng Bút	1641002	583019	Măng Bút	5,76	
5760	18	04	07	1_8	01						Không tên	Sông Đăk Drinh	1,12	1643503	583235	Măng Bút	1643049	582399	Măng Bút	1,98	
5761	18	04	07	1_8	01	01					VII-XI	Sông Đăk Drinh	0,93	1642990	583677	Măng Bút	1643048	582797	Măng Bút	1,16	
5762	18	04	07	1_9							Không tên	Sông Đăk Drinh	1,34	1646500	581711	Măng Bút	1646500	581711	Măng Bút	0,94	
5763	18	04	07	1_10							Không tên	Sông Đăk Drinh	1,2	1647151	580633	Măng Bút	1647155	581796	Măng Bút	0,7	
5764	18	04	07	1_11							VII-XI	Sông Đăk Drinh	2,26	1648525	580800	Măng Bút	1647653	582269	Măng Bút	1,98	
5765	18	04	07	01							Suối Đăk Đ'Rinh	Sông Đăk Drinh	11,55	1642492	575887	Măng Bút	1648728	580585	Măng Bút	45,1	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5766	18	04	07	01	01						Suối Đăk Pút	Đăk Drinh	1,09	1643660	576080	Măng Bút	1643703	576715	Măng Bút	92	
5767	18	04	07	01	02						Suối Đăk Kliu	Đăk Drinh	1,59	1644109	575534	Măng Bút	1643739	575299	Măng Bút	1,49	
5768	18	04	07	01	03						Suối Đăk Tu Bồn	Đăk Drinh	1,41	1644570	575294	Măng Bút	1644436	573961	Măng Bút	1,37	
5769	18	04	07	01	04						Suối Đăk Prai	Đăk Drinh	1,83	1646272	578742	Măng Bút	1647430	578208	Măng Bút	1,89	
5770	18	04	07	01	04	01					Không tên	Suối Đăk Prai	0,57	1646281	578741	Măng Bút	1645762	578554	Măng Bút	0,34	
5771	18	04	07	01	05						Sg. Nước Pem	Đăk Drinh	6,82	1648964	578290	Măng Bút	1648964	578290	Măng Bút	22,16	
5772	18	04	07	01	05	01					Sụng Klai	Sg. Nước Pem	0,62	1648195	576431	Măng Bút	1648201	575810	Măng Bút	0,37	
5773	18	04	07	01	05	02					Suối Đăk Ngọc Ngoan	Sg. Nước Pem	1,6	1649347	575223	Măng Bút	1648751	576678	Măng Bút	1,35	
5774	18	04	07	01	05	02	01				Suối Đăk Ting	Suối Đăk Ngọc Ngoan	1,03	1648694	575119	Măng Bút	1649043	575996	Măng Bút	0,82	
5775	18	04	07	01	05	03					V-IX	Sg. Nước Pem	4,71	1651896	574741	Măng Bút	1649082	577690	Măng Bút	7,48	
5776	18	04	07	01	05	03	01				V-IX	V-IX	2,93	1649597	577310	Măng Bút	1651883	575965	Măng Bút	2,93	
5777	18	04	07	01	05	04					Không tên	Sg. Nước Pem	0,59	1649493	578190	Măng Bút	1648964	578290	Măng Bút	0,53	
5778	18	04	07	2_1							Man Liu	Đăk Drinh	6,84	1650960	580588	Măng Bút	1650960	580588	Măng Bút	15,13	
5779	18	04	07	2_1	01						Nước Roan	Man Liu	3	1653484	576097	Măng Bút	1651254	577594	Măng Bút	2,28	
5780	18	04	07	2_2							Đăk Xao	Đăk Drinh	8,07	1654004	576416	Măng Bút	1651770	581321	Măng Bút	21,67	
5781	18	04	07	2_2	01						Đăk Xao	Đăk Xao	1,69	1656089	575529	Măng Bút	1655113	576767	Măng Bút	1,44	
5782	18	04	07	2_3							Đăk Doa	Đăk Drinh	0,73	1652159	583503	Măng Bút	1652696	583084	Măng Bút	0,67	
5783	18	04	07	2_4							Đăk Tiêu	Đăk Drinh	0,98	1654138	584384	Măng Bút	1653359	584934	Măng Bút	0,74	
5784	18	04	07	02							Sông Đăk Tmeo	Sông Đăk Drinh	24	1664477	569785	Măng Bút	1655129	584371	Măng Bút	119	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5785	18	04	07	02	01						Không tên	Đăk Tmeo	3,88	1659005	571026	Măng Bút	1662263	572406	Măng Bút	8,97	
5786	18	04	07	02	01	01					Không tên	Đăk Tmeo	2,73	1661388	571936	Măng Bút	1659771	569987	Măng Bút	2,47	
5787	18	04	07	02	01	02					Không tên	Đăk Tmeo	1,96	1662939	570712	Măng Bút	1661647	572067	Măng Bút	1,83	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5788	18	04	07	02	02						Không tên	Đăk Tmeo	1,47	1663282	573041	Măng Bút	1662228	572482	Măng Bút	1,64	
5789	18	04	07	02	03						Không tên	Đăk Tmeo	1,19	1660551	572998	Măng Bút	1661534	573481	Măng Bút	0,99	
5790	18	04	07	02	05						Không tên	Đăk Tmeo	1,52	1661390	574567	Măng Bút	1660203	574046	Măng Bút	1,34	
5791	18	04	07	02	06						Không tên	Đăk Tmeo	2,43	1663054	574201	Măng Bút	1661327	574746	Măng Bút	1,47	
5792	18	04	07	02	07						Không tên	Đăk Tmeo	1,92	1661192	575814	Măng Bút	1659714	574954	Măng Bút	1,89	
5793	18	04	07	02	08						Không tên	Đăk Tmeo	2,64	1661415	576165	Măng Bút	1663432	575149	Măng Bút	1,97	
5794	18	04	07	02	09						Nam Voo	Đăk Tmeo	6,14	1656999	573833	Măng Bút	1661048	577098	Măng Bút	11,18	
5795	18	04	07	02	09	01					Không tên	Đăk Tmeo	0,73	1658280	575191	Măng Bút	1658897	574815	Măng Bút	0,37	
5796	18	04	07	02	09	02					Không tên	Đăk Tmeo	4,82	1660066	575957	Măng Bút	1656566	576484	Măng Bút	6,47	
5797	18	04	07	02	09	02	01				Nước Bao	Đăk Tmeo	1,69	1656119	575147	Măng Bút	1657582	575722	Măng Bút	1,4	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5798	18	04	07	02	09	02	02				Không tên	Đăk Tmeo	1,42	1659008	576700	Măng Bút	1657850	577490	Măng Bút	1,83	
5799	18	04	07	02	10						Không tên	Đăk Tmeo	1,16	1660049	576683	Măng Bút	1660987	577308	Măng Bút	0,89	
5800	18	04	07	02	11						Không tên	Đăk Tmeo	1,82	1661278	578370	Măng Bút	1659828	577436	Măng Bút	1,27	
5801	18	04	07	02	12						Không tên	Đăk Tmeo	1,94	1659569	578352	Măng Bút	1661090	579037	Măng Bút	1,57	
5802	18	04	07	02	13						Không tên	Đăk Tmeo	1,23	1662543	578162	Măng Bút	1662589	579229	Măng Bút	0,58	
5803	18	04	07	02	14						Tà Meo	Đăk Tmeo	2,65	1657975	579735	Măng Bút	1658562	581890	Măng Bút	2,12	
5804	18	04	07	02	15						Không tên	Đăk Tmeo	1,78	1656081	581336	Măng Bút	1657145	582461	Sơn Tây Thượng	1,84	
5805	18	04	07	02	16						Su Rơ Mạnh	Đăk Tmeo	2,3	1655125	582070	Măng Bút	1655355	584052	Sơn Tây Thượng	2,64	
5806	18	04	07	02	16	01					Không tên	Su Rơ Mạnh	0,56	1656020	583316	Măng Bút	1655648	583706	Măng Bút	0,72	
5807	18	04	07	03							Sông Đăk Rô man	Sông Đăk Drinh	20,2	1638810	584730	Kon Plông	1653242	587098	Măng Bút	89	Quyết định 205/QĐ-TTg
5808	18	04	07	03	1_1						Không tên	Đăk Rô Man	1,67	1639650	584376	Kon Plông	1639382	585712	Kon Plông	0,91	
5809	18	04	07	03	1_2						Đăk Rô	Đăk Rô Man	1,46	1641975	589022	Kon Plông	1640833	589577	Kon Plông	1,47	
5810	18	04	07	03	1_3						Đăk Ro Man	Đăk Rô Man	5,73	1641658	584759	Kon Plông	1644114	589420	Kon Plông	6,06	
5811	18	04	07	03	1_3	01					Không tên	Đăk Ro Man	1,05	1642005	585478	Kon Plông	1641004	585625	Kon Plông	0,6	
5812	18	04	07	03	1_4						Suối nước Bú	Đăk Rô Man	2,5	1646669	590491	Kon Plông	1646670	590491	Kon Plông	1,52	
5813	18	04	07	03	1_5						Suối nước Ri	Đăk Rô Man	6,99	1642172	584420	Măng Bút	1646191	589123	Kon Plông	7,95	
5814	18	04	07	03	1_5	01					Suối Măng Bụng	Suối nước Ri	0,77	1643598	585087	Kon Plông	1643224	585744	Kon Plông	0,67	
5815	18	04	07	03	1_6						Suối nước Ron	Đăk Rô Man	1,91	1646790	589061	Kon Plông	1647400	590497	Kon Plông	0,76	
5816	18	04	07	03	1_7						Không tên	Đăk Rô Man	1,22	1646782	587616	Măng Bút	1647445	588602	Măng Bút	0,45	
5817	18	04	07	03	1_8						Không tên	Đăk Rô Man	1,11	1647851	587605	Măng Bút	1647883	588548	Măng Bút	0,76	
5818	18	04	07	03	01						Suối Nước Ang	Đăk Rô Man	11,43	1642920	584283	Măng Bút	1651341	587768	Măng Bút	26,17	Quyết định 605/QĐ-BNNMT
5819	18	04	07	03	01	01					Tà Oi	Suối Nước Ang	0,93	1643947	584893	Măng Bút	1644709	584412	Măng Bút	0,93	

STT	Mã sông										Tên Sông	Chảy ra	Chiều dài (km)	Tọa độ điểm đầu		Xã	Tọa độ điểm cuối		Xã	Diện tích (km ²)	Ghi chú/Tên khác
	SC	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9				X	Y		X	Y			
5820	18	04	07	03	01	02					VII-XI	Suối Nước Ang	1,02	1649957	585476	Măng Bút	1650339	586196	Măng Bút	0,89	
5821	18	08	17	2_12	05	01					Không tên	Đăk BLa	0,61	1638342	578879	Măng Bút	1637831	578704	Măng Bút	0,53	
	VIII. Lưu vực sông Kôn																				
5822	20	01	1_13	1_12							Không tên	Kôn	2,62	1609245	606998	Kon Plông	1607948	608640	Kon Plông	3,01	
5823	20	01	1_13	1_13							Không tên	Kôn	2,35	1609634	607765	Kon Plông	1608408	609076	Kon Plông	2,34	
5824	20	01	1_13	1_15							Không tên	Kôn	3,01	1610061	608410	Kon Plông	1608739	610315	Kon Plông	2,64	
5825	20	01	1_13	1_15	01						Không tên	Kôn	0,65	1609800	608732	Kon Plông	1610106	609299	Kon Plông	0,34	
5826	20	01	1_13	1_15	02						Không tên	Kôn	1,14	1610834	610011	Kon Plông	1609909	609747	Kon Plông	0,86	
5827	20	01	1_13	1_16	01						Không tên	Kôn	0,89	1611241	609760	Kon Plông	1611071	610570	Kon Plông	0,97	